

MỘT NGÀY GIÔNG TỐ

An eventful day

Tôi không có tham vọng trở thành một nhà văn, mà chỉ là một nạn nhân của chế độ. Sau đây là những diễn biến được hồi tưởng lại lộn xộn, đơn sơ của cuộc đời tôi và đôi nét về xã hội.

Mục lục

HỒI KÝ.....	12
HỒI MỘT – Quê hương.....	12
I Thời kì kháng chiến chống Pháp.	12
II Thời kì cải cách ruộng đất.	29
III. Những năm tháng đến trường gian nan và tủi nhục.	43
HỒI HAI – Hà nội	66
I Những người thân	67
II Năm năm nối tiếp.....	80
HỒI BA – Nhà tù	170
I Hoả lò.	170
II Trại cải tạo Anh thịnh	185
III Trại cải tạo Vĩnh quang.	243
HỒI BỐN – Ngày về.	293
KẾT THÚC.	308

Chuông đồng hồ hàng xóm điểm mười hai tiếng, Nam mới buông màn. Anh không sao ngủ được, buồn bã triền miên suy nghĩ. Nam không còn cha mẹ, không có anh em, không người thân thích, cuộc đời vất vả nghèo xơ xác. Tuổi ngoại bốn mươi, anh vẫn chưa có tổ ấm gia đình. Nghĩ đến cảnh ngộ đó, lòng anh như se lại, buồn da diết, những kỉ niệm thân thương trong quá vãng như hiện ra trước mắt anh.

Quê anh, một làng ven sông Hồng, huyện Hưng nhân, tỉnh Thái bình. Anh là đứa con một của gia đình, lúc lên hai tuổi, anh mồ côi mẹ. Năm 1947 cha anh mắc bệnh hiểm nghèo, ông vội vã ra đi không một lời dặn lại. Năm ấy, Nam mười ba tuổi. Ông Dương, chú ruột anh từ Hà nội về, cùng với thầy Lãm, bạn thân của cha anh, đã làm tang cho người chu đáo. Sau đó, chú anh bán tài sản của gia đình và đưa anh lên Hà nội. Vài ngày trước lúc đi, thầy Lãm nói: “Nếu ông cho phép, tôi sẽ nuôi dưỡng cháu Nam”. Nhưng ông Dương trả lời: “Cảm ơn thầy! Nay bố mẹ cháu không còn, việc lo cho cháu thành nhân là trách nhiệm của tôi”. Những ngày đầu xa cách, Nam lưu luyến quê hương, có lúc khóc một mình, nhớ thương cha mẹ, thương thân phận mình, một đứa con côi. Anh nhớ mái trường với những hàng cây rợp bóng, nhớ dòng sông gầm gừ, cuộn cuộn đổ nước ra biển Đông. Và đặc biệt, nhớ những kỉ niệm thơ ngây, êm ấm bên Bích Hằng. Hằng là con gái thầy Lãm, Nam hơn Hằng một tuổi. Hai đứa chơi với nhau từ thuở nhỏ, chia nhau từng cái bánh, từng trái ngọt. Ngày đi học, hai đứa cùng cắp sách vở đến trường, ngồi bên nhau. Nghỉ hè, hai đứa vẫn tút tít bên nhau như hình với bóng. Trong độ tuổi thơ ngây ấy, có lần Hằng nói: “Chúng ta sẽ chơi với nhau mãi nhé!”. Cả làng, ai cũng biết và khen ngợi tình bạn của đôi trẻ nhỏ. Họ thường bảo nhau: “Tình bạn của Lan và Diệp”.

Cuối năm 1952, Nam xin phép chú về thăm quê. Nơi anh ăn, nghỉ những ngày ở quê là gia đình Hằng. Cả nhà dành cho Nam một nguồn tình cảm êm đềm, triu mến: thầy Lãm quý Nam như con đẻ, anh Lâm (anh của Hằng) mến anh như em ruột. Còn Hằng, năm ấy đã mười bảy tuổi, đối với Nam, cô không còn vẻ tự nhiên như ngày xưa nữa, rụt rè, e thẹn, thỉnh thoảng liếc nhìn Nam với ánh mắt long lanh, duyên dáng.

Một tuần trôi qua nhanh chóng, ngày hứa với chú về Hà nội đã đến, Nam chia tay mọi người. Hằng tiễn chân Nam một chặng đường dài. Sau giây phút im lặng vì nghẹn ngào, xúc động, Nam nhắc lại câu nói của Hằng ngày trước: “Chúng ta sẽ chơi với nhau mãi nhé!”.

Bỗng Hằng khóc thút thít xen lẫn lời oán trách:

- Ai bỏ ra đi để mỗi người một ngả?

Nam cũng rung rung lệ, anh nói:

- Chẳng sao Hằng ạ, hữu duyên thiên lý cũng là... Nếu không có em, đời anh cũng không còn hạnh phúc.

Đến chỗ chia tay, Hằng siết chặt tay Nam, cô run run, giọng thì thầm như nói với mình:

- Trên có trời, dưới có đất chứng giám thay cho kỉ vật, em nguyện yêu anh – một tình yêu sắt son chung thủy.

Hằng đứng nhìn Nam đến khi khuất bóng.

(Chuông đồng hồ điểm một giờ)

Từ đó, họ năng viết thư cho nhau, mỗi tháng đến hai ba lá. Biết hai đứa yêu nhau, gia đình thầy Lãm rất hân hoan, cho rằng con gái mình đã có nơi đẹp đôi vừa lứa. Riêng thầy Lãm còn thêm một niềm vui khác: Giữ trọn lời ước hẹn với người bạn thân quá cố. Thầy nói với con gái, giọng đầy trù mến: “Hạnh phúc của con là ước mong của bố, làm cho người bạn được ngậm cười nơi chín suối”.

Hai người chưa chung sống, dường như hạnh phúc đã đến với họ. Họ tung bừng hoan hỉ với những giấc mơ tuyệt đẹp; ngày tháng như trôi đưa, họ đọc thư của người yêu, họ viết thư trả lời. Trong giờ phút ấy, họ khắp khởi mừng thầm, chờ đón một tương lai tươi sáng. Có lúc, Hằng khóc thầm vì hạnh phúc, có lúc Nam cười một mình, trái tim như bốc lửa đập rộn ràng.

Hai năm sau, 1954, hiệp định Geneva được kí kết, Hà nội sôi động, mọi người xôn xao bàn tán: đi hay ở lại? Nhiều gia đình tất tưởi bán cho nhanh hàng hoá, tài sản để đi Nam. Trong khi đó, gia đình ông Dương vẫn bình chân như vại, mặc những lời xì xào, bàn tán, ông tin một điều là đất nước đã hoà bình, độc lập, sau khi tiếp quản thành phố, chính quyền cách mạng sẽ mang lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Rồi đây kinh tế sẽ phát triển, thương nghiệp được mở mang, ông là nhà doanh nghiệp còn ngại ngần gì?

Biết chú không đi Nam, Nam vô cùng sung sướng. Đầu tháng mười anh viết thư cho Hằng để báo tin vui: Chú anh ở lại.

Thật trớ trêu, thư Nam chưa kịp gửi thì bạn của chú anh từ Sài gòn ra. Vừa bước chân vào nhà, ông ta đã nói:

- Tôi ra đây không phải chỉ để thăm ông mà báo một tin quan trọng.

Tin gì? – Ông Dương sừng sốt hỏi. Sau khi ngồi vào ghế, ông bạn tiếp lời:

- Có lẽ ông không có ý định đi nên mới ổn định thế này? Ông có biết sau này chính quyền cách mạng cấm buôn bán không?
- Tôi cũng được nghe nhưng không tin.
- Nếu ông không tin người thì hãy nghe tôi, hàng nghìn dặm đường đến đây là vì tình bạn. Sau này mọi người dân đều phải đi làm, nông thôn làm ruộng, thành phố làm nghề. Còn thương nghiệp nhà nước độc quyền, kể cả buôn bán mắm muối, rau dưa...

Ngừng một lát, ông ta lại tiếp:

- Không còn thời gian phân giải nữa, ông hãy thu xếp mà lên đường. Đến mừng mười này, họ tiếp quản thành phố, nếu chậm ông muốn đi cũng khó.

Ông Dương vốn tin ông bạn này như Không minh tái thế, nghe xong ông vui vẻ nhận lời.

Ngay sau khi ông bạn ra sân bay, ông Dương gọi vợ và hai con gái gói ghém hành lý, chuẩn bị lên đường. Riêng Nam bàng hoàng như người lên cơn sốt. Trong khi cả nhà đang tíu tít thu dọn thì anh thờ ơ đứng bên song cửa nhìn ra ngoài đường phố.

Thấy thế, ông Dương đến vỗ vai Nam, hỏi:

- Cháu không muốn đi à?

Nam quay lại nhìn chú, anh nói giọng ghen ngào:

- Chú cho phép cháu được ở lại.
- Anh đã lớn, tuy anh quyết định nhưng tôi muốn anh cùng đi, một là làm tròn trách nhiệm của tôi với anh, hai là... Sau vài giây im lặng, ông Dương

thở dài: – Vả lại chú chỉ có Tuyết, Mai đều là gái. Do vậy chú muốn cháu là con nuôi.

- Thừa chú! – Nam tiếp lời – cháu không dám bỏ bỏn phận của mình. Song, nếu phải xa Hằng, cháu sẽ buồn mãi mãi. Và người con gái ở quê ta bao giờ mới hết khổ đau? Nhân tiện, cháu xin hỏi chú, xưa nay chú vẫn có cảm tình với cách mạng, chỉ vì ý kiến của một người làm chú thay đổi hẳn. Theo ngu ý của cháu, hàng nghìn năm dân tộc sống trong cảnh lầm than cơ cực, ngày nay mới có độc lập, chả lẽ chính quyền cách mạng vẫn đi theo vết đường mòn của lịch sử, người dân lương thiện vẫn không được tự do, no ấm?

Nghe Nam nói, ông Dương tán thưởng gật đầu:

- Chú cũng nghĩ như vậy nhưng họ cấm buôn bán thì gia đình này biết làm gì để sống? Cháu ạ, trong cái chung của xã hội lại có cái riêng. Có thể chú trong

số cái riêng ấy. Chú biết rằng, ra đi sẽ mang tiếng là người không yêu nước, thôi cũng đành, trước hết phải có kế sinh nhai.

Dứt lời, ông Dương lại đi thu xếp, còn Nam vẫn băng khuâng nhìn ra ngoài đường phố.

Sáng mùng tám tháng mười, gia đình ông Dương gồng gánh ra đi. Trước giờ chia tay, ông Dương cho Nam bốn nghìn đồng và một dây chuyền vàng năm chỉ. Ông nói:

- Tài sản trong nhà này tất cả là của cháu. Sẽ có ngày chú cháu mình lại gặp nhau

Ông siết chặt tay Nam, anh tiễn đưa chú một quãng đường rồi quay lại.

(Chuông đồng hồ điểm hai tiếng)

Anh bước chân vào nhà, bầu không gian im lìm trống trải, gió thu nhẹ nhàng bay qua song cửa, lòng anh buồn man mác. Từ nay anh xa cách chú, người ruột thịt duy nhất còn sống mà biết bao giờ gặp lại? Hơn bảy năm chung sống, gia đình chú để lại cho anh bao kỉ niệm thân thương. Chú đã coi Nam như con đẻ.

Sực nhớ đến Bích Hằng, Nam lấy thư chưa gửi trong túi ra đọc lại và viết cho người yêu thư khác.

Hà nội ngày 8 – 10 – 1954.

Bích Hằng, em thân yêu! Cách đây hai ngày anh viết cho em để báo tin vui nhưng chưa kịp gửi thì tin ấy trở thành ngược lại. Gia đình chú anh hôm nay đã đi Nam, người ruột thịt duy nhất của anh từ rày xa cách. Tuy nhiên, anh vẫn cảm thấy mình tràn đầy hạnh phúc mỗi khi nghĩ đến em. Và tin rằng ngày vui của chúng ta không còn xa nữa. Trước mắt, anh hân hoan chờ đón ngày Đảng và chính phủ về tiếp quản thủ đô. Hà thành ngàn năm văn hiến bước sang trang sử mới – trang sử độc lập, tự do sau hàng ngàn năm nô lệ. Rất tiếc ngày vui ấy lại thiếu vắng em...

Anh đang mơ mộng thì tiếng chuông điện rung lên. Anh lật đặt ra mở cửa, khách đến nhà lại chính là người anh đang mong nhớ. Nam bồi hồi xao xuyến, tim đập mạnh. Hằng bước vào nhà, Nam muốn ôm lấy cô để thoả lòng mong ước.

Nam dắt Hằng ngồi vào ghế. Hằng hỏi:

- Nhà đi đâu vắng cả?
- Gia đình chú vừa đi Nam buổi sáng. Để báo tin cho em, anh đã viết hai lá thư. Thư này đang viết thì em đến.

Nam đưa thư cho Hằng, anh nói tiếp

- Cả nhà này là của chúng ta, chú đã cho anh.

Hằng như không nghe lời Nam nói, đọc xong thư, Hằng thì thầm:

- Ở quê, người ta nói Hà nội đi Nam đông lắm. Vì vậy em lên đây để biết tin anh. Anh ở lại làm em vui mừng khôn xiết và được sống trong hi vọng.
- Sau khi chú đi Nam – Nam tiếp – Anh vô cùng buồn nhớ. Buồn vì từ nay xa chú. Và nhớ là nhớ em thôi. Em có thể ở lại đây mấy ngày không? Thứ nhất chia sẻ với anh nỗi cô đơn. Và sau là cùng anh chào đón Đảng và chính phủ về tiếp quản thủ đô.

Hằng cười và nói:

- Sao anh lạ lùng thế? Em ở lại để chịu tiếng mĩa mai suốt đời?
- Thế thì ngày mai hãy về có được không? – Nam khản khoản.
- Bây giờ em phải về anh Nam ạ – Hằng an ủi – sống chung là điều cùng mong ước nhưng chưa cưới mà làm như vậy còn gì là phẩm hạnh?

Cô vỗ vai Nam nói tiếp:

- Sau ngày hợp hôn em xin hết lòng chiều anh nhé, còn bây giờ em xin phép được tạm biệt.

Nam thất vọng, buồn bực nhưng nghĩ đến ngày sum họp, anh đổi giận làm lành. Anh mở vali lấy gói vàng để khoe:

- Bán nhà ở quê được một lạng, sáng nay chú cho anh năm chỉ. Số vàng này anh định chi dùng vào ngày cưới.

Ngừng một lát, Nam tiếp:

- Chờ xã hội ổn định, anh sẽ kiếm việc làm cho cả em nữa nhé!

Lúc chia tay, hai người đều khóc, cùng rơi những giọt lệ của tình yêu nồng thắm. Hằng ghen ngào nói: – Em sẽ xin phép bố mẹ cho chúng ta thành hôn trước tết.

Ngày 10 – 10, Nam mặc bộ complet, bộ đồ chú Dương may cho anh trong dịp tết vừa qua, anh chưa mặc lần nào. Nam ung dung ra bờ hồ Hoàn Kiếm, hoà nhập vào dòng người cùng cờ hoa rực rỡ tung bay để chào đón đảng, bác Hồ, chính phủ và đoàn quân cách mạng rầm rập tiến quân vào tiếp quản thủ đô.

Nam không ngờ sau ngày vui ấy, niềm hân hoan của anh bị gặm nhấm dần và nỗi buồn liên tiếp đến. Hơn một tháng sau, hai cán bộ cách mạng đến nhà anh nói:

- Chúng tôi thay mặt chính quyền cách mạng báo cho anh biết gia đình ông Dương đã đi Nam, anh chỉ là người cháu sống nhờ. Từ nay nhà nước quản lý ngôi nhà này.

Nam van xin mãi, họ mới cho ở một gian nhà để chứa hàng đạo trước. Còn lại dành cho một gia đình cách mạng từ chiến khu về. Gian nhà của anh phía trong, không có cửa sổ chỉ có một cánh cửa ra vào. Khi đóng cửa lại, trong nhà kín như bưng.

- Mùa hè mới khổ đây – Nam buồn bã nói một mình.

Gia đình cách mạng mới dọn đến có bốn người, ông chồng ngoài năm chục tuổi, thấp bé, da sạm nắng, khuôn mặt choắt, cặp mắt lim dim như người đang buồn ngủ, tiếng nói trọ trẹ vùng Nghệ tĩnh. Ông khoác áo bông – một áo Nam chưa thấy bao giờ, chân đi đôi dép lốp. Bà vợ trạc tuổi chồng, răng đen, đầu vấn khăn, chân thô và cẩu ghét như chân trâu. Hai đứa con, một trai một gái đều quần nâu áo vải.

Thoáng nhìn, Nam cũng biết rằng, đây là một gia đình nông dân nghèo khổ, lam lũ. Có lẽ những quyền hành quan trọng sẽ trong tay những người này? Kể cũng lạ, người nông dân chỉ quen cày cuốc, nếu nắm quyền lãnh đạo họ sẽ làm được gì để phát triển kinh tế, văn hoá cho xã hội?

Gia đình kia cũng coi Nam như người xa lạ. Có lần ngồi trong nhà, anh nghe họ nói chuyện với nhau:

- Anh chàng này như dân tiểu tư sản ấy? – Bà vợ hỏi.
- Còn phải bàn – Ông chồng trả lời – Ngừ ấy cách mạng không đáng tin cậy. Đảng ta thật vô cùng sáng suốt dựa vào giai cấp nông dân để đánh đổ thực dân, phong kiến. Sắp tới, ở nông thôn toàn miền Bắc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng nông dân lại vùng lên đánh đổ bọn địa chủ, cường hào và phản động, thực hiện người cày có ruộng, xây dựng đất nước văn minh với khoa học và kỹ thuật tiên tiến. Bọn trí thức tiểu tư sản không đáng giá một xu cho cách mạng.
- Ông quên rồi – Bà vợ tiếp – còn giai cấp công nhân nữa chứ!
- Bà nói đúng! Ở Liên xô, công nhân là lực lượng chính. Còn ở nước ta, chín mươi năm phần trăm là nông dân, nên trở thành lực lượng nòng cốt. Vì thế Đảng mới dạy: công nông liên minh...

Nghe nói, Nam ngơ ngác chẳng hiểu gì, không biết ai đã nhồi nhét vào đầu óc họ những từ chính trị cao siêu thế.

Ông Dương là người có học, sau khi đỗ diplome ông mới đi buôn bán. Ông hay đọc truyện, nhất là văn học Pháp và văn chương của nhóm tự lực văn đoàn. Có vài chục cuốn sách truyện, ông không mang đi theo. Nam đã đưa số sách ấy vào gian nhà mình nhưng còn thiếu vài cuốn chưa tìm thấy.

Gia đình kia chuyển đến sau một ngày, đưa con lớn mang trả lại sách cho anh và nói:

- Bố em bảo đưa cho anh những cuốn sách này. Toàn là sách in bằng ngôn ngữ đế quốc, anh nên đốt đi.
- Cảm ơn – Nam nói.

Thực ra sách của chú anh để lại, anh chỉ đọc được mấy cuốn bằng tiếng Việt. Còn sách tiếng Pháp anh lồm bồm câu được, câu chẳng. Chú anh bảo, đây là sách của chủ nghĩa lãng mạn.

Tối Noel năm ấy, trước khi đi chơi, Nam viết thư cho Bích Hằng

Hà nội ngày 24 – 12 – 1954

Bích Hằng em! Đã hơn hai tháng anh không nhận được thư em, lại gặp nhiều chuyện không vui nên tối nay anh mới viết cho em.

Hiện nay, nhà của chú Dương cho chúng ta đã bị nhà nước quản lý, chỉ còn lại một gian. Cuộc sống chung đụng với gia đình khác, anh không còn thoải mái như xưa nữa. Chẳng những thế, xã hội có nhiều thay đổi đến lạ lùng, anh không hiểu nổi. Anh linh cảm thấy mình đã quan niệm nhầm về chính quyền cách mạng. Anh nhớ em, nhớ lắm, rất mong thư em để đón tin vui.

Anh gửi lời kính thăm thầy mẹ, vợ chồng anh Lân, kính chúc toàn gia mạnh khỏe, gặp nhiều may mắn, cháu Hải ngoan. Gửi em cái hôn nóng bỏng.

Người cô đơn của em: Nam

Gần mười giờ đêm, anh bỏ thư vào hòm bưu điện và dạo chơi bên hồ Gươm, chờ lễ Noel ở nhà thờ Lớn.

Anh về nhà đã hơn một giờ, cửa ngoài đóng chặt. Khô nổi gian nhà anh lại ở bên trong, anh bấm chuông điện một hồi lâu, ông cán bộ mới ra mở cửa. Ông ta hần học nói:

- Anh đi đâu lần sau phải về cho sớm. Nếu muộn như hôm nay, phải tìm chỗ khác mà ngủ nhờ.

Nam nổi khùng:

- Đây là nhà tôi, ông không có quyền ngăn cấm
- Mày nói lại nghe – Ông ta nói to như quát lên – Nhà của mày à? Nhà nước thu của đứa đi theo giặc cấp cho tao. Nếu mày còn láo, tao sẽ có biện pháp trị tội mày.
- Nhà của chú tôi mua bằng mồ hôi, nước mắt, các ông định ăn cướp à?
- Được mày sẽ biết – Nói xong, ông ta ra báo đồn. Ngay đêm hôm đó, Nam bị bắt và bị thu hết sách vở với tội danh xúc phạm cán bộ, lưu trữ sách của thực dân phong kiến. Nửa tháng sau, anh mới được tha. Việc làm mới xin được ở nhà máy điện Yên phụ cũng mất.

(Chuông đồng hồ, điểm ba tiếng)

Anh hoảng sợ như gà phải cáo. Buổi tối anh không dám đi đâu nữa. Một buổi tối, anh sắp viết thư cho người yêu để khuây khoả nỗi buồn thì nhận được điện của Bích Hằng báo tin mẹ chết.

Sáng hôm sau, Nam dậy sớm đi ô tô nhưng về đến quê thì tang lễ mẹ Hằng đã xong từ chiều hôm trước. Gặp Nam, Hằng chỉ khóc. Lúc chia tay, giọng Hằng nghẹn ngào trong tiếng nức:

- Thế là anh phải đợi em ba năm nữa.

Nam lặng lẽ gật đầu. Trở về Hà nội với tâm trạng u buồn, thất vọng, hạnh phúc của tình yêu tưởng chừng trong tầm tay với nay lại trôi đi một chặng xa xôi. Tình bạn của anh cũng bị xói mòn, mấy người trước kia thường lui tới, từ ngày có gia đình cách mạng, họ không dám đến nữa. Nhất là buổi tối, anh lặng lẽ, âm thầm một mình một bóng.

Mùa hè năm 1955, Nam về quê thăm Hằng và gia đình thầy Lâm, đến đầu làng gặp mấy người du kích quen anh, họ cản lại:

- Gia đình con Bích Hằng là địa chủ đại gian, đại ác và phản động, anh đừng đến nữa. Nếu không nghe chúng tôi, anh mắc tội liên quan, đội không tha đâu.

Nam lùi thui lên ô tô về Hà nội, anh tự hỏi:

- Gia đình Hằng mấy đời dạy học, có quan hệ gì với ruộng đất mà là địa chủ? Thầy giáo bỗng thành đại gian, đại ác và phản động được sao?

Đang trong cảnh cô đơn, anh còn một ước mong duy nhất là chờ đợi niềm vui trong tổ ấm gia đình nay cũng đã bị dập vùi tàn nhẫn.

Hai tháng sau, gặp người cùng quê trên đường phố cho anh biết, gia đình Hằng không còn ai nữa. Riêng Bích Hằng mất tích, có tin cô nhảy xuống sông Hồng tự tử. Như sét đánh ngang tai, anh chạy về nhà nằm vật ra giường khóc như đứa trẻ. Chưa đầy một năm, nếm mùi độc lập, tự do không ngọt ngào như anh đã tưởng, sao mà đắng cay đến thế? Đồng thời anh nhận được thiệp của chú Dương gửi ra báo tin gia đình vẫn bình an.

- Biết trước thế này, anh đã rủ Hằng cùng đi với chú – Nam ngao ngán nghĩ.

Từ đó tinh thần anh suy sụp. Số tiền và vàng Nam đã ăn tiêu gần hết, mãi đến đầu năm 1958, anh mới kiếm được việc làm ở nhà máy nước.

Hạnh phúc đã đến với gia đình ông cán bộ, người nhà ông thay da, đổi thịt. Chẳng những thế, ông đang làm cách mạng thời trang. Bà vợ đã bỏ khăn vấn trên đầu, buông tóc xoã lưng, mặc áo cánh trắng và quần lụa thẫm Nam định, chân trâu cẩu ghét của bà nay đã đặt lên đôi dép Thái. Hai đứa con cũng mặc theo mốt thị thành. Tuy vậy, dù có làm một cuộc cách mạng về tư duy, con tim, khối óc của ông không thể đi xa hơn bản chất của người nông dân vô học, hẹp hòi.

Không thể chịu nổi cuộc sống chung đụng, mất tự do được nữa, Nam yêu cầu ông cán bộ tìm cho anh nơi ở khác. Mong muốn của anh được đáp ứng, anh đã chuyển đến nửa gian nhà lợp lá trong ngõ, gần bến xe Kim liên.

Phải chăng số phận anh đã định? Mặc những thay đổi điên cuồng của xã hội: nào là công tư hợp doanh, cải tạo tiểu thương; nào là bắt đầu công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa với kế hoạch năm năm lần thứ nhất; nào là đưa người đi xây dựng vùng kinh tế mới, làm Hà nội trong sáng như pha lê... Rồi đến giai đoạn chiến tranh sơ tán. Hai mươi năm qua, cuộc sống của anh luôn luôn như thế ấy, cứ trôi đi chậm chạp như một dòng nước đục. Mỗi lần nghĩ đến Bích Hằng là một lần anh lại quặn đau. Anh không đủ nghị lực để yêu người khác mặc dù có nhiều phụ nữ say mê, yêu thầm, nhớ trộm dáng người tao nhã và giọng nói chứa chan tình cảm của anh. Phải chăng ngọn lửa của mỗi tình đầu đã nung trái tim anh thành đá và nguội lạnh dần theo năm tháng của cuộc đời?

Sau ngày giải phóng Sài gòn, anh hi vọng gặp lại chú Dương. Hai lần anh gửi thư cho chú nhưng chẳng được hồi âm. Gần đây anh mới được tin gia đình chú Dương đã di tản ra hải ngoại.

- Thôi hết rồi, còn chi nữa? – Anh kêu lên.

(Chuông đồng hồ, điểm bốn tiếng)

Như trải qua cơn ác mộng dài, anh bừng tỉnh và vùng dậy ra ngoài. Men theo ngõ nhỏ, anh ra bên Kim liên mua thuốc lá.

Bầu trời vắng vặc đầy sao, ánh trăng lưỡi liềm chênh chếch soi tỏ một gương mặt cô đơn, buồn thảm. Những ngọn cây im lặng, một mối không muốn vẫy chào đón gió. Anh lang thang trên vỉa hè đường Nam bộ về phía ga hàng Cỏ. Qua ngã tư Khâm thiên – Nguyễn thượng hiền khoảng một trăm mét anh nhặt được một tập giấy viết tay. Dưới ánh điện mờ, anh mở ra xem, tập giấy viết có đề đầu là hồi ký. Đọc lướt mấy trang, anh gấp lại nói một mình:

- Tài liệu tố cáo tội ác của chế độ à?

Sợ liên lụy, anh toan vứt nó đi nhưng do tính tò mò đến chỗ có ánh điện sáng hơn, anh mở nó ra đọc tiếp.

“...Cuộc tình duyên của chị và anh Nam sắp đến ngày thành vợ, thành chồng thì...” Anh sững sốt tự hỏi:

- Sao lại liên quan đến mình và có thể là Bích Hằng?

Anh đi nhanh về nhà. Lúc đó trời chưa sáng, anh bật đèn đọc từ đầu tập hồi ký ấy.

HỒI KÝ

Cách đây sáu năm, tại một địa ngục trần gian trong rừng núi tỉnh Vĩnh phú, bạn tôi vội vã ra đi, vĩnh biệt kiếp người. Trong giây phút hấp hối, Khoa thều thào “...hãy nhớ và ghi lại cái chết thê thảm này cùng những năm tháng bất hạnh...”

Tôi vừa thoát khỏi cái địa ngục trần gian đó nhưng trong cảnh cá chậu chim lồng. Ngoài việc kiếm sống vất vả, tôi phải làm nghĩa vụ với người bạn quá cố. Nhân thể, tôi ôn lại cuộc đời mình, gia đình mình và những mảnh đời đã có thời tôi gần gũi họ.

HỒI MỘT – Quê hương

I Thời kì kháng chiến chống Pháp.

Tôi lên bảy tuổi vẫn chưa đi học. Quê tôi, từ ngày đảo chính vẫn chưa có trường. Ai muốn con em biết chữ phải đưa chúng đến nhà các thầy giáo làng, hoặc những gia đình giàu có gửi trẻ đi học ở thị xã, các thành phố Hà nội, Hải phòng, Nam định...

Hàng ngày tôi lêu lổng ra đường, sân đình cùng bọn trẻ chơi khăng, đáo, cù, bi... hoặc bịt mắt bắt dê, xia cá mè... Chiều tối sân đình vui như hội. Thiếu nhi tập hát

những bài hát cách mạng. Các cô, các chú thanh niên hát son đồ mi và nhảy với nhau từng đôi một. Điệu nhảy lạ lùng này được sinh ra ngay sau ngày đảo chính, chỉ tồn tại mấy năm thì chết yểu. Đó là sự kiện văn hoá mới mẻ quyến rũ tuổi trẻ, ai không biết hoặc không dám nhảy bị coi là phong kiến, lạc hậu. Tuổi trẻ đua nhau thành một phong trào rộng lớn nhưng cũng nảy sinh nhiều hiện tượng chẳng lành làm các cụ già phẫn nộ: chữa hoang nhiều nên mới có câu:

Người ta hy sinh vì nước vì non,

Con tôi lại chết vì son đồ mi.

Hồi đó, quê tôi chiến tranh chưa đến nhưng không khí chuẩn bị chiến tranh vô cùng náo nhiệt, ngoài những cụ già và trẻ nhỏ thu gọn quần áo, đồ dùng chuẩn bị đi sơ tán, còn lại thanh niên, phụ nữ và tuổi trung niên nô nức tham gia lực lượng tự vệ, du kích. Họ tập luyện ngày đêm. Chiến tranh đến gần, ngày nào tôi cũng được nghe nhiều chuyện “giật gân”: Anh họ tôi ra tỉnh chơi không về nữa; Đang đêm, bác họ tôi bị bắt; ông chú họ mẹ tôi cùng cậu con trai mười tuổi bị lôi cổ đi lúc đang ngủ trên giường... Chuyện như thế diễn ra liên tục ở nhiều nơi. Nghe đâu, chính quyền cách mạng cho những người này tắm mát ở vùng Đồng xâm – vùng nước sâu, chảy xiết ở sông Trà lý. Những nạn nhân biến thành mồi cho cá áy bị nghi ngờ sẽ theo địch hoặc một vài câu nói không hợp với thính giác của chính quyền. Trong thời đó những người câm và điếc mới đoán chắc được sống bình an với cách mạng mà thôi.

Một buổi tối, tôi ra sân đình không có trò vui như thường lệ. Vài chục du kích trong xã xếp hàng đôi, mỗi người cầm một thanh mã tấu, vẻ mặt của họ đầy sát khí. Đêm ấy họ đi chiến đấu, đánh vào nhà thờ CM – “bọn phản động đội lột thiên chúa giáo”. Sáng hôm sau, đội du kích ấy lại tập hợp ở sân đình. Dưới ánh nắng chói chang, quần áo, đầu tóc, chân tay và thanh mã tấu của từng người những vết máu còn bám vào loang lổ. Họ đang nghe người chỉ huy tuyên dương thành tích chiến đấu của họ.

...Đội chúng ta nhận nhiệm vụ tấn công vào ổ đề kháng mạnh nhất của địch. Chỉ sau mười lăm phút lực lượng ta đã đè bẹp kẻ thù. Với lòng căm thù sâu sắc, với ý chí chiến đấu ngoan cường và với lập trường giai cấp vững vàng, chúng ta đã xông lên tiêu diệt quân thù ngay trong hang ổ của chúng. Tôi thay mặt uỷ ban kháng chiến hành chính xã và ban chỉ huy xã đội biểu dương chiến công vẻ vang của các đồng chí. Đặc biệt là chiến công của đồng chí Vương Viễn. Mời đồng chí Viễn lên tường thuật lại thành tích của mình.

Vương Viễn dáng người to đậm, cặp mắt lim dim, hum húp, nháy liên hồi. Bố Viễn mất sớm, mẹ Viễn không nuôi nổi đàn con dại nên Viễn phải đi ở từ nhỏ. Đến tuổi trưởng thành, được công nhận quyền công dân và được chia ruộng, Viễn về nhà và tham gia vào du kích. Viễn đứng lên nói:

- Như các đồng chí đã biết, gia đình tôi nghèo khổ quá, tôi phải đi ở cho bọn nhà giàu, vừa thoát khỏi cảnh đó mấy tháng nay. Nếu không có cách mạng, nếu không có đảng, tôi không được quyền giết một con gà. Nay nhờ ơn cách mạng, nhờ ơn đảng, bác, tôi mới được giết người, giết bọn phản động. Sau khi đê bẹp lực lượng của địch, tôi xông vào từng nhà chém giết không tha một tên nào. Vũ khí này – Viễn giơ thanh mã tấu đã quần lên quá đầu, múa một vòng trên không – khi đã tiêu diệt mười ba tên địch, tôi xông vào một nhà khác. Thằng chồng hoảng sợ định lẫn trốn, tôi chém một nhát, đầu y lìa khỏi cổ. Con vợ có thai sắp đẻ quỳ xuống van xin tha chết, tôi phát ngang thanh mã tấu, mụ ngã xuống giãy giụa. Cái thai đứt thành hai đoạn tung ra ngoài bụng mụ. Còn hai đứa con của chúng: thằng con trai khoảng lên năm, đứa con gái khoảng lên ba, tôi cũng cho mỗi đứa một nhát vào đầu. Tôi đến nhà cuối cùng, mấy tên giặc trẻ đã bị đèn tội ngoài sân. Trong nhà, hai vợ chồng giặc già đang ngồi trên giường lấm lét đọc kinh. Nhìn thanh mã tấu đã quần, tiện chiếc chày giã cua dựa góc nhà tôi giáng cho mỗi đứa một cú vào đầu. Thế là xong việc. Rất tiếc khí thế chiến đấu đang bốc lên hùng hục thì hết kẻ thù.
- Tiêu diệt những tên giặc nhỏ – Người chỉ huy hỏi – đồng chí có ý nghĩ gì không?
- Tôi không nghĩ gì cả – Viễn trả lời – tôi chỉ nhớ lời dặn của cấp trên, bọn phản động như đám cỏ dại mọc lẫn trong một vườn hoa, muốn làm sạch cỏ phải đào tận gốc.
- Các đồng chí ạ! – Người chỉ huy tiếp – hai đứa con nhỏ của vợ chồng tên phản động cũng như đứa con chưa ra đời của chúng giống như mầm cỏ dại mới mọc. Nếu chúng ta không nhổ tận gốc thì làm sao sạch được cỏ! Còn lương lự, còn thương xót kẻ thù là lập trường cách mạng chưa vững vàng, chí căm thù chưa sâu sắc, chúng ta không thể hoàn thành nhiệm vụ đảng giao...

Lúc đó, chị tôi – chị Hoa gọi tôi về. Từ hôm ấy bố tôi không cho tôi đi chơi nữa. Người nói: – Nhỏ tuổi, cái hay không được học, lại nghe những chuyện chém giết người rồi tính tình con sẽ ra sao? Từ nay con ở nhà chơi, bố cấm con ra đường.

* *

*

Địch sắp đến làng, giai đoạn đầu lực lượng vũ trang gài mìn, đào hố đặt bẫy chông rồi xuống hầm bí mật. Nhân dân di dời tản, bồng bế con nhỏ, gồng gánh lương thực, quần áo và một số đồ dùng cần thiết ra các trại ở giữa cánh đồng tránh bom đạn nếu chiến sự nổ ra.

Bị o ép mạnh, làng tôi phải lập tề – tề ám ố do sự chỉ đạo của chính quyền cách mạng. Địch thường xuyên đến làng xục xạo vào nhà dân để tìm kiếm việt minh, du kích. Một hôm thăng quan một thấy mặt chị Hoa – một cô gái có nhan sắc, hấn mê. Từ đó, mỗi lần hành quân vào làng, hấn lại đến nhà tôi.

Hai đêm liền, cứ đến canh ba, con chó vàng lại sủa điên cuồng. Nó hướng về bức tường có cổng ra đường, lòng lộn sủa từng hồi làm cả nhà tỉnh giấc và lo lắng. Nó báo động một tai họa có thể xảy ra. Một buổi sáng, trời còn chạng vạng, Vương Viễn và hai du kích đến nhà, mỗi đứa cầm một thanh mã tấu. Viễn nói:

- Đã có lệnh cấm chó, sao nhà mày còn để. Chúng tôi theo lệnh cấp trên chém chết nó ngay.

Con vàng hình như nhận được đối thủ của nó trong hai đêm trước, nó xông vào Viễn sủa dữ dội. Nó không biết chúng giết nó bây giờ. Thương con vàng tôi định kêu lên:

- Vàng ơi, mày chạy đi kéo chết, nhưng chậm rồi. Nói xong Viễn chém đứt một chân trước, con vàng kêu oăng oăng, nó nhìn tôi như muốn cầu cứu. Viễn bồi thêm một nhát vào đầu, Vàng giãy giụa và tắt thở. Nó chết vì tội hai lần báo động cứu chủ. Thương con vàng quá, tôi ôm lấy nó khóc nức nở. Cả nhà, ai cũng rơi lệ vì thương tiếc nó. Mười năm qua nó sống trung thành với chủ và khôn hiểm thấy. Ban ngày, khi có người ở nhà vàng không bao giờ sủa khách. Vàng không cho ai lấy cái gì nếu chưa qua chủ. Một hôm nghe tiếng pháo nổ gần, cả nhà chạy xuống hầm. Ngay sau đó bà thím họ sang nhà mượn dầm, nia. Bà đến cửa hầm hỏi:
 - Bác cho em mượn cái dầm, cái nia. Có lẽ không nghe thấy tiếng người nhà trả lời nên khi thím mang về, vàng đuổi theo cắn dầm, nia lôi lại.

Khi Vương Viễn còn đi ở, qua ngõ thấy vàng nằm, hấn đá vào mõm vàng rồi bỏ chạy. Vài ngày sau đó, thấy Viễn đi qua, vàng từ trên tường nhảy chồm vào Viễn. Có

lẽ nó định cắn vào cổ Viễn nhưng hụt, vàng ngã lộn một vòng và tức khắc chồm lên cắn vào đùi Viễn.

Có hôm tôi ra sông tắm, vàng cũng đi theo. Khi về tôi gặp em trai Viễn – thằng Nội lớn hơn tôi, hăn có khuôn mặt hung hăn giống hết anh. Cậy có anh là con cưng của chính quyền, Nội ngáng đường tôi và dọa:

- Thằng Tâm, mày phải chấp tay lạy tao, tao mới cho về. Tôi chưa kịp đối phó thì Vàng từ xa chạy lại tấn công Nội. May ở sát điểm, Nội kịp trèo lên cái quá giang. Bực quá, tôi ra lệnh cho vàng nằm coi không cho Nội xuống và tôi về nhà. Đến bữa, thấy không có vàng, tôi mới sực nhớ ra, vội vã chạy đi gọi nó. Vàng vẫn kiên trì nằm gác “tù nhân”. Nội không về được vẫn đang ngồi trên chiếc quá giang và khóc. Vì việc này mà bố tôi bị chính quyền địa phương gọi lên trụ sở hạch sách một hồi. Họ buộc cho người xúi giục con gây rối an ninh. Khi gia đình đi sơ tán, vàng cũng đi theo trông nom tài sản.

Buổi chiều hôm ấy, khi bóng đã ngả dài, ngoài đường có tiếng súng và tiếng la ầm ĩ. Ngay sau đó, chú rể tôi – chú Nghiệm chạy vào nhà. Đoán biết chú bị truy bắt, bố tôi vội đưa chú vào buồng, nằm trong cút thóc, lấy cái nong đập lại và đóng cửa. Vừa xong thì mấy tên lính ập đến đòi khám xét:

- Có một tên Việt minh vừa chạy vào xóm này, gia đình cho chúng tôi tìm kiếm.
- Có ai chạy vào đây đâu? Bố tôi bình tĩnh trả lời.

May có tên quan một mê chị Hoa cũng đến, hăn nói:

- Bố già ơi, con đang đuổi bắt một tên Vi – xi, bố có thấy nó chạy vào đây không?
- Tôi không thấy.
- Thôi được, gia đình ta có mỹ nhân nên con nể không khám đâu. Nói xong, hăn ra lệnh cho lính ra khỏi nhà.

Khi hoàng hôn buông xuống, biết địch đã đi khỏi làng, bố tôi mới đưa chú Nghiệm ra ngoài. Mặt chú còn tái chưa hết cơn hoảng hốt. Chú nói:

- Bác không nhanh tay giúp em thì...

Tối hôm đó, chú Nghiệm ăn cơm và nghỉ tại nhà tôi. Chuông đồng hồ quả lắc thông thả điểm mười hai tiếng, bố tôi tỉnh giấc, nghe bên ngoài có tiếng động nhẹ.

Nhìn qua khe cửa thấy người nhấp nhô trên tường, người đánh thức chú Nghiệm dậy và nói nhỏ:

- Ở ngoài có người treo tường, có lẽ họ định giết tôi, nhờ chú giúp.

Chú Nghiệm ra sân nói:

- Các anh định làm gì đây?
- Ông là ai? – Vương Viễn hỏi.
- Tôi là Nghiệm, Vũ lắng.
- Chúng tôi bắt tên quan hệ với địch phải đền tội theo lệnh của cấp trên – Tèo gấu trả lời.
- Phải có chứng cứ rõ ràng, tôi cũng là cấp trên của các anh. Các anh chưa được hành động nghe chưa?

Nghe chú Nghiệm nói, bốn tên biệt động bỏ đi.

- Nếu không có tôi hôm nay thì... – Chú nói với bố tôi – Từ ngày mai, bác, cháu Quang và cháu Hoa khi địch đến phải đi nơi khác hoặc ra đồng làm. Nếu để họ nghi ngờ sẽ không tránh khỏi chết oan. Chú nói thêm:
- Đêm nay, trong số đó có Tèo gấu. Khi uống rượu say, nó có thể ăn cả thịt người. Thậm chí, nếu ra lệnh nó dám đâm đầu vào đồng lửa.

Vài ngày sau, ngày mùng mười tháng tư âm lịch – phiên chợ Nụ. Chợ họp từ mờ sáng, người mua, kẻ bán đi lại tấp nập rợp đường. là phiên chợ lớn của cả vùng, có đủ mọi mặt hàng trong sinh hoạt miền quê, khách thập phương đến bán hàng và mua sắm. Phiên chợ hôm ấy lại có một đại đội lính Tây, lính Việt từ bắt Rục dương hành quân đến. Đột ngột chiến sự nổ ra ác liệt. Bộ đội chủ lực huyện và du kích đánh độn thổ từ các bụi tre, bờ đừa hai bên đường xông lên chém giết kẻ thù. Nhưng lực lượng của đối phương mạnh và đông hơn, sau ít phút đã phản công lại. Bộ đội và du kích tìm đường tháo chạy. Cả hai bên và người đi chợ chết nằm la liệt.

Đến chiều, mẹ tôi, một anh và một em trai tôi không chịu đi sơ tán. Khổ nỗi, bố tôi, anh Quang, chị Hoa phải đi khỏi nhà từ mờ sáng thì còn ai bắt được mẹ phải nghe lời. Bốn chị em tôi vừa ra khỏi làng thì lính các đồn ập đến. Cuộc tàn sát đốt phá điên cuồng để trả đũa việc chứa chấp Việt minh và tề ám ố.

Khi mặt trời sắp lặn, anh rể tôi – chồng chị cả đến nơi sơ tán báo tin khủng khiếp: Mẹ, anh Thao, em Dũng bị lôi ra bắn ở ngã ba đường, nhà đang cháy. Trong cảnh vô cùng đau thương ấy lại lo địch quay lại nên người lớn trong gia đình cùng

người anh họ vội mai táng cho những thân nhân xấu số. Riêng mẹ tôi có quan tài bằng cánh cửa nhà đang cháy ghép lại, còn anh và em tôi phải bó chiếu. Một đồng người chết thê thảm không liệm, không có hương hoa, không kèn trống, không có họ hàng đưa đám. Khôn khổ những kiếp người là nạn nhân của chiến tranh!

Người Việt nam không bao giờ quên tám mươi năm đô hộ của thực dân Pháp. Lịch sử Việt nam khắc sâu cuộc chiến tranh xâm lược bẩn thỉu, đẫm máu của họ năm 1946 – 1954. Quân đội viễn chinh Pháp cùng lính đánh thuê trút bừa bãi bom đạn xuống đầu người dân vô tội. Càn quét đến đâu, gặp sự kháng cự của Việt minh, họ thực hiện tam quang: giết sạch, đốt sạch, phá sạch. Một cuộc chiến tranh xâm lược như vậy thất bại là điều tất yếu. Thời kì đó, đại đa số người Việt căm thù thực dân Pháp nhưng họ lại mơ hồ về Cộng sản. Với lòng yêu nước, họ đã ủng hộ chính quyền của ông Hồ để chống lại Pháp. Lịch sử Pháp chịu một vết nhơ không thể rửa sạch: một cuộc chiến tàn bạo và thất bại. Chẳng những thế, sau khi cuốn gói khỏi Đông Dương, người Pháp còn bỏ rơi hàng chục vạn người đã cộng tác trong cuộc chiến. Họ bị chính quyền CS tù đầy nghiệt ngã và con cháu của họ cũng bị hắt hủi, phân biệt đối xử có thể trọn đời không lối thoát. Sau này, trong lúc đã bình thường hoá quan hệ với CS, chính phủ Pháp vẫn làm ngơ, hoàn toàn vô trách nhiệm với những số phận trên. Điều đó còn chứng tỏ sự vô đạo lý của chính phủ Pháp.

* *

*

Bố tôi cao một mét tám mươi, dáng người thanh nhả, khuôn mặt trái xoan, cặp mắt sáng nhân hậu. Thừa nhỏ người có tên là Trắng, da của người tương xứng với tên gọi đó. Anh chị em tôi ít mang di truyền của bố, nói chung đều gầy yếu, thấp bé. Thừa nhỏ, bố tôi thông minh, học giỏi. Tuy nhiên, thừa ấy ở miền quê bố tôi chỉ lấy được bằng chứng nhận rồi bỏ học. Chữ nho tôi không biết người học đến đâu nhưng đọc được sách truyện Trung hoa như: lễ giáo Khổng mạnh, Đông chu liệt quốc, Hán Sở tranh hùng, tam quốc, thủy hử... Người vui tính hay kể chuyện. Người được nhiều người kính nể và dân làng yêu mến. Năm 1942, các chức sắc trong làng đưa bố tôi lên làm phó lý, lý trưởng, phó tổng và cuối cùng là chánh tổng vào năm 1944 do ông Vũ quy Mão, tri phủ Kiến Xương tín nhiệm.

Bố tôi đối xử và làm việc với dân làng lấy lễ giáo làm thước đo. Đương nhiên là lễ giáo phong kiến, lễ giáo Khổng mạnh, chữ đức của người đàn ông: tam cương, ngũ thường. Trong mấy năm làm kỳ hào phong kiến, bố tôi không làm điều gì thất đức. Tháng ba năm ất dậu, nạn đói hoành hành ở quê tôi, nhiều người bỏ mạng sinh ra nạn

trộm cướp nhiều. Bố tôi nói: “Thời nào cũng vậy, phải giữ kỷ cương, phép nước, có an ninh xã hội, nhưng mất mùa, đói kém mà người giàu không chịu bố thí, người ta cướp để ăn thì pháp luật cũng đành phải làm ngơ...”. Trong thời gian đó, bố tôi đã bỏ qua nhiều vụ cướp.

Ngày đảo chính, chính quyền cách mạng vào khám xét nhà tôi – một khu nhà rộng tuếch, chẳng có tài sản gì quý; ngoài mảnh vườn, không một thước tư điền. Cuộc sống của gia đình tôi sau cách mạng bằng hai nghề chính: – Nông nghiệp, cấy hơn một mẫu ruộng công, không đủ ăn phải lĩnh canh thêm; – Trồng rau nuôi tầm kéo sợi và dệt. Bố tôi yêu lao động, ngay thời gian còn làm quan phong kiến ngoài ngày giờ lên huyện, người vẫn ra đồng làm việc như mọi người nông dân. Bố tôi khéo tay làm việc gì cũng được: kéo tơ dệt vải, cắt may quần áo cho cả nhà, khâu bằng tay chứ không có máy. Người dạy các con phải siêng lao động, học hành và thường nói: “Cần kiệm là đức tính quý, ngăn chặn được nhiều thói hư, tật xấu”.

Về phương pháp dạy bảo các con, lúc nhỏ tôi cho rằng bố tôi hà khắc quá. Người luôn nói câu “Tiên học lễ, hậu học văn”, muốn thành người trước hết phải có đức. Uốn nắn cho con từng lời. Anh chị em trong nhà khi nói chuyện với nhau, ai vắng ra từ “mặc hoặc kệ” là bị người trừng phạt. Tuy nhiên, người răn dạy con bằng lời hơn, lễ thiết là chính, ít khi dùng roi vọt. Nhờ cách răn dạy ấy mà sau này, tôi không bị ảnh hưởng bởi những trận cuồng phong về đạo đức.

Với ước mong một cuộc sống bình yên để phụng dưỡng cha già và nuôi dạy đàn con nhỏ, người làm trọn nghĩa vụ công dân với chính quyền cách mạng: tuần lễ vàng, công phiếu kháng chiến, hũ gạo kháng chiến... và đóng góp thuế nông đầy đủ, thậm chí phải đi vay nợ để làm nghĩa vụ. Chẳng những vậy, thường có bộ đội đóng quân tại nhà, bố tôi hết lòng giúp đỡ họ nhiều mặt, có khi nuôi hàng tiểu đội mấy tháng. Nhất là ngày tết, cả nhà phải bớt ăn để nhường cho bộ đội.

Sau khi bị nghi ngờ, chết hụt, khi dịch đến làng, bố tôi phải ra đồng làm hoặc đi nơi khác. Người có ý nghĩ “cây ngay không sợ chết đứng”, nhưng lại băn khoăn với câu sấm trạng:

Trời làm một hội lăng nhăng

Ông hoá ra thằng, thằng hoá ra ông

Bao giờ thiên hạ hội đồng

...

Ngày mùng mười tháng tư âm lịch, tai hoạ khủng khiếp đã đến với gia đình tôi. Nếu ngày ấy bố tôi không phải đi khỏi nhà từ buổi sáng, chắc chắn người sẽ bắt cả nhà tôi phải đi sơ tán sau khi chiến sự nổ ra thì tai hoạ khủng khiếp không thể có.

Nhìn ba thân nhân nằm trên vũng máu, bố tôi khóc thảm thiết và tự trách mình: “vì sợ người ta giết oan, tôi đã không cứu được vợ con tôi”

Một tuần trôi qua, nhà lúc nào cũng có người khóc thương những thân nhân vừa bị nạn. Nhà cháy đổ nát, tro bụi hoang tàn, không ai còn lòng dạ nào thu dọn. Tối hôm ấy, bố tôi dựa vào chiếc cột hiên nhà ngói không bị đốt, đang than khóc nhìn cảnh vật tiêu điều thì hai cán bộ địa phương đến, họ ra lệnh:

- Ngày mai, ông phải mang theo lương thực, quần áo và đồ dùng đi nơi khác học tập ba tháng.
- Cảnh nhà tôi đau thương đổ nát thế này, tôi đi sao được – Bố tôi nói – Xin các ông cho hoãn lại.
- Lẽ ra ông phải đền tội, nhưng giặc đã... nên chỉ phải học tập thôi,
- Tôi có tội gì mà phải đền?
- Tội quan hệ với giặc – Tên cán bộ quát.
- Tôi biết các ông nghi ngờ, ba lần định giết tôi. Nay địch đã đốt nhà, bắn vợ con tôi chưa đủ là bằng chứng về sự vô tội của tôi sao?
- Lệnh của cấp trên, chúng tôi buộc ông phải chấp hành – Một tên cán bộ quát ra lệnh.
- Trời ơi, người đồng hương sống với nhau còn tình nghĩa gì nữa – Bố tôi than thở.
- Nhân nghĩa chỉ tồn tại trong chế độ cũ, cách mạng không cần thứ đạo đức cổ hủ ấy. Chúng tôi hỏi ông có chấp hành không?

Cả nhà tôi đều khóc như di vỡ tổ. Chị Hoa nghẹn ngào nói với bố:

- Bố ơi, bố phải theo lệnh của chính quyền bố ạ. Họ bắt người dân làm gì mà chẳng được. Nếu không thì... Bố thương ông, bố thương chúng con mà nghe theo họ.

Đang trong cảnh đau thương tang tóc lại chất thêm nỗi buồn da diết của cảnh chia ly. Sáng sớm hôm sau, bố tôi khăn gói lên đường để tiếng khóc của anh chị em tôi nối tiếp nhau suốt mùa hè năm ấy.

* *

*

Trời đã sang thu mát mẻ, buổi tối ngồi trên chiếc giường kê ngoài hiên, bố tôi thõn thớt đan xen tiếng sáo diều du dương trầm bổng khắp trời xanh. Quê tôi khi vắng tiếng bom đạn nổ lại xuất hiện tiếng sáo diều. Thời bình, nhất là những đêm thu trong sáng, tiếng sáo diều ngân nga, vi vút như một bản trường ca suốt năm canh.

Như chợt nhớ ra, bố tôi gọi:

- Tâm đến đây bố bảo.
- Dạ! Bố gọi con có việc gì?
- Bố đã nói với chú Thất, sáng mai con đi học, con lên tám rồi còn gì?

Lúc ấy, bỗng cất lên tiếng học bài như cuộc kêu của thằng Lê nhà bên cạnh. Bố tôi nói tiếp:

- Thằng Lê bằng tuổi con, nó đã học chú Thất được hai năm rồi. Bây giờ nó đang học cửu chương đấy.
- Cửu chương đến chín thôi hả bố?
- Cửu là chín, đến chín là hết.
- Thế thì con đọc được những số cao hơn cơ, con đọc cho bố nghe:

13 lần 1 là 13

13 lần 2 là 26

...

13 lần 13 là 169

- Con đọc thử số khác – Bố tôi ngạc nhiên hỏi:

17 lần 1 là 17

...

17 lần 17 là 289

- Con học ai và học từ bao giờ mà lạ lùng thế?
- Con có học ai đâu, mồm con đọc, óc cộng thêm vào thành một mạch liên tục.

Anh hai tôi – anh Quang từ trong nhà chạy ra nói:

- Tâm có năng khiếu đặc biệt đấy bố ạ.
- Tâm tính nhẩm nhanh, em thử làm bài toán trăm con trâu, trăm bó cỏ nhé?

Anh Quang đọc đầu bài xong, bố tôi gạt đi:

- Anh học thành chung năm thứ hai rồi còn chưa giải được hướng chi thẳng chưa biết chữ. Người ra lệnh:
- Tâm lên giường nằm ngủ để ngày mai còn đi học. Tôi vâng lời, nằm im thín thít giả vờ ngủ, song bài toán cứ lẩn quẩn trong óc tôi. Sau hơn một giờ tôi bật kêu lên:
- Bố ơi, con tính ra rồi.

Bố tôi nằm bên cạnh, người quay lại hỏi:

- Con mà tính được ra à? Kết quả thế nào con nói thử bố nghe?
- Con tìm được ra ba kết quả – Tôi lần lượt nói với bố tôi. Người ngồi phất dậy, nói:
- Con đặc biệt quá! Quang ơi, em nó làm ra rồi đấy, con thua em chưa?

Anh Quang lại từ trong nhà chạy ra reo lên:

- Kì diệu quá! Nếu có trường học tử tế và được học hành đầu cuối như ở Paris chẳng hạn, Tâm có khả năng trở thành một nhà toán học.

Quê tôi hồi đó dân trí còn thấp lắm, việc nhỏ đó đã có tiếng đồn lan khắp vùng. Sau này tôi mới biết giải bài toán đó bằng phương trình vô định sẽ tìm được nghiệm trong vòng vài ba phút.

Sáng hôm sau, tôi bắt đầu cắp vở đến trường. Gọi là trường cho hay là thế, thực ra trường là nhà chú Thất, bàn ghế không có phải tháo cánh cửa kê thay bàn học. Học trò khoảng hơn một chục người, chia ra thành nhiều lớp. Người học trước hai, ba năm ở lớp cao nhất. Cứ thế thấp dần đến tôi là lớp cuối cùng chưa biết chữ. Chú Thất – chú họ tôi có lẽ mới chỉ học hết tiểu học, chữ nho biết nhiều hơn. Chú dạy học theo lối du kích, không có chương trình quy định cho một lớp nào, cả thời gian cũng không giới hạn. Ai học tiếp thu chậm thì dạy chậm, ai ngu tối thì ôn đi ôn lại dầm chân tại chỗ một thời gian, ai học nhanh thì dạy nhanh. Chỉ sau một tuần tôi đã đánh vần và đọc được. Học bằng óc với tôi sao dễ thế? Dường như chỉ cần học mấy ngày đã biết chữ. Chị cả tôi – chị Dền không được đi học mà đọc truyện hay lắm, chỉ không viết được thôi. Nhưng học thì phải tập viết, một công việc nặng nhọc quá sức với tôi. Thầy viết bằng bút chì để tôi tô lại bằng bút mực. Tay tôi run run, nét chữ lằng ngoằng như đĩa lộn, mùa thu mà mồ hôi vã ra như tắm, mực ở đâu bôi khắp chân tay, mặt mũi, quần

áo. Đến nỗi mỗi buổi đi học về, cả nhà ai trông thấy cũng phải khúc khích cười và kêu lên:

- Thằng hề đi học đã về.

Có lần bố tôi hỏi:

- Con viết thế nào mà bản thiêu như người lặn xuống ao bùn vậy?

Tôi xấu hổ và tủi thân nói:

- Không biết thế nào mà mực cứ bôi khắp người con?
- Ai nhận thức nhanh thì bàn tay thường lại vụng – Người an ủi – con cứ kiên trì rồi sẽ làm được.

Mất gần hai tháng tôi mới vượt qua được công việc nặng nhọc ấy, nhưng bàn tay vụng về của tôi là kẻ thù nguy hiểm cản trở việc học hành của tôi mãi sau này. Song tư duy của tôi ví như con ngựa phi nước đại thì bàn tay chậm chạp đuổi theo như con rùa bò trên bãi cát.

Sáu tháng sau, tôi đã viết được chính tả thành thạo, làm những bài tập văn đơn giản miêu tả người và đồ vật. Còn về toán, mặc dù đã làm được bốn phép tính số học và tính đồ nhiều phép tính với thời gian nhanh như máy tính nhưng tôi vẫn tiếc rằng thầy dạy tôi còn chậm quá. Tuy nhiên tôi đã vượt mọi người học trước tôi hai, ba năm, chỉ đáng buồn là chữ viết còn xấu quá.

Một hôm, sau buổi học, thầy bảo tôi:

- Khả năng thầy dạy con đến đây thôi. Con tìm thầy khác mà học cao hơn. Thầy mỉm cười nói nửa đùa, nửa thật: – Con nhớ là đi học chứ không phải đi ăn cướp chữ thầy.

Thế là tôi không được đi học nữa, quay lại những ngày tháng “cắm cung” dạo trước. Sau đó, anh Quang làm gia sư, anh dạy tôi học toán: đo lường diện tích, thể tích các hình, chuyển động, tạp số và phân số. Sau hai tháng tôi không chịu bó tay trước một bài toán số học khó nào của cấp một.

* *

*

Khu vườn trước cửa nhà tôi, những cây ăn quả lá toả xanh rờn: Na, hồng, chanh, cam, mít... ra hoa, kết quả đầy cành. Bố tôi ngồi trên chiếc trường kỷ khám trai, buồn bã nhìn cảnh vật. Người đang trầm lặng suy tưởng, bỗng cất tiếng ngâm:

Còn trời, còn đất, còn non nước

Có lẽ ta đâu mãi thế này?

Thứ âm thanh được phát ra từ một trái tim bị dồn nén nỗi đau thương, sự lo âu trần trở của một cuộc sống nhọc nhằn, giai điệu náo nùng của một tâm hồn mệt mỏi không lối thoát.

Ngay sau đó thầy Mẫn đến, bố tôi vội vã ra đón thầy vào nhà. Thầy nói:

- Năm nay xã mở trường cấp một, ông có cháu nào đi học không?
- Tôi còn hai cháu phải đến trường. Thầy dạy lớp nào?
- Tôi dạy chương trình lớp bốn, học kỳ hai.
- Tôi muốn cháu Tâm theo học thầy có được không?
- Tôi được nghe nói cháu Tâm giỏi toán lắm. Năm nay cháu bao nhiêu tuổi, học mấy năm rồi?
- Chẳng dám nói dối thầy, cháu lên chín, đã học chú họ nó và anh nó được tám tháng. Thầy cười nhạt có vẻ mỉa mai:
- Có thể cháu thông minh hơn người nhưng mới học tám tháng thì theo sao được?
- Bây giờ thầy cứ kiểm tra, nếu cháu theo học được, tôi mới dám nhờ thầy. Bố tôi gọi:
- Tâm đến đây thầy hỏi.
- Cháu viết và đọc nhanh chưa? Thầy Mẫn hỏi.
- Thưa thầy, hiện nay cháu đọc nhanh nhưng viết còn chậm và chữ xấu.
- Văn, toán cháu học đến đâu rồi?
- Cháu đã biết làm văn tả cảnh, tả người và đồ vật. Còn về toán, cháu mới thành thạo về phân số.

Thầy nhìn tôi tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Cháu giấy bút làm thử một bài toán nhé. Hai người có 84 đồng. Số tiền người thứ nhất bằng $\frac{3}{4}$ số tiền người thứ hai. Hỏi số tiền của từng người?

Tức khắc tôi trả lời:

- Thưa thầy, người thứ nhất có 36 đồng, người thứ hai có 48 đồng.
- Sao cháu làm nhanh thế? Thầy trở mắt nhìn tôi thán phục.
- Thưa thầy, bài toán ấy đơn giản quá.

- Khi chưa đi học, cháu đã đọc trơn tru thập cửu chương – Bố tôi nói xen vào.
- Nếu đúng thế – Thầy Mẫn hỏi – cháu đọc phép nhân 19 cho thầy nghe.

Tôi đồng dục đọc: 19 lần 1 là 19

19 lần 19 là 361

Bố tôi nói thêm:

- Cũng khi chưa đi học, cháu còn tính nhẩm được bài toán trăm con trâu, trăm bó cỏ.

Thầy Mẫn reo lên:

- Tiếng đồn quả không ngoa, cháu thông minh xuất chúng. Tôi đồng ý nhận cháu học.

Bố tôi cảm ơn thầy và nói thêm:

- May quá, tôi có ý định đến nhờ thầy đã lâu. Còn cháu Đản xin học lớp vỡ lòng thôi.

Thầy Mẫn dáng người cao, gầy, cặp mắt thông minh, lanh lợi. Thầy đã khai hoá cho bao người ở vùng này hết tối tăm, ngu dốt, nhưng cả đời thầy chịu phận nghèo hèn. Bố tôi ngưỡng mộ thầy – một thầy giáo có lương tâm, nhân hậu, dạy giỏi. Còn thầy mến trọng bố tôi về cách sống nền nếp và lòng nhân ái. Hai người quan hệ với nhau từ khi còn trẻ.

* *

*

Trường học xã tôi khai giảng giữa mùa hè, một hiện tượng bất thường trong thời chiến. Trường phân tán nhiều nơi: đình, từ, miếu hoặc những nhà rộng vắng chủ. Bàn ghế không có, mỗi học sinh tự sắm một cái bàn học gấp lại được như ghế thợ cắt tóc rong. Khi đi học, khi về phải mang theo. Lớp học tôi ở miếu thôn trong, có hơn bốn chục học sinh. Người nhiều tuổi nhất đã lấy vợ, đa số là mười ba, mười bốn tuổi, không có ai bằng tuổi tôi. Buổi khai giảng, mặc dù có tiếng đồn tôi giỏi toán nhưng thấy tôi ít tuổi lại gầy gò, ẻo lả nên các bạn học không tin, ai cũng coi thường khinh miệt tôi ra mặt, họ bảo:

- Nào nhóc con, nào con nít đi chơi chỗ khác để cho các anh học.

Tủi quá, tôi bùng mặt khóc hoài. Hôm sau mới bắt đầu học, tiết đầu là toán, thầy giáo nói: – Lần đầu, xã có trường công nên các em ở độ tuổi khác nhau, trình độ cũng

chênh lệch nhau nhiều. Hôm nay các em làm bài kiểm tra toán. Nếu em nào yếu quá không theo được phải xuống lớp ba.

Bài toán phân số dễ quá, tôi chỉ mất thời gian chép đề và bài giải, không cần động óc một chút nào. Thế mà hết giờ, nhiều bạn vẫn chưa xong, hoặc làm sai, hoặc đành ngậm bút. Qua buổi học ấy, thái độ của các bạn đối với tôi thay đổi, từ chỗ khinh miệt đã nhường chỗ cho những lời khen, khâm phục.

Suốt bốn tháng học, tôi chiếm ưu thế tuyệt đối về môn toán, không có đối thủ nào đồng cân đồng lượng. Tuy nhiên vì cái ưu thế đó, cộng thêm tính “ngựa non háu đá” của tuổi thơ, tôi làm thầy Mẫn nhiều phen khó chịu: cậy mình biết rồi, tôi không chú ý nghe thầy giảng. Đến tiết học tính nhẩm, thầy nói xong đầu bài là lập tức tôi trả lời ngay đáp số. Thầy trừng mắt, bảo tôi:

- Thầy biết khả năng của em rồi, từ nay đến tiết tính nhẩm, em ngồi im lặng để các em khác học.

Một hôm, thầy giải một bài toán mẫu trên bảng, có phép tính $497 \times 17 + 51$. Thầy làm theo phương pháp thông thường nên vẫn chưa ra kết quả. Không kiểm chế được, tôi bật kêu lên:

- Thừa thầy bằng 8500.

Thầy quay nhìn tôi mắg:

- Em cứ giữ tính ấy à? Làm thế nào?
- Thừa thầy $51 = 17 \times 3$. Do đó $(497 + 3) \times 17 =$

Có lẽ thầy hiểu ngay cách tính ấy nhanh nhưng tôi đã xúc phạm đến thầy. Thầy ra lệnh:

- Từ nay thầy có hỏi em mới được trả lời.

Thực ra phép tính nhẩm hai số, mỗi số có hai chữ số thường tôi tìm ra kết quả tức thời, nếu chậm cũng chỉ mất một vài giây.

Năm 1951 phải tính thuế nông nghiệp mà những người cán bộ ở quê tôi cho là phức tạp nên nhờ một số học sinh tính giúp.

Họ bảo tôi tính thuế gia đình ông bác họ tôi – một đại địa chủ, đồng thời cho một ông thạo dùng bàn tính làm cùng với tôi. Họ không ngờ rằng, thời gian tôi tính chỉ bằng một phần ba thời gian ông kia. Do tính tò mò, có người theo dõi tôi tính thế nào mà nhanh thế, tôi đã biến hoá từ phép nhân, chia thành cộng hoặc trừ. Người đó hỏi:

- 123×72 làm thế nào nhanh nhất?

Tôi trả lời: – Cháu lấy $9000 - 144 = 8856$.

Các môn địa lý, lịch sử, công dân, tôi có trí nhớ nên thường xuyên đạt điểm cao. Còn về văn, do tuổi còn non dại, tôi chỉ đạt điểm trung bình.

Mùa xuân năm 1952 có kỳ thi chuyển cấp, bài thi toán, tôi tự cho là hoàn hảo. Còn bài thi văn lại trùng với bài văn viết thư mà thầy Mẫn đã cho làm khi đang học. Tưởng như đã cầm chắc trong tay kết quả, nào ngờ đâu khi niêm yết danh sách trúng tuyển lại không có tên tôi. Người ta nói, học tài thi phận, tôi tự hỏi: cái phận của tôi hay do xã hội? Bố tôi từ vui mừng thành thất vọng, người đến thầy Mẫn hỏi, thầy buồn bã trả lời:

- Thấy cháu họ giỏi quá nên người ta sinh lòng đố kỵ. Khổ nỗi vì quá khứ của ông làm cháu Tâm thi trượt. Tôi nghe nói, bài thi của cháu bị huỷ ngay không được chấm.

Với ước mong con được học hành, bố tôi chạy chọt quay cuồng tuyệt vọng. Năm lần, bảy lượt dẫn tôi đến ông hiệu trưởng Đỗ Đoàn trường cấp hai của huyện xin học dự thính. Có lẽ chẳng hiểu gì phần quá khứ của bố tôi, cuối cùng ông Đỗ Đoàn đã nhận lời. Tôi học được hai ngày êm thấm. Đến ngày thứ ba, thầy Hồng dạy sinh vật đưa cho tôi một bức thư ngắn có nội dung: “Kính thưa cụ, cháu đã trót nhận em Tâm học dự thính nhưng nay địa phương họ không đồng ý. Mong cụ thông cảm. Nhà trường chịu sự chỉ đạo của chính quyền. Đỗ Đoàn”

Người lại bảo tôi xin học lưu ban lớp bốn. Năm học này, thầy Mẫn đã chuyển trường xã khác. Thầy giáo mới – Thầy Cường còn trẻ. Đến lớp, tôi lễ phép chào thầy và xin học. Thật lạ lùng, oán hờn có từ kiếp nào mà thầy quắc mắt mắng tôi:

- Mày cút đi, lớp học này chỉ dành cho con em thành phần lao động.

Tôi thoáng nghĩ, hắn đã dạy tôi được chữ nào đâu mà phải gọi là thầy, tôi nổi khùng:

- Không cho học thì thôi, việc gì anh phải tuôn ra những lời lỗ mắng.

Tôi về nhà tiếp tục những ngày tháng “cắm cung”. Em tôi – em Đản cũng thông minh nhưng học theo chương trình của nhà giáo dục nên mỗi năm cũng chỉ qua một lớp. Tôi có làm gia sư cho Đản cũng bằng thừa. Đản có nước da trắng, khuôn mặt và hình dáng mềm yếu như con gái nên thuở nhỏ có tên là cu đĩ. Đản hiền lành lắm. Người ta nói, lành như bột, Đản hiền đích thực là như vậy. Trước sự bất bình phản ứng cao nhất của Đản là tiếng khóc. Có lẽ tạo hoá sinh ra Đản để cam chịu mọi điều bất hạnh.

* *
*
*

Bố tôi lúc nào cũng mang nặng nỗi u buồn. Giữa năm 1952, người lên Hà nội thăm chị mẹ tôi. Nhân tiện, người ghé thăm ông Vũ quý Mão, khi đó làm đồng lý văn phòng phủ thủ hiến Bắc Việt. Sau một hồi lâu tâm sự, ông Mão nói:

- Tôi biết anh căm thù người Pháp đã cướp đi mạng sống của vợ con anh nhưng sự điên loạn của thú tính và tội ác trong cuộc chiến nào mà chẳng diễn ra. Nếu chế độ CS là tốt đẹp, anh ủng hộ để chống lại Pháp là điều đúng đắn, nhưng anh không chạy sớm, CS sẽ gây tai họa cho anh.

Trên đường về qua thị xã Thái bình, người đến thăm ông anh họ – bác giáo Tôn. Bác Tôn cũng khuyên bố tôi tương tự như ông Mão. Bác nói thêm:

- Đúng hay sai là do lịch sử phán quyết sau này, trước mắt chú hãy tìm đường thoát khỏi cái miệng hùm, nọc rắn.

Về đến nhà, sau khi bàn bạc với các con, người có ý định từ giã quê hương. Bố tôi xin phép ông tôi về việc đó. Ông không ngăn cản nhưng lại nói:

- Số bố chết chỉ có một gậy chống, hiện nay anh con đau yếu, không biết khi bố về cõi sẽ ra sao?

Nghe ông tôi nói, người đành ngậm ngùi không đi đâu nữa. Người thường nói: “dù khổ, dù phải chết cũng không thể phạm tội bất hiếu”. Định mệnh thật nghiệt ngã: năm 1956, người chống gậy chịu tang ông tôi là bác tôi.

Thời gian thắm thoát hai năm nữa trôi qua, thêm nhiều phen nguy hiểm và vất vả trong chiến tranh, hoà bình được lập lại. Tin đó làm mọi người vui mừng khôn xiết. riêng bố tôi buồn vui xen lẫn. Người nói:

- Chiến tranh đã kết thúc, mọi sự nghi ngờ của chính quyền cách mạng với gia đình ta chắc cũng không còn, từ nay bố yên tâm phụng dưỡng ông và nuôi dạy các con.

Người buồn vì chiến tranh đã cướp đi mạng sống của ba thân nhân. Và tương lai vẫn là một màn sương mờ ảo vì sự thành kiến của chế độ.

Đầu năm 1955, thầy Mẫn đến nói với bố tôi:

- Năm nay có lẽ họ cho cháu Tâm học, ông bảo cháu ôn lại để thi chuyển cấp.

Mùa xuân năm ấy tôi lại đến trường sau ba năm gián đoạn. Trường cấp hai huyện chưa xây dựng vẫn học phân tán nhiều địa phương. Tôi đi học gần, ngay ở đình thôn

ngoài, bàn học vẫn tự sắm và mang đi mang về như trước. Gia đình tôi lại có thêm một niềm vui, sau mười năm lấy vợ, anh Quang đã có con trai. Những tháng sống thanh bình trong mái ấm tình thương, bố tôi càng thương tiếc những thân nhân đã khuất. Nhiều đêm tôi tỉnh giấc thường nghe tiếng thở dài não ruột của người. Thử âm thanh được xì ra từ một tâm hồn bị dồn nén đau thương, đổ nát trong quá khứ và nỗi lo âu, nghi hoặc ở tương lai.

II Thời kì cải cách ruộng đất.

Chuỗi ngày vui ngắn ngủi đã trôi qua, tôi nghỉ học kỳ thì đội cải cách ruộng đất về làng. Ngọn lửa căm thù của đội đã đốt và lan nhanh đến thế! Xưa nay đại bộ phận dân làng niềm nở, triu mến bố tôi, đội cải cách về sau một tuần thì hoàn toàn ngược lại: khi gặp bố tôi ngoài đường, một số người với cặp mắt trợn trừng như bốc lửa còn lại thì lẩn tránh hoặc ngoảnh mặt đi chỗ khác, không nhìn. Cả với anh chị em tôi cũng thế, họ sợ hoặc thù ghét như ma quỷ hiện hình.

Nỗi hoảng sợ không riêng với gia đình tôi mà với mọi nhà. Người đi đường lặng lẽ bước, không dám cười nói râm ran như trước. Phiên chợ Nụ ngay trong thời chiến cũng vẫn đông vui mà thời gian ấy lèo tèo, xơ xác. Tối đến, ai nấy đều đi ngủ lúc hoàng hôn vừa buông xuống. Mấy con chó dữ trong xóm cũng bớt mồm sủa bậy, tiếng sáo diều cũng ngừng ngân nga, vi vút. Bầu không gian im lìm, ngột ngạt báo hiệu một trận cuồng phong sắp đến, một trận bão lửa căm thù. Căm thù là một viên ngọc quý, là phần thưởng đối với người yêu và tham gia vào cuộc cách mạng long trời lở đất này. Không có căm thù sẽ không thực hiện được cái gọi là đấu tranh giai cấp – thứ lý thuyết mang thú tính của thời đại.

Đến một chiều hè chói chang ánh nắng, một đoàn thiếu nhi hàng trăm đứa với sự chỉ đạo của hai, ba cán bộ cốt cán đến trước cổng nhà tôi. Chúng hò reo ầm ĩ, trống ếch khua loạn xạ và hô nhiều khẩu hiệu.

- Hoan nghênh chính sách cải cách ruộng đất của đảng và chính phủ!
- Đả đảo tên Nguyễn Căn địa chủ, cường hào gian ác đầu sỏ!
- Kiên quyết đánh đổ tên Căn...!

Sáng hôm sau, hai bức tường xây bên đường đi của nhà tôi, tổ thông tin tuyên truyền kẻ nhiều khẩu hiệu về cải cách, đa số là khẩu hiệu kiên quyết đánh đổ và đả đảo bố tôi. Lúc này ông tôi mới hồi hận nói với bố tôi:

- Bố có lỗi với con, không muốn con đi nên nay mới đến nông nổi như thế này!

Đây là bước đầu cải cách, tai hoạ đến đâu chưa ai lường được nhưng cả nhà tôi đều lo buồn, hoảng hốt đến cực độ.

Nhà tôi có cái bếp tre nửa mới làm sau khi nhà bị địch đốt năm 1950. Sau bếp là bức tường xây cũ, cạnh ngõ đi. Từ lâu, tôi đã thấy một hình vẽ khẩu súng ngắn bằng gạch non, có lẽ do trẻ con nghịch ngợm. Tổ thông tin do sự chỉ đạo củ đội trưởng cải cách Lê Thăng kẻ một khẩu hiệu bên cạnh hình vẽ ấy. Buổi tối hôm ấy, Vương Viễn đến, tay hắn xách súng dài có cắm lưỡi lê. Hắn đứng giữa sân quát:

- Tên Tâm và tên Đản ra ngoài cho đội hỏi.

Trời nóng, hai anh em tôi chỉ mặc quần đùi, nghe Viễn quát, Đản sợ quá ngã lăn ra. Bố tôi từ trong nhà chạy ra xin hắn:

- Anh cho các em ăn cơm đã.

- Láo xược – Viễn quát – mày gọi ai bằng anh, tao là anh mày à? Mày phải xưng con và gọi ông, bà nông dân nghe chưa? – Hắn ra lệnh.

- Tên Tâm và tên Đản phải đi ngay!

Thấy Đản vẫn nằm, hắn cầm tay Đản giật mạnh rồi bỏ xuống. Má Đản quệt vào gạch, máu chảy ra chan chứa, Đản khóc thất thanh. Cả nhà chạy ra sân nâng Đản dậy và van xin hắn. Viễn quát tháo một hồi rồi bắt tôi đi. Hắn đi sau, báng súng cấp nách, tay phải cầm thân súng, ngón tay phải đặt vào cò, chĩa lưỡi lê sát vào lưng tôi, giống như đưa người ra bãi bắn.

- Đi đâu? – Tôi hỏi Viễn.

- Xuống miếu – Hắn trả lời.

Đến nơi, hắn bẻ hai cánh tay tôi ra sau lưng và lấy thùng trói vào cột miếu.

- Tối nay tao giam mày ở đây để ngày mai đội sẽ hỏi mày về tội chống phá cải cách của tên Căn.

Nghe hắn nói, tôi lạnh người đi vì sợ. Trói tôi xong, hắn khép cửa lại ra hành lang nằm trên chiếc chõng tre. Một lúc sau, tôi mới thấy Viễn trói tôi đau quá. Muỗi nhiều như ong xâu lại đốt, tôi cời trần, tay lại bị trói làm sao mà xua muỗi được? Muỗi hoan hỉ bay loạn xạ, tiếng hò reo liên tiếp như tiếng sáo diều. Đúng là bữa đại tiệc cho bọn muỗi ở đây, tôi cự quậy tuyệt vọng trước sự tấn công của bầy muỗi.

Đêm đã khuya đội trưởng Lê Thăng mới đến, có lần tôi gặp hắn ngoài đường. Hắn cao khoảng một mét sáu mươi, lưng hơi gù, da mặt rỗ sù sì như da cóc, người béo thô, đôi vai u, cặp mắt lác hình như toàn lòng trắng.

Thăng hỏi Viễn:

- Bắt chúng nó chưa?
- Mới bắt một tên Tâm đang trói trong miếu, còn tên Đản bị ngã nên chưa.
- Một tên Tâm thôi cũng được
- Kỳ này bắn địa chủ – Viễn nói – em xin anh một tay súng nhé?
- Được lắm, đồng chí được ưu tiên số một.
- Em đề nghị anh thế này. Bắn địa chủ nên kéo dài ít nhất mười lăm phút. Sau khi trói kẻ thù trên giá, phải có sáu xạ thủ đeo biển số thứ tự, mỗi xạ thủ có một băng đạn năm viên. Cách mục tiêu khoảng năm chục thước, khi nổ súng, người chỉ huy lệnh cho từng xạ thủ tiến đến gần bắn từng mục tiêu nhỏ. Thí dụ, xạ thủ một bắn vào chân phải kẻ thù, xạ thủ hai bắn vào chân trái, xạ thủ thứ ba bắn vào tay phải, thứ tư bắn vào tay trái, thứ năm bắn vào bụng và ngực, thứ sáu bắn vào đầu. Xạ thủ nào cũng phải bắn hết đạn, làm cho kẻ thù chết dần mới khoái.
- Sáng kiến của đồng chí hay đấy nhưng phải thỉnh thị cấp trên.
- Cách hành hình ấy càng chứng tỏ lòng căm thù bốc cao, có gì mà cấp trên không nhất trí?
- Tổ chỉ ngại cấp trên bảo là lãng phí đạn thôi – Thăng nói tiếp:
- Đảng ta còn nhân đạo đấy, bên Trung quốc, chẳng mất một viên đạn nào. Trói địa chủ vào giá, bên cạnh là con dao sắc và đĩa muối ớt. Mỗi khổ chủ lên tó xong, xẻo một miếng thịt rồi xát muối ớt vào. Cứ thế đến khi nó chết thì thôi
- Anh ơi! – Viễn nói – Anh bảo em có ngu không nhé? Cách đây bảy năm, em đánh vào nhà thờ CM. Lúc đó gần kết thúc trận chiến đấu, không còn sức kháng cự của kẻ thù, em cứ vội vã chém thật lực mỗi tên một nhát, như thế chúng còn biết gì đau đớn nữa. Giá như bây giờ, em sẽ đâm nhẹ từng chỗ trên cơ thể chúng, rồi tháo khớp chân tay để xem chúng khóc lóc, đau đớn, chết dần từng bộ phận, liệu trên đời này còn thú vui nào hơn thế nữa? Em cứ tự oán trách mình, cơ hội ngàn năm có một mà cách mạng dành cho đã không tận hưởng.
- Trong thời gian chiến tranh – Lê Thăng nói – Tổ không có chiến công to như cậu nhưng thực hiện được một ước mơ đáng giá nghìn vàng.
- Anh kể cho em nghe với – Viễn nói.

- Cách đây mới có năm năm, quê tớ có một đứa con gái rất xinh. Gia đình nó có cửa hàng ở thị trấn, lại giàu có nên nó chỉ ăn diện chẳng phải làm gì nặng nhọc. Năm nó mười bảy tuổi, bọn thanh niên nhiều nơi biết tiếng kéo đến xem mặt và tán tỉnh, tập nập kẻ ra, người vào, nó chẳng ưng ai. Quả thật tớ cũng mê nó quá, đôi khi nảy ra mơ ước, nếu được ngủ với nó một đêm rồi chết cũng đáng đời. Bởi vì nhà mình nghèo, học ít lại xấu trai thì với sao được nó. Nhiều lần gặp ở đường, tớ cũng bông đùa một vài câu, nó chỉ lặng thinh, không thèm nhìn tớ. Năm 1950, làng tớ lập tề, bắt giặc đóng ngay bên cạnh. Thấy nó xinh, bọn lính đến nhà nó thường xuyên. Lúc đó, tớ đã vào biệt động. Thời cơ đã đến, tớ báo cáo lên cấp trên, bố con nó có dấu hiệu khả nghi. Tớ còn cam đoan nó sắp sửa lấy thằng sắp bắt. Cách vài ngày sau, tớ và hai người nữa được lệnh nửa đêm lên vào nhà, bắt bố con nó đi, buộc đá xuống sông Hồng. Sau khi thi hành bản án thằng bố, nhìn đứa con gái, con thèm khát của tớ bốc lên không thể nào chịu được. Tớ nảy ra ý nghĩ, hoa đẹp trong tay, sao không hưởng lạc trước khi vứt nó? May quá, hai đứa cùng làm nhiệm vụ lại là đàn em dễ bảo. Tớ nói ý định đó, chúng nhất trí ngay. Tớ lột hết quần áo nó, dưới ánh trăng sáng, xác thịt nó kêu gọi làm sao! Bọn tớ thay nhau hưởng lạc gần đến sáng, mỗi đứa được hai lần mới cho người đẹp trần truồng xuống sông tắm mát.

Viễn reo lên:

- Tuyệt quá, tuyệt quá, sự kiện ấy quả là độc đáo – Viễn hỏi thêm:
- Xưa kia, em được cấp trên chỉ thị, bọn phản động như đám cỏ dại mọc lẫn trong vườn hoa, muốn làm sạch cỏ phải nhổ tận gốc. Vậy ngày nay, chủ trương của đảng đối với bọn con cái địa chủ thế nào?
- Đảng coi chúng là kẻ thù nhưng xử lý có khác, tuy không mang ra đấu tố, hành hình nhưng vui dập cuộc đời chúng xuống bùn đen.
- Cả như em, đứa nào là địa chủ cường hào cứ bắt tất cả con cháu trong ba đời băm ra là xong việc.
- Tớ cũng nghĩ như cậu, nhưng cả đời bị vui dập, đoạ đầy còn cực hơn là được chết ngay.

Nghe hai tên khát máu nói chuyện, tôi rùng mình hoảng sợ. Có lẽ còn rùng rợn hơn những hình phạt thời trung cổ: đưa lên giàn thiêu, bỏ vào vạc dầu, quăng cho hổ báo ăn thịt hoặc cho ngựa xé, voi giày... Một quá vì thần kinh căng thẳng, tôi thiếp đi

lúc nào không biết, gần sáng tôi mới tỉnh dậy. Hai cánh tay đau tê dại, cả người ngứa ngáy.

Nhìn qua khe cửa, tôi thấy chị Hoa mang cơm đến, đang xin thằng Viễn:

- Ông cho phép em nó được ăn cơm.
- Phải chờ lệnh của đội, nếu ngoan cố thì đừng hòng, mày hãy rút về đi.

Chị Hoa khóc và về.

Trời sáng rõ, Viễn mở cửa ra, sau ít phút thì Lê Thăng đến, hấn nói:

- Mày có biết bị bắt đến đây vì tội gì không?
- Thừa chú, cháu không biết.
- Lão xược, tao là chú mày à? Là ông đội nghe chưa? – Hấn tiếp:
- Mày muốn sống phải khai thật tên Căn đã xui mày vẽ súng bắn vào khẩu hiệu như thế nào?
- Thừa ông đội, hình vẽ súng đã có lâu rồi, cách đây hai ngày mới kẻ khẩu hiệu.
- Mày ngoan cố phải không? Nếu không khai thật, đội sẽ trói mày cho đến chết.

Nói xong, hấn bỏ đi và Vương Viễn cũng về. Người thay gác là đưa em gái họ cùng chị với tôi. Tưởng nó còn tử tế, tôi khát nước quá nên xin: – Cô Mùi ơi, làm ơn cho tôi xin bát nước. Mùi chồm lên, lấy tay xỉa xối vào mặt tôi, nó lu loa: – Tao là cô mày à? Cả tên Căn nữa cũng phải gọi tao là bà nghe chưa? Tức đến phát điên nhưng tôi im lặng, muốn nhổ vào mặt nó.

Một lúc sau Mùi múc gáo nước lã ghé vào mồm tôi. Tôi cố hết sức kéo cả thùng trói đứng lên đá gáo nước trên tay nó bắn đi, gáo vỡ, nước tung toé. Mùi gào lên:

- Thằng lão xược, chống lại ông bà nông dân à?

Tôi lại ngồi xuống, ngoảnh mặt đi, mặc cho Mùi la ó.

Mãi đến trưa, Vương Viễn mới đến, Mùi kể lại và tiếp tục lồng lên gào thét.

Thằng Viễn xông lại thẳng cánh vả vào mồm tôi, máu mồm, máu mũi trào ra chảy như cắt tiết gà xuống nền miếu. Không hiểu vì sao, lúc đó tôi không cảm thấy đau, cũng không thấy sợ. Tôi nhắm mắt lại và gục đầu xuống. Mùi khoái chí reo lên, cười hô hô:

- Đáng đời chưa thằng con địa chủ?

Viễn vừa bỏ đi thì bố tôi đến, người nói:

- Thừa bà cháu họ, cho phép tôi được nói chuyện với con tôi một lát.

Mùi trợn mắt nhìn bố tôi và quát:

- Lão xược, mày xưng tôi với ai? Trước kia mày là bác họ tao nhưng đến nay ông bà nông dân đã vùng lên đánh đổ mày. Mày phải xưng với tao là con.
- Thôi được, bà cho phép con được nói chuyện với Tâm một ít phút thôi.
- Nói gì thì nhanh lên, chớ có thông đồng chống phá, đội và các ông bà nông dân không tha tội cho bố con mày đâu.

Tôi ức quá, lúc này nếu không bị trói tôi sẽ giáng cho nó một trận đòn. Chắc hẳn nó chưa quên, mới cách đây hai tháng, gia đình tôi đang ăn cơm, nó đến vay gạo. Bố tôi bảo nó cùng ăn và cho gạo mang về. Người còn bảo:

- Nếu thiếu, cháu cứ sang đây, bác có bác sẽ cho, việc gì phải vay với mượn.

Nay Mùi trở mặt như trở bàn tay, không bằng giống chó. Bố tôi lại gằn, người lấy vạt áo lau vết máu trên mặt tôi. Hai dòng lệ rơi lã chã từ khóe mắt, người nói:

- Đội bảo gì con phải nghe theo, không thì khổ. Người ta định giết bố, muốn buộc tội gì mà chẳng được. Bố nhắc lại, con phải nghe lời bố. Nói xong, người bỏ về.

Tôi thảm nhũ, không thể nhận những điều vu khống được, nếu chúng dùng cực hình cao hơn, tôi cố nghĩ rằng mà chịu.

Bóng chiều ngả dài, Lê Thăng và Vương Viễn đến, chúng nói chuyện với nhau:

- Trưa mai, tớ đi công tác vài ngày.
- Việc ấy đội định giải quyết thế nào? – Viễn nhìn tôi rồi hỏi.
- Đồng chí vào cởi trói cho nó ra đây.

Viễn cởi trói xong, tôi vẫn không biết gì vì hai cánh tay tôi tê dại, không còn cảm giác. Hấn quát:

- Ra cho đội hỏi tội, mày định ăn vạ à?

Tôi giật mình đứng dậy, ra ngoài gặp Lê Thăng.

- Mày có nhận tội không? Lê Thăng hỏi.
- Thừa ông đội, cháu không làm, cháu không thể nhận.
- Thôi được, đội làm biên bản theo lời khai của mày.

Hắn lấy giấy bút ra viết. nửa giờ sau, hắn bảo tôi nghe hắn đọc: “Tôi là Lê Thăng, đội trưởng cải cách làm biên bản hành động chống phá của tên Nguyễn Căn – địa chủ cường hào gian ác, đầu sỏ. Y đã sai con là Nguyễn Tâm vẽ súng bắn vào khẩu hiệu: hoan nghênh chính sách cải cách ruộng đất của đảng và chính phủ. Theo lời khai của tên Tâm, mười ba tuổi: Khẩu hiệu súng đã được vẽ từ lâu, sau đó mới kẻ khẩu hiệu...” Đến chỗ “khẩu súng đã vẽ từ lâu...”, tôi thấy Thăng đọc ngắc ngứ làm tôi nghi ngờ. Đọc xong, hắn bảo tôi ký vào biên bản nhưng bàn tay hắn xoà ra che kín đoạn văn cuối.

- Thừa ông đội, cho cháu đọc lại rồi cháu ký.

Nghe tôi nói, hình như biết đã bị lộ, hắn quát:

- Mày có ký không?

- Không được đọc, cháu không ký.

Lê Thăng nhìn tôi, hắn nhếch mép cười nham hiểm:

- Mày không ký, đội có thể trói mày đến chết nhưng chẳng cần mày ký nữa.

Hắn cầm bút viết nguệch ngoạc: bị can ký tên: Tâm. Sau đó, hắn đưa tôi tờ biên bản và nói:

- Đây đọc đi.

Tôi đọc lại chỗ nghi ngờ, sự thật hắn đã viết: “Con đã vẽ khẩu súng bắn vào khẩu hiệu: hoan nghênh... con làm việc này là do bố con sai.”. Đọc xong, tôi toan xé tờ biên bản, sức nhớ tới lời bố tôi dặn, tôi đành ngậm ngùi trả lại hắn. Lê Thăng đặt tờ biên bản vào cặp tài liệu, hắn lác mắt nhìn tôi nói:

- Chữ ký của mày mà đội không làm thay được thì câu nói nhất đội nhì trời còn có ý nghĩa gì? Bây giờ đội tạm tha mày.

Mỗi mệt, cảm giận, tôi thất thểu bước về. Đến cổng nhà, tôi kiệt sức, hai tay chới với trên thành tường rồi khụy ngã. Đản trong sân nhìn thấy tôi, nó kêu lên:

- Bố ơi, anh Tâm về.

Người vội chạy ra ôm tôi bế vào nhà và đặt lên giường. Cả người tôi dộp lên vết muỗi cắn như bệnh sởi. Vết thừng trói ở cánh tay tím bầm lại.

Người lặng lẽ dùng dầu xoa bóp cho tôi. Từng giọt lệ ấm tình thương của người rơi xuống cơ thể tôi làm tôi rùng mình hoảng sợ. Tôi đã đọc được người. Phải chăng trái tim người đang bão tố và sẽ bão tố suốt những ngày còn lại của cuộc đời? Người đang hối hận đã bỏ lỡ cơ hội ra đi vì chữ hiếu để cái mỹ từ thiêng liêng ấy cũng dở

đang vì bọn khát máu không cho phép người làm trọn vẹn. Người đang đau xót, thương đàn con dại – những đứa con cô cút của người sẽ sống ra sao trong sự vui đập, đoạ đầy của xã hội?

Đêm ấy, trận bão mạnh ập đến bất ngờ, không kịp phòng chống, cái bếp nhà tôi bị đổ lấp mất ngõ đi. Đến sáng, Vương Viễn đứng ở ngoài cổng quát:

- Tên Căn đâu rồi? Mượn gió bão, mày kéo đổ bếp phá hoại đấy phải không?
- Đòi thuở nào lại kéo đổ nhà mình? – Bớ tôi từ trong nhà nói vọng ra.
- Mày muốn phi tang sai con chống phá cái cách ở bức tường kia.
- Các ông muốn buộc cho tôi bao nhiêu tội mà chẳng được.
- Láo xược, mày xưng tôi với ông bà nông dân à? Thấy Lê Thăng đến Viễn phân bua:
- Anh đội xem, tên Căn kéo đổ tường để phi tang chống phá.
- Đồng chí cứ yên tâm. Tội của ai là tiếng nói của đội, tiếng nói của bà con nông dân, cần gì tang chứng. Nó chống phá chỉ tăng thêm cực hình trước khi tắt thở mà thôi.

Lê Thăng nói xong cùng đi với Viễn.

Xế chiều ngày 16 – 5 âm lịch, bố tôi đang xây lại bức tường đổ bằng ao bùn thì Lê Thăng, Vương Viễn và hàng chục du kích, cốt cán đến nhà. Lê Thăng không cho bố tôi rửa chân tay, hấn đọc lệnh bắt giam, đọc xong, Vương Viễn cầm cái thùng đầy mới, hấn xô lại bẻ hai cánh tay bố tôi ra sau lưng và dùng hết sức trói chặt người đến nỗi người không ngồi được, ngã vật ngửa ra. Lê Thăng bảo Viễn:

- Còn giải nó đi, đồng chí nói ra một chút.

Sau đó, Viễn cùng một tên nữa đưa bố tôi đi. Trời nóng và nắng như đổ lửa, chị Hoa đang ngồi khóc vội lấy cái nón đội lên đầu bố. Viễn giằng nón vất đi, nhưng quai nón mắc vào cổ người, hấn giật mạnh làm quai nón đứt và bố tôi lão đảo ngã xuống sân. Bị trói chặt, người không dậy được. Viễn đá liên tiếp vào sườn bố tôi và quát:

- Mày muốn chết ngay thì cứ ăn vạ.
- Đồng chí Viễn – Lê Thăng bảo – ai cho nó chết ngay, chết đơn giản thế! Trước khi kết liễu kẻ thù, phải cho nó chịu nhiều cực hình chứ!

Chị Hoa khóc, van xin hấn và nâng người dậy để chúng giải đi. Tôi không biết dùng từ nào để diễn tả sự hung bạo của thằng Viễn trong lúc đó. Đau lòng và căm giận, tôi đành bất lực đứng nhìn hành động tàn bạo của bầy lang sói. Tôi không khóc,

cứ đứng trơ trơ như khúc gỗ. Nói đúng ra vì uất ức quá tôi không thể nào khóc được. Tâm hồn tôi mê mẩn như mình đang trong địa ngục chứng kiến hành động của lũ quý Diêm vương.

Lê Thăng ra lệnh cho bọn còn lại lục soát nhặt nhạnh đồ dùng, quần áo và thóc gạo dồn cả vào buồng khoá lại, niêm phong. Tài sản nhà tôi có gì quý đâu, vừa mới thu hoạch được gần một tấn thóc và đôi hoa tai của chị dâu tôi đang đeo, chúng bắt tháo ra.

Chiều hôm ấy, cả nhà không một ai nghĩ đến bữa ăn mà gạo cũng chẳng còn. Đến đêm thằng Vinh con anh Quang cứ khóc hoài. Nó chưa biết ăn, chị dâu tôi nhìn nên không có sữa. Bố tôi đã vậy, một nguy cơ nữa đang đến với gia đình, chúng thu hết thóc gạo, vay mượn ai trong lúc này, chờ chết đói chẳng? Chị Hoa bàn với anh Quang:

- Đàng nào cũng chết, lối thoát duy nhất là liều thôi anh ạ. Em định đào ngạch vào lấy thóc. Anh Quang nhát gan quá, mặt tái lại, giọng run run:
- Nếu bắt được, chúng đánh chết ngay. Vả lại lấy thóc thì làm thế nào thành gạo. Nghe thấy tiếng cối xay, chúng ập vào là hết đường chối cãi.
- Anh nhát lắm, cho dù chết ngay còn đỡ cực hơn chết đói, cứ lấy thóc gạo giấu đi sẽ liệu sau.

Nói rồi chị Hoa hành động ngay. Chị bảo tôi ra ngõ gác, thấy bọn cốt cán đến thì giả vờ học công thức toán để báo động. Lần đầu chị không dám lấy nhiều, một thúng đầy thôi rồi chữa lại hàng gạch ngạch nguyên như cũ.

Tôi có người thím họ chẳng những giàu lòng nhân ái mà còn dũng cảm. Chờ thời cơ bọn cốt cán sơ hở thím đội thóc do chị Hoa lấy trộm về nhà làm thành gạo, còn mang gạo về nhà tôi, thím bàn:

- Hiện nay vườn khoai lang nhà thím lá tốt lắm, cháu cứ vào hái, nếu bọn cốt cán hỏi, cháu nói là lấy trộm. Lấy rá đựng rau khoai, bên dưới rá để gạo mang về dần. Nhưng chẳng may chúng khám thấy thì nói năng thế nào, thím chưa nghĩ ra?
- Thím cứ yên tâm, nếu chúng khám thấy gạo, cháu sẽ nhận là lấy trộm của thím để ngoài sân. Chúng có tra khảo, đánh đập cháu có chịu đựng.

Thật may mắn, chị Hoa lấy trộm thóc nhiều lần và nhờ thím họ làm thành gạo để tôi mang về theo cách trên đều suôn sẻ. Nhờ vậy, gia đình tôi mới sống được gần hai tháng. Tất nhiên không được ăn no và ăn độn thêm rau khoai.

Chỉ có một lần, tôi đang gác để chị Hoa lấy thóc thì Vương viễn xông xộc vào nhà. Tôi vội đọc công thức toán nhưng sợ chị Hoa chưa kịp ra, lập tức tôi hỏi hấn:

- Anh Viễn đi đâu đấy?

Hấn quay lại tát tôi hoa cả mắt và quát:

- Láo xược, ai bảo mày dám gọi tao là anh?

- Xin lỗi ông Viễn – Tôi vội kêu lên.

- Nếu còn láo xược nữa, ông sẽ vả gãy răng mày.

Viễn quát tiếp và trợn mắt nhìn tôi. Tôi đã kèm chân hấn được vài phút để chị Hoa có đủ thời gian chui ra khỏi buồng và chữa lại hàng gạch ngạch thì Viễn mới vào đến nơi.

* *

*

Bất bố tôi đi sau một tháng thì chúng đưa về đầu tổ ở chợ Nụ. Ai cũng tưởng chúng bắn người ngay hôm ấy nhưng định mệnh đã kéo dài cuộc sống của bố tôi thêm một tuần trăng nữa. Nhờ vậy mà tôi tìm thấy chỗ người bị giam, một gian nhà khoảng sáu mét vuông, tường đất thấp lè tè, lợp rạ. Bố tôi đang nằm trên mảnh vải đi mưa trái xuống nền đất, chân phải bị cùm bằng gỗ. Tên du kích gác còn trẻ không đến nỗi bất nhân. Thấy tôi đến, hấn gọi:

- Căn, con mày đến.

Tôi nhìn vào buồng giam nâng bố tôi dậy và ôm lấy người. Nhìn người tiều tụy, héo hon như một nắm xương tàn, tôi khóc nức nở. Thấy tôi còn nhỏ, tên du kích coi thường, hấn lảng ra ngoài tạo cơ hội cho hai bố con được nói chuyện tự do.

- Bố ơi, người ta buộc cho bố nhiều tội không?

- Nhiều con ạ! Trong đó có hai tội mà con biết. Thứ nhất, cách đây khoảng ba tháng, việc con Mùi sang vay gạo, nó vu cho bố không cho nó vay còn hiếp nó. Thứ hai, xui con chống phá cải cách. Nói chung, mọi việc bố làm ơn nay thành ra oán, cứu sống người nay thành tội giết người.

Nhìn lên mặt bố, tôi thấy một vết thương dài khoảng ba phân trên trán và một vết thương khác tương tự ở yết hầu, áo người loang lổ đầy vết máu. Tôi sững sờ hỏi:

- Bố ơi, tại sao có hai vết thương này?

- Vết thương trên trán là do thằng Tèo gấu, sau khi vu oan, nó nắm tóc bố đập xuống đâm vào cọc vành móng ngựa.

- Tèo gấu nó tố bố những gì?
- Con hỏi nó làm gì? Nó giống như loài thú dữ được cộng thêm trí khôn của loài người và được kích thích thêm thú tính của thời đại nên mới trở thành một sinh vật độc ác, nguy hiểm nhất.

Ngừng vài giây, bố tôi nói tiếp:

- Còn vết thương thứ hai do bố tự gây ra.
- Tại sao bố lại làm như vậy?
- Các ông Chánh Tông, Chánh Quy, bác Lý Tôn đều bị bắn cả rồi. Biết chắc bọn khát máu cũng không tha nên bố lấy thanh nứa nhọn đâm vào cổ nhưng tay bị trói đau như tê liệt, đâm chẳng thấu thành ra chưa chết được. Sau đó lại có hy vọng trước khi chết may ra được gặp các con.

Nghe người nói, tôi gục đầu xuống khóc. Bố tôi đã biết rõ số phận của mình.

- Thôi con ạ, khóc làm gì nữa? Bố chỉ ân hận chưa báo hiệu ông trọn vẹn, chết bỏ lại hai con dại, rồi đây các con sẽ ra sao? Không biết họ giết bố lúc nào nên bố muốn gặp anh Quang, chị Hoa để dặn lại đôi điều. Cả em Đan và cháu Vinh bố cũng hy vọng được gặp mặt lần cuối.

Chợt nhớ ra, bố tôi hỏi:

- À, hiện nay ở nhà thế nào?

Tôi thoáng nghĩ, trong thảm trạng này không thể nói thật cho người biết hết nên trả lời:

- Vẫn bình thường bố ạ.
- Thế thì bố yên tâm. Hôm nay là cơ hội bố nói chuyện với con, lẽ ra phải nói từ lâu nhưng con còn non dại quá. Thôi thì bố đã biết nhưng không lường được nó lại khủng khiếp điên loạn đến nỗi này. Bố tưởng rằng trong quá khứ, bố chỉ làm điều nhân đức, sau cách mạng sẽ được sống bình an phụng dưỡng ông và nuôi dạy các con, bố đã làm đầy đủ mọi nghĩa vụ công dân với chế độ mới. Hơn nữa trong chiến tranh, gia đình ta có ba người bỏ mạng. Điều đau thương ấy bố cũng cho rằng là cái giá để đổi lấy sự bình an cho bố và gia đình sau ngày hoà bình lập lại. Cách đây ba năm, nghe ông Vũ quý Mão và bác giáo Tôn, bố có ý định ra đi nhưng ông con còn sống, sợ tội bất hiếu nên cơ hội cũng bỏ qua để đến nay bố phạm thêm một tội lỗi nữa: chết đi bỏ lại đàn con dại trong miệng hùm, nọc rắn. Và cũng đến nay mới rõ, cái chết thảm

thương của mẹ con, anh Thao và em Dững đã kéo dài cuộc sống của bố thêm năm năm nữa.

Một hội có sáu mươi năm, nay mới được mười năm theo như lời sấm trạng mọi sự đều đảo lộn. Các con phải sống gần hết cuộc đời trong chế độ này nếu tuổi thọ được dài. Một chế độ chỉ khuyến khích làm điều ác trọng dụng những kẻ vừa ngu vừa ác, những kẻ tán tận lương tâm đua nhau làm điều ác: Vu khống được nhiều, bịa đặt được nhiều, ngậm máu phun người thì trở thành những kẻ có công với dân, với nước. Ngược lại, những người có đức, có tài bị tàn sát hoặc bị đầy đoạ, đập vùi.

Bố không cho rằng lễ giáo phong kiến là hoàn hảo, trải qua hàng nghìn năm lịch sử phải có nhiều điều lạc hậu. Và cũng không nghĩ chế độ phong kiến là tốt đẹp, nó vẫn tồn tại những điều bất công, vô lý. Các cuộc cách mạng tư sản Anh, Pháp, bản tuyên ngôn nhân quyền nổi tiếng của Thomas Jefferson hay các cuộc cách mạng của Tôn trung Sơn, Nguyễn thái Học... đã chứng minh điều đó. Nhưng lễ giáo phong kiến không dạy con người bất nhân, bất hiếu, bất nghĩa, vu oan giá hoạ, gắp lửa bỏ tay người. Sự uống rượu, ăn thịt chó hay hủ hoá là thói xấu của ông sư hổ mang đó chứ không có trong kinh nhà Phật. Ông quan huyện ăn hối lộ, hà hiếp dân lành là tính bất nhân của con người đó chứ không phải lễ giáo Khổng mạnh dạy. Sau ngày đảo chính, lễ giáo Khổng mạnh là kẻ thù của họ. Họ tìm mọi cách để thủ tiêu và tuyên truyền cái gọi là đạo đức cách mạng, thứ đạo đức loạn luân “ông con – thằng bố, bà vợ – thằng chồng” kèm theo những điều vu khống, có lẽ còn ghê tởm hơn thời đại Tần thủy hoàng và Néron thuở trước.

Ngừng một lát, người nói tiếp:

- Đây mới là thời kỳ đầu của chế độ này, con phải cố gắng mà suy ngẫm, con sẽ thấy tội ác chất cao như núi của thời đại. Cái khó là dù cơ cực đến mấy con cũng không thể bỏ rơi nhân phẩm trên những chặng đường đời đầy tủi nhục. Tuy nhiên phải hết sức nhẫn nhục, đừng tạo ra một cơ nhỏ nào để loài thú dữ hại mình...

Tên du kích về vị trí gác, nó đuổi tôi. Bố tôi dặn với theo:

- Con nhớ nhé!
- Vâng! Con sẽ nhớ mãi.

Anh Quang không dám đến gặp bố vì sợ bọn cốt cán hành. So với các em, anh may mắn nhất, đã trưởng thành, đã có vợ con. Đám cưới anh năm 1944 linh đình lắm, cỗ bàn suốt ba ngày, có cả tri phủ đến dự. Gần ba mươi tuổi, anh chưa đèn đáp được

một chút công ơn bố mẹ. Nay là cơ hội cuối cùng vì sự hèn nhát anh đã trốn tránh lòng ước mong của bố. Riêng chị Hoa trong giai đoạn đó, chị là đứa con hiếu thảo tuyệt vời. Không sợ nguy hiểm, chị lẩn tránh đi các nơi xa vay mượn tiền sắm cho bố những bữa ăn ngon và thường xuyên đến thăm người. Có lần chị Hoa bế cháu Vinh đi cùng, đưa ông bế cháu. Thấy lạ mặt, cháu cào vết thương trên trán ông, máu xối xả chảy ra. Cháu mới mười tháng tuổi biết gì đâu! Mặc cho máu chảy đầy mặt, ông vẫn âu yếm cháu và bảo:

- Ngày sau cháu đừng quên ngày giỗ ông đấy nhé!

* *

*

Sáng ngày 17 – 7 âm lịch, bầu trời mây đen bao phủ ảm đạm, cả nhà không ai nói với ai một lời nào nhưng đều linh cảm thấy một sự kiện kinh hoàng sắp đến. Chị Hoa mang cơm cho bố về, nước mắt còn đọng trên gò má, chị nói:

- Con Mùi khôn nạn quá, nó không cho chị vào gặp bố và giăng gói cơm trên tay chị, đứng xa ném vào chỗ bố. Bố nước mắt dòng dòng nhìn chị. Hình như hôm nay bố biết sẽ chết... nên dặn: – Từ ngày mai, các con không phải đem cơm cho bố nữa.

Con Mùi lấy báng súng gạt đuôi chị về... Chị Hoa đang nói thì Lê Thăng, Vương Viễn và mấy tên du kích đến. Chúng ra lệnh cho anh chị em tôi sang một nhà hàng xóm và giam chân ở đó.

Đến chiều, nghe tiếng hò reo xen lẫn tiếng trống ếch từ chợ Nụ vọng về, anh chị em tôi ngồi mỗi người một chỗ trên sân lặng lẽ khóc thầm. Một tên du kích con lão thổi kèn đám ma bảo chị Hoa về nhà lấy chiếc quần dài của bố tôi đưa cho hắn, có lẽ chúng dùng để bịt mắt người. Rồi Lê Thăng đến, hắn nói:

- Chúng mày nghe đội tuyên bố. Tên Căn có tội nợ máu, hôm nay y phải đền tội. Tên Quang ký vào giấy trả tiền mua quan tài cho bố mày.

Anh Quang run rẩy vội cầm bút ký ngay. Anh chị em tôi gào khóc. Chị Hoa như điên vừa khóc vừa vật vã thảm thiết. Khi ấy, ở ngoài pháp trường vang lên từng loạt đạn đều đều, chậm chạp bốn năm phát một. Tôi thoáng nghĩ, chúng hành hình bố tôi theo cách của Vương Viễn chăng?

Tôi mê mẩn, bỗng thấy sầm tối lại, lão đảo rồi ngã xuống sân. Hình như chúng bắn bố tôi ngay trước mặt:

- Thằng thứ nhất chạy lên bắn, chân phải bổ tôi co lên giãy giụa.
- Thằng thứ hai... chân trái người cũng vậy.
- Thằng thứ ba, thằng thứ tư... hai cánh tay người vẫn không động đậy, có lẽ chúng trói chặt quá nên không phản ứng được.
- Thằng thứ năm... Máu ở bụng và ngực bổ tôi phun ra như vòi nước tưới rau.
- Thằng thứ sáu... Đầu người gục xuống. Bỗng tôi hét lên:
- Quân khát máu, bọn giết người man rợ.

Rất may lúc đó, chỉ có người nhà hàng xóm tốt bụng, không có một tên mặt người dạ thú nào.

Nhà cửa tài sản chúng đã tịch thu hết, anh chị em tôi biết đi đâu? Chúng tôi liều đến nhà bác ruột. Bác gái ác quá, đứng ngay cổng không cho các cháu vào sân, bác nói:

- Đi, đi ngay nhà tao không chứa được. Sau này, trước khi ốm chết bác bị thông manh đến hàng năm, ăn ở bất nhân có lẽ bị trời trừng phạt.

Cũng trong khi đó, bà thím họ gọi chúng tôi:

- Các cháu ơi, vào nhà thím!

Lời nói ân tình ấm áp làm sao! Tôi khóc oà lên vì cảm động. Tôi không ngờ trong cái xã hội tàn bạo và ghê tởm này lại có người nhân hậu thế? Phải chăng thím họ tôi là hiện thân của đáng cứu nhân, độ thế? Nếu không có thím gia đình tôi đã chết đói rồi. Cả chú họ tôi cũng có đức tính giống vợ về lòng nhân ái và lòng dũng cảm. Một cặp vợ chồng hoà thuận, nhân hậu hiếm có trên cõi đời này. Chú thím nhường nhà ở, bát cơm sẻ nửa cho các cháu trong cơn hoạn nạn. Thời gian sau, chú thím cho mượn đất vườn, chặt tre ở bụi cho các cháu làm nhà ở. Biết chuyện, Lê Thăng đến hỏi:

- Ông giúp đỡ con cái địa chủ à?
- Vâng! – Chú họ tôi trả lời – Tôi thấy chúng nó côi cút, khổ nên thương.
- Ông có biết tình thương ấy là phạm tội với đảng
- Nhưng chúng nó là cháu, cùng một dòng máu không thể làm ngơ được.
- Ông với chúng nó còn xa lắm, nếu có lập trường cách mạng thì con cũng phải vạch tội ác của bố nữa là. Từ nay đội cấm ông giúp chúng nếu không chấm dứt chó trách đội đấy nhé!

III. Những năm tháng đến trường gian nan và tủi nhục.

Anh chị em tôi chia thành hai gia đình nhỏ: Ăn với gia đình anh Quang, còn tôi ăn với chị Hoa. Tôi không muốn thế nhưng còn nhỏ nên chỉ biết ngoan ngoãn phục tùng. Một gia đình trong lúc đau thương cơ cực mà chia đôi như vậy chỉ làm tăng thêm nỗi thảm sầu. Bởi lẽ vợ chồng anh Quang với chị Hoa vốn dĩ đã không hoà thuận, anh Quang tính tình lông bông vô trách nhiệm, còn chị Hoa ích kỷ, hẹp hòi, cố chấp. Gần đây anh Quang lại biểu hiện một người hèn nhát. Cái mâu thuẫn ấy không thể nào hàn gắn. Cả nhà tôi vay vốn làm hàng xáo để kiếm ăn qua ngày. Tôi và Đản bắt đầu lao động: xay thóc, giã gạo, ra đồng mò cua, bắt ốc. Bữa ăn hàng ngày là cháo ốc hoặc khoai lang luộc, riêng mấy ngày tết được ăn cơm.

Mãi đến đầu năm 1956, trường mới khai giảng học kỳ hai. Có lẽ vì cải cách nên trường đóng cửa lâu. Quả thật tôi không còn nghĩ đến việc học hành. Bố mẹ không còn, ở với chị, lao động kiếm ăn lần hồi từng bữa thì còn học hành gì nữa?

Nhưng chị Hoa bàn với anh Quang:

- Em phải cho Tâm tiếp tục đến trường, còn Đản anh cố gắng được không?
- Cô thông cảm, tôi còn cháu Vinh nên không thể. Và lại có học cũng chẳng ích gì,
- Anh chị ạ, hãy cho Đản đến trường, còn em không học nữa – Tôi đề nghị.

Chị Hoa có vẻ bực mình nói:

- Bố mẹ không còn, chị nuôi em, cho em đi học. Còn Đản, anh Quang chịu trách nhiệm. Khổ nỗi, Đản hiền lành quá, trong thời buổi này có đi học đưa khác nó trêu trọc, nó đánh cho phải chịu.

Thế là cuộc cải cách bước vào giai đoạn quyết liệt hơn thì tôi lại đến trường. Trường cấp hai của huyện năm ấy xã Thượng hiền, phân tán nhiều nơi. Đường tôi đi học dài khoảng sáu cây số, là một con đê giữa cánh đồng lúa và con sông nhỏ.

Tôi còn nhớ như in trong óc ngày khai giảng học kỳ hai. Sau chín tháng gặp lại, các bạn tay bắt mặt mừng, họ nói chuyện với nhau nhiều về cải cách, những cuộc đấu tố, hành hình đầu tiên trong từng xã. Riêng tôi, các bạn không dám đến gần, họ nhìn tôi với cặp mắt lạnh lùng, xa cách như người ở phương nào đến. Tủi thân quá, tôi thầm nhủ: các bạn ơi, tôi cũng là người bằng xương, bằng thịt cùng máu đỏ da vàng, cùng con Hồng, cháu Lạc như các bạn, vì lẽ gì các bạn phải tránh xa tôi? Phải chăng ngọn lửa căm thù của đội đã thiêu đi tất cả nhân tình, trong đó có cả tình bạn học cũng thành tro bụi rồi sao?

Vào lớp học, thầy Thông dạy văn – thầy chủ nhiệm điểm đến tên tôi, thầy giương mắt nhìn, nói về đay nghiến:

- Em cũng đi học nữa à? Tôi cứ tưởng... Việc học của em phải chờ ý kiến của ban giám hiệu. Bây giờ em hãy về, ngày mai đến nghe quyết định.

Tôi lặng lẽ bước ra khỏi lớp, không biết cũng không muốn chào ai. Ném theo tôi hàng chục ánh mắt man dại trong bầu không gian im lìm ngọt ngào đến ghê người. Tôi lủi thủi về nhà, tâm trí lại chìm đắm trong đau thương, tủi nhục.

Sáng hôm sau, tôi lại đến trường, thầy chủ nhiệm bảo:

- Ban giám hiệu đồng ý cho em học nhưng quyết định cuối cùng là đội cải cách ở xã em. Tôi tiếc rằng, cơ hội duy nhất để cách mạng giải thoát cho em, em đã bỏ qua. Đó là vạch mặt tội ác của tên Căn trước giai cấp nông dân.

Nghe thầy nói, tôi rùng mình như lên cơn sốt rét, gai ốc nổi lên khắp cơ thể. Tôi đã có tội với bố tôi khi phải nghe những lời vô đạo lý này. Mắt tôi mờ đi như nhìn vào bóng tối. Trước mắt tôi không phải thầy giáo nữa mà là kẻ mặt người dạ thú. Ghê tởm chưa? Lời thầy thể hiện thứ đạo đức hoàn toàn ngược lại với nền văn hiến của dân tộc và có lẽ chưa từng có trong lịch sử loài người. Phải chăng, đó là thứ đạo đức đảo lộn tất cả mà thầy là một kỹ sư tâm hồn, dựa vào bản thiết kế của chế độ để chế tạo ra những sản phẩm loạn luân? Lúc đó, hình như tiếng nói của bố tôi vang vọng bên tai: “... Phải hết sức nhẫn nhục, đừng tạo ra bất cứ cơ nhỏ nào để loài thú dữ hại mình”, tôi đành ngậm ngùi nuốt giận. Định về ngay nhưng tôi thoáng nghĩ, không còn cơ hội nào cho phép tôi đến trường lần nào nữa. Và lại, tôi không muốn là người thất học. Do vậy, tôi tự an ủi mình hãy nén chịu tất cả để qua giai đoạn khủng khiếp này.

Cách mấy ngày sau, tôi đi học vừa ra đến ngõ gặp thẳng Vương Viễn, hấn hỏi tôi:

- Mày đi đâu?
- Đi học – Tôi trả lời trống không.
- Ai cho phép, mày đi theo tao? – Nói xong, hấn lại đưa tôi xuống miếu, cho vào buồng khoá lại. Hấn ra lệnh:
- Mày ở đây chờ lệnh đội.
- Nếu phải chờ lệnh đội thì cho về chứ tội gì mà phải giam? – Tôi phản ứng.
- Bà con nông dân muốn giết mày cũng được nữa là – Nói xong hấn bỏ đi. Đến trưa, hấn đến mở cửa cho tôi về và nói:

- Tên Căn và gia đình mày bị xử lý rồi, nay đội tha cho mày đi học.

Sáng hôm sau, tôi đến lớp, thầy chủ nhiệm hẳn học bảo:

- Nếu thấy khó khăn không tiếp tục học được nữa thì nên thôi, em cố gắng ăn xôi chẳng được lợi lộc gì.

Những năm tháng đến trường của tôi sau này đầy đầy những gian nan. Buổi sáng đi học sớm, quá trưa mới về đến nhà, ăn một bữa kham khổ: khoai luộc hoặc cháo rồi phải đi làm ngay. Buổi tối dầu đèn chẳng có, học theo sách giáo khoa, tôi chẳng có tiền mua, phải mượn bạn bè. Cũng may, quan hệ giữa tôi và bạn học dần được cải thiện. Tôi mượn sách giáo khoa của bạn học, chủ yếu là các môn lịch sử, địa lý và sinh vật. Vì không muốn làm phiền bạn nhiều lần, tôi học thuộc cả chương trình. Môn lịch sử khi gấp sách lại tôi đọc trôi chảy từ trang đầu đến trang cuối, không sai một chữ nào. Các môn vật lý, hoá học tôi chỉ nghe thầy giảng rồi làm bài tập không cần học lại ở nhà. Đặc biệt môn toán, tôi thấy quá dễ dàng, tôi có thể tự đi qua chương trình các lớp trên trong một thời gian ngắn nhưng học nhanh, học trước để làm gì khi cuộc đời hiện tại và tương lai vẫn chìm trong bóng tối? Giống như chàng kỵ sĩ trên yên con tuấn mã đang thong thả bước theo đoàn người đi bộ, anh ta mang theo trong tâm trí nổi bơ vơ lạc lõng. Chàng kỵ sĩ muốn phi nước đại để rút ngắn cuộc hành trình nhưng không có nơi hẹn ước và chờ đón.

Ngược lại, môn tập làm văn đối với tôi là một nhục hình. Đang thời kỳ cải cách, trường nhiều ngày đóng cửa để học sinh tham gia những phiên toà đầu tố, xét xử “địa chủ cường hào gian ác”. Chắc chắn mỗi học sinh sẽ khắc sâu trong ký ức những hình ảnh về tội ác và những hành động phi đạo lý của cái gọi là “toà án nhân dân đặc biệt” và bọn cốt cán. Thầy dạy văn có nhiều cảm hứng với những cuộc đầu tố trên, đầu đề những bài luận văn của thầy đều hướng vào cải cách.

Trong những tiết dạy văn, thầy hay đọc:

Nông dân đã nói là làm,

Đã đi là đến, đã bàn là thông,

Đã quyết là quyết một lòng,

Đã phát là động, đã vùng là lên.

Một bài luận văn có đầu đề: “Em hãy tường thuật lại buổi toà án nhân dân đặc biệt xử bọn địa chủ cường hào gian ác”, trong hai giờ làm bài, tôi gục đầu xuống bàn, không viết được một chữ nào. Đầu óc tôi quay cuồng và tưởng tượng buổi bọn khát máu hành hình bố tôi chắc cũng giống như những cuộc đầu tố bắn giết những người

vô tội khác mà tôi đã thấy. Chẳng những thế, tôi còn được chứng kiến những cảnh tượng loạn luân:

- Tên Khuê! Mày có biết ông không? – Thưa ông! Con biết, con là bố của ông...
- Tên Sang! Mày có biết bà không? – Thưa bà!... Con đã đẻ ra bà...
- ...
- Tên Yên! Mày có biết bà không? – Thưa bà!... Con là chồng của bà...

Kết quả bài luận văn đó tôi được điểm không, kèm theo những lời phỉ báng nặng nề, lẽ ra không thể có ở cương vị một thầy giáo:

- Em phải biết rằng trường học hiện nay là của con em giai cấp nông dân và người lao động. Em được ở đây là một đặc ân của đảng, là sự dung thứ của cách mạng. Em muốn trả lời cho đặc ân và sự dung thứ ấy là bài luận văn tường thuật sự trừng phạt đối với kẻ thù của giai cấp để giấy trắng phải không? Bánh xe của thời đại đã nghiền nát những vật cản đường và tiếp tục đè bẹp những kẻ không chịu tuân theo.

Bài luận văn này, Phan Lung được điểm cao nhất lớp và được đọc cho cả lớp nghe để học tập. Có đoạn Phan Lung viết: "... Trong đám khổ chủ, một phụ nữ ngoài hai mươi tuổi, eo người cân đối, da trắng, khuôn mặt nguyệt, mũi dọc dừa. Và đặc biệt là cặp mắt long lanh như bốc lửa căm thù.

Người đẹp đứng phắt dậy, bước những bước thật kiêu hùng, cách kẻ thù khoảng một mét, người đẹp dừng lại, cánh tay phải vung mạnh về phía trước, bàn tay khép kín ngón duỗi thẳng như thanh mã tấu hướng đâm vào mặt kẻ thù. Cô đồng dục quát:

- Tên Sang! Mày có biết bà không?

Kẻ phạm tội run lên cầm cập, mồm ú ớ mãi mới nói thành lời:

- Thưa bà! Bà tên là Hạnh, con đã đẻ ra bà.
- Hôm nay, trước toà án nhân dân đặc biệt và quần chúng nông dân lao động, bà vạch trần tội ác của mày. Mày hiếp bà bao nhiêu lần mày còn nhớ không? Mày đã cưỡng dâm nhiều phụ nữ nông dân, mày sai bà đến bắt Vũ lăng báo giặc bắt, giết hại cán bộ cách mạng, mày bóc lột, áp bức người nghèo...

Tiếng hô khẩu hiệu lại vang lên như sấm:

- Đả đảo bọn địa chủ cường hào gian ác!

Đả đảo, đả đảo, đả đảo!

- Kiên quyết đánh đổ tên Sang...!

Kiên quyết...!

Khi từng loạt đạn nổ kết liễu đời kẻ thù giai cấp, tiếng hò reo của Hạnh hoà nhập với làn sóng âm thanh reo vui của biển người. Với lòng tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của đảng và bác Hồ kính mến, với ý thức giác ngộ giai cấp, Hạnh đã đặt quyền lợi và tình thương yêu của giai cấp cần lao lên trên hết. Cô co chân đạp đổ cái gọi là tình phụ tử của lễ giáo phong kiến cổ hủ để tự giải phóng mình ra khỏi ảnh hưởng của tầng lớp áp bức bóc lột...”

Phan Lung đã viết đúng sự thật về cảnh tượng con tố bố bằng những lời bịa đặt do sức ép của đội, nhưng bạn ấy có hiểu rằng, đây là một bằng chứng của sự loạn luân không?

Trên đường đi học, tôi cũng trải qua nhiều nỗi gian nan. Những ngày mưa phùn, gió bắc, cái rét thấu xương với quần áo vải che thân. Ăn lại đói, cháo hoặc khoai thay cơm. Trong cảnh ngộ đó mới thấm thía thế nào là hai chữ “cơ hàn”, chúng gắn bó với nhau như cặp tình nhân chung thủy, cùng hiệp sức tàn phá thể xác những người khốn khổ! Chẳng những thế, đường đi đến trường toàn là đất thịt, gặp cơn mưa phùn đường lầy lội trơn như đồ mỡ, có đoạn loãng ra như cháo: tôi và nhiều bạn học thay nhau ngã. Có lần tôi bị nhào xuống sông, rét tím người lại phải lê bước quay về nhà, nghỉ học.

Cuối năm học, có một kỳ thi sát hạch, cũng may bài thi văn không liên quan gì đến cải cách nên tôi được điểm trung bình các môn cao nhất khối. Phát phần thưởng và giấy khen cho tôi là thầy hiệu trưởng Đỗ Đoàn, người đã nhận và đuổi tôi học dự thính cách đó bốn năm. Có lẽ còn nhớ nên thầy nói:

- Em học giỏi nhưng đời chẳng gặp may!

Giữa năm 1956, quê tôi chia lại ruộng, anh chị em tôi cũng được mấy sào. Nghi hè, tôi cùng chị Hoa ra đồng làm ruộng. Ngoài ra, tôi đi cắt vó tôm vừa ăn, vừa bán dành dụm ít tiền để mua sách vở cho năm học mới và cải thiện bữa ăn cho đỡ khổ.

Niên học 1956 – 1957, trường chuyển đến xã Phương công, nơi có thị trấn Cổ rồng, một quãng đường dài mười bảy cây số. Tôi muốn tiếp tục học phải trọ nhà dân, việc đó tính sao đây?

Mang tiếng tôi ở với chị, ăn và học nhưng thực tế chỉ là chỗ dựa, tôi vừa làm để kiếm ăn và vừa học. Nay trường xa không thể lao động được nữa nếu còn đi học, tôi xin ý kiến chị Hoa:

- Thừa chị, trường chuyển xuống Cổ rông, các bạn em đều phải trọ học. Xa lắm em không thể đi về được, chị có cho em học nữa không?
- Em cứ theo các bạn mà tiếp tục. Sắp đến mùa rồi, chị dành thóc làm thành gạo để chủ nhật em về lấy đi ăn.

Được chị Hoa đồng ý, tôi sung sướng quá, chạy tung tăng đến các bạn học để khoe. Cuộc sống của gia đình tôi lúc đó đã khá hơn xưa, ngày ăn hai bữa cơm chứ không ăn khoai và cháo nữa.

Những ngày tháng đi học trọ, thức ăn hằng ngày rất đạm bạc phần nhiều là nước mắm, rau cũng chẳng mấy khi có.

Đến cuối năm, một tin vừa vui, vừa buồn đến với tôi: Được một người bạn gái giúp đỡ, chị Hoa có giấy thông hành mang họ tên người ấy, chị lên Hà nội tìm người chồng chưa cưới. Đó là niềm vui chung của cả gia đình. Đành rằng chị ra đi tìm hạnh phúc nhưng để lại cho tôi nỗi cô đơn, buồn tủi. Từ nay, chỗ dựa và cứu cánh của tôi không còn nữa. Nếu nghĩ rằng, chị phải hy sinh hạnh phúc riêng vì đưa em cô út là điều ích kỷ. Tuy nhiên trong xã hội, do hậu quả của thời kỳ cải cách, nhiều người chị vì tình thương em đã lãng quên hạnh phúc của đời mình. Nỗi buồn này, tôi trách ai? Nếu trách tôi cũng có phần nào đúng, tôi thiếu nghị lực và lòng dũng cảm nhưng có ai cảm thấy vui mừng hoặc bình thường trong các buổi chia ly? Chia ly là nỗi buồn muôn thuở của con người. Tuy nhiên, lẽ sống vĩnh hằng ấy vẫn có những nghiệm số ngoại lai trong hệ phương trình nhiều ẩn số. Đưa con trai cô tôi sang Liên xô học bảy năm, ngày tiễn đưa nó lên đường là ngày vui nhất có một không hai. Có lẽ vì một ngày mai tươi đẹp, hứa hẹn hạnh phúc tràn đầy đã dập tắt mọi nỗi buồn xa cách và thua thiệt về tình cảm.

Vả lại, với tuổi đời mười bốn bị phân biệt đối xử như kẻ thù trong một xã hội quá ư nghèo khổ đã mấy ai sống nổi một cuộc đời độc lập?

Mùa xuân 1957, đám cưới chị tôi được tổ chức ở quê. Ngày cưới chị – ngày vui nhất đời của một người thân – đối với tôi là một ngày ảm đạm. Vì từ nay với chân yếu tay mềm, tôi phải tự mình lái con thuyền cuộc đời về tới bến trong giông tố hãi hùng của biển cả. Gọi là đám cưới cho thêm phần thi vị, thực ra chỉ có hơn một chục người của hai họ dẫn dâu trong lúc còn mờ mịt bóng đêm không hoa, không pháo nổ.

* *

*

Năm học lớp sáu ở thị trấn Cổ rồng nhanh chóng trôi qua, tôi nghỉ hè và chuẩn bị bước vào năm học mới. Hiện tại, tôi sống với anh Quang, một người vô tích sự, tuy có sức khoẻ để lao động nhưng sống theo kiểu nước chảy, bèo trôi, hầu như không có trách nhiệm với các em. Anh thường nói: “ai có phận thì lo”. Chị dâu tôi, một người đàn bà yếu đuối, ăn tiêu hoang toàng không biết lo liệu.

Phương ngôn có câu “thế gian được vợ hồng chồng” nhưng vợ chồng anh tôi thì hồng cả hai, kinh tế lúc nào cũng lâm vào cảnh bần cùng. Đàn mang tiếng được anh cuu mang, sự thực em tôi thành người ở không công. Đàn làm mọi việc nội trợ như xay thóc giã gạo, thổi nấu... làm thay cả những việc của đàn bà như dầm, sàng thóc gạo và cả việc ngoài đồng. Thế mà em tôi vẫn ăn đói, mặc rét. Tuy nhiên phải kể đến một nguyên nhân chủ yếu là anh chị tôi vẫn trong vòng uy hiếp, chèn ép của chính quyền và bọn vô lại.

Tuy phải sống với anh nhưng tôi vẫn tạo ra một cuộc sống riêng. Những ngày hè tôi đi kéo vó tôm vừa ăn, vừa bán mới có tiền may quần áo, mua sách vở để tiếp tục học lớp bảy nhưng học hết chương trình là một điều nan giải. Cũng may, niên học 1957–1958 trường chuyển về thị trấn Thanh nê, xã Tân thuật, quãng đường đi học khoảng bảy cây số. Trường được xây dựng đơn sơ bằng tre nửa lá, có bàn ghế học. Sáng đi học sớm đến quá trưa về nhà, ăn xong tôi phải làm đến tối.

Học được vài tháng, kinh tế gia đình tôi sa sút quá, lo ăn từng bữa. Chị dâu tôi kêu ca, phàn nàn nhiều, không muốn cho tôi đi học. Các bạn biết chuyện nói với thầy chủ nhiệm. Thầy Chính dạy toán, đáng người cao, gầy nhèn bề ngoài ít có cảm tình nhưng thầy có một tấm lòng nhân ái. Thầy nói với tôi:

- Thầy biết em khó khăn sắp phải bỏ học, thầy sẽ giúp em học hết năm. Em làm đơn xin trường cấp học bổng, có chứng nhận của chính quyền địa phương. Thầy sẽ thuyết phục hội đồng giáo viên và đề nghị ban giám hiệu.
- Thừa thầy – Tôi nói – trước hết em cảm ơn thầy nhưng chính quyền địa phương sẽ không bao giờ chứng nhận cho em. Có lẽ thầy cũng biết, nếu em bỏ học hoặc chết vì đói rét là mong muốn của họ.
- Tâm ạ, em cứ làm đơn không cần chứng nhận của địa phương để thầy cố gắng xem sao?

Chiều theo ý thầy nhưng tôi cho là việc hão huyền, nếu có chẳng chỉ là một tia hy vọng mong manh. Tuần sau, thầy báo cho biết, tôi được cấp học bổng hai phần ba. Thầy nói, nếu được chứng nhận của địa phương sẽ được toàn phần. Tôi vui mừng và

cảm động quá không can được dòng nước mắt vì không ngờ tia hy vọng mỏng manh ấy lại trở thành hiện thực. Một miếng khi đói bằng một gói khi no, một số tiền học bổng tương đương với năm mươi tư đồng sau khi đổi tiền năm 1958, nhờ có số tiền nhỏ ấy mà tôi đã học hết chương trình lớp bảy. Tôi phỏng đoán, buổi xét cấp học bổng cho tôi chắc thầy phải đấu tranh gay gắt lắm vì mặc dù là các nhà giáo trong thời buổi này họ cũng không dễ dàng gì nhất trí để làm điều thiện.

Tôi mạnh dạn hỏi thầy:

- Thưa thầy, em được học bổng có lẽ làm thầy chịu nhiều vất vả?
- Đúng thế, nhưng thầy cho rằng, dù phải mất mát và hy sinh để giúp đỡ người trong lúc khó khăn, hoạn nạn là một nghĩa vụ phải làm, nhất là đối với một nhà giáo.
- Thưa thầy, em nghĩ rằng, nếu mọi người có lòng nhân ái như thầy, ngày mai đất nước sẽ là một vườn hoa.
- Em nói đúng. Xã hội muốn tiến lên, ngoài sự công bằng và công lý là nền tảng, phải tồn tại cái cao hơn, quý hơn thế, Đó là tình thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau.
- Em đoán rằng, nhiều thầy phản đối việc cấp học bổng cho em?
- Tuy có nhiều nhưng tiếng nói ủng hộ lòng nhân ái vẫn chiếm đa số. Một việc nhỏ nhưng đáng nói là nó có một không hai ở toàn miền bắc. Em nghĩ xem, còn trường nào dám cấp học bổng cho con một “địa chủ cường hào”?
- Thưa thầy, em luôn cảm thấy mình lẻ loi, lạc lõng trong xã hội nhưng trước hành động đáng quý của thầy, em cho rằng vẫn còn chỗ đứng của lòng nhân ái tuy vô cùng nhỏ bé.
- Cách đây năm sáu năm thầy đọc một tờ báo có bài viết hai vợ chồng bác học Hoa kỳ tên là Rosenberg bị kết án tử hình trên ghế điện về tội bán tài liệu nguyên tử cho Liên xô. Hai đứa con của họ được tổng thống Truman nhận làm con nuôi. Liên tưởng đến em, thầy nghĩ rằng, bố em bị xử bắn sai hay đúng thầy không cần biết, nhưng em mới lớn lên thông minh, học giỏi, cuộc sống lại khó khăn, vất vả. Với một học sinh như vậy, nếu nói theo phạm vi rộng, việc giúp đỡ em thành tài là nghĩa vụ của toàn xã hội. Có làm như vậy, đất nước này mới thay đổi và phát triển. Điều đáng buồn là nếu tấm gương như trên xuất hiện tương tự ở thời đại ta đang sống sẽ bị quy thành một tội – mất lập trường giai cấp, thương xót con cái của kẻ thù.

* *
*
*

Sang học kỳ hai, tôi có một người bạn tri tâm. Lê linh hơn tôi một tuổi, da trắng, dáng người thanh nhã. Năm học lớp bảy Linh cùng lớp với tôi. Sau khi biết đời học sinh gian nan của tôi, Linh mới gần gũi và thân thiện. Hai đứa cùng kém về văn – nhất là văn chương cách mạng. Có bài luận văn đầu đề là em hãy bình giảng câu ca dao:

Nhiều điều phủ lấy giá gương

Người trong một nước phải thương nhau cùng

Bài luận văn này, tôi chỉ viết được lời giảng nghĩa, còn lời bình luận, tôi thấy hai câu ca dao ấy so với xã hội đương thời hoàn toàn là một điều nghịch lý nên chẳng viết được chữ nào.

Bài văn của Linh, có đoạn anh viết: “... ôi, hai câu ca dao ấy thiêng liêng và cao quý biết bao! Nhưng nó đã bị xã hội ngày nay hiếp dâm để sinh ra những quái thai: tội ác và hận thù. Nếu nói người trong một nước thì phạm vi ấy còn mênh mông quá, hãy xem người trong một làng, một xã “phải thương nhau cùng” được biểu hiện đến đâu? Phải chăng là những cuộc đấu tố, hành hình, cướp giết người lương thiện. Còn người trong một nhà thì con tố oan cho bố, vợ vu oan cho chồng. Thử hỏi những cảnh tượng đó là biểu hiện tình thương của con người hay thú tính?”

Kết quả bài luận văn của tôi và Linh đều nhận được điểm một. Sau buổi học, Linh rủ tôi ra cửa hàng trong thị trấn ăn bánh cuốn và cả buổi chiều hôm ấy, anh nói chuyện với tôi.

- Tao chán ngấy loại văn chương này. Bài nghị luận nào cũng phải nhét vào bài vài câu sáo rỗng: Chủ nghĩa xã hội là mùa xuân của nhân loại. Nếu không thì chủ nghĩa Cộng sản là thiên đường...
- Tao có cảm tưởng, rồi đây học sinh sẽ cạo đầu đi tu theo dòng đạo vô thần, hằng ngày đứng trước tượng đài ông Marx, ông Lénine để đọc kinh: Chủ nghĩa xã hội là... Chủ nghĩa Cộng sản là... vì lý tưởng cao đẹp... chúng tôi nguyện đem cuộc đời và hơi thở để hiến dâng... Đứa nào cũng phải thuộc đoạn “kinh” của Atrôpsky: “Cái quý nhất của con người là... Người ta chỉ sống có...”

Tao có ý nghĩ, chủ nghĩa xã hội là mùa hè ở Việt nam, bọn mình biến thành một đàn cóc kêu quanh năm, không phải chỉ kêu ở lũy tre làng mà khắp mọi nơi.

Linh nói tiếp:

- Môn lịch sử hiện đại, theo sách giáo khoa chúng ta học: Liên xô đóng vai trò quyết định trong cuộc đại chiến lần thứ hai. Chiến tranh Triều tiên, Mỹ là kẻ gây chiến và thất bại nhục nhã... Bố tao bảo bọn mình đã học kịch bản do các nhà sử học CS hư cấu.

Tao không muốn biến thành con cuốc kêu theo kịch bản nên hết lớp bảy, tao nghỉ học, làm thợ may với bố tao.

- Linh ạ, mình cũng phải nghỉ học để kiếm ăn thôi. Tại sao bài viết vừa rồi Linh dám viết bạo thế?
- Tao biết chọn mặt gởi vàng chứ. Thầy Hùng phải cho tao điểm một nhưng thầy có lương tâm và thấu hiểu ruột gan của chế độ này. Khi trả bài, thầy nói nhỏ với tao, em hãy đốt đi đừng để cho người khác đọc.

Linh sôi nổi tiếp lời:

- Mà biết không, năm kia một ông cán bộ cấp cao về xã tao phát động phong trào hợp tác xã nông nghiệp toàn tỉnh. Bởi vì xã Tân thuật có anh hùng quân đội Nguyễn thị Chiên...
- Sách báo viết về Nguyễn thị Chiên có đúng không?

Tôi hỏi xen vào:

- Con Chiên cùng xóm, tao còn lạ gì nó. Tao đọc tập truyện viết về nó, được mấy trang thấy thôi quá, toàn là bịa đặt, tao cho ngay vào bếp lửa.
- Nội dung ông cán bộ cấp cao nói thế nào?
- Xã Tân thuật có anh hùng quân đội Nguyễn thị Chiên – một vinh dự cực kỳ lớn, tôi thay mặt đảng và chính phủ phát động phong trào hợp tác hoá nông nghiệp điển hình cho toàn tỉnh Thái bình. Xưa kia, bà con nộp sưu thuế cho thực dân phong kiến là bị chúng bóc lột. Ngày nay bà con đóng thuế cho nhà nước chẳng khác gì túi trong bỏ ra túi ngoài, túi dưới bỏ lên túi trên. Dưới sự lãnh đạo của đảng, rồi đây ta nuôi trâu bò kéo để làm nguồn thực phẩm. Có máy cày, máy bừa thay sức kéo của trâu bò. Bà con nông dân sẽ cơ giới hoá trong sản xuất, điện khí hoá nông thôn...

Cảm động và sung sướng quá, đa số nông dân nghe đều sụt sùi khóc. Mấy ông bà già tuổi ngoài bảy chục khóc nức nở như trẻ bị đòn, thương tiếc thân phận mình tuổi

đã nhiều không thể sống đến ngày quê hương có ánh điện thay đèn dầu, có máy móc thay sức con người.

Ngược lại cũng có người chỉ mỉm cười. Riêng bố tao cũng khóc.

- Tại sao thân phụ Linh lại khóc?
- Bố tao khóc vì thương xót dân mình nhẹ dạ, dễ bị lừa bịp quá. Nếu họ không có ý lừa thì cũng là cái ngu, bệnh giáo điều của họ, lời nói chỉ là chuyện hoang đường. Bố tao bảo, rồi đây xã Tân thuật sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội rồi chủ nghĩa Cộng sản. Lúc đó Tân thuật trở thành thiên đường và Nguyễn thị Chiên trở thành “đức chúa”.

Người nói thêm, đang đang chế tạo chiếc đồng hồ và thay thượng đế bắt mặt trời tuân theo cái đồng hồ đó.

Linh nói thêm:

- Do khoa học và kỹ thuật phát triển đưa con người đến chỗ làm ăn tập thể và không có điều ngược lại. Bởi hàng triệu khối óc của người nông dân cộng lại cũng không thể thay thế cho khối óc của một nhà bác học. Câu nói đoàn kết lại sức mạnh chỉ nên áp dụng vào việc chống giặc ngoại xâm, chống thiên tai...

Ngày thi chuyển cấp, tôi và Linh không dự. Tôi đến trường lấy học bạ và giấy chứng nhận tốt nghiệp của bốn năm học (một năm cấp một và ba năm cấp hai). Học bạ cấp hai của tôi, thầy chủ nhiệm nhận xét: học giỏi, thông minh, có năng khiếu đặc biệt về môn toán hứa hẹn nhiều triển vọng. Cần cố gắng về văn chương cách mạng.

* *

*

Nhà Linh gần trường, một ngôi nhà gỗ lim. Đồ dùng trong nhà gọn gàng, ngăn nắp. Linh dẫn tôi về nhà, gặp bố Linh đang may quần áo, ông có dáng người tầm thước, khuôn mặt thanh nhã như con, tuổi gần năm chục, mái tóc đã lốm đốm điểm sương.

Tôi lễ phép chào, ông đứng dậy gọi tôi vào ngồi trên chiếc ghế băng. Linh giới thiệu:

- Đây là Tâm, bạn học của con.
- À, thế thì bác đã nghe Linh nói chuyện nhiều về cháu. Ngừng một lát, ông hỏi:

- Nay cháu không không thi chuyên cấp à?
- Vâng, thưa bác, cháu không đi học nữa.
- Cứ theo cách giáo dục này không thành tài đâu cháu ạ.
- Thưa bác, chúng cháu còn ngu dại lắm! Bác cho biết tại sao học cũng không thành tài?
- Bác không dám khẳng định mà chỉ là một nhận xét thôi. Một hôm bác qua trường đảng ở thị xã, thấy ông cán bộ tuyên huấn đang giảng bài. Do tính tò mò, bác đứng lại nghe trộm. Ông ta nói trên trời dưới biển, nào là phép biện chứng của Marx, đấu tranh giai cấp, nền chuyên chính vô sản, nào là tính đảng và tính nhân dân, cách mạng giải phóng dân tộc là quá độ của cách mạng vô sản... Nói một hồi như vậy không hiểu sao lại nói nguyên tử có proton, electron, neutron...

Bác có ý nghĩ rằng, Cộng sản tham lam đưa con người vào rừng khoa học rồi bỏ rơi ở đó. Anh ta tưởng rằng, cái gì mình cũng biết, cũng hiểu, cũng hơn người nhưng kỳ thực chẳng có kiến thức một cái sự vật gì đến nơi, đến chốn. Nghề nghiệp chẳng tinh, chuyên môn thì rỗng tuếch, chỉ nhớ một khối lượng từ khoa học và chính trị suông. Đà này dẫn đến một giai đoạn loạn thầy, ông cán bộ tuyên huấn xã đứng trước dân không bỏ lỡ cơ hội răn dạy vài từ chính trị rẻ tiền nhưng lại có mùi mè kinh điển nên ông ta tưởng mình là uyên bác. Bà cán bộ phụ nữ vừa thoát khỏi lớp y tở, đi học tập một vài tuần chính trị, bà cố nhớ mớ lý thuyết trống rỗng ấy để loè quần chúng. Cứ thế, theo cấp bậc từ trên xuống dưới đều là thầy để răn dạy nhau. Còn lại, đám dân cùng đinh là lũ học trò cam chịu bề trên dạy bảo. Người nào thấy sai mà phản đối bị quy vào tội chống đảng, kẻ thù của giai cấp.

Bác không phủ nhận trí tuệ của người Việt nam học ở các nước phương Tây, có rất nhiều người thành đạt như Nguyễn mạnh Tường, Vũ như Canh, Lê văn Thiêm... chẳng hạn, nhưng ở xã hội mình hiện nay học khó mà thành tài. Học lên cao, lấy được bằng đại học, phó tiến sỹ hay tiến sỹ chẳng nữa có thể số đông cũng chỉ là đám trí thức ngộ chữ khua môi múa mép để vinh thân phì da, chẳng giúp được bao nhiêu cho sự nghiệp phát triển khoa học, kỹ thuật của đất nước. "... Quýt Giang nam đem trồng Giang bắc hoá chua. Đó là do thổ nghi..."

Phải nói Cộng sản đã biến đất nước thành thổ nghi cằn cỗi, phát sinh nhiều sâu bọ, không mấy hạt giống quý có thể nảy mầm và phát triển, nếu có chẳng cũng chỉ thành công trong muôn một.

Người dân đang đói cơm, rách áo phải có chính sách thiết thực để họ có ăn, có mặc, chứ không nên đưa con người lên chín tầng mây để tưởng tượng cái thiên đường của nhân loại. Và xây dựng cái ước mơ huyền hoặc ấy bằng sự hợp sức của người nông dân vô học, hợp sức của con trâu, con bò cùng có cái cày, cái cuốc.

Ngừng vài giây, ông tiếp:

- Cháu ạ, về kinh tế của nước ta hiện tại rất đáng buồn, nhưng nếu có cơ chế chính trị và kinh tế phù hợp với quy luật tiến hoá chỉ một vài chục năm là ổn định và phát triển. Nguy hiểm nhất của thời đại này là vấn đề đạo đức. Sau khi nắm được chính quyền, họ lần lượt san bằng hoặc thủ tiêu mọi nếp sống văn hoá của dân tộc. Nếu họ thấy lễ giáo Khổng Mạnh có điều nào lạc hậu, vi phạm đến quyền sống của con người thì bỏ đi cũng là điều cần thiết, nhưng không được loại bỏ hoàn toàn, phải giữ lại những nét tinh hoa như ngũ thường. Thí dụ, một nhân sinh quan được thể hiện qua thơ của cụ Nguyễn Du:

Anh hùng tiếng đã gọi rằng,

Giữa đường đâu thấy bát bưng mà tha.

Những vần thơ ấy sẽ sống mãi với thời gian và trở thành một chân lý tuyệt đối.

Sự thật trên mảnh đất của đạo đức, sau khi san bằng tất cả, họ chỉ xây dựng một toà lâu đài nguy nga, lộng lẫy với mỹ danh “lòng tin tuyệt đối vào đảng”. Còn lại họ trồng toàn cỏ dại. Vườn cỏ dại quanh năm xanh tốt vì được vun xới bằng các chất tàn bạo, lừa bịp, loạn luân, vu oan giá hoạ và được tưới tắm bằng máu và nước mắt của con người. Toà lâu đài và vườn cỏ dại kia là nội dung cái gọi là “đạo đức cách mạng”. Chính nó đã gây ra thảm hoạ hồi cải cách ruộng đất mà hậu quả còn kéo dài nhiều thập kỷ. Sau này, toà lâu đài kia có sụp đổ và vườn cỏ dại kia có lụi tàn, những hạt giống của lòng trung thực, lòng nhân ái... cũng không dễ dàng gì nảy mầm và phát triển trên mảnh đất tanh hôi ấy. Vì muốn phục hưng nền đạo đức của dân tộc sau khi bị đập phá tan hoang có khi phải kéo dài hàng thế kỷ.

Chia tay gia đình Linh, tôi ra đường ngắm lại mái trường lần cuối với bao kỷ niệm vừa thân thương vừa tàn nhẫn và tủi nhục còn mãi mãi ghi sâu trong ký ức.

* *

*

Trên đường tôi đi học, qua xã Đình phùng, nơi đây có một nữ sinh là Lê thanh Ngân. Cô cùng học một lớp với tôi, những buổi đi học, về cùng trên một quãng đường dài bốn cây số.

Ngân bằng tuổi tôi, da trắng, khuôn mặt trái xoan duyên dáng. Không hiểu vì sao tôi cứ muốn gần Ngân? Mỗi lần được nhìn em, tôi quên mọi nỗi đắng cay, trái tim tôi đập mạnh. Phải chăng tôi đã yêu em – một tình yêu đơn phương, thầm lặng?

Thực ra Ngân chỉ là một thôn nữ có nhan sắc trong một gia đình trung lưu ở vùng quê nghèo khổ. Trong khi đó, thật tội nghiệp, tôi đang phải sống một kiếp người khốn khổ: không bố mẹ, không nhà cửa, ăn đói, mặc rét, lại bị xã hội hắt hủi hất ra ngoài lề cuộc sống. Đành rằng, trong lịch sử loài người có biết bao cuộc tình trớ trêu như vậy? Ngoài thiên tình sử đầy máu và nước mắt của nàng Lucia và chàng lính hầu Patino trong thời bạo chúa Neron, Romeo và Julliete, còn hàng triệu mối tình oan trái khác:

- Nàng Eponine khốn khổ vì yêu thầm nhớ trộm đã lấy thân chắn đạn cho chàng nam tước Marius để cái chết của nàng đổi lấy một cái hôn lạnh lùng trên trán.
- Anh học trò nghèo Chi chịu cái chết thảm thương vì dám yêu cô Nga cảnh vàng lá ngọc...

Cuối năm học, nhiều lần tôi đi bên em, cả hai đều im lặng. Từng cơn gió xuân ầm ập thổi ào ào, mái tóc thề tung bay trước gió như vẫy chào những làn sóng màu xanh mênh mông của biển lúa hai bên đường. Có khi em nhìn tôi với cặp mắt huyền ngời sáng, môi em phảng phất nụ cười, khi đó lòng tôi khắp khởi reo vui. Có khi nét nguyệt em chau lại, đôi môi em phai bớt vẻ hồng làm trái tim tôi tê buốt.

Năm học qua thì ngày tôi đi bên em không còn nữa. Từ biệt mái trường phổ thông để bước vào cuộc sống đơn chiếc, nhọc nhằn với một tương lai mù mịt đang chờ đón. Thế mà tôi lãng quên tất cả, trong tim tôi rung lên một khúc nhạc tình ca.

Những buổi sáng mùa hè tôi lang thang một chặng đường dài ba cây số đến chợ Nam huân, từ đó nhìn em thấp thoáng trong sân qua hàng cây phượng hoa đỏ rực rỡ dưới ánh nắng mặt trời. Có lần tôi gặp em trên đoạn đường vào chợ. Thấy tôi, em tươi cười hỏi:

- Anh Tâm đi đâu đấy?
- Tôi hay đến chợ này.
- Anh mua sắm thứ gì?
- Tôi mua sắm gì đâu, mà vì một điều khó nói.

Hình như hiểu ý, em tủm tủm cười và lảng sang chuyện khác:

- Kỳ thi chuyển cấp anh có đỗ không?
- Vì hoàn cảnh khó khăn, tôi phải nghỉ học rồi, thi làm gì nữa?
- Học giỏi mà phải bỏ dở thì tiếc nhỉ?
- Tôi tiếc lắm chứ nhưng biết sao.
- Còn Ngân? – Tôi hỏi.
- Ngân không làm được bài dựng hình nên trượt, có lẽ Ngân đi học trường dân lập ở thị xã.
- Ngân ạ, nếu việc học hành suôn sẻ, ba năm cấp ba và bốn hoặc năm năm đại học, lúc đó cánh cửa của cuộc đời rộng mở, Ngân có quên những bạn học xưa không?
- Chắc chắn Ngân còn nhớ mãi.
- Cặp mắt xanh của tiểu thư sẽ để ai lọt vào?
- Có thể một người ở phương nào đó nhưng mơ ước của Ngân vẫn là người trên mảnh đất quê hương.
- Hình như Ngân có ý nghĩ thất thường về tôi thì phải?
- Sao anh biết?
- Tôi cảm nhận qua nét mặt của tiểu thư trên đường đi học.
- Khi nào nghĩ anh thông minh, học giỏi thì khi đó có một tình cảm triu mến xen lẫn một mơ ước về đối tượng, nhưng khi nghĩ đến anh là con địa chủ thì sờ sợ.
- Tôi có hại ai đâu mà sợ?
- Ai chẳng biết anh không làm gì xấu, do xã hội đặt anh vào một vị trí để mọi người phải xa lánh, không dám quan hệ, thế thôi.
- Thế ra xã hội muốn cướp đi của tôi quyền được quan hệ với mọi người và quyền được yêu thương?
- Anh nói đúng! Ngân hiểu rằng, anh muốn dành cho Ngân một trái tim trong trắng, nhưng... xưa kia nhiều mối tình dang dở vì không môn đăng hộ đối, do lực cản của gia đình. Ngày nay lực cản ấy là toàn xã hội, ảnh hưởng đến tương lai hạnh phúc của cuộc đời nếu tình yêu không cùng giai cấp.

Ngừng nhiều giây, vẻ mặt em buồn bã, giọng em nhỏ nhẹ, nghẹn ngào:

- Không phải riêng Ngân, cả trường nhiều người khâm phục anh thông minh, đức độ nhưng khâm phục để mà hoài niệm thế thôi. Điều anh mong muốn thì Ngân không dám và không thể...

Đây là lần cuối cùng tôi được gặp em. Quả thật tôi yêu em say đắm nhưng với cảnh khốn khổ của mình, tôi biết nói gì hơn. Kết thúc một mối tình đơn phương cay đắng khắc sâu trong tim tôi một vết thương lòng cùng bao năm nhớ tiếc và hờn tủi.

* *

*

Lại một năm nữa nặng nề, u ám trôi qua trong cuộc sống nhọc nhằn, lần hồi kiếm ăn từng bữa cùng một chuỗi ngày kế tiếp nhau âm thầm, lặng lẽ trong nước mắt và tủi nhục. Nhiều đêm tôi không ngủ được, ra ngoài sân nhìn khoảng không gian có đêm vắng bóng chị Hằng. Trước mắt tôi hàng nghìn vì sao lấp lánh như hàng nghìn con mắt của vũ trụ nhìn tôi thờ ơ, im lặng. Cách đây hàng triệu năm những con mắt của vũ trụ vẫn nhìn hành tinh này thờ ơ như thế. Thuở xa xưa ấy, những bầy người nguyên thủy biết chung sức lại chống chọi với muôn loài vật để tồn tại và phát triển. Con người sống với nhau bình đẳng.

Cảm ơn thượng đế đã ban cho loài người hai chữ trí khôn để trải qua nhiều thiên niên kỷ đã thiết lập thành xã hội – một cộng đồng của con người có bề trên, kẻ dưới. Cao nhất là vua chúa, thấp nhất là những kẻ cùng đinh, những tên nô lệ. Từ đó có áp bức, bóc lột, bất công và tàn bạo. Và cũng từ đó có chiến tranh và các tội ác khác, con người chém giết con người. Theo Janjacques Rousseau: “Loài người càng văn minh, càng suy tàn về nòi giống”. Ông ca ngợi chủ nghĩa tự nhiên.

Tôi cảm ơn nền văn minh của nhân loại đã cho tôi biết nói, biết chữ, có quần áo mặc và phép nhiệm màu của thần Prométhée để nấu chín đồ ăn. Tôi oán trách nền văn minh ấy đã dẫn con người đến những thời kỳ sống với nhau như lang sói và tôi trở thành một nạn nhân. Nếu không có kiếp luân hồi nghĩa là không phải kiếp này tôi bị đầy đoạ để trả nợ kiếp xưa, tôi cũng oán trách tạo hoá không cho tôi đầu thai cách đây hàng triệu năm trước để tôi được sống giữa quần thể người nguyên thủy, không bị chèn ép, không bị hắt hủi, đoạ đầy cũng như không phải chứng kiến tội ác kinh hoàng của loài người hiện tại.

Thượng đế sinh ra muôn loài, loài này tiêu diệt loài khác để tồn tại. Loài người có trí khôn tiêu diệt được mọi loài và là sinh vật thượng đẳng nhất. Do vậy, con người

chém giết nhau, áp bức, bóc lột con người, âu cũng là một quy luật hài hoà theo ý của đấng tối cao?

Thằng Vương Viễn trong thời gian sửa sai đi đâu mất tích, gần đây mới thấy. Một đêm đã khuya, thấy tôi ngồi ngoài sân, hấn vào hỏi:

- Quá nửa đêm mà Tâm chưa đi ngủ à?

Khinh bỉ cái mặt ghê tởm ấy, tôi im lặng, mắt vẫn nhìn lên khoảng không vũ trụ.

Hấn hỏi tiếp:

- Mà nghỉ học phải không? Khá lắm, mà hãy học cày, học cuốc làm ra thóc gạo mà ăn, học chữ làm gì cho vô ích?...

Thằng Viễn có phần nào nói đúng. Bằng con đường học vấn, xã hội không cho phép kiếm miếng cơm, manh áo, nhưng học để biết để am hiểu cuộc sống, để thành người. Mặc dù không được đến trường tôi vẫn học, còn học nữa và học mãi. Dù cùng cực đến mấy, tôi vẫn không chịu khoanh tay đứng ngoài kho di sản văn hoá của loài người. Ông Démocrite nói: “Thà rằng, tôi giải thích được sự vật còn hơn được làm vua xứ Ba Tư.” Dù tính mục đích bị đập vùi tàn nhẫn, tôi vẫn tiếp tục học để phục vụ tính nguyên nhân.

* *

*

Trước làng tôi, cách con sông nhỏ, cánh đồng lúa mênh mông đến tận chân trời. Từ màu xanh mon morn đã biến thành tấm thảm màu vàng gợn sóng chào đón vàng dương thức dậy. Trời xanh bao la, cánh cò chóp trắng, bản hợp xướng của bầy chim chiến chiến đan xen tiếng sáo vi vút cùng tiếng kêu đều đều, một mối của chim quỳên trong các lũy tre.

Một bãi đá bóng sạt bên bờ sông, giữa có một ngôi mộ cao tám mươi phân, mỗi cạnh dài bốn thước. Tối hôm ấy, có một cuộc mít tinh trọng thể, ngôi mộ biến thành một lễ đài. Trong ánh sáng chói chang của hai ngọn đèn măng xông, hàng nghìn người đang nghe ông cán bộ tuyên huấn xã đọc bài diễn văn đề kỷ niệm ngày quốc tế lao động. Tôi cùng mấy bạn học cũ đứng bên đường cạnh bãi đá bóng đang thì thầm nói chuyện về các ngành trung cấp chuyên nghiệp trong năm ấy. Nghe đến đoạn diễn văn: “... Hôm nay là ngày giai cấp nông dân đứng lên đánh đổ bọn thực dân, phong kiến áp bức, bóc lột, giành lấy ruộng đất...”. Một bạn học là anh họ tôi bật kêu lên và cười giòn rã:

- Khoái quá chúng mày ơi, nghe đọc diễn văn.

Mấy tên du kích đứng gần chạy lại quát:

- Các anh định quấy rối phải không?
- Đừng vu khống! – Anh họ tôi trả lời.

Trong số du kích ấy có thằng Vương Viễn, hắn nói:

- Lại thằng Tâm xúi giục thôi.

Hắn kéo tôi vào sân đình, lấy dây trói lại. Các bạn học của tôi kéo đến phản đối:

- Nó không nói gì, anh không được trói, định ăn hiếp người ta à?
- Chúng mày rút đi, thằng này chủ mưu phá rối. Phải chờ cấp trên giải quyết – Thằng Viễn trả lời.

Thời gian sửa sai đã qua, Viễn lại giở trò bạo ngược. Có lẽ ai cũng biết hắn là loại súc sinh nên chẳng ai nói gì thêm, cùng chờ cho cuộc mít tinh tan.

Hơn một giờ sau, người kéo đến sân đình đông kín, ông cán bộ tuyên huấn đã làm xong nhiệm vụ trên lễ đài, có người báo, ông xách đèn măng xông đến chỗ tôi, ông ta hỏi:

- Tại sao đang lúc mít tinh, anh lại phá rối?
- Ông nghe báo cáo sai rồi, tôi nói gì, làm gì mà phá rối?
- Có tôi cười và nói, khoái quá chúng mày ơi – Anh họ tôi nói.
- Anh phá rối à? – Ông tuyên huấn hỏi.
- Tôi cười về sự xuyên tạc lịch sử của các ông.
- Xuyên tạc chỗ nào?
- Là một cán bộ tuyên huấn, ông đọc tài liệu nào viết về ngày quốc tế lao động là ngày nông dân nổi dậy.
- Tôi không lý sự với anh. Nông dân là lao động, lao động là nông dân cũng là công nhân.
- Lý sự của ông cùn lắm. Tôi đề nghị ông phải tha ngay không được trói người vô tội.

Khi đó một cán bộ của uỷ ban đến, ghé vào tai ông tuyên huấn nói nhỏ điều gì, rồi ông ra lệnh:

- Nay tôi tạm tha cho các anh, ngày khác uỷ ban sẽ hỏi.

Xảy ra tai vạ làm tôi nhớ lại cách đây bốn năm, khi đó cũng thẳng Vương Viễn trói tôi vào cột miếu một đêm và một ngày, không cho ăn uống, hai cánh tay tôi bầm tím, tê dại thì lần này có thấm vào đâu? Hơn một giờ bị trói, đứng giữa sân đình hưởng gió mát và hương thơm của lúa nhưng cái khí thế thô bạo, vu oan hời cải cách vẫn còn nguyên vẹn.

* *

*

Năm nay, tôi mười bảy, đủ tuổi để thi vào trung cấp chuyên nghiệp. Trong hồ sơ thi có lý lịch đóng vai trò quyết định, do vậy tôi có đi thi cũng chẳng kết quả gì. Tuy nhiên tôi lại nghĩ, mình là kẻ hèn kém nhất trong đám cùng đinh của xã hội, hãy cố tìm cách nhoai lên may ra kiếm được đôi chút quyền làm người. Nếu bị rơi xuống cũng hoà, chẳng mất mát gì thêm. Nghĩ vậy, tôi quyết định làm hồ sơ thi vào trung cấp kỹ thuật hai.

Tôi có người chú họ làm chủ tịch xã – chú Qua hiểu rõ nỗi oan nghiệt của bố tôi, vì lập trường cách mạng không cho phép chú công khai làm điều thiện. Tuy thế, chú là người có lương tâm, tôi muốn nhờ chú chứng nhận lý lịch; Không may thời gian đó chú lại đi vắng.

Một buổi chiều tôi đến uỷ ban, gặp phải tên phó chủ tịch người họ Lương, nhìn khuôn mặt hần cũng đủ rõ trái tim hần có dòng máu của loài lang sói. bước vào phòng làm việc, tôi định quay ra nhưng đã muộn. Hần hỏi tôi:

- Anh Tâm cần gì?
- Thưa bác, cháu xin học nghề. Nơi nhận, họ cần biết cháu bao nhiêu tuổi nên đến xin uỷ ban...
- Tôi thay mặt chính quyền xã – Hần cắt ngang – tuyên bố để anh rõ, anh không được đi đâu cả. Ngoài nghề làm ruộng, anh không có quyền làm bất cứ nghề gì. Nhân tiện hôm nay, tôi cảnh cáo anh về hành động phá rối trong cuộc mít tinh ngày quốc tế lao động.
- Bác nghe báo cáo sai rồi, cháu có làm gì đâu mà phá rối?
- Bề ngoài tưởng là thế, thực chất anh là kẻ xúi giục.

Hần nói tiếp, giọng hần gần từng tiếng réo lên độc địa:

- Chúng tôi có thể lập hồ sơ để truy tố anh, hãy coi chừng – Hần liếc nhìn tôi như muốn bắn ra những tia chớp lửa thiêu tôi thành tro bụi.

Trở về nhà với tâm trạng căm hờn, tủi nhục, tôi tự hỏi, tại sao tạo hoá sinh ra tôi phải chịu số phận nghiệt ngã đến thế này? Đứng chỗ thấp nhất trong cái đáy của xã hội vẫn không được yên? Ôi, quê cha, đất tổ ngày nay sao trở thành đất dữ, đã nhuộm máu của bao người lương thiện còn muốn giết dần mòn những kẻ khốn cùng? Liệu tìm đường mà cao chạy, xa bay.

* *

*

Tháng 9 – 1959, ở thị xã Thái bình mở trường trung cấp sư phạm, tôi quyết định chơi một canh bạc mới. Đến chú Qua – ông chủ tịch xã, nhờ chú đóng dấu, ký tên vào lý lịch và nộp hồ sơ dự thi. Tháng mười năm ấy, tôi vào trường sư phạm. Tôi học về tự nhiên nên nhanh chóng chiếm được cảm tình và sự yêu mến của các thầy cô và các bạn học. Tuy nhiên, do năng khiếu của tôi xuất hiện ở trường cũng nhanh chóng trở thành một nguy cơ đang đe dọa tôi ở địa phương – quê tôi. Sau bữa liên hoan, thầy và trò chia tay về quê ăn tết nguyên đán, không ngờ tết năm ấy tôi đón xuân bằng một tâm hồn ủ rũ như cánh hoa tàn. Cả làng xôn xao bàn tán về tôi:

- Không biết thân, biết phận người ta đang ghen ghét đổ kị, cứ học giỏi cơ mới khổ.
- Thằng Tâm nếu khôn ngoan thì học trung bình thôi, vô thưởng, vô phạt chẳng ai để ý đến lại là một điều may cho nó.

Anh Quang cũng trách tôi học giỏi ở trường sư phạm nên mới có nguy cơ bị đuổi khỏi trường. Thằng Vương Viễn đang làm trong ban chỉ huy xã đội, hắn nói với anh Quang:

- Thằng Tâm muốn góc đầu dậy phải không? Về đây để nông dân dạy cho học cày, bừa chứ không phải học chữ để ăn bám xã hội.

Gặp tôi, chú Thất nói:

- Thời gian chú dạy cháu, chú vừa mắng, vừa lo cho cháu. Mừng vì cháu thông minh hơn người, lo vì hoàn cảnh gia đình cháu không phù hợp với chế độ này. Cháu học giỏi chẳng những không có tiền đồ mà còn trở thành điểm sáng để người ta để ý, kích thích tính đố kị và sự hận thù. Hồi xưa sai họ không nói gì đến bố cháu, như thế gia đình cháu vẫn là đối tượng của cách mạng. Do vậy, cách sống tối ưu của cháu là sự im lặng, tai giả điếc, mắt giả mù, miệng giả câm, óc giả đần độn để những kẻ bất nhân ghen ăn, tức ở không lưu ý gì đến cháu. Làm như vậy, cháu mới tồn tại được. Câu ngu si hưởng thái bình không bao giờ hữu hiệu như hiện nay.

- Theo ý chú, sau cái cách cháu không nên đi học nữa?
- Lúc đó thì đã hơi muộn, hay hơn cả là cháu không biết chữ hoặc biết chút ít thôi. Nếu cháu được nghe câu sấm trạng: "... ông hoá ra thằng...", cháu phải hiểu rằng, cháu đã hoá ra thằng của thời đại. Một thằng không cam chịu chỗ đứng cứ tìm cách nhồi lên vị trí cao hơn, tức là đã phạm vào cái trật tự xã hội đương thời quy định, cháu bị trừ dập đã đành, còn chịu thêm nhục hình là đáng lắm.

Kẻ có quyền từ xã đến huyện sôi sục chuẩn bị hồ sơ thêm cả những điều bịa đặt, gửi lên trên đề nghị đuổi tôi ra khỏi trường sư phạm.

Mùa hè năm 1960, thầy giáo dạy vật lý – thầy chủ nhiệm Phạm trung Thu, qua một bài kiểm tra khen tôi thông minh xuất chúng. Thầy đang nói thì một nhân viên phòng tổ chức đưa cho thầy một giấy báo, thầy chuyển giấy cho tôi, nội dung: Nguyễn Tâm lớp 1B tự nhiên đến phòng tổ chức chiều ngày 21-6-1960 để nhận quyết định. Tôi không nói với ai nhưng hiểu rằng, canh bạc tôi chơi ở trường sư phạm đến đây đã tàn. Đã là canh bạc phải có thua, có được. Riêng tôi, chơi bạc với cuộc đời có thua cũng chẳng mất mát gì thêm, trở lại với vị trí xã hội đã dành cho: một người khôn khổ.

Đến chiều tôi đến phòng tổ chức đưa giấy báo cho ông trưởng phòng. Cảm giấy không cần xem lại, hấn trừng mắt quát tôi ngay:

- Ai bảo mày man khai lý lịch để lọt vào đây?
- Thưa ông, tôi không man khai một điều nào.
- Mày ngoan cố à? Tại sao tên Căn bị xử trí, mày không viết?
- Như thế là còn thiếu chứ không phải man khai.
- Với chính sách nhân đạo của đảng để cho mày được sống là may lắm rồi, nhưng phải nhớ rằng, không có một vị trí nào dành cho mày trong xã hội.

Nói xong hấn đưa cho tôi một tờ giấy đánh máy là quyết định đuổi tôi. Tôi chưa ra khỏi phòng thì thầy hiệu trưởng Phạm Lăng đến, thầy nói:

- Quyết định đuổi em không phải của trường mà do uỷ ban nhân dân tỉnh. Tôi cho phép em ở lại trường một tuần để làm đơn khiếu nại.

Nghe thầy hiệu trưởng, chiều hôm đó tôi đến uỷ ban. Phòng thường trực đông người chờ đợi, tên nhân viên cầm bản quyết định của tôi xem lướt qua rồi hấn nói to:

- Bà con hãy lắng nghe tôi đọc: "... Sau khi phòng công an huyện Kiến xương và công an tỉnh Thái bình hoàn chỉnh hồ sơ để gửi lên bộ giáo dục. Bộ uỷ nhiệm cho uỷ ban nhân dân tỉnh Thái bình. Nay quyết định:

Điều một, đuổi tên Nguyễn Tâm con tên địa chủ cường hào gian ác, đầu sỏ Nguyễn Căn ra khỏi trường sư phạm.

Điều hai, bắt tên Nguyễn Tâm phải bồi thường học bổng trong thời gian học tập. Tên Nguyễn Căn có nhiều nợ máu với nông dân. Trước khi chết, y còn dặn con nên nhớ lấy ngày này..."

Lúc đó, nhiều kẻ lơ lảo nhìn tôi. Mấy tên vô lại là khách đến xin giấy tờ, hô ả đảo âm ỉ như bọn loạn thần kinh.

Không tự chủ được mình, từ phòng thường trực tôi lao ra đường. Đằng sau tôi vang lên một hồi kút, kút, kút... Tôi ngoái lại, đầu chiếc ô tô tải gần sát lưng tôi. Người lái xe trong cabine văng ra hàng tràng chửi tục.

- Thằng khốn nạn, mày muốn chết à?
- Đ.. mẹ mày, ông không nhanh chân tay thì mày về với Diêm Vương rồi con ạ!

Chẳng quan tâm đến những lời chửi rửa của gã lái xe, tôi chạy một mạch về làng Lạc đạo. Lúc đó, mặt trời sắp lặn, tôi về đến nhà trọ, các bạn cùng lớp đã đến đông, thầy chủ nhiệm cũng có mặt, thầy nói:

- Chiều hôm nay, thầy triệu tập các em đến đây để thông báo tin buồn của em Tâm. Qua tám tháng học tập và chung sống với các em, thầy có nhận xét rằng, em Tâm thông minh xuất chúng, học giỏi, khiêm tốn, và giúp đỡ các bạn trong học tập, ngoan ngoãn lễ độ với các thầy. Hôm nay em Tâm phải chia tay với chúng ta là do lý lịch của gia đình. Đây là nỗi buồn chung. Thầy mất một người trò giỏi, các em mất một người bạn tốt. Thầy mong các em hãy thông cảm và cùng chia sẻ nỗi buồn với em Tâm.

Nghe thầy nói, tất cả đều im lặng, nhìn tôi với một ánh mắt và vẻ mặt u buồn, nhiều bạn rung rung lệ. Sáng hôm sau, tôi dậy sớm để chào từ biệt một số bạn thân và đến chào thầy chủ nhiệm. Thấy tôi đến, thầy dặt tay tôi vào trên chiếc giường cá nhân của thầy. Tôi nói:

- Thưa thầy, bây giờ em về quê, em đến để chào thầy.

- Đêm qua – Thầy nói – nghĩ về em làm thầy thao thức mãi, thầy muốn giúp em nhưng hoàn toàn bất lực. Đáng buồn là thời buổi này, làm điều ác thì dễ lắm, còn làm điều thiện thì không thể...

Thầy nói tiếp:

- Tâm ạ, nỗi buồn của em hôm nay là nỗi buồn chung của dân tộc mai sau. Người ta vừa vui đập những tài năng đang phát triển, vừa gạt bỏ và đẩy đoạ những nhân tài, thử hỏi đến bao giờ đất nước này mới thoát khỏi cảnh bần cùng, lạc hậu?

Chào từ biệt thầy Thu, tôi ra đường gặp thầy dạy toán – thầy Quý. Tôi chào thầy và muốn nói với thầy đôi lời trong lúc chia tay. Thật lạ lùng, để đáp lại lời chào lễ phép của tôi, thầy nhìn tôi với ánh mắt hận thù rồi quay đi hướng khác. Có lẽ vì lý thuyết đấu tranh giai cấp làm thầy thay đổi thất thường?

Trên đường về quê, tôi đi theo quán tính, tâm trí chìm đắm trong những ý nghĩ miên man, quanh quẩn không lối thoát. Đến lúc này, ở quê tôi trở thành mục tiêu hấp dẫn để họ hành hạ. Vốn dĩ tôi vẫn phải cúi đầu xuống bùn ao, ngày nay họ sẽ dìm đầu tôi xuống thấp hơn, tôi sẽ chết dần mòn. Tôi tự hỏi còn ván bài nào khác trong bước đi của cuộc đời? Tôi có ý định lên Hà nội với chị Hoa nhưng biết đâu tình cảm của chị với tôi đã thay đổi, bị cuốn theo những trận cuồng phong về đạo đức? Chẳng những thế, cái miệng hùm, nọc rắn đâu phải chỉ có ở quê tôi mà tồn tại khắp nửa giang sơn đất nước này.

Thôi hãy coi đây là canh bạc mới, cứ từ bỏ quê hương đi nơi khác xem sao?

Đến đầu cầu Kim tôi gặp chú Qua. Nhìn thấy tôi trước, chú gọi:

- Tâm! Họ đuổi cháu chưa?
- Thưa chú, họ đuổi cháu hôm qua. Bây giờ cháu về quê.
- Vì chữ ký trong bản lý lịch của cháu, dăm bữa nữa chú cũng bị tước quyền chủ tịch.
- Việc đã qua, cháu cũng chẳng có lỗi gì. Không lẽ mưu cầu tiến bộ, mưu cầu hạnh phúc cũng là một tội?

Tôi nói tiếp:

- Chú có thể giúp cháu một việc nữa được không?
- Việc gì? – chú hỏi.

- Cháu phải từ biệt quê hương thôi chú ạ. Cháu nhờ chú giúp giấy tờ đi chuyển?
- Được, chú còn đủ thời gian giúp cháu – Chú Qua nói tiếp – Cứ lù đù như người khác, họ chẳng để ý đến. Ngược lại, từ nhỏ tới bây giờ cháu có tiếng thông minh, học giỏi mà lý lịch gia đình lại xấu nên trở thành cái bia hứng chịu những viên đạn của tính đồ kỵ và lòng ghen ghét.
- Giấy tờ qua huyện thế nào, chú?
- Họ chẳng để ý đâu, nhưng không khéo để họ biết được lý lịch thì khổ đấy. Họ giữ lại để hành, biến thành một trò vui.
- Làm điều ác mà coi là một trò vui à, chú?
- Việc xã hội, cháu còn ngây thơ lắm. Bố cháu bị chết oan, ai mà chẳng biết. Buổi người ta bắn bố cháu, dân làng nô nức kéo nhau để xem. Nếu bán vé, chắc còn đông gấp nhiều lần xem chiếu bóng hay xem hát. Đó là một trò vui. Tâm lý của con người như ngựa vô cương, trâu vô sừng sọ. Xưa kia khoa luân lý học như dây cương hướng con người đến cái chân, cái thiện, ngăn chặn những hành vi xấu của tâm lý. Ngày nay, ngoài sợi dây ràng buộc với đảng, con người không bị vướng mắc nào về mặt đạo đức. Thế thì thú tính và tội ác biến thành sở thích, thú vui chứ sao? Chú đơn cử một hiện tượng, cách đây ba năm, việc trốn khỏi quê hương của anh em thằng Núi. Gia đình nó còn nhẹ cân hơn gia đình cháu, anh em nó học hành chẳng ra gì. Thế mà chính quyền địa phương điên cuồng lắm tìm kiếm từ ấy đến nay. Vì họ bỏ xống một con mồi, mất một trò vui trong việc họ hành hạ, vui đập.

HỒI HAI – Hà nội

Quãng đường dài mười lăm cây số từ quê tôi đi bộ đến bên ô tô thị xã lúc chín giờ. Chưa đến giờ xe chạy nên tôi đến trước cổng trường Hoàng văn Thụ để gặp anh Nguyễn ngọc Minh, bạn cùng lớp, xin anh một món nợ năm đồng, tôi mượn anh để thêm tiền may chiếc áo sơ mi bằng popeline trắng Trung quốc. Món nợ chẳng đáng là bao, tương đương với giá trị một thước vải ka ki Nam định, nhưng hiện thời tôi không

có để trả anh. Tiếc rằng giờ ra chơi giữa hai tiết học không thấy anh ra ngoài, tôi trở lại bên ô tô để đi Hà nội. Để mười sáu năm qua, mỗi khi nhớ đến, lương tâm tôi lại lên án: tôi là kẻ lừa đảo. Vì muốn trả anh qua bưu điện, tôi không biết địa chỉ thôn xã của anh mà chỉ nhớ quê anh ở huyện Hưng nhân. Muốn gửi đến trường lại sợ ảnh hưởng xấu đến anh là quan hệ với con cái kẻ thù giai cấp.

I Những người thân

Bóng chiều đã ngả dài, chuyến xe khách từ thị xã Thái bình mới cập bến Kim liên. Tôi đi bộ qua phố Khâm thiên đến ô chợ dừa và hỏi thăm nhà chị Hoa. Lúc đó, tôi chợt nhớ ra, cháu Lập – con trai đầu của chị đã lên hai, muốn mua cho cháu gói kẹo nhưng trong túi tôi chỉ còn hai hào. Thật hổ thẹn, lần đầu gặp cháu mà cậu chẳng có một thứ quà nào.

Tôi đến nhà, anh Hoàng và chị Hoa đi làm chưa về. Gian nhà lá của gia đình chị khoảng hơn một chục thước vuông. Đồ dùng trong nhà đơn sơ: hai cái giường rẻ quạt ọp ẹp, vài ba chiếc xoong nồi và bát đĩa rẻ tiền làm tôi ngao ngán. Mặc dù trước khi đi, tôi đã biết, anh Hoàng là cán bộ kỹ thuật nhà máy trong quy mô với mức lương mười đồng một tháng, chị Hoa đan len cả ngày và buổi tối cũng chỉ được trung bình hàng tháng vài chục đồng. Tổng số tiền thu nhập ấy làm sao nuôi được năm người sống cho đầy đủ? Mẹ chồng chị Hoa – một người đàn bà hiền lành, phúc hậu. Thấy tôi đến bà ân cần, cười mở:

- Cậu lên đây cứ yên tâm ở với anh chị và các cháu, có gì ăn nấy, đừng lo ngại gì.

Bà nấu cơm xong thì chị Hoa về. Sau ba năm xa cách chị thay đổi nhiều làm tôi khó nhận ra: già đi nhiều và gầy yếu. Riêng anh Hoàng vẫn như xưa. Có lẽ vì sự có mặt của tôi làm anh khó chịu, anh lạnh lùng chẳng nói gì. Sau này tôi mới biết anh còn là bậc thầy của Appagon. Đến bữa ăn, chẳng chào hỏi ai, anh nói:

- Lương ít, một đồng người ăn sống làm sao được?

Quả thật trên đường đi, không có tiền ăn quà nên tôi đang đói. Mới ăn được một bát, nghe anh kể nói, tôi hổ thẹn quá, không ăn nữa.

- Sao cậu ăn ít thế? – Bà mẹ chồng chị Hoa hỏi.
- Thừa bà, cháu mệt – Tôi trả lời.

Thái độ của chị Hoa đối với tôi cũng thờ ơ, lạnh nhạt. Hiện tại, chị đã thay đổi nhân tình. Ngoài thời gian cải cách, tình thương của chị đối với các em chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc như bong bóng xà phòng.

Sau này, năm năm ở Hà thành, chị không biết em ở đâu và sống ra sao. Tuy vậy, về mặt kinh tế chị đáng thương chứ không đáng trách. Chị không thể bớt xén miếng ăn của chồng con để chia sẻ cho tôi.

Đêm ấy tôi thức trắng, lờn vờn những ý nghĩ tuyệt vọng: “Bây giờ ta đi đâu? Lại về quê chăng? Không ổn, về quê lúc này là tự sát. Bọn bắt nhân sẽ điên cuồng hành hạ ta chết dần mòn. Than ôi! Canh bạc này ta mới chỉ bắt đầu mà đã vội vàng kết thúc rồi sao?...”

Sáng hôm sau, tôi nói với chị Hoa:

- Bây giờ em đến thăm cô và bá rồi đi... Em không thể chịu nhục ở đây, dù chỉ một tuần.
- Cậu định đi đâu?
- Em cũng chưa biết nữa.
- Tuỳ cậu – Lời nói của chị lạnh lùng, vô trách nhiệm như người dung nước lã.

* *

*

Tôi đi xe điện lên bờ hồ Hoàn Kiếm và từ đó đi bộ đến phố hàng Rươi thăm cô tôi. Chồng cô – ông tổng cục trưởng, ngoài việc đến thăm, tôi có ý định nhờ ông xin việc. Do vậy tôi nói với cô để thăm dò trước. Gần mười hai giờ trưa, ông tổng cục trưởng – chú Nghiệm mới về. Bữa cơm trưa, tôi ngồi bên chú. Hơi cơm gạo tám xoan bốc lên thơm phức, một mâm đầy những món ăn hảo hạng: nem thịt gà, lạp xường, thịt nạc áp chảo, thịt bò xào hành tây... hai bát nước mắm loại đặc biệt và một đĩa dưa cải củ. Đầu bữa tôi gắp dưa chấm nước mắm, chẳng hiểu sao chú Nghiệm cầm bát nước mắm ấy đổ vào bát kia và bảo cháu gái lấy chai rót nước mắm khác? Cô vội bảo:

- Chú không quen ăn dưa!

Tôi thoáng nghĩ, xưa kia còn ở thuở hàn vi, một lần chú ăn cơm nhà tôi. Bữa ăn có dưa cải nén và nhiều món khác, chú ăn dưa suốt bữa và khen ngon, tại sao đến nay chú lại không quen? Có lẽ vì cuộc sống vinh hoa đã làm chú phải xa lạ với món ăn dân tộc rẻ tiền này. Tôi liên tưởng đến truyện Hán sở tranh hùng: Lưu Bang vào Hàm

đương, truyện Tam quốc: Lưu Bị sang Đông Ngô cũng vì cuộc sống vinh hoa mà lãng quên sự nghiệp. Những người CS ngày nay có lẽ cũng đã quên cái sự nghiệp vì dân, làm cách mạng phục vụ nhân dân như ông Hồ đã nói. Họ không cần đếm xỉa đến cuộc sống cơ cực của người dân để đi đến sự nghiệp cách mạng phục vụ chính bản thân mình. Nhất là những người có quyền, có chức, có trong tay cuộc sống xa hoa, tại sao không tận hưởng để bù đắp lại những tháng năm trong lao tù của thực dân Pháp và thời kỳ chui rúc trong hang núi ở các chiến khu? Điều đó âu cũng là lẽ sống vĩnh hằng của nhân loại, nhưng bác nói: “Người cán bộ cách mạng là đầy tớ trung thành của người dân”. Lời lời châu ngọc khiêm nhường êm dịu quá khiến linh hồn của Molière phải hổ thẹn về Tartuffe của mình còn kém tài năng, và vua hài Charlot nếu ở Việt nam phải bạt vía siêu hồn. Tôi không bình luận gì thêm về những lời châu ngọc đó, quả là không tiền khoáng hậu, cười ra máu hoà trong nước mắt.

Tôi đến thăm cô lần đầu ở Hà nội, thế mà con dâu cô ghi vào sổ tạm trú cho ở một ngày. Đêm đó tôi cũng không ngủ được, nghe cô tôi nói chuyện với đức ông chồng:

- Cháu Tâm đến đây muốn nhờ ông xin việc?
- Với người khác thì dễ chứ cháu bà, tôi chịu.
- Tại sao, ông?
- Tôi nói bà cũng chẳng hiểu gì. Nước ta đang bước vào giai đoạn xây dựng xã hội chủ nghĩa, đấu tranh giai cấp quyết liệt lắm. Tôi xin việc cho cháu bà chưa chắc đã được, nếu họ biết lý lịch của anh bà, tôi không những mất quyền, mất chức mà còn bị khai trừ ra khỏi đảng, đuổi về quê. Giả dụ, tôi tự ý giải tán một công ty để hàng trăm người mất việc, điều đó chỉ là một khuyết điểm, nhưng nếu giúp đỡ con cái địa chủ, tư sản là một trọng tội.
- Thời kỳ ông đi vắng, anh tôi giúp đỡ vợ con ông, ông quên à?
- Một người Cộng sản còn nghĩ đền ơn với nghĩa, sao nhặng lập trường thì làm cách mạng thế nào? Vả lại, trả ơn, trả nghĩa theo ý nông cạn của bà trong giai đoạn hiện nay là con đường dẫn cả nhà xuống vực..

Sau đó, cô tôi khóc thút thít. Tôi vẫn nằm im nghĩ đến nhân tình thế thái. Chồng cô – chú Nghiệm xuất thân từ một gia đình khá giả, người rất xấu, cao lêu đêu, gầy yếu, da sạm, mặt lưỡi cày. Chú học dốt quá, chưa hết tiểu học thì bỏ dở. Khi lấy cô tôi, được một đứa con trai, chú đi đâu không ai biết, vài năm sau mới được tin chú tham gia vào đảng Cộng sản Đông dương, bị bắt tù ở Côn đảo. Đến năm 1936, nhờ có mặt

trận binh dân Pháp ra đời, chú mới được trả tự do. Về nhà chú để thêm một đứa con gái nữa rồi tham gia mặt trận Việt minh vào chiến khu chống thực dân Pháp.

Thương người em gái xa chồng, một mình phụng dưỡng bố mẹ chồng, bố tôi hết lòng giúp đỡ cô và hai cháu. Ông tổng cục trưởng phải sạch công ơn đó ngày nay cũng là lẽ thường tình nếu không lấy oán trả ân. Và lại, họ thường tuyên truyền chủ nghĩa xã hội là mùa xuân của nhân loại, mặc dù công cuộc ấy mới bắt đầu nhưng cuộc sống của ông tổng cục trưởng đang nở hoa như một mùa xuân. Với cương vị cán bộ trung cao cấp, được nâng đỡ và ưu tiên tuyệt đối về bằng cấp, ông mới đang học bổ túc văn hoá lớp bốn. Do vậy chức tổng cục trưởng của ông là chứng chỉ những năm tháng gian nan làm cách mạng chứ không phải do trình độ chuyên môn và văn hoá. Ông tự biết rằng nếu không có đảng, đời ông không thể được vinh hoa như thế. Là tổng cục trưởng cục thực phẩm, ngoài những đặc quyền đặc lợi khác, ông có quyền miễn nguyện về vật chất bao gồm những thứ cao lương, mỹ vị. Đây là một bằng chứng về sự đòi hỏi của thiên hạ, không nhằm với câu sấm trạng.

* *

*

Sáng hôm sau, tôi đến hàng Bạc thăm bá (quê tôi gọi chị mẹ là bá). Năm ấy, bá đã năm mươi bảy tuổi. Mẹ tôi và bá là hai chị em cùng cha cùng mẹ nhưng đáng người, khuôn mặt và tính tình không có nét nào giống nhau. Mẹ tôi đầy đặn, phúc hậu, mặt tươi như hoa. Còn bá thì gầy yếu, nét mặt buồn mếu máo. Bá lưu lạc quê hương từ hồi còn trẻ, lấy làm vợ hai một người buôn bè vùng Thường tín. Sau khi được bốn người con thì ông chồng về cõi, bá một mình nuôi đàn con đại chẳng được học hành gì. Năm 1954, các con đã trưởng thành, trai có vợ, gái đã có chồng. Gia đình bá học được nghề làm và kinh doanh giò, làm ăn phát đạt. Anh con trai từ chỗ nghèo hèn nay kinh tế gia đình sung túc, anh thả sức ăn chơi phá phách theo cách của kẻ vũ phu, vô học. Người chị cả theo chồng vào Nam, còn lại hai em gái mới có chút tí của đã tỏ ra khinh người như rác, cái mặt cứ vênh lên.

Nhà bá bên trong ngõ hẹp, một gian nhà thước thợ sâu thẳm, tối om, mái lợp tôn. Về mùa hè, trong nhà nóng như hun. Những đêm mưa rào, hạt mưa rơi xuống mái tôn kêu lộp bộp, rầm rầm như sắp đổ cửa, đổ nhà. Bên trong nhà chật đầy rơm, dẽ vụn và vỏ ẩm gió.

Tôi đến, bá đang khâu nắp ấm, hai người đàn bà lạ mặt đang nhồi rơm vào vò ấm. Một người làm thuê com nuôi, mỗi tháng hai mươi đồng, còn người kia là cháu họ. Sau khi tôi tự giới thiệu mình, bá hỏi tôi với thái độ lạnh lùng:

- Mày đến nhà con Hoa và ông Nghiệm chưa?
- Thừa bá cháu đã đến nhà chị cháu hôm kia, hôm qua đến nhà chú cháu.
- Ông Nghiệm xin việc cho mày làm chứ?
- Chú cháu bảo hiện nay không xin được.

Bá cười, mặt bá lại càng méo máo thảm thương hơn:

- Tưởng xin cho mày làm cán bộ có quyền hành mới khó, chứ một nhân viên làm công ăn lương thì ông Nghiệm dễ như trở bàn tay.
- Thừa bá, cháu cũng chỉ mong có được một việc làm để kiếm sống, dù việc gì cũng được nhưng chú cháu từ chối vì...
- Tao biết rồi – Bá ngắt lời – ông Nghiệm từ chối vì sợ lý lịch của bố mày. Thời nay, những người như mày người ta phải vùi xuống bùn đen, chẳng ai thương, chẳng ai dám giúp đỡ để mắc tội liên quan mất quyền, mất chức như chơi.

Bá nói thêm vẫn với vẻ lạnh lùng:

- Nói thật nhà tao hiện nay có việc, mày muốn làm thì ở lại đây?
- Vâng, được bá giúp, cháu không bao giờ dám quên ơn – Tôi vui mừng trả lời bá.

Ngay sau đó, tôi bắt tay vào làm việc, trong lòng thấy yên tâm, nhẹ nhõm, nhưng sự đời đến với tôi đâu có dễ dàng, êm đẹp? Người con trai của bá – anh Tuấn nếu coi tôi như người làm thuê cũng là điều may mắn. Ngược lại, anh đối xử với tôi như một tên nô lệ. Anh quy định giờ làm việc từ bốn giờ sáng đến mười giờ đêm, ăn xong bữa phải làm ngay, còn tiền công thì không nói đến. Anh chẳng làm gì cả, đêm diện hết bộ này đến bộ khác đi chơi gái, ban ngày nằm ngủ. Bà mẹ lại tham công tiếc việc không điều khiển nổi con, quay ra hành cháu. Có hôm tôi sốt suốt đêm, đến bốn giờ sáng bá vẫn dựng dậy làm, bá nói:

- Tâm ơi, mày không làm, con tao nó nói tao.
- Hôm nay, cháu bị sốt, cháu xin được nghỉ.
- Mày phải biết thời thế đã thay đổi rồi “con vua thất thế phải ra quét chùa”. Mày không làm tao không dám chứa mày đâu.

Tôi tự nhủ đành phục tùng số phận. Tôi lóp ngóp bò dậy đi làm, cái mệt mỏi do bệnh cộng thêm nỗi buồn vì những lời nói và hành động “ân tình” của bá. Đúng là sự đời “giàu đồ bìm leo”.

Bữa cơm nhà bá hàng ngày là những món ăn theo quy luật tuần hoàn: cá mè nấu củ cải hoặc xu hào, lòng trâu, lòng bò xào hoặc thịt lợn thủ kho mặn. Bá mua những thực phẩm đó ở chợ hàng Bè vào buổi chiều, phần lớn đã ôi thiu nên rẻ tiền. Đó là cách tiêu tiền của một người phải chịu cuộc sống nghèo khổ kéo dài lê thê nhiều năm trong qua khứ đã biến thành một thói quen, một bản năng. Hiện tại, kinh tế rất khấm khá nhưng có lẽ chưa bao giờ bá nghĩ đến hoặc dám mất tiền mua một món ăn ngon. Trái lại, anh con trai tha hồ phung phí, một đêm đi chơi gái có thể bằng một tháng ăn tiêu của cả gia đình.

Từ cuộc sống nhà bá làm tôi nhớ lại thời kỳ cải cách, nhiều người bị quy là địa chủ, bị nhục hình và bị cướp hết tài sản. Những người đó cũng tham công tiếc việc, thức khuya dậy sớm, quanh năm chân lấm, tay bùn, quần nâu, áo vải, không dám ăn no, dành dụm ki cốp từng hào để làm giàu. Có người trong số họ không biết đến hương vị một bát phở, một tách cà phê, cả đời quanh quẩn với mảnh ruộng, với lũy tre làng, không biết thế nào là thị trấn hay thị xã. Có lẽ từ khi hình thành xã hội loài người đến nay mới xuất hiện những con người lương thiện chỉ biết cần và kiệm trở thành nạn nhân đáng thương như vậy.

Một hôm tôi đang làm, một em học sinh hàng xóm sang chơi, nó cầm quyển truyện, xem đầu đề, tôi thích nên hỏi mượn. Nó đồng ý cho mượn nhưng hai ngày phải trả. Tôi nghĩ, cả ngày phải làm suốt đến mười giờ đêm, thời gian đâu mà đọc? Tôi quyết định đọc phần đêm còn lại.

Đêm hôm đó, đến hai giờ anh Tuấn đi chơi về, anh hỏi:

- Chú đọc gì đấy?
- Em đọc “Con đường sấm sét” của Abraham, nhà văn Nam phi.

Anh cười mĩa mai và nói:

- Cuộc đời chú cũng là con đường sấm sét, việc gì phải đọc nữa? Cứ ôn lại quá khứ và nghĩ đến tương lai của chú có thể còn ly kỳ hơn nhiều.
- Em biết cuộc đời em là một thực tế phũ phàng, tàn nhẫn nhưng em đọc xem văn viết có hay không?
- Chú còn nghĩ đến văn chương nữa cơ à? – Anh nói vẻ chua chát, châm biếm – Theo tôi, chú nên nghĩ đến miếng cơm, manh áo. Văn chương chẳng giúp gì

được chú. Trong xã hội hiện nay, có mấy người văn hay chữ tốt được sung sướng đâu, chỉ là những kẻ làm thuê với đồng lương rẻ mạt. Ngược lại bọn có quyền, có chức, có cuộc sống xa hoa như ông Nghiệm người nhà chú chẳng hạn, có mấy ai học rộng, tài cao? Người dân thường thì chẳng cần biết chữ nghĩa gì, nếu biết xoay xở thì có cuộc sống đàng hoàng. Như tôi, học hành chẳng ra gì, chưa thoát khỏi đại học chữ to, thể mà cuộc đời tôi hơn nhiều nhà trí thức. Ra đường, giữa tôi và họ, ai được tôn trọng hơn ai? Tiền là trên hết, tiền mới thực sự là đức chúa đáng kính của con người. Nếu những ai không tôn thờ đồng tiền, không nghĩ cách làm tiền, dù rằng bất cứ cách gì, tôi cho là một lũ ngu hết chỗ nói. Đứa con gái bán trôn nuôi miệng còn là một thực tế đáng nể hơn những người rồi hơi như chú. Và lại, chú có giỏi như ông Nguyễn mạnh Tường thời này cũng bị vùi sâu xuống dòng sông Tô lịch, muốn làm culi cũng chẳng ai chấp nhận.

Lúc đó bá tỉnh dậy. Bá nổi cơn tam bành:

- Tâm, mày đọc truyện có gặm chữ ra mà ăn không? Mày phải chịu thương, chịu khó mà làm, mà làm, thân lươn bao quản lấm đầu, không thể bắt chước người ta được. Khổ chưa? Không biết thân, biết phận mà còn đọc truyện với trò, chữ với nghĩa. Đứa nào thích chữ nghĩa không ở nhà này được. Tuỳ mày!
- Bá gầm lên vì tức giận.

Nghe anh Tuấn và bá xỉ vả, tôi tủi nhục lên giường nằm, hôm sau trả truyện. Đêm đó, tôi thức trắng, nghĩ miên man. Trời ơi, sao lại có sự ngẫu nhiên kỳ lạ thế? Đang đọc truyện Con đường sấm sét thì sấm sét dội lên đầu. Nếu cuộc sống cứ thế này, tôi thực sự trở thành một tên nô lệ, không được đọc sách, không biết đường xá, phố phường. Cả bầu trời tôi cũng chỉ được ngắm một mảnh nhỏ con con. Năm 1633, Galileo bị cầm cố chung thân trong ngục tối vì cái tội bảo quả đất quay tròn, ngày nay, tôi bị cầm cố trong ngôi nhà thước thợ tối om, sâu thẳm vì cái tội gì? Chỉ có làm và làm một ngày mười tám giờ để có bữa ăn mà tồn tại. Cuộc đời thế đấy, biết làm sao?

Tôi thích đọc sách từ khi còn nhỏ. Năm ấy, tôi lên chín tuổi, chị cả tôi đi chợ huyện mua được quyển Chiêu quân công Hồ, tôi say mê đọc, đến bữa không muốn ăn, đêm không ngủ. Tâm hồn tôi bị cuốn hút theo cảnh chia ly sầu thảm của nàng Chiêu quân. Thương cảm nàng như chính tôi là người đang trong cuộc, không biết tôi đã khóc từ lúc nào? Bỗng tôi nhìn thấy, người nói:

- Con hay đa sầu, đa cảm, đời con rồi chỉ khổ thôi!

Đây là lần đầu tôi đọc truyện.

* *

*

Một buổi chiều, sau khi giao hàng xong, bá đi đâu vắng. Một lúc bá tắt tuổi chạy về và hỏi tôi:

- Mày có cầm túi tiền của tao không?
- Thưa bá, cháu không biết.
- Mày lấy túi tiền của tao rồi, giấu đâu phải trả ngay. Nếu không tao báo công an.

Đột ngột bị vu khống, không tự chủ được mình, tôi nói:

- Cháu không ngờ, bá tàn nhẫn quá!
- Vừa ăn cướp, vừa la làng à? Quân khốn nạn!

Không chịu đựng nổi, tôi đứng phắt dậy, lao ra đường. Rẽ sang phố Đinh liệt, tôi ra ngồi bên bờ hồ Hoàn Kiếm, lòng đau đớn, nhục nhã. Tôi tự hỏi: “Ta đi đâu bây giờ? Trở về quê, chúng hành mình cũng chết. Còn ở đây, với việc quản lý ngặt nghèo qua sổ hộ tịch và tem lương thực, ngoài những thân nhân, ai dám cho ta ở nhờ và làm việc? Tôi lơ đãng nhìn những lá vàng trôi bồng bềnh trên mặt nước mà lòng thấy xót xa như dao cắt. Lá vàng rời khỏi cành rồi huỷ hoại, đó là quy luật. Còn tôi mới mười tám tuổi cũng lênh đênh trôi nổi như số phận những chiếc lá vàng trên mặt hồ, rồi sẽ dạt vào đâu?

Khi đó, anh Tuấn đi xe đạp qua, thấy tôi anh gọi:

- Tâm! Tại sao chú không làm mà ra đây ngồi?

Tôi kể lại đầu đuôi sự việc, anh Tuấn nói:

- Bà hay đăng trí và thiếu bình tĩnh, chú cứ về nhà, anh sẽ liệu.

Tôi theo anh Tuấn về, bá lại đi đâu vắng. Anh Tuấn mở nắp mấy âm giỏ xếp bên trên, thì ra bá quẳng túi tiền vào một chiếc, đây nắp lại rồi quên, thế là vội trút nỗi oan lên đầu cháu. vừa tìm thấy túi tiền thì bá cũng về, đi cùng với công an hộ tịch. Anh Tuấn vội chạy ra sân mừng mẹ:

- Bà cứ giữ cái tính ấy còn làm khổ con cháu.
- Nó không lấy thì còn ai nữa?
- Ai cho túi tiền vào đây? – Anh Tuấn bùng cả chiếc âm giỏ đưa cho mẹ.

- Chết rồi, tao bỏ vào rồi quên – Bá mừng quá, bật một nụ cười thêm mếu máo.
- Thừa bà, việc thế là xong chứ ạ? – Công an hỏi.
- Xin lỗi anh, tôi đã nhầm.

Thật lạ lùng, làm phiền một người thì xin lỗi, làm nhục cháu thì cứ đứng đưng. Sự việc diễn ra làm tôi nhớ đến lời của Loan bố: “Khốn cùng mà không nhục đến thân, nhục mất chí thì không phải là người...”. Tôi tự an ủi mình, cố nhẫn nhục chịu đựng.

Đêm đó, tưởng tôi đã ngủ, hai mẹ con anh Tuấn nói chuyện với nhau:

- Bà lẩn thẩn lẩm, thuê người khác phải trả công tử tế, nếu đưa nó ra chính quyền là phiền toái. Hiện nay, bà có biết không, họ cấm thuê người làm để bóc lột sức lao động. Còn thằng Tâm, cứ nói nó là cháu, bà làm thế nào nó cũng chịu. Hôm nay bà đổ vạ cho nó, nếu nó bỏ đi, bà mất người làm.
- Không có nó, tao thuê người khác.
- Ừ, thì thuê người khác như con Hồng chẳng hạn, bà có bắt nó làm việc cả ngày lẫn đêm được không? Hết tháng, bà có dám quyt tiền công của nó không? Muốn được lợi, bà phải khôn khéo, lại được tiếng cháu thất cơ sống nhờ vào bá...

Thế đấy, tôi không cần nói gì thêm cái “hảo tâm” của gia đình này.

Vài tuần sau, chú Nghiệm đến, chú niềm nở đưa cho tôi giấy báo tự trường và nói:

- Trường sư phạm lại gọi cháu về học.

Tôi biết, đây là sự nhầm lẫn của phòng giáo vụ. Không bao giờ họ có thiện chí ấy. Cuộc tàn sát người vô tội đến kinh thiên động địa, kèm theo những hành động cướp giết hồi cải cách họ cũng chỉ xoa dịu dư luận bằng nước bọt. Còn biết bao dân thường bỏ mạng hoặc tan cửa, nát nhà vì sự tình nghi liên quan với địch trong chiến tranh, chính họ là thủ phạm gây tội ác nhưng họ đã bước qua những đau thương ấy không cần nhìn lại. Thế thì tại sao tôi có thể tin loài thú dữ lại có trái tim người? Tuy nhiên, tôi muốn giấy báo tự trường này thành một màn kịch để xem những thân nhân của tôi tỏ thái độ gì?

Được tin đó, bá niềm nở nói:

- Về trường học, cháu sẽ trở thành thầy giáo.
- Thừa bá, giáo dục cũng là một nghề để kiếm sống thôi, có cao sang gì?

- Bá và các anh, chị mừng cho cháu. Sau này đừng quên đến thăm bá nhé!

Thái độ của anh Tuân cũng thay đổi khác thường, anh nói:

- Chú về học gặp nhiều may mắn, chúc chú thành đạt.
- Bá muốn thăng em cháu lên đây với bá, cứ ở quê thì khổ lắm – Bá nói.

Tôi thoáng nghĩ, bá chỉ cần người làm không công để kiếm lời, có thương ai đâu? Nhưng Đản ở quê thì khổ thật, làm vất vả ngày đêm mà vẫn đói rét. Tuy giống như ngục tù cả nhưng nơi cầm cố này còn được bữa ăn no. Tôi quyết định viết thư bảo em tôi lên Hà nội.

Bá cho tôi năm đồng để mua vé ô tô về thị xã và ăn uống trên đường. Số tiền này có lẽ là tiền công của tôi trong ba tháng.

Trước khi ra bến Kim liên, sáng sớm tôi đến nhà chị Hoa để chào anh chị. Anh Hoàng và chị Hoa cũng tỏ ra mừng rỡ. Chị ra cửa hàng bách hoá đầu ô mua cho tôi một mảnh vải kaki Nam định. Xem ra lúc này ai cũng tay bắt, mặt mừng. Câu nói khi vui thì vỗ tay vào là như thế.

Đến bến ô tô thị xã, tôi gặp Lê đình Nhai, bạn cùng lớp, Nhai hỏi:

- Mày đi đâu đấy?
- Từ Hà nội về, tao nhận được một giấy báo tựu trường. Có lẽ đây là sự nhầm lẫn.
- Nhầm rồi – Nhai nói – hôm qua khai giảng, ông hiệu phó còn hăn học nói đến mày bị đuổi.

Màn kịch nhanh chóng hạ màn. Tôi chào Nhai lại lên ô tô về Hà nội, mãi đến mười giờ đêm mới tới nhà chị Hoa. Không còn tiền ăn đường, tôi phải một phen đói hoa cả mắt.

Nghe tôi thuật lại, chị Hoa, anh Hoàng im lặng tỏ thái độ hững hờ, lạnh lùng như trước. Sáng hôm sau, tôi trở lại hàng Bạc để lại mảnh vải ka ki ở nhà chị.

Ba ngày sau, vào buổi tối Đản đến. Thấy em tôi xanh xao, gầy yếu, chiếc áo sơ mi phin trắng Nam định cài lệch khuy, tôi vật ra giường nằm khóc như đứa trẻ, thương số phận em tàn nhẫn quá. Đành rằng, ở quê anh Quang đang bị chính quyền địa phương vùi dập, hất hủi nhưng sao anh thiếu quan tâm đến đứa em côی cút, hiền lành chỉ biết cam chịu và phục tùng mọi nỗi đòi hỏi nhục?

Đản là đứa cháu – một tên nô lệ làm việc tận tụy trung thành cho bá cho đến ngày tận số (bị bom bi Mỹ ở hàng Bạc năm 1967). Bảy năm sống ở Hà thành, ngoài

miếng cơm, manh áo, em không bao giờ được thưởng thức một đêm vui, một trò chơi giải trí. Và có lẽ chưa một lần bước đến rạp chiếu phim, nhà hát hay một quán cà phê.

Đản thông minh, mới học dở lớp ba, thế mà mấy năm tự học toán với thời gian hạn hẹp vào ban đêm, em đã giải được những bài khảo sát hàm số và phương trình lượng giác của lớp mười.

Cũng may, sau này Đản không bị cấm kỵ đọc sách như tôi. Tôi nghiệp một kiếp người đầu thai lắm thời đại.

* *

*

Cuối năm 1960, có người ngoài bốn chục, họ hàng với gia đình bá, ông đến thăm và nói sắp sửa thành lập tổ hợp tác đóng thùng nước mắm gia công cho xưởng Phú viên. Địa điểm chùa Đức vua, dốc hàng Than. Tôi xin làm ở đó, bá không muốn nhưng bề ngoài miễn cưỡng phải bằng lòng. Góp cổ phần hai mươi đồng, cô tôi cho mười đồng, còn thiếu mười đồng, tôi đến chị Hoa lấy lại mảnh vải ka ki Nam định bán đi là đủ. Nhưng mảnh vải chị đã bán rồi, thật bức mình, chị đã cho em còn đòi lại. Tôi nghĩ, lúc này không mềm dẻo là hỏng việc, tôi nhún mình xin chị:

- Vì thiếu chị phải bán đi nhưng nay em cần số tiền tương đương thế để có việc làm, em xin lại chị.

Chị Hoa đưa tôi mười đồng và nói:

- Tôi tưởng cậu trở về học ở trường sư phạm, nếu không thì... Mấy tháng làm, bá không cho tiền à?
- Sáu tháng làm không công, em xin tiền góp cổ phần bá bảo không có.

Tôi đi làm, ăn ở đó, tối về hàng Bạc ngủ nhờ. Anh Tuấn nói với mẹ, vào quán trọ phải mất tiền, nó muốn về đây ngủ, mỗi buổi tối phải làm một tiếng, nếu làm hơn, bà trả công cho nó.

Lần đầu tôi làm việc nặng nhọc, cầm cái bào khum khum lưỡi hén bào lòng nan thùng nước mắm. Lúc đó, các ngón và bàn tay phồng lên, sau đó toét ra bóc đi từng mảng, tôi lấy vải quần vào tay lại tiếp tục làm. Gần sơn, tôi bị lở, ngứa ngáy khó chịu như bệnh ghẻ. Giờ làm việc không quy định, từ sớm đến tối hẵn mới thu dọn nghỉ. Sau đó, muốn được ngủ nhờ, tôi phải làm thêm ấm giở ở nhà bá thêm một hai giờ nữa.

Gần đến tết, đường phố tập nập người đi mua sắm, tôi vẫn lủi thủi đi làm với tâm trạng chán chường, mệt mỏi. Buổi tối, tôi muốn dạo chơi cho thanh thản nhưng nếu không làm thêm cho bá chắc cái quán trọ kia sẽ đóng cửa lại, không cho tôi vào nữa.

Tết năm ấy, tôi và Đản về quê. Khi ấy, tôi đã có mấy chục đồng tiền công ở tổ hợp tác, mỗi công được một đồng. Đến mười hai tháng giêng, hai anh em tôi mới lên Hà nội.

Cậu tôi – cậu Gạch cũng mới lên thăm chị, cậu nói:

- Cậu lên thăm bá, được tin hai anh em cháu ở đây, cậu mừng. Dù rằng, nơi đây vẫn trong cái đất nước đau thương và tội ác này nhưng tránh được bọn mặt người dạ thú ở quê hương ít nhiều cũng là một điều may cháu ạ. Nhân tiện, cậu nói chuyện với cháu dài một chút. Ở quê, cậu được nghe nhiều người khen cháu, tiếc rằng, không hợp thời hợp thế cũng đành phải chịu. Cậu nghe bá và anh Tuân nói, bao giờ cũng thấy cháu buồn. Cuộc đời như cháu buồn là phải, nhưng cháu có biết rằng, buồn cũng là một tội của xã hội này không?

Ngừng một lát, cậu tiếp:

- Ở nông thôn hiện nay phải vào hợp tác. Trước mắt làm theo điều khiển. Rồi đây có thể phải ăn chung ở các nhà ăn tập thể, tiến tới ăn theo điều khiển. Thành phố cũng vậy, chế độ tem phiếu hiện nay, nhà nước cho ăn gì phải ăn thế, phải xếp hàng mua không được lựa chọn. Miếng ăn được điều khiển cho từng người về số lượng và chất lượng theo vị trí đứng trong xã hội. Ngoài cấp lãnh đạo được làm mưa làm gió, đảng muốn mọi người biến thành những cái máy, chỉ khác ở chỗ không ăn dầu mỡ cơ khí, mà ăn cơm gạo. Như thế trái tim và khối óc của từng người là thừa đối với trật tự của xã hội. Buồn, thương, nhớ tiếc là biểu hiện của trái tim và khối óc, ai cho phép trái tim và khối óc của những kẻ dưới mức cùng đinh như cháu được can thiệp vào trật tự của xã hội. Đảng bắt mọi người phải sống theo khuôn khổ, cụ thể là đảng bảo vui phải cười, đảng bảo hoan hô phải vỗ tay, đảng bảo phản đối là phải hô ả đảo, đảng bảo căm thù, cặp mắt phải bùng bùng như bốc lửa, đảng bảo làm là phải vận hành như máy, đảng bảo tiến lên phải như mũi tên bay về phía trước. Đảng đã nói, phải tin tuyệt đối. Đảng không muốn đám dân đen có trái tim và khối óc. Do vậy, đảng cấm mọi nỗi sầu thương, nhớ tiếc. Đảng dạy người dân phải có khí thế hào hùng cách mạng, ai không hưởng ứng là kẻ thù của đảng. Phương ngôn có câu “Cha mẹ sinh con, trời sinh tính”, đảng

muốn thay đổi lại: “Cha mẹ sinh con, đảng sinh tính”. Nhưng tính đảng chỉ có một từ đó suy ra, để phù hợp với hoàn cảnh, mọi người có chung một tính đó là tính đảng, ý chí của đảng thay mọi con tim, khối óc. Tiếng nói của đảng là lời phát ngôn duy nhất. Muốn được sống bình yên, mỗi người phải biến thành hai cái máy, một máy ghi và phát lại âm thanh của đảng, sao cho người nước ngoài đến đất nước này chỉ thấy cái chung và lịch sử, không tìm thấy một cá nhân nào.

Cậu châm thuốc hút, xả khói mù mịt rồi cậu tiếp:

- Cụ Gia cát lượng đã nói: “Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên”, việc làm của họ trái với lòng người phản lại quy luật phát triển của lịch sử sao mà thành công được! Tuy nhiên dân tộc đã đang phải gánh chịu những hậu quả trời không dung, đất không tha chưa thể lường hết.

Sau nhiều giây im lặng như sức nhớ ra một sự kiện, cậu lại nói:

- Hiện nay, một vấn đề nóng bỏng được dư luận quan tâm đến nhiều, đó là lệnh tập trung cải tạo. Thực chất của lệnh này, cậu cho là một biện pháp giết hoặc đầy đoạ người kiêu mới.

Nói đến đây, mắt cậu sáng lên như phát hiện ra một điều mới mẻ rồi nhòa dần ảm đạm trong nỗi buồn. Cậu nói với tôi, thực ra cậu đang nói với chính mình. Cậu là người trong cuộc, không có phương kế nào cứu cậu ra khỏi vòng tập trung cải tạo. Đến cuối năm, cậu khăn gói lên đường mười hai năm. Cậu không một nét nào giống mẹ tôi và bá, cao to, cặp mắt tinh nhanh. Tuổi trẻ cậu bôn ba từng trải nhiều nơi, cậu thường ngâm nga:

Làm trai cho đáng nên trai

Phú xuân cũng trải, Đồng nai cũng từng.

Thời kháng Pháp, cậu cộng tác với đối phương đeo lon trung uý. Năm 1951, cậu về làng, thành lập địa phương quân, xây đồn chống Cộng. Cuối năm 1952, cậu tình nguyện dâng đồn cho Vệt, lúc đó được coi là người lập công chuộc tội. Lập trường thay đổi, bấp bênh của cậu là cái giá phải trả sau này. Hồi cải cách, cậu bị bắt giam và bị đưa ra đấu tố. Cũng may là đợt cuối cùng, đoàn sửa sai về kịp, cậu mới thoát khỏi cảnh làm đồ đệ của Diêm vương.

Cậu hạ thấp giọng biểu hiện sự căm hờn và rên xiết:

- Một con bò còn sức kéo nếu mổ ăn thịt là không kinh tế. Một con người có tội (theo quan điểm của họ là có tội), nếu đem hành quyết chỗ đông người

vừa mang tiếng là tàn bạo, vừa không kinh tế. Với khẩu hiệu bắt nhằm còn hơn bỏ sót, hãy đưa kẻ phạm tội vào rừng núi, biến thành thân trâu ngựa làm ra của cải vật chất. Để từng thớ thịt trong cơ bắp nó teo dần, từng tế bào thần kinh cũng huỷ hoại dần, cứ thế một vài chục năm sẽ tự nó dẫn thân về địa ngục. Khi thấy cần phải làm ngay mục đích sẽ cho nó lạng lẽ yên nghỉ nơi vực thẳm. Nếu ai may mắn được tha về cũng thân tàn chờ ngày...

Nếu như hồi cải cách, bọn quý đồ vừa giết người vừa hò la, gào thét thì nay với gọi là “lệnh tập trung cải tạo”, sau khi uống máu người, chúng lau mồm bằng khăn sức nước hoa.

Lệnh tập trung cải tạo bắt những người không có hành vi phạm pháp, mà bắt vì tư tưởng. Do đó, họ có thể bắt bất cứ ai nếu họ thấy nghi ngờ. Hồi cải cách, cái gọi là “toà án nhân dân đặc biệt”, đặc biệt ở chỗ không cần chứng cứ thì lệnh tập trung cải tạo cũng đặc biệt như vậy. Cậu nhắc lại rằng, buồn bã, chán đời cũng là một tội – tội không yêu cuộc đời, không yêu chế độ, nếu không ghi trong bộ “luật rừng” thì rơi vào diện tập trung cải tạo. Bởi vì luật pháp của họ không cần công minh hay công lý mà chỉ là một công cụ của nền chuyên chính vô sản...

Nghe cậu nói đến đây, bá xen vào:

- Nói làm gì nữa, nó bướng lắm. Cứ ở đây, nó phải đi cải tạo, tôi mắc tội liên quan cũng khổ nhục. Tâm ạ, mày đi chỗ khác mà ở.
- Em xin chị – Cậu nói – hãy thương lấy cháu, đừng làm thế.
- Nó ở đây, tôi chẳng được lợi lộc gì, mà còn có hại. Tôi không chứa nó nữa.

Tôi thoáng nghĩ ở chùa Đức vua, những người Hà vĩ ra tạm trú để làm, ta đến nói với anh Cương xin ở nhờ vậy.

- Thôi được, cháu theo ý bá. Chào bá, chào cậu, cháu sẽ đi ngay.

II Năm năm nối tiếp

Lúc đó, tôi đến nơi làm việc. Gần nửa đêm, cổng chùa đã đóng, bên trong mọi người đã tắt đèn đi ngủ, tôi đứng bên ngoài gọi:

- Anh Cương ơi, mở cổng cho em.

Gọi lần thứ hai, anh Cương ra mở cổng và hỏi:

- Chắc chú không ở được hàng Bạc nữa phải không?
- Vâng, sao anh biết?

- Nghe ông Thanh nói, bà hàng Bạc ghét chú lắm. Bà bảo một đứa ngang ngược không chịu ngoan ngoãn theo thời thế.
- Còn anh?
- Qua tám tháng làm việc ở đây, tôi thấy chú thông minh, trung thực, có một cuộc sống nội tâm mãnh liệt.
- Em đến để nhờ anh.
- Không phải nhờ, anh coi chú như em, cầu Chúa ban phước lành cho chú.

Nghe câu nói ân tình ấy, cảm động quá tôi không ngăn cản nổi dòng nước mắt. Tình thương của người dung nước lũ này hơn hẳn anh chị, cô, bá tôi.

- Tại sao chú khóc? – Anh Cương hỏi.
- Em khóc vì lòng nhân ái của anh.
- Thế thì chú hãy khóc nữa đi, khóc sẽ giải thoát được một phần đau khổ.
- Em không bao giờ khóc hoặc van xin trước uy quyền và bạo lực, còn với tình thương và lòng nhân ái thì – Tôi nghẹn ngào nói.

Anh Cương người nhỏ nhắn, cuộc đời ly hương từ thời trai trẻ. Quê anh ở Vĩnh bảo, Kiến an. Hồi cải cách, thân phụ anh bị đi tù, tài sản gia đình bị cướp sạch. Khi đó, thật may mắn, anh không có mặt ở quê hương nên thoát nạn. Anh có lòng thương người và độ lượng. Thời gian trước, anh buôn thuốc lá ở Thường tín, có một ông hàng xóm thường xuyên đến chơi, một hôm anh đi vắng, gửi nhà ông ta trông giúp.

Khi về thấy ông hàng xóm đang mở trap lấy trộm tiền, anh lặng lẽ đi chỗ khác để ông ta tự do hành động. Tối hôm đó, anh giết gà làm cơm, mua rượu mời ông hàng xóm. Cuộc vui sắp tàn anh nói, sống bên cạnh mà tôi không biết khó khăn của bác thì thật là không tốt, tôi xin lỗi bác. Nay tôi biếu bác một số tiền nhỏ mọn. Nói xong, anh đưa cho ông ta năm chục. Ông hàng xóm sức hiểu ra, khóc và nói, tôi mới là kẻ xấu, đã làm một việc bỉ ổi. Ông không dám cầm tiền nhưng với lòng độ lượng, anh Cương đã thuyết phục ông phải nhận. Hình ảnh ngài giám mục Mirielle xuất hiện ở Việt nam trong thời đại mà sự hận thù và thù tính đang ngự trị xã hội. Tuy nhiên, trước roi vọt của pháp luật rừng, anh không có gan chịu đựng.

Anh dẫn tôi đến giường nằm. Gọi là giường cho hay là thế, thực ra là những tấm ván ghép lại trên nền nhà. Anh lại nói:

- Người công giáo chúng tôi có đức tin vào Chúa nên tư tưởng đấu tranh giai cấp của đảng khó tiêm nhiễm vào tâm hồn những con chiên ngoan đạo. Trái

tim họ vẫn rung cảm trước chân lý, thương yêu, cứu vớt những người hoạn nạn. Bón đối tượng của cách mạng hiện nay thì đối tượng thứ hai: “chống bọn phản động đội lốt thiên chúa giáo”, thực chất nhằm vào những ngài linh mục, những tu sĩ và những giáo dân ngoan đạo.

* *

*

Tổ hợp tác làm thùng nước mắm có tên gọi 19 – 5 do ông Thanh làm tổ trưởng, sau khi ổn định sản xuất thì ông ta có hành động xoay sở, lấy cấp sơn, gian lận giấy tờ để tham ô dẫn đến mâu thuẫn, lung củng.

Tổ ngừng sản xuất để thanh lý và giải tán. Trong chùa, tổ hợp tác chỉ còn lại anh Cương và tôi. Anh cư xử với tôi thân tình. Trong khối phố, kể cả ban đại biểu và bảo vệ, nếu không xem sổ hộ tịch, tưởng tôi là em ruột của anh Cương. Anh chuyển sang nghề buôn gang ở chợ Bắc qua. Còn tôi, sau khi tìm kiếm nhiều nơi, anh xin cho tôi làm trong tổ hợp tác kim khí phố hàng Buồm, đóng cổ phần ba trăm đồng. Tổ hợp tác này, ông tổ trưởng hiền lành, nhu nhược, cách quản lý ông chẳng hiểu gì, mặc cho xã viên làm được chẳng hay chớ. Còn lại, đại bộ phận là các bà, các chị, các cô không nghề nghiệp. Trước đây họ buôn thùng, bán mẹt, bán hàng rong. Theo chính sách cải tạo tiểu thương của đảng, bắt họ phải bỏ nghề buôn bán tự kiếm việc làm để sinh sống. Tổ sản xuất đồ chơi trẻ em cho công ty ngũ Kim cấp một thương bán tại cửa hàng mậu dịch thiếu nhi bờ hồ Hoàn kiếm.

Buổi đầu tôi đến làm, một bầu không khí buồn tẻ trùm lên phòng làm việc, ngoài những tiếng búa, tiếng đập xen lẫn tiếng máy đột đập bằng tay xình xình mẹt mội, thỉnh thoảng lại xuất hiện tiếng thở dài não ruột. Hình như chẳng ai muốn nói với ai một lời nào. Tôi được phân công cùng làm với một thanh niên, ít hơn tôi một tuổi – Khoa có nước da trắng, dáng người khoẻ mạnh nhưng yếu điệu như con gái. Cặp mắt một mí của anh lúc nào cũng như mơ màng, trĩu nặng nỗi ưu tư. Tôi hỏi:

- Bạn vào làm ở đây lâu chưa?
- Mới được vài tháng – Khoa lạnh lùng trả lời.
- Tình hình làm ăn thế nào mà có vẻ không vui?
- Làm không ra sản phẩm, không có lương, mỗi công tạm ứng năm hào ăn cầm hơi.

Tôi nảy ra ý nghĩ, sản phẩm đồ chơi này đơn giản, ngoài khuôn mẫu, chẳng cần chuyên môn, nghề nghiệp gì cao, chỉ cần khéo tay và biết xếp đặt hợp lý là có hiệu quả. Tôi nói.

- Tay nghề công việc này không quan trọng lắm, chủ yếu là khâu phân công việc cho từng người và quản lý, chống cách làm việc nước chảy, bèo trôi.
- Ông Khuê tổ trưởng bắt lực lắm, rồi đến mất cả vốn góp cổ phần và giải tán.

Tôi nghĩ phải bàn cách làm ăn với ông tổ trưởng. Nếu cứ thế này, tôi xin rút vốn. Ngay tối hôm đó, tôi đến nhà ông Khuê ở phố Đồng xuân. Tôi yêu cầu ông phải làm và hưởng lương theo sản phẩm. Một sản phẩm chia ra nhiều chi tiết, tính giá khoán cho từng chi tiết. Tiền lương hàng tháng tính theo khối lượng và chất lượng sản phẩm cho từng người.

Ông Khuê nói:

- Làm như vậy tính toán rất phức tạp. Mỗi lần làm lương phải tính hàng nghìn phép nhân và cộng, kế toán không chịu nghe đâu.
- Tổ phải trả cho ông kế toán bao nhiêu một tháng?
- Bốn mươi năm đồng.
- Nếu bác đồng ý, cho ông kế toán nghỉ việc, cháu sẽ làm tất cả, chỉ xin của tổ mười lăm đồng một tháng.
- Số tiền ấy cậu sống thế nào?
- Một tháng cháu chỉ làm sổ sách, tiền lương ba ngày, còn lại trực tiếp sản xuất.
- Tính theo sản phẩm, cậu có làm cả tháng chưa chắc đã xuôi, cậu nói ba ngày sao cho được?
- Bác cứ yên tâm, ba ngày đối với cháu là còn thời gian ngồi chơi, xơi nước chứ chẳng vội gì. Cháu tin rằng, cách thức làm việc này sẽ có hiệu quả, mau ổn định và lương sẽ tăng dần.

Ông Khuê đồng ý, cách làm và hưởng theo sản phẩm được tiến hành ngay. Ngày đầu, hết giờ làm việc, hơn hai chục người khai sổ lượng chi tiết sản phẩm với tôi, không thấy tôi ghi chép, họ thắc mắc:

- Anh không ghi vào sổ theo dõi sản phẩm là thế nào?
- Các bác, các chị không lo, cháu đã ghi vào đầu còn chắc hơn ghi vào sổ.

Nhiều người không tin:

- Của người nào người ấy nhớ còn khó, anh làm sao nhớ nổi sản phẩm của mấy chục người ngày này qua ngày khác.
- Nếu cháu nhầm của ai cứ xin của bụi mắt một đèn mười.

Đến kỳ giao hàng, tính lương, tôi nói số lượng sản phẩm của từng người làm trong ngày và tổng số. Lúc đó họ mới tần ngần hỏi tại sao tôi có trí nhớ kỳ diệu thế? Điều đó tôi cũng không hiểu nổi, chỉ đơn giản là những gì cần nhớ hay học thì nhớ mãi.

Sau hai tháng, từ chỗ không lương đã đạt tới mức lương trung bình bảy mươi đồng một tháng. Không khí làm việc đã thay đổi, mọi người vừa làm, vừa nói chuyện râm ran, vui vẻ. Họ cởi mở, mỗi buổi đến chỗ làm tay bắt, mặt mừng, không còn cảnh đưa đám như trước nữa. Từ đó, tôi chiếm được sự ưu ái của nhiều người.

- Tôi không ngờ cậu có khả năng như vậy – Ông Khuê nói.
- Thưa bác, công việc đó cũng bình thường thôi. Rất tiếc cháu là loại người cùng đinh không được làm những công việc lớn.
- Nếu không có cậu, có lẽ tổ phải giải tán.

* *

*

Người thân với tôi sớm nhất là Khoa. Bà ngoại anh là tư sản, hàng chục ngôi nhà bị nhà nước quản lý. Sau này kinh doanh thua lỗ vì thuế cao nên cửa hàng nhà anh đóng cửa, kinh tế sa sút mau chóng. Bố mẹ Khoa không hoà thuận. Do nhạy cảm, thức thối, ông chán ghét chế độ mới, còn bà lại tin tưởng hão huyền. Như mặt trăng với mặt trời không thể tồn tại cùng một nơi, thân phụ Khoa về quê ở Bắc giang sống một mình. Khoa hợp tính bố, thông minh nên sớm nhận biết những bất công, tội ác của chế độ. Từ đó anh và thân mẫu cũng trở nên xung khắc. Thân mẫu Khoa, một người đàn bà lắm điều hay chấp vặt. Chị Khoa hiền lành nhưng em gái sát Khoa nghe theo mẹ, Mai phấn đấu trở thành đoàn viên thanh niên lao động. Do vậy, gia đình Khoa chẳng mấy lúc yên vui. Anh học hết cấp hai, do kinh tế gia đình khó khăn phải bỏ học để đi kiếm sống. Khoa có tâm hồn thơ từ thuở nhỏ, năm mười hai tuổi.

Lần đầu, rủ tôi ra cửa hàng Thủy tạ uống cà phê, Khoa hỏi:

- Mày có nhận xét gì về tao?
- Lạnh lùng với mọi người, có lẽ mày nhìn cuộc đời u ám lắm?

- Mày nhầm rồi! Không phải thị lực tao kém nhìn màu hồng hoá màu đen mà sự thực cái xã hội này là u ám. Tsernurseski nói: “Cái đẹp là cuộc sống”, xưa kia tao tán thành quan điểm ấy, nếu không có cuộc sống thì còn gì là cái đẹp? Tao yêu cuộc đời hơn ai hết, yêu mọi người, yêu thiên nhiên: bầu trời, trăng, gió và hoa.

Tao thường vào làng Ngọc hà để ngắm hoa và mơ ước cuộc đời cũng đẹp như những bông hoa đang nở. Có một lần, tao mua được mấy bông hoa đẹp nhất trong một vườn, mang về cắm vào bình đặt trên bàn để chiêm ngưỡng. Bố tao ra phố về nhìn thấy, người quay mặt đi và thở dài. Lạ lùng chưa, người nhìn hoa không thấy vui mà buồn? Tao hỏi:

- Bố không yêu hoa à?
- Có chứ, hoa là sản phẩm của thiên nhiên bao giờ cũng đẹp luôn quyến rũ lòng người.
- Thế thì tại sao thấy hoa, bố lại thở dài?
- Nhìn hoa đẹp, bố lại chạnh thương đến các con. Bố linh cảm thấy tương lai của các con không đẹp mà xấu lắm.
- Tại sao vậy bố?
- Con còn non dại, rồi sẽ biết. Bố không muốn con biết sớm. Biết nhiều, biết sớm là buồn trước tuổi đầy con ạ!
- Con chỉ muốn biết qua loa thôi?
- Ngày nay, người ta yêu máu và nước mắt hơn yêu hoa. Thậm chí có những kẻ sung sướng trên máu và nước mắt của con người. Thôi nhé, con đừng hỏi thêm bố nữa – Người ra lệnh.

Tao đành im lặng, nhưng cũng từ đó tao băn khoăn lo lắng. Mùa xuân năm 1956, người đưa tao về quê bằng xe đạp. Hôm ấy là ngày mười rằm tháng giêng âm lịch. Bóng chiều ngả dài mới đến đầu làng, tao thấy một biển người trên một bãi rộng đang hò hét, hoan nghênh và đá đảo ầm ầm. Bố tao bảo, họ đang đấu tố và sắp hành hình “địa chủ cường hào gian ác”. Một cô gái trẻ đẹp để gánh hoa bên đường, toàn là hoa đẹp: những bông hồng đỏ tươi rực rỡ, glaiulle trắng muốt, cúc vàng... không ai thèm ngó tới. Bố tao hỏi cô hàng hoa:

- Cháu không bán được à?

- Nay là tết Nguyên tiêu, cháu tướng..., không ngờ, người ta đi xem bắn người nên hoa cháu ế. Cô hàng hoa buồn thiu trả lời.
- Thế đẩy cháu ạ, xem máu chảy, nước mắt rơi còn thích hơn ngắm hoa chứ – Nói rồi người mua mở hàng mỗi thứ một bông.

Thời gian sau đó, cửa hàng nhà tao đóng cửa. Bố mẹ tao thường xuyên nặng lời: một mặt vì kinh tế gia đình sa sút, mặt khác vì quan điểm xã hội đối lập. Ngày về quê ở, người bảo tao: – Xa các con, bố thương nhớ lắm nhưng ở đây không chịu nổi. Con nhớ thỉnh thoảng về thăm bố. Mỗi năm người cũng ra chơi vài lần nhưng chỉ một vài ngày lại về quê. Hoàn cảnh gia đình lại khó khăn, li tán thì vui sao được. Và cũng từ đó tao phải quan sát cái xã hội này thật trọng, rồi đi đến nhận xét: Hegel có lý khi cho rằng, cái đẹp chỉ tồn tại ở thế giới bên kia.

Đến nhà, Khoa cho tôi xem tập thơ đầu của anh, trang đầu tựa mấy vần:

Ta là thi sĩ hoài phong

Là người cùng khổ trong lòng Hugo

Đường đời gai góc gió mưa

Hoa tàn, lá rụng xác xơ tôi bời.

Chân vững bước, mắt sáng ngời

Tâm hồn thấu cả đất trời thành thơ.

Kế tiếp là những bài thơ yêu thiên nhiên, yêu cảnh đẹp của núi non hùng vĩ, yêu dòng sông Thương... Đến những bài thơ buồn da diết trong cảnh chia ly. Nỗi buồn không lối thoát của một chàng trai đầy mộng ước nhưng phải sống trong một xã hội như ngục tù. Cái đẹp của cuộc đời là máu hay hoa?

Cuối tập thơ là những bài về tình yêu và nước mắt, nổi bật nhất là bài đôi trai gái chia tay nhau vì giai cấp tính và sự ép buộc của xã hội để chàng trai bất hạnh mang trái tim chứa đầy máu nóng xuống tuyến đài.

Sau đây là những trang nhật ký của Khoa năm 1961.

Ngày 3 tháng 1. Tôi đọc Thép đã tôi thế đấy của Atrôpsky. Đọc xong, tôi ngẫm nghĩ, Pavel ơi, người bị lừa rồi. Cuộc đời người đã chiến đấu và làm việc hết mình, chẳng phải để giải phóng cho ai. Ngược lại, chỉ để bảo vệ ngai vàng của tên bạo chúa Stalin. Hàng triệu vật hy sinh như người chỉ kéo dài thêm cái thảm họa cho nhân loại – thảm họa Cộng sản.

Ngày 8 tháng 1. Buổi tối tôi mượn được tập truyện Một anh hùng thời đại của Lermontov. Tôi ngẫu nhiên cả đêm đến sáng thì hết tác phẩm này. Vì Pessorine có cách nhìn cuộc đời giống như tôi: đen tối, phũ phàng và tội ác. Tuy nhiên, anh sống ở xã hội Nga vào thế kỷ thứ 19 không đau thương, lừa lọc như xã hội Việt nam hiện nay. Anh chỉ giày vò về mặt tinh thần, khác với tôi, có khi phải lo ăn từng bữa. Sống giữa nơi đô thị mà tôi cảm thấy cô đơn như trên hòn đảo của Robinson. Một đêm khốn nạn nào đó đã sinh ra Pessorine. Và một ngày đen tối đã sinh ra tôi trên cõi đời này.

Ngày 3 tháng 2. Buổi chiều, tôi ra phố về, thấy Mai – em gái tôi đứng trước gương đang ngắm nghía huy hiệu đoàn đeo trước ngực. Thấy tôi, Mai khoe:

- Anh Khoa ơi, ngày kỷ niệm thành lập đảng, em được kết nạp đoàn.

Không tự chủ được, tôi nằm vật ra giường, khóc.

- Tại sao anh khóc thế? – Mai hỏi.

- Cái lý tưởng Cộng sản mà mày đang phấn đấu sẽ biến trái tim mày thành đá. Cái đầu mày bị lý thuyết vô thần ám ảnh, thú tính ngự trị tâm hồn mày. Những kẻ mê muội như mày chỉ kéo dài thêm sự tồn tại của một bức tranh xã hội xám xịt.

Từ đó Mai không đeo huy hiệu đoàn ở nhà nữa.

Ngày 11 tháng 4. Buổi chiều, bố tôi ra chơi, mẹ tôi hỏi:

- Ông có mang gạo ra không?

- Ở với con hai ngày, tôi mang theo năm cân gạo, bà yên tâm chứ?

- Tư tưởng ông lạc hậu, ở lâu sẽ có hại cho các con.

- Vâng, tôi biết bà tiến bộ. Thật khổ, người ta tuyên truyền thế nào mà đàn bà cũng sính dùng từ chính trị?

- Con xin mẹ để cho bố con yên – tôi nói – Đây là gia đình mẹ ạ, ăn cơm ngô và rau muống nói đến xã hội làm gì?

- Cả anh nữa cũng lạc hậu, chậm tiến như bố anh.

- Vâng, con cũng như bố con thôi, mẹ ạ. Con xin mẹ đừng nói nữa, đau lòng lắm.

Ngày 12 tháng 4. Buổi sáng, công an hộ tịch đến, hỏi:

- Gia đình này có người tạm trú, tại sao không ra trình đồn?

- Báo cáo anh, đây là bố em – Tôi trả lời.

- Bất cứ ai không phải là nhân khẩu thường trú cũng phải thông báo. Bây giờ anh phải làm ngay.

Tôi viết họ tên, quan hệ của bố tôi vào sổ tạm trú, mang ra đồn. Khổ nỗi bố tôi quên không mang chứng minh thư. Công an hộ tịch nói:

- Không có giấy tờ là bất hợp pháp, không cho tạm trú nữa. Nếu tối nay bố anh còn hiện diện chúng tôi sẽ bắt ra đồn.

Buổi chiều hôm ấy bố tôi phải về ngay. Thời Tần có ngũ gia liên bảo, thời Napoléon có danh bạ công nhân, còn thời đại Hồ chí minh, ngoài sổ hộ tịch, có sổ lương thực và tem thực phẩm để quản lý dạ dày tinh vi và độc ác vào bậc thầy Tần thuỷ Hoàng thời cổ.

Ngày 15 tháng 4. Tôi đọc quyển văn học sử Pháp. Ông Balzac với Tần trò đời, ông mệnh danh là thư ký của xã hội Pháp. Nếu ông sống lại ở trong thời đại Cộng sản của Việt nam hiện nay, xã hội điên đảo gấp nghìn lần, ông có dám mệnh danh là thư ký của xã hội Việt nam không?

Ngày 21 tháng 4. Em họ tôi từ Bắc giang ra Hà nội bị nhỡ tàu, chiều đến ga hàng Cỏ. Nó vào cửa hàng bách hoá tổng hợp mua một số đồ dùng, khi đến nhà tôi thì trời đã tối. Thật gay go, nó tưởng sáng đi, chiều về nên không mang chứng minh thư. Tôi giấu nó trong nhà, sợ mù tổ trưởng biết. Có lẽ bị lộ nên đến quá đêm công an vào kiểm tra. Sau khi cảnh cáo gia đình, họ bắt nó ra đồn giam lại.

Ngày 22 tháng 4. Buổi sáng, tôi phải về quê, lấy chứng minh thư cho nó. Đến chiều ra, trình chứng minh thư của nó, nó mới được tha.

Ngày 25 tháng 4. Buổi chiều, tôi đến nhà bạn học cũ ở phố Chu văn An. Nhà nó hôm nay cỗ bàn bày la liệt. Tôi hỏi lý do, bạn tôi trả lời:

- Bố tao là công chức lưu dụng, nay được cơ quan chấp nhận lương như cán bộ cách mạng. Do vậy, gia đình tao mở tiệc ăn mừng.
- Lương cao lên à?
- Ngược lại. Lương của bố tao trước hơn ba trăm đồng một tháng, nay được chấp nhận khoảng bảy mươi đồng.
- Nếu thế, sao không buồn mà lại mở tiệc?
- Hàng chục lần lên đồn, xuống phủ mới được chấp nhận đấy. Lương ít nhưng được ngủ ngon, nếu không sẽ mắc bệnh tâm thần vì sợ.

Ngày 2 tháng 5. Hôm nay, tôi gặp thằng Hùng, bạn học cũ đi bán kem. Nó mới bị đuổi khỏi trường công nhân kỹ thuật vì họ phát hiện ra lý lịch của ông nó ở quê là địa chủ, cường hào.

Ngày 8 tháng 5. Tối nay, khỏi phố đầu tổ anh Thung vì trước đây anh học ở trường sĩ quan Thủ đức. Học xong thì hiệp định Geneva ký kết, anh về nhà. Tôi đến xem người ta tổ anh những gì? Anh Thung hiền lành, sao mà bị tổ nhiều tội thế? Đặc biệt lời tố của ông trưởng ban đại biểu:

- Tối mừng hai, tháng chín năm ngoái, khi đài đang phát thanh chương trình ca nhạc, anh Thung ngồi ở ban công. Tôi nghe thấy anh Thung ngâm bài thơ nhớ rừng của Thế lữ. Đến câu: “Than ôi, thời oanh liệt nay còn đâu?”, anh gào lên thảm thiết. Sau đó, anh chơi đàn và hát bài Quê nghèo của Phạm Duy, một tên nhạc sĩ theo địch. Cuối cùng là bài Thiên thai của Văn Cao, một tên trong bọn nhân văn giai phẩm. Qua đó thấy rằng, anh Thung còn luyện tiếc chế độ cũ.

Nghe thằng cha này nói, tôi phát cuồng lên vì sự vu cáo trắng trợn. Tôi đứng lên phát biểu:

- Ngày mừng hai, tháng chín năm ngoái, cả buổi tối anh Thung ở nhà tôi. Chúng tôi ngồi uống chè và tôi nghe anh ấy kể chuyện Ba chàng ngự lâm của Dumas. Anh Thung có biết chơi đàn Guitare nhưng chẳng hát bao giờ vì giọng anh như tiếng kêu của vẹt đực.

Thế là họ chĩa mũi nhọn vào tôi ầm ầm như vỡ chợ.

- Thanh niên chậm tiến bao che cho tư tưởng xấu.
- Nó không chịu tham gia sinh hoạt thanh niên đường phố, đồng lõa với nguy quân, đề nghị cấp trên đưa nó đi cải tạo.

Cuối cùng, công an hộ tịch cảnh cáo và đuổi tôi về.

Ngày 13 tháng 5. Sau sáu năm, tôi qua bác họ tôi ra chơi. Sáng nay tôi dậy sớm đi xếp hàng mua phở. Người mua đông như hội. Đứng trước tôi, một bác già đang đọc lẩm nhẩm một khẩu hiệu kẻ trên tường: Toàn đảng, toàn dân quyết tâm xây dựng thành công CNXH, rồi bác nói nhỏ một mình, đã thành công rồi rồi, việc gì phải quyết tâm. Thấy lạ tôi hỏi:

- Cái gì thành công đấy bác?
- CNXH là cả ngày xếp hàng – Bác ta mỉm cười, hỏi:

- Anh thấy đã thành công chưa?

Tôi định mua ba bát nhưng vì đông quá nên họ chỉ bán cho mỗi người hai bát. Tôi mang về cho bác và mẹ tôi ăn. Còn tôi nói dối với bác đã ăn tại cửa hàng. Đến bữa, cơm gạo hẩm có nhiều hạt mục độn ngô xay, xem ra bác ăn ngon lắm.

Tôi nói, bác ạ, Hà nội ngày nay ăn như thế đấy. Bác trả lời, còn sợ chán, ở quê làm hợp tác xã, mỗi công được mấy lạng thóc, nếu mất mùa thì rau cũng chẳng có mà ăn. Tôi hỏi bác, nông nghiệp đã cơ khí hoá đến đâu rồi? Bác trả lời, trâu bò cũng ít dần, đà này tiến tới cơ khí hoá toàn quốc.

Ngày 18 tháng 5. Tôi đọc Những con đường đói khát của Jorge Amado. Đến đoạn De thiên lôi định hiếp vợ viên trung úy, sau khi nghe người phụ nữ này nói đến mẹ mình, tên phó tướng cướp đã buông tha chị. Tôi nghĩ, hàng vạn cán bộ cải cách ruộng đất còn chút nhân tính như De thiên lôi, chắc rằng cuộc tàn sát đẫm máu sẽ giảm đi nhiều. Thực chất của lý thuyết đấu tranh giai cấp là dạy con người từ bỏ nhân tính, dập tắt ánh sáng lương tâm, kích thích thú tính để hành động theo đường lối, chủ trương của đảng. Bản chất của thứ lý thuyết này là mầm mống của tội ác, chiến tranh và tàn bạo. Quan niệm của ông Robertower: Đấu tranh giai cấp là kết quả sự ngu dốt của quần chúng.

Ngày 21 tháng 5. Một người ở quê đến thăm gia đình tôi, ông ta là Việt kiều từ Thái lan về nước năm ngoái. Xem ra chưa đầy một năm mà ông ta đã ngao ngán cảnh độc lập, tự do của tổ quốc. Ông ta nói:

- Nếu biết thế này, chẳng ai dám về.

Tôi tưởng tượng, điện tử càng xa hạt nhân thì sức hút của hạt nhân càng yếu. Ngược lại, người càng ở xa chế độ Cộng sản thì lực hấp dẫn càng mạnh. Ở phương xa người Việt kiều nhìn về tổ quốc dưới chế độ xã hội chủ nghĩa như một con thuyền có cánh buồm nhiều màu rực rỡ, lại được nghe những âm thanh ngọt ngào từ con thuyền đội đến: có một ông thánh sống cứu nhân độ thế. Dường như hạnh phúc vẫy chào, chờ đón, những đứa con xa tổ quốc về với cội nguồn, người ta hân hoan bơi đến với con thuyền. Đến nơi, cánh buồm nhiều màu rực rỡ kia hoá ra các mảnh vải bẩn thỉu, nhem nhuốc, loang lổ thắm máu người được vá vúi chằng đụp lại, còn ông thánh sống hoá ra tên lừa bịp, khát máu. Biết bị mắc lừa thì đã muộn, chúng mày có chạy lên mây cũng vẫn trong lòng sắt.

Buổi phát thanh đêm lại có tiếng thơ, ngâm những bài thơ của Tố Hữu ca ngợi lãnh tụ. Đến hai câu:

Bác ngồi đó lớn mênh mông,

Trời xanh, biển rộng, ruộng đồng nước non.

Ông Việt kiêu kêu, khỗ vì những lời này qua làn sóng điện. Tôi hình dung, lòng tin của nhân dân đối với chế độ Cộng sản như phương trình hyperbol $y = a/x$ (y là lòng tin, x là thời gian). Cộng sản chỉ chiếm được lòng tin của người dân trong giai đoạn đầu, sau đó lòng tin giảm dần và cuối cùng Cộng sản thống trị bằng bạo lực cùng với sự tuyên truyền bịp bợm.

Ngày 26 tháng 5. Tôi đọc quyển lý luận văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Có đoạn viết: "... Để tái tạo cuộc sống, tính cách của nhân vật là: người quen biết nhưng lạ...". Qua đó thấy rằng, trong văn học đảng cũng dạy cách bịa đặt, tuyên truyền xuyên tạc. Như thế có thể suy ra ông Hồ là người quen biết của làng Sen, nhưng khi đọc cuộc đời hoạt động của ông ta, người làng Sen thấy lạ như ông thánh ở trên trời rơi xuống.

Ngày 2 tháng 6. Gần ba mươi tuổi, tôi nay anh Thung mới cưới vợ. Khi cưới xong, khách vừa về hết, hai người sắp sửa dọn phòng thì công an đến bắt anh đi tập trung cải tạo. Khi lên xe tù, anh bắt tay tôi. Thế là công an hộ tịch đưa tôi ra đồn giam cả đêm, ghép vào tội quan hệ với ngụy quân.

Ngày 8 tháng 6. Thăng Hàn mười sáu tuổi, người cùng phố, sáng nay cụng xe bị bắt đi cải tạo làm cả phố xôn xao. Thăng này hiền lành lắm, chẳng quan hệ với ai trong phố. Nó là người công giáo, buổi tối hay đọc kinh và chủ nhật thường đi nhà thờ. Người ta ghép nó vào tội phản động "đội lốt thiên chúa giáo".

Ngày 14 tháng 6. Tôi ngồi chơi ở bờ hồ Hoàn kiếm, phố Đinh tiên hoàng gần cửa hàng tổng hợp, thấy một ông già ngoài bảy mươi tuổi, mặc đồ bà ba vải nhuộm nâu, chân đất. Có lẽ ở nhà quê lần đầu ra thành phố, ông già đứng bên Hồ ngắm hai lá cờ của Ấn độ và Canada ở phố Đinh lễ. Thấy lạ mắt, ông già sang đường đến gần hai quả cầu ngắm tiếp. Thật thương tâm, ông già bị hai công an đến khoá tay đưa lên xe, có thể giải vào Hoả lò giam cứu?

Ngày 29 tháng 6. Bên cạnh nhà tôi, có một bác già gần sáu mươi tuổi, cả đời đạp xích lô. Bác ta dành dụm mấy năm mới đủ tiền mua chiếc radio Trung quốc. Tối nay bác già dò được sóng của đài phát thanh Sài gòn đúng vào chương trình ca nhạc. Thích quá, bác mở to để nghe nhạc vàng. Tội nghiệp, bác bị công an chop bắt quả tang, tóm cổ và thu luôn đài. Nghe đâu, nhẹ nhất bác cũng bị hai năm tù và một năm mất quyền công dân. Thực ra ở chế độ Cộng sản không có quyền con người, vậy quyền công dân có ý nghĩa gì?

Ngày 8 tháng 7. Buổi sáng, đến vườn hoa Giám, tôi gặp lại người bạn gái (chưa yêu thì chia tay), Hồng thảo nhiên nói:

- Chắc anh không ngạc nhiên vì hàng năm nay tôi không quan hệ với anh. Tôi đã nhầm vì có ý nghĩ yêu anh – một thanh niên chậm tiến và lạc hậu.

Không nhìn lại em, tôi cúi đầu đi thẳng. Thật nực cười, trong tình yêu cũng trộn lẫn mùi chính trị. Tôi không dám, không thể yêu ai và tự an ủi mình khi nhớ tới lời của Pessorine: “Tôi khinh phụ nữ để khỏi phải yêu, nếu không đời sẽ trở thành một tấn bi kịch thật là lố bịch”.

Buổi tối, khuya tôi mới đi ngủ, đến với tôi một giấc mơ kỳ diệu. Vào buổi ban mai, trên ngọn núi Fuji hoa anh đào tươi mát khoe sắc rực rỡ dưới ánh dương, một thiếu nữ diễm lệ đến với tôi và hứa yêu tôi – một tình yêu chung thủy. Em nói, trên tổ quốc em, tình yêu phi chính trị và không có giai cấp tính. Tôi sung sướng đón nhận tình yêu trong sáng đó và đặt lên môi em một nụ hôn nóng bỏng. Tỉnh dậy, tôi vẽ chân dung em và khẳng định một ngàn lần em yêu tôi mãi mãi. Chao ôi, nụ hôn đầu tôi dành cho người trong mộng biết đâu cũng là nụ hôn cuối cùng của cuộc đời mình?

Ngày 12 tháng 8. Tôi đến Cửa nam, thấy công an giải một thanh niên bị khoá tay. Người ta nói, gã mắc tội hát nhạc vàng, ít nhất là bốn năm tù. Nếu lý lịch gia đình không tốt với chế độ thì mức án tăng theo cấp số.

Ngày 1 tháng 9. Buổi tối, mục tổ trưởng bảo, sáng mai hộ này cho một người đi dự mít tinh ở quảng trường ba đình. Tôi nhận lời nhưng dự định cứ trình diện xong đến chỗ nào thuận lợi sẽ chuồn.

Ngày 2 tháng 9. Sáng nay, tôi dậy từ hai giờ, ra điểm tập trung đã đông người. Họ điểm danh và bắt xếp hàng theo thứ tự số nhà, tổ rồi đến khối phố. Cách quản lý người như thế trốn sao được? Tôi nghĩ, thôi cũng đành phải đi đến khi tan cuộc vậy.

Sáu giờ sáng đoàn người dự mít tinh của khối phố đến quảng trường. Và có lẽ đến chín giờ mới giải tán ra về. Quả thực, suốt mấy giờ tôi miên man suy nghĩ đầu đầu, chẳng hiểu cuộc mít tinh đã diễn ra như thế nào?

Ngày 3 tháng 9. Buổi sáng, mục tổ trưởng và công an đến nhà. Mục hỏi mẹ tôi, ngày đại lễ mà nhà này không treo cờ? Mẹ trả lời, tôi lo đã lâu nhưng lương ít quá chỉ đủ tiền đóng gạo nên chưa sắm được. Mục nói, tuy không bắt buộc nhưng qua đó khối phố biết được thái độ chính trị của gia đình.

Công an hỏi, buổi mít tinh sáng hôm qua, sao anh Khoa không hưởng ứng hô khẩu hiệu?

Mụ tổ trưởng thêm, anh ấy cứ lủi thủi đi như đưa đám vậy.

- Tôi cảnh cáo anh lần đầu – Công an tiếp – nếu lần sau còn tái diễn, sẽ đề nghị đưa anh đi cải tạo.

Ngày 10 tháng 9. Gặp thẳng Hùng, nó cho biết thầy Khánh dạy sử mới bị toà án xử phạt bốn năm tù về tội phản tuyên truyền: ca ngợi tổng thống Roosevelt và vai trò của Hoa kỳ trong đại chiến thế giới thứ hai.

Ngày 11 tháng 10. Chị Bích, vợ của anh Thung hôm nay đi với một thanh niên khác. Nhìn thấy tôi, chị ấy coi như không quen biết mặc dù tôi đã nhiều lần gặp và nói chuyện ở nhà anh Thung. Đáng thương cho anh Thung hiền lành, lương thiện, tai hoạ đến vừa đi tù, vừa mất vợ.

Ngày 13 tháng 11. Sáng nay, tôi bắt đầu đi làm ở tổ hợp tác đồ chơi trẻ em phố hàng Buồm. Ngoài tôi và ông tổ trưởng, còn lại đều là phụ nữ bao gồm các bà, các chị bị cấm buôn bán nên đến đây làm việc kiếm ăn. Bầu không khí thâm lặng, buồn tẻ.

Ngày 19 tháng 12. Buổi chiều, công an hộ tịch và mụ tổ trưởng đến nhà bắt tôi đi dự mít tinh sáng ngày 20 – 12 để kỷ niệm một năm ngày thành lập mặt trận giải phóng nam Việt nam. Tôi từ chối với lý do sinh hoạt theo hợp tác. Mẹ tôi nói thêm vào và van xin họ mới buông tha, bảo Mai – em gái tôi đi thay. May quá, nếu tôi chưa làm hợp tác mà phải dự mít tinh lần này không khéo phải đi tù. Mụ tổ trưởng hỏi, bà sấm cờ chưa? Mẹ nhanh nhẩu trả lời, dạ, tôi sấm rồi, sáng mai treo sớm. Thế mới đúng chứ – mụ cười nhe hàm răng hở.

Vì mảnh vải nhuộm máu mà tôi bị mẹ chửi một hồi lâu. Chả là em trai tôi đang bị ốm, chẳng có gì bồi dưỡng. Chờ mãi đến kỳ lương, mẹ tôi đóng gạo, còn lại mấy đồng đi mua cờ. Bực quá, tôi ca cẩm, mẹ lạ thật, con ốm đang cần miếng ngon để nuốt cho trôi thì mẹ lại sấm cờ. Có thái độ chính trị tốt, họ cũng chẳng thí cho xu nào đâu mẹ ạ.

Mẹ lòng lộn hét mắng tôi, tôi biết anh giống cái thằng bố anh rồi. Người ta liệt vào loại thái độ chính trị xấu bao giờ mới ngóc đầu lên được? Từ nay, anh phải khoá cái mồm lại, nếu không anh gây tai hoạ cho cả nhà chứ chẳng chơi đâu. Đồ theo đuôi phản động!...

Nhà Khoa ở phố Nguyễn thái học, gần Kim liên, một gian nhà trên gác rất đẹp, có ban công ngoài mặt phố. Trong nhà đơn sơ, không có đồ dùng gì quý. Trên tường treo nhiều tranh vẽ của Khoa. Đáng chú ý là bức tranh bằng bột màu chân dung cô gái với dáng vẻ yếu điệu thuột tha, vẽ mơ màng huyền ảo. Bên dưới bức tranh viết: Em yêu tôi đến trọn đời.

Tôi hỏi Khoa:

- Người yêu trong mộng đây chăng?
- Chắc chắn người đẹp không bao giờ phản bội – Khoa gật đầu và nói.

* *

*

Chị Nguyễn thị Hà da trắng, khuôn mặt trái xoan, mày lá liễu, sống mũi thẳng, hàm răng trắng muốt với những nụ cười hoa ghen, nguyệt thẹn, mái tóc mây dài óng mượt, đường cong nét lượn uyển chuyển. Cái đẹp của một thôn nữ được tô điểm một thời trang đô thị, với tuổi hai mươi bảy vẻ kiều diễm của chị chưa phai mờ hình ảnh của độ tuổi trăng tròn: một tuyệt thế giai nhân. Theo cách nhìn của Khoa có thêm phần lãng mạn: chị là hiện thân của thần Venus. Giọng nói của chị âu yếm, ngọt ngào, quả thật chị là sản phẩm tuyệt vời của tạo hoá, mang lại nguồn vui cho mọi người và nguồn cảm hứng cho những tâm hồn nghệ sĩ. Tuy nhiên cặp mắt lá răm của chị lắng đọng nỗi buồn thăm thẳm như dấu ấn của thời quá vãng đau thương và tủi nhục.

Mùa xuân năm 1962, tôi và Khoa đến nhà chị ở phố Triệu Việt Vương, một gian nhà nhỏ, đồ dùng giản dị, gọn gàng. thằng con trai của chị chẳng có nét nào giống mẹ. Nó xấu xí, khuôn mặt dài méo mó, cặp mắt có vẻ bất nhân. Thấy chúng tôi đến, chị bảo con đi chơi. Chị biết hoàn cảnh gia đình tôi có những điểm tương đồng như gia đình chị. Còn Khoa, chị cũng mến về đạo đức và quan niệm xã hội. Do vậy, chị Hà không ngần ngại ôn lại những trang sử bi thảm của gia đình và bản thân cho chúng tôi nghe. Trước hết chị nói:

- Họ và tên thật của chị là Phạm Bích Hằng.

Sau đó chị kể lại tình yêu thơ mộng của chị ở quê hương. Kế tiếp, chị kể những tai hoạ và những diễn biến đã đưa chị đến Hà nội.

Với gương mặt buồn, giọng đều đều như đọc truyện, chị thăm thì:

- Anh Nam có dáng người và vẻ mặt hào hoa dễ mến, dễ thương. Cuộc tình duyên của chị và anh Nam sắp đến ngày thành vợ, thành chồng thì những sự kiện đau thương liên tiếp đến. Mẹ chị đột ngột qua đời, nỗi thương tiếc còn trĩu nặng, trên năm mộ mẹ vừa xanh ngọn cỏ thì đội cải cách về làng. Đội trưởng Trần Bình xưa là người cùng xóm. Hắn cao to, khuôn mặt lưỡi cày, da mặt đỏ, lông mày sâu róm, môi dày và thâm, cặp mắt trắng dã. Nhiều cụ già nói, tướng hắn rất tàn bạo. Lúc còn nhỏ, Bình học dốt lại lười nên bỏ sớm. Năm hắn mười tám tuổi, bố mẹ chết cả, anh em chẳng có ai. Bình chẳng chịu

làm gì, bán dần tài sản để ăn. Hắn thường tụ tập, ăn chơi lêu lổng với mấy đứa mất dạy ở làng để trêu ghẹo con gái, hỗn láo với người nhiều tuổi, gây gổ đánh nhau luôn. Sau cách mạng, hắn bán hết nhà đất rồi đi bộ đội. Trong kháng chiến bất tin hắn. Thời gian hoà bình lập lại, hắn về quê gần một tháng. May cho hắn, trước mấy ngày, có một gia đình công giáo đang đêm xuống thuyền trốn ra Hải phòng rồi đi Nam, chính quyền xã cho Bình ở nhà của gia đình đó. Cũng trong thời gian này, nhiều lần hắn đón đường, tán tỉnh chị bằng những lời lẽ thô bỉ. Chị vẫn từ tốn trả lời:

- Cảm ơn chú, cháu đã có nơi, có chốn.

Lần cuối cùng vào buổi tối, chị vừa ra ngõ thì gặp hắn. Bình sẵn lấy tay quàng vai chị và buông ra những lời suông sã:

- Chào cô em, cô em làm cao quá. Đã trót hẹn với ai hãy dẹp ngay. Bây giờ về ở với anh, được là vợ của một quân nhân cách mạng có vinh dự không?

Bực quá, chị hất mạnh tay hắn ra và nói:

- Đồ mất dạy!

Bình hậm hằm tức giận, trợn mắt trắng dã và đe dọa:

- Được, được, có ngày mày sẽ biết!

Trần Bình là đội trưởng cải cách làm chị băn khoăn, lo sợ. Mặt khác, nghe người ta nói ở các vùng chiến khu cũ đã làm rồi, diễn ra nhiều sự kinh hoàng lắm. Cả bộ đội, cán bộ có nhiều người cũng bị lôi ra đấu tố, bắn bỏ nhưng thân phụ chị và anh Lân cứ bình chân như vại, người nói:

- Gia đình ta ba đời chuyên nghề dạy học. Ngoài mảnh vườn trồng cây ăn quả, không có thóc hoặc tiền cho vay nặng lãi. Lại không có người cộng tác với đối phương. Như thế còn lo gì cải cách?

Chị cãi lại:

- Con nghe đồn các nơi khác khủng khiếp lắm, nào là cải cách ruộng đất, một cuộc cách mạng long trời, lở đất, trận Điện biên Phủ đồng bằng. Nào là nhát đội, nhí trời, giết oan còn hơn bỏ sót. Con chỉ sợ, sự thật là con nai, trước họng súng và lưỡi lê, họ bảo là con ngựa mình cũng phải cúi đầu mà nghe.

Nghe chị nói, anh Lân phản đối:

- Ngày nay, những năm giữa thế kỷ thứ hai mươi, họ không thể theo vết đường mòn của chế độ nhà Tần cách đây hàng nghìn năm lịch sử. Em sợ Trần Bình giống như Triệu Cao à?

Sau đó hai tuần, tấn bi kịch mở màn. Khi bóng chiều đã ngả dài, đoàn thiếu nhi hàng trăm đứa, trống ếch khua vang, đến trước cổng nhà chúng đứng lại, hô ầm ĩ nhiều khẩu hiệu.

- Hoan nghênh chính sách...
- Kiên quyết đánh đổ bọn địa chủ...
- Kiên quyết đánh đổ cha con tên Phạm Lãm địa chủ, đại gian, đại ác và phản động!

Từ hôm đó, không ai được đi đâu nữa, bị giam lỏng trong nhà. Cả gia đình thất kinh, hoảng sợ, chỉ biết trông chờ vào số phận, tin vào điều ở hiền gặp lành.

Ba ngày sau, Trần Bình dẫn hàng chục du kích, cốt cán đến nhà. Hắn đọc lệnh bắt giam thân phụ chị và anh Lân. Bọn du kích trói hai người bằng dây dù, chị thấy rung mình, nhưng Trần Bình quát:

- Các đồng chí trói kẻ thù của giai cấp thế à? Phải cho chúng biết thế nào là sức mạnh của bà con nông dân.

Thật trớ trêu, mấy tên tay sai của Trần Bình, khi xưa là học trò của anh Lân. Chúng dùng hết sức gò hai tay của từng người về sau lưng gắn sát vào nhau, ngực ưỡn về phía trước. Nhìn cảnh tượng ấy chị Loan (vợ anh Lân) vừa khóc vừa van xin hắn, cháu Hải cũng khóc thất thanh. Nhưng hắn ra lệnh cho bốn du kích giải hai người đi ngay. Số còn lại cùng thằng Bình lục soát khắp nhà. Tài sản nhà chị nào có gì giá trị đâu, ngoài vài ba tạ thóc mới mua dự trữ dịp mùa và một ít tiền, còn lại toàn là sách. Hàng nghìn cuốn sách bằng tiếng Pháp, chữ nho và tiếng Việt. Hầu hết là sách văn học, lịch sử Đông, Tây kim cổ do hai bố con bao năm dành dụm từng đồng, tìm kiếm khắp nơi mua. Gia đình này quý sách như hơi thở, thường bảo nhau:

- Nghèo mà có sách hay để đọc vẫn tìm thấy niềm vui và hạnh phúc.

Chúng lôi ở hai tủ to ra và nhặt các nơi trong nhà thấy nhiều sách quá, chúng xin ý kiến thằng Bình:

- Thứ này nông dân không cần thì thu làm gì?

Thằng Bình cầm vài quyển mở ra xem như nhìn vào bức vách, hắn nói:

- Toàn là sách của thực dân, phong kiến, hai bố con tên Lãm đọc để phun nọc độc hại nông dân. Bình ra lệnh:
- Mang ra sân đốt hết và cộng thêm cho chúng tội tuyên truyền tư tưởng phản động.

Thế là từ trong nhà chúng ném sách ra sân thành đống, Bình tự tay châm lửa đốt. Còn quyển lịch sử cận đại ở đầu giường, tên cốt cán nhặt đưa cho Bình. Hấn mở ra xem, vừa đánh vần vừa đọc một đầu đề: Cuộc đấu tranh giành độc lập của Hoa kỳ. Hấn ngậy người ra trong giây lát, bỗng hấn reo lên:

- Đúng rồi, Hoa kỳ tức là Mỹ.

Hấn bữu môi cười khoái trá:

- Tên đế quốc đầu sỏ, chuyên xâm lược nước người mà phải giành độc lập à?

Đoạn hấn mở tiếp sang trang khác. Bình lẩm nhẩm đọc: Cuộc cách mạng tư sản Pháp. Hấn lại cười sặc sụa:

- Sách phản động thế là cùng, thực dân Pháp mà làm cách mạng?

Chúng vợ vét hết gạo thóc và vài thứ nữa đưa vào buồng khoá lại và niêm phong. Chị Loan xin mãi, Bình mới cho khoảng mười cân gạo. Cũng còn may, ngoài vườn có hai luống khoai lang, khuất sau những cây ăn quả, Bình và bọn cốt cán không biết. Hai chị em bảo nhau, gạo để dành cho cháu Hải ăn dần, còn hai chị em bới khoai củ, hái lá luộc ăn trừ bữa.

Gần một tháng trôi qua trong lo buồn, đói khổ, cháu Hải đang bị sốt nặng thì Bình bắt hai chị em ra sân đình tập trung nghe đấu tố địa chủ thường. Nghe Bình quát, Hải khóc thét lên. Lập tức Bình vu khống, hấn quát tiếp:

- Mày xui con gây rối, chống phá phải không?

Hấn ra lệnh cho du kích giằng Hải từ tay chị Loan, quăng vào buồng niêm phong tài sản khoá lại. Chị Loan khóc van xin:

- Các ông tha cho cháu, nó đang ốm nặng. Các ông giết con cũng được, xin các ông đừng giam nó, cháu chết mất. Con van lạy các ông!

Cháu Hải trong buồng khóc không thành tiếng. Mặc những lời van xin thảm thiết của chị Loan, du kích cứ kéo hai chị em ra sân đình, không tha cho Hải.

Đến nửa đêm, chúng mới cho hai chị em về. Chị Loan chạy đến cửa buồng gọi to, gọi đến bốn năm lần, cháu Hải mới oà lên khóc và trả lời:

- Mẹ ơi, con đói!

Chị Loan bàn với chị:

- Đêm nay chắc chúng không mở cửa tha cho Hải, ngày mai cháu nguy mất. Tôi định cậy gạch chui vào bể cháu ra đi trốn.
- Ở nông thôn chỗ nào cũng cải cách, chị trốn đi đâu cho thoát?

Chị ngần ngại nói:

- Trốn đi đâu thì sau sẽ liệu, bây giờ phải cứu cháu ra ngoài đã – Nói xong chị Loan hành động.

Chị ấy dùng con dao rựa sắp cậy gạch thì bọn du kích đi tuần bắt được. Chúng quát tháo om xòm:

- Chúng mày định cậy gạch chui vào cốp lại của phải không?
- Chúng con không dám – Chị Loan nói – chỉ xin các ông tha cho cháu Hải thôi.

Theo lệnh của thằng Bình, chúng bắt hai chị em giam vào chuồng trâu nhà hàng xóm. Bên trong hơi phân bốc lên nồng nặc, muỗi nhiều như ong, tay vơ được. Người nhốt chung với vật làm con vật cũng khổ thêm. Cửa ra vào mọi ngày bỏ ngỏ, nay che kín bằng phen nửa buộc chặt lại. Trời mùa hè nóng nực, không khí bên trong như bị đốt lên nhưng mệt quá, hai chị em thiếp đi lúc nào không biết. Gần sáng hai chị em tỉnh dậy, khát nước quá, cổ se lại. Ngay bên cạnh lại có thùng nước còn một ít, có lẽ trời nóng quá nên nhà chủ để nước cho trâu uống thêm ban đêm. Hai chị em bê cả thùng uống hết.

Sáng rõ, tên du kích mở cửa, chị Loan lại van xin tha cho cháu Hải. Hắn trả lời:

- Phải chờ lệnh của ông Bình.

Đưa trẻ con nhà chủ mười hai tuổi vào dắt trâu ra đi chăn, nó đứng bên cạnh nhìn vào chị, nói khẽ:

- Ở trong bó rơm buổi tối nay ấy nhé!

Hai chị em không hỏi lại nhau nhưng đều hiểu ý.

Ban ngày trâu được tự do ngoài đồng ăn cỏ, còn người vẫn bị giam tại chuồng của nó. Hai chị em cứ thần người ra, chẳng ai nói với ai câu nào.

Đến tối khi trâu vào chuồng, thằng nhỏ ôm bó rơm và xách một thùng nước vào. Sau khi tên du kích che chắn cửa, chị bới bó rơm ra, có một nắm cơm lẫn muối vừng ở giữa. Hai chị em bỏ ra ăn, chị Loan chỉ nuốt được vài miếng rồi thôi. Trước hành động

nhân ái và dũng cảm ấy, chị ngẫm nghĩ, họ muốn biến xã hội này thành dã thú nhưng vẫn có những trái tim lành mạnh mang dòng máu của giống nòi.

Đến sáng hôm sau, Bình mới tha hai chị. Chị Loan nói với chị:

- Cháu Hải chắc nguy rồi, nếu cháu có mệnh hệ nào, chị nhờ em lo liệu, chị không chắc sống được nữa.

Bình mở cửa buồng tha cho cháu Hải. Chị Loan ngoài cửa nhìn vào thấy con đã chết, chị ngã xuống và ngất liền. Chị bước vào bế cháu ra, thân thể cháu còn hơi ấm, chân tay cứng lại, mồm đầy gạo. Khốn khổ mới mọc vài cái răng sữa thì nhai gạo làm sao?

Đau thương quá, chị không thể nào khóc được, chị lấy vỏ chăn cũ gói cháu lại, ngoài bó thêm cái chiếu lạng lẽ đưa cháu ra đồng chôn cất bên bà nội cháu.

Mãi đến chiều, chị Loan mới tỉnh. Chị ấy đã phát điên, có lúc khóc rống lên và gọi con:

- Hải ơi, con đi đâu về với mẹ!

Có lúc cười gằn từng tiếng, nói nhảm nhí một mình:

- Ha ha ha! Mày hoá ma rồi, Hải ơi, mẹ cũng sắp theo con.

Hai ngày sau, khi bóng chiều đã xế, tiếng trống ếch từ xa vọng lại xen lẫn tiếng hò reo. Người qua đường nói chuyện với nhau, họ nói to như thông báo cho hai chị em biết:

- Chiều nay, toà án nhân dân đặc biệt xử tên Phạm văn Lân.

Khi mặt trời sắp lặn, Bình đến, hấn tuyên bố:

- Tên Lân có tội nợ máu với nông dân và tội phản động chống phá cách mạng, nay y phải đền tội. Chúng mày phải ký vào biên bản trả tiền mua quan tài cho y...

Bình đang nói dở thì chị Loan ngã gục xuống nền nhà, tim chị ấy đã ngừng đập, cũng là thời điểm vang lên mấy loạt đạn từ pháp trường cách nhà khoảng một cây số.

Thấy chị Loan tắt thở, Bình bỏ đi. Trước cảnh tượng đó, chị toan đập đầu vào tường chết cho xong nhưng sức nhớ thân phụ vẫn còn, chết trước sao đành. Bọn khát máu cũng sẽ giết người, thôi hãy chờ đợi để chị ra đi cuối cùng vậy. Nếu chưa chết thì bây giờ phải làm gì? Chị Loan nằm kia mà mọi người sợ liên quan đều xa lánh, chị lấy cái màn trải rộng đặt chị Loan vào quần lại, bên ngoài cũng phủ thêm cái chiếu. Hơn một tháng ăn khoai, mấy ngày nay lại bỏ ăn, thể xác bị hành hạ, tinh thần bị đau

thương đến tột đỉnh nên thi thể chị Loan nhẹ như cây gỗ mục. Một mình chị vác chị Loan ra đồng chôn cất bên cháu Hải.

Thêm mấy ngày trôi qua, tâm trí chị đang trong cơn hoảng loạn thì Bình lại đến. Hấn ra lệnh theo hấn về nhà. Hấn ngồi trên ghế trước bàn làm việc. Còn chị hấn bắt ngồi xuống đất. Cặp mắt trắng dã của hấn đảo đi, đảo lại nham hiểm và man rợ:

- Muốn đội khoan hồng, mày phải phục tùng một điều kiện. ngừng vài giây, hấn chậm rãi:
- Trước đội, toà án nhân dân đặc biệt và ông bà nông dân, mày phải tố tên Lãm thời gian dạy học trên thị xã quan hệ với phòng nhì của địch để bắt cán bộ cách mạng. Và... và đã cưỡng hiếp mày nhiều lần...

Không tự chủ được, chị oà lên khóc và nói:

- Bố ơi, bố hãy tha lỗi cho con, con đang phải nghe những lời ghê tởm. Trời đất hỡi, có bao giờ lại loạn luân như thế này không? Ông Bình, ông hãy giết tôi ngay, ông đừng buông ra những lời thô bỉ nữa. Đồ khốn kiếp! Quân khát máu! Loài dã thú!...

Như con thú bị phùng sẵn đòn đến đường cùng, chị phát điên lên chửi cho hấn một hồi.

Thật khó hiểu, vẻ mặt Bình vẫn thản nhiên, mơ màng nhìn ra ngoài cửa, hình như đang say sưa với một ý nghĩ nham hiểm và độc địa? Sau nhiều giây im lặng – sự im lặng rùng rợn như trong địa ngục, hấn liếc nhìn chị, nở nụ cười ghê rợn:

- Cô em chửi đã chán chưa? Nếu cô em muốn gặp bố lần cuối cùng thì đội chiêu cổ.

Chị thoáng nghĩ, lời hấn nói cũng là ước mong của chị, được gặp lại người lần cuối trước khi người về cõi. Cứ liệu xin hấn hoạ may... Chị đổi giọng:

- Nếu ông cho phép dù phải chết, tôi cũng xin chịu.
- Làm gì đến nỗi thế, mà chỉ – Hấn đi khép và cài cửa lại, rồi đến bên cạnh chị, hấn nói nhỏ:
- Nếu ngày ấy, cô em biết nghe lời thì nay đâu đến nỗi... Bây giờ cô em ngoan ngoan phục tùng nhé! Có chống lại cũng chỉ thiệt thân thôi.

Dứt lời, bằng sức mạnh của tên cuồng loạn, hấn kéo chị lên giường. Chị cự quây tuyệt vọng để chống trả nhưng đã sa vào hang quỷ, có kêu cũng không ai dám cứu, có phản ứng lại cũng chẳng thoát khỏi nanh vuốt của nó. Khi ấy chị mới biết rằng, vì sao

chị chửi hần như vậy mà hần vẫn làm thình, có lẽ thú tính đang ngự trị hần? Hần đang mê man tìm cách thoả mãn cơn thèm khát về đêm dục.

Sau khi thoả chí mây mưa, con người tàn bạo của Trần Bình lại xuất hiện, hần trừng mắt quát đuổi chị về.

Gần hai tháng trôi qua, chị đã quên anh ấy, có lẽ nỗi đau thương tràn ngập trong tâm trí nên không còn chỗ đứng của tình yêu. Chỉ sau khi bị thằng Bình làm nhục, chị mới sực nhớ đến anh và thâm nhủ:

- Anh Nam ơi, anh có thấu cho lòng em không? Anh có biết cái thiêng liêng nhất của người con gái trong trắng, thủy chung – người đã yêu anh, nay đã bị con quỷ kia cướp mất rồi? Liên tưởng đến hai câu thơ của cụ Nguyễn Du:

Biết thân đến bước lạc loài,

Nhị đào thà bẻ cho người tình chung.

Chị thâm nhủ tiếp:

- Buổi em gặp anh ở Hà nội đầu tháng mười năm qua, nếu biết thế này thì... Anh hãy tha thứ cho em – kẻ phản bội anh. Trước cảnh đau thương của gia đình và nỗi nhục ê chề của mình, em không dám và không thể gặp anh lần nữa. Em sắp sửa từ bỏ cái thế giới ghê tởm này.

Chị cứ lần quần trong câu hỏi:

- Hiện nay chúng giam giữ thân phụ chị ở đâu, bao giờ chúng mới đem ra đấu tố và hành hình?

Một buổi chiều, chị ra vườn để lên sang hàng xóm, một gia đình tốt bụng. Hai vợ chồng bác hàng xóm đưa chị vào nhà, khép cửa lại cẩn thận, bác trai ghé vào tai chị nói nhỏ:

- Nghe đâu họ đưa ông nhà về xã mấy ngày nay, giam ở đâu không rõ, chỉ vài ngày nữa là họ đưa ra xét xử.

Chị thì thâm hỏi:

- Họ buộc bố cháu và anh Lân những tội gì?
- Cả vùng này, ai chẳng biết gia đình ta ăn ở nhân đức, khai hoá cho nhiều người thoát khỏi tối tăm, ngu dốt nhưng họ muốn bịa ra bao nhiêu tội mà chẳng được – Bác hàng xóm rơm rớm lệ, nói tiếp:
- Hôm nọ, đầu anh Lân, họ buộc tội thời gian dạy học tuyên truyền quốc dân đảng, cùng với bố xúi giục người vào tổ chức này. Năm ấy đầu, anh Lân và

ông nhà dựa vào cường hào ức hiếp gia đình ông An phải bỏ nhà ra đi, chết đường, chết chợ. Ngoài ra, thời gian dạy học ở thị xã, ông nhà còn mắc tội làm chỉ điểm cho giặc bắt và giết hại cán bộ cách mạng.

- Họ có chứng cứ gì không? – Chị hỏi.

Bác hàng xóm mỉm cười chua chát:

- Cháu ơi, cháu ngây thơ như thỏ non trước bầy sói. Mỗi buổi đầu tố địa chủ, phản động là một màn kịch được biểu diễn theo kịch bản của đội. Những diễn viên “chính diện” là những cốt cán – những nghệ sĩ ưu tú về vu oan giá hoạ, những người tham quả thực và những kẻ có lòng dạ bất nhân. Sau khi học thuộc kịch bản, họ tập dượt nhiều lần trước khi trình diễn, gọi là bồi dưỡng khổ chủ. Còn những diễn viên “phản diện” đứng trước vành móng ngựa không được nói gì, ngoài việc cúi đầu nhận tội. Màn kịch có bao nhiêu diễn viên “chính diện” là có bấy nhiêu nhân chứng.
- Bác ơi, xã hội sao điên đảo thế, bằng những màn kịch để chém giết người vô tội? – Chị bung mặt khóc thầm.
- Thế đấy! – Bác hàng xóm lấy khăn lau nước mắt. Trong khi đó, con gái bác đi đâu về, chị ấy ôm lấy chị, nước mắt rung rung:
- Chị ơi, em vừa được tin, trưa nay bác nhà tự sát rồi. Một là, sau khi đưa về xã vài ngày, có ai đó nói cho bác những tai hoạ ở nhà; Hai là, bác cũng biết bọn khát máu không tha bác nên nhân dịp tên du kích sơ hở để khẩu súng có cạm lưỡi lê gần đó rồi ra ngoài, bác kéo cả cái cùm bằng gỗ bỏ lại lấy súng và tháo lưỡi lê đâm vào cổ.

Vĩnh biệt gia đình bác hàng xóm giàu lòng nhân ái, trở về nhà, chị nằm vật xuống giường, chẳng khóc, chẳng nghĩ gì. Vì mọi sự kiện đã kết thúc, hay nói cách khác, chị chuẩn bị ra đi để tấn bi kịch gia đình chị hạ màn. Ngay sau đó, thằng Bình đến. Thấy chị nằm, hẩn quất.

- Mày đứng dậy nghe lời tuyên bố của đội. Tên Lãm đã tự sát để trốn tránh sự trừng phạt của toà án nhân dân đặc biệt. Từ giờ phút này, đội tịch thu tài sản của gia đình mày để chia cho ông bà nông dân. Trước khi ra khỏi nhà, mày phải...

Hẩn nói chưa dứt lời, chị vùng dậy chạy ra ngoài ngõ, theo con đường nhỏ, chị chạy lên đê sông Hồng. Cuối mùa hè, nước lũ về to ngập hết bãi. Tìm đến chỗ nước sâu, nước chảy xiết, chị nhìn quanh đó chẳng có ai. Trước mắt, một chiếc thuyền chài

đứng im lìm, hình như người đi đâu vắng. Khoảng không gian bao la, tĩnh mịch của buổi hoàng hôn thâm đậm, chị đứng, hai tay chấp lại, quay về phía tây bắc thì thầm:

- Anh Nam ơi, bây giờ em đi tìm bố mẹ và những thân nhân ở thế giới bên kia. Một lần nữa, xin anh hãy tha thứ cho em. Vĩnh biệt anh!

Dứt lời, chị đắm đầu xuống nước, sau ít phút sặc sụa, ngạt thở, chị không biết gì nữa. Tưởng như một giấc ngủ say, thời gian bao lâu chị không còn cảm giác. Đột ngột chị mở mắt ra, thấy mình trong khoang thuyền có mũi. Bên cạnh chị, có một ngọn đèn dầu và hai người ngồi, một đàn ông, một đàn bà tuổi ngoài bốn chục. Liếc nhìn ra bên ngoài trời tối, xa xa có nhiều vì sao lấp lánh, chị bật kêu lên:

- Đây có phải cõi âm không?

Người đàn bà vội ôm lấy chị, cũng kêu:

- Nó tỉnh lại rồi, tỉnh lại rồi.

Bà ôn tồn nói tiếp:

- Cháu ơi, đây là cõi thế, không phải cõi âm đâu. Tại sao cháu liều mình như vậy?

Chị bật khóc nức nở và tỏ lời oán trách;

- Các người đã ngăn cản tôi, không cho tôi đi tìm bố mẹ. Cả nhà tôi, bọn khát máu đã giết hết rồi.

Hai vợ chồng bác thuyền chài hết lời khuyên can chị:

- Cháu ơi, đau thương quá không chịu đựng nổi phải tìm đến cái chết để giải thoát là sự hèn kém, không ai khen mà ngược lại, người ta còn chê cười mãi mãi. Cháu hãy còn trẻ phải cố gắng vượt qua mọi nỗi đau thương, tủ nhục để mà sống. Nếu không có hạnh phúc thì hãy sống để suy ngẫm sự đời. Nỗi đau thương của cháu nằm trong tai họa chung của dân tộc. Ngay kẻ thù phạm gây nên cảnh bi thảm này về sau chính con cháu chúng cũng gánh hậu quả – Đảo lộn luân thường đạo lý, một xã hội chất chứa thú tính và tội ác.

Nghe những lời khuyên giải ấy, lòng chị dịu dần. Sờ lên tóc thấy còn ướt nhưng quần áo lại khô, chị mới biết, bác thuyền chài gái đã thay quần áo cho chị. Bác nâng chị ngồi dậy và kể lại:

- Thoáng nhìn cháu đi trên đê, thân hình tiều tụy, tóc buông xuống rối tung, quần áo xộc xệch, bác linh cảm thấy điều gì không hay sắp đến. Bác nhìn theo

đến khi cháu nhảy xuống sông, khi ấy bác trai đang ngủ, bác vội gọi dậy cứu cháu.

- Cháu thường nghe nói, thuyền chài kiêng cứu người dưới nước, tại sao hai bác dám làm?
- Đúng, đó là điều kiêng kỵ nhưng bác đoán tai hoạ đến với cháu cũng giống như tai hoạ xảy ra trong gia đình bác vừa rồi. Người cùng cảnh ngộ phải yêu thương, cứu vớt lẫn nhau cháu ạ.

Nghe chị kể lại tai biến của gia đình mình, hai người đều khóc. Với một giọng nói đầy uất ức, bác gái cũng tường thuật lại nỗi đau thương vừa qua với gia đình người anh ruột:

- Nhà bác ở bên kia sông. Trước cách mạng, ông thân sinh ra bác đi buôn bè được mấy chuyến lãi to, đã xây một ngôi nhà ngói gỗ lim và mua hai mẫu ruộng. Khi lấy chồng, ông chia cho bác một mẫu nhưng bác nhường lại cho anh. Vợ chồng người anh bác hiếm hoi, chỉ sinh được một “tiểu thư”. Năm 1949, nàng mới mười sáu tuổi, ngày ngày mê say đàn đúm với trai và nhảy xon đồ mỳ. Bố mẹ hết lời can ngăn nhưng nàng không nghe. Nàng còn báo cáo với chính quyền địa phương: bố mẹ lạc hậu, cấm nàng tham gia sinh hoạt đoàn thể. Nàng bị chữa hoang và theo một tên du đảng. Khi đội cải cách về làng, hai vợ chồng nàng trở thành cốt cán. Và gia đình người anh bác bị quy lên địa chủ. Nàng vạch mặt thẳng bố hiếp nàng nhiều lần và thủ đoạn bóc lột nông dân. Bố mẹ cho con cả hai mẫu ruộng, con bán đi ăn, còn tổ bố cho ruộng để trốn tránh cái tội bóc lột người lao động. Sau khi bị trưng thu tài sản, người anh bác uất ức quá đã thắt cổ tử tự.

Hai vợ chồng bác thuyền chài yêu cầu chị:

- Các bác không có con, thấy cháu hiếu nghĩa, thuỷ chung nên thương yêu và mong muốn cháu là con nuôi.
- Cháu cảm ơn hai bác – Chị tiếp lời – đã cứu mạng cháu, lại dành cho cháu những tình cảm yêu thương như con đẻ. Cháu không dám từ chối lòng nhân hậu ấy, ngược lại cũng là ước mong của cháu nhưng cho phép cháu được xưng hô như cũ. Bởi vì mỗi lần nhắc đến hai từ bố mẹ là lòng cháu lại quặn đau.

Từ đó, chị có bố mẹ nuôi, hàng ngày kéo lưới với gia đình và làm những việc nội trợ. Còn bán cá, thuỷ sản và mua sắm mọi thứ mẹ nuôi đảm nhiệm.

Thuyền rời xa làng chị, xuôi về biển. Đôi khi chị cứ lẩn quẩn nghĩ rằng, giống như Thuý Kiều, chị phản bội anh Nam và hiến dâng thân mình cho thằng Bình khi hắn ở chiến khu về, có thể tránh được thảm họa cho gia đình hay không?

Hai tháng trên sông nước, nỗi đau được pha trộn với tình thương yêu êm đềm của bố mẹ nuôi, tâm hồn chị dịu dần, dường như tai họa đã lùi về dĩ vãng nhưng không, nỗi nhục với thằng Bình lại dẫn đến một tai biến mới. Dòng máu khốn kiếp của con quỷ ấy đã xuất hiện bên trong. Khi ấy chị lại nghĩ chỉ có cái chết mới xoa được vết nhơ cũng như mọi nỗi đau. Bố mẹ nuôi biết chuyện lại hết lời khuyên can chị. Mẹ nói thêm:

- Con không nghe lời bố mẹ, liệu mình bỏ bố mẹ là phạm tội bất hiếu. Còn đứa trẻ chưa ra đời, mặc dù là sản phẩm của một nỗi nhục nhưng nó là đứa con vô tội. Vì lòng nhân ái, con không nên giết nó. Bố mẹ sẽ hết lòng chăm sóc nó. Nghe lời khuyên giải, chị đành nhắm mắt để dòng đời trôi nổi.

Tháng 5 – 1956, cái sản phẩm được kết tinh bởi hai dòng máu tàn bạo và nạn nhân cất tiếng khóc chào đời. Chị càng đau lòng vì nó giống hệt con quỷ ấy – cha của nó. Mẹ nuôi chăm sóc, nâng niu thằng bé và cho cháu bú là việc chị phải làm.

Cuộc sống lênh đênh trên thuyền, xa cách quê hương thân thương và triu mến cũng như xa cách cái mảnh đất đang chìm đắm trong máu và nước mắt đã hơn mười tám tháng. Một buổi sáng, bầu trời mây đen bao phủ. Những hạt mưa như bụi bay theo từng cơn gió xuân lạnh lẽo. Chị ngồi trên mũi thuyền tưởng niệm những người thân đã khuất, tưởng niệm tình yêu thơ mộng và tan nát, trái tim chị đau như dao cắt, cặp mắt đầm lệ khóc nỗi đời oan nghiệt. Một con đò sang ngang đến gần, thằng Bình trên con đò ấy đang chăm chăm nhìn chị từ bao giờ? Bị tấn công bất ngờ, chị đứng dậy vào trong khoang thuyền, thương cho hắn những lời đích đáng:

- Đồ khốn kiếp! Quân khát máu! Giống mặt người dạ thú! Loài quỷ dữ!

Cũng may, thời gian đó đã qua giai đoạn sửa sai nên hắn chẳng làm gì được chị. Hắn như diều quay mặt đi hướng khác và giục lái đò tăng tốc độ. Nghe mẹ nuôi nói, người ta bàn tán xôn xao đến sửa sai trong cải cách. Chị ngẫm nghĩ, tại sao họ lại sửa sai? Hàng vạn người vô tội chết oan, hàng chục vạn gia đình tan nát trong cảnh phụ tử, phu phụ, huynh đệ tương tàn. Phải chăng điều đó là mục tiêu của họ? Cái chính là họ đã chém giết lẫn nhau, diễn ra cảnh đồng chí tương tàn. Hàng nghìn người vì ước mơ độc lập, tự do đã vào sinh ra tử, chiến đấu để xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, không ngờ họ lại trở thành những nạn nhân trong cải cách. Và lại họ đã sửa sai

được những gì? Người chết oan không thể sửa cho sống lại đã đành, còn người mất của thì sao không được đền bù xứng đáng, chưa kể đến bồi hoàn danh dự? Họ mình oan cho người chết bằng ba tác lỗi, họ trả nhà cho người bị quy kết nhầm nhưng của cải bị vợ vét sạch và nhà cửa bị tan tác, tiêu điều gấp một trăm lần giặc phá. Quả thật, họ vì công lý mà sửa sai, tại sao những tên khát máu như Trần Bình không phải đền tội? Là một điều nghịch lý khi thấy rằng, một kẻ giết người cướp của phải nhận án tử hình, còn những kẻ gây nên máu chảy thành sông, cả dân tộc hoảng loạn trong đau thương: con mất cha, vợ mất chồng, anh em ly biệt, nếp sống đạo đức và văn phong của xã hội bị chà đạp thô bạo, đập phá tan tành, tại sao những kẻ đó vẫn ung dung ngồi trên lầu son, gác tía, tuôn ra những lời giả nhân, giả nghĩa “sai thì sửa”?

Thực ra Trần Bình chỉ là một tên lính trong đoàn quân khát máu hàng vạn người được huấn luyện thành thạo cách vu oan giá họa, cách đảo lộn luân thường đạo lý: ông con, bà con tố điều cho thằng bố, con mẹ; Bà vợ bịa đặt cho thằng chồng... Việc sửa sai của họ chẳng khác chi Tào tháo giết tên lính hầu rồi lại thương khóc tên lính xấu số đó?

Những tên khát máu như Trần Bình vẫn là tấm gương sáng tuyệt vời của chế độ, chắc chắn chúng sẽ leo nhanh trên các bậc thang địa vị. Tuy nhiên trong sửa sai để lừa bịp dư luận, họ tạm thời giấu những tấm gương ấy trong tủ kín.

Nghĩ như thế, chị cho rằng, cuộc sống trên sông nước không còn ổn định nữa, liệu mà cao chạy, xa bay đến một phương trời khác. Trước khi từ biệt quê hương chị muốn về đắp mộ cho bố mẹ và những người thân nhưng việc đó chưa chắc đã làm được mà nỗi nhọc của chị sẽ lan tràn khắp vùng quê.

Bố mẹ nuôi có người họ hàng xa ở Hà nội, gia đình này giàu lòng nhân ái. Mấy ngày, ông bà lặn lội về quê xin cho chị giấy thông hành có họ tên Nguyễn thị Hà, quê quán thuộc tỉnh Hưng yên. Và một giấy khai sinh cho cháu có họ tên Phạm sinh Giang(để ra ở trên sông). Bố nuôi viết một bức thư ngắn đưa cho chị, với nội dung sau:

Ngày 10 – 4 – 1957. Kính gửi bác Hiệp. Đã lâu ngày không gặp bác, lẽ ra tôi phải lên thăm bác nhưng vì hoàn cảnh neo đơn mong bác cảm thông. Nay tôi viết vài dòng kính thăm bác, các cháu và toàn gia.

Người trao cho bác lá thư này là đứa con nuôi đáng thương của tôi trong một hoàn cảnh rất éo le, oan nghiệt.

Dám mong bác hết lòng giúp đỡ cháu để có một cuộc sống ổn định. Chúc cả nhà mạnh khỏe, gặp nhiều may mắn, xin đội ơn trời biển của bác...

Không thể nán ná lâu, ngày chia ly đã đến. Về phương Đông, vùng dương mới mọc, dòng sông Hồng lặn tắt ánh bạc, tiếng cuốc kêu khắc khoải từ những lũy tre hai bên bờ vang lại. Phương trời Tây bắc mù mịt mây đen, lòng chị buồn da diết, nước mắt thấm lặn trên gò má. Bố mẹ nuôi ngời đó, hai người đều ủ rũ, mặt cúi xuống, cũng không ngăn nổi hai dòng châu.

- Kính thưa bố mẹ! – Chị nói, lần đầu chị xưng hô như thế – Từ nay con và cháu phải xa bố mẹ, lòng con bùi ngùi thương nhớ. Biết đâu nơi đất khách quê người con cũng không thoát khỏi cảnh đắng cay, tủi nhục không thể đền đáp công ơn như Thái sơn của bố mẹ. Con xin lạy bố mẹ, hãy tha thứ cho con – một đứa con bất hiếu.

Mẹ nuôi oà lên khóc và nói:

- Con ơi, con đừng nói thế. Bố mẹ trước sau chỉ mong cho đời con bớt khổ. Bố mẹ đã và sẽ làm những gì có thể để mang lại cho con nguồn an ủi, nếu không phải là niềm vui. Bởi cái xã hội tàn bạo, điên đảo này đã cướp đi tất cả trong đó có bầu nhiệt huyết của tuổi trẻ và niềm hạnh phúc của con. Bố mẹ chỉ thương con, không bao giờ trách con đâu Bích Hằng ạ.

Chị bế cháu sang chiếc thuyền buôn đi ngược dòng về Hà nội. Bố mẹ nuôi và chị nhìn nhau cho đến khi hình ảnh mờ hẳn trong ánh sáng hè, chị mới nhìn về phía trước. Phương trời Hà nội mây đen che kín hình như báo trước cho chị một tương lai mù mịt.

Gia đình bác Hiệp yêu quý chị như con cháu trong nhà. Một năm đầu, chị làm những việc nội trợ. Cô gái em bác Hiệp dẫn chị đi khắp nơi trong thành phố để chị học tập cách kinh doanh, buôn bán. Sau đó bác Hiệp cho chị gian nhà này và ba trăm đồng vốn để buôn hàng xén (tính theo tiền sau ngày đổi 1958)

Ngồi trên vỉa hè đường phố chị chỉ sợ gặp anh Nam. Nếu không may gặp mặt người xưa thì ăn nói với nhau thế nào đây? Một hôm chị gánh hàng đến đường Nam bộ, anh đi xe đạp qua và nhìn chị. Khi ấy, tim chị như ngừng đập. May quá, chị đã thay đổi nhiều nên anh không biết chị là ai nữa. Tuy nhiên, sự kiện đó làm chị đau buồn đến hàng tuần chưa nguôi. Có người hỏi, nếu anh Nam nhận ra chị sẽ ra sao? Câu trả lời thật giản đơn, khi tình yêu đã bị xã hội giày xéo lên thô bạo, dù còn tình thương và lòng độ lượng cũng không thể đem lại một cuộc sống bình thường cho đôi lứa. Buổi tái ngộ chỉ thêm phần đau khổ và tủi nhục. Chị rất thương anh ấy và cầu mong anh

quên chị để đi đến một tình yêu mới. Nhưng nếu anh ấy thuộc về một người phụ nữ khác thì còn cái gì là ràng buộc chị trên cõi đời này? Mỗi lần nghĩ đến anh là một lần chị đau khổ xen lẫn niềm tự hào và hạnh phúc. Kỳ quặc chưa, tại sao chị lại mang ý nghĩ tội lỗi ấy? Có lẽ đó là điều ích kỷ nằm trong sự huyền bí của tình yêu không ai lý giải nổi. Con người có thể chia sẻ cho nhau miếng cơm, manh áo nhưng không ai muốn nhường tình yêu và sự vinh quang.

Cuối năm 1960, một buổi sáng chị bán hàng ở ngã ba phố Phan bội châu – Trần Hưng Đạo. Đến mười giờ, có một bác vận bộ đồ lao động đến mua chỉ khâu. Nhắc trông thấy quen quen, chị liền hỏi:

- Bác ở quê lên chơi chăng?
- Không phải ở quê, tôi ở nông trường Hà Bắc.
- Có phải quê bác ở Hưng nhân, Thái bình không?
- Phải rồi, sao chị biết?
- Cháu thấy bác quen quen nên hỏi thế.
- Nếu ở cùng quê, chị có biết thầy Lãm không, trước kia nhà tôi ở bên cạnh nhà thầy?

Nghe bác già nói, chị rung mình như bị điện giật.

- Cháu có biết nhưng xa quê lâu rồi.
- Tôi muốn về quê thăm và cảm ơn thầy Lãm, nếu không có thầy, cả nhà tôi bị chết đói năm ất Dậu. Chả là đang lúc nguy khốn, ba bốn ngày không có gì ăn thì thầy Lãm đem sang cho hơn một yến gạo. Nhờ vậy, gia đình tôi mới có ăn để bồng bế nhau đi tha phương cầu thực...

Bác nói đến đây làm chị sực nhớ ra, hồi cải cách, chính vì gia đình này mất tích mà thằng Bình cùng bọn cốt cán đã vu cho thân phụ chị cùng anh Lân dựa vào cường hào địa phương ức hiếp gia đình nông dân Trần văn An phải bỏ nhà ra đi chết đường, chết chợ. Một tội nợ máu của hai người.

- Thừa bác, cháu nghe tin gia đình thầy Lãm không còn ai nữa, bị xoá sổ trong cải cách ruộng đất rồi.

Bác già sửng sốt:

- Chị nói thực chứ? Mặc tội gì mà đem tru di cả nhà?
- Cháu không rõ lắm, hình như sự vắng mặt của gia đình bác là tội nợ máu của hai bố con thầy Lãm.

- Trời ơi! Bọn sát nhân! Đảo lộn rồi, đảo lộn rồi. Người cứu sống người lại thành tội giết người. Tôi cũng mắc lừa bọn sát nhân, chị ạ. Bác già bắt đầu kể.
- Hai vợ chồng tôi cùng hai em đang đói mềm, nằm chờ chết thì thầy Lãm cho gạo. Chúng tôi nấu ăn một bữa no nê rồi dắt nhau đi, gạo còn lại mang theo để ăn đường. Cả gia đình lang thang sang Nam định, vào Thanh hoá, Nghệ an. Dần dà sang Lào và cuối cùng là đất Thái. Tại một vùng quê, chúng tôi làm thuê sinh sống. So với nước người thì khổ nhục nhưng với cảnh khốn cùng ở nông thôn nước nhà thì nơi đó dễ chịu. Mỗi buổi lao động, có rượu uống, có bát ăn, bát để. Sau ngày hoà bình, nghe đài tiếng nói Việt nam: nào là đất nước đã độc lập, tự do, không còn áp bức bóc lột, nào là nông thôn đang đổi mới, cơ khí hoá trong nông nghiệp và điện khí hoá... Họ còn cử cán bộ sang đỡ ngon, đỡ ngọt. Cùng thời gian đó, có một vị linh mục từ miền Nam đến nói với chúng tôi – những giáo dân: Về bắc hay nam là tùy bà con. Tôi được biết ngày nay ở miền bắc mọi thứ nhà nước đều quản lý, mua bán phải xếp hàng, ăn uống có tiêu chuẩn cho từng người, nông thôn vào làm hợp tác theo công điểm... Nghe vị linh mục nói, tôi muốn ở lại nhưng hai đứa con tôi đã lớn, chúng phản đối: Bố đừng nghe giọng lười của bọn phản động. Cách mạng mang lại ruộng đất, cơm áo cho người nghèo, gia đình ta lại chết đói hụt năm ất Dậu. Do vậy, đảng và chính phủ sẽ quan tâm và chiều cố đến mình. Chúng tôi về nước mới cách đây mấy tháng. Tôi xin về quê cũ nhưng họ trả lời, Thái bình đất hẹp người đông, gần đây theo chính sách của đảng, đang nô nức đi xây dựng quê hương mới ở miền rừng núi. Họ đưa gia đình tôi lên Bắc giang và làm việc ở một nông trường. Tiền lương là thước đo về mức sống, làm chúng tôi ôm nhau khóc vì hối hận. Chị tính bên Thái, mỗi công làm thuê của người lao động được mười lăm. Bọt mua được hai mươi cốc cà phê trứng. Còn ở nông trường, mỗi công được một đồng ba hào năm xu chưa mua được hai cốc. Nếu như cái máy mà làm việc, không ốm đau gì, ngoài tiêu chuẩn đảm lạng thịt một tháng cũng chỉ đủ cơm rau. Tôi đã nhiều tuổi, mệt mỏi, ốm đau luôn, số tiền dành dụm được ở bên Thái mang về đã ăn tiêu gần hết. Bây giờ sống bằng phương kế gì đây?
- Còn may cho bác – Chị tiếp lời – nếu không đi, bác sẽ thành cốt cán, vu oan giá hoạ cho thầy Lãm, đổi ân thành oán.

- Chị cho rằng, mọi người nghèo đều bắt lương hay sao? Không phải thế, tôi là một giáo dân không làm điều ác mới mong nhận được phước lành của chúa, mới không bị trừng phạt nơi địa ngục khi qua đời.

Nghe bác An nói, chị thoáng nghĩ, một người còn lòng tin ở thế giới bên kia thì chắc chắn lòng tin đó ngăn chặn được nhiều hành vi tội ác. Sự nguy hiểm của chủ nghĩa vô thần là dạy con người: chết là hết. Họ tôn thờ và khuyến khích theo chủ nghĩa khoái lạc của Epicure. Hơn nữa, xã hội này, chém giết, đầy đoạ con người cũng trở thành khoái lạc.

- Một gia đình mấy đời dạy học – Bác An tiếp – chỉ mang lại điều hay, điều tốt cho mọi người mà còn bị hại, đốt sách, giết người hiền rồi đất nước này sẽ đi về đâu?

Đồng hồ ga điểm mười một tiếng, bác An vội vã chào chị để kịp chuyển tàu về Hà bắc. Chị cũng quảy gánh về nhà nghỉ.

Thời gian này, cả thành phố bàn tán nhiều về chính sách cải tạo tư sản, công tư hợp doanh và cải tạo tiểu thương. Có nhiều chuyện cười ra nước mắt, những gia đình tư sản, ngoài cửa đốt pháo ăn mừng, trong nhà vợ chồng con cái ôm nhau khóc vì phải hiến dâng tài sản cho nhà nước. Những người buôn bán nhỏ phải tự tìm kiếm công việc khác để sinh sống. Họ muốn biến thành phố buôn bán, ăn chơi thành một khu lao động, mỗi người biến thành một cái máy làm theo điều khiển. Thực tế họ làm được những gì, thời gian sẽ biết nhưng hiện tại biết bao gia đình cùng quần hết kế sinh nhai. Chị cũng là người trong cuộc, công an và khối phố nhiều lần đến nhà vận động và đoạ nếu không chấp hành sẽ áp dụng biện pháp chính quyền.

Thế là thời kỳ hoàng kim ngắn ngủi của chị đã trôi qua. Vào làm trong tổ hợp tác này, chị tưởng mình đơn độc, nhưng chị đã nhầm, đại đa số là những người chịu cảnh chèn ép, đoạ đầy của xã hội.

* *
*

Chúng tôi sắp về thì chị Trần thuý Hạnh cũng đến. Chị Hạnh cùng làm tổ hợp tác, rất thân với chị Bích Hằng. Năm ấy, chị đã ngoài ba mươi tuổi, mảnh đời xuân của chị Hạnh như một bông hoa để dần tàn héo, không dành cho ai. Nhân thể chị cũng ôn lại những diễn biến của cuộc đời và gia đình chị:

Chị đang sống hạnh phúc trong mái ấm tình thương thì năm 1951, mẹ chị mắc bệnh qua đời. Năm 1953, thân phụ chị lấy một người vợ kế, chị không dám phản đối

người nhưng than phiền về cái đạo đức bất hảo của người di ghê. Cô ta là gái đã có chồng, năm 1948 bộ đội đóng quân ở làng, nhân ngày chồng đi vắng, cô ta mời một anh bộ đội trẻ tuổi hơn mình về nhà và nói:

- Hôm nay, chồng em đi vắng, em coi anh như chồng anh. Vậy đêm nay, anh ngủ với em để thể hiện tình quân dân cá nước.

Nghe nói, anh bộ đội sợ, bỏ chạy. Từ đó, có tiếng đồn, gái làng này bắt cóc bộ đội làm tình. Khi về nhà, người chồng biết chuyện đã li dị vợ.

Gia đình cô ta có một vườn mía rộng. Một buổi trưa, cô ta gọi cháu trai con người anh ruột ra vườn ăn mía. Năm ấy, cháu trai mới mười sáu tuổi. Sau khi ăn chán mía, cháu định về thì cô giữ lại, tụt hết quần áo mình, ôm lấy cháu bắt làm tình. Lúc đầu cháu sợ nhưng sau ít giây lưỡng lự, cháu cũng ưng thuận chiều cô. Ăn vụng quen mồm, cứ đến buổi trưa hai cô cháu lại rủ nhau ra vườn mía. Người chị dâu biết tính em gái chồng, tiến hành theo dõi đã bắt được quả tang cuộc bướm hoa. Đó là hai hiện tượng đặc biệt, còn những chuyện dâm ô khác thì nhiều lắm. Dân làng đặt cho cô cái tên là con quỷ cái. Chẳng hiểu sao, thân phụ chị quyết định lấy cô ta, bỏ qua những lời khuyên can của chị và dư luận bên ngoài. Khi về nhà chị, cô ta tìm mọi cách để hành hạ con chồng, nhất là hai em trai của chị còn ít tuổi: đưa lên chín, đưa lên mười.

Không chịu đựng nổi cuộc sống di ghê, con chồng, chị bỏ quê hương lên Hà nội buôn bán và có ý định đưa cả hai em nhỏ đi theo.

Mùa hè năm 1955, chị định về quê thì gặp người làng lên chơi, nói:

- Chị đừng nói nữa, hiện nay bác trai bị quy lên địa chủ và phản động. Còn di ghê đã bỏ nhà và trở thành cốt cán. Chị về, nếu họ bắt được không thoát nạn đâu...

Chị vừa đau khổ, vừa thắc mắc gia đình chị lên địa chủ ở chỗ nào? Chỉ có một mẫu tư điền ông bà để lại, nhà tự làm lấy, không thuê mướn người làm, không phát canh, thu tô. Mặt khác, thân phụ chị hiền lành, ngoài họ hàng thân thích, không quan hệ với ai, đêm ngày chỉ vui đùa vào công việc thì phản động ở đâu?

Hơn một tháng sau, chị được tin sét đánh ngang tai, thân phụ chị bị bắn, nhà cửa bị tịch thu toàn bộ. Cái chết của người chủ yếu do mụ di ghê vu oan giá họa. Trước cảnh đau thương đó, chị phải về quê tìm hai em nhỏ. Tuy nhiên đến chín mười giờ đêm chị mới dám vào làng. Chị đến nhà ông bác ruột, tức khắc bác đuổi đi:

- Nhà tao không quan hệ gì với con tên phản động.

Dưới ánh trăng mờ, chị lặng lẽ khóc, thất thểu đi trên đường làng và thầm nhủ:

- Các em ơi, chị đang đi tìm, bây giờ các em ở nơi đâu?

Đường ra cánh đồng, có một cây đa to, theo linh tính chị đến gốc đa này, thấy hai đứa trẻ quần đùi, áo may ô rách bươm, ôm nhau dựa vào gốc cây đang ngủ. Chị ghé sát vào mặt chúng mới nhận ra hai đứa em mình. Chị đập vào người chúng và gọi:

- Các em ơi, chị Hạnh đây.

Đứa lớn bừng tỉnh, hoảng hốt kêu lên:

- Con lạy bà, lạy bà cho chúng con ngủ nhờ.

Xót xa và xúc cảm quá, chị ôm lấy hai em khóc:

- Các em ơi, chị Hạnh của các em đây, có bà nào đâu?

Nhận ra chị, hai đứa khóc thảm thiết nhưng chúng chẳng dám khóc to. Chị nói với chúng:

- Các em ơi, đừng khóc nữa, hãy theo chị đi ngay khỏi nơi này, không thì nguy hiểm.

Cả đêm, ba chị em đi miết đến thị xã mới dám nghỉ chân, trời cũng vừa sáng. Sau khi vào cửa hàng ăn uống, hai em vừa khóc vừa kể lại:

- Dì đi theo một ông cốt cán mấy ngày thì gia đình ta bị quy lên địa chủ và phản động. Ngày bắt bố dì cũng đến lục soát, tìm kiếm mọi thứ đưa vào buồng khoá lại, niêm phong. Còn giành khoai ở góc hè, chúng em xin dì để luộc ăn thay cơm thì dì quát:
- Ai cho con tên phản động, phải cho chúng mày chết theo thằng Cẩn. Dì còn nói thêm:
- Từ nay, tao không dì con gì với chúng mày, phải gọi tao là bà, nghe chưa?

Không có gì ăn, chúng em bảo nhau ra đồng móc cua, mò ốc đem ra chợ bán để mua khoai, có hôm mua được bảy tám lạng, hôm được hơn cân. hôm họ bắn bố, tịch thu tài sản và đuổi chúng em ra khỏi nhà, chúng em đang mặc bộ quần áo mới chị cho dịp tết, dì bắt phải cởi ra rồi quẳng cho mỗi đứa cái quần đùi, chiếc áo may ô rách. Chúng em rủ nhau đến nhà bác, nhà cô đều bị đuổi. Bác và cô còn bảo, không ai dám chứa con tên phản động. Chúng em đành phải đến gốc đa ngủ ban đêm. Có lần dì đi qua, nhìn thấy dì quát:

- Gốc đa của ông bà nông dân, ai cho chúng mày được ngủ ở đây?

Chúng em khóc lóc van xin mãi dì mới bỏ qua. Hằng ngày chúng em tiếp tục móc cua, mò ốc bán được trăm nào phải mua khoai luộc vì gốc đa có gì đâu mà nấu nướng? Chúng em cơ cực lắm chị ơi.

Bố bị bắn sau một tuần, có một bà già ở chợ, chúng em không quen, nói nhỏ:

- Các cháu phải mua hương thấp và đắp mộ cho bố chứ.

Hôm ấy chúng em bán cua và ốc đáng nhẽ mua được hơn một cân khoai nhưng bảo nhau mua hương đem đến mộ bố. Vài ngày trước mưa to, mộ bố lún xuống thành một hồ nước hình chữ nhật. Mai cuộc chẵn có, chúng em ra bờ ruộng móc đất đắp vào mộ bố, nhưng mới được mấy hòn thì dì và một ông cốt cán đến, quát:

- Chúng mày to gan thật, ai cho đắp mộ cho tên phản động?

Dì ném bó hương xuống ruộng rồi cùng ông cốt cán bắt chúng em về điểm trói lại, giam đến tối mới tha.

Cuộc sống dưới gốc đa, ăn khoai luộc, uống nước lã được hai tuần bình an vô sự. Đến một hôm, chúng em bắt được đầy giỏ cua, lưng rổ ốc, hai đứa bảo nhau, hôm nay sẽ bán được nhiều tiền hơn, phải mua bánh tẻ ăn cho đỡ nóng ruột thì lại gặp dì. Dì nói:

- Cua ốc ngoài đồng là của ông bà nông dân, ai cho phép chúng mày được bắt?

Nói xong, dì đồ cua ốc xuống sông, giẫm nát cái giỏ và cái rổ. Dì còn dọa:

- Từ rày còn bắt cua ốc nữa, tao sẽ trói vào cột điểm cho đến chết.

Từ hôm đó, hai anh em bàn nhau đi ăn xin ở thật xa, vì có xin ở gần cũng chẳng ai dám cho. Xin được cơm hay cái gì chín thì ăn ngay. Ai cho gạo, chúng em cởi áo may ô dùm lại mang đi, được nhiều, mang ra chợ bán hoặc đổi khoai luộc, bánh.. Hôm nay, chúng em xin được nhiều cơm ăn no, còn gạo mang theo về gốc đa. Buổi tối, dì xách đèn đi qua, lục soát thấy gạo, dì tuyên bố tịch thu. Dì còn bảo:

- Ông bà nông dân làm ra thóc gạo, ai cho phép chúng mày được ăn. Em xin mãi, dì mới trả cái áo may ô gói gạo...

Trước hoàn cảnh ấy, chị quyết định sống cô đơn để trông nom, chăm sóc hai em nhỏ. Điều khó xử là khi ấy chị đã có người yêu. Buổi chia tay đã diễn ra nhiều nước mắt. Chị nói:

- Hiện nay, em phải chịu tang thân phụ em và lâu dài em phải nuôi hai em nhỏ. Không còn con đường nào khác, anh cho phép em được cắt đứt quan hệ với anh.

- Anh sẽ đợi em đến ngày đoạn tang thân phụ – anh ấy nói – còn hai em nhỏ, anh sẽ coi chúng như các em mình. Anh không thể xa em.
- Cảm ơn anh, em biết hiện tại vì tình yêu, anh có ý nghĩ vô cùng cao thượng. Nếu chúng ta thành vợ chồng phải có con mà cuộc sống đầy những khó khăn. Đến lúc đó, anh sẽ oán trách em là người vợ đoảng. Đối với các con, em là người mẹ thiếu tình thương, đối với các em đại, em là người chị thiếu trách nhiệm. Tình yêu thương của chúng ta dù có rộng bao la nhưng đời sống của xã hội lại chật hẹp, bon chen không cho phép. Anh hãy quên em đi, đừng thương yêu em nữa, cánh cửa tương lai đang mở rộng trước cuộc đời anh.
- Anh coi em như một người bạn được không?
- Cả điều đó cũng không nên anh ạ. Mỗi lần thấy anh là hình ảnh quá khứ đắng cay sống lại. Do vậy, anh cứ coi em như người xa lạ, chưa gặp bao giờ. Lưu luyến đưa con gái quê mùa, bất hạnh này làm gì nữa để cả hai đều vẫn vương, đau khổ?...

Mỗi lần nghĩ đến chị Hạnh, tôi lại thấy tủi hổ về người chị ruột của mình. Tôi đã gặp hai người đàn bà có tên là Hạnh và đều có hạnh. Chị Trần thủy Hạnh đã hy sinh hạnh phúc của đời mình để cứu vớt hai em nhỏ, chị là tấm gương về tình thương cao cả. Tuy nhiên, chị không được xã hội công nhận là người có hạnh. Còn cô Hạnh đầu tóc bồng bềnh cải cách như Phan Lung, bạn học tôi đã tường thuật lại, là tấm gương sáng chói về đạo đức cách mạng.

* *
*
*

Năm ấy, bác Vũ thị Hiền bốn mươi năm tuổi đáng người thanh nhã, lịch thiệp. Xưa kia, bác là cô gái bán hoa Ngọc Hà. Chồng bác Hiền, bác Lê ngọc Văn là thầy dạy Anh ngữ trường Bưởi.

Sau năm 1954, bác Văn là giáo viên lưu dụng vẫn dạy ở trường cũ. Đến năm 1960, nhà nước ra chính sách lương thống nhất. Vài lần bác Văn làm đơn xin hạ thấp lương như trí thức cách mạng chưa được chấp nhận, bác làm đơn xin nghỉ việc. Năm 1961, bác Hiền cũng phải bỏ nghề buôn bán, vào làm tổ hợp tác này, kinh tế mỗi ngày một sa sút, thiếu thốn.

Vợ chồng bác Hiền có hai đứa con: một trai – Hưng hai mươi tuổi, học hết lớp bảy thì bỏ để học nghề tại nhà máy cơ khí Hà nội; một gái – Nga mười lăm tuổi, đang

học lớp tám cũng phải bỏ để học nghề vì hoàn cảnh khó khăn. Cả tổ hợp tác, ai cũng gán ghép tôi là con rể tương lai của bác Hiền. Bác Hiền cũng nửa đùa, nửa thật hỏi:

- Cháu muốn làm rể bác không?
- Cảm ơn bác, cháu không dám.
- Tầng lớp cùng đình cả, tại sao lại không dám?
- Thưa bác, cháu không được ở vị trí phó thường dân mà là kẻ khốn cùng của xã hội.

Cuối mùa xuân năm 1962, tôi đến nhà bác Hiền ở trước vườn hoa hàng Đậu, trên gác. Nhìn tấm hình chụp cả người Nga treo trên tường, tuy thân thể chưa phát triển nhưng Nga là một thiếu nữ xinh đẹp: cặp mắt bồ câu, cổ cao, khuôn mặt trái xoan duyên dáng. Bác Văn có dáng người cao lớn như Tây, tuổi chưa đầy năm chục, mái tóc đã hoa râm, trên trán hằn lên những nếp nhăn sâu và đậm, cặp mắt tinh nhanh, vẻ mặt phảng phất một nỗi buồn man mác.

- Đây là cháu Tâm cùng làm với tôi, ông ạ – Bác Hiền giới thiệu với chồng.
- Cháu ngồi chơi – Bác Văn nói – bác được nghe bác gái nói nhiều về cháu. Là một giáo viên, bác biết những người thông minh như cháu thì hiếm lắm, rất tiếc là chẳng hợp thời.

Như chợt nhớ ra, bác Văn hỏi:

- À, việc làm ở tổ hợp tác đang ổn định, liệu có được lâu dài không, cháu?
- Thưa bác, cháu cho là xã hội này chỉ có khó khăn, thiếu thốn mới lâu dài, còn việc làm ổn định là tạm thời thôi.
- Gia đình bác hiện nay, bác gái là lao động chính. Nếu việc làm lại thất thường, lương không có như trước thì gay go lắm.
- Bác là một trí thức, không hiểu thời thế hay sao mà năm 1954 không đi Nam?
- Bọn trí thức chúng tôi như bầy cừ non về chính trị. Cứ tưởng... thế mới khổ. Chiếc bánh vẽ thơm ngon đang được quảng cáo rùm beng ở miền Nam, đến thời gian nào đó người Sài Gòn cũng nói cứ tưởng... như chúng tôi. Con người mắc nhiều sai lầm đều có thể sửa được nhưng mắc bệnh ngậy thơ về chính trị thì chỉ một lần thôi, nếu chữa khỏi bệnh này phải chờ ngày về cõi. Tôi còn nhớ trí thức Hà nội nghe ông Đồng nói chuyện tại nhà hát nhân dân sau ngày tiếp quản: “Tôi thay mặt đảng và chính phủ hoan nghênh các đồng chí có tinh thần yêu nước, không đi Nam. Các đồng chí ở lại xây dựng đất

nước, ai làm việc gì vẫn giữ nguyên cương vị đó. Hiện nay, các đồng chí tạm hưởng mức lương của đế quốc trả. Tôi khẳng định rằng, đây là đồng lương mặt hạn của đế quốc. Đất nước ta hiện nay còn nhiều khó khăn, các đồng chí tạm thời hưởng mức lương mặt hạn đó. Sau này, khi kinh tế đất nước phát triển, lương của các đồng chí phải tăng gấp hai ba lần hiện nay...”

Nói xong, ngài phó thủ tướng lấy khăn mùi xoa lau nước mắt cá sấu tỏ tình thương... Tưởng thật lòng, bọn trí thức chúng tôi thì nhau rơi lệ.

Cũng trong buổi nói chuyện đó, giờ giải lao, ngài tổng bí thư Trường Chinh rẽ đám đông đến ôm hôn cụ đồ nho đã dạy ngài học tiểu học ở làng Hành thiện. Ngài nói: “Thầy tha lỗi cho con, vì bận việc nước lâu nay con không đến kính thăm thầy...”

Một lần nữa, chúng tôi lại thì nhau rơi lệ vì cảm động. Rồi năm sau, chính cái nhân vật tỏ vẻ đầy nhân nghĩa ấy, dưới quyền quyết định của ông Hồ, là đạo diễn tấn thảm kịch thời kỳ cải cách. Và là tấm gương chói lọi để cấp dưới noi theo về lập trường cách mạng, ngài đã ra lệnh bắn chú ruột mình.

Thời kỳ họ điều chỉnh lại lương cho công chức lưu dụng xuống như lương của cán bộ cách mạng. Có người viết hàng chục lá đơn vẫn không được chấp nhận. Bác viết hai lần, họ trả lời phải đề nghị cứu, bác viết tiếp lá đơn xin thôi việc. Thế là xong. Nhiều người bảo bác không thức thời. Nhưng đến lúc này mới thức thời thì đã muộn, cái bất hạnh đến vẫn không thể tránh. Nhiều công chức ngoan ngoãn phục tùng, có người cúc cung tận tụy, cũng đã lên đường vào trại tập trung.

Cách đây ba năm, bác đọc quyển chuyên chính vô sản của Lenine. Đây là lần đầu bác đọc sách chính trị. Sách có đoạn viết với nội dung sau: “Sau khi giai cấp vô sản nắm được chính quyền, chúng ta chưa quen biết việc quản lý nhà nước nên tạm thời thuê những trí thức tư sản với tiền lương rất hậu. Sau đó, chúng ta tổng cổ chúng ra khỏi bộ máy nhà nước. Nếu chúng có hành vi chống lại, chúng ta sẽ cắt điện, cắt nước, cắt bánh mì, thậm chí đưa chúng vào nhà giam..”

* *

*

Nói chung những người trong tổ hợp tác này đều rơi vào cảnh bị xã hội cướp mất kế sinh nhai nên họ yêu thương và thông cảm với tôi. Đang lúc việc làm ổn định, tiền công tăng dần thì ông tổ trưởng đi họp ở ban liên hợp tác xã khu về phổ biến:

- Chủ trương của trên, tổ hợp tác này phải sáp nhập với bốn tổ hợp tác nữa để thành lập hợp tác xã cấp cao. Ông cho biết thêm:

- Làm và hưởng theo sản phẩm của tổ hợp tác ta là không đúng với đường lối của đảng. Cách làm ăn ấy chạy theo lợi nhuận là nền sản xuất Tư bản chủ nghĩa. Sắp tới, xã viên được quy định lương hàng tháng theo tay nghề. Người làm tốt, cuối năm được bình bầu là lao động tiên tiến.
- Làm ra nhiều sản phẩm không được thêm, nhưng được ít sản phẩm thì sao? – Tôi hỏi:
- Nếu ít sản phẩm không đủ lương phải trừ theo tỉ lệ phần trăm.
- Sách báo thường tuyên truyền, chủ nghĩa xã hội, làm tùy sức, hưởng tùy tài, tại sao làm ra nhiều sản phẩm không được hưởng nhiều?
- Cái mâu thuẫn ấy tôi cũng chịu, cậu lên khu mà hỏi.
- Làm nhiều, làm tốt không được hưởng thêm – Khoa nói – Cuối năm, lấy mảnh giấy công nhân lao động tiên tiến găm ra mà ăn thêm. Hay quá, chủ nghĩa duy vật mà bắt con người ăn những món ăn tinh thần: lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua rồi anh hùng lao động để cải thiện đời sống. Thưa các bác, các chị chúng ta tiến lên hợp tác xã cấp cao, rồi xí nghiệp địa phương để mức sống của mình tăng dần theo cấp số cộng với công sai là một số âm. Như các nhà máy, công nông trường, chúng ta sẽ làm theo cái khẩu hiệu ai cũng thuộc lòng, hàng ngày phải nghe trên đài, loa phóng thanh làm cái tai nhức nhối như bị tra tấn: “Để lấy thành tích chào mừng ngày...”.

Ngoài ông tổ trưởng, không ai có nghề nghiệp gì gọi là kim khí hay cơ khí nếu quy định lương theo tay nghề thì sống sao được? Cả tổ, ngoài tôi và Khoa đều lần lượt bỏ trước khi sáp nhập.

Hợp tác xã mới có văn phòng ở hàng Mã. Tôi và Khoa chuyển sang phân xưởng làm long đen và móc cáp cho bưu điện. Sau vài tháng sáp nhập, ban quản trị hợp tác xã mâu thuẫn, chia rẽ, bè phái. Họ cần sự liên minh của xã viên để đấu đá lẫn nhau do vậy tôi và Khoa được xếp vào mức lương sáu mươi đồng một tháng. Nói cho đúng, bậc lương không phải chỉ trả theo tay nghề mà có cả công thuê những tên lính xung trận trong cuộc đấu tranh nội bộ vì quyền lợi riêng tư của từng thành viên trong ban quản trị. Họ không biết rằng, tôi không bao giờ a dua, theo đám ăn tàn mà chỉ hành động theo lẽ phải và đấu tranh để bảo vệ chân lý.

Tổ hợp tác làm hợp đồng cho tổng cục bưu điện trước ngày sáp nhập, tiền lương cao gấp hai ba lần theo quy định. Họ làm theo sản phẩm đúng với câu “làm tùy sức, hưởng tùy tài”. Trong thời gian đó được gọi là thời kỳ hoàng kim của hợp tác xã, các

cô, các cậu xã viên tiền xứng xứng. Sau khi thành một phân xưởng của hợp tác xã cấp cao, lương của họ tụt xuống nhiều lần, mặc dù còn thừa tiền phải nhập vào quỹ của hợp tác xã gửi ngân hàng để nhà nước quản lý. Để đối phó với sự thiệt thòi đó, ông Dân – phân xưởng trưởng bàn với tôi:

- Mồ hôi, công sức đổ xuống sông, xuống biển thì phí quá, tôi nhờ anh mỗi tháng làm một bản lương giả đưa lên ban quản trị.

Nhờ vào việc giả mạo này mà hàng tháng rút ra được hàng nghìn đồng. Ông Dân cho phân xưởng ăn liên hoan một phần, còn lại bao nhiêu ông ta có ý định chiếm đoạt. Sáu tháng cuối năm 1962, số tiền ước tính khoảng sáu nghìn đồng trong túi ông Dân. Không chấp nhận sự bất công, tôi yêu cầu phải chia cho mọi xã viên trong phân xưởng. Ông ta phản đối:

- Việc này, tôi làm, tôi hưởng, nếu bị phát hiện tôi chịu tội. Riêng anh có quyền lợi xứng đáng, còn lại là của tôi.
- Đây là công sức chung, do cơ chế của nhà nước mà họ bị thiệt thòi. Bác đề ra sáng kiến này, riêng bác có quyền lợi cao hơn, còn lại bác nên chia đều.

Ông Dân khẳng khái từ chối. Do vậy, tôi và Khoa làm đơn đề nghị khu giải quyết. Một cuộc họp phân xưởng hơn bốn chục người tham gia để tranh cãi về việc đó. Tôi không ngờ đấu tranh chống lại bất công mà hai đứa chúng tôi bị cô lập. Đại bộ phận đều im lặng hoặc bênh vực ông Dân. Và cuối cùng là sự bất công đã chiến thắng.

Họp xong, một bác già ở Cầu Diễn nói với tôi:

- Tôi tưởng cậu có học sao mà ngu thế?
- Đấu tranh chống lại bất công mà ngu à bác?
- Có phải cậu chống lại bất công đâu, cậu thay đổi từ một sự bất công này bằng một sự bất công khác mà thôi. Nếu cậu thắng ông Dân thì số tiền trong túi ông Dân sẽ chuyển lên khu, vào ngân hàng nhà nước, chẳng ai được gì cả. Vì vậy tôi đã vận động mọi người trong phân xưởng không đồng tình với cậu.

Bác già tiếp:

- Bất công, vô lý là bản chất của chế độ này, tại sao cậu dám đấu tranh cho lẽ công bằng, có khác gì mức nước đổ ra sông, hơn nữa mua vạ vào thân? Hôm thao diễn kỹ thuật và năng suất, nhiều người làm như điên như dại để lấy tiếng khen, lấy thành tích hảo, tôi cho là một lũ ngu, mắc lừa sự phỉnh phờ của họ. Các cơ quan ký hợp đồng với hợp tác xã mình lấy đó làm mốc để hạ

giá thành sản phẩm. Tôi hỏi cậu, cái máy cơ khí còn hỏng hóc hưởng chi con người, có thể làm điên đại hết ngày này qua tháng khác được không?

Phải nói thật là nhà nước họ chỉ muốn vắt kiệt sức lao động chứ chẳng bao giờ quan tâm đến đời sống người dân. Con người phải ăn để sống chứ không thể nhịn đói mà ngắm bằng khen lao động xuất sắc hay tiên tiến. Quả thực họ muốn năng suất lao động cao, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao mức sống người dân thì họ phải ưu tiên sử dụng và đào tạo những nhân tài để khoa học và kỹ thuật phát triển, thay sức lao động của con người. Ngược lại, họ sử dụng những kẻ ngu trong cấp lãnh đạo – những kẻ ngu có quyền, có chức mới một lòng, một dạ đi theo đảng mới đội ơn cách mạng. Bất công và vô lý là mảnh đất màu mỡ cho cái ngu nảy mầm và phát triển, cậu là cái thá gì mà dám chống lại bản chất của chế độ hiện nay?

- Thừa bác – Tôi nói – bác đã dạy cho cháu một bài học nhớ đời, cháu chân thành cảm ơn bác.

Nửa tháng sau, khi hết giờ làm việc, ông Dần đang đóng cửa, tôi đi qua bị ông Dần làm rơi thanh sắt cài then cửa vào đầu, máu chảy ra xối xả. Ông Dần vội cõng tôi ra bệnh xá phố hàng Lược. Băng bó xong, tôi lên xích lô về nhà. Tối hôm đó nhiều người cùng làm đến thăm, tôi không ngồi dậy được vì máu ra nhiều, chóng mặt. Ai cũng khuyên tôi kiện ông Dần cố ý trả thù, bắt bồi thường. Tôi từ chối vì cho rằng đây là sự vô ý của cả hai người. Tôi nói:

- Một hiệp sĩ không bao giờ chém kẻ thù ngã ngựa, một kẻ có lương tâm không thể vu oan cho người vì sự cố bất ngờ.

Vài ngày sau, ông Dần cũng đến thăm tôi và hỏi:

- Anh không kiện tôi cố ý trả thù anh chứ?
- Không bao giờ!
- Nếu thế, tôi bồi dưỡng anh hai trăm đồng.
- Việc này không nên thanh toán với nhau bằng tài chính hãy để cho mỗi tâm hồn nuôi dưỡng và phát huy tính trung thực và lòng độ lượng.

Ông Dần siết chặt tay tôi và cảm tạ.

* *

*

Sang năm 1963, giá thành các mặt hàng hợp tác xã làm gia công cho nhà nước hạ xuống nhiều lần, tiền lương của xã viên thấp quá không sống nổi. Song song với việc

đó, chính sách vận động người đi kinh tế miền núi bắt đầu, việc làm trong các hợp tác xã bị cắt xén còn rất ít. Những người thuộc diện ra khỏi thành phố là không làm trong cơ quan nhà nước, việc làm không ổn định, riêng các gia đình nguy quân, nguy quyền phải về quê hương cũ. Tháng ba năm 1964, trong báo cáo chính trị của ông Hồ có câu: “phải làm Hà nội trong sáng như pha lê”. Chính sách này gây ra bầu không khí lo lắng, sợ hãi bao trùm cả thành phố trong hai năm 1963–1964. Câu nói của ông Hồ làm cuộc vận động trở thành một chiến dịch cưỡng bức di dân. Nếu không có cuộc chiến tranh bằng không quân của Mỹ ra miền Bắc thì hậu quả “mang con bỏ chợ” đi đến đâu không ai lường được? Tuy nhiên đã có hàng vạn gia đình phải bỏ thành phố ra đi sống vất vưởng trong các miền rừng núi. Năm 1969, họ liệu lĩnh trở về may cho họ đang trong thời buổi chiến tranh, để giảm bớt mâu thuẫn nội bộ nên đảng đã khoan nhượng.

Giữa năm 1963, do mâu thuẫn, đấu đá lẫn nhau, ban quản trị của hợp tác xã bị xoá sổ, người bị đuổi, người bị cách chức. Cấp trên cử về một chủ nhiệm mới là đảng viên – ông Lưu đình Chi ngoài năm mươi tuổi – một con người nhiều mưu mô, thủ đoạn nham hiểm. Về sau tài sản của hợp tác xã trị giá hàng trăm lạng vàng rơi vào tay ông và con cháu của ông. Trước đại hội xã viên ông tuyên bố:

- Hiện nay, việc làm chỉ dành cho bố mẹ, con em những gia đình là cán bộ, công nhân viên và những gia đình có công với cách mạng. Còn lại thuộc diện đi kinh tế miền núi, ban quản trị không xếp việc.

Đục nước béo cò, nhờ chính sách này, đại gia đình ông Chi trở nên giàu có do chiếm đoạt. Hàng trăm người mất cả việc làm và mất cả tiền vốn góp cổ phần. Tôi và Khoa bước vào những tháng năm thất nghiệp. Để kiếm sống, chúng tôi làm mọi việc, buôn bán vật vãnh: bánh mỳ, quần áo cũ, pháo dịp tết, kể cả việc lao động đào đất, dọn vệ sinh. Nhưng buôn bán thì thường bị bắt giữ và tịch thu hàng, còn lao động thì thất thường với tiền công rẻ mạt. Giữa năm 1963 đến hết năm 1964 chúng tôi cứ long đong, lật đật kiếm ăn từng bữa. Còn tinh thần thì lo âu, thắc thỏm từng ngày vì chính sách đi vùng kinh tế mới. Đành rằng ở nơi thị thành này, chúng tôi đang phải chịu trăm đắng, ngàn cay nhưng còn có sách, có thư viện, có bạn bè. Nếu phải đi miền núi có khác chi vào nơi cầm cổ chung thân – một cuộc đời đầy đoạ, tuyệt vọng.

Cuối tháng 3 – 1964, ông chủ nhiệm gọi tôi đến văn phòng, ông nói:

- Chính sách đi vùng kinh tế mới đã tiến hành gần một năm nay. Biện pháp vận động của hợp tác xã đối với anh mới chỉ có cắt việc làm. Một người thông minh như anh chắc cũng hiểu rằng, mọi chính sách của đảng muốn thực hiện được phải kèm theo biện pháp chính quyền cưỡng bức, cao hơn nữa là toà án,

nhà tù. Tôi cho rằng không ai muốn bỏ thành phố để đi miền núi vì chẳng khác gì từ chỗ quang ấm đầu vào bụi rậm, nhưng chính sách của đảng bắt mọi người dù không muốn cũng phải chấp hành. Nói như thế, có thể anh hỏi: đã cưỡng bức đầu mà có hàng vạn gia đình tình nguyện đi miền núi? Xin trả lời, số đó chẳng gia đình nào muốn tình nguyện cả. Họ biết, trước sau cũng phải đi nên hành trình sớm sẽ có lợi hơn, tìm được nơi tốt hơn, tránh được cảnh trâu chậm uống nước đục. Đến nay, chắc anh đã rõ Hồ chủ tịch tuyên bố: “phải làm Hà nội trong sáng như pha lê”, nghĩa là cuộc vận động ra khỏi thành phố đã biến đổi về chất – áp dụng những biện pháp cứng rắn buộc những người không thuộc thành phần cơ bản phải ra đi. Về lý lịch của anh, tôi không rõ lắm nhưng có nhận xét rằng, anh có văn hoá nếu thuộc thành phần tốt sao không vào đại học hay chuyên nghiệp? Vì vậy, anh đã có tên trong danh sách bị cưỡng bức đi lần này. Hôm nay tôi báo cho anh biết trước để chuẩn bị.

Nghे ông chủ nhiệm nói, tôi liền nghĩ ra một kế:

- Thừa bác, từ hôm nay cháu xin bác xoá tên cháu trong danh sách xã viên.
- Việc đó dễ thôi nhưng để làm gì? Anh muốn trốn tránh đi miền núi thì không ổn. Nếu anh xin xoá tên, chúng tôi phải gửi anh về khối phố quản lý và giải quyết. Hơn nữa, cổ phần chỉ được rút ra khi có giấy di chuyển khỏi thành phố.
- Bác thông cảm giúp đỡ cháu với điều kiện sau, cổ phần của cháu có ba trăm đồng, bác toàn quyền sử dụng nhưng bác không gửi giấy về khối phố, coi như cháu vẫn làm ở hợp tác xã.

Mất ông chủ nhiệm sáng lên vì được lợi, sau vài giây tỏ vẻ lưỡng lự, ông nói:

- Thôi được rồi, tôi đồng ý giúp anh, nếu khối phố nơi anh cư trú hỏi tôi, buộc tôi phải trả lời anh đã bỏ hợp tác xã, chúng tôi quên chưa gửi giấy về để địa phương quản lý. Và nếu xảy ra hiện tượng ấy, anh cũng không nên tố cáo tôi ăn hối lộ của anh để không đưa anh đi miền núi. Chắc anh biết câu chuyện ngụ ngôn của La fontaine “Con chó sói và con cừu”.

Ông chủ nhiệm cũng hỏi Khoa, anh trả lời:

- Bác cứ yên tâm, cháu sắp về với bố cháu ở Bắc giang. Bác cứ chuẩn bị sẵn tiền cổ phần của cháu.

* *

Đầu tháng 4 – 1964, tôi và Khoa lấy vé ở rạp Đại đồng xem bộ phim Người cá. Buổi tối, gần đến giờ đi xem thì anh Cương bảo tôi phải ở nhà họp để nghe phổ biến bầu cử quốc hội. Cũng may, Khoa giữ vé nên tôi nghe lời anh Cương. Cuộc họp của khối phố ở sân chùa, bảy giờ bắt đầu, mọi người đã đến đông, chật ních. Có một ông cán bộ trên khu về dự, ông ta phát biểu:

- Khu Ba đình có vinh dự lớn được đón bác và các vị lãnh đạo cấp cao ứng cử đại biểu quốc hội. Theo chỉ thị của trên, mọi cử tri phải bỏ phiếu theo sự hướng dẫn. Nếu ai làm sai là hành động chống đối, tùy theo lỗi nặng nhẹ, thái độ chính trị mà xử lý. Mỗi cử tri được thực hiện quyền công dân là bỏ phiếu song phải làm nghĩa vụ theo sự lãnh đạo của đảng. Tôi đề nghị bà con đi bỏ phiếu trăm phần trăm và nhất thiết theo sự chỉ đạo...

Kế đó, ông trưởng ban đại biểu nói:

- Hôm nay bà con đến họp tương đối đầy đủ, chỉ thiếu ba người có lý do. Tôi đọc giấy xin phép của từng người: 1 – Tôi là Ngô văn Hảo, tối nay tôi phải đi trực ở bệnh viện. Vậy xin phép ban đại biểu được vắng mặt trong cuộc họp cực kỳ quan trọng này. Tôi nhất trí theo sự chỉ đạo của cấp trên là gạch tên hai vị ứng cử tự do ở cuối danh sách; 2 – Tôi là Lê thị Ngo, tối nay tôi bị sốt nặng không đi họp được, vậy xin phép ban đại biểu. Tôi xin hứa ngày bầu cử nhất thiết sẽ làm theo chủ trương của đảng, nếu sai tôi xin chịu tội; 3 – Con tôi là Vũ văn Hưng đi công tác chưa về. Do vậy, tôi xin phép ban đại biểu cho cháu vắng mặt trong cuộc họp tối nay. Tôi hứa với quý ban, khi cháu về tôi sẽ thông báo lại để ngày bầu cử, cháu phải bỏ phiếu theo sự hướng dẫn của cấp trên.

Ông trưởng ban đại biểu tiếp:

- Sau đây, tôi xin đọc tiểu sử các vị ứng cử. Riêng tiểu sử của bác không đọc. Khi đọc đến tên người, tôi đề nghị bà con đứng dậy vỗ tay hoan hô...

Một bà đứng lên phát biểu:

- Nói đến bác thì cháu nhỏ lên ba cũng biết và kính trọng nhưng tiểu sử của người, có một số người ít học như tôi không nhớ rõ, tôi đề nghị cứ đọc.

Nhiều người đứng dậy nhao nhao phản đối:

- Người là cha già của dân tộc, ai không nhớ rõ tiểu sử của người là thái độ chính trị không tốt, biểu hiện một quan điểm không nhiệt tình cách mạng.

- Không cần đọc nữa, đọc tiểu sử của bác là vô lễ, chúng tôi ai cũng nhớ rồi...

Tôi thoáng nghĩ, ngoài cái tên bác Hồ hoặc Hồ chủ tịch sinh ngày 19 – 5, thực ra mấy ai nhớ lai lịch của ông ta, lai lịch đó đã được thêm bớt, hư cấu cho đượm màu sắc và tính cách anh hùng nhất trong lịch sử của dân tộc bốn nghìn năm văn hiến. Họ tự lừa lẫn nhau đến thế là cùng.

Ông trưởng ban đại biểu bắt đầu đọc:

- Tiểu sử Hồ chủ tịch.

Ông đọc chưa dứt lời, mọi người đã đứng dậy, tiếng vỗ tay và lời hoan hô ầm ầm như vỡ chợ:

Hồ chủ tịch muôn năm! muôn năm! muôn năm! Tiếng hô lặp lại nhiều lần giống như một lũ loạn thần kinh. Có người cổ gào lên sau bị khản cổ.

Bốn năm sống ở đây, tôi biết, một số là cán bộ, công nhân viên chức với tiền lương rẻ mạt, phải chia ra ăn từng bữa. Còn lại phần đông là thợ thủ công làm trong các hợp tác xã và những người buôn thúng, bán mẹt. Cuộc sống của họ gieo neo, thiếu thốn trăm bề. Chẳng những thế, họ luôn trong tâm trạng lo âu vì chính sách đi vùng kinh tế mới, nhất là lời tuyên bố gần đây của ông Hồ “làm Hà nội trong sáng như pha lê” làm nhiều người sợ mất ăn, mất ngủ.

Tôi đã từng xếp hàng mua lương thực cùng với họ, mua phải gạo hẩm và mứt, người nào chẳng bùi ngùi kêu khổ. Thế thì vì lẽ gì trong cuộc họp để chuẩn bị bầu cử quốc hội, họ lại tỏ ra kính yêu ông Hồ đến thế? Sự kiện này làm tôi nhớ lại truyện ngắn Bộ quần mới của Hoàng đế của Andersen, nhà văn Đan mạch, chỉ vì sợ tiếng ngu, người trần mắt thịt mà từ vua quan đến dân chúng trong thành không ai dám nói “Ông vua đang để trần truồng được đón rước”. Ở thời đại Cộng sản không đơn giản thế. Cậu tôi nói: “Đảng bảo hoan hô phải vỗ tay.. Ai không hưởng ứng là kẻ thù của đảng...” Cánh cửa nhà tù đang mở rộng để đón chờ những ai dám bày tỏ ý nghĩ chân thực của mình về xã hội. Ngoài những kẻ cuồng tín, để thích nghi với môi trường sống mỗi người phải đóng thành đạt một diễn viên, một con người giả: phát lại âm thanh của đảng, làm theo ý đảng. Còn con người của trái tim khối óc – con người thật phải âm thầm, lặng lẽ, chông chênh giắc vờ, cha chẳng dám tin con...

Tan cuộc họp, khi ra về một bà nói:

- Đảng bảo sao, dân phải nghe vậy nhưng danh sách ứng cử viên do đảng chọn, mà đều là người của đảng, bỏ phiếu cho ai mà chẳng được.

Tên công an hộ tịch nghe thấy, gọi lại dọa:

- Bỏ phiếu cho ai cũng được là thế nào? Bác muốn tuyên truyền không công cho bọn phản cách mạng phải không?
- Trót lỡ lời, tôi xin anh tha lỗi.

Cũng may bà này là công nhân vệ sinh, không biết chữ nên được ân xá tội nói càn.

Anh Cương nói vụng với tôi, những người được lựa chọn đa số xuất thân từ nghề cầm cốc thành tổ chức “cái cuộc hội”, một chiêu bài để tuyên truyền nền dân chủ giả hiệu của đảng.

Sáng sớm ngày bầu cử (chủ nhật) cả khu phố như nước sôi lên sùng sục: cha dẫn con, chồng bảo vợ, anh chị em nhắc nhở nhau làm sao đừng nhầm lẫn. Xảy chân xuống hố còn chưa khỏi, nếu xảy tay gạch nhầm tên người ứng cử quốc hội thì cuộc đời bị cuốn trôi như nước sông Hồng. Do họ nghĩ rằng, đảng có phép nhiệm màu như phật tổ Như lai, thấu suốt mọi hành vi của mọi con người.

Tôi và Khoa không bảo nhau nhưng đều đặt một dấu nhân to, đậm vào lá phiếu bầu.

Cuối tháng tư có một cuộc họp của khối phố để tuyên bố kết quả bầu cử. Ông trưởng ban đại biểu nói:

- Tôi thông báo cho bà con biết, cuộc bầu cử quốc hội lần này khu Ba đình đã thành công rực rỡ. Bác Hồ được 99, 92 phần trăm số phiếu. Từ con số phần trăm trên đã chứng tỏ lòng tin tuyệt đối của nhân dân đối với đảng. Tuy nhiên cũng từ con số đó cho ta thấy, khu Ba đình mới xuất hiện một số tên phản động.

Một bà phát biểu:

- Theo tôi, chỉ những đối tượng cũ thôi.
- Không phải – ông trưởng ban tiếp – những đối tượng xấu như nguy quân, nguy quyền, công chức lưu dụng, những gia đình đi đạo, tư sản... đều có dấu mật trong lá phiếu bầu, không thấy chúng có hành động chống lại. Trong khu Ba đình có tám phiếu gạch chữ nhân và một số lá phiếu gạch tên Hồ chủ tịch, cơ quan an ninh đang điều tra nhưng chưa có kết quả. Bọn này nếu bị phát hiện ra chắc chắn chúng phải nhận hình phạt thích đáng của đảng.

Một ông phát biểu:

- Tôi chỉ thấy cơ quan an ninh bắt bọn phản động đi tập trung cải tạo, hình như chưa có phiên toà nào xét xử bọn chúng.
- Có rất nhiều – công an hộ tịch nói – chỉ xử kín thôi. Bà con khỏi lo, trị tội bọn phản động, đảng có hàng nghìn biện pháp.

* *

*

Nhiều lần tôi đến thăm chị Bích Hằng nhưng chị đều đi vắng thành ra hơn hai năm trôi qua tôi không gặp chị. Chiều ngày mười tháng mười năm 1964, tôi lại đến thăm chị. Đến nơi, tôi thấy gian nhà của chị khoá cửa. Tôi hỏi ông Hiệp người đỡ đầu chị, ông buồn bã trả lời:

- Sau khi không làm ở hợp tác, chị Hằng đi buôn rau. Kiếm được miếng ăn trong thời buổi này sao mà khổ thế? Nhiều phen chị vừa gánh rau, vừa chạy trốn sự truy bắt của công an trên đường phố, có lẽ còn lật đật hơn chạy giặc. Công an hộ tịch và khối phố mấy lần đến vận động chị đi miền núi, còn đang khát dần, nần nã thì cách đây mười ngày chị gánh rau qua đồn, có một công an ra hỏi giấy tờ. Chị xuất trình chứng minh thư, anh ta mang vào đồn vài phút rồi trả lại. Đồng thời một trung uý trong đồn đi ra, chị nhận ra người cùng quê, trước kia là đội trưởng cải cách ruộng đất. Sau ngày đó, chị ở nhà buồn bã, lo lắng. Tối hôm qua, công an khu và hộ tịch đến nhà thu sổ hộ tịch, chứng minh thư của chị và tuyên bố: Chị man khai lý lịch, cư trú bất hợp pháp. Theo lời tuyên bố của Hồ chủ tịch “phải làm Hà nội trong sáng như pha lê”, khu quyết định đuổi chị khỏi thành phố. Nếu từ nay còn ở lại, chúng tôi sẽ bắt giam. Sáng nay, chị Hằng chào tạm biệt tôi và gia đình, chị đã dắt con đi.
- Thưa bác, chị Hằng đi đâu ạ? – Tôi hỏi.
- Tôi ngậm ngùi hỏi chị như thế nhưng chị nghẹn ngào trả lời: Đi đâu cháu còn chưa biết nữa? Cháu cảm tạ công ơn như trời biển của bác và gia đình. Cháu thường cầu mong có ngày trả được công ơn bác nhưng có lẽ không thể. Cháu xin từ biệt. Chị oà lên khóc rồi ra đi.

Bão táp lại trút xuống đầu người lương thiện – Tôi trĩu nặng nỗi u buồn, thăm nhủ. Chào bác Hiệp, tôi đi bộ đến vườn hoa hàng Đậu để thăm bác Vũ thị Hiền.

Hôm ấy, ngày kỷ niệm mười năm giải phóng thủ đô, vườn hoa được trang trí hàng nghìn bóng điện màu rực rỡ. Bác Hiền ngồi ở ban công lơ đãng nhìn cảnh đẹp

của vườn hoa, bác đang mong mỗi và chờ đợi Hưng về nhà. Vậy con trai bác đi đâu? Sau khi không thể sống nổi ở hợp tác xã, bác lại đi buôn bán nhỏ nhặt để kiếm ăn. Hưng nhiều lần phản đối mẹ không chấp hành chính sách cải tạo tiểu thương là sai với chính sách của đảng nhưng nếu không đi chợ kiếm tiền thì bố mẹ và em lấy gì ăn để sống? Mẹ xin con. Sợ gia đình cản bước tiến của mình. mặt khác Hưng cũng biết rằng, anh xin học nghề ở nhà máy cuối năm 1959 là một điều may, nếu đến năm 1960, bắt đầu xây dựng xã hội chủ nghĩa, thì không thể. Do vậy, Hưng xin vào tập thể nhà máy đã hơn một năm nay, rất ít khi về thăm bố mẹ. Bác Văn đang ốm nặng trên giường. Nga bỏ nhà đi đâu gần một tháng. Bác Hiền chờ mong con trai về để nói hoàn cảnh gia đình hiện tại, may ra nó thương bố mẹ chăng?

Tôi đến, bác Hiền buồn bã tiếp. Sau nửa giờ Hưng về nhà. Không chào hỏi ai, Hưng khoe với mẹ:

- Mẹ ơi, ngày mai con lên đường nhập ngũ.
- Bố con đang ốm, con hãy vào thăm bố – Bác Hiền vừa khóc, vừa nói.

Hưng bước vào nhà, bác Văn đang ngủ, nói mê lung tung:

- Hưng ơi, con bỏ bố mẹ à? Nga ơi, con đi đâu không về với bố?

Nghe lời nói mê của bố, Hưng hỏi mẹ:

- Mẹ ơi, Nga đi đâu?
- Không biết em con đi đâu từ tháng trước?

Hưng gọi bố:

- Bố ơi, con đã về đây, ngày mai con đi bộ đội – Gọi ba, bốn lần, bác Văn không tỉnh, Hưng ra chào mẹ rồi đi, mặc cho bác Hiền hết lời van xin con ở nhà đêm hôm ấy. Chưa hết cơn hờn giận với đứa con bội bạc thì sở công an đến bắt bác Văn và khám nhà. Trong lệnh bắt có đoạn viết: “... tập trung cải tạo phần tử có nguy hại cho cách mạng...”. Cũng may, khi ô tô đến trước cửa, tôi đã kịp xuống cầu thang và chuồn ra ngoài phố, nếu chậm thì rắc rối to.

* *

*

Tôi có một người bạn ở phố Nguyễn thiện Thuật, gọi là bạn nhưng không thân. Họ và tên anh ta là Lương cảm Nghệ. Trước ngày sáp nhập, Nghệ làm ở tổ hợp tác khoá dây xe đạp, anh có cặp mắt tinh nghịch và ngạo mạn. Lúc đi chơi, Nghệ thường mang theo một cặp da bóng lộn. Và tự xưng là nhà nghiên cứu triết học, văn học.

Nghệ ở với bố nuôi người Hoa, gia đình anh buôn gian bán lậu nên rất khá giả. Nhà ở rộng, một ngôi nhà bốn tầng, có lẽ được hưởng chính sách ưu đãi đối với người Hoa.

Nghệ ăn chơi phung phí, anh thường nói, ném tiền qua cửa sổ. Nghệ có một phòng riêng ở gác bốn, phòng rộng khoảng mười sáu mét vuông. Phía trước cửa phòng là một sân thượng hướng ra sông Hồng, bày nhiều chậu hoa, cây cảnh. Trong phòng kê một chiếc ghế ngựa chân quỳ khảm trai, một bộ salon tàu mặt đá, một tủ chùa. Đặc biệt là giá sách vài ba trăm quyển bao gồm những tác phẩm văn học có giá trị của Việt nam và sách dịch Đông tây kim cổ, nhiều sách của nhà xuất bản sự thật: tuyển tập Lénine, Tư bản luận của Marx... và các loại sách triết học, logique học. Trên tường treo hai cây đàn guitaire và Violon. Với gian phòng được trưng bày như vậy, bất cứ người khách lạ nào đến cũng tưởng anh là nhà nghiên cứu, đồng thời cũng là ước mơ của nhiều nhà trí thức đương thời. Sự thực Nghệ mới học hết lớp bảy, sách mua về thường anh chỉ đọc đầu đề, tên tác giả hoặc tìm đọc những đoạn văn hay, đàn anh cũng chẳng biết chơi. Nghệ cũng tìm thầy học được một số từ và câu Anh ngữ. Tất cả để phục vụ cho một quan điểm của anh: cuộc đời là sự bịp bợm. Ai đóng thành đạt Tartuffe thì người đó thực hiện được nhiều điều mãn nguyện. Sách và đàn coi như những đồ trang sức tô điểm con người anh thêm hào nhoáng. Có nhiều tiền nên Nghệ đã thành công về những mối tình trăng gió, chiếm được nhiều trái tim và thể xác của những cô gái nhẹ dạ, ham ăn diện. Thật trớ trêu, đến năm 1965, Nghệ trở thành sinh viên khoa Văn trường đại học tổng hợp, bằng tốt nghiệp cấp III anh mua với giá mười đồng. Cùng thời gian đó, gia đình anh bị khám xét, thu hết hàng lậu, vàng và tiền. Ông bố nuôi phải vào Hoả lò sáu tháng. Từ một chàng trai vung tiền qua cửa sổ, Nghệ trở thành một sinh viên nghèo, anh tu chí học hành và chi tiêu kham khổ trong số tiền học bổng.

Đối với bạn bè, anh phóng khoáng và cởi mở. Điều đáng trách là mỗi lần bạn đến chơi nhà, anh thao thao một hồi liên tục hết chuyện nọ đến chuyện kia, không để hở một cơ hội cho bạn than thở, tâm tình.

Một lần tôi đến nhà anh, thấy ảnh ông Hồ treo trên tường, tôi hỏi:

- Mày cũng treo ảnh này à?

Nghệ đi cài cửa rồi hỏi:

- Mày có biết tam cương không?

- Tao còn lạ gì.

- Tuyệt – Nghệ bắt đầu diễn thuyết – ông ấy hiện nay tương tự như vua, nên gọi là vua cũng được. Mặt khác, tao học được của ông ta nhiều về cách sống, như vậy là thầy. Ông ấy còn là cha già dân tộc, có nghĩa là cha tao. Tóm lại tao treo ảnh ông ta để thờ quân sư phụ. Cần lưu ý mày, tam cương ở đây tao đã thay quan hệ vợ chồng bằng quan hệ thầy trò. Mày phải tin tao, cuộc đời chỉ là sự bịp bợm mà thôi. Tao lấy nhân vật là quân sư phụ của tao để chứng minh. Dù muốn hay không, người miền Bắc phải gọi ông ta cái tên triu mến là bác. Là tông đồ của Marx và đưa con hiếu thảo của Lénine, ông ta nhất trí với Marx, chính trị là thủ đoạn. Và nói thêm: “để chiến thắng kẻ thù, chúng ta có thể áp dụng mọi thủ đoạn dù nham hiểm và tàn bạo nhất”. Nói một cách trần trụi, chính trị là sự bịp bợm. Về lĩnh vực này, ông ta vượt xa sư phụ, trở thành bậc thầy của Marx và Lénine. Cuộc đời ông ta là chặng đường quanh co, khúc khuỷu của những mảnh khóc bịp bợm nối tiếp nhau. Tao lấy một vài dẫn chứng điển hình: nhờ màn kịch nhà nước toàn dân năm 1945, ông ta đã lợi dụng được sự ủng hộ tối đa của dân tộc, lợi dụng được nhiều nhân tài, vật lực của kẻ thù. Nếu lúc đó, ông ta thẳng thắn tuyên bố, nhà nước của những người Cộng sản chống phong kiến, Tư bản, chống quốc dân đảng và các phe phái khác thì sự nghiệp của ông ta sẽ đi đến đâu? Và cuộc kháng chiến chống Pháp khó mà giành thắng lợi cuối cùng.

Năm 1954, nếu ông ta tuyên bố dùng công chức lưu dụng như vắt chanh hết nước rồi quẳng ra bãi rác, những người cộng tác với đối phương phải lần lượt vào trại tập trung cải tạo, hỏi những thành phần đó có dám ở lại miền Bắc hay không? Nói chung, mọi chủ trương, chính sách mà ông ta đưa ra đều áp dụng những thủ đoạn bịp bợm tương tự. Ông ta sớm tổng kết được những thủ đoạn xảo quyệt, những ngón bịp tinh vi, siêu hạng của phương Đông từ trước đến nay, từ đó ông ta sáng tạo ra một nghệ thuật lừa siêu việt. Kỳ quan thế giới còn có bảy, nhưng nghệ thuật lừa của ông ta lỗi lạc vô song chắc chắn phải được lưu danh thiên cổ.

Tao nhất trí với quan điểm “anh hùng sáng tạo ra thời thế”. Lối sống của một vị anh hùng giống như bác lừa sẽ sản sinh ra thời đại của những chú bìm bịp, xã hội biến thành một thị trường mua bán mặt cưa, mướp đắng trong bóng tối, lòng trung thực bị huỷ diệt. Ai không nhảy bén, không biết biến hoá thành những chú bịp, cứ giữ nguyên là con người lương thiện phải chịu khổ nhục. Tự chung, đối trá trở thành một cứu cánh, một cảm nang trong cuộc sống.

Đề thích nghi với thời đại mới, nhà văn hóa thành bồi bút, nhà báo bóp méo sự thật. Ông cán bộ đảng đứng trước đám dân đói rách, từ cổ họng tuôn ra hàng mớ lý thuyết tràng giang, đại hải về cái thiên đường trên cõi tục, về cuộc sống hoang đường của ngày mai. Ông thị trường sau bữa tiệc với những món sơn hào, hải vị, uống rượu Whisky, hút thuốc ba số, ông đi Volga đến đài phát thanh kêu gọi nhân dân thất lung, buộc bụng để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Người cảnh sát, tay cầm của rút, miệng nói làm theo lời bác: liêm khiết, chí công, vô tư. Người “đầy tớ trung thành” sống xa hoa trong các biệt thự sang trọng ra lệnh cho các “ông chủ” – đám dân đen – phải ép mình trong khuôn phép ngặt nghèo. Cô công nhân trẻ suy dinh dưỡng vẫn không quên vị trí của mình – làm chủ nhà máy. Bác nông dân dùng rau thay gạo vẫn thuộc lòng câu: chúng ta làm chủ ruộng đồng. Người dân thành thị ăn cơm gạo mụcodon xay với thức ăn rau luộc chấm nước mắm chín hào, cố nuốt cho trôi xuống dạ dày rồi hô to: chủ nghĩa xã hội muôn năm! Thầy giáo khoa xã hội, bụng lép kẹp, đang giảng bài cách mạng mang lại ấm no, hạnh phúc cho người lao động. Một thầy dạy văn quen và bảo tao:

- Quan niệm về cuộc đời của cậu bệnh hoạn quá!
- Cũng vừa phải thôi thầy ạ! – Tao trả lời và hỏi:
- Hiện nay chắc thầy đầy đủ lắm?
- Lấy đâu ra, khó khăn thiếu thốn là cái chung xã hội – Thầy trả lời.
- Tuyệt vời! Tại sao thầy lại giảng cho học sinh, cuộc sống hiện nay là ấm no và hạnh phúc?
- À, đó là nghề nghiệp phải làm để kiếm sống.
- Nếu thế, thầy hãy so sánh, tôi quan niệm cuộc đời là bịp bợm, còn thầy răn dạy sự dối trá, ai bệnh hoạn hơn ai?

Thầy im lặng, tao nói tiếp:

- Tôi bệnh hoạn, thầy bệnh hoạn, người khác bệnh hoạn. Trai trộm cướp, trấn lột, hiếp dâm; Gái làm tiền, lừa đảo; Kẻ có quyền tham ô, ăn hối lộ và lừa bịp... Tóm lại một xã hội bệnh hoạn. Một xã hội Chí phèo, người lớn sợ trẻ con, người ngay sợ kẻ gian, mình lừa mình, người bịp người tạo thành bản hòa tấu khổng lồ của thời đại “Bác” vĩ đại. Tao đã và đang học tập theo gương bác tuy nhiên sự lừa bịp của tao chẳng để tranh quyền, cướp của, giết người, mà chỉ tạo ra những cái bẫy đối với các em thôi. Trong lĩnh vực này, tao đã thành công rực rỡ. Thực chất mày là bậc thầy tao về kiến thức nhưng

chỉ dăm ba đứa biết. Ngược lại, bất cứ ai đến cái phòng này đều ngộ nhận tao là trí thức, là cán bộ nghiên cứu. Khi đó mày bị hạ bệ xuống là thằng cần vụ cho tao. Một cô gái bình thường mày có theo đuổi đến long đầu gối, tuôn ra hàng nghìn lời châu ngọc cũng chưa chắc nhận được của cô một nụ hôn. Còn tao, những đóa hoa mỹ lệ đang nở dưới ánh trăng tròn đến đây trong khoảnh khắc tao có toàn quyền hưởng lạc. Tao hơn hẳn mày về khoa nói phét, lại có tiền và những thứ trong phòng này đồng thanh tương ứng, lừa các em như trở bàn tay.

- Tuy vậy, lời nói của tao cộng với sự mát mắt về tiền của thì hiệu quả cao nhất cũng chỉ thoả mãn xác thịt với một em thôi. Khác với lời nói của bác có thể làm hàng vạn người bỏ mạng hoặc tan cửa nát nhà, hàng triệu người khốn đốn. Như thế sự bịp bợm của tao vẫn còn nhân tính.
- Tao và mày đối lập về nhân sinh quan nhưng chúng ta vẫn ngồi chung bàn trà, bàn tiệc. Còn “Bác” có máu Thương quân, theo Pháp gia của Hàn phi Tử, ai khác chính kiến “Bác” ra lệnh thủ tiêu hoặc bỏ tù. Bầy tôi của “Bác” một số có học vấn, còn lại là những Dizma, những Đông quách tiên sinh. Do vậy “Bác” có toàn quyền thực thi máu Thương quân. Sau này, nếu miền Nam vào tay Cộng sản thì tính cách và máu Thương quân của “Bác” đóng vai trò quyết định.
- Lời tuyên bố “làm Hà nội trong sáng như pha lê” của “Bác”, tao là người ngoài cuộc, còn mày là mục tiêu bị tấn công. Nếu trời phù hộ “Bác” để lời nói trên trở thành hiện thực thì phải có vài chục vạn người Hà nội là hàng xóm của các dân tộc ít người. Người “Bác” cho ở lại thủ đô là người đỏ hay ít ra cũng có cảm tình với đỏ. Người “Bác” tổng đi là đám dân đen bao gồm các thành phần tư sản, nguy quân, nguy quyền, theo đạo thiên chúa... và những người thợ thủ công, những người buôn thúng, bán mẹt kiếm ăn lần hồi từng bữa. Cái gọi là “nhân dân lao động” không phải bác kéo xe ba gác, bác đập xích lô hay chú bán kem rong. “Nhân dân lao động” là những người được dán nhãn hiệu đỏ, trong đó có những tên chỉ bầy mưu tính kế hành hạ, đoạ đầy con người, những tên cai ngục, những ông giám đốc béo phệ, những bà cửa hàng trưởng to như thùng phuy chứa mỡ, những con cá ngầm khoác áo dân thường lẫn vào đám đông, các rạp chiếu bóng, các câu lạc bộ, các thư viện, các công viên, các cửa hàng ăn, các quán cà phê giải khát... Chúng chui rúc vào ngõ ngách các xóm tiêu điều, xơ xác để nghe ngóng từng hơi thở của con

người. Tiếng thờ dài cũng là mối của cá. Bởi vì buồn chán cũng là một tội của thời đại “Bác”.

- Người dân trong thời đại này một cổ nhiều trùng. Một đêm vắng nhà không trình báo bị gọi lên đồn nghe lời cảnh cáo, một buổi bỏ quên hộp tổ dân phố bị ban đại biểu đến nhà dọa dẫm. Bà tổ trưởng dân phố không ưng dễ sinh tai biến, ông công an hộ tịch ghét dễ bị khoá tay đưa đi cải tạo. Cô nhân viên cửa hàng lương thực méch lòng thì suốt năm ăn gạo mục:

Phen này quyết vào ngành thương nghiệp

Vừa chửi vừa cầm cũng đất hàng

- Là công nhân, nếu không chiều chuộng, cung phụng tổ trưởng sản xuất thì bao giờ mới được lên lương. Gặp giám đốc nếu quên chào một vài lần, cái chắc không thể nào góc đầu lên được.
- Ma quỷ làm người yếu bóng vía mất tinh thần nhưng bác cười lên đầu ma quỷ ai mà chẳng sợ! Nhất là tội không nghe theo đảng đến ma quỷ cũng phải hoảng hồn. Chuyện kể rằng, ở một nghĩa địa nọ lũ ma quỷ đang tụ tập đông vui, đến một mùa thu năm ấy bỗng xuất hiện một con quỷ đỏ, nghĩa là thân thể, mặt mũi, tay chân đều đỏ. Quỷ đội mũ vàng, vành mũ xoà ra năm cánh. Áo của quỷ cũng màu đỏ, trên ngực thêu hình búa liềm cũng màu vàng. Quỷ đỏ lên tiếng quát:
 - Từ nay, bọn mày phải về địa ngục.
 - Ngài là ai mà dám ra lệnh ghê gớm thế? – Ma quỷ đồng thanh hỏi.
 - Tao mang pháp luật ở bên tây về thống trị vùng này.
 - Pháp luật của tây, bọn tôi không sợ – Ma quỷ la ó – thằng tây chỉ ức hiếp được đám dân đen, có dám động đến quỷ thần đâu?
 - Chúng mày im đi để tao nói đã. Tao học được pháp thuật thần thông quảng đại, biến hoá khôn lường trước hết chống bọn mũi lõ, mắt xanh xâm lược.
 - Sư phụ của ngài giỏi bằng tổ sư Bò đề dạy Mĩ hầu vương không? – Ma quỷ hỏi.
 - Gấp hàng trăm lần, học trò của sư phụ tao rồi đây sẽ thống trị toàn thế giới.
 - Quý danh của ngài là gì xin cho biết – Một con quỷ hỏi.
 - Tao nhiều tên lắm, tụi bay không cần biết. Bọn dân đen sẽ phải gọi tao là bác.
 - Ngài làm được gì mà bắt người ta tôn trọng thế? – Ma quỷ nhao nhao hỏi.

- Rồi đây tội bay sẽ biết. Chữ bác còn có ý nghĩa sâu xa mà tội bay không hiểu nổi.
- Ngài nói đi cho chúng tôi biết với – Bọn ma quỷ đề nghị.
- Máu + ác = bác – Quỷ đồ giải thích.
- Không đúng, không đúng, tổng số phải là cái gì khủng khiếp chứ không thể thành bác được?
- Tội bay vô học ngu lắm. Về hoá học có thể coi đây là hợp chất của hai nguyên tố độc hại như muối ăn chẳng hạn. Còn nghĩa khác là máu tượng trưng cho màu sắc của tao, B là phụ âm đầu của blood, tiếng anh là máu. Do vậy, B + ác = bác có đúng không?
- Đúng lắm, đúng lắm – Lũ ma quỷ vỗ tay tán thưởng.
- Chưa hết – Quỷ đồ tiếp – B còn là phụ âm đầu chủ nghĩa của sự phụ tao. Bọn tư sản phương Tây chống sự phụ tao bằng bốn chữ B.
- Như thế nào xin ngài cho biết với – Bọn ma quỷ hỏi.
- Chống bốn chữ B là: Bolshevism is bloodthirsty, brutal and barbarous (chủ nghĩa Bôn sê vích khát máu, dã man và tàn bạo) – Quỷ đồ trả lời – còn ở vùng này sẽ có những đứa dân đen chống tao bằng năm chữ B.
- Ngài có làm ruộng đâu mà thù hình chiếc liềm trên ngực? – Một con ma hỏi.
- Liềm để gặt cuộc đời bọn dân đen dám chống lại tao.
- Còn búa?
- Búa để đập phá tất cả, trong đó có miếu thờ tội bay, chùa chiền, nhà thờ để thờ Phật và thần thánh.
- Ngài độc tài thế, không cho chúng tôi chung sống được à?
- Tao không độc tài mà chuyên chính. Mặt khác phép thuật của sự phụ tao là chủ nghĩa vô thần, phủ định sự tồn tại của tội bay và thần thánh. Có thể mới lừa và thống trị được bọn dân đen. Bây giờ tội bay mau mau về địa ngục.

Nghe quỷ đồ nói, lũ ma nhút nhát vội bỏ đi ngay, còn mấy con quỷ cứng đầu, cứng cổ, bán tín, bán nghi chần chừ ở lại. Chúng thấy quỷ đồ biến thành một ông thánh sống tuôn ra những lời như nhả ngọc phun châu, dưới có bọn đồ đệ khắp miền tiền hô, hậu ủng, đám dân đen rầm rập phục tùng và kính nể. Cùng nhau nổi dậy đuổi mấy thằng tây về nước. Họ gọi thánh sống vừa là “Bác”, vừa là cha già. Lúc này thánh

sống mới vung liềm ra gặt hái, bội thu nhất là vụ cải cách ruộng đất. Vung búa ra đập phá, trước hết là nền văn hiến và đạo đức.

Sợ quá, bọn quỷ còn lại trên nghĩa địa vội cuốn gói về quê quán nhưng địa ngục đã chận ních những hồn ma mới. Chúng đang than khóc và an ủi nhau, nơi đây còn ít cực hình hơn cõi thế.

Thật vậy, nếu “Bác” bảo chú ngựa có ba chân, đổ đũa nào dám cả gan cãi lại! Những người mắc bệnh Dương tu được đưa vào bệnh viện Hoả lò điều trị. Không kể năm tháng, các bác sĩ và hộ lý ở đây tận tình cứu chữa bệnh nhân. Ai mắc bệnh nặng được đưa đi bệnh viện đặc biệt chữa khỏi hoàn toàn với thời gian rất ngắn, nghĩa là...

Thôi chết rồi, tao dẫn mày đi lung tung quá! Mày thông cảm, tuy tao nói lộn xộn chẳng có chủ đề gì nhưng đều là những hiện tượng có thật của thời đại “Bác”. Tại sao mày cứ sống thật thà để chịu khổ mãi? Cuộc đời ngắn ngủi như một giấc mơ, mày hãy bỏ cái nhân cách của mình, coi tao như một người anh em chí thiết; Trước hết tao sẽ giúp mày biết cái lạc thú mê mê, đừng có sĩ diện hão huyền mà từ chối. Biết đâu, ngày mai cuộc đời mày sẽ kết thúc bởi một trái tim oan nghiệt lúc đó linh hồn mày sẽ hối tiếc và căm giận những vòng hoa trắng! Mày và thằng Khoa nữa lạc lõng với sự đời như Donquichotte, không thức thời bằng các cô gái, xem ra các em hiểu hiện sinh hơn chúng mày nhiều.

Chính chuyên chết cũng ra ma

Lẳng lơ chết cũng đưa ra ngoài đồng.

Các em không oán giận gì tao, còn cho rằng sự lừa bịp của tao dễ chịu, nếu không nói là một hiện sinh kỳ diệu. Các em còn tôn xưng tao là đồ đệ của jean paul santre. Việc gì phải bắt chước Khuất nguyên lấy cái nhân cách soi xã hội để ôm hận vào lòng. Mày phải nhớ rằng, “Bác” chôn vùi cái ngũ thường đã từ lâu, phải chăng chỉ còn lại chữ tin tuyệt đối dành cho đảng?....

Trung tuần tháng 11 – 1964, tôi đến nhà Nghệ, anh khoe cách đây hơn một tháng xảy ra một chuyện thương tâm. Nghệ kể:

- Đêm đã khuya, tao sắp đi ngủ thì anh ở số nhà bên sang nói với tao, có một bông hoa đẹp mê hồn nhưng hơi xua một chút, cậu có dùng không? Anh chỉ lấy giá hữu nghị thôi.
- Anh nhặt được ở đâu? – Tao hỏi.
- Lúc này, cô ấy dắt thằng con đến trước cửa nhà anh ngồi, có lẽ định ngủ nhờ ở đó. Anh toan đuổi đi nhưng khi nhìn thấy mặt, nhận thức ngay rằng một con

mời hay đây. Thế là anh bảo Dung (em gái) gọi cô ấy vào nhà cho ngủ nhờ để biến thành một món hàng kiếm chác thêm chút ít. Bây giờ cậu xuống mà xem.

Tao lẽo đẽo theo anh hàng xóm về nhà. Nhìn cô ta phải đến gần ba chục tuổi, đẹp ời là đẹp. Khi còn trẻ, nếu thi sắc đẹp, cô ta phải chiếm vương miện hoa hậu chứ chẳng chơi. Tao nghĩ, tuy có đẹp nhưng tội gì mình phải chơi đồ cổ.

Tao lắc đầu, bỏ ra về.

Sáng hôm sau, anh hàng xóm gặp tao kể lại:

- Sau khi cậu không ưng, anh tìm được khách xộp, thoả thuận năm mươi đồng cả đêm. Lão già vớ được con mồi này còn say mê hơn mèo thấy mỡ. Chẳng nói, chẳng rằng lão xô vào cô ta như nuốt sống ăn tươi nhưng lão vô duyên quá, bị cô ta chống trả quyết liệt, chẳng xơ múi, còn bị ngã sung vêu cả đầu. Mất ăn, anh bực quá giơ thẻ đỏ đưa cô ta về khu với tội gái mại dâm bị bắt quả tang, đầu tóc, quần áo còn rối tung, xộc xệch làm bằng chứng. Thằng con của cô ta sợ quá chạy ra đường phố.
- Anh hàng xóm là cá ngằm à? – Tôi hỏi.
- Chứ còn gì nữa! Tay cá ngằm nói thêm, đưa cô ta lên khu, lại có một trung úy người cùng quê. Cô ta còn mắc tội giả mạo giấy tờ, man khai họ, tên và địa chỉ quê quán để cư trú bất hợp pháp ở Hà nội.

Nghe Nghệ nói, tôi giật mình sửng sốt. Chị Bích Hằng lại chịu một tai hoạ mới. Tôi nói:

- Con người chịu nhiều đau thương, tủ nhục ấy cùng làm với tao trước ngày sắp nhập hợp tác xã.
- Thế thì muộn rồi, nếu biết trước tao giải thoát cho chị ấy như chơi. Tay cá ngằm này hung ác, nham hiểm với người khác, còn với tao hăn ngoan ngoãn như một con cừu. Rất tiếc là chị ấy không có tiền hoặc tài sản gì để chịu tội thay người. Nghệ ngheu ngao:

Trong tay sẵn có quyền, tiền

Dù lòng đôi trắng thay đen khó gì?

* *

*

Giữa tháng 12 năm ấy, tôi và Khoa sang Dốc lã đào đất, họ xây kho ngầm để tránh máy bay Mỹ oanh tạc, mỗi ngày công được một đồng sáu hào. Ban ngày làm việc, ban đêm chui vào nhà kho ngủ, dầu đèn chẳng có. Nơi đó hẻo lánh muốn uống chén trà cũng khó. Sau một tuần, chúng tôi bỏ về, đi nhờ ô tô tải đến phố Nguyễn Thiệp uống trà. Và sau đó tôi rủ Khoa về chùa Đức vua ngủ. Đầu phố Nguyễn Thiệp giao nhau với phố Nguyễn trung trực là bậc lên bến Nứa, phía trên có một cô gái gọi:

- Các anh ơi, đi chơi với em!

Nhác trông qua ánh điện lò mờ, tôi thấy cô gái còn rất trẻ và hình như tôi đã gặp một lần. Khoa ghé vào tai tôi nói nhỏ:

- Gái làm tiền đây!
- Phải rồi nhưng tao thấy quen quen.
- Mà thích à?
- Thì có sao, gỗ đá đâu, ai mà chẳng thích?

Nghe tôi trả lời, Khoa tỏ vẻ bức mình, quay về phố Nguyễn thái Học. Tôi bước lên bậc đến gần cô gái, người tôi bỗng run lên, phải chăng con người của thú tính trong tôi đã vùng lên và chiến thắng?

- Năm đồng nếu máu thì chi ngay – Cô gái nói.

Trong túi tôi cũng còn vừa đủ năm đồng, tôi lấy tiền đưa cho cô gái.

- Anh đưa em về nhà là an toàn hơn cả – Cô gái nói tiếp, sau khi bỏ tiền vào túi đất cạp quần.

Nhìn lại cô gái, tôi chợt nhớ ra và bật kêu lên:

- Em là Nga, con bác Hiền phải không?
- Sao anh biết? – Cô gái hỏi, vẻ hoảng hốt.
- Xưa kia anh cùng làm với mẹ em ở phố hàng Buồm. Một lần anh đến thăm nhà thấy ảnh em treo trên tường.
- Anh ranh mãnh đấy, nhìn ảnh mà nhận ra người.

Dẫn Nga đến bờ đá trước cổng chùa Đức vua, tôi hỏi:

- Nga có biết gia đình em mới đây thế nào không?
- Biết cả rồi, thương mẹ, em đã về nhà.
- Tại sao em phải kiếm tiền bằng...

- Thôi, thôi ông anh ạ – Nga nói cướp lời – việc gì phải tò mò thế? Đơn giản đêm nay em là vợ của anh.
- Nga đừng nói thế, thành thực anh rất thương bố mẹ em và cả em nữa nên anh muốn biết.
- Thôi được, anh quan tâm đến gia đình em, em xin nói. Năm nay em mười bảy tuổi. Xuất thân từ một gia đình giáo học, em cũng biết mình phải làm gì để khỏi nhục đến bố mẹ. Nhưng xã hội không đơn giản như ý nghĩ của mình, hoàn cảnh gia đình em như anh đã biết, bố ở nhà, anh Hưng vào tập thể nhà máy rồi đi bộ đội, một mình mẹ em chạy chợ trong lúc họ đang ngăn cấm thì nuôi sao nổi được cả nhà? Do vậy, bằng mọi cách em phải tìm việc để làm. Đầu năm em gặp một người là bí thư đoàn thanh niên lao động của một nhà máy. Anh ta nói:
 - Anh có uy tín với cơ quan nên xin việc cho em chẳng khó khăn gì nếu em là người yêu của anh.

Em nghĩ, kinh tế gia đình em đang cùng quẫn, cần phải có việc làm ngay để kiếm sống. Nhìn anh ta cũng được, hơn em khoảng gần chục tuổi, em đã nhận lời yêu. Thời buổi này, khi đã yêu phải trao thề xác. Thực tế, em đã làm vợ hắn gần hai tháng. Sau khi thỏa mãn về tình dục, hắn lật lọng:

- Bố em là công chức lưu dụng, nhà máy không nhận. Từ nay anh không dám yêu em nữa.

Về sau em mới biết, hắn đã có vợ con. Ai cũng nói đẹp nhất là mối tình đầu, đối với em sao lại tàn nhẫn, ghê tởm thế? Vì nôn nóng có việc làm dẫn đến một mối tình vội vàng, lừa đảo. Khi trình tiết đã bị người ta lừa dối cướp đi thì tâm hồn em còn gì là trong trắng nữa. Em coi cuộc đời là tội lỗi, xấu xa.

Kế đó, bạn học em có người nhà là trưởng phòng tổ chức một công ty. Nó dẫn em đến nhà ông ta để xin việc. Ông ta ở một mình một phòng, vợ con ở quê. Ông ta nói:

- Cháu làm hồ sơ, chú sẽ giúp.

Vài ngày sau, em mang giấy tờ đến, bạn em bận không đi cùng. Ông ta vui vẻ trả lời:

- Có thể tuần sau cháu sẽ đi làm.

- Được chú giúp đỡ, cháu sẽ suốt đời mang ơn chú – Em vui mừng quá, nói giọng nghẹn ngào.

Sau đó, ông ta đi đóng cửa lại và nói:

- Chú chẳng cần mang ơn mang huệ. Bây giờ cháu cho chú cái gì chứ?

Em ngơ ngác trả lời:

- Nhà cháu nghèo lắm, chú thông cảm.
- Không phải tiền của đâu mà cháu ấy chứ.

Em hiểu ý và thoáng nghĩ, cũng liềm nhắm mắt...

Em liền gật đầu. Tuổi đã ngoài tứ tuần, xem ra hấn còn máu mê gái lắm. Một giờ hấn diễn hai hiệp, hùng hực như trâu húc mả.

Tuần sau em đến nghe kết quả, hấn trả lời:

- Bố cháu là công chức lưu dụng, ai dám nhận.

Thôi cũng đành, em nói với hấn:

- Chưa chi đã vội ăn hối lộ, chú phải trả tiền.
- Bao nhiêu? Hấn hỏi.
- Cứ mỗi lần một chục.

Nghe bạn em nói, thằng cha này Grandet với vợ con lắm nhưng với em thì ngược lại. Không một giây lưỡng lự, hấn đưa em ba chục và tiếp một lần nữa. Sau đó, hấn cho em ăn bánh bích quy và uống Sirô đá. Mới có hơn nửa giờ mà hấn đã lên cơn sốt khác, mặt hấn hau háu nhìn em. Em giả vờ về, hấn kéo em lại, nói:

- Ngồi chơi đã, về làm gì vội?
- Cứ sòng phẳng là xong bég – Em nói.

Hấn đưa tiếp cho em một tờ đỏ và nói:

- Đến giường nằm đã, vội quá mất hay.

Em lên giường nằm khểnh, giả vờ ngủ. Hấn đến nằm bên cạnh, mắt nhắm lại mơ màng gì đó? Em nghĩ, con quỷ dâm dục này muốn kéo dài thời gian để cơn sốt bốc lên cao mà tận hưởng đây. Em liền giục:

- Làm cho xong để còn về chứ!

Hấn ngoan ngoãn phục tùng. Xem ra, hấn còn say đòn lắm, khi em về, hấn hẹn hãy đến chơi luôn. Đang thiếu tiền như cây phơi dưới nắng hạn cần mưa, em đến với hấn liên tục. Thế mà cơn sốt của hấn chẳng hạ xuống chút nào, có lẽ hấn đã nghiện gái

như người nghiện phiện. Cũng lạ, sao hần nhiều tiền thế? Có lẽ hần ăn hối lộ hoặc tham ô, hơn nửa tháng chiến đấu không ngừng, hần vẫn có tiền chi đều đặn. Chẳng những thế, hần vẫn tỏ ra dẻo dai, bền bỉ, tính chiến đấu lại càng quyết liệt hơn.

Rồi một hôm, hần đi vắng. Nhà hần có một mụ đầu vắn khăn, răng đen, mặc áo nâu, quần vải đen, da cháy nắng, già hơn hần nhiều. Chắc đây là vợ hần, làm em chột dạ. Em nghĩ, vợ thế này, lại nhiều tiền, chết với gái là đáng lắm.

Mụ sấn sổ đến, nắm tay em, hỏi:

- Cháu hỏi ai?
- Cháu... cháu đến – Em đang áp ứng thì mụ quát phủ đầu:
- Thôi đúng rồi, mày đến quyến rũ chồng bà.

Bất ngờ em hất mạnh tay làm mụ ngã và em bỏ chạy. Nghe đâu mụ đến cơ quan chồng rêu rao om xòm, làm thằng cha trưởng phòng này bị một phen kiểm điểm vỡ mày, vỡ mặt. Đây là giai đoạn cái mở đầu mà anh muốn hỏi.

Ngừng vài giây, Nga hào hứng kể tiếp:

- Anh ạ, xã hội hiện nay chán vạn điều xấu xa bỉ ổi. Nghề của em tuy mất nhân phẩm, ảnh hưởng đến thanh danh của gia đình nhưng thuận mua, vừa bán chẳng làm hại ai, còn tốt hơn nhiều lần việc làm của bọn tai to, mặt lớn. Anh có thể tin rằng, đồng tiền của gái mại dâm còn bị trần lột không? Điều đó lại là sự thật, em kể cho anh nghe nhé. Tối hôm ấy, trên đường Cổ ngư, một thằng nhãi ranh, ít tuổi hơn em, cứ lằng nhằng theo sau hàng giờ và nói:
- Em ơi, anh chỉ có hai đồng thôi, cho anh chơi nhé, cùng là tuổi trẻ nên hữu nghị với nhau chứ?
- Em nghĩ, nếu không cắt cái đuôi này khó mà làm ăn được. Em ra lệnh:
- Đưa tiền đây, hai đồng chỉ được chơi dựa cây vài phút thôi đấy nhé!
- Nhất trí – Nó ngoan ngoãn phục tùng.

Của đáng tội, chú tân binh chưa tập sự lần nào, chẳng đâu vào đâu, mục tiêu không bắn, vội vã nhả đạn vung vãi ra ngoài. Thương hại chú ngựa non háu đá chẳng nên trò trống gì, em trả lại tiền và bảo:

- Đây, trả lại tiền cậu ấm, chị ái ngại cho chú quá.

Tiền đầu bất lợi, em chán nên bỏ về. Giữa đường thấy một chiếc Volga dừng lại, một lão già trong xe ra. Lão ngoài năm mươi tuổi, mặt phương phi, người to béo, diện

bộ complet đen. Em thoáng nghĩ, cốp đây, chài được lão này mới bầm. Em đi sát vào lão và hỏi:

- Bác già có máu không?

Tức khắc lão vỗ vai em, hỏi:

- Chơi chứ, bao nhiêu?
- Năm chục một lần.
- Được – Hấn nói nhỏ – nhà tôi ở gần đây, vào im lặng nhé.

Lão dẫn em vào, nhà lão là biệt thự hai tầng, có nhiều phòng. Thấy động, có tiếng đàn bà hỏi:

- Anh về đấy à?
- Phải – Lão trả lời – Anh khoá cổng cho, em không phải dậy nữa.

Lão dẫn em vào phòng làm việc, chỉ có bàn ghế, mấy tấm thảm và một tủ hồ sơ to. Lão bật đèn ống sáng trung. Em cứ tưởng lão cũng hùng hục như thằng cha trưởng phòng bữa nọ, nhưng cách chơi của lão rất tân kỳ. Lão lột hết quần áo em, xoay ngược, xoay xuôi đủ mọi trò. Không phải “vành trong tám nghè” mà đến mấy chục kiểu. Có lẽ lão uống thuốc hãm nên cái ấy của lão cứ trơ trơ hàng giờ. Tưởng được món hời, béo bở, không ngờ thành cuộc tra tấn làm em phát sợ. Chắc thấy lâu không đi ngủ, vợ lão gọi, tiếng nói nghe còn trẻ và có vẻ nũng nịu:

- Anh làm gì mà thức khuya thế?
- Em ngủ trước đi, anh còn phải duyệt lại bản báo cáo để ngày mai đến văn phòng bộ.

Đến lúc đó, có lẽ thấy không an toàn, lão mới tháo còng.

Cám ơn bà chủ nhé – em thăm nhủ – nếu không thì còn khổ với lão. Ra cổng, lão đưa tiền cho em và dặn:

- Thịnh thoảng đến chơi nhé, nếu có ai hỏi thì nói là mới vào làm cơ quan tôi.
- Nếu hôm nay bà xã đòi vào thì bác đối phó thế nào? – Em hỏi.
- Không lo, một ngăn tủ bỏ trống, em mang cả quần áo, dép vào đó, tôi khoá lại là yên tâm.

Trên đường về em ngẫm nghĩ, lão già này chơi gái trẻ nhiều rồi. Chẳng những thế, để tăng thêm phần lạc thú, lão còn đọc nhiều truyện dâm ô, trác táng như vụ án phố Paris chẳng hạn để học tập cách chơi kiểu mới.

Anh thấy những người như khuôn vàng, thước ngọc của chế độ hành động tuyệt vời chưa?

Theo đường Phan đình Phùng về nhà, em tập từng mừng thầm tối nay chài được khách xộp. Từ hàng Bún đi ra, một trung úy công an, gã hỏi:

- Mày đi làm tiền phải không?
- Anh đừng bịa đặt, tôi từ nhà bạn về – Em bình tĩnh trả lời.
- Bây giờ gần một giờ đêm – Gã xem đồng hồ, nói – nhà bạn ở đâu dẫn tao đến? Nếu không mày phải về đồn.

Em định bỏ chạy nhưng sao thoát được nên cứ lùi thui đi theo gã. Bụng nghĩ, gã sẽ giam mình tại đồn hàng Đậu. Có thể gã lập hồ sơ cho mình đi tập trung cải tạo cũng nên, chân tay em rụng rời mấy lần suýt ngã. May quá, đến đầu phố hàng Đậu, gã bảo em rẽ. Em thở phào nhẹ nhõm vì đoán chắc rằng thằng cha này cũng muốn tí đây. Phải hối lộ cho gã một vài lần mà thoát nạn thì may chán. Gã đưa em về nhà ở quá rạp Đại đồng. Gã sống một mình. Có lẽ gã sợ hàng xóm biết nên gã bảo em im lặng nghe theo gã, gã sẽ tha. Vào trong nhà, gã chốt cửa lại, chỉ bật một ngọn đèn ngủ màu đỏ lơ mờ. Hường lạc xong, gã lại dẫn em ra đường, đến trước rạp Đại đồng, gã ra lệnh:

- Có bao nhiêu tiền mày phải đưa cả đây?
- Anh chơi gái không mất tiền còn đòi gì nữa? – Em nói
- Mày vừa làm tiền với đứa khác, nếu không đưa, tao sẽ dẫn mày về đồn.
- Anh đừng vu khống, chỉ có anh chơi tôi thôi.
- Vừa chơi mày trong môi trường toan, tao còn lạ gì. Nếu trước tao, mày chưa làm tiền với ai, phải trong cái môi trường kiểm. Tao biết, đêm nay mày đã gặp một con quỷ dâm dục hoặc nhiều thằng rồi nên mới thế.

Em thoáng nghĩ, thằng cha này ranh ma thật. Em cũng lên gân dọa gã:

- Nếu đưa về đồn, tôi tố cáo anh.
- Mày phải biết, tao là đồn trưởng. Mày tố cáo có trời nghe. Tao vẫn tịch thu hết tiền và lập hồ sơ đưa mày đi cải tạo.

Em thâm nhủ, gã nói có lý, thôi để của đi thay người vậy. Em rút hết tiền đưa cho gã và vội vã về nhà. Anh thấy hành động của tên công an này ghê tởm đến mức nào chưa? Không biết các truyện Đông, Tây kim cổ có nhân vật nào ngang tầm với gã...

Nga kể lại, vẻ thản nhiên, không một chút e thẹn, ngượng ngùng. Giống như đài phát thanh đọc truyện đêm khuya, diễn cảm rất tốt làm tôi rợn người ghê sợ. Không còn cách nào cứu nổi tâm hồn tội lỗi này, tôi buồn bã nói:

- Em còn trẻ làm lại cuộc đời chưa muộn.
- Cảm ơn anh, đời em bị xã hội dồn vào ngõ cụt, thôi cũng đáng để trôi theo dòng nước đục. Đêm đã khuya, em không trả lại tiền anh đâu. Nhìn mặt em biết, anh còn trong trắng lắm. Hãy tìm nơi nào đó, cùng em hưởng chút mùi đời. Em thích công bằng và sòng phẳng.

Đau lòng chưa, Nga coi tấm thân mình như một món hàng để mua bán, cho thuê? Tôi ngần ngại nói:

- Em nói chuyện với anh như thế đã là sòng phẳng. Nếu còn tiền, anh phải chi thêm cho em mới là lẽ công bằng. Chúc em về nhà ngủ ngon.

Trên đường về, Nga còn nói với lại:

- Anh đừng hối tiếc nhé!

Tôi về dốc hàng Than, sắp bước xuống bậc vào chùa, trước mặt tôi, một xếp tiền loại giấy năm đồng gọn ghẽ.

Tôi nhặt tiền bỏ vào túi, ngẫm nghĩ, trời cho tiền mình tiêu tết đây. Nga đang đi xuống dốc, tôi toan gọi lại để cho Nga một nửa nhưng từ phố Nguyễn Khắc Nhu một bà già đã đến gần, tay xách đèn bão, mắt nhìn xuống đường, vừa đi vừa rên rĩ:

- Con ơi, mẹ làm mất hết tiền rồi.
- Bà mất bao nhiêu ạ? – Tôi hỏi.
- Hỏi gì, mày xéo đi – Bà già nổi giận.
- Cháu hỏi bà để cháu biết, cháu sẽ tìm cho.
- Nếu anh nhặt được cho tôi xin lại – Bà già đổi giọng ôn tồn – tôi mất loại tiền năm đồng, hai mươi năm tờ.
- Cháu vừa nhặt được xin trả lại bà.

Bà già run lập cập, cầm tiền đếm lại. Bà nói:

- Đủ rồi, tôi cảm ơn anh, biếu anh mười đồng.
- Thừa bà, cháu không lấy!
- Ô hay, anh này tốt bụng quá mà lại chê tiền à?
- Thừa bà, cháu rất nghèo, rất cần tiền nhưng không có lòng tham.

Bà già sung sướng quay về, bà đi nhanh như cô gái trẻ.

Năm ngày sau, tôi nhận được thư của Nga.

Ngày 27 – 12 – 1964.

Anh Tâm thân! Em nói với mẹ là tình cờ gặp anh ở phố. Nghe mẹ kể, em mới biết họ, tên và địa chỉ của anh. Mẹ khen anh nhiều lắm. Mẹ còn nói, khi xưa trong tổ hợp tác, nhiều người gán ghép anh là con rể của mẹ, chính mẹ cũng ước mong như thế. Nếu sự đời chiều theo ý nghĩ đó đã mang lại cho anh một vết thương lòng, một vết nhơ – Người yêu anh đã trở thành gái làm tiền ô nhục.

Anh Tâm! Sau khi gặp anh, ba ngày em không đi đâu cả, hồi tưởng quá khứ xót xa, ghê tởm và oán trách thân phận mình đã bước vào con đường tội lỗi. Trong lúc ngồi biên thư cho anh, em dám nói, con người của tuổi thơ, trong trắng đã sống lại trong em. Trước những hành động khác thường có một không hai của anh, trên đường về và đêm hôm ấy cũng như hiện nay em đặt nhiều câu hỏi: anh chê em hay lương tâm đã chiến thắng thú tính trong anh? Một chàng trai khoẻ mạnh, có thể chưa ném mùi đời, ngồi bên đứa con gái trẻ đã thoả thuận trao thể xác mình, tại sao anh bỏ qua dễ dàng như vậy? Em hiểu, đó là tình thương và lòng cao thượng. Đáng tiếc những cử chỉ cao đẹp ấy quá nhỏ bé trong xã hội rộng lớn bao la, chồng chất những xấu xa, tội ác, không thể cứu vớt những người như em thoát khỏi kiếp phong trần.

Qua mẹ kể lại, em biết đời anh khổ lắm. Ngoài những đau thương mất cha, mất mẹ, anh phải trải qua muôn vàn nỗi gian nan, tủi nhục. Thế mà tâm hồn anh vẫn trong sáng, thuỷ chung. Bị trôi nổi giữa dòng đời nhơ bẩn, anh vẫn sạch, giống như một bông hoa vẫn toả hương thơm. Còn em thì hoàn toàn ngược lại. Em không đủ nghị lực và lòng dũng cảm để cuộc đời chìm đắm trong tội lỗi. Thôi, thế là hết rồi anh ạ, cũng một kiếp người. Gửi anh lời chào vĩnh biệt.

Tôi đang đọc thư của Nga thì Khoa đến, anh nói:

- Tối hôm nọ, tao rất bất bình. Về nhà, tao nghĩ lại, cái đẹp nhất của tuổi trẻ là tình yêu, mà đã bị dập vùi, có lẽ chỉ dám yêu thầm lặng – một tình yêu đơn phương thì cay đắng lắm, tao thông cảm với mày.

Tôi đưa thư của Nga cho Khoa đọc. Đọc xong, Khoa siết chặt tay tôi và hỏi:

- Con gái bác Hiền phải không?
- Đúng!
- Mày có nói với bác ấy không?

- Không nên, nếu nói lúc này là làm điều ác.
- Một tâm hồn trẻ thơ bước vào vòng tội lỗi – Khoa than thở.

* *

*

Gần năm năm sống trong chùa, nghe tiếng chuông ngân, hưởng mùi hương hoa ngào ngạt, tâm hồn tôi nhẹ nhàng, dễ chịu, Nơi cửa thiền tịch mịch đã xua đi vội mùi ngọt ngào của cái gọi là đấu tranh giai cấp. Vì lẽ đó chế độ Cộng sản không muốn để một tôn giáo nào tồn tại ngoài tín ngưỡng vô thần. Nếu chủ nghĩa CS chiến thắng trên phạm vi toàn thế giới, chắc chắn nhà thờ, chùa chiền bị san bằng, thay vào đó là những tượng đài hai “đức chúa” Marx và Lénine. Nhân loại sẽ phải thờ hai “đức chúa” này. và mỗi nước thờ một ông “thánh sống”, chẳng hạn Việt nam thờ “thánh” Hồ chí Minh, Trung quốc thờ “thánh” Mao trạch Đông, Cuba... Fidel Castor, Triều tiên... Kim nhật Thành.

Trong chùa có một cô gái là Lê minh Nguyệt. Em ở với bà bác ngoại. Dáng em thanh nhã, hơi gầy, khuôn mặt trái xoan. Và đặc biệt là cặp mắt em mơ màng, xanh thẳm như lai người da trắng. Thời gian đầu tôi đến, bà Nguyệt nhờ tôi dạy học thêm cho em. Bà bắt Nguyệt phải gọi tôi là cậu và xưng là cháu. Ba năm làm gia sư cho Nguyệt không công, tự nguyện, tôi cảm thấy lòng mình thanh thản, được làm một việc có ích cho đời. Năm học lớp mười, Nguyệt khước từ vai trò gia sư của tôi, có lẽ do nữ tính phát triển, ngượng với bạn bè vì cách xưng hô với tôi. Và lại, Nguyệt biết tôi, không cha mẹ, không gia đình, không nhà cửa, một thằng cha căng chú kiết đang sống nhờ anh Cương. Em coi tôi như người xa lạ, ném vào cõi lòng tôi một khối sầu trĩu nặng, mặc dù lý trí khuyên tôi: “Mi là kẻ khốn cùng. Mi hãy quên đi, hãy đào sâu chôn chặt cái ái tình dưới nấm mồ vĩnh cửu để đời mi bớt đắng cay.”

Ái tình là cánh đồng hoa,

Đố ai tới đó không sa lệ sầu?

Tôi đâu dám yêu em, hình như em đã cướp mất hồn tôi, hình như em tàn phá niềm vui của tôi còn sót lại. Tôi tự hỏi, cuộc đời còn gì nữa nhỉ, còn một chuỗi ngày dài chán chường vô vọng? Nhớ đến truyện Tarax boulba của Gogol, tôi nảy ra một ước mơ không tưởng. Nếu chàng Donjuan san sẻ tài năng và được thần Cupidon phù hộ để Nguyệt thuộc về tôi, tôi sẽ hét lên: Em là quê hương, là tổ quốc và cả thế giới này! Chỉ cần em nói: yêu anh, tôi dám từ bỏ cuộc đời nếu em ra lệnh. Và như con hổ đói cũng sẵn sàng cắn xé em thành nhiều mảnh. Cực chưa, không biết từ khi nào, như

một thằng ăn trộm, tôi đã vụng yêu em? Vì em mà nhiều phen tôi hoá ngơ, hoá ngẩn. Tuy nhiên, tôi cảm thấy cách xa em như xa cách chị Hằng.

Đầu năm 1965, tại gốc cây ngọc lan, Nguyệt đến nói với tôi:

- Nếu gọi là cậu, có thể xưng là cháu, nhưng cũng có thể xưng là... tạo ra một khoảng cách xa lắc, xa lơ. Từ nay gọi là anh và xưng là em, như thế anh có thuận lòng không?
- Hay lắm, sao Nguyệt không nói với anh từ sớm?
- Biết đâu anh thích bậc bề trên?
- Anh còn trẻ, muốn người ta coi tâm hồn anh như hoa đang nở, đâu muốn em nhìn anh cằn cỗi như một ông già.

Nguyệt đọc truyện rất hay, gợi cảm. Có lần đang đọc Othello của Shakespeare, thấy tôi đi qua, em hỏi:

- Anh có quan niệm gì về ghen nhỉ?
- Yêu là đẹp, có yêu mới có ghen. Yêu và ghen đồng biến, yêu tiến đến vô cùng thì ghen cũng tiến đến cùng vô. Nếu yêu em như yêu cuộc sống thì ghen em có thể dập tắt đời em.
- Anh dùng toán học để chứng minh, ghen cũng đẹp phải không?
- Hình như thế!

Em ngơ ngác nhìn tôi vẻ lạ lùng, cặp mắt em toả ánh hào quang như hai ngọn đèn xanh. Rồi nhìn vào trang sách, em nói nhỏ như nói một mình:

- Một lý thuyết vừa mới mẻ, vừa kỳ cục. Nguyệt hỏi thêm:
- Nàng Nataxia sao không yêu hoàng thân mà theo lão thương gia?
- Mịch kìn từ thương chuyển thành yêu, còn Rô bô đin yêu nàng say đắm, yêu chân thật.
- Ngoài ra, lão thương gia có mười vạn rúp để mua nàng. Buồn cho ai đó cũng yêu say đắm nhưng chẳng có...

Em đã biết... và bắt đầu giễu cợt tôi.

Lần khác, em đọc truyện Ruồi trâu, đến bức thư của Arthur gửi Jema, em đọc to và hỏi:

- Anh Tâm ơi, anh bị trừng phạt của con gái như Arthur chưa?
- Anh chẳng dám yêu ai thì không thể...

- Tình yêu có ngôn ngữ riêng như tín hiệu của làn sóng điện, anh giấu em sao được. Hiện thời, anh vẫn đang yêu.
- Yêu ai?
- Em không rõ lắm, anh cứ hỏi trái tim mình sẽ được trả lời.

Năm năm khuyết, trái tình cao,

Mặt thường giáp mặt, lòng ngao ngán lòng.

Tiếng hát của Nguyệt ngọt ngào, âu yếm như muốn đưa những tâm hồn đa cảm đến khoảng trời yêu thương nhớ tiếc. Tuy tiếng hát ở ở thể tự nhiên không qua đào tạo nhưng theo cảm hứng của tâm hồn, phản ánh trung thành nhịp đập của trái tim. Bởi vì tiếng hát của em không mặc cảm với cuộc đời, không có chỗ đứng trong xã hội, không bị uy lực của đồng tiền chi phối. Khác với tiếng hát của một nữ ca sỹ, buổi chiều toà xử ly dị chồng, buổi tối trình bày bài tình ca. Giống như một miền hoang dã mà cảnh quan chưa có sự can thiệp của con người, biết đâu miền hoang dã ấy có cảnh thiên nhiên lại tuyệt diệu hơn nhiều nơi “hoa chăm, cỏ xén”...?

Đã bao lần, tôi đứng tựa gốc lan nghe Nguyệt hát, em mơ màng nhìn qua hàng cây rợp bóng. Có bài như làn gió thu mát rượi thổi tâm hồn tôi đến miền xa xăm huyền ảo, hưởng những giây phút êm đềm, thư thái. Có bài như đông tố gầm gừ, gào thét như xô đẩy tôi về với quá khứ đau thương, tan vỡ. Có bài nào nùng, ai oán như khóc, như than, như chìm tôi chìm đắm trong biển cả đầy nước mắt và tủi nhục. Khi ấy, tôi lặng lẽ khóc thầm.

Một lần em ngừng hát, hỏi tôi, giọng em đầy quyền uy và khiêu khích, ánh mắt em lạnh lùng xa cách như ánh sao đêm:

- Anh Tâm ơi, ai thương nhớ ai cho lòng ai tê tái?
- Anh nhớ thương ai mà lòng anh rạo rức!
- Hãy nhớ thương đi, nhớ thương mãi, nhớ thương hoài, nhớ thương cứ xuôi dòng chảy về đại dương tình cảm. Để trái tim ai đó quặn đau vì nhớ thương không có dòng chảy ngược.

Tàn nhẫn quá nhưng Nguyệt đã trả lời sự thực. Em không thể yêu tôi, mặc dù em biết tôi yêu thầm nhớ trộm.

Nếu có chẳng, Nguyệt yêu theo cách một tâm hồn lạnh mạn, yêu chỉ để mà yêu, yêu để tìm nguồn cảm hứng – một cuộc tình đùa cợt đầy nguy hiểm.

Một buổi chiều vàng dương gần đi ngủ, em hát bài Santa Lucia. Như một giấc mơ kỳ diệu, tâm hồn tôi bay bổng đến vùng Địa trung hải xa xăm, trong vắt, tìm kiếm đấu trường Colisé thời trung cổ, bỗng tôi giật mình như linh tính báo. Tôi chạy ra docks hàng Than, thấy Khoa đang đứng tựa gốc cây cũng đang nghe Nguyệt hát. Khoa lơ đãng nhìn tôi, hình như anh chẳng biết tôi là ai cả. Có lẽ tâm hồn anh cũng đang du lịch đến một phương trời nào đó?

Nửa giờ sau, Khoa vào chùa, đọc cho tôi nghe bài thơ anh vừa sáng tác. Tối hôm đó, đứng ngoài song cửa, tôi hỏi Nguyệt:

- Em có thích thơ không?
- Em thích thơ của Vũ hoàng Chương.
- Bài nào?
- Nhiều bài lắm, chẳng hạn bài thơ nào đó có hai câu cuối:

Rồi em sẽ diu anh trên cánh khói,

Đưa hồn say về tận cuối trời quên.

Anh Tâm muốn ai đó đưa anh về cuối trời của tác giả không?

- Chẳng bao giờ..
- Thế thì đau khổ đấy! Hai câu đầu của một bài thơ khác:

Anh biết em từ độ

Tuổi em mới mười hai.

Anh có thấy đúng với anh không?

- Muộn hơn một năm.
- Ra thế, anh biết ai đó từ năm mười ba tuổi. Và có lẽ yêu từ độ tóc em còn xoã vai. Thật đau lòng, trái tim ai đó vẫn lạnh lùng, tro như đá trước những tín hiệu dồn dập của làn sóng tình dào dạt. Nếu có chẳng, ai đó chỉ nghĩ đến anh trong đạo thầy trò.
- Người ta cũng tự hiểu mình rồi, em không cần nói nữa. Anh đọc cho Nguyệt nghe bài thơ mới sáng tác của bạn anh nhé?
- Anh Khoa phải không?
- Sao em biết?
- Đến nhà lúc hoàng hôn chỉ có anh Khoa. Tâm hồn anh Khoa, em lạ gì.
- Em tìm hiểu từ đâu thế?

- Việc gì phải tìm hiểu đâu xa? Bao lần hai anh tâm sự tại gốc lan, em ngồi trong song cửa nghe như đài đọc truyện đêm khuya.
- Em mắc tội gian lận rồi, sao nghe trộm?
- Truyện kể bên tai không nghe sao được? Các anh mới mắc tội đại khờ, không cảnh giác. Em biết anh Khoa vừa làm thơ hay, vừa biết hoạ.
- Bây giờ em nghe bài thơ của anh Khoa nhé?
- Anh đọc đi – Nguyệt nói như ra lệnh.

Tiếng hát giữa hoàng hôn

Mây chiều đã ngậm màu son,
Vùng ô còn ở đầu non chưa về,
Chân trời xa khuất sương che,
Cánh chim buồn bã bay về xa xăm.
Lời em văng vẳng đưa ngang
Như xưa một khúc Tầm Dương vọng về.
Khi cao réo rắt tái tê,
Khi trầm nhỏ nhỏ như về chiêm bao.
Nghe như suối vắng rừng sâu,
Nghe như thánh thót gọi sầu giọt Thu.
Hồn mơ về thuở xa xưa,
Tình anh đã chết bao mùa thu rơi.
Em đừng hát nữa em ơi,
Ngày xanh tan nát, toi bờ đã lâu,
Nửa đời đã chín thương đau,
Hát làm chi nữa, trái sầu rụng rơi.
Quỳnh tương đã trót nhấp rồi,
Ngàn năm vọng tiếng chia phôi ghen lời.
Ngừng đi đừng hát em ơi,
Để cho hồn lạc trên trời phiêu diêu.

Nghe tôi đọc xong, Nguyệt nói:

- Anh Khoa mới hai mươi hai tuổi, sao anh vội vã chiết khăn tang tình yêu sớm thế? Bao mùa lá rụng, anh đào huyết chôn cất mỗi tình đầu để rồi anh mong ước cả thế giới này im lìm, hoang vắng, không còn vang lên khúc hát, lời ca. Một ý nghĩ thật là cô đơn, ích kỷ.

Sau đó, Nguyệt nhìn tôi, cặp mắt em long lanh ngời ánh sáng màu xanh, em nói:

- Còn anh, em nói nhiều rồi, chắc anh đã hiểu. Hôm nay, em nói rõ hơn. Em yêu tâm hồn anh, nhưng không thể cùng anh xây tổ ấm, vì “phận mỏng cánh chuồn phải núp bóng tùng quân”. Câu nói đó, anh hiểu rõ hơn em. Em biết, anh đã yêu em – một tình yêu thâm lặng, đơn phương. Có lẽ chẳng bao giờ anh quên mỗi tình thơ mộng và tàn nhẫn ấy, chẳng phải do em – một đứa con gái bình thường không thể cùng anh vượt qua chông gai, bão tố – mà do xã hội. Khái niệm một túp lều tranh hai trái tim vàng đã lùi về dĩ vãng. Em cũng biết, đời là cuộc bể dâu nhưng thường thì người ta chỉ ghi nhận và lựa chọn cái giá trị của hôm nay, có mấy ai nghĩ đến ngày mai?

Em mong muốn, anh cứ coi em như bông hoa trong vườn ngự uyển, anh chỉ được chiêm ngưỡng mà không có quyền được hái. Rồi đây, dù có cách núi, cách sông bao giờ em cũng luyến nhớ anh – một tâm hồn tuyệt diệu.

Cuộc tình đùa cợt, lơ lửng ấy kéo dài thêm mấy tháng đến khi tôi từ giã nơi cửa Phật. Ký ức tôi ghi lại trong trang sử tình ngắn ngủi, phũ phàng thêm một người con gái họ Lê để trái tim tôi còn rung cảm mãi với nỗi buồn man mác.

* *

*

Tháng sáu năm 1965, Hưng nằm ở một quân y viện; Anh bị thương, bom Mỹ cắt mất cánh tay phải trong một cuộc chiến đấu bảo vệ cầu Hàm rồng hồi tháng ba. Lúc đó cánh tay bị cụt đến khuỷu đã được giả đau, anh đang nằm suy nghĩ về tương lai của cuộc đời mình và gia đình thì nhận được thư của mẹ.

Hà nội ngày 3 – 6 – 1965.

Hưng con! Mẹ nhờ người viết thư cho con vì mắt mẹ đã loà. Tối hôm ấy, sau khi con đi khỏi nhà nửa giờ, bố con bị bắt đi tập trung cải tạo. Yếu quá, bố con không đi được, hai công an phải dìu bố con xuống cầu thang và đưa lên ô tô. Hiện nay bố con ở Yên Bái, mới đây gửi thư về, viết là vẫn ốm đang nằm trạm xã của trại giam.

Mẹ muốn đi thăm bố nhưng đi sao được? Năm ngoái, em Nga đi đâu hơn một tháng rồi lại về. Nó thương bố mẹ lắm, chỉ khóc hoài và oán trách con mê muội, tệ

bạc. Gần đây Nga lại bỏ đi đâu, có lẽ em con đã hư hỏng. Mẹ khóc hết nước mắt vì thương bố con. Thế là mắt mẹ mờ dần và hiện nay không nhìn thấy nữa.

Nghe người ta nói, ở trại cải tạo đói khổ lắm, phải được sự giúp đỡ của gia đình nhưng mẹ không làm được gì, hầu bản thân cũng không xong, nói chi đến việc kiếm tiền để sinh sống và hỗ trợ bố con? Mẹ xin con hãy thương bố, có vì cái gì chẳng nữa cũng không nên cắt đứt tình phụ tử và tình mẫu tử. Chúc con mạnh khỏe, bình an.

Người mẹ cô đơn đang chờ con.

Hưng đọc xong thư, mồ hôi toát ra ướt hết áo. Anh rung mình hoảng sợ. Như sét đánh ngang tai làm anh bừng tỉnh.

Anh tự hỏi “vì sao ta bỏ bố mẹ vào sông tập thể? Trước khi nhập ngũ, tại sao ta không ở lại nhà một đêm với gia đình trong lúc bố ta đang ốm nặng?” Rồi anh tự trả lời “Ta là thằng ngu, thằng mê muội và bội bạc như Nga oán trách”. Anh từ bỏ bố mẹ, gia đình để phấn đấu vì mục đích gì và chiến đấu cho ai? Tổ quốc và dân tộc, hai phạm trù đó hiện tại đối với anh còn xa xôi quá nhưng thời gian sẽ cho anh biết, tổ quốc đang ở thời kỳ tối tăm nhất trong lịch sử và dân tộc đang trong cảnh lầm than, cơ cực như thân trâu ngựa. Phấn đấu và chiến đấu vì gia đình anh chẳng? Một ngàn lần không phải, gia đình anh đang tan tác, mẹ bị mù, em hư hỏng, bố đi tù. Nhưng bố anh bị tù vì tội gì nhỉ? Người cả đời dạy học, chưa làm một điều gì thất đức, lúc nào cũng chỉ cầu mong một cuộc sống an phận thủ thường. Phải chăng thân phụ anh đã mắc tội không giống những người mà đảng áp đặt về ý thức hệ. Phấn đấu và chiến đấu vì bản thân anh chẳng? Cũng không phải, anh trở thành người tàn phế, được đảng bố thí cho đồng tiền trợ cấp mặt hạn chế để mà tồn tại.

À phải rồi, anh đã phấn đấu vì mục tiêu của đảng và chiến đấu để bảo vệ ngai vàng của đảng vì anh đã tin tưởng tuyệt đối vào đảng. Những ngôn ngữ giáo điều, lừa bịp, anh đã được học tập ở nhà trường, nhà máy và trong quân đội: Nào là đảng Cộng sản, đội quân tiên phong của giai cấp vô sản và nhân dân lao động; Đảng kết tinh sức mạnh của chủ nghĩa Marx – Lênine; Nào là đảng lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động chống đế quốc, thực dân, phong kiến, Tư bản, chống áp bức bóc lột, bất công và nghèo nàn, lạc hậu... Ngoài những mỹ từ quen thuộc ấy, thực chất đảng là gì anh không hiểu? Chỉ vì cái niềm tin tuyệt đối vào đảng – một lòng tin mê muội đã dẫn anh đến giai đoạn bỏ rơi bố mẹ, anh đã chôn vùi tình phụ tử và tình mẫu tử – một chân lý vĩnh hằng của loài người. Rốt cuộc, anh trở thành đứa con bất hiếu, phản bội lại chính mình. Nhìn xa hơn nữa, anh đã phản bội lại cả tổ quốc và dân tộc. Anh là nạn nhân đáng thương của sự lừa bịp.

Sáng sớm ngày hôm sau, Hưng trốn khỏi quân y, trở về Hà nội. Bước chân vào nhà, Hưng thấy ớn lạnh vì cảnh vật tiêu điều hoang vắng. Bác Hiền ngồi trên giường, thấy động, hỏi:

- Ai đấy?
- Con đây mẹ ạ! Hưng đã về với mẹ.
- Con lại đây – Bác Hiền gọi con rồi oà lên khóc. Hưng ngoan ngoãn đến ngồi bên mẹ. Mẹ sờ đầu, tóc con rồi đến hai cánh tay. Như bị điện giật, bác Hiền kêu lên:
- Sao thế này con?
- Tay phải con bị mất rồi mẹ ạ.

Bác Hiền vật vã, khóc than thảm thiết. Hưng ôm lấy mẹ, khóc như một đứa trẻ.

Mùa hè năm ấy, người ta đồn rằng, ở trước vườn hoa hàng Đậu, cứ chiều thứ bảy có một thương binh mất một cánh tay dẫn một bà mẹ mù tuổi chưa già nhưng đáng người gầy yếu, tiều tụy, theo đường Quan thánh đến đường Cổ ngư và ngồi bên gốc cây cổ thụ cạnh hồ Tây, gần chùa Trấn quốc. Họ im lặng, chẳng ai nói với ai một lời nào. Đến khi còi phát thanh báo chín giờ họ lại dẫn nhau về. Những kẻ cuồng tín khi thấy hình ảnh trên đã nói, chiến đấu dưới lá cờ vinh quang của đảng, anh đã hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc.

Những thanh niên nhạy cảm, thức thời mĩa mai, cánh tay phải anh đã hiến dâng để bảo vệ ngai vàng của đảng, còn cánh tay trái để xây dựng cuộc đời. Có lẽ trái tim anh cũng thế:

Phần tươi đỏ anh dành riêng cho đảng phần nhiều

Phần thương mẹ mù và phần để em yêu

Những nhà tư tưởng nhìn mẹ con anh với ánh mắt ái ngại, gọi sâu: họ là những nạn nhân của thời đại.

Những bước chân của bà mẹ mù mỗi ngày một ngắn và chậm lại. Đến một buổi tối thứ bảy, ngồi bên hồ Tây, họ không im lặng nữa. Bà mẹ hỏi:

- Hôm nay trời đẹp lắm phải không con?
- Đẹp tuyệt vời mẹ ạ, trăng sao vàng vặc, từng áng mây trắng nhón nhơ bay qua hồ vào thành phố.

Mẹ cũng linh cảm thấy trời hôm nay đẹp lắm. Bởi vì mẹ đang nhớ lại cảnh trời của hai mươi bốn năm về trước tại nơi đây. Mùa hè năm ấy, mẹ đi bán hoa thường rẽ

vào chỗ này nghỉ mát. Bố con, sau giờ dạy học cũng thường dạo chơi ở chốn này. Hôm nay là ngày kỷ niệm lần đầu bố mẹ gặp nhau. Những năm tháng yêu nhau cũng nơi này là điểm hẹn. Bố con thích chơi thuyền, cứ đến chiều thứ bảy trên chiếc perissoire II, bố đưa mẹ ra giữa hồ. Khi ấy bầu không gian yên tĩnh, chỉ còn tiếng sóng vỗ nhẹ nhẹ vào mạn thuyền. Có lần mê say với cảnh trời mây trắng nước, bố con cất cao tiếng hát bài One day, có lẽ tiếng hát bay xa và lan toả khắp mặt hồ.

Khi con còn nhỏ, về mùa hè, bố mẹ thường đưa các con dạo chơi trên đường này và ăn món bánh tôm. Kỷ niệm trên đường Cổ ngư và hồ Tây biết bao êm đềm, đẹp đẽ!

Những năm tháng chiến tranh, bố con hay nghe đài phát thanh cách mạng, bởi vì khi đó bố con có nhiều cảm tình với cách mạng. Có lần bố con nói với mẹ, trong lúc quốc gia hữu sự không đóng góp gì cho đất nước thì thật là uổng phí. Bố con muốn vào chiến khu, mẹ chẳng hiểu gì chính trị, không muốn xa chồng, một mình nuôi dạy các con đại nên cản lại. Ngày tiếp quản thủ đô, bố mẹ diện những bộ quần áo đẹp nhất, dẫn cả hai con đi chào đón đảng, bác và chính phủ, con còn nhớ chứ?

- Vâng – Hưng trả lời – có thể ngày đó cũng góp phần biến con thành đồ mê muội.
- Sau ngày đó, bố con đi nghe ông Phạm văn Đồng nói chuyện, cảm động đến nỗi khi kể lại với mẹ còn sụt sùi nước mắt. Cuộc đời tưởng như hoa đang nở với bao hy vọng và ước mơ tuyệt đẹp. Đến nay con thấy gia đình ta trở thành một tấn bi hài kịch chưa? Từ năm 1960 bão táp của xã hội dội xuống gia đình, bố mẹ mất việc, kinh tế lâm vào cảnh cùng quẫn. Bố mẹ bắt đầu tỉnh thì con bắt đầu mê – bệnh mê muội đáng thương của cả dân tộc. Tại sao lại có cảm tình, say mê làm việc, thậm chí chiến đấu, hy sinh cho một thể chế – chính nó là thủ phạm gây nên mọi nỗi đau thương, tan nát cho mình.

Ngừng một lát, bà mẹ tiếp:

- Hiện nay mẹ đã mù, ngoài cái dở cũng có cái hay, con ạ. Mẹ không nhìn thấy những hiện tượng xấu xa của xã hội cũng như không phải nhìn thấy đứa con thương tật của mình. Trong trí nhớ của mẹ chỉ ghi lại hình ảnh đứa con khôi ngô, hoạt bát xưa kia.

Mẹ thấy trong người yếu lắm, hình như tử thần đang rình rập mẹ ở đâu đây. Mẹ xin con lần cuối, hãy thương yêu những người cùng máu mủ.

Nghe mẹ nói, Hưng ôm lấy mẹ khóc hoài. Bởi vì anh đã và đang sám hối.

Sau ngày đó, chiều thứ bảy đã vắng bóng mẹ con người mù trên đường Cổ ngư. Một hôm tôi thấy Hưng ngồi trên ghế đá ở công viên hàng Đậu, đầu anh chít khăn tang.

* *

*

Tháng 3 – 1965, anh Hoàng xin cho tôi vào làm hợp đồng tại xí nghiệp Điện thông. Đây là một cử chỉ đặc biệt của một người keo kiệt của Appagon. Chưa phải là công nhân chính thức nên chưa cần điều tra lý lịch nơi nguyên quán, do vậy phòng tổ chức của xí nghiệp đã nhận tôi.

Thời gian này, Khoa thường dẫn một người bạn cùng quê, tên là Đậu đến chỗ tôi ở và rủ nhau đi uống cà phê hoặc trà tại cửa hàng Thuỷ tạ, Nhân hay Phúc châu... Đậu hoạt bát, mạnh khoẻ, nước da bánh mật dạn dày với nắng mưa. Anh mới mười chín tuổi, học dở lớp mười, không còn bố mẹ. Đậu là công nhân đường sắt tại công vụ Bắc giang, cuộc đời tự lập trải qua nhiều khó khăn, thiếu thốn. Từ đó anh đã thấy một phần sự bất công, vô lý của xã hội.

Đậu nói:

- Công nhân làm vất vả, tiền lương tòi tệ, chia ra ăn từng bữa. Trong khi đó, bọn có chức, có quyền cương vị càng cao càng nhiều bổng lộc, sung sướng trên mồ hôi, nước mắt của người lao động.

Một lần tôi đi cùng với tổ trưởng sản xuất đến thăm ông giám đốc bị ốm đang nằm viện. Hôm ấy các ông trưởng phòng tài vụ, tổ chức cũng đến, hai ông này mang nhiều quà lắm: giò, đường, sữa, thuốc... tất cả đến vài ba chục ký. Hai ông nói:

- Công đoàn và các phòng ban khác sẽ đến thăm thủ trưởng sau, hôm nay chúng tôi đến thăm và có chút quà biếu đồng chí bồi dưỡng.

Ông giám đốc bảo:

- Tôi lấy một ít thôi, còn lại các đồng chí mang về.
- Kính thưa thủ trưởng, đồng chí phải cố gắng ăn để chóng phục hồi sức khoẻ còn phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân.

Gói quà trị giá bằng ba tháng lương của người lao động. Còn công nhân có ốm đau đến chết, ngoài mấy người cùng tổ, chẳng có đứa nào dòm ngó tới. Nghe hai chữ phục vụ vừa êm ái, vừa ghê tởm.

Đúng là công nhân làm chủ nhà máy, nông dân làm chủ ruộng đồng. Họ bị vắt kiệt sức để làm ra sản phẩm nhưng họ không được quyền làm chủ sản phẩm. Nhà nước cho ăn thế nào phải chịu thế ấy; nếu ai kêu ca, phản đối nhẹ thì mất việc làm, nặng thì vào nhà đá.

Nói chung công nhân, nông dân và trí thức được tự do làm việc theo điều khiển, tự do đói nghèo, tự do tin tưởng tuyệt đối vào đảng, nói và hành động theo ý đảng. Thực sự họ biến thành bầy nô lệ của chế độ CS – kiểu nô lệ hiện đại – không được mưu cầu hạnh phúc và bị bóp nghẹt các quyền tự do tối thiểu.

Dậu hỏi:

- Anh có ý nghĩ gì về quy luật phủ định của phủ định trong phép biện chứng của Marx?
- Trước hết phải khẳng định đó không phải một quy luật nhưng chủ nghĩa ấy đang lũng đoạn cả hành tinh nên chúng ta đề cập đến một đôi điều. Theo ông Marx, chủ nghĩa CS là giai đoạn phát triển cuối cùng của lịch sử xã hội loài người – một thế giới đại đồng, không có vũ khí, không có chiến tranh, không có áp bức, bóc lột, mọi người làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu. Một học thuyết tuyệt đẹp nhưng ngay trong mơ đã thấy hoàn toàn không tương. Vì thứ lý thuyết ma quỷ này hiện tại làm khoảng một phần ba nhân loại đau thương, cơ cực. Nhất trí với ông David Ricardo, tôi cho rằng chủ nghĩa Tư bản là vĩnh cửu, tuy nhiên luôn có sự đổi mới để phù hợp với nền văn minh của nhân loại. Lịch sử xã hội loài người là lịch sử đấu tranh giữa cái ác và cái thiện.

Nhìn lại, từ xưa đến nay, cái thiện đã dần dần chiến thắng cái ác, tuy vậy vẫn có sự chuyển hoá lẫn nhau. Chẳng hạn, ngày nay do khoa học và kỹ thuật phát triển, nhiều nước phương tây đang thăng thang trên con đường tiến tới đỉnh cao của hạnh phúc thì dân tộc ta và các nước trong phe CS, cái ác đang loại trừ cái thiện.

Nhân vô thập toàn, ngọc còn có vết, làm gì có cái thế giới đại đồng như trong học thuyết ma quỷ ấy – thứ học thuyết không tương về mục đích, biện pháp thực hiện lại vô cùng tàn bạo gây nên thảm họa cho nhân loại trong thế kỷ này. Vì thế, học thuyết Marx chỉ thực hiện được ở các nước lạc hậu, dân trí thấp.

- Còn độc lập? – Dậu hỏi.
- Phạm trù độc lập chỉ có ý nghĩa thuần túy ở các quốc gia phong kiến thời xưa, do phương thức sản xuất còn lạc hậu nên quan hệ của con người chỉ dừng lại

tại quê hương hoặc tổ quốc mình. Ngày nay, do sự bùng nổ của khoa học, kỹ thuật nên quan hệ của con người dẫn tới phạm vi toàn thế giới. Chủ quyền của mỗi nước liên quan đến nền kinh tế, trình độ khoa học, kỹ thuật. Các nước chậm phát triển lệ thuộc nhiều vào nước ngoài. Từ lệ thuộc về kinh tế dẫn đến lệ thuộc về chính trị. Nền kinh tế của một quốc gia còn lạc hậu đến độ chưa làm ra nổi cái kim khâu thì quốc gia đó độc lập thế nào? Súng cao xạ, máy bay mig, tên lửa của ai, súng AK, mũ cối và các khí tài quân sự khác của nước nào? Thế thì Việt nam có chủ quyền không hay do sự sai bảo của nước ngoài?

Tôi cho rằng, các nước chậm tiến lệ thuộc vào bên ngoài là điều tất yếu theo xu thế của thời đại.

Muốn đất nước phát triển kinh tế, người dân có ăn, có mặc, có tự do thì những người cai quản quốc gia phải sáng suốt đi theo hệ thống chính trị nào? Nếu chủ nghĩa CS chiến thắng trên toàn thế giới thì nền văn hoá dân tộc bao gồm phong tục, tập quán, tín ngưỡng... đều bị thủ tiêu. Và thay vào đó cái gọi là nền văn hoá CS. Cuộc chiến tranh hiện nay với chiêu bài độc lập, tự do nhưng thực chất là cuộc chiến nhằm Cộng sản hoá miền Nam. Chúng ta khẳng định chủ nghĩa CS là thảm hoạ cho nhân loại và dân tộc thì vai trò của Hoa kỳ ở miền Nam với mục đích ngăn chặn làm sáng tỏ là chính nghĩa, phù hợp với lương tri và đạo lý.

Dậu hỏi:

- Đang lúc chiến tranh ác liệt, chúng ta không tránh khỏi cảnh làm bia đỡ đạn. Tôi có ý định trốn khỏi nơi này.
- Còn anh? – Dậu hỏi tôi.
- Trước hết phải quan niệm rằng, nếu chiến đấu để bảo vệ tự do, bảo vệ chân lý là nghĩa vụ của mọi người, không thể nói là cảnh làm bia đỡ đạn. Hiện nay chúng ta đang sống dưới một chế độ đầy bất công, tội ác. Không muốn trở thành một tên lính chiến đấu để bảo vệ chế độ ấy, chúng ta phải ra đi. Tôi biết rằng, nhiều người có ý nghĩ ấy nhưng khi thực hiện trăm người chỉ thành công một, số còn lại phải ngồi tù hoặc làm mồi cho thú dữ trong rừng, cuộc hành trình chỉ có hoà hoặc thắng. Bỏ mạng hoặc vào tù là hoà, thoát là thắng. Bạn định trốn đi đâu?
- Ra đi không phải vì giá áo, túi cơm, tôi muốn cùng góp sức với nhân dân miền Nam chống Cộng.

- Ý nghĩ của bạn thật tuyệt vời. Nếu quân đội Việt nam Cộng hoà và nhân dân miền Nam đều có ý nghĩ như bạn thì mặt trận giải phóng không còn đất dung thân.

Điều đáng buồn là người miền Nam đa số “ăn cơm quốc gia, thờ ma CS”. Họ chẳng hiểu gì về kẻ thù của họ, lẫn lộn trắng đen. Số đông vẫn coi chế độ CS ở miền Bắc là một ước mơ. Vì lẽ đó, CS mới thực hiện được chiến tranh nhân dân. Về mặt tâm lý chiến, Sài Gòn như một con cừ non dại thì Hà nội như con cáo già nham hiểm trong cuộc chiến cài răng lược. Tôi không tán thành quan điểm về vũ khí luận. Một đoàn quân được trang bị hiện đại nhưng không hiểu bản chất xảo quyệt của kẻ thù, không có ý thức chiến đấu thì làm sao phát huy được sức mạnh của vũ khí để giành chiến thắng?

Quyết định thắng bại của cuộc chiến ở miền Nam giống như cái kiềng có ba chân là ba yếu tố: quân sự, dân sự và kinh tế. Chính phủ Việt Nam cộng hoà chỉ có hai chân, còn chân thứ ba – dân sự nếu không nói là bị gãy thì cũng vô cùng yếu. Thực chất phía mà chúng ta định cộng tác là như thế, các bạn có quyết tâm không?

- Còn mày? – Khoa hỏi.
- Cộng sản đã cướp đi của tôi tất cả, trong đó có quyền được làm người, tôi ra đi là đúng và cần thiết.
- Chế độ CS làm gì có nhân quyền, phải chăng con người biến thành cái máy thiếu dầu mỡ, han rỉ, hư hỏng trước thời gian – Khoa nói – chúng ta cùng quyết tâm chuẩn bị lên đường.
- Ra đi chúng ta bị buộc tội là phản quốc? – Dậu hỏi.
- Một thể chế tốt đẹp có dân chủ và nhân quyền, mọi người được mưu cầu hạnh phúc – Tôi giải thích – thể chế đó đồng nhất với phạm trù tổ quốc. Ở đây tổ quốc có đồng nhất với CS đâu? Họ muốn bán rẻ tổ quốc Việt nam cho cái gọi là phong trào CS quốc tế. Cũng như cuộc chiến hiện nay không phải là cuộc chiến tranh ái quốc. Là tay sai trung thành, trước mắt họ muốn CS hoá miền Nam và Đông dương, sau đó thực hiện vết dầu loang để CS hoá cả vùng Đông Nam á. Cần phải nói thêm rằng, không có kẻ nào dám công kích chân lý mà chỉ đội lốt chân lý để thực hiện âm mưu đen tối của mình. Họ đội lốt chân lý độc lập, tự do để lừa bịp, để phát động cuộc chiến tranh này. Như vậy, chúng ta ra đi không phải là phản quốc. Tuy nhiên, phải bỏ quê hương và tổ quốc là nỗi đau xót của mọi người.

- Đường đi – Khoa nói – Trước kia nhiều người trốn từ Nghệ an qua cửa Rào sang đất Lào. Từ đó về miền Nam. Hiện nay, vùng cánh đồng Chum – Xiêng khoảng chiến sự đang diễn ra ác liệt, chúng ta không thể qua đường ấy. Còn một đường nữa từ Điện biên sang Lào đến Luangprabang, quãng đường hành trình dài hơn, hiểm trở nhưng có thể ít nguy hiểm. Bây giờ phải tìm chi tiết miền Bắc Lào.
- Dậu đề nghị – Tâm cứ tiếp tục đi làm để kiếm thêm tiền, còn chúng tôi tiến hành ngay việc mua sắm các phương tiện đi đường.

* *

*

Ngày 21 – 7, buổi chiều Khoa đến nói với tôi:

Mọi phương tiện đã chuẩn bị xong, ngày mai Dậu mang ra đây, Khoa đưa cho tôi mấy trang nhật ký của năm ấy và nói:

- Tao cho mày xem để tao còn mang về quê cất giấu nốt, còn lại tao đã giấu hết rồi.

Năm 1965

Ngày mừng một tết. Sau giao thừa, từ chỗ Tâm ở, tôi lang thang cả đêm trên đường phố, vùng quanh hồ Gươm ra phố bà Triệu, Trần Hưng Đạo, ga hàng Cỏ. Rồi theo đường Nam bộ – Nguyễn Thái Học, tôi về nhà.

Lúc ấy trời sắp sáng, tôi làm bài thơ xuân 1965.

Lá rơi hiu hắt tơ lòng,

Sầu Thu chưa dứt mà đông đã tàn.

Chao ôi, xuân đã lại sang!

Lắng nghe pháo nổ mà tan nát lòng.

Đêm dài mênh mang,

Biển sâu vô tận,

Bơ vơ lạc lõng ánh sao mờ,

Bước đi thần thờ,

Dưới trời sương khuya.

Trong đêm khuya tiếng thời gian âm thầm nức nở,

Quá khứ xưa tàn nhẫn chết trong tôi.

Duyên kia tàn héo, bèo dạt, hoa trôi,
Đầu xanh lặn đận, số kiếp bi thương.
Hận sâu vương khoé mắt,
Lệ tràn trên đôi môi.
Năm tháng lũ lượt về đây
Như đoàn người hành khát,
Đặt vào tim nỗi buồn thương da diết
Của đời người trĩu nặng nỗi ưu tư,
Để hôm nay hôn nàng xuân hoen ố.

...

Ta đi mãi, đi hoài trên đường đầy xác pháo hoa rơi
Như nẻo đường ấy đời ta tan nát toi bời,
Giữa đông tố đất trời nghiêng ngửa.
Trái đất ơi, khi ta bước vào ngưỡng cửa
Của cuộc đời đã khóc tiếng bi ai.
Khơi mạch sâu con tim còn hơi sức
Đẩy con thuyền cay đắng đến ngày mai.
Ta đi mãi, đi hoài,
Ta đi hoài, đi mãi.
Để cõi lòng buồn thêm trống trải,
Để thần sầu siết chặt trái tim đau,
Để đời ta từ nay khô héo mãi,
Để thời gian gặm hết những ước mơ.
Cuộc đời, ý thơ
Biên sầu vô tận,
Đêm dài mệnh mang.

Ngày mừng bốn tết, tôi và Tâm đến chơi nhà anh Thất, anh đọc bài *Đợi chờ*:

Bão táp đang sa xuống đầu người thất bại
Biết nói gì đây nếu phải lìa nhau.

Ta yêu nhau đâu để nói trăm câu,
Một hành động, một câu thôi cũng đủ.
Một tâm hồn tìm nguồn ấp ủ,
Cổ mong sao giữ xứng làm người.
Vàng trắng sáng, mảnh gương trong,
Em ơi, lòng không gợn sóng.
Mà mây mù bao phủ vẫn không đi.
Núi Lam Sơn, ngọn Hồng Lĩnh cỏ xanh rì,
Tổ như nhớ nàng Kiều mà thao thức.
Dòng Dịch thuỷ còn chờ người tiến bước,
Bến Ô giang, Hạng Vũ khóc Ngu Cơ.
Hà nội ơi sống mãi đợi trông chờ,
Mà dài thế, ôi thời gian lâu quá!
Đời tàn rơi như sao rụng giữa canh thâu.
Một cây đàn, một ngọn bút tiêu sầu
Ấp ủ mãi phương đông chưa rạng sáng.
Anh yêu em trong cơn anh hoạn nạn,
An ủi nhau giữa lòng nát tan hoang.
Có gì đâu nếu chỉ biết bình an,
Thì cuộc sống hoàn toàn vô vị...

Bài Cổ nhân, anh Thất làm dở, đến buổi tối tôi làm tiếp.

Cổ nhân ơi, hê, cổ nhân ơi!
Trót một ngày xanh để lỡ rồi.
Chiều xuân nắng cuốn hoa rơi tả,
Nhẹ nhàng một cánh én buông rơi.
Đêm nay ta đốt đèn tâm sự,
Ta gửi hồn ta tận cuối trời.
Người đi giờ ở phương nào nhỉ?
Có hết chưa cay chuyện khóc cười?

Đêm nay ta nhớ về muôn thuở,
Đốt trái tim đau khóc nỗi đời.
Ngày xưa xa lắm, ngày xưa ấy,
Man mác mùa xuân khắp bốn trời,
Núi biếc sông xanh dòng bát ngát
Rừng hoa, biển cỏ núi chung đôi,
Còn cả linh hồn loài thảo mộc,
Chim muông cùng với gió trăng chơi.
Xuân qua, xuân đến đà bao độ
Kẻ bắc, người Nam vốn ghen lời.
Nghìn trùng xa cách bao thương nhớ,
Mà lệ năm canh vẫn chảy hoài.
Ta nghe tiếng thắm ngàn xưa vọng,
Để quạnh hồn thu giữa cuộc đời.
Người đi có nhuộm màu sương gió
Kẻ ở nhọc nhằn năm tháng trôi.
Thế sự du du nào đã rõ,
Bao giờ gặp lại cố nhân ơi?

Ngày 2 – 4. Buổi chiều, tôi đến dốc hàng Than. Trước mặt tôi là phía sông Hồng, những cánh cò vội vã bay trong màn sương tím, bỗng cất lên tiếng hát ngọt ngào, âu yếm làm sao! Tiếng hát thân quen của Nguyệt nhẹ nhàng nâng cánh hồn tôi đến khoảng trời chia ly, tan vỡ và nước mắt. Cảm hứng theo tiếng hát, tôi làm bài thơ Tiếng hát giữa hoàng hôn. Tâm không nói, tôi cũng biết nó thầm yêu Nguyệt. Bởi vì tiếng hát của em có thể làm trái tim của cả đoàn quân cùng nhịp đập. Tôi thương thằng Tâm quá, nó có tài, có đức mà bị cái xã hội đều cái này cướp đi tất cả và đẩy nó ra ngoài lề cuộc sống. Đến nỗi yêu, nó cũng chỉ dám thầm vụng trong trái tim mình.

Ngày 12 – 4. Buổi tối, tôi và Tâm đang ngồi uống cà phê ở Nhân, một thanh niên khoảng hai mươi năm tuổi, mặc áo sơ mi trắng hở ngực, tay cầm tờ báo nhân dân đến bàn chúng tôi. Gã gọi một cốc cà phê phin đá rồi hỏi:

- Hai anh có xem báo không?
- Cảm ơn anh, chúng tôi sắp về rồi – Tâm trả lời.

- Xem đề biết họ nói gì thôi chứ đánh thế nào được Mỹ. Hấn ghé sát tai tôi nói nhỏ. Tôi chợt hiểu ý thì Tâm lấy chân di vào chân tôi ra hiệu rồi Tâm nói:
- Chúng tôi xin anh đừng phát ngôn lung tung nữa, không ai nghe đâu.
- Tiến bộ đấy – Hấn vỗ vào vai Tâm nói.

Bàn bên có một bác già ngoài bốn mươi tuổi vừa đến. Bác mặc bộ quần áo bảo hộ lao động, có lẽ là công nhân. Thấy thế, gã ngồi ở bàn chúng tôi, cầm cốc cà phê sang ngồi bàn bác này. Hấn nói:

- Bác giai cấp tiền phong có đọc báo đảng không?
- Đèn điện tối quá, tôi không đọc được.
- Toàn là bịa ấy bác ạ – Hấn nói nhỏ.
- Chứ còn gì nữa. Bảo kiểm soát bốn phần năm đất đai mà chẳng có lấy một thị xã nào.
- Anh phản tuyên truyền à? – Hấn quát to.

Bác già sợ quá run lên, chưa kịp nói gì thì gã đã móc túi ngực giơ thẻ đỏ và quát:

- Anh đi về đồn. Nói rồi gã kéo bác công nhân đi. Số phận bác ra sao chưa rõ, nhưng không thoát tội phản tuyên truyền.

Ngày 2 – 5. Tôi ra cửa hàng mua gạo. Một bà mua phải bao gạo hẩm, nhiều trấu, thóc quá, bà xin nhân viên cửa hàng đổi bao khác. Bà xin ba bốn lần thì cô nhân viên lạnh lùng trả lời:

- Đổi thế nào được, không may thì chịu.
- Chị trù tôi đây phải không? Lần nào cũng mua phải gạo tồi tệ cả – Bà già nổi cáu.

Thấy bà già to tiếng, tên công an từ xa chạy lại quát:

- Bà này gây rối trị an à? Dám bảo nhân viên nhà nước trù dân, bà nói xấu chế độ chẳng?
- Tôi xin lỗi anh – Nói xong bà già ngoan ngoãn mang gạo về.

Đến tôi mua, cũng bị một bao gạo hẩm có nhiều trấu thóc, có lẽ do khác giới tính, dễ có cảm tình nên cô nhân viên hỏi:

- Anh có đổi bao khác không?
- Cảm ơn chị, nếu nhà tôi không ăn thì gia đình khác cũng phải mua.

- Có tư tưởng xã hội chủ nghĩa đấy – Cô nhân viên nói, nhìn tôi, cười tủm tỉm về mĩa mai.
- Chị nhầm rồi, xã hội chủ nghĩa không phải thế đâu. Nói xong tôi mang gạo về và ngẫm nghĩ: cửa hàng Tổng đàn dành cho lũ “đầy tớ của dân” đâu có loại gạo tồi tệ này.

Ngày 23 – 5. Buổi tối, tôi và Tâm ngồi chơi bên bờ hồ Hoàn Kiếm gần cầu Thê Húc, có hai thanh niên đến ngồi trên ghế đá sát chỗ chúng tôi. Họ nói chuyện với nhau, nói rất nhỏ:

- Mày cố gắng phấn đấu sáu tháng đầu năm chứ?
- Khó lắm, còn hơn một tháng nữa mà tao mới thực hiện được hai. Nếu gặp may cũng chẳng biết đâu? Mày chắc đạt lao động tiên tiến rồi?
- Chỉ thực hiện một vụ nữa là đạt chỉ tiêu, nếu không gặp thì chưa chắc. Trội nhất trong đơn vị mình là thằng Tiến, nó hơn bọn mình trong nghệ thuật nhử mồi.
- Trò đó cậu còn được chứ tớ thì vô duyên quá, cứ như tiếng mèo kêu, chuột nghe thấy bỏ chạy cả...

Lúc đó trên vỉa hè xuất hiện một bác già gần sáu mươi tuổi, vừa đi lão đảo, vừa chửi đổng:

- Đ... mẹ nó hà hiếp dân! Đ... mẹ nó!

Hai thanh niên bảo nhau:

- Gặp dịp may rồi.
- Tớ nhường cho cậu đấy!
- Hai đứa cùng làm thành tích chia đôi. Kịp thời hành động mày.

Nói xong, cả hai chạy đến đón đường bác già quát:

- Anh bảo ai hà hiếp dân?
- Tôi không dám chửi ai ở đây mà bảo cái thằng chủ nhiệm hợp tác xã hà hiếp vợ con tôi ở quê cơ.
- Đi về đồn!

Ra lệnh xong, mỗi đứa cầm một tay bác già lôi đi.

- Không nghe bọn chúng nói, có thánh mới biết, bắt giam, bỏ tù con người cũng có chỉ tiêu thực hiện – Tâm nói.

- Thế đấy, nếu đứa nào cũng đạt danh hiệu lao động tiên tiến hoặc chiến sĩ thi đua thì nhà tù phải nhiều hơn trường học – Tôi nói.

Ngày 6 – 6. Tối hôm nay, sau khi uống cà phê ở Nhân, ngồi bên bờ hồ Gươm, tôi, Tâm và Dậu cùng nhất trí ra đi.

Ngày 28 – 6. Em gái tôi đi học về, đưa cho tôi một bức thư của thằng Long, bạn học cũ ở phố Chu văn An. Tôi mở ra xem, có vài dòng: “Chiều nay, lúc hai giờ gặp mây ở núi Nùng, bách thảo. Rất cần, mây đừng lỡ hẹn. Xem xong nhớ đốt ngay”

Chiều đến, y hẹn tôi gặp thằng Long. Nó nói:

- Mây nguy hiểm lắm, hãy nghe tao tường thuật lại sự việc đã.
- Mây nói đi.
- Cách đây nửa tháng, có một người tuổi gần bốn chục, mặc dân thường đến gặp tao. Dẫn tao ra vườn hoa Cột cờ, hấn hỏi:
- Anh là bạn của tên Khoa có phải không?
- Vâng, nói cho đúng là bạn học cũ, bác hỏi gì nó?
- Tôi là cán bộ sở công an đến giao cho anh một nhiệm vụ. Hiện nay tên Khoa có tư tưởng xấu với chế độ. Anh đến nhà nó chơi, sở cho phép anh được nói bất mãn với đảng hoặc ca ngợi Mỹ. Tên Khoa phản ứng ra sao, anh sẽ làm bản báo với chúng tôi. Ngày giờ đến nhà tên Khoa do anh lựa chọn nhưng phải báo cho đồn địa phương anh ở trước. Sở nghiêm cấm anh tiết lộ chuyện này, nếu anh làm sai phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Tối hôm kia hấn lại đến hỏi: đã tiến hành chưa? Tao trả lời: cháu chưa biết tên Khoa thường ở nhà lúc nào nên chưa đến. Hấn còn nói là nếu tao thực hiện tốt việc này sẽ được sở thu dụng.

- Mây nên nhớ là “khi rừng hết thú quý thì chó săn và cung tên cũng bỏ đi”.
- Mây nói đúng, tao cũng hiểu được dã tâm của họ. Quả thật, nửa tháng nay, tao đang suy nghĩ cách cứu giúp mây, bởi vì đột ngột tao đến nhà mây là mắc mưu họ như chơi. Tao định trình diễn màn kịch tối hôm nay, vậy báo cho mây biết trước để đóng cho thành đạt, nếu không thì nguy hiểm.

Buổi tối thằng Long đến. Tôi hỏi to:

- Long! Lâu nay mây đi đâu mà biến mất thế?
- Tao vẫn ở nhà ăn bám.
- Mây chưa xin được việc làm à?

- Bỏ tao là công chức lưu dung, xin sao được việc.
- Chỗ bạn bè nói thật, mày không nên nói năng như thế, chẳng lợi lộc gì cho mày mà còn có hại cho bạn bè!
- Đó là sự thật, mày cấm được tao à?
- Mày để tao yên, tao không muốn nghe cái sự thật ấy.
- Sao hồi này mày thay đổi lạ lùng thế?
- Tao vẫn như xưa, chẳng quan tâm đến việc gì.
- Mày hay đọc báo và nghe đài không? Tao thấy toàn nói sai sự thật.
- Thôi, thôi tao xin mày. Bạn bè gặp nhau là quý nhưng cứ tuôn ra luận điệu như mày, có khi phải đi tù cả lũ. Từ nay mày đừng đến nhà tao nữa.

Long giả vờ hăm hăm nổi giận:

- Tao cần đ... gì mày.

Nói xong, Long bỏ về. Tôi đoán, mục tổ trưởng lúc ấy phải áp sát tai vào tường để nghe trộm.

Ngày 2 – 7. Tôi đến khu công an xin giấy thông hành đi Điện Biên. Hình như họ nghi ngờ gì đó nên xem xét, đắn đo lâu lắm.

Ngày 10 – 7. Tôi mang hộ tịch đến khu công an để làm thủ tục di chuyển về quê.

Ngày 11 – 7. Tôi đến văn phòng hợp tác xã xin rút cổ phần. Vì có giấy di chuyển khỏi thành phố nên ban chủ nhiệm giải quyết ngay. Số tiền này để sắm một số phương tiện đi đường.

Ngày 15 – 7. Công an hộ tịch đến nhà hỏi:

- Tại sao anh Khoa cất hộ tịch rồi mà vẫn ở đây?

Có lẽ họ đang theo dõi tôi.

Ngày 18 – 7. Buổi sáng, tôi vào thư viện quốc gia mượn tập bản đồ miền Bắc làm bằng tiếng Pháp để vẽ. Ngồi gần tôi, một người chẳng làm gì cả chỉ xem tôi vẽ. Thấy không an toàn tôi bỏ về...

Xem xong đoạn cuối trang nhật ký, tôi sững sờ nói với Khoa:

- Nguy hiểm! Nếu chúng ta không nhanh thì mày bị bắt nay mai.
- Chờ ngày mai Dậu ra, tất cả phải mang về quê đã, ngày lên đường sẽ bàn sau.

Rủ tôi ra ngồi chơi bên Hồ Hoàn Kiếm, Khoa nói:

- Chúng ta đến thăm hồ lần cuối.

Khoa mơ màng nhìn hàng liễu rủ bên hồ, bỗng anh ngâm nho nhỏ mấy vần thơ của Lưu Lan Phương:

Ai về thương liễu hồ Gươm úa.,
Năm cửa ô hờn dưới nắng trưa,
Ba sáu phố phường nằm ủ rũ,
Nghe người Hà nội khóc trong mưa.

Ngẫu hứng, Khoa lại ngâm mấy vần thơ vịnh Kiều:

Buồn trông liễu rủ ven bờ,
Sớm in bóng nước chiều mưa lệ đầm.
Buồn trông phố cũ âm thầm,
Đâu còn những bóng trắng rằm thướt tha.
Buồn trông rùa Tháp xa xa,
Bâng khuâng lưu luyến tháp là từ nay.
Buồn trông Thê húc mê say,
Xa em luống những bao ngày nhớ thương.

Nhìn những lá vàng rập rờn theo sóng hồ nhẹ nhẹ. Khoa ngâm bài Phương xa của Vũ hoàng Chương:

Nhỏ neo rồi thuyền ơi xin mặc sóng
Xô về Đông hay dạt tới phương Đoài.
Xa mặt đất giữa vô cùng cao rộng,
Lòng cô đơn cay đắng cũng dần vơi.
...
Lũ chúng ta đầu thai lắm thế kỷ,
Một đôi người u uất nổi bơ vơ,
Đời phiêu dạt không mong hồn giản dị,
Thuyền ơi thuyền xin ghé bến hoang sơ.

Không phải chúng ta đầu thai lắm thế kỷ – Tôi nói – Khi nhân loại bước vào kỷ nguyên văn minh, tràn đầy ánh sáng thì trên tổ quốc mình không phải chỉ một đôi người u uất nổi bơ vơ mà cả dân tộc hàng chục triệu người đang lầm than cơ cực trong

đêm trường đầy bóng tối của chế độ CS – một dân tộc đang tồn tại mà chẳng được tồn sinh.

* *

*

Gần tới hôm sau, Dậu hốt hải đến báo với tôi:

- Khoa bị bắt rồi. Dậu kể lại:
- Tôi chưa kịp nói gì thì xe công an cũng vừa ập tới. Tôi vội vã xuống cầu thang và lên vào phòng vệ sinh. Khi họ lên gác, tôi lẩn ra đường. Sau khi bắt Khoa và khám xét nhà xong, tôi lại đến. Gia đình Khoa cho biết, lệnh bắt Khoa là tập trung cải tạo. Mọi giấy tờ, kể cả hành lý tôi vừa mang đến đều bị thu.
- Gói hành lý có những gì? – Tôi hỏi:
- Địa bàn, đèn pin, lương khô, thuốc chữa bệnh, áo bạt, giày đi rừng... Nếu Khoa kiên cường, dũng cảm và khai khéo léo thì chúng ta thoát nạn.
- Không thoát được, trang nhật ký năm nay, Khoa có viết việc chúng ta chuẩn bị ra đi. Xem xong trang cuối thấy nguy hiểm tôi bảo Khoa đề phòng nhưng không kịp. Đau lòng hơn là nhật ký của Khoa sẽ kéo theo một số người khác vào tù.
- Khoa bị bắt về tội khác, sống không khôn khéo chứ không phải việc chúng ta đã bị lộ.
- Đúng thế nhưng từ việc họ thu nhật ký của Khoa sẽ dẫn đến tai hoạ.
- Chào tạm biệt, có thể chúng ta vào Hoả lò cả – Dậu chào tôi và ra ga lên tàu về Bắc giang.

Tôi không ngờ sự việc diễn ra xấu thế. Chưa đi được bước nào mà phải chịu cảnh tù đầy. Khoa có tâm hồn nghệ sĩ nhưng ứng xử với bên ngoài chưa nhạy cảm, nếu anh đến với tôi trước một tuần, có thể tai biến được phòng ngừa. Anh sẽ khai trốn đi đâu? Tất nhiên Khoa không đến nỗi khờ khạo khai thật trốn vào Nam hoạt động chống Cộng. Còn Dậu tuy hoạt bát thông minh nhưng chưa từng trải, khó mà đối phó nổi với thủ đoạn của bọn chấp pháp Hoả lò. Tôi tự hỏi: “Bây giờ ta trốn đi đâu trong cái lồng sắt khổng lồ này? Những chiến sĩ tự do với cái gọi là “gián điệp biệt kích” được trang bị đầy đủ phương tiện hiện đại cũng không mấy ai thoát khỏi vòng nguy hiểm, huống chi ta khi ý định đã bị tiết lộ với kẻ thù. Thôi cũng đành chờ ngày vào lồng sắt hẹp”.

Tôi đi lang thang đây đó để thăm lại những nơi tôi thường lui tới, có nhiều kỷ niệm êm đềm. Đến thư viện quốc gia và thư viện Hà nội hai nơi đó tôi coi như những trường tự học. Đến cửa hàng Thủy tạ, mấy cô nhân viên trẻ ngơ ngác nhìn tôi, một cô hỏi:

- Nhân tình của anh đi đâu vắng?
- Tôi cắt đứt rồi.

Chả là tôi và Khoa thường đến cửa hàng, tìm bàn giải khát vắng để ngồi, rủ rì tâm sự nên các cô gái ở đây bảo chúng tôi như một cặp uyên ương.

Theo đường Yên phụ, tôi đến nhà thuyền hồ Tây, nơi chúng tôi cũng thường có mặt. Mặt hồ hôm ấy gọn sóng long lanh dưới ánh trăng vàng, lữ ve trên hàng cây bên hồ thi nhau rên rỉ như khóc than nhớ thương người sắp ra đi. Đến một gốc cây cổ thụ gần chùa Trấn quốc, tôi dừng lại để hoài niệm. Tại gốc cây này, năm xưa là điểm hẹn của một mối tình thơ mộng: Thầy giáo trường Bưởi và cô gái bán hoa Ngọc hà. Cây đã chứng kiến nhiều năm hạnh phúc của họ, cây cũng nghe sự đau thương, ly biệt của hai người. Cuộc đời bác Vũ thị Hiền và Lê Ngọc Văn như một dòng sông đầu nguồn trong sau đục, còn cuộc đời tôi như một dòng nước đục ngầu không một ngày hạnh phúc. Tôi ước mơ một lần và một lần thôi, được ngồi bên em trên chiếc Péroisire II giữa hồ Tây rập rờn sóng vỗ, cùng ngắm các vì sao và vàng trăng trên nền trời cao lồng lộng. Và một ngày được sống trong thế giới tự do. Ôi, cái ước mơ nhỏ xíu ấy trong đời tôi bao giờ trở thành hiện thực. Ôi, Hà thành ngàn năm văn hiến đang bị giam cầm trong cái lồng sắt khổng lồ, tôi sắp phải từ giã nơi văn hiến ấy để nối tiếp chuỗi ngày cơ cực, nhọc nhằn hơn – cuộc sống một thằng tù. Nghĩ đến chị Bích Hằng – một phụ nữ có nhan sắc khuynh thành và phẩm hạnh; chị đã, đang trở thành mục tiêu cho bầy quỷ đói – những quái thai của thời đại hành hung và đầy đoạ, tôi thầm kêu lên: chị Bích Hằng ơi, em với chị cùng chung số phận, sinh ra đời để chịu mọi nỗi đau thương, cơ cực và tủi nhục.

Một buổi chiều, tôi đứng tựa gốc lan, mông lung suy tưởng, lơ đãng nhìn đàn chim xanh nhỏ xíu đang tung tăng nhảy nhót trên cành, tai văng vẳng nghe tiếng đàn violon trình bày bản Serenade de Schubert từ xa vọng lại. Người chơi đàn là một cô gái yêu văn nghệ, nhiều lần tôi gặp Vân ở thư viện quốc gia và nhiều lần nói chuyện với Vân về văn chương lãng mạn. Cả hai đều ý hợp – tín hiệu cho một tương lai hai trái tim cùng nhịp đập. Nhưng khi biết em là con ông cán bộ cấp cao sống trong nhà cao cửa rộng ở phố Yên phụ, tôi đã tránh mặt Vân để trốn chạy một mối tình dang dở mất nhiều nước mắt vì nghịch cảnh. Kể cũng lạ, thân phụ là ông quan cách mạng mà Vân

bài xích văn học nghệ thuật của chế độ. Em nói, đó là thứ văn nghệ quái gở phục vụ chính trị, không có linh hồn.

Bỗng tiếng hát bên song cửa vang lên buồn da diết: “.. ai nức nở thương đời, châu buồn mau, dương thế bao la sâu...”.

Tiếng hát như mũi kim nhọn nhói vào trái tim tôi, không tự chủ được mình, tôi gục mặt vào gốc lan, lệ rơi lã chã.

Nguyệt ngừng hát, em an ủi tôi:

- Xin lỗi, có thể anh khóc vì tiếng hát của em. Gần đây, em biết anh buồn lắm, đáng lẽ có anh, em nên hát những bài...

Tôi muốn nói với em đôi điều trước lúc chia tay nhưng không biết nói gì mà cũng chẳng còn nghị lực. Không hiểu vì sao, trái tim tôi quá mềm yếu trước những ân tình hoặc những lời ngọt ngào, êm ái của tình thương?

Đêm hôm đó, chuông đồng hồ điểm một tiếng, hai tiếng rồi ba tiếng, tôi vẫn nằm trằn trọc. Tôi nghĩ về quê hương với bao kỷ niệm yêu thương và tàn ác: Nhớ cánh đồng màu xanh mênh mông, bát ngát mỗi cánh chim bay, những làn sóng màu xanh vẫy chào từng cơn gió mát từ biển Đông đưa đến và chào đón ánh bình minh; nhớ tiếng sáo diều ngân nga vi vút lan toả khắp trời xanh như một bản trường ca êm ái; Nhớ hình ảnh kính yêu của mẹ – người mẹ dịu hiền trước đàn con nhỏ và cái chết thảm thương của người. Khắc sâu và còn khắc sâu mãi sự kiện bảy quý đỏ hành hình bố tôi hồi cải cách, khắc sâu đến bầm gan tím ruột mỗi hận thù. Ôi mảnh đất quê hương đã nhuộm máu của bao người lương thiện vì thứ lý thuyết ngoại lai đấu tranh giai cấp mất hết tính người. Nhớ những tháng năm cấp sách đến trường trên những chặng đường làng gồ ghề khúc khuỷu như những dấu ấn của quãng đời học sinh đầy gian truân, cơ nhọc. Nhớ những chuỗi ngày u buồn, vô vọng ở Hà thành với hình ảnh người chị hững hờ, lạnh nhạt, đối với các em chị đã bỏ rơi mất tình thương. Nhớ những thân nhân nội ngoại gần xa với cái gọi là giai cấp tính, người ta coi tôi như người xa lạ hoặc khinh rẻ vì nổi nghèo hèn. Chao ôi, cuộc đời cơ cực, tủi nhục triền miên và tương lai vẫn triền miên và triền miên như thế.

Nhìn ra khung cửa có cây lan, trước mắt tôi một khung trời nham nhở với những vì sao lấp lánh như những con mắt của thượng đế đang lơ đãng nhìn tôi. Thượng đế đã thờ ơ với số phận bất hạnh của một kiếp người. Tôi đau lòng khi thấy khắp bốn bề năm châu còn nhiều người mỉm cười với bảy quý đỏ vì chúng hiện hình như những đức Phật từ bi. Xót xa như dao cắt khi trên đất nước này, có hàng triệu người là nạn

nhân vì sự mê muội và hèn hạ, họ vẫn trung thành cam chịu một cuộc sống đọa đầy, vẫn coi bầy quỷ đỏ là thiêng liêng và tuyệt đối. Tôi mong ngày thiên hạ hội đồng, mong có thời nhân loại cùng nhau làm một cuộc thập tự chinh mới để quét sạch lũ vô thần tác yêu, tác quái, để trả lại bầu trời trong xanh và chuông nhà thờ ngân vang bay cao vút và để dân tộc phục hồi nền văn hiến của tổ tiên...

Mắt tôi mờ dần để tâm hồn bay đi tìm những ảo giác diệu kỳ. Nguyệt ngồi bên tôi trên chiếc thuyền buồm giữa dòng sông rộng lớn. Em nhìn tôi, mắt em ngời sáng màu hy vọng, em hớn hở một nụ cười như hoa xuân tươi thắm:

- Anh thân yêu ơi! Anh hãy vui lên. Nơi đây là ước mơ của cuộc đời anh. Nơi đây không phải chiếc lồng sắt khổng lồ đang giam cầm quê hương anh và tổ quốc mình. Nơi đây là trái tim của thế giới tự do, là quê hương của Washington vĩ đại.

Tôi sung sướng đặt lên môi em, một nụ hôn nóng bỏng – nụ hôn đầu của cuộc đời. Hơi thở em phả vào mặt tôi, hơi ấm lan truyền đến một trái tim giá lạnh. Hơi thở của tình yêu huyền diệu biết bao làm trái tim tôi rung lên như một khúc nhạc rộn ràng. Cặp mắt xanh mơ màng nhìn lên bầu trời tự do, em nói tiếp:

- Nơi đây không phải cái ước mơ nhỏ xíu “một lần và chỉ một lần ngồi bên em trên chiếc Pérois II...”. Nơi đây là dòng Mississippi, em và anh đang ngồi trên chiếc thuyền buồm no gió để chiêm ngưỡng khoảng trời và miền đất như mùa xuân của nhân loại. Chúng ta sẽ hành trình khắp nơi trong thế giới tự do. Em và anh ngồi bên nhau trên con tàu vượt Đại tây dương đến thăm xứ sở sương mù, nơi có thành phố Luân đôn mờ ảo và những tiểu thư điệu bộ nhất thế gian. Chúng ta sẽ đến thăm nơi có lâu đài Tem pon tô thuở trước, nơi đã diễn ra cuộc huyết chiến để bảo vệ nàng Rebecca kiều diễm của chàng hiệp sĩ Ivanhoe và Bois Guilbert dòng tu thánh chiến. Vượt qua biển Manche, chúng ta cùng sánh bước trên đường phố Paris hoa lệ. Chúng ta sẽ dạo chơi trong vườn Luxembourg để ôn lại mối tình thâm lặng của chàng Marius và nàng Cosette. Chúng ta sẽ tắm mát bên bờ Địa trung hải trong xanh và đến thành Venise để chiêm ngưỡng những cô gái lẳng lơ hàng đầu thế giới. Rồi từ đó, em và anh bay đến đất Phù tang, chúng ta sẽ hái hoa anh đào để chào đón vầng dương thức dậy trên ngọn núi fujii...
- Dậy, dậy mau!

Tôi bừng tỉnh thấy công an Hoà lò, hộ tịch và bảo vệ dân phố đã có mặt.

- Anh biết chúng tôi đến đây làm gì không? – Phó phòng chấp pháp Nguyễn hữu Viên hỏi.
- Tôi không biết.
- Anh đứng nghiêm nghe lệnh.
- Sở công an Hà nội ra lệnh bắt tên Nguyễn Tâm đang tích cực chuẩn bị trốn theo địch. Anh nghe rõ chưa?
- Tôi rất ngạc nhiên.
- Còn giả vờ ngạc nhiên à? – Viên ra lệnh tên cảnh sát đeo súng ngắn khoá tay tôi và khám nhà.

Chúng thu những sách của nhà xuất bản sự thật. Tôi thoáng nghĩ, tại sao chúng lại thu những sách này? Và tự trả lời, đây là những sách lý thuyết nói về bản chất của chế độ CS. Vì khô khan, trực trặc nên rất ít người đọc, thậm chí nhiều trí thức không quan tâm đến. Khác với báo chí, đài, văn học nghệ thuật là sách lược, công cụ tuyên truyền bịp bợm. Chẳng hạn, trong báo chí thường đăng: bản chất của chủ nghĩa đế quốc là xâm lược và gây chiến, hay đế quốc là cơ sở vật chất gây ra chiến tranh. Nhưng trong lý thuyết lại viết, còn đế quốc, Tư bản là còn giai cấp đối kháng. Để tiêu diệt giai cấp đối kháng, chúng ta dùng bạo lực cách mạng hay chiến tranh cách mạng. Từ đó, tôi có quan điểm ngược lại là chủ nghĩa CS chỉ tồn tại và phát triển trong chiến tranh. Bởi vì tàn bạo và bịp bợm là thứ vũ khí có hiệu quả cao trong cuộc chiến. Nhưng trong hoà bình, thứ vũ khí này trở thành con dao hai lưỡi kìm hãm sức sản xuất đưa đến nền kinh tế chỉ huy của CS trì trệ. Đọc sách chủ nghĩa Marx – Lénine có suy luận là tìm thấy một phần bản chất tàn bạo, nham hiểm của CS, nên những người như tôi đọc loại sách này là kẻ thù của chúng.

Trong lúc bắt tôi và khám nhà, anh Cương tuy là người ngoài cuộc, trông anh thăm hại làm sao! Mặt anh tái mét, thân hình dúm dó ngồi ở góc giường. Ở thời đại này, người có lòng nhân ái khi muốn làm điều thiện phải có thêm lòng dũng cảm. Gần mười một năm tù, tôi không một lần nhận được của anh thư hay lời thăm hỏi.

Mọi người có mặt trong chùa đứng xa nhìn lại, riêng Nguyệt đứng gần hơn, khoé mắt em rung rung lệ. Tôi chào từ biệt, em khẽ gật đầu rồi lấy khăn mùi xoa lau nước mắt.

Trước khi lên xe tù, tôi nhìn lại ngôi chùa lần cuối, cây lan đứng im, hoa không toả hương thơm. Hình như cây cũng buồn vì từ nay không được nghe tôi tâm sự. Đàn chim xanh ríu rít hót trên cành hằng ngày hôm nay cũng không thấy đến, làm tôi nhớ

lại câu thơ của cụ Nguyễn Du: “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?”. Và có lẽ em Lê minh Nguyệt từ nay cũng không hát nữa, bởi vì em không còn thính giả.

HỒI BA – Nhà tù

I Hoả lò.

Vào Hoả lò, Viên hỏi cung tôi ngay:

- Chúng mày định trốn đi đâu?

Tôi thoáng nghĩ, phải biết Khoa đã khai thế nào? Muốn thế, tôi giả vờ như chẳng biết gì để hấn bức mình, không tự chủ được sẽ nói ra. Tôi trả lời:

- Tôi chẳng biết ông định hỏi gì?
- Muốn được khoan hồng, mày phải khai ngay, mày ngoan cố phải không?
- Thưa ông, tôi không biết thì khai gì được?

Mắt Viên trợn ngược, hai bàn tay đập mạnh xuống bàn, quát:

- Mày có bàn với tên Khoa trốn sang Thái lan không?
- Tôi không bàn đi đâu cả.

Tôi nghĩ, giấy trắng mực đen trong nhật ký của Khoa, tôi không thể không nhận có ý định trốn đi. Nếu Khoa khai trốn ra nước ngoài với mục đích kinh tế thì nhận được rồi nhưng nếu mình nhận ngay hấn sẽ không tin, cho rằng đã bàn với nhau từ trước.

- Chúng mày đã mua sắm những gì để chuẩn bị trốn theo địch?
- Tôi vô cùng ngạc nhiên câu hỏi của ông?
- Mày có quan hệ với tên Khoa và tên Dậu không?
- Thưa ông, ngày trước tôi có làm với Khoa ở hợp tác xã nhưng không thân. Còn Dậu, tôi không biết.

Hấn hỏi đi, hỏi lại, quát tháo hồi lâu không có kết quả, hấn nói:

- Tao cho mày nằm suy nghĩ vài ngày, nếu tiếp tục ngoan cố sẽ tổng mày xuống Cacho.

Nói xong, hấn đưa tôi vào phòng giam.

Sau khi khám xét kỹ càng quần áo, đồ dùng, tên cảnh sát trông coi nhà giam đưa tôi vào phòng số bảy. Lúc ấy đã gần mười hai giờ trưa phòng giam đã khoá cửa.

Buồng có gần ba chục người bao gồm nhiều đội khác nhau: ngụ quân, ngụ quyền, tu sĩ, giáo dân ngoan đạo, đảng phái, vượt biên, phản tuyên truyền, nghe đài địch, hát nhạc Sài Gòn, tham ô, lừa đảo, hiếp dâm, trộm cắp...

Thấy tôi mới đến họ nói đùa:

- Ở đây toàn là khách đến chơi lâu, xem ra chú khách này bình thường quá.
- Bình thường là thế nào? – Tôi hỏi.
- Ai đến đây cũng phải mưa rơi lúc đầu, riêng chú khô khan như nắng hạn.
- Nước mắt có rửa được tù đầy đâu mà phải khóc?
- Tuyệt! Thằng cha này cứng cổ lắm đây – Lê Sinh nói. Gã dáng người cao to, gáy phẳng, mắt ốc nhồi. Nghe đâu gã là cán bộ văn hoá tham ô vụ triển lãm Vân hồ, bị xử bốn năm tù. Nhưng Lê Sinh không phải đi trại, được ở lại làm cò mồi cho chấp pháp. Để lập công chuộc tội, gã đã đưa nhiều người vào bẫy, lĩnh án nặng. Nhiều người khuyên tôi phải cảnh giác gã, nhưng tôi nghĩ phải tương kế tựu kế, dùng Lê Sinh khai cung cho mình định trốn sang Thái Lan vì lý do kinh tế. Tôi muốn bản cung sớm kết thúc, nếu kéo dài sẽ nảy sinh ra nhiều vấn đề phức tạp hơn. Thế là tôi giả vờ tâm sự với Lê Sinh.

Ba ngày sau, Nguyễn hữu Viên lại gọi, tôi đoán Lê Sinh ngầm báo cho hắn biết rồi. Viên hỏi:

- Hôm nay, mày nhận chưa?
- Thưa ông, tôi không làm gì, không biết gì để nhận cả?
- Mày đừng ngoan cố nữa. Báo cho mày biết đã có thêm nhân chứng về tội của mày.
- Thôi được, hôm nay tôi xin thành thật khai. Tôi, Khoa và Đậu uống cà phê ở cửa hàng Thủy tạ, thấy hai vợ chồng Việt kiều từ Thái Lan mới về nước, nói chuyện với nhau làm ăn bên Thái dễ, nếu tu chí sẽ mau chóng giàu có. Do vậy, chúng tôi bàn nhau trốn sang Thái để làm ăn sinh sống. Việc chuẩn bị hành lý do Khoa và Đậu, tôi chưa biết đã mua sắm được đến đâu.
- Mày định trốn đi bằng đường nào?
- Chúng tôi định lên Điện Biên. Từ đó sang Lào, đến Luang Prabang và cuối cùng là sang Thái. Một việc làm đầy tính phiêu lưu, mạo hiểm.

Viên bảo tôi ký vào bản cung và cho về phòng giam. Hiện tại, Dậu vẫn chưa bị bắt, vậy Dậu sẽ khai thế nào, làm tôi lo lắng? Dù sao cũng bị tù rồi nhưng nếu cùng khai trốn sang Thái để làm ăn sinh sống sẽ giảm được thời gian tù tội.

* *

*

Hơn một tháng ở nhà giam, tôi biết được tình tiết tội trạng của một số người, thật là những câu chuyện cười ra nước mắt.

Người mắc trọng tội là bác Vũ quang Nghĩa. Xưa kia, bác học tại trường Colleg Vinh, sau tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp, cấp đại úy. Hoà bình lập lại, bác chuyển sang ngành giáo dục, dạy ở trường Tây sơn. Vì không tán thành các chính sách của đảng, bác bất mãn với chế độ. Bác Nghĩa cùng với một ông bạn là Phan khắc Liên – nhà thơ kịch và một giáo viên là Đỗ văn Kha thành lập một đảng phái chống Cộng. Đảng chưa có tên gọi, chưa thảo cương lĩnh và điều lệ. Thực ra mới trong các buổi uống cà phê, tán gẫu. Sau đó có thêm một người, qua vài buổi hội đàm, thấy nguy hiểm, người đó đã làm đơn tố cáo. Cả nhóm bị bắt, sau một thời gian giam cứu, toà án phạt Vũ quang Nghĩa mười hai năm tù, Phan khắc Liên mười năm, Đỗ văn Kha tám năm. Khi tuyên án xong Kha khẩn khoản van xin: quý toà thay đổi cho tôi cái tội danh, chẳng hạn tội hiếp dâm hoặc tội lưu manh cũng được, còn mang tội phản cách mạng thì nhục lắm, nhục lắm.

Vũ công Hoà mười chín tuổi, con một gia đình cách mạng. Thân phụ Hoà làm việc ở uỷ ban nhân dân thành phố. Hoà có nét mặt đần độn, tuy học hết lớp mười nhưng chẳng hiểu biết gì. Trong trại giam Hoà có biệt danh là Lửng.

Hoà cùng bạn đi uống bia, trong lúc ngà ngà say, Hoà nói, có ước mơ sang Pháp sống. Bạn của Hoà phản phúc đi tố cáo, Hoà bị bắt khẩn cấp vào Hỏa lò lúc mười hai giờ đêm. Nhiều người nói với Hoà, không có nhân chứng, mày đừng nhận. Nếu là phạm pháp hình sự như trộm cắp, lưu manh thì cương vị của bố mày sẽ che chở được, còn tội phản cách mạng thì không thể. Hoà bị hỏi cung liên tiếp ngày đêm. Đồng thời thân phụ Hoà gửi thư cho con với nội dung: “Con cứ nhận sai lầm, không khi nào đảng lại truy tố con. Bởi vì gia đình ta là gia đình cách mạng”. Một hôm vào Hỏa lò gặp con, ông nói: nếu không nhận tội từ nay bố sẽ từ con. Không đủ nghị lực để chịu đựng đói khổ nếu không được gia đình tiếp tế, Hoà đã nghe lời bố, nhận tội muốn trốn sang Pháp nhưng đi bằng cách nào quả thực chưa nghĩ đến, nên anh ta cứ quanh co mãi. Chấp pháp ép cung nhiều lần Hoà không biết phải khai thế nào? Và cuối cùng,

Hoà nhận có ý định chạy vào tổng đại diện Pháp ở phố Hàm long. Rốt cuộc Hòa bị xử sáu năm tù và ba năm mất quyền công dân. Khi hết án Hòa không được về Hà nội mà phải đi công trường trong lúc chiến tranh. Sau khi xử, Hòa được gặp bố, anh ta khóc lóc bắt vạ bố đã ép anh ta phải nhận tội. Ông bố cũng khóc và nói rằng, bố không hiểu gì pháp luật. Ông ta nói đúng lắm, ngoài bộ công an và ngành toà án, có mấy ai hiểu nổi luật rừng của CS.

Phan văn Được hơn ba mươi tuổi, tính tình cắc lắc hay nói lảng nhăng, bậy bạ. Quê Được ở Thanh Hoá, hồi cải cách gia đình là địa chủ. Đầu năm 1960, Được ra Hà nội xin làm phụ động ở nhà máy cơ khí Mai động. Thời gian ở nhà máy, Được đánh vỡ hai cái bóng đèn điện. Anh ta yêu một phụ nữ là vợ của bộ đội nhưng anh ta lại mắc bệnh si tình. Biết tin đó, người bộ đội làm đơn kiện.

Được bị bắt vào Hoả lò và xử sáu năm với những tội danh sau: nói lảng nhăng phản tuyên truyền, hai năm tù, làm vỡ hai cái bóng đèn quy vào tội phá hoại kinh tế, hai năm, quyền rũ vợ bộ đội, hai năm.

Nguyễn Kỳ, giáo viên cấp hai, dạy văn. Một buổi tối anh dạo chơi qua hồ Hoàn Kiếm. Đến câu lạc bộ Thống nhất, gặp một tên côn đồ đang hành hung một người, máu hiệp sĩ bốc lên “giữa đường thấy sự bất bình chẳng tha”, Kỳ xông vào bênh kẻ yếu. Ngay sau đó, công an có mặt, gọi cả bọn về khu lập biên bản và bắt xuất trình chứng minh thư. Đến nửa đêm, người bị nạn và cả kẻ hung thủ được tha, còn Kỳ bị giữ lại. Anh thắc mắc:

- Tại sao không cho tôi về?
- Có việc cần đến anh – Công an trả lời.

Thì ra trong chứng minh thư gấp một lá thư viết cho người yêu với nội dung chán đời, buồn xã hội. Sáng hôm sau, Kỳ bị đưa vào Hoả lò, anh bị xử bốn năm tù và hai năm mất quyền công dân. Tên anh là Kỳ, sự kiện dẫn đến phải ngồi tù cũng kỳ đấy chứ!

Bác Nguyễn văn Ty, người thành phố Sài gòn. Sau khi hiệp định Geneva ký kết, là chức sắc trong tổ chức phật giáo, bác bị cưỡng bức di cư ra miền bắc và làm ở sở nhà đất Hà nội với mức lương không thay đổi hơn mười năm, bốn mươi năm đồng một tháng. Đến nay bác bị bắt đi tập trung cải tạo.

Về sau, tôi còn biết rất nhiều người ở các đô thị miền Nam bị cưỡng bức ra Bắc và lần lượt đi tù.

Bác Đoàn văn Thích hơn năm chục tuổi, người thấp bé, mắt kèm nhèm, làm nghề đập xích lô từ khi còn trẻ, vợ bác buôn bán hàng rong. Gia đình bác vào diện phải đi khai hoang miền núi. Do vậy, nhà vừa bán được con lợn hai trăm đồng thì công an hộ tịch đến vay một trăm. Biết thân phận mình không thể chối từ nên bác phải cho vay. Hơn một năm, công an hộ tịch vẫn không trả lại bác, tất nhiên bác cũng không dám đòi. Đúng vào thời điểm vợ bác bị bệnh nặng, phải nằm viện, bác liều đến đòi tiền. Tên công an ngang ngược trả lời:

- Khi nào có tôi trả, ai bảo bác đến đây?

Bác Thích phát khùng lên:

- Vợ tôi đang nằm viện, anh muốn giết người thì không trả.

Tên công an bắt bác ra đồn, lập biên bản buộc tội bác vu khống, gây rối trị an. Bác Thích phải nhận lệnh tập trung cải tạo.

Đúng là tiền mất, tật mang.

Hồ văn Hoan, một nông dân quê ở Nghệ an. Thời gian đó đang chiến tranh ác liệt bằng không quân của Mỹ nên ở vùng Trung nhiều mặt hàng giá đắt đỏ: giá một bao diêm bảy hào (giá ở Hà nội một hào), một gói thuốc lá Trường Sơn giá một đồng hai hào (ở Hà nội giá ba hào). Hoan có ba trăm đồng ra Hà nội định ăn chơi một thời gian cho thoả thích rồi mua diêm, thuốc lá về quê bán lấy lãi bù vào khoản tiền đã chi tiêu. Đến ga hàng Cỏ, thấy cửa hàng uốn tóc lạ mắt, Hoan vào làm đầu rồi ăn uống, nghỉ ngơi ở khách sạn Đồng lợi.

Ngày sau, Hoan hỏi thăm về hồ Hoàn Kiếm và nhậu ở khách sạn Phú gia. Hoan hỏi một người làm trong khách sạn, ở Hà nội có khách sạn nào sang nhất và lớn nhất? và được trả lời là khách sạn Thống nhất. Tội cho chú quê mùa, mới bước vào cánh cửa quay của khách sạn đã bị tóm cổ đưa vào Hoả lò. Nhìn Hoan rất ngộ nghĩnh, quần áo nâu còn dính nhiều vết bùn loang lổ, mặt đen thui vì cháy nắng, tóc lại uốn, tiếng nói trọ trẹ khó nghe. Ấy thế mà cũng phải ngồi tù năm tháng. Trong giấy tạm tha của Hoan có câu: tình nghi phản cách mạng. Hoan khóc như một đứa trẻ và nói:

- Tôi tưởng nông dân thì khó phạm tội phản cách mạng, không ngờ còn dễ hơn cả đi chơi.

Những chuyện phạm tội có tính chất như trên nhiều lắm, được quy vào tội danh phản cách mạng, đến nỗi đa số tù ở đây không ai tin tội lỗi của ai, thậm chí không tin vào tội của chính mình tại sao phải nhận án nặng, phải ngồi tù hoặc mắc tội gì mà phải đi tập trung cải tạo?

Tôi ở đây đã gần hai tháng. Ở buồng giam này, tên quản giáo rất khắt khe. Hắn là người liên khu năm, nói nhát gừng từng tiếng một, mắt trắng dã trông dễ sợ. Chiều thứ bảy, can phạm được nhận tiếp tế, không được gặp gia đình. Tên quản giáo ra lệnh không ai được cho ai một thứ gì, phải ăn tiếp tế vào bữa cơm.

Từ cái “lệ làng” này, nhiều người bị cùm hoặc các hình thức kỷ luật khác vì tội ăn vụng đồ tiếp tế của mình. Có nhiều người nhận được tiếp tế sau bữa cơm chiều thứ bảy, mặc dù rất đói đành phải để ngày sau chờ đến bữa cơm mới dám ăn.

Trong Hoả lò mới đúng là tù ngồi. Theo giờ hành chính, suốt ngày tù phải ngồi xếp bằng ngay ngắn để nghe đọc báo, đọc sách hoặc kiểm điểm.

* *

*

Giữa tháng mười, nhân ngày đi đổ thùng, tôi thấy Dậu ở buồng số 8. Dậu gio tay chào tôi. Ngay ngày hôm sau tôi lại bị đi cung. Tên chấp pháp là Lê hữu Lượng người miền Trung nam bộ, hắn nói:

- Anh đã lừa cơ quan pháp luật, khai bịa đặt – Viên ngồi bên Lượng, hắn hằn học nói:
- Mà có ý thức phản cách mạng rõ ràng.

Lượng đọc bản cung khai của Dậu cho tôi nghe, nội dung như sau: “Tôi và Khoa khởi xướng việc trốn vào Nam, mục đích đầu tiên: tố cáo trước dư luận về cuộc sống cơ cực, mất tự do của nhân dân miền Bắc. Khi có được lòng tin của chính quyền Sài Gòn sẽ xin sang Mỹ học, xin vào các trường theo năng khiếu của từng người. Tâm có năng khiếu về triết học, logique học, Khoa về thơ văn, còn tôi về quân sự. Vì theo nhận xét của Tâm, tính tôi lắm lì, dũng cảm, có thái độ bình tĩnh trước những diễn biến bất ngờ, hợp với tính cách của một người lính. Khi học hành thành tài, nếu chiến tranh chưa kết thúc, chúng tôi sẽ trở lại miền Nam hoạt động chống Cộng. Việc chuẩn bị lên đường do tôi và Khoa đảm nhiệm. Khi nào xong xuôi cả ba đều trốn. Mặc dù vậy, chúng tôi cho rằng, việc trốn đi hết sức phiêu lưu, mạo hiểm, không dễ dàng gì thoát được...”

Đọc xong, Lượng nói:

- Chúng tôi không cần lời nhận tội của anh cũng đủ bằng chứng đưa ra toà. Tuy nhiên, để giảm bớt một phần tội trạng, tôi cho anh giấy bút, suy nghĩ khai thế nào cũng được. Nếu tiếp tục ngoan cố, pháp luật sẽ thẳng tay trừng trị.

Đúng là Dậu không đủ khả năng đối phó với thủ đoạn của bọn chấp pháp nên anh đã khai thật, nhưng còn rất đơn giản. Tôi phải nhận theo lời khai của Dậu để bản án không nảy sinh phức tạp. Nếu Dậu khai thêm tập nhật ký của Khoa từ năm 1961 – 1964 và tập hồi ký của tôi thì bố Khoa là người cất giấu cũng không tránh khỏi tai hoạ. Còn tôi và Khoa có thể không hẹn ngày về.

Trong lúc ngồi ở hành lang phòng chấp pháp viết bản khai cung, tôi thấy trong cổng Hoà lò một toán tù nữ sắp lên ô tô đi trại. Tôi thoáng nhìn thấy Nga, và có lẽ, em thấy tôi đã lâu, em giơ tay chào tôi. Nga thay đổi quá nhiều, dáng người gầy yếu, quắt queo, má hóp lại, da xanh nhợt không còn là một cô gái đẹp, duyên dáng như xưa. Khoảng cách xa nên chẳng nói với nhau được lời nào, thế là cuộc đời Nga thực sự bước vào bóng tối.

Tết năm ấy, ngoài tôi, ai cũng có gia đình đến gửi quà tiếp tế. Người ta nói với nhau:

- Il est sans famille.
- He has no family.
- Nó không có gia đình – Người nói nhỏ với vẻ mỉa mai, chế giễu.

Họ không biết, tôi không có gia đình là do CS cũng như họ đang bị tù đầy. Lời nói thiếu ý thức của họ làm lòng tôi quặn đau thêm. Cách đó mười năm, bố tôi qua đời vì bàn tay hung bạo của bầy quỷ đỏ, nhà cửa bị cướp, tình thương yêu thiêng liêng duy nhất còn lại, tôi đã bị chôn vùi không gì thay thế hoặc bù đắp. Kiếp sống đơn côi đã thấm vào từng làn da, thớ thịt của tôi. Thời gian cứ nặng nề, lặng lẽ trôi, số phận đơn côi, hiu quạnh ấy cứ lẫn quẩn trong vòng cơ cực, tủ nhục để anh chị em xa lánh, họ hàng khinh miệt cùng với sự hắt hủi của xã hội và những mưu cầu vô vọng. Họ không hiểu rằng, tôi chỉ là một nạn nhân đáng thương nhất trong số họ. Rồi đây, ai sẽ là người may mắn được sum họp với gia đình, ai phải bỏ xác nơi rừng núi?

* *

*

Cuối tháng ba, công an Hoà lò đưa tôi sang viện Kiểm sát nhân dân Hà nội để thẩm lại cung. Tôi bước vào phòng, một ông trạc ngoài năm mươi tuổi, đeo kính trắng, hỏi tôi:

- Anh có phải là Nguyễn Tâm không?
- Vâng, thưa ông!

- Hôm nay, tôi thay mặt viện Kiểm sát nhân dân Hà nội hỏi anh một số vấn đề bổ sung cho bản cung của anh chưa rõ.

Trước hết, hỏi anh ngoài đề một chút, ở ngoài có một số người quen và tên Khoa thường gọi anh là cái máy tính điện tử, người theo trường phái Hegel trẻ hoặc học trò danh dự của Bruno baue có đúng không?

- Thưa ông, đó là những lời bông đùa của tuổi trẻ, tôi xin ông tha thứ – tôi trả lời và thoáng nghĩ, những câu nói đùa với nhau lúc này cũng thành ra tội rồi đây.
- Trước khi vào việc – ông viện kiểm sát nói – Tôi đề nghị, về phần tôi, thay mặt cho cơ quan pháp luật muốn buộc tội anh phạm tội có nguyên nhân theo ý nghĩ của mình. Về phần anh thì ngược lại, nghĩa là tìm mọi lý lẽ để biện bạch cho hành vi sai phạm của mình. Tôi cho rằng, theo chủ quan của từng người là sai. Do vậy, hãy lấy thực tế khách quan là kim chỉ nam làm việc của tôi và anh hôm nay. Anh có nhất trí không?
- Vâng, thưa ông!
- Câu hỏi thứ nhất: Vì động cơ gì anh đã chuẩn bị vượt tuyến trốn theo địch? Câu hỏi này, anh hãy lấy tính nhân quả để phân tích.

Tôi nảy ra ý nghĩ, mình bị bắt vì lý do chính trị trong thời buổi chiến tranh, nếu có giả ngây, giả ngọng, chúng cũng chẳng tha mình sớm nên tôi trả lời:

- Thưa ông, tôi sinh ra trong một gia đình phong kiến. Mặc dù vậy, thân phụ tôi ăn ở hiền lành. Sau cách mạng, gia đình tôi đã làm hết sức mình để làm nghĩa vụ với chính quyền. Chẳng những thế, gia đình tôi lại có ba thân nhân bị thực dân Pháp giết hại trong cuộc chiến. Thế mà hồi cải cách ruộng đất gia đình tôi vẫn không thoát nạn, thân phụ tôi bị bắn, nhà cửa, tài sản bị tịch thu toàn bộ. Tôi trở thành một đứa trẻ không cha, không mẹ, không nhà cửa, ăn đói mặc rét, cố gắng vừa học vừa làm kiếm sống, mong ước có được một nghề để sinh sống sau này. Cả ước mơ tầm thường phải có cho mọi con người, tôi cũng bị đập vùi tàn nhẫn: học bị đuổi, xin việc làm không được vì lý lịch gia đình.

Thưa ông, đã là một con người, dù là một tên nô lệ cũng phải có việc làm để kiếm sống, chưa nói đến quyền được tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc. Những năm tháng tôi bơ vơ, thất nghiệp, cuộc sống thiếu thốn trăm bề. Chẳng những thế về mặt tinh thần thì liên miên lo sợ, hoảng loạn vì nay bị dọa đi quê hương mới, mai bị vận động ra khỏi thành phố.

Phải chăng xã hội đã dồn tôi đến bước đường cùng? Đó là nguyên nhân thứ nhất. Từ đó buộc tôi phải quan sát rộng hơn, nhìn toàn xã hội. Tôi tự hỏi, hiện nay nhân dân đang sống thế nào? Và tự trả lời, họ đang lầm than, cơ cực, bị bóp nghẹt mọi quyền tự do, dân chủ. Một xã hội không có quyền con người thì xã hội đó không thể có hạnh phúc...

Ông kiểm sát ngắt lời tôi:

- Nhân dân cả nước đang hào hùng khí thế cách mạng chống Mỹ, cứu nước. Tại sao anh dám nói nhân dân không có quyền tự do?
- Thưa ông, muốn biết một thể chế có quyền con người, quyền tự do hay không, trước hết phải xét đến quyền tự do ngôn luận. Ở Hà nội, ai cũng biết rằng, có tờ báo nhân dân là tờ báo đảng, ngoài ra còn những tờ báo khác như thời mới, Hà nội, thống nhất, lao động, tiền phong, văn nghệ... Những tờ báo này đều do cơ quan nhà nước phát hành, những bài quan trọng đều rập khuôn theo tờ báo đảng, có tờ báo nào đại diện cho tiếng nói của nhân dân đâu? Nói chung báo chí, đài phát thanh là cơ quan ngôn luận của đảng, phim ảnh, văn nghệ cũng phục vụ cho đảng. Thật là một điều nghịch lý nếu có quyền tự do ngôn luận lại có tội phản tuyên truyền. Khi quyền tự do ngôn luận bị tước bỏ thì làm gì còn tồn tại các quyền tự do, dân chủ khác. Đây là nguyên nhân thứ hai đã dẫn tôi đến con đường phải vượt tuyến vào Nam.
- Tôi cho rằng, tư tưởng là thống soái – Ông viện Kiểm soát nói – Anh trốn vào Nam chống Cộng vì ý thức giai cấp và bố anh bị cách mạng xử trí.
- Thưa ông, tôi không phủ nhận việc chết oan của bố tôi là một nguyên nhân nhưng chỉ là thứ yếu. Người cha dù chết bất cứ trong hoàn cảnh nào thì con cái cũng phải thương tiếc, khóc than, đó là lẽ sống vĩnh hằng. Tuy nhiên, trong xã hội loài người từ xưa đến nay có rất nhiều trường hợp cha thờ một vua, con thờ một chúa, cha đi đường này, con đi nẻo khác. Nếu ngày nay đảng tạo ra một xã hội để mọi người có quyền tự do, dân chủ, có quyền mưu cầu hạnh phúc, từ đó vì lương tâm đối với cộng đồng buộc tôi phải phục vụ cho đất nước.

Thưa ông, tư tưởng là thống soái, chỉ huy mọi hành động nhưng trong học thuyết Marx lại nói: “Con người là sản phẩm của hoàn cảnh”, có nghĩa là hoàn cảnh đã dẫn tôi đến bước đường cùng phải bỏ trốn đi nơi khác, giống như bản năng tự vệ của muôn loài. Còn ý thức giai cấp như lời buộc tội của ông, cho phép tôi được trình bày. Cách

mạng tháng tám, tôi mới lên ba tuổi. Gia đình tôi không có của cải để lại, không có nguồn thu nhập nào khác ngoài những bàn tay lao động. Tôi lớn lên và trưởng thành dưới chế độ mới. Mặt khác, tôi không nhà cửa, không tài sản, không việc làm, không được học hành tử tế. Chẳng những thế, tôi mất cha, mất quyền mưu cầu hạnh phúc, mất niềm vui, bị dập tắt mọi ước mơ và hy vọng mà tất cả đều do đảng.

Thưa ông, đó là hoàn cảnh của tôi. Hoàn cảnh ấy chỉ dẫn đến ý thức chán ghét chế độ chứ không thể sản sinh ra ý thức phong kiến hay Tư bản. Ông suy luận để buộc tội tôi: con mang ý thức của cha – ý thức phong kiến chống cách mạng. Có nghĩa là ý thức sản sinh ra ý thức, tôi e rằng ông là marxist mà theo cách suy luận ấy không có cơ sở khoa học của phương pháp tư duy biện chứng.

Thưa ông, cho phép tôi được giải thích thêm: Dậu xuất phát từ một gia đình nông dân nghèo, bố là liệt sỹ. Anh ta sinh ra và lớn lên sau cách mạng. Trước khi bị bắt, Dậu là công nhân biên chế ở công vụ đường sắt Bắc giang. Vậy anh ta có ý thức gì nếu không phải đã nhận thức được sự bất công của xã hội? Có thể ông buộc tội tôi đã xúi giục anh ta trốn theo địch nhưng sẽ là một điều phi lý nếu cho rằng tôi – một kẻ cùng cực của xã hội, đang bị dồn đến chân tường lại có khả năng thuyết phục Dậu. Để bỗng chốc anh ta từ bỏ lý lịch tốt đẹp của gia đình và bản thân với chế độ và phủ nhận sự giáo dục của đảng hàng chục năm về ý thức cách mạng.

- Anh tìm mọi lý lẽ để ngụy biện và bào chữa cho sai phạm của mình. Anh dám cho rằng, xã hội ta không có tự do, dân chủ. Vậy đảng ta độc tài à?
- Thưa ông, ngôn ngữ mà đảng dùng trong sách báo là nền chuyên chính vô sản. Tôi học được một ít từ tiếng anh, theo sự hiểu biết nông cạn của tôi, từ độc tài đồng nghĩa với từ chuyên chính mà tiếng anh là dictatorship. Vậy có thể viết lại là nền độc tài vô sản. Nếu có dân chủ thực sự, ông hãy hỏi xem có bao nhiêu phần trăm gia đình muốn làm việc trong hợp tác xã nông nghiệp và có bao nhiêu phần trăm số người tình nguyện đi vùng kinh tế mới với ước mong của họ. Nếu tôi không nhầm, đại đa số là do bắt buộc.
- Anh nói láo, ai muốn vào hợp tác xã nông nghiệp hoặc đi miền núi đều có đơn xin, nhà nước không cưỡng bức.
- Thưa ông, là người thi hành các chính sách, ông rõ hơn tôi. Tuy nói là vận động nhưng muốn thực hiện được, ai chẳng biết nhà nước phải áp dụng biện pháp chính quyền, cao hơn là toà án và nhà tù.

- Câu hỏi thứ hai: Anh cho rằng, nhà nước bắt anh sai hay đúng? Câu hỏi này, anh hãy lấy tính tự do và tính tất yếu để phân tích.
- Thưa ông, vì an ninh và sự tồn tại của chế độ bắt tôi là đúng. Ngược lại, vì chân lý và lương tri của loài người, mà bỏ tù tôi là sai lầm.
- Anh đặt phạm trù chế độ đối lập với chân lý à?
- Thưa ông, đúng thế. Tôi cho rằng một thể chế không mang lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân, đứng về bình diện chân lý, thể chế đó không được phép tồn tại nữa. Do vậy mọi mưu đồ, mọi hành động kéo dài sự sống của thể chế đó đều là sai lầm.
- Đảng lãnh đạo nhân dân đã chiến thắng thực dân Pháp, đang chiến thắng đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Nếu không có chính nghĩa, không có chân lý thì tại sao liên tiếp chiến thắng vẻ vang như vậy? Bởi vì chính nghĩa bao giờ cũng thắng.
- Thưa ông, câu nói chính nghĩa bao giờ cũng thắng không phải là một quy luật, một tính tất yếu. Câu nói đó còn rất nhiều sai số. Chỉ nhìn lại lịch sử Việt nam cũng rõ. Các cuộc khởi nghĩa của hai bà trung, bà triệu, Lý bôn, Mai thúc Loan... chống lại sự thống trị của phong kiến Trung hoa, cuối cùng đều thất bại. Các cuộc khởi nghĩa của Phan đình Phùng, đội cung, đội Cấn, Phan bá Vành... chống lại thực dân Pháp cũng cùng số phận. Theo quan điểm lịch sử hiện nay, vua Quang trung là vị anh hùng dân tộc có công diệt chúa Trịnh, phá tan quân xâm lược Mãn thanh nhưng quân Tây sơn không thu được thắng lợi cuối cùng và chết yểu. Ngược lại Nguyễn Ánh là vị vua bán nước “rước voi về giày mả tổ” lại chiến thắng Tây sơn, thống nhất giang sơn lập nên triều đình nhà Nguyễn tồn tại gần một trăm năm mươi năm. Tôi cho rằng, sự nghiệp chống Mỹ của đảng có giành được thắng lợi hoàn toàn cũng không có cơ sở để khẳng định sự nghiệp ấy là chính nghĩa.
- Anh muốn phủ nhận hoàn toàn sự nghiệp chính nghĩa của đảng phải không?
- Thưa ông, tôi không có ý định hồ đồ ấy. Một tên tướng cướp có khi còn làm điều thiện, hướng chi một chế độ. Tuy nhiên tội ác của một tên tướng cướp dù ở tầm cỡ nào cũng không thấm vào đâu so với một chế độ độc tài, tàn bạo tồn tại nhiều thập kỷ.
- Nếu thế, anh hãy nói những chủ trương, chính sách nào của đảng theo ý nghĩ của anh là đúng đắn.

- Thừa ông, bản tuyên ngôn độc lập của Hồ chủ tịch ngày 2 – 9 – 1945 là tiếng nói chính nghĩa, đầy sức thuyết phục. Đảng kêu gọi xoá nạn mù chữ, phát động phong trào bình dân học vụ sau cách mạng là một chủ trương hay. Cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp về danh nghĩa là cuộc chiến ái quốc. Tuy nhiên sau này đảng sử dụng nhiều biện pháp tàn bạo đối với những người lương thiện bị nghi ngờ.

Nhưng sau ngày hiệp định geneva được ký kết, nghĩa là sau ngày chính quyền cách mạng đã giành được một nửa giang sơn thì mọi chủ trương, chính sách của đảng không phục vụ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân nữa. Tôi có cảm tưởng rằng, mỗi chủ trương, mỗi chính sách là một cái thòng lọng thắt vào cổ người dân. Đảng lại đi theo vết đường mòn của lịch sử: “Nhân dân là công cụ để thực hiện ý chí của một vị anh hùng, đến khi sự nghiệp thành công, họ trở thành những nạn nhân để trả giá cho những cuồng vọng dẫn đến những sai lầm; Chẳng những thế, họ còn trở thành những nạn nhân vì những luận điệu, những hành động bịp bợm, phỉnh phờ và tàn bạo của vị anh hùng đó”.

- Từ khi diễn ra cuộc cách mạng tháng mười vĩ đại – Ông viện kiểm sát hỏi – phe xã hội chủ nghĩa không ngừng lớn mạnh, đến nay đã chiếm một phần ba diện tích và dân số toàn thế giới. Ngoài ra, cao trào cách mạng của Á, Phi, Mỹ la tinh cũng đang dâng cao như vũ bão. Sự kiện trọng đại đó đúng với quy luật mà Marx đã chứng minh: Chủ nghĩa xã hội sẽ thay thế chủ nghĩa Tư bản. Anh nghĩ thế nào về quy luật đó?
- Thừa ông, sự kiện đó không phải là một quy luật mà chỉ là một thực thể, cũng giống như các đế quốc Macédoine, La mã, Nguyên Mông, Napoléon... hay chủ nghĩa phát xít là những thực thể không mang tính chân lý.

Chân lý là quy luật khách quan không phụ thuộc vào ý thức con người, không phải lúc nào cũng thuộc về số đông hay đa số, cũng như không có quê hương hay tổ quốc. Nhận thức chân lý không phải một sớm một chiều mà có khi kéo dài hàng thế kỷ. Bản án nhà bác học Galiléo năm 1633, ở thời kỳ đó. giáo hội và có thể đại bộ phận nhân loại đều cho rằng lý thuyết về quả đất xoay quanh mình nó và quanh mặt trời của ông ta là một tà thuyết. Mãi sau này, hàng thế kỷ trôi qua, nhân loại mới xác quyết đó là một chân lý. Chủ nghĩa xã hội từ khi ra đời đến nay mới gần nửa thế kỷ, tôi cho rằng chưa đủ thời gian để nhân loại khẳng định đó là một chân lý hay một sai lầm.

- Theo anh, loài người cứ giậm chân tại chỗ là chủ nghĩa Tư bản?

- Thừa ông, chủ nghĩa Tư bản không giậm chân tại chỗ, từ khi ra đời với cái máy hơi nước đến nay nó đã đi được một chặng đường dài. Chủ nghĩa Tư bản hiện đại khác xa với chủ nghĩa Tư bản sơ khai đương thời ông Marx. Và tương lai sẽ có một chủ nghĩa Tư bản luôn được đổi mới để phù hợp bước tiến hoá của nền văn minh nhân loại. Dẫu sao tội ác và bất công vẫn tồn tại ở bất cứ xã hội nào, không thể và không bao giờ có cái thế giới đại đồng như trong học thuyết Marx.
- Câu hỏi cuối cùng: anh cần luật sư bào chữa không?
- Thừa ông, tôi không cần. Và biết rằng, luật sư của chế độ xã hội chủ nghĩa là một đảng viên, ăn lương nhà nước. Việc bào chữa của luật sư chỉ để giải thích nhà nước bỏ tù tôi là đúng. Giống như tổ chức công đoàn, không bênh vực quyền lợi của người lao động mà đứng về phía nhà nước bắt công nhân phải làm việc nhiều hơn, ngăn chặn mọi hành động tự phát của quần chúng.

Buổi thẩm cung diễn ra bốn giờ liền.

Ngày 21 –5, chúng tôi cùng bị gọi ra phòng thường trực để giải sang toà án phố Lý thường Kiệt nghe cáo trạng.

Mười tháng xa nhau, nay cùng ngồi trên một chiếc ghế băng, Khoa nói:

- Chúng mình phải chịu mức án đến mười năm.
- Đến bây giờ mày còn ngây thơ thế? – Tôi nói – Toà án là công cụ tuyên truyền cho thứ công lý giả hiệu của đảng. Đa số phải đi tập trung cải tạo, đảng cần gì toà án. Khi hết án được về hay không còn phụ thuộc vào ý riêng của người cầm quyền lực. Nếu chiến tranh chưa chấm dứt, họ chuyển mình sang tập trung có khó khăn gì?

Tên công an dẫn giải từ xa chạy lại đập mạnh đầu tôi vào đầu Khoa làm hai đứa choáng cả óc. Hấn quát:

- Chúng mày nói chuyện gì?

Chúng bàn với nhau:

- Khoá đưa phạm đi trại chưa mang về, vậy đưa bọn này sang toà thế nào?
- Tôi điểm huyết cho què rồi đưa sang – Tên công an vừa đánh chúng tôi đề nghị.
- Đồng chí giải từng tên sang – Tên trung uý cấp cao hơn ra lệnh.

Tôi bị giải sang toà trước, nghe bản cáo trạng với nội dung sau: Ba tên Tâm, Khoa, Dậu tích cực chuẩn bị trốn vào Nam theo địch. Tên Tâm xuất phát từ ý thức giai cấp phản cách mạng, thời gian không có việc làm y đã dày công nghiên cứu triết học Marx – Lénine và triết học duy tâm. Khi trốn thoát vào Nam với mưu đồ trở thành tay sai đắc lực của đế quốc Mỹ, vận dụng kiến thức đã học được để chống phá cách mạng hai miền. Đó là phần cáo trạng của tôi.

Thư ký toà án hỏi:

- Anh có đề nghị gì không?
- Không – Tôi trả lời.
- Cần báo cho ai không?
- Không.

Ngày 28 – 5, phiên toà xử kín vào buổi sáng có hai vụ. Vụ thứ nhất, tội phản tuyên truyền là Nguyễn đức Ân phó hàng Bạc. Toà xử anh năm năm tù nhưng anh đã bị giam cầm gần mười hai năm.

Thứ hai là vụ chuẩn bị vượt tuyến của chúng tôi. Trong lúc chờ đợi anh Ân khoảng nửa giờ, công an khoá tay ba người bằng hai chiếc khoá số 8, tôi ngồi giữa nên bị khoá cả hai tay. Khoa quần thuốc lá vụn đưa cho tôi hút. Cả ba nói chuyện bình thường, không tỏ thái độ gì sợ sệt.

Tôi nói với Khoa:

- Hôm nay, họ có xử nặng cũng không buồn, nếu xử nhẹ cũng không thấy thế mà vui. Bởi vì toà án của chế độ này đối với người bị bắt vì lý do chính trị như một trò phù phép, xử nhẹ có khi phải ở tù lâu hơn xử nặng. Kẻ quyết định cuối cùng số phận của mình không phải toà án mà là bộ công an.

Thấy thế, tên cảnh sát áp giải đến quát:

- Thái độ của các anh trước giờ ra toà thế à?
- Chúng tôi phải khóc hay phải van xin? – Tôi trả lời.
- Đừng nói láo – Tên cảnh sát lại quát.

Khi ra trước vành móng ngựa, chúng tôi không được tháo khoá tay. Lời buộc tội của ông công tố viên dựa vào nội dung bản cáo trạng, y nói:

- Đây là những vật chứng về tội trạng của chúng.

Y chỉ vào đồng tang vật bao gồm những phương tiện đi đường và đồng sách của nhà xuất bản sự thật.

Y nói thêm:

- Trong nhật ký của tên Khoa phần lớn là nói xấu chế độ. Ngoài ra, thời gian vừa qua, viện còn nhận được bảy lá đơn tố cáo tội trạng phản tuyên truyền của tên Dậu, đặc biệt có hai lá, một lá tố cáo tên Dậu nói xấu lãnh tụ, trong khi nhân dân cả nước và nhân dân thế giới hết lòng kính yêu bác thì y nói “cái giỏi nhất của ông ta là thủ đoạn dùng người và bịp bợm”. Lá đơn thứ hai tố cáo y phủ nhận nền văn học hiện thực chủ nghĩa trong hai mươi năm qua. Y nói: “Văn học, nghệ thuật của chế độ làm theo đơn đặt hàng của đảng, thực chất là những tác phẩm khô khan, trống rỗng, minh họa sắc mùi chính trị. Còn văn nghệ sĩ hoá thành một lũ bồi bút kiếm ăn”. Tuy vậy, chúng tôi cho rằng, hiện nay tên Dậu mới mười chín tuổi, y chỉ sao chép lại ý thức phản cách mạng của tên Tâm và tên Khoa. Trong vụ án này, tên Khoa và tên Dậu nhận vai trò khởi xướng và tích cực chuẩn bị. Còn tên Tâm tòng phạm nhưng xuất phát từ ý thức giai cấp phản cách mạng, trước viện, y tìm mọi lý lẽ để bao biện cho tội lỗi của mình và phủ nhận sự ưu việt của chế độ đối với nhân dân lao động. Y còn ngang ngược dám đặt chế độ ta đối lập với phạm trù chân lý. Tôi thay mặt viện kiểm sát nhân dân Hà nội đề nghị xử tên Tâm và tên Khoa chịu mức án từ bốn đến năm năm, còn tên Dậu chịu mức án từ ba đến bốn năm, y thuộc thành phần cơ bản, nếu cải tạo tốt thì hết án nhà nước sẽ khoan hồng.

Đến giờ giải lao, chúng tôi mới được tháo khoá tay. Hôm ấy thân phụ Khoa cũng đến phiên toà, ông nói nhỏ, vì sợ nguy hiểm nên mọi giấy tờ ông đã đốt hết, tôi và Khoa thở phào nhẹ nhõm. Mặc dù Dậu bị mắc lừa thủ đoạn chấp pháp, nhưng chúng tôi không tin anh ta nữa.

Sau đó, toà tuyên phạt, tôi và Khoa bốn năm tù giam và hai năm mất quyền công dân, Dậu ba năm tù giam và hai năm mất quyền công dân. Trên đường giải phóng tôi về Hoà lò, tôi nói với Khoa:

- Mà thấy họ xử mình có đúng là màn mở đầu trong một vở kịch dài không? Hát một bài nhạc sai Gòn hoặc một câu phản tuyên truyền cũng bốn năm tù. Tại sao họ xử mình nhẹ thế? Tao cho rằng, vở kịch sau này sẽ diễn nhiều màn dài và đặc sắc.
- Đúng thế – Khoa gật đầu.

II Trại cải tạo Anh thịnh

Đầu tháng sáu, họ đưa chúng tôi đi trại. Buổi chiều mỗi tù nhân được một nắm cơm ngô và một con cá mắm, khoá tay hai người một, đưa lên ô tô tải. Mặt trời sắp lặn, ô tô chạy một mạch từ Hoà lò qua thị xã Tuyên quang đến thị trấn Hàm yên. Từ đó đi thêm gần hai mươi cây số nữa đến phân trại phụ họ mới cho tù nghỉ và uống nước. Cả xe, tù đều khát, có nhiều người như sắp phát điên lên. Khi đến bến Bình ca, nhiều người khát quá không chịu nổi, chắp tay lay van máy tên cảnh sát áp giải nhưng chúng làm thinh. Tù tranh nhau bê cả chậu uống như trâu, rồi mồ hôi toát ra như tắm, có người mệt quá xỉu đi. Sau đó, tù bị khoá gông với nhau thành một xâu dài, đi khoảng bốn cây số đường rừng nữa mới tới phân trại chính. Đứng vào lúc tù đi làm, những hàng người áo sọc trắng, sọc xanh nối tiếp nhau ra khỏi trại với những khuôn mặt hốc hác, nhẵn nhúm, da xám xịt. Nhiều khuôn mặt có thể hình dung những bộ xương đầu người được bọc trong những túi bằng da: Lỗ mắt sâu hoắm, trắng dã, xương gò má và xương quai hàm lộ ra vì hai má đã teo gần hết thịt, tóp lại. Nhiều người đi không vững phải chống gậy. Cảnh này làm tôi nhớ lại những bức ảnh của Võ an Ninh chụp người chết đói năm Ất Dậu, có lẽ liên tục một vài tuần không có ăn nên phải chết. Do vậy, thể xác họ không đáng sợ như những thằng tù ở nơi này.

Trưa hôm đó, tôi ăn bữa cơm đầu tiên trong trại cải tạo của một chế độ tự xưng là ưu việt: hai gạt bát cơm mục độn hai phần sắn và một thìa muối trắng lẫn riêng. Những bữa ăn ở đây thường xuyên là thế, nếu có mấy miếng chuối xanh hoặc bí đỏ nấu muối được coi là bữa ăn tươi. Bữa cơm chiều giống như bữa sáng, nhưng mỗi tù nhân được thêm một quả chuối chín, do trại mua lâu, thỉnh thoảng cho ăn nên chuối xanh hoá chín.

Tù cũ kháo nhau:

- Bọn mới đến gặp may rồi, bọn chúng cũng được ăn chuối chín như mình.

Mỗi chậu cơm hàng chục người, ngoài những người mới đến, chia nhau bằng cân tiểu ly tự chế. Quả chuối buổi chiều hôm ấy cũng bóc thăm theo may rủi cho từng người. Tôi được một quả nửa xanh, nửa chín, chưa bóc ăn thì có hai ba người đến xin:

- Ăn xong, anh cho em nhé?

- Đã ăn thì còn gì để cho? –Tôi hỏi.

- Em xin cái vỏ thôi.

Nghe nói, tôi mới quan sát thấy, đa số tù đều ăn cả vỏ. Nếu ai không ăn vỏ, có người khác xin ngay. Đứa cuối cùng đến xin tôi là một thằng bé khoảng mười ba tuổi, chân tay khẳng khiu như que củi. Cái đầu to quá tải so với cặp giò, khuôn mặt hốc hác dài, da sạm, mắt sâu mờ mờ đục, cái cổ nó nhỏ nhăn nheo như cái tăm cắm vào quả táo là cái đầu. Một đứa trẻ hiện thân của nỗi cơ cực triền miên từ thuở nhỏ.

- Ăn xong chú cho cháu cái vỏ, chú mới đến chưa chắc đã dám ăn.

Tôi ái ngại hỏi:

- Tại sao em phải đi tù, tù đã lâu chưa?
- Hồi cải cách gia đình cháu là địa chủ, phản động, bố cháu phải đi tù rồi chết trong trại, mẹ cháu bị bức cung, bị đấu tố nên tự tử vì uất ức quá, gia đình cháu bị tịch thu toàn bộ. Cháu phải ở với bà nội. Sau đó bà cháu mắc bệnh cũng qua đời. Chú thím cháu vì đông em nên đuổi cháu đi không nuôi được. Năm 1962 cháu lên Hà nội xin ăn ở chợ Bắc qua. Cuối năm 1964 mú càn cháu về khu rồi đưa lên trại giáo dưỡng Hải phòng. Sợ máy bay Mỹ bắn phá, họ mới chuyển phần lớn trại giáo dưỡng đến trại này vài tháng.
- Anh cho em, cầm cả lấy mà ăn – Tôi nói.
- Cảm ơn chú – Thằng bé cầm quả chuối ăn ngấu nghiến. Tôi thoáng nghĩ, đời thằng này còn cơ nhọc hơn mình.

Buổi tối, trong buồng giam, chúng tôi mới đến không phải bình công, chằm điêm nhưng phải ngồi xếp hàng ngay ngắn để nghe ban văn hoá trại đọc báo. Buồng giam có mười gian, phen liếp bùng kín, bên ngoài lại ken thêm nửa cây sắt vào nhau, mỗi gian để hở mấy lỗ vuông mèo chui lọt để vũ trang kiểm soát ban đêm. Hai bên trong buồng là sàn nằm cũng bằng phen nửa, hai tầng, giữa để đi lại. Gian cuối cùng là nhà vệ sinh cũng ngăn bằng phen nửa, không có cửa ngăn với phòng nằm. Gian đầu buồng có một cửa ra vào duy nhất. Chúng tôi mới đến phải nằm sát nhà vệ sinh. Khi đi ngủ phải nằm sát với nhau như nêm lại. Mùa hè nóng nực, mùi khai thối từ nhà vệ sinh bốc ra nồng nặc, quện vào nhau. Bởi vì ban đêm không khí bị tù đọng trong phòng, không lối thoát. Như ở Hoả lò, đến chín giờ, sau kẻo cấm, tù phải đi ngủ, không ai được nói gì tạo nên một bầu không khí ngột ngạt, im lìm...

Suốt đêm hôm trước phải ngồi ô tô mất ngủ, nên tù ai cũng mệt mỏi ngủ ngay.

- Báo cáo ông bộ đội, tôi xin đi tiêu.

Nghe câu nói ấy, tôi giật mình tỉnh dậy. Một lần, hai lần, ba lần... nhiều lần như thế. Hôm sau mới được bọn cai ngục phổ biến nội quy, trong đó có đoạn “Ban đêm, sau keng cấm, trong phòng giam, phạm đi đâu khỏi chỗ nằm phải hô to “Báo cáo ông bộ đội, tôi xin đi...”. Nếu không, coi là hành động lén lút trốn trại.” Tôi nghĩ, cả phòng hơn một trăm người, ít nhất có ba chục người dậy ban đêm với ba chục lời hô như thế rải rác suốt đêm thì ngủ sao cho yên giấc. Tuy nhiên, dần dần ai cũng quen cả, thì ra cuộc sống của con người bị dồn đến kiếp sống của loài gia súc rồi cũng thích nghi để tồn tại.

Chuyến xe tù đến đại đa số là lưu manh và phạm pháp về hình sự chỉ có ba chúng tôi là tù phản cách mạng.

Hai ngày sau, cai ngục giải ba đưa chúng tôi đi phân trại khác, sâu vào rừng thêm ba cây số và đưa vào toán làm nông nghiệp. Nơi đây, tôi gặp lại bác Lê ngọc Văn. Khi ấy, bác Văn đã khỏi bệnh nhưng thân thể không còn đáng bệ vệ như xưa mà gầy yếu tiều tụy.

Bác nói, gần đây nhận được thư của Hưng, con trai bác cho biết gia đình vẫn bình thường, Hưng yếu sức nên được về phục viên. Bác hỏi thêm tôi về gia đình bác, tôi cũng không dám nói thật. Vì nếu bác biết cảnh tan nát ở nhà, có lẽ bác không thể nào sống được. Tôi trả lời:

- Cháu chỉ biết tin bác phải đi cải tạo, còn gia đình bác, lâu nay cháu không đến nên không rõ.

Hôm sau, buổi đầu tiên tôi đi lao động làm cỏ. Đột nhiên năm bảy người xô nhau đuổi bắt một con nhái, bác Văn may mắn chộp được, tức khắc bác xâu vào một cái que hơ qua quít vào đống lửa rồi ăn ngay, bác ăn rất ngon miệng. Thấy tôi tỏ vẻ ngạc nhiên, bác nói:

- Anh mới đến chưa quen cuộc sống ở đây. Cái đói vò xé không thể chịu được, không làm chủ được khi thấy cái gì ăn được là phải vồ lấy ăn liền, chẳng hạn, lá cây non, búp măng, rau rừng và mọi thứ khác. Bác nói thêm:
- Hôm nay, ông vũ trang quản chế dễ đấy, anh nhặt rau mà cải thiện.

Tôi không thể tưởng tượng thầy giáo trường Bưởi xưa kia đường bệ mà nay lại khốn đốn đến nỗi này. Ngày lao động hôm ấy, sáng và chiều bác Văn kiếm được hai ống bơ rau rừng: rau dệu, bầu buy, rau má, rau sam... luộc ăn ngay ở ngoài đồng làm mặt mày bác rạng rỡ khác.

Tôi đến vào phòng giam, sau khi bình điểm lao động, nghe đọc báo, bác Văn nói chuyện với tôi:

- Tối nay may mắn là tối thứ bảy nên được thoải mái hơn ngày thường. Về mặt tinh thần, các anh vào tù đúng vào thời kỳ hoàng kim của trại cải tạo. Mấy năm trước, ai cũng tin là hết lệnh tập trung cải tạo ba năm sẽ được về nên ngoài việc lao động như trâu, ngựa, còn câu xé lẫn nhau để lập công, gây nên nổi đồng cảnh tương tàn. Mỗi thằng tù vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân, phải chịu bốn vòng kìm kẹp: vòng ngoài là cai ngục, vòng thứ hai là trật tự, văn hoá trại, vòng thứ ba là toán trưởng, vòng cuối cùng là cảnh hành hạ lẫn nhau. Đánh rằng thằng tù chỉ tạo ra vòng kìm kẹp cuối cùng nhưng nó đưa đến các vòng kìm kẹp khác nghiệt ngã hơn nhiều. Còn về vật chất từ trước đến nay, cuộc sống trong nhà tù CS, mọi phạm nhân đều trở thành man rợ vì đói khát. Các truyện cổ Trung quốc như Việt vương câu tiễn, Hán Sở tranh hùng viết “con người dễ cộng khổ, khó đồng cam”, như thế chưa hoàn toàn đúng. Khi con người bị bệnh đói giày vò hết năm này qua năm khác sẽ man dại như loài thú, không còn biết gì đến nhân phẩm của mình.
- Còn một vấn đề, tôi nói với anh để thêm phần hiểu biết. Người ta làm nhà để ở, có ai trong lòng “chim múa, hoa cười” đem hết hơi tàn, lực kiệt để làm những cái cũi để nhốt mình? Nghe thì hài hước nhưng lại là sự thật.

Trước khi chúng tôi ở trại Yên Bái chuyển về đây, ban giám thị trại tuyên bố:

- Các anh được lựa chọn để xây dựng trại mới là những trại viên đã cải tạo tốt, chỉ một thời gian ngắn nữa là được tha hết. Vậy các anh phải lao động theo ý thức của người công dân, bỏ ngay cái ý nghĩ: nước sông công tù...

Chúng tôi đến đây là khu rừng hoang vắng, ai cũng lao vào việc như con thiêu thân lao vào lửa, nào phát hoang, mở đường, nào đốn gỗ, chặt tre nứa, san đồi để làm nhà, quên cả đói khát, mệt mỏi. Trong lúc dựng nhà, cai ngục nói:

- Làm nhà là để giam phạm mới đi cải tạo, còn các anh đã được tự do một nửa rồi. Đến khi làm xong nhà, lần lượt lại vào đó để cai ngục khoá lại, có lính gác bên ngoài. Sự thật đã rõ ràng, có tù nhân mạnh dạn hỏi:
- Các ông bảo chúng tôi làm việc theo ý thức của người công dân... Vậy đến bây giờ...?
- Đợi đấy! – Tên cai ngục vừa mỉm cười, vừa nói mĩa mai.

Có người nói nhỏ:

- Tôi biết bị mắc lừa nhưng không dám hé răng.

Nhiều người thất vọng kêu lên:

- Chúng tôi cứ tưởng...

Ngoài xã hội cũng như trong nhà tù, không ít người bị mắc lừa cho đến chết. Từ cứ tưởng này cho đến cứ tưởng khác nối tiếp nhau thành một chặng đường dài của những nạn nhân bị bịp bợm và bị đẩy đoạ...

Cặp mắt bác Văn mờ màng nhìn qua khe hở ra quả đồi trước mặt, bác cất tiếng hát nho nhỏ bài One day của Strauss:

... When we were young, one day

One wonderful morning in may

You told me, you loved me

When we were young, one day.

Sweet songs of spring are sung and music was never so gay...

Nghe bác Văn hát, mấy người ngồi và nằm bên nói:

- Hôm nay giáo sư cải thiện được một con nhái, hai ông bơ rau rừng đưa tâm hồn giáo sư bay xa quá, đến thành Vienne cơ đấy!

Chẳng biết thằng tù nào hèn hạ nào làm chó săn cho cai ngục, sáng thứ hai, thiếu uý Hồ sỹ Tường, cán bộ giáo dục gọi bác lên văn phòng, hỏi:

- Tại sao tối thứ bảy, anh hát tiếng Anh trong phòng?
- Thưa ông, bài hát của nhạc sỹ người Áo, một danh nhân thế giới.
- Danh nhân tôi không cần biết, tại sao anh hát thứ tiếng đế quốc trong trại cải tạo?
- Thưa ông, tiếng nói là ngôn ngữ của một hay nhiều dân tộc, không có tiếng nói riêng nào của đế quốc, Tư bản hay Cộng sản cả.
- Anh nói láo, tiếng Anh hay tiếng Pháp và nói chung tiếng nói cả những nước không thuộc phe xã hội chủ nghĩa là tiếng nói của đế quốc và Tư bản. Ngay ở bên ngoài, kẻ nào không có nhiệm vụ được giao mà nói các thứ tiếng ấy cũng phải đưa đi cải tạo. Anh có nhớ trong nội quy của trại, cấm nói tiếng nước ngoài không? Chúng tôi quyết định kỷ luật anh một tuần.

- Thừa ông, kỷ luật tôi là quyền của các ông. Tôi khẳng định rằng, ngôn ngữ là biểu hiện trong nền văn hoá của một hay nhiều dân tộc, thể chế chính trị không có tiếng nói riêng.

Tại một góc trại giam, có một ngôi nhà xây kiên cố. Nền nhà được đào sâu xuống một mét, đổ bê tông như đáy bể chứa nước. Sau đó xây tường cao khoảng hơn hai mét bên trên đồ mái bằng. Trong nhà được chia thành nhiều phòng nhỏ với kích thước một mét nhân hai mét. Khi đóng cửa lại, trong phòng tối không còn ánh sáng lọt vào, nếu không có tiếng động bên ngoài thì dễ lẫn lộn ngày và đêm. Quanh năm nhà ẩm ướt, về mùa hè thì ngột ngạt, về mùa đông thì giá rét. Đây là công trình dành cho những thằng tù phạm kỷ luật trại giam. Ai bước vào ngôi nhà này, chân bị cùm cao hơn sàn nằm khoảng hai mươi phân, mỗi ngày được tháo cùm hai lần cho ăn cơm hai mươi phút, mỗi bữa được nắm cơm nhỏ gọi là cơm quả bàng.

Hết hạn kỷ luật, bác Văn không đứng được, trật tự phải dìu bác về phòng. Bác nói với tôi, nếu chúng kỷ luật bác hai tuần sẽ là một bản án tử hình.

* *

*

Một hôm ở ngoài đồng, hàng chục tù chạy đến chỗ một con trâu đang ăn dây khoai, tranh nhau mỗi người một nắm. Tên vũ trang quản chế trông thấy, hấn bắt vắt lại. Riêng bác Quách văn Đông giấu được, bác lấy lưới cước cắt dây khoai ra thành đoạn ngắn, cho vào ống bơ nấu, định mang dây khoai về trại ăn cùng với cơm cho ấm bụng. Thật rủi ro, buổi trưa hôm ấy, tên trực trại ra lệnh cho trật tự khám trước khi cho tù vào trại. Thấy động, bác Đông xếp hàng cuối tranh thủ ăn. Tên trật tự phát hiện, hấn chạy lại bắt bác Đông há mồm ra rồi hấn giật mạnh cả nắm dây khoai trong mồm bác. Dây khoai cửa vào lợi, máu mồm bác Đông chảy ra rùng rùng. Bác còn bị một cú đá ngã sấp mặt xuống đất. Cán bộ quản giáo toán bắt bác Đông viết kiểm điểm. Đến tối, sau khi bình công chấm điểm xong, bác Đông nhờ tôi viết hộ. Bác nói:

- Tôi học hành ít, viết chậm lắm, nhờ anh viết cho nhanh.
- Bác bị án hay là tập trung? – Tôi hỏi.
- Án mười năm!
- Bác mắc tội gì mà nặng thế?
- Tội nhảm nhí ấy mà. Rồi anh sẽ biết, đa số tù ở đây đều mắc tội nhảm nhí thôi: người cộng tác với đối phương xưa kia, mấy anh tu sĩ, mấy bác giáo dân

ngaoan đạo, dăm anh phản tuyên truyền hoặc nghe đài địch, vài ba người mắc tội gọi là đảng phái phản động như tôi...

- Sự kiện diễn biến dẫn đến tù tội thế nào?
- Có gì đâu, đời sống nông dân hiện nay rất khổ chắc ai cũng biết. Trong hợp tác xã nông nghiệp, tôi có một ông bạn. Hàng ngày hai đứa cứ than phiền với nhau khổ thế này chịu sao nổi? Một hôm ông bạn tôi nói, nông dân nơi nào cũng khổ, ta bảo nhau thành lập một tổ chức chống lại hợp tác xã nông nghiệp.

Tôi ái ngại nói:

- Tuy khổ cả đấy nhưng chống lại đảng thì ai cũng sợ, chưa chắc dám tham gia đâu? – Mà thôi được, ta cứ thử xem sao?

Chúng tôi rủ rê thêm được hai người nữa. ông bạn tôi giết chó mời cả bọn đến uống rượu. Khổ nổi, rượu vào lời ra, không cảnh giác nói to để thằng đội trưởng sản xuất nhà bên nghe thấy. Nó làm đơn tố cáo, cả bọn bị bắt và đều nhận tội vì tưởng rằng họ chỉ cảnh cáo rồi cho về. Không ngờ, họ đưa ra toà án tỉnh xử ghép vào tội tổ chức đảng phái phản động. Toà phạt ông bạn tôi khởi xướng mười ba năm tù, tôi mười năm, còn hai người kia tám năm.

- Các bác đặt tên đảng là gì chưa, cương lĩnh thế nào?
- Mới uống rượu say nói nhảm nhí, mấy đứa đều là dân ít học, nào đã đặt tên là tổ chức gì? Bọn này cũng chẳng biết thế nào là cương lĩnh? Còn may đấy chứ, như anh nói đã có tên đảng và cương lĩnh hẳn hoi như một nhóm người khác ở Hà bắc thì tội nặng lên bội phần. Người đứng đầu cũng là nông dân ít học phải chịu án hai mươi năm, người thứ hai mười bảy năm...

Bác Đông quê ở Hà bắc, con trai đi bộ đội vào Nam chiến đấu, con gái làm việc ở nông trường. Còn vợ bác vẫn làm ở hợp tác xã nông nghiệp. Bác đi cải tạo từ năm 1964. Bác cao đến một mét tám mươi, trước khi đi tù, chắc bác to lớn lắm. Ai cũng muốn tạo hoá sinh ra cho mình có ngoại hình cao lớn nhưng phải vào tù là điều bất hạnh. Bởi vì có cao lớn thì mỗi bữa cũng chỉ được hai gát bát cơm độn sắn hoặc ngô.

Theo lời kể của bác Đông, tôi viết kiểm điểm: Tôi là Quách văn Đông toán bốn. Gần nửa năm về trại này, tôi mắc những khuyết điểm sau:

- 1) Hồi tháng ba, ngày dọn về sinh trong đơn vị vũ trang, tôi cướp một miếng xương còn dính thịt của con chó đang gặm. Tôi bị ông bộ đội phát hiện, ông ấy đánh tôi hai báng súng vào lưng.

- 2) Tháng tư, khi đi làm qua chuồng lợn, tôi xúc một ống bơ thức ăn của nó. Đến chỗ làm, tôi đang ăn thì bị ông quản giáo bắt được.
- 3) Ngày 2 – 5, ruộng rau muống của cơ quan vừa tưới nước phân tươi thì toán làm cỏ. Đói và thèm quá, tôi hái rau đưa vào mâm ăn bị ông bộ đội quản chế bắt được. Ông định bạt tai tôi thì nhìn thấy con bọ phân đang bò trên má tôi, sợ bản ông ấy tha cho.

Ngoài ra, trong giờ làm việc, tôi thường xuyên vi phạm quả xanh, rau sống, đun nấu rau rừng, nướng ăn ếch nhái, dế mèn... ở trong trại tôi hay cãi nhau lúc chia nước uống và chia cơm canh.

Những khuyết điểm trên, tôi xin sửa chữa dần dần xin ông quản giáo tha tội. Còn hôm nay, dây khoai trâu đã ăn hết lá, tôi chỉ sai phạm đun nấu trong giờ làm việc chứ không phải cướp thức ăn của nó.

Sáng hôm sau, bác Đông đưa bản kiểm điểm cho tên quản giáo là một thiếu úy, hấn gọi bác vào phòng làm việc hỏi:

- Anh làm bản kiểm điểm này đầy đủ chưa?
- Thưa ông, còn thiếu những sai phạm nhỏ, chẳng hạn, tôi cải tạo về tội phản động bán nước, nay vào trại lại phạm tội cướp nước.
- Thế là thế nào? – Tên quản giáo ngạc nhiên hỏi.
- Thưa ông, mùa hè, mỗi người một bữa chỉ được chia một ca nửa lít nước. Như vậy cả đêm lẫn hai bữa ăn cộng lại được một lít không đủ uống, thành ra không chia nữa mà túm lại cướp. Còn những vụ cướp thường xuyên diễn ra nhưng ít người quan tâm đến.
- Cướp cái gì nữa?
- Thưa ông, phòng giam bùng kín, không khí lọt được vào rất ít, sàn nằm hai tầng chen chúc nhau hàng trăm người một phòng tất nhiên không đủ dưỡng khí thở. Do vậy, ai có lồng ngực rộng chứa lá phổi to cướp được nhiều dưỡng khí hơn.
- Trong bản kiểm điểm, anh nhận cướp thức ăn của gia súc, như thế anh ngang với con vật à?
- Thưa ông, không được ngang mà còn kém. Mức sống của con chó becgiê cao quá, tôi không dám so sánh. Đời sống của con lợn là ước mong của chúng tôi. Chúng tôi ăn gạo mục, sắn khô thì lợn cũng ăn như vậy, còn được thường

xuyên ăn thêm rau. Chúng tôi phải ăn đói thì lợn được ăn no, thừa thãi. Chúng tôi phải lao động cưỡng bức, còn lợn thì ăn chơi. Chúng tôi phải giam trong phòng thiếu không khí thở thì lợn được ở trong chuồng thoáng, rộng, mát mẻ. Chúng tôi ốm đau không có thuốc, không ai quan tâm đến. Lợn ốm được chăm sóc, uống thuốc hoặc tiêm chu đáo. Trong số chúng tôi có người bị chết, ngoài mấy thằng tù đào huyết đem chôn, các ông không cần để ý tới, lợn chết làm hàng trăm thằng tù bàn tán được ăn thịt. Thực ra, chúng tôi phải cố quên cái chết của đồng cảnh để giảm bớt sự lo sợ cho số phận của mình.

Còn đời sống của con trâu so với chúng tôi có cái hơn, cái kém, có cái bằng. Trâu ăn cỏ là kém người được ăn cơm gạo, nhưng hơn là được ăn no. Trâu được ở nơi thoáng mát rộng hơn người, vào chuồng trâu được nghỉ ngơi, còn người vào buồng giam phải còng lưng ngồi nghe bình công chấm điểm, kiểm điểm và nghe đọc báo.

Về lao động thì như nhau, trâu không chịu kéo cày, kéo gỗ trâu bị ăn roi vọt, người không làm, nhẹ thì ăn báng sủng, nặng thì vào nhà kỷ luật cùm và ăn cơm quả bàng.

- Cũng là tù, tại sao có người vẫn giữ được nội quy còn anh thì vi phạm?
- Thưa ông, phạm nội quy như tôi là đại đa số, họa may còn một số ít người giữ được. Tuy nhiên khả năng chịu đựng mỗi người một khác, tiến bộ cũng không phải giống nhau. Chẳng hạn cùng tuổi ông trong ngành công an, có người mới là trung sĩ, nhưng cũng có người là cấp tá.
- Anh muốn nói gì nữa không?
- Thưa ông, tôi muốn nói rất nhiều. Nếu hôm nay ông cho phép, tôi chỉ xin trình bày một vài cảm nghĩ.
- Cảm nghĩ gì?
- Xưa kia những người CS trong lao tù của thực dân Pháp là có hành động thực sự chống lại chúng. Ngày nay, trong nhà tù xã hội chủ nghĩa, đại đa số tù nhân chưa có hành vi cụ thể chống lại chế độ. Như tôi chẳng hạn, đang làm ruộng riêng lẻ làm đủ ăn thì nhà nước bắt phải vào hợp tác, công điểm thấp, cuộc sống thiếu thốn sinh ra kêu ca, nói nhảm nhí. Thế mà phải chịu án mười năm...
- Thành lập đảng phái phản động mà không phải là tội à?

- Thưa ông, bây giờ tôi mới biết, nếu gọi là một đảng phải có cương lĩnh, điều lệ và người tham gia. Ông thử nghĩ xem, bốn nông dân vô học thì biết gì đến cương lĩnh, điều lệ mà thành lập đảng.
- Còn may cho anh đấy, cơ quan an ninh phát hiện ra sớm, kịp thời ngăn chặn.
- Thưa ông, trong lao tù của thực dân Pháp, những người CS có mấy ai chịu án nặng như chúng tôi đâu. Mặt khác tôi thường nghe, chính sách nhân đạo của đảng là trị bệnh cứu người đối với kẻ mắc sai lầm. Điều đó chỉ có ý nghĩa tuyên truyền ngoài xã hội. Thực tế trong trại giam các ông làm hoàn toàn ngược lại. Cách đây mấy năm, tôi được nghe con trai đọc cuốn Dưới lá cờ vinh quang của đảng, tác giả Song Hào, viết về nhà tù Sơn la. Có đoạn đại khái như sau: Nhân ngày 1 –5, những người CS góp tiền mua bò, lợn mổ, mời cả tri phủ địa phương đến ăn liên hoan mừng ngày quốc tế lao động. Tại sao trại giam của chế độ ta có nhiều ưu việt mà các ông để tù đói khát và nhiều hình phạt khắc nghiệt thế?
- Bọn đế quốc, thực dân ngu nên chúng mới thất bại. Đảng cho các anh ăn no, kỷ luật lỏng lẻo để các anh tiếp tục tổ chức chống chế độ ngay trong trại giam à?

Đến chiều, bác Đông vào nhà kỷ luật một tuần.

* *

*

Chúng tôi đến trại này đã hơn một tháng. Cơ thể Khoa tàn tạ nhanh chóng, khuôn mặt gầy quắt, hốc hác, má tóp lại, chân tay khẳng khiu, đi lại như ông già. Tất nhiên tôi cũng tiều tụy chẳng kém gì Khoa. Anh nói:

- Nếu không tin có thượng đế thì chúng mình và nhiều người khác chắc chắn bỏ xác nơi này.

Một buổi sáng, tôi bị sốt, trước giờ đi lao động, tôi xin tên quản giáo nghỉ. Hấn bảo với y tá trại:

- Anh Thân khám cho anh Tâm xem có phải ốm không? Chắc hiểu ý của tên cai ngục, thằng tù làm y tá khám cho tôi xong, hấn nói:
- Thưa ông, anh Tâm sốt nhẹ, có thể đi làm được.
- Anh Tâm phải đi làm, đừng để tôi phải gọi trật tự cường bức – Tên cai ngục ra lệnh.

Bác Văn ngồi bên nói nhỏ với tôi:

- Anh cố gắng đi thôi, nếu trật tự cưỡng bức là nó đâm đá ngay đấy.

Nghe theo lời bác Văn, tôi đi theo toán ra khỏi trại. Tên trung úy bên vũ trang nói với tên quản giáo cho ba người đi gánh gạo từ trại A về. Tên quản giáo ra lệnh cho tôi và hai người nữa là nông dân.

Tôi xin hẳn:

- Hôm nay tôi bị ốm, hơn nữa tôi chưa quen gồng gánh, xin ông miễn cho lần này.

Hắn cười nhạt nói:

- Lao động ở trại giam là cưỡng bức không phải chiều theo ý muốn của anh. Nếu không quen gồng gánh, cần phải làm cho quen.

Không còn đường nào khác, tôi phải tuân theo lời hẳn. Ra đến trại A, tên vũ trang quản chế bắt mỗi người gánh bốn mươi cân. Mới trèo đèo, lội suối đi không, tôi đã mệt rồi, chân rời rã không còn muốn bước, bây giờ phải gánh bốn mươi cân thì gánh thế nào? Tôi liền xin tên vũ trang:

- Tôi yếu quá, không thể gánh được. Tôi xin ông.
- Không gánh được cũng cứ phải làm – Hắn lạnh lùng trả lời.

Bác nông dân đi cùng nói nhỏ với tôi:

- Anh phải cố gắng lên, nếu không thì tai họa đấy.

Tôi gánh được hơn một trăm mét, mắt hoa lên, đầu óc quay cuồng, chân tay bủn rủn, rụng rời. Đến đoạn lên đồi dốc ngược, tôi lão đảo ngã xuống, không còn biết gì nữa.

Khi tỉnh dậy, thấy mình nằm ở buồng giam, tù chuẩn bị đi làm buổi chiều, đầu óc tôi đau như búa bổ. Khoa ôm lấy tôi, vừa khóc, vừa hỏi:

- Họ đánh nên mày ngất đi à?
- Không tao có biết gì đâu?
- Mặt mày có hai chỗ tím lại là vì sao?
- Nghe mày nói, tao mới thấy đau, không biết tại sao lại thế?

Một bác cùng đi gánh gạo, nói:

- Khi anh ngã, ông vũ trang tưởng anh giả vờ nên đâm vào mặt anh hai quả. Không thấy anh phản ứng gì, biết anh bị ngất, ông ấy mới thôi. Ông vũ trang nói với cán bộ trại ngoài cho tù tự giác công anh về trại này.

Khoa đến trạm xá, gọi y tá khám cho tôi. Hắn cho cặp nhiệt kế, báo tôi bị sốt 40, 1^o C. Khoa hỏi xin thuốc, tên y tá nói:

- Nhiệm vụ của tôi được cán bộ giao là phát hiện những hiện tượng ốm giả vờ để cưỡng bức lao động, còn thuốc thì không có. Vả lại, nếu có thuốc cũng chỉ phát cho những phạm khi được lệnh của cán bộ.
- Tâm bị sốt từ sáng, lương tâm anh để đâu mà không cho người ta nghỉ – Khoa nói.
- Lương tâm, lương tâm! – Hắn cười gằn lên – Không biết đã bao năm tôi không được nghe nói đến. Còn ở đây, tôi chỉ biết theo lệnh của cán bộ để có ngày đoàn tụ với gia đình. Các anh thông cảm nhé – Nói xong, hắn bỏ đi ngay.

Tôi ốm gần nửa tháng, vài ngày đầu bỏ ăn, sau ăn cháo rồi khỏi. Tiếp ngay sau đó là bệnh kiết lỵ hành hạ tôi hơn hai tháng, không được một viên thuốc nào. Có mấy ngày nguy kịch, tôi không mặc quần nữa, ban ngày ngồi trên tấm ván khoét lỗ, bên dưới để cái giành tro, đi đại tiện liên tục hai, ba mươi lần một ngày đêm. Thế rồi bệnh đó cũng tự nhiên lại khỏi. Gần một tháng sau, tôi đi chưa vững thì bệnh ngứa phát sinh, cơ thể tôi từ cổ đến chân tay, da thâm lại vì mụn ngứa và nhọt. Lúc đó, yếu quá tôi phải chống gậy dò đi từng bước. Nằm bên tôi, nhiều lần Khoa khóc và nói:

- Tao thương mày quá! Xin lỗi, tao có ý nghĩ rằng, nếu mày không may chết vì bom đạn, có lẽ không làm tao đau lòng bằng nhìn thấy thân thể điêu tàn của mày hiện tại.

Nhiều người trong toán nói nhỏ với nhau, tôi nghe được:

- Anh ấy khó mà qua được mùa đông này.

Bác Văn buổi tối thường đến thăm tôi, bác nói:

- Anh đủ nghị lực để nhìn vào sự thật, nếu con người không có định mệnh thì anh không thể thoát khỏi bàn tay của tử thần trong thời gian tới.

Bác Quách văn Đông cũng nói:

- Không ngờ tuổi trẻ mà sức đề kháng với đói khổ, bệnh tật lại kém hơn những người già. Chúng tôi ai cũng thương anh, lại lo cho số phận của chính mình có thể chẳng may mắn gì hơn, chỉ có khác là trước với sau thôi.

Nhưng không! Ngoài bàn tay hung bạo của bảy quỷ đỏ còn có bàn tay nhân từ của thượng đế. Bệnh tật hành hạ liên tục trong hoàn cảnh tù đầy nghiệt ngã ấy tôi vẫn không chết, cũng như bao người khác, thân thể đã tàn cách nắm mồ không đầy gang tấc mà sao tử thần không bắt? Giải thích theo khoa học đành bất lực trước những cuộc sống huyền bí ở nơi này.

Tuy nhiên, hàng ngày vẫn diễn ra những cuộc tiễn đưa người về bên kia thế giới một cách âm thầm, lặng lẽ.

* *

*

Ngày chủ nhật đầu tháng mười cả trại tập trung ở sân để nghe quyết định ân giảm, ân xá nhân ngày kỷ niệm quốc khánh. Đối tượng là những người phạm tội tham ô, hiếp dâm, giết người vì tình ái. Nhờ ngày ấy, mỗi thằng tù cũng được mấy miếng thịt trâu, một bát rau muống nấu với lòng và tiết. Do bữa ăn tươi đặc biệt này, nhiều người cả đêm không ngủ, nằm chờ sáng vì sung sướng. Tù bản cách chia làm sao cho thật công bằng, sau khi cân bằng cân tiểu ly còn bốc thăm nhờ vào may rủi được miếng thịt ngon hay không.

Trong buổi công bố quyết định, ông giám thị nhắc đi, nhắc lại nhiều lần lời biểu dương thái độ cải tạo của Phi Lâm trật tự trại. Ông ta coi Phi Lâm là tấm gương sáng để mọi tù nhân học tập mà cải tạo. Vậy Phi Lâm là người có lai lịch thế nào? Hẳn con một gia đình cách mạng. Mẹ hẳn con nhà nghèo, trước cách mạng tháng tám chuyên đi ở. Bố hẳn nhiều hơn mẹ hẳn mười ba tuổi, sau ngày toàn quốc kháng chiến, đi bộ đội. Còn mẹ hẳn tham gia du kích, hồi cải cách là cốt cán và chánh án tòa án nhân dân đặc biệt, sau đó làm cán bộ phụ nữ xã. Bố Lâm mắc bệnh sốt rét kinh niên phải về phục viên. Lâm được sự ưu đãi của chính quyền địa phương, mười chín tuổi hẳn đánh chết mẹ ngoài đồng. Sự kiện diễn ra bất ngờ làm rung chuyển dư luận cả một vùng.

Sau đây là lời khai của hắn trước tòa:

Cách đây hơn một năm, lúc đó tôi vừa tròn mười tám tuổi, một hôm mẹ tôi bảo:

- Bố con ốm đau, con ngủ chung, bố không yên giấc. Tối nay vào buồng ngủ trên giường của mẹ. Tôi nghe theo, bởi vì chuyện thường mẹ con mà lị. Tối hôm đó, khi nằm bên, mẹ tôi hỏi:

- Mày muốn lấy vợ chưa?
- Còn trẻ, nay mai đi bộ đội, vợ con gì – Tôi thật thà trả lời.

Sau đó bà ấy sờ từ mặt tôi xuống người tôi, sau cùng là cái ấy của tôi, bà ấy nắn và hỏi:

- Thế này mà chưa thích vợ à?

Hôm ấy trời nóng, tôi chỉ mặc cái quần đùi. Đột ngột bà ấy kéo quần tôi xuống và nói nhỏ:

- Anh cứ thử tôi xem có thích không?

Bà ấy vừa nói, vừa cởi quần mình rồi ôm chặt lấy tôi. Quả thực lúc đó, tình dục bốc lên, tôi cũng không chịu nổi, nhưng tôi nói:

- Thích thì đi tìm chỗ khác có được không?

Bà ấy thì thầm:

- Bố anh yếu lắm, chẳng còn yêu tôi được nữa. Trong nhà bảo nhau được mới hay. Ở ngoài, nếu tôi bị lộ sẽ ảnh hưởng đến lý lịch của anh.

Lần đầu mẹ tôi ngủ với tôi diễn ra như thế. Bà ấy còn nói thêm:

- Tuổi mới gần bốn mươi, tình dục của tôi còn mạnh lắm, anh thông cảm vì anh cũng chẳng thiệt gì.

Trải qua hơn một năm, mẹ con tôi ăn nằm với nhau như một cặp vợ chồng nhưng đều do mẹ tôi chủ động. Đến khi tôi nhận giấy báo đi bộ đội, bà ấy nói:

- Còn mấy ngày nữa phải xa anh rồi, anh cố sức chiều tôi đấy nhé.

Từ hôm ấy, mẹ tôi hình như không ngủ nữa, mỗi đêm khuya tôi dậy đến bốn năm lần mà không biết chán. Vài ngày sau tôi không còn sức để chiều bà ấy nữa. Đêm cuối cùng tôi nằm ngủ mê mết, bà ấy để trần truồng, lột quần tôi ra và cả đêm bà ấy xoay vần tôi. Bực quá tôi hất mạnh làm bà ấy ngã nhào xuống đất. Sau đó tôi sang giường bố tôi nằm ngủ.

Mẹ tôi không đi ngủ nữa và hẳn học bảo tôi:

- Hôm nay anh ra đồng xới lúa với tôi buổi cuối cùng.

Ra đến ruộng, đứng đầu bờ, mẹ tôi nói:

- Mày hư lắm, tao phải mách bố mày.
- Bà bảo tôi hư cái gì?
- Cái ấy chứ còn gì nữa – Mẹ tôi trả lời rất thản nhiên.

- Do tôi hay do bà?
- Cứ cho là do cả hai, mày còn trẻ mới cần tiền bộ, tao chẳng cần gì nữa.
- Bà nói năng vô trách nhiệm thế à? – Tôi quát lên – Hiện nay bà là một cán bộ cơ mà.
- Không cần, tao sẽ nói hết.

Tức không chịu nổi, tôi đập cho mẹ tôi một đầu cuốc vào đầu, mẹ tôi ngã xuống chết ngay.

Toà tuyên phạt Phi Lân giết người do ngộ sát, mười hai năm tù. Hắn bị bắt từ năm 1960. Năm 1961 hắn đi trại, sáu tháng sau hắn được làm trật tự trại và mới chuyển về trại này hồi đầu năm. Năm ngoái hắn được giảm án một năm và năm nay giảm hai năm. Hắn cao to, béo húp híp, mắt lơ lơ. Hắn được làm trật tự vì tính hung hãn. Một sai phạm nhỏ của tù là hắn đánh rất dã man. Hắn góp sức cùng bọn cai ngục làm nhiều người bỏ mạng hoặc thành thương tật. Đây là một tấm gương trong trại cải tạo của một chế độ tự xưng là ưu việt.

Cải tạo theo phương pháp của chế độ là phải cắn xé lẫn nhau, mất hết tính người mới thực hiện được cái gọi là đấu tranh giai cấp trong nhà tù. Điều nham hiểm là chúng nhốt chung tù chính trị với tù hình sự và xúi giục, gây mâu thuẫn để tù hình sự đánh đập, hành hung tù chính trị.

Chúng thường nói với tù hình sự, các anh là con em tầng lớp lao động chỉ sai phạm nhất thời, khác với bọn phản cách mạng, chúng đã tiêm nhiễm những tư tưởng xấu để các anh phạm pháp. Lưu manh, dĩ điểm, giết người, cướp của và các tệ nạn xã hội khác là tàn dư của chế độ cũ. Các anh là sản phẩm, còn bọn phản cách mạng là thủ phạm.

* *

*

Đầu cầu Long biên có một người chữa xe đạp, anh ta còn trẻ, tuổi ngoài ba mươi, thích làm nghề tự do – một nghề không phù hợp với xã hội đương thời. Anh vui tính, hay nói chuyện và cũng là người hiểu biết.

Mùa hè năm 1966, một người khách đến nhờ anh chữa chiếc xe đạp thống nhất. Xe bị vỡ côn, chòn răng trục bánh sau. Người khách cũng trạc tuổi anh, anh vừa chữa xe, vừa nói chuyện vui với khách:

- Cứ có cái Peugeot là yên tâm hơn cả. Một chiếc xe này phải bền bằng năm lần xe thông nhất. Khẩu hiệu nhanh nhiều tốt rẻ nên thay đổi lại là chậm ít xấu đắt...

Người khách cứ thản nhiên nghe anh thợ nói chuyện, đến khi chữa xong, khách thử lại thấy trơn tru, lập tức anh ta hỏi anh thợ:

- Anh ca ngợi xe Peugeot của đế quốc à?
- Sự thật là thế – Anh thợ ngạc nhiên trả lời.
- Anh tuyên truyền không công cho đế quốc – Nói xong người khách giơ thẻ đỏ, bắt anh thợ chữa xe về đồn. Hôm sau giải anh thợ lên khu vại ngày và đưa vào Hoả lò giam cứu. Toà án phạt anh thợ năm năm tù và ba năm mất quyền công dân vì tội tuyên truyền không công cho đế quốc.

Cai ngục giải anh đến trại này hồi đầu tháng mười một. Anh gặp lại thầy giáo cũ là bác Lê ngọc Văn. Thầy trò ôm nhau thương cảm trong cảnh tái ngộ đắng cay, trò mở hết bầu tâm sự với thầy, trong đó có sự kiện đau thương tan nát của gia đình thầy. Như sét đánh ngang tai, bác Văn ngất đi một hồi lâu không tỉnh. Từ đó, thể xác và tinh thần bác vốn đã héo mòn lại càng sa sút nghiêm trọng hơn. Gánh nặng của hai năm tù cơ cực, tủ nhục và sự đau thương, tan vỡ của gia đình đè lên đôi vai gầy guộc của bác, uốn cái lưng còng lại như một cánh cung, mái tóc bạc phơ, xơ xác, cặp mắt sâu hoắm thâm quầng dấu ấn của nhiều đêm mất ngủ.

Những nếp nhăn trên trán bác hằn lên từng vết đậm và sâu. Bác phải chống gậy dò dẫm từng bước. Yếu quá, bác được chuyển sang toán chẻ tăm hương, một toán gồm những người già yếu, đại bộ phận phải chống gậy. Một buổi sáng bác Văn sốt xin nghỉ. Tên quản giáo còn trẻ, có cặp mắt sắc như dao, hăn bảo y tá trại:

- Anh Thân khám cho anh Văn xem có thể đi làm được không?

Tên y tá muốn duy trì địa vị, được ăn no, lao động nhàn, hăn phải hiểu ý của từng tên cai ngục, khám cho bác Văn xong, hăn nói:

- Thưa ông, anh Văn có thể đi làm được.

Tên quản giáo quát:

- Anh Văn phải đi làm.
- Tôi bị sốt và rất mệt, xin ông cho tôi nghỉ.
- Phi Lân đâu làm nhiệm vụ – Tên quản giáo gọi.

Trật tự trại từ xa chạy lại chỗ bác Văn, hăn hỏi:

- Lệnh của ông cán bộ, anh có chấp hành không?
- Tôi đang sốt rất nặng, xin anh tha cho.

Bốp, bốp – Hấn đâm vào mặt và đá vào sườn bác Văn. Bác ngã sõng soài ra đất. Hấn nắm lấy tay bác Văn kéo quệt lê ra ngoài cổng trại. Sau đó, tên quân giáo sai tù khiêng bác ấy ra nơi làm việc.

Đến chiều, tên quân giáo cho bác Văn nghỉ. Bác chống gậy dò dẫm mãi mới đến được trạm xá xin thuốc. Tên y tá trại nói:

- Lệnh của cán bộ không cho, mà thực tế cũng không có thuốc.

Lúc đó tù đi làm về trại, gặp tôi, bác nói nhỏ:

- Tôi không thể sống được nữa, Cộng sản đã hãm hại cả nhà tôi.

Bác Văn đã biết định mệnh của mình. Nhìn bác thương tâm quá tôi ngậm ngùi không giữ nổi dòng nước mắt.

Sáng hôm sau, giờ điểm danh, tù ngồi xếp hàng đợi trong phòng để trật tự điểm trước và cai ngục điểm sau. Thấy cái màn vẫn buông, tên trật tự giật đứt dây màn nhưng người nằm trong màn vẫn im lặng. Hấn cảm chân người ấy giật mạnh mới biết người ấy đã chết ban đêm, Người ấy chính là bác Văn. Trước giờ đi làm tôi lên đến chỗ để thi hài bác và thăm gửi bác lời chào vĩnh biệt. Bác Văn không còn nữa nhưng hình ảnh thầy giáo trường Bưởi đường bệ xa xưa và hình ảnh món súp nhái ngoé, quả găng luộc bằng chiếc gáo dừa mà bọn trật tự, văn hóa bắt được bêu giếu thầy trước cổng trại sẽ còn tồn tại mãi. Cuộc sống đau thương, cơ nhục và cái chết thê thảm của thầy giáo danh tiếng một thời dưới chế độ xã hội chủ nghĩa như thế đó.

* *

*

Gần tết Nguyên đán, trước giờ đi làm, ông phó giám thị Vũ anh Cửu nói chuyện trước tù nhân toàn trại:

- Trại mới xây dựng, cơ sở vật chất còn thiếu. Do vậy kinh phí nhà nước cấp cho các anh dùng chưa hết. Chúng tôi muốn mua ngô, khoai, sắn cho các anh ăn thêm lại phạm vào chính sách lương thực. Muốn mua trâu lợn mổ để cải thiện bữa ăn của các anh lại phạm vào chính sách thực phẩm. Còn một biện pháp duy nhất là các anh phải tích cực lao động, trồng nhiều khoai sắn rau để tăng thêm mức sống.

Ông nói tiếp:

- Gần đây ban giám thị nhận được nhiều đơn của các anh theo đơn vị toán, tổ hoặc cá nhân đề nghị: với chính sách nhân đạo của đảng, ngày tết bán cho mỗi anh một vài cân sắn ăn thêm cho no để đỡ nhớ gia đình.

Tôi thay mặt ban giám thị tuyên bố ngày tết ăn hương ăn hoa. Nếu bán sắn cho các anh, sẽ có kẻ bên tù phản cách mạng xuyên tạc ngày tết cho phạm ăn sắn thay cơm. Ông nói về bông đùa:

- Đói mới không nhớ nhà chứ. Ăn thêm cho no để đỡ nhớ gia đình là không logique.

Tết năm ấy, đêm giao thừa, hầu như không ai ngủ được do quá nhớ nhà và cái đói vò xé theo cấp số.

Sáng mừng một tết, theo thường lệ tù nhân phải tập trung nghe ban giám thị chúc tết nhưng do đói quá, đại bộ phận nằm dài, lấy chăn trùm kín mặt. Ngày tết bọn trật tự, văn hoá trại chỉ thúc giục chứ không được cưỡng bức bằng cú đấm, cú đá.

Buổi trưa hôm đó, tôi may mắn được một bữa “đại tiệc”. Bác Phạm cao Tòng, quê ở Hải phòng, trong toán văn nghệ quản chế lỏng lẻo hơn nên trước tết bác nhổ rau má và giấu đi được một túi xách đầy. Rau để lâu nên đã úa, bác gọi tôi:

- Tâm mang cơm đến ăn “tiệc” với anh.

Hai người ăn hết túi rau má và cơm được một bữa no nê.

Đến tối trong phòng giam, số đông tù đang nằm, tiếng thở dài liên tiếp xì ra thì ban văn hoá trại gọi loa:

- Các anh chú ý nghe tin đặc biệt của ban giám thị. Xuất phát từ chính sách nhân đạo của đảng và chính phủ, cũng như sự quan tâm của giám thị và các ông cán bộ, bộ đội vũ trang đối với trại viên, nay quyết định bán cho mỗi anh một cân sắn vào ngày mừng hai tết.

Nghe xong tin đó, tiếng hò reo trong các buồng giam vang lên cả một vùng đồi núi. Bỗng chốc trong buồng giam vui như hội, nhiều người cả đêm không ngủ, ngồi bàn tán, trò chuyện chờ đến sáng. Bác Quách văn Đông nói:

- Tôi cứ tưởng nếu chết ở đây mình sẽ hoá thành con ma đói mãi tính nhưng ngày mừng hai tết được một bữa ấm bụng thì chưa đến nỗi thế. Tôi mừng quá chờ suốt đêm không chợp mắt.

Anh Phạm gia Ngoan cười nói:

- Số tôi son hơn các bác, các anh, hai mươi tám tết đến trại, bốn ngày sau được một bữa chắc dạ dày.

Sáng hôm sau, bầu không khí trại giam sôi nổi hẳn lên, tùm nập, tùm ba bàn tán. Chẳng những thế, sấn là mặt hàng quý hiếm có thể trao đổi lấy bất cứ thứ gì nên đột xuất nhà tù biến thành một phiên chợ lớn, người đi, kẻ lại xì xào mặc cả. Các con buôn gặp ai cũng hỏi để mua đi, bán lại, đổi chác kiểm lời. Một áo len dài tay giá bốn cân sấn, một quần orlon mới giá ba cân, năm điều thuốc Lào giá một cân, hai lạng đường trắng một cân và một thìa con cá muối trắng giá một cân...

May nhất là những người đang nằm trên giường bệnh không có gia đình trợ giúp, cân sấn tạo điều kiện cho họ có cốc nước đường hoặc cốc sữa. Mặt hàng quốc cấm ở đây là muối trắng. Không hiểu vì sao, ngoài cái đói giày vò, ai cũng thèm mặn, có thể uống được nước muối. Một cân đường chỉ đổi được vài lạng muối. Sấn lược chấm muối trắng được coi là bữa siêu đại tiệc của những tù nghèo không có gia đình tiếp tế. Nhiều người phát biểu, ăn một khúc sấn bỏ còn ngon hơn bên ngoài ăn một khoanh giò.

Do vậy những tù có gia đình tiếp tế phải bỏ ra những thứ quý như quần áo mới, đường sữa, duốc để đổi lấy sấn và muối ăn thêm.

Toán bốn làm nông nghiệp và toán tám chẻ tăm hương ở cùng phòng, tổng số một trăm bốn chục người. Hai toán cử người đi lấy sấn và lược, họ đề nghị lược cả vỏ, sau đó họ chia nhau cả nước lược. Còn sấn thì chia rất cẩn thận bằng cân tiểu ly rồi bốc thăm.

Một cân sấn, người to lớn như bác Đông và anh Ngoan cũng ầm dạ dày, còn người khác được một bữa no nê, khoái chí. Sau khi ăn sấn cùng với bữa cơm chiều thì mặt trời sắp lặn, niềm vui kéo dài được khoảng một giờ. Bắt đầu điểm danh vào phòng giam, nhiều người bị nhức đầu, chóng mặt, sau đó cuộc say sấn diễn ra cả phòng, nhẹ thì nôn mửa, nặng thì đi ỉa chảy. Những thằng tù chống gậy vọt vĩa đi đại tiện như trẩy hội. Nhà vệ sinh không chứa hết người cùng một thời điểm, thành ra nhiều người ỉa ra quần, sấn trên nôn mửa, ỉa xuống sàn dưới. Bỗng chốc phòng giam biến thành một nhà xí công cộng khổng lồ, kèm theo tiếng cãi cọ kêu khóc, rên rỉ đan xen tiếng chửi bới và ục ịch đánh nhau.

* *

*

Mùa xuân năm 1967, nhìn những dòng người thân tàn, quần áo sọc xanh, sọc đỏ đi làm, trong đó có tôi mà lòng tê tái. Cái đói đã vậy, lại thêm cái rét thấu vào da thịt trong cảnh mưa phùn, gió bắc. Do sức lao động của thằng tù, những đồi sắn mọc lên xanh tốt, những lô xu hào, bắp cải bạt ngàn. Bọn cai ngục bắt tù thu hoạch đưa lên ô tô ra thị trấn Hàm yên bán. Có những lô bán không kịp, rau thối ra. Lá xu hào, lá bắp cải già lợn ăn không hết chất thành đồng ngoài đồng. Trong khi đó, mỗi bữa của một thằng tù chỉ được vài gấp rau, vẫn phải nhặt lá cây, rau rừng để ăn thêm cho đỡ đói.

Nhiều người hỏi xin cán bộ trại giam:

Các ông cho chúng tôi lá su hào, lá bắp cải vớt ngoài đồng. Có tên lịch sự trả lời:

- Tiêu chuẩn của các anh cho ăn đủ rồi.

Có tên trả lời thẳng thắn:

- Rau thối làm đất thêm màu mỡ, cho các anh ăn nhiều để phản cách mạng à?

Trong toán của tôi có một anh là Dương hữu Lạc. Anh bị tù từ năm 1960, án phạt hai mươi năm, tội đảng phái phản động ở Thái Nguyên. Anh đứng thứ hai trong vụ, người đứng đầu bị tử hình. Bảy năm tù thì sáu năm anh nằm xà lim vì liên tục phạm kỷ luật. Anh cho rằng, án tử hình còn dễ chịu hơn án hai mươi năm – một khoảng thời gian dài để chết dần mòn. Anh chống lại bọn cai ngục quyết liệt và tuyệt vọng để tìm cái chết sớm hơn.

Một hôm sau trận mưa, mọi tù nhân đã đi làm, riêng Lạc vẫn ngồi nghỉ. Tên thiếu úy quản giáo đến hỏi:

- Anh Lạc sao chưa đi làm?

- Còn nghỉ – Lạc thản nhiên trả lời.

Biết Lạc liêu lĩnh nên tên quản giáo nói lảng sang chuyện khác:

- Có lẽ anh căm thù chế độ lắm?

- Tất nhiên!

- Nếu bây giờ trong tay anh có súng thì anh sẽ làm gì?

- Tôi bắn chết ông trước, còn viên cuối cùng dành cho tôi.

Tên thiếu úy vỗ nhẹ vào vai Lạc, nói:

- Thôi, anh đi làm.

Lạc đứng dậy, liền đâm vào mặt tên thiếu úy. Tên vũ trang từ xa chạy lại dùng báng súng đánh Lạc túi bụi và định bắn Lạc ngay, nhưng tên trung úy vừa đi đến nhìn thấy, gọi:

- Đồng chí hãy chờ lệnh bắn nó làm gì cho phí đạn.

Ngay sau đó, đưa Lạc vào xà lim. Móng cùm chân Lạc sắc như cưa. Gần hai tháng trong nhà kỷ luật, mỗi bữa cho ăn hai quả bòng com, hai chân Lạc bị liệt, sắp chết thì được đưa ra bệnh xá. Trong lúc Lạc hấp hối, một tên trung úy khác nói:

- May cho anh được chết nguyên lành, nếu vào tay tôi đạo nọ, anh phải nát xác ngay. Tuy nhiên để anh chết dần dần cũng là điều cần thiết, có đủ thời gian để anh thấm thía, quần quai với tội ngoan cố chống đối.

Cái chết của anh Lạc làm nhiều tù nhân quan tâm bàn tán. Kẻ hèn nhát nói Lạc là ngu ngốc, người có máu hạo hán nói Lạc là một anh hùng. Lạc mới ngoài ba mươi tuổi, vóc người to lớn, da trắng, khuôn mặt Lạc nhìn trong ảnh trước lúc đi tù đầy đặn dịu dàng như con gái. Đối với đồng cảnh, Lạc hiền lành, nói năng nhỏ nhẹ như người xấu hổ. Nhiều lần tâm sự với Lạc, tôi hiểu, anh nhìn cuộc đời, xã hội hiện tại và tương lai như một bức tranh xám xịt. Lạc không tin một thế lực nào có thể chống lại sức mạnh và sự tàn bạo của kẻ thù ở thời kỳ lịch sử dân tộc cái ác chiến thắng cái thiện. Phải nói Lạc là người dũng cảm, bất khuất nhưng thiếu lòng nhẫn nại, anh thường hành động theo cảm tính và liều lĩnh.

Do vậy, cái chết của anh thật là uổng phí, lẽ ra phải tính toán sự hy sinh của mình để đổi lấy một sự kiện vinh quang.

Cũng vào thời gian này, tử thần bước vào mùa gặt hái. Một vụ bội thu, có ngày không đủ gỗ làm quan tài mặc dù có sáu cặp xẻ liên tục. Cuộc tàn sát thâm lặng bằng cách cho chết dần mòn ở trại này có nguy cơ bị tiết lộ ra ngoài nên để đối phó với tình hình đó, một mặt cục quản lý nhà giam cho tù ăn thêm ngô để hạn chế chết đói, mặt khác cho chuyển trại giam đến một khu rừng mới.

Trên quả đồi A1, hàng trăm ngôi mộ bia gỗ viết bằng sơn đen họ, tên và địa chỉ người xấu số, nằm lặng lẽ dưới rừng cây, không hương hoa, không người phúng viếng. Lẽ dĩ nhiên thời gian sẽ xóa đi tất cả. Và thể xác họ bón cho rừng cây thêm xanh tốt. Quả đồi này có một cây cổ thụ, ai đó đã vạch lên thân cây mấy vần thơ:

Ở đây yên nghỉ những người,
Nhà tù tàn bạo, số trời gian nan,
Đói ăn nên phải chết oan,

Một đôi lửa hận, khói lan khắp trời.

* *

*

Một chậu cơm ở toán chẻ tằm hương ở mức thấp nhất có sáu người: thầy giáo trường Tây sơn, nhà thơ kịch, nhà văn kiểm hiệp, nhạc sĩ, ông tham tá và một bác đi tù từ năm 1949. Bữa chia cơm nào cũng cãi chửi nhau. Hồi tháng mười năm ngoái, nhân ngày công bố quyết định ân giảm, ân xá, bữa trưa hôm ấy có món rau muống xào lòng trâu và tiết. Một miếng tiết to nhất bằng nửa bao diêm, nhà văn kiểm hiệp chia cả vào một bát, sau đó bốc thăm. Vận đỏ đến với nhà văn, nhưng khi cắn miếng tiết thấy đắng và có mùi thum thum, nhà văn nhè ra xem té ra miếng tiết là một cục phân trâu. Nhà văn nhỏ phì phì, vội lấy nước súc miệng, sau đó tuôn ra hàng tràng chửi tục:

- Đ... mẹ bọn nhà bếp làm cầu thả!
- Tổ sư kiếp! Có bao giờ nấu lần cứt mà ăn không?

Một thằng tù nhà bếp là tù lưu manh nghe thấy, đến tặng cho nhà văn dăm quả đâm vào mặt, nhà văn ngã sõng soài ra đất, van xin, rên rỉ, mấy phút sau mới lóp ngóp bò dậy được. Vận đỏ của nhà văn tức thì biến thành vận hằm.

Nguyên nhân cũng dễ hiểu thôi, tên cai ngục phụ trách toán rau xanh, khi thu hoạch, hấn bắt tù cắt sát đất để tăng trọng lượng. Mặt khác tù phải làm theo mức khoán cưỡng bức, sủng kè bên, do đói và mệt mỗi một thằng tù nào đó cắt rau quơ cả cục phân vào, bó lại. Bọn nhà bếp với số người rất ít so với tỷ lệ số người tù, muốn bảo đảm được thời gian, mang rau ra suối để cả bó rửa qua loa rồi bỏ vào chảo. Rau muống trong trại giam lẫn nhiều cỏ, rác, phân trâu và lá cây...

Mùa xuân năm ấy, một buổi tối lại được nghe ban văn hoá trại phát thanh một tin đặc biệt: “Ngày mai, quyết định của ban giám thị cho toán nhà bếp thu lá su hào, lá bắp cải thừa ngoài đồng để cải thiện cho toàn trại”.

Niềm vui được một bữa no lại đến với mọi thằng tù. Tuy nhiên lần này không sôi động như cân sẵn dịp tết vì mới được ăn thêm ngô hàng ngày nên bệnh đói kinh niên đã giảm một phần. Bữa trưa hôm sau, rau nhiều, tù chỉ cân cẩn thận chứ không bốc thăm. Bác Khanh hằm hiu bị nhiều lá su hào úa, bác thắc mắc phần rau của nhà văn kiểm hiệp ngon hơn. Máu nóng được hâm sẵn trong đầu, hai người giải quyết mâu thuẫn bằng vũ lực. Thật nực cười, hai người vừa mới xô vào nhau thì cả hai đều ngã. Yếu quá, chẳng ai dậy được để tiếp tục cuộc chiến, cả hai nằm sấp xuống sân mà rên rỉ. Nơi chia cơm, dưới một cây to gần cổng trại. Đứng trên chòi gác, một lính vũ trang

mới đến, mặt còn non choẹt khoảng mười bảy tuổi. Có lẽ lần đầu thấy cảnh này, không chịu nổi, chú lính quát:

- Các anh là loài vật hay sao mà chia ăn cũng đánh nhau?

Cố hết sức, bác Khanh bò dậy được, trả lời:

- Ông nói đúng! Ai vào đây một vài năm là hoá ra con vật.
- Tên anh là gì? – Chú lính trẻ quát to hơn.
- Tôi là Khanh, Phạm bá Khanh.

Chú lính sừng sốt hỏi:

- Có phải đi tù từ năm 1949 không?
- Vâng!
- Quê ở Thanh hoá phải không?
- Vâng, sao ông biết?
- Bố ơi, con của bố đây – Chú lính trẻ vừa gọi vừa khóc.

Bác Khanh ngơ ngác, chẳng hiểu gì? Trong khi đó, tên cán bộ trực trại ngồi phòng dưới chòi gác, nghe thấy, hăn chạy ra hỏi:

- Đồng chí vừa nói gì?
- Kia là bố tôi, xin đồng chí cho gặp.
- Phải có lệnh của cấp trên, đồng chí về ngay doanh trại.

Bác Phạm bá Khanh đi buôn gạo bằng thuyền từ Thanh hoá ra Nam định trong thời kỳ chống Pháp. Năm 1949 bác bị bắt về tội tiếp tế lương thực cho địch tại vùng tạm bị chiếm. Không cần xét xử, họ giam bác đến nay. Sau ngày hoà bình năm 1954, bác được gửi hai lá thư nhưng không thấy vợ trả lời.

Khi bác Khanh bị bắt thì vợ bác có mang hai tháng. Từ khi bắt tin chồng, lại phải nghe nhiều lời đồn đại, sự tra tấn của dư luận:

- Tên Khanh là gián điệp!
- Tên Khanh đã theo địch!
- Tên Khanh đã bị cách mạng xử trí!
- Loại đàn bà vô phúc là vợ của tên bán nước!
- Là vợ của tên tay sai cho đế quốc nên đâm đầu xuống sông mà chết...

Sau khi sinh đứa con trai ba tháng, vợ bác bế con bỏ quê hương ra thành phố Nam định làm thuê để nuôi con. Đợi tin chồng ba năm không thấy tăm hơi, vợ bác đi bước nữa. Đứa con trai bác lấy họ và địa chỉ của chú dượng. Người chồng kế nghiệp hút, bắt nạt đánh đập con của vợ nhiều lần tàn ác. Tưởng chú dượng là bố mình, thằng con trai bác Khanh oán trách bố vô đạo đức, không có tình thương con. Đến ngày chuẩn bị lên đường nhập ngũ, vợ bác Khanh mới nói thật họ, tên và lai lịch của bác cho đứa con trai biết. Chú lính trẻ vô cùng đau xót nhưng cũng cho rằng, bố mình đã chết. Nào ngờ đâu được gặp bố trong hoàn cảnh thâm trầm này. Nhưng ban giám thi không cho chú lính trẻ gặp lại bố, ngay chiều hôm ấy điều chú đi phân trại khác. Uất ức và đau lòng quá, chú tự bắn vào đầu. Khi bác Khanh biết người lính ấy là đứa con duy nhất của mình thì con bác đã về nơi yên nghỉ.

Sức khỏe của bác Khanh thật kỳ diệu mới tồn tại được mười tám năm trong nhà tù Cộng sản. Tuy nhiên cơ thể bác đã bước vào giai đoạn gần đất xa trời.

* *

*

Mùa hè năm 1967, phần lớn tù đã chuyển đến trại mới, cách trại cũ khoảng bảy cây số. Bác Quách văn Đông, tôi và một số người nữa chuyển sang toán xây dựng. Một hôm bác Đông được làm việc tự giác đi vác mía. Trên đường, bác thấy bên bờ suối gần nơi ở của bọn cai ngục, một rổ lòng trâu không có ai trông coi, bác liền quăng mía bên đường, lần xuống lấy một ít cho vào ống nứa. Khi lên, bác phát hiện một lính vũ trang đang trên đường đi xuống. Bác luống cuống vắt ống nứa đựng lòng trâu xuống suối và tìm chỗ ẩn nấp. Cạnh đó có một nhà tắm, bác vội vã đẩy cửa chạy vào. Tránh vỏ dừa gặp vỏ dừa, mục cấp dưỡng của cơ quan béo như con lợn ỷ, ngoại tứ tuần vẫn chưa chồng gọi là Tam tảo quân đang trần truồng tắm. Thấy bác Đông chạy vào, mục hô hoán om xòm. Lính vũ trang đến bắt và khoá tay bác đưa về phòng giáo dục. Trong lúc chờ đợi hỏi tội, bác Đông có đủ thời gian chọn cái giá phải trả rẻ nhất. Nếu bác nhận ăn cắp lòng trâu thì phải cùm hàng tháng, nên bác đã khai:

- Tôi vác nứa đi qua, nghe thấy trong nhà tắm nữ có tiếng nước dội vì xa nhà nhớ vợ nên tôi đã...
- Đã gì? Anh định hiếp dâm à?
- Tôi không dám, mà đẩy cửa vào để nhìn cho đỡ nhớ thôi.
- Chúng tôi có thể quy anh vào tội hiếp dâm.

- Thừa ông, thằng tù sống được về với vợ con là may rồi, lấy đâu ra sinh lực mà làm điều đó. Vả lại, bà Tam táo quân khỏe gấp mười lần tôi, bà chỉ gãy tay là tôi ngã không dậy được.

Lời khai của bác Đông có tình, có lý nên tội này, bác chỉ bị cùm trong xà lim một tuần.

* *

*

Cách cổng trại một trăm mét, có một cây lâu năm, thân cây to đường kính bảy, tám mươi phân, cành lá sum sê tán rộng hàng trăm mét vuông, quả sai dúi dít, ăn ngọt hơn vải đồng bằng. Đặc biệt, hạt rang ăn bùi và ngon như lạc, có tên là cây vải guốc. Trong lúc lính vũ trang quần chế lỏng lẻo, tù trèo lên hái quả vừa ăn cùi, vừa nướng ăn hạt. Bệnh đói kinh niên mà được ăn loại quả này còn gì thích thú hơn? Tù thi nhau hái ăn không biết chán, người không trèo được thì đổi chác hoặc mua để có ăn. Cuộc vui vẻ diễn ra tấp nập như buổi tiệc tùng. Tên lính vũ trang đi đâu về nhìn thấy cũng lờ đi như không biết, mặc dù mọi ngày cũng tên lính này có tiếng là hung ác, tù sai phạm là hấn đánh liền. Hôm ấy, hấn bỗng đứng hiền như bụt. Thấy thế tù được đà trèo lên hái ăn cho thỏa thích khen ông vũ trang tốt. Có người hô to:

- Ông bộ đội muôn năm!

Đến tối, trong phòng giam, tấn thảm kịch bắt đầu. Người ăn nhiều quần quai, vật vã chết ngay hôm ấy. Người ăn ít hơn bị đầu độc, hành hạ một tuần mới qua đời. Đau thương hơn cả là những người ăn số lượng vừa đủ ngộ độc, mắc bệnh tâm thần hoảng loạn, tự xé quần áo mình, nói nhảm nhí. Cứ thế chết dần, có người kéo dài hàng năm tử thần mới cho về cõi. Bác Quách văn Đông cũng là người bị nạn. Trong khi đó, vợ bác Đông đã bị mù lần mò đến thăm chồng.

Một buổi chiều tà, một người đàn bà mù cùng đi với hai đứa trẻ: một trai, một gái dắt tay người đàn bà đến nhà tiếp đón. Lúc đầu ai cũng tưởng đó là ba mẹ con, thực ra hai đứa trẻ kia là con anh Lê hữu Cát người Phú thọ. Xưa kia, anh Cát cộng tác với đối phương sáu tháng, đeo lon binh nhì. Biết thân phận mình có vết đen với chế độ, anh ngoan ngoãn nhịn nhục để cầu mong một cuộc sống bình an. Anh đẹp trai nên lấy được người vợ xinh xắn nhất làng. Năm 1964, anh lên đường vào trại. Anh đã vậy, vợ anh còn đáng thương hơn. Ngoài những lời mĩa mai, nguyên rửa của dân làng và sự đe dọa, khủng bố của chính quyền địa phương, vợ anh làm công điểm trong hợp tác xã nông nghiệp chỉ được mấy lạng thóc một ngày, không đủ nuôi con. Anh em, họ hàng

xa lánh chẳng nhờ được ai, buộc vợ anh phải làm trò giải trí cho bọn lãnh chúa miền quê để có thêm tiền sinh sống. Vợ anh trở thành con mồi hấp dẫn, mấy tên mặt người dạ thú tranh nhau để hậu quả vợ anh phải gánh. Họ đã bắt vợ anh về tội gái làm tiền. Nhục quá, vợ anh thất cổ tự tử. Có ai đó đã xui hai đứa con anh nên chúng đến trại giam xin bọn cai ngục tha anh về để nuôi dạy chúng.

Đi ô tô đến thị trấn Hàm yên, vợ bác Đông và hai đứa con anh Cát làm quen nhau và cùng trên đường vào trại, vừa đi vừa hỏi thăm đường, trèo đồi, lội suối từ sáng sớm đến chiều họ mới tới khu vực trại giam.

Cách trại giam khoảng ba trăm mét, có một khu nhà rất đẹp, làm bằng gỗ, sơn các màu bóng lộn, trên mái lợp ngói. Trong nhà kê những bộ bàn ghế bằng gỗ lát, đánh véc ni bóng như gương và những chiếc giường hộp kiểu Đức, trải chiếu hoa mới. Xung quanh vách bằng gỗ dán nhiều tranh ảnh đẹp. Ngoài sân, có một vườn hoa hình bán nguyệt trồng nhiều loại: cúc, thược dược, hoa hồng, glaiulle...

Ngoài ra, còn các chậu hoa, cây cảnh, một bể to chứa nước trong vắt, thả cá cảnh, giữa bể có non bộ. Bên cạnh khu nhà, một dòng suối chảy qua, nước trong veo, chảy xiết bốn mùa. Tiếng chim hót líu lo xa gần tôn thêm vẻ trữ tình, thơ mộng của khu nhà. Nơi đây có người trông nom thường xuyên quét dọn nhà cửa, biết chăm sóc, tỉa tót vườn hoa. Khu nhà thông ra đường bằng một ngõ rộng, sửa sang sạch đẹp. Đầu ngõ có biển đề: nơi tiếp đón gia đình các trại viên. Nơi đây chúng tôi gọi là phòng tuyên truyền của địa ngục trần gian. Đứng đầu phòng này là một sĩ quan công an – cán bộ giáo dục. Chắc ông cán bộ này được đào tạo rất công phu nên mới có tài uyên bác về đôi trắng thay đen. Tuy nhiên ông ta chỉ là cái đỉnh vít nhỏ trong guồng máy tuyên truyền khổng lồ của chế độ. “Lưỡi không xương nhiều đường lắt léo...” đã, đang được cái guồng máy này khai thác triệt để và sử dụng tuyệt vời nhất từ xưa đến nay.

Nơi đây đã diễn ra bao cảnh chia ly vĩnh viễn của những cặp vợ chồng còn trẻ, con cái không tin cha, vợ chẳng hiểu chồng, anh chị oán trách em. Trong cái địa ngục trần gian kia hàng trăm người bỏ mạng vì ốm đau không có thuốc, không được cứu chữa, vì đói hoặc vì những cực hình khác thì tại phòng tuyên truyền này được giải thích: với chính sách nhân đạo của đảng và chính phủ, chúng tôi đã hết lòng cứu chữa và chăm sóc nhưng do bệnh tật hiểm nghèo không qua khỏi...

Trước khi vợ bác Đông được gặp chồng và hai đứa con anh Cát được gặp bố, ông cán bộ giáo dục cho nấu cơm gạo ngon, thức ăn có thịt lợn và canh ngọt mời. Ông nói chuyện với vợ bác Đông là bác Hoà, trước hết ông hỏi thăm sức khoẻ và tình hình kinh tế của gia đình. Bác Hoà nói:

- Nhà tôi đi cải tạo một thời gian thì con trai tôi đi bộ đội, mới hy sinh ở miền Nam năm ngoái. Con gái tôi làm việc và lấy chồng ở xa, chẳng giúp được gì bố mẹ. Đầu năm nay tôi ốm nặng, không có điều kiện vào bệnh viện, bệnh khỏi thì mắt bị mù, kinh tế gia đình rất khó khăn. Đây là lần đầu tiên tôi đi thăm ông ấy sau ba năm cải tạo.

Ông cán bộ bắt đầu giải thích:

- Chủ trương nhà nước đưa chồng bác đi cải tạo là mong muốn anh Đông gột rửa những tư tưởng xấu đi trở thành người lương thiện cùng đóng góp xây dựng xã hội chủ nghĩa, mức án chỉ là cái móc để anh Đông phấn đấu. Rất nhiều người cải tạo tốt được về trước án hoặc được giảm án, ngay án chung thân cũng chỉ ở tù trên dưới mười năm. Hiện nay toàn đảng, toàn dân và toàn quân, tất cả để chiến thắng giặc Mỹ xâm lược. Trai trẻ trực tiếp cầm vũ khí chiến đấu ngoài chiến trường, còn lại đang chiến đấu trên mặt trận sản xuất ở hậu phương.

Anh Đông cải tạo tốt, sớm được đoàn tụ với gia đình là xã hội thêm một thành viên, đất nước thêm một người lính chiến đấu trên mặt trận sản xuất góp phần chống Mỹ.

Mặc dù kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, chúng tôi thường xuyên quan tâm đến những người đi cải tạo, bao giờ cũng đầy đủ. Nếu có thiếu chẳng là về mặt tình cảm gia đình. Thế mà anh Đông nay vi phạm cái này, mai cái khác, gần đây lại ăn bậy bạ quả vải guốc, tự đầu độc mình, tự phá hoại thể xác mình. Chúng tôi đã hết lòng cứu chữa mà bệnh vẫn chưa khỏi. Tôi sợ qua thái độ cải tạo của anh Đông để bác biết và khẳng định rằng, sở dĩ anh Đông chưa được giảm án, gần đây mắc bệnh là lỗi của chính mình. Bác nên khuyên nhủ, động viên anh ấy.

Nghe ông cán bộ nói, bác Hoà than khóc và oán trách chồng không biết thương vợ, thương con.

Sau đó, ông cán bộ giáo dục gặp hai đứa con anh Cát. Ông chưa kịp nói gì thì hai đứa trẻ vừa khóc, vừa van lạy:

- Bác ơi, chúng cháu xin bác, tha cho bố chúng cháu về để nuôi dạy chúng cháu. Mẹ chúng cháu vừa chết rồi, chúng cháu không biết trông cậy vào ai, phải đi xin ăn từng bữa, từng ngày. Bác thương chúng cháu với, chúng cháu chấp tay lạy bác.

Ông cán bộ tỏ lòng thương cảm, ông an ủi dỗ dành hai đứa:

- Các cháu nín đi, đừng khóc nữa nghe chú nói. Chú sẽ đề nghị trên tha bố cháu ngay. Nếu bố các cháu cải tạo tốt thì được về lâu rồi, khôn nổi bố các cháu chưa chịu cải tạo nên chưa được tha về thôi. Các cháu phải khuyên bố nghiêm chỉnh chấp hành nội quy của trại, ăn năn hối lỗi, mau cải tà quy chính để sớm được về. Chú rất thương các cháu, ước mong của các cháu cũng là ước mong của chú và của đảng, ước mong bố các cháu cải tạo tốt sớm về đoàn tụ với gia đình cùng toàn dân chống Mỹ và xây dựng quê hương, đất nước...

Lời của ông cán bộ giáo dục tỏ vẻ thiết tha, trù mến.

Sau đó bác Đông được gặp vợ. Bác Hoà thay đổi nhiều, mắt lại mù, bác Đông ngờ ngác nhìn vợ thì ông cán bộ bảo:

- Vợ anh đấy, quên rồi à?

Bỗng bác Đông nhảy chồm lên rồi ngã lăn ra đất, hai tay xé quần áo tả tơi, chân đạp không khí, kêu:

- Đói lắm, có vài guốc không?

Ông cán bộ phải ra lệnh cho người trông coi nhà tiếp đón giữ bác Đông lại và dìu về trại. Bác Hoà khóc nức nở, hai tay chơi vơi trong không khí:

- Ông ơi, ông không thương vợ con à? Ông tự gây nên và bây giờ ông tự hành hạ mình để cả nhà đều khổ.
- Bác cứ yên tâm, chúng tôi tiếp tục cố gắng chạy chữa cho anh Đông khỏi bệnh và đề nghị trên tha – Ông cán bộ dễ dàng.
- Bác có quà cho anh ấy đưa tôi gửi về trại?
- Nghèo quá, tôi chỉ mua cho nhà tôi hai gói thuốc lào – Bác Hoà trả lời nghẹn ngào trong tiếng khóc.

Đến lượt anh Lê hữu Cát được gặp con. Chúng khóc oán trách bố không chịu cải tạo, không thương con. Anh Cát thăm hiểu hai đứa con thơ dại của anh đã ăn phải bả lừa bịp của tên cai ngục, nhưng hấn ngời đó, anh biết nói với chúng thế nào? Chính vì thương vợ, thương con, khi chưa đi tù anh đã cố nhịn nhục và phục tùng mọi sự bất công, vô lý. Trong ba năm cải tạo, anh cam chịu đói khổ đoạ đầy, kiếp sống không bằng con vật, ngoan ngoãn chấp hành tất cả để mong chờ ngày đoàn tụ với vợ con. Vợ anh ngày nay không còn nữa, cô ta tự giết mình vì nhục. Trong thâm tâm anh, nếu bỏ mạng vì hạnh phúc của hai con nhỏ anh cũng sẵn sàng. Chưa xót chưa những đứa trẻ

thơ ngây, người ta cướp đi tình thương yêu, chăm sóc của cha mẹ đối với chúng. Rồi người ta lại lừa chúng trút hết tội lỗi lên đầu người cha bất hạnh.

Anh ôm hai con vào lòng vừa khóc vừa nói:

- Các con ơi, hãy biết cho lòng bố, bố thương mẹ và thương các con hơn cả cuộc đời mình.

Hai đứa trẻ càng khóc to hơn như bắt vạ người bố thiếu tình thương:

- Bố ơi, bố hãy thương chúng con mà cải tạo tốt để sớm được về. Chúng con hiện nay khổ lắm. Sau khi mẹ chết, nhà chẳng còn gì ăn, chúng con sang xin cô chú, mỗi người chỉ cho một bơ gạo và dần từ nay không được đến nữa, nếu không sẽ ảnh hưởng xấu đến gia đình cô chú. Đói quá, chúng con đi xin ăn, xin ở làng không ai cho, họ bảo không liên quan với con tên bán nước, Chúng con phải đi từ sớm, xin ở thật xa mới được về. Có ngày trời mưa to quá, không đi được đành nhịn đói. Chẳng những thế, bọn trẻ trong làng, chúng chế giễu chúng con là con tên bán nước, chúng đánh chúng con nhục nhã lắm, bố ơi!...
- Thời gian các cháu gặp bố đã hết – ông cán bộ ra lệnh – Các cháu có cái gì cho bố không?
- Chúng cháu có vài đồng mua cho bố cháu mấy cái bánh nếp – Thằng con trai nói – nhưng trên đường đi đói quá, chúng cháu ăn hết rồi.
- Anh Cát chào hai con rồi về trại – ông cán bộ nói.

Anh Cát đứng lên bịn rịn nhìn chằm chằm vào mặt hai đứa con tội nghiệp một lần nữa rồi về trại giam.

Hai đứa trẻ vừa khóc, vừa nói theo:

- Bố phải cố gắng cải tạo tốt để sớm về với chúng con, bố nhé!

Trên đường về trại, anh Cát vừa đi, vừa khóc.

Hôm sau, bác Hoà và hai đứa con anh Cát được đi nhờ ô tô tải của trại ra thị xã Tuyên quang, ông cán bộ cho tiền ăn đường và tiền vé ô tô về nhà.

Đến cuối năm ấy, bác Đông qua đời. Nơi yên nghỉ của bác đã có hàng trăm bạn bè nhưng chưa đông đúc như trên đồi A1. Còn anh Lê hữu Cát đến giữa năm 1973 mới được tha. Năm 1969, một số lớn sĩ quan được về, anh Cát hỏi Hồ sĩ Tường, cán bộ giáo dục:

- Thừa ông, nay sĩ quan đã được sự khoan hồng của đảng, chúng tôi là những lính quèn thì đến bao giờ...?
- Các anh ấy à? – Hồ sĩ Tưởng nhếch mép cười – Nay mai tha ra thì có lợi gì cho cách mạng?

Năm 1975, tôi thấy anh Cát lại đến trại Vĩnh quang tiếp tế cho đứa con trai, con anh mắc tội trộm cắp phải đi tập trung cải tạo. Nghe nói, hồi cải cách bố anh cũng phải đi tù về tội đảng phái phản động. Thế là ba thế hệ nối tiếp nhau đi cải tạo.

* *

*

Trong toán xây dựng, hàng ngày tôi cùng làm việc chẻ nứa, đan phen với bác Trần khắc Tụ. Dáng người bác cao, cân đối, khuôn mặt trái xoan, da trắng, đẹp trai.

Xưa kia bác có bằng cử nhân luật, làm thẩm phán toà án binh của quân đội viễn chinh Pháp, sau hiệp định Geneva, bác ở lại Hà nội. Xuất phát từ bệnh ngây thơ về chính trị, bác còn gọi điện cho em ruột là Trần khắc Tư, thiếu úy truyền tin ở Cần thơ về, nói dối là mẹ ốm nặng.

Bác nói với Tư:

- Đất nước đã độc lập, tự do, em về đây sống với mẹ và anh, còn đi đâu nữa?

Thời gian chính quyền CS chưa tiếp quản Hà nội, Tư ra phố nghe được tin gì về cách mạng cũng nói với anh. Một lần Tư than thở:

- Nghe người ta nói sau này nhà nước bán cả phở.
- Chuyện bịa đặt, nhà nước nào lại bán phở – Bác Tụ gạt đi.

Lần khác Tư nhận được tờ truyền đơn đưa cho anh xem, bác Tụ bảo:

- Đây là truyền đơn của bọn phản động xuyên tạc chính quyền cách mạng. Sao lại viết đảng rồi mới đến chính phủ? Chuyện ngược đời, đảng lại cao hơn chính phủ à? Vì chính phủ là cơ quan đại diện cho cả một nước, còn đảng chỉ là tập hợp của một nhóm người. Một nước có thể có nhiều đảng phái nhưng chỉ có một chính phủ mà thôi.

Bác cũng như nhiều trí thức Hà nội, nghe ông Phạm văn Đồng nói chuyện sau ngày tiếp quản, cảm động, vui mừng quá đến rơi lệ. Năm 1960, bác bắt đầu thấm hương vị đắng cay của cách mạng, lần thứ năm viết đơn xin hạ mức lương mới được chấp nhận. Tưởng mình thoát nạn, bác mở tiệc mời anh em, bạn bè và họ hàng đến ăn mừng, nhưng nợ với cách mạng, có bao giờ người CS quên đòi. Không phải riêng gì

bác Tụ mà đại bộ phận người cộng tác với đối phương đều có nợ và phải trả nợ. Tháng mười năm 1963, bác Tụ lên đường vào trại để đền bù tội lỗi. Một năm sau, Tụ cũng kể bước anh. Khi bị bắt, là một cử nhân luật khoa, bác vẫn không hiểu mình mắc tội gì? Tất nhiên, nếu không trở thành một nạn nhân bị đẩy đoạ trong nhà tù CS thì không ai hiểu nổi luật rừng của họ.

Bác Tụ bị đưa đến trại cải tạo Bát bát. Trong thời gian học tập bốn tiêu chuẩn cải tạo, bác cho là cơ hội để thanh minh mình chẳng những vô tội mà còn có công với đảng. Bởi vì thời gian làm việc cho toà án binh của Pháp, bác chỉ là thẩm phán dưới quyền của một chánh án cấp đại tá người Pháp. Còn lại chín năm làm việc cho toà án nhân dân Hà nội, bác đã lập được nhiều thành tích.

Không ngờ, bác đưa bản tường thuật quá trình hoạt động của mình cho tên cai ngục phụ trách học tập bị hấn xé ngay và nói:

- Chúng tôi cần biết anh đã gây nên những tội ác gì cho các chiến sĩ cách mạng chứ không phải để anh kể công với nhà nước, với đảng nghe chưa?

Đến lúc đó, bác mới hiểu một phần thể nào là thứ luật pháp phục vụ cách mạng của chế độ. Cũng may, xưa kia gia đình buôn bán lớn, kinh tế còn khá giả, bác thường xuyên nhận được tiếp tế nên những năm tháng bên bờ vực của nạn chết đói, bác đã vượt qua một cách dễ dàng. Về nhân cách, bác Tụ là người đứng đắn, sống công bằng và sòng phẳng. Tuy nhiên, bác thiếu lòng nhân ái và luôn cầu mong sự bình an. Chính nhờ vào điều kiện kinh tế gia đình, bác bớt phần tha hoá trong nhà tù. Thật là trớ trêu, vẫn mang tiếng là ngài thẩm phán của đối phương nên bao giờ bác cũng trở thành mục tiêu theo dõi và trấn áp của bọn cai ngục.

Qua bác Trần khắc Tụ, tôi suy luận, có lẽ nhiều quan chức của chính phủ Việt Nam cộng hoà cũng chẳng hiểu gì chế độ CS. Trong cuộc chiến tranh cải răng lược, một bên không biết thủ đoạn nham hiểm xuất quỷ nhập thần của đối phương thì thất bại là điều chắc chắn.

Nhân ngày Mỹ ngừng ném bom miền Bắc để bắt đầu hội nghị Paris, bác Tụ hỏi tôi:

- Chiến tranh bằng không quân ra miền Bắc của tổng thống Johnson thu được gì?
- Ông Johnson mắc sai lầm khi ông ta tiến hành chiến tranh leo thang theo từng bước. Ông ta tập dượt cho người miền Bắc làm quen và dạn dày với chiến tranh đến một thời điểm người ta quan niệm rằng, bom đạn Mỹ không đáng

sợ bằng vai trò của ông công an hộ tịch hoặc ông trưởng xóm. Thế thì mục đích làm rối loạn hậu phương của địch sao mà thực hiện được?

- Theo anh, muốn có hiệu quả thì phải làm thế nào?
- Để thực hiện được ý đồ, Mỹ phải dùng hoả lực tối đa huỷ diệt gọn từng vùng, làm cho người dân thấy sự tàn khốc của bom đạn mạnh hơn nanh vuốt thống trị của Cộng sản. Chiến tranh như thế mới mong hậu phương kẻ thù bị rối loạn, đồng thời hạn chế được sự thiệt hại về người, vật chất cho cả hai bên và dân thường.

Nghe tôi nói, bác Tụ cười và bảo:

- Anh có những ý kiến quả là táo bạo.

Cuối mùa xuân năm 1968, lần đầu tôi bị gọi lên phòng giáo dục. Người hỏi tôi là thiếu úy Hồ sĩ Tường, dáng người hần béo lùn, cặp mắt sắc nham hiểm. Quê hần ở vùng Nghệ tĩnh. Tù thường gọi hần là cảnh sát trưởng Javert. Thực ra, hần không xứng đáng với biệt danh đó. Vì Javert hành động theo pháp luật, theo cái gọi là pháp luật, theo cái gọi là chân lý tuyệt đối, Javert không tha thứ cho chính mình khi thấy bản thân phạm pháp. Trong con người Javert còn tồn tại lương tâm nên hần phải đâm đầu xuống sông Seine tự tử sau khi tha cho ông Janvaljan. Cái tên thiếu úy Hồ sĩ Tường chỉ là con thú dữ mất hết tính người. Hần luôn theo dõi sát tù chính trị. Sau vài câu hỏi thăm gia đình, hần nói:

- Gần hai năm anh đến trại, tôi được các ông quản giáo cho biết anh không sai phạm gì nội quy, mặc dù anh không được sự giúp đỡ của gia đình. Về phần hiện tượng như thế là tốt, nhưng theo phương pháp tư duy biện chứng, anh đã lấy hiện tượng để che đậy bản chất phản cách mạng của mình. Chúng tôi không khuyến khích vi phạm nội quy, chẳng hạn ăn quả xanh, rau sống, nướng ăn cóc, nhái, đế mèn, la liếm, bê tha... Những vi phạm ấy nội quy của trại cấm vì làm mất nhân cách nhưng chúng tôi không cần lưu tâm đến. Bởi vì trước sức mạnh của nền chuyên chính vô sản, ý chí của những anh hay vi phạm đã biến chất hoặc sụp đổ, còn anh thì ngược lại. Chúng tôi được nghe báo cáo có phạm đã nói “đứng bên bờ vực của nạn chết đói, thằng Tâm chịu đựng phi thường như một ông thánh”. Đành rằng đói cho sạch, rách cho thơm nhưng qua đó đã chứng tỏ ý chí phản cách mạng của anh chưa mai một. Anh thấy nhận xét của tôi có đúng không?

- Thưa ông, theo quan điểm của ông, đã phủ định hoàn toàn hai chữ cải tạo. Một con thỏ run sợ trước con sói không phải con thỏ đã cải tạo theo con sói. Một con người run sợ trước toà án, biến chất trong nhà tù không phải người đó đã cải tạo để có quan niệm chế độ xã hội chủ nghĩa là ưu việt. Thưa ông, đúng nghĩa của hai chữ cải tạo là gột rửa những thói hư, tật xấu, những ý nghĩ sai lầm và tạo cho mình những đức tính hay, sự hiểu biết đúng đắn. Tôi có ý nghĩ đây là nhà tù, không có một dấu hiệu nào được gọi là nơi cải tạo. Phương ngôn có câu “có thực mới vực được đạo”, các ông muốn tù có quan niệm nơi đây là trại cải tạo trước hết các ông phải tạo cho họ một cuộc sống tương đối đủ về vật chất. Điều kiện thiết yếu này đã không có còn nói gì đến những tiêu chuẩn cải tạo. Là một tù chính trị mà theo cách gọi của đảng là tù phản cách mạng, tôi hiểu rằng chỉ khi nào chiến tranh kết thúc, các ông mới tha tôi.
- Anh nhầm, các anh chỉ là bọn phản cách mạng mà thôi. Nhà nước không công nhận kẻ nào phạm tội là tù chính trị.
- Thưa ông, đây là theo cách dùng từ của đảng. Về luật pháp quốc tế, kẻ nào phản đối hoặc chống lại chế độ đương thời mà bị bắt giam là tù chính trị. Tuy nhiên, tôi phải nói thêm rằng, ngoài một số ít người, cái gọi là tù phản cách mạng thực ra họ chẳng phản ai cả, đại bộ phận chỉ cầu mong hai chữ bình an.
- Có tư tưởng không yêu chế độ tức là phản chứ còn gì?
- Thưa ông, có tư tưởng bất phục chế độ dẫn đến có hành vi chống lại là cả một khoảng cách xa vời, mấy người có đủ can trường dám làm điều đó?
- Anh thì sao?
- Vâng thưa ông, tôi có ý định vào Nam chống Cộng. Tuy nhiên những người dám hành động như tôi so với những người bất phục chế độ chỉ chiếm một tỷ lệ rất thấp, độ một vài phần trăm.
- Anh cho rằng, anh không cải tạo được gì à?
- Thưa ông, riêng tôi chưa, còn nhiều người khác theo quan điểm của ông đã cải tạo được. Phương ngôn có câu “no ra bụt, đói ra ma”, vì cuộc sống cơ cực ở nơi đây, các ông đã biến nhiều thằng tù trong đó có nhà văn, nhà giáo, nhà thơ, nhạc sỹ... thành bầy người nguyên thủy, ăn sống lá cây, rau rừng, nướng ăn cóc, nhái... nhặt nhanh từng hạt cơm rơi, vỏ khoai, vỏ chuối dưới đất cho vào mồm, cướp thức ăn của các loài vật như trâu bò, lợn chó... Đây là bên

phía chúng tôi những thằng tù phản cách mạng, mang số giam lẻ. Còn tù lưu manh, hình sự thì sao? Có lẽ còn tệ hại hơn nhiều so với tù phản cách mạng. Những thanh niên nông thôn bị tù về tội ăn trộm vặt buồng chuối, con gà, sau khi cải tạo về, chúng có đủ tài năng và kinh nghiệm lấy cắp những tài sản lớn hoặc có gan giết người cướp của, hiếp dâm.

Tất nhiên, cũng có một số người run sợ trước roi vọt của pháp luật trở thành người lương thiện – lương thiện trong hành động, còn tâm hồn bị vẩn đục, tha hoá gấp nhiều lần trước lúc đi cải tạo. Phần lớn tù lưu manh được tha ra khỏi trại sau đó lại phạm pháp, tái diễn nhiều lần. Họ thường nói với nhau:

Sống ăn sắn không cần ăn phở

Chết không cần chết ở nhà ai.

Tôi được chứng kiến mấy anh tù về tội trộm cắp hết án được về, những anh tù khác chúc:

- Mày ra nhanh chóng rồi lại vào đây cho vui nhé!

Thưa ông, điều đó là thực chất của trại cải tạo. Tôi cho rằng, đảng muốn giảm bớt nhà tù, trước hết phải cải thiện đời sống của nhân dân bớt phần khó khăn, thiếu thốn. Chẳng những thế, phải giáo dục về luân lý, kỷ cương, phải có công lý trong luật pháp, không bỏ tù oan những người vô tội. Nếu đảng chỉ thiên về trấn áp, càng bỏ tù nhiều người thì phạm pháp hình sự càng tăng lên theo cấp số.

- Nhà nước bắt anh có oan không?
- Thưa ông, việc đó tôi đã trình bày trước viện kiểm sát nhân dân Hà nội, ông xem hồ sơ của tôi sẽ biết.
- Anh Trần khắc Tụ thường xuyên làm việc với anh, anh ấy có kêu ca gì chế độ không?
- Thưa ông, anh Tụ chỉ kêu nhà nước bỏ tù oan.
- Cộng tác với toà án binh của Thực dân Pháp, giết hại nhiều cán bộ cách mạng mà còn oan à?
- Thưa ông, theo điều 14 của hiệp định Geneva thì nhà nước bắt anh Tụ là sai.
- Anh phải biết, hiệp định Geneva của người chiến thắng, đảng có quyền thi hành theo cách của mình.
- Thưa ông, tôi hiểu con người cư xử với con người cũng giống như các quốc gia với nhau thường theo truyện ngụ ngôn của La Fontaine “Con chó sói và

con cừu”. Chính phủ ta có quyền vi phạm hoặc xé bỏ hiệp định Geneva cũng được. Rồi đây hiệp định Paris sẽ được ký kết, nếu có đủ sức mạnh và thời cơ, đảng cũng biến hiệp định ấy thành những tờ giấy loại. Nhưng nếu không phải vì lý do trả thù, nhà nước bắt anh Tụ là thừa nếu không nói là có hại.

- Tại sao có hại?
- Thưa ông, nếu anh Tụ không bị bắt, anh ấy vốn là người vẫn mẫn cán trong công việc của toà án, nay lại càng mẫn cán hơn. Cấp trên bảo sao, anh ta cũng phải răm rắp chấp hành, không dám nói to hoặc thờ dãi nơi công cộng, không có nguy hại nào đến an ninh xã hội. Như thế là có lợi cho cách mạng. Còn việc bỏ tù anh Tụ như hiện nay nhà nước đã mất đi một công chức tận tụy mà chẳng có cái lợi nào.
- Gần đây tôi được nghe nhiều lời tố cáo, anh thường xuyên nói chuyện với anh Tụ, nói xấu chế độ?

Tôi thoáng nghĩ, nếu mình chối, hẳn sẽ không tin, phải đánh tráo tiền đề vậy. Tôi trả lời:

- Thưa ông, trên cơ sở nào các ông có thể tin tôi có quan hệ gần gũi với anh Tụ? Mang tiếng là một trí thức nhưng anh ta rất ngây thơ về chính trị. Nếu là người hiểu biết, anh Tụ đã đi Nam năm 1954 chứ không ở lại miền Bắc để vào tù. Có người nói, bằng cử nhân luật khoa của anh Tụ nên quẳng vào sọt rác. Tuy là những thằng tù, chúng tôi vẫn thương cảm anh Tụ vì anh ấy chỉ là kẻ tầm thường, có học vấn như không.

Nghe tôi nói, Hồ sĩ Tường thích quá cười khà khà. Hẳn không hiểu bị mắc lừa từ tiền đề chính trị tôi đã dẫn hẳn đến tiền đề trình độ.

* *

*

Trong toán xây dựng có một người ở Tây Nguyên là Thân quân, dáng người lùn, da bánh mật, đầu lúc nào cũng vắn khắn. Xưa kia anh ta là du kích, ra miền Bắc tập kết năm 1954. Đến năm 1956, anh phản đối chính sách cải cách ruộng đất:

- Cùng máu đỏ, da vàng sao gây nên cảnh cốt nhục tương tàn, nòi da nấu thịt?

Năm 1957, anh bị bắt. Trong trại giam anh ngang bướng luôn chửi bới, chống lại bọn cai ngục. Thân quân hiểu biết rộng nhưng lĩnh vực nào cũng sơ sơ: nói được mấy câu tiếng Pháp, âm nhạc chữ Nho biết gọi là... Anh quan tâm nhiều đến triết học

nhưng theo cách dạy của CS, anh chỉ nhớ những từ trống rỗng, giáo điều. Khi đi làm, bao giờ cũng đeo cái cặp lồng vuông đen thui vì ám khói bên hông, anh nhặt lá cây non, rau rừng, vỏ khoai, bắp chuối rừng nấu ăn. Có lần lính vũ trang hỏi:

- Tại sao lúc nào anh cũng đeo cái cặp lồng bên hông, anh phải vất nó đi?
- Đeo cái này – Thân quân trả lời – để cứu sống người, khác với cái của ông đeo để giết người. Ông nên quăng cái của ông đi trước.

Tên lính vũ trang xông lại định giằng cái cặp lồng của anh, tức khắc anh hô:

- Đả đảo bọn cai ngục giết người!
- Đả đảo chế độ nhà tù khắc nghiệt!

Sau đó, anh bị đưa vào nhà kỷ luật cùm hai tháng. Mỗi năm có hai lần viết kiểm điểm cải tạo là những cơ hội để Thân quân viết thành diễn văn lên án chế độ. Tuy nhiên, mỗi lần viết kiểm điểm là một lần bọn cai ngục đưa anh vào xà lim cùm vài tháng. Thân thể anh quả thật là mình đồng, da sắt, mỗi lần ra kỷ luật anh gầy gộc như một nắm xương rồi lại phục hồi nhanh chóng.

Trại giam này, có một ông thượng úy phó giám thị mới đến là Lê xuân Tam. Thấy Thân Quân, ông ta hỏi:

- Tên anh là gì, tôi thấy quen quen?
- Quen quen thôi à? – Thân Quân trả lời – Ngày xưa ở Tây Nguyên anh là cấp dưới của tôi, anh nhớ ra chưa?
- Anh Thân Quân phải không, tại sao phải vào đây?
- Chống lại bắt công, vô đạo lý nên vào đây chứ còn sao nữa? Từ lý tưởng độc lập, tự do anh chuyển sang lý tưởng Cộng sản rồi phải không?
- Tư tưởng anh sai lầm đến thế cơ à? Độc lập, tự do và chủ nghĩa Cộng sản là cùng một lý tưởng, tại sao anh lại đặt hai phạm trù ấy mâu thuẫn nhau?
- Cộng sản làm gì có tổ quốc và dân tộc mà nói đến độc lập, tự do? Chẳng nói đâu xa, vì cái lý tưởng Cộng sản nên các anh để người cùng con Hồng, cháu Lạc cơ cực đến nỗi này.
- Lúc khác tôi gặp – Nói xong, Lê xuân Tam lảng đi nơi khác.

Giữa năm 1968, nhân lúc viết kiểm điểm sáu tháng đầu năm, Thân Quân nói với tôi:

- Tâm ạ, tao sắp đi nghỉ trong buồng kín, lại xa mày một thời gian.

Bản kiểm điểm của anh viết như sau:

I – Tư tưởng: mười một năm tù làm đầu óc tôi thêm nặng những sự kiện tàn bạo và lừa bịp của cái gọi là chế độ xã hội chủ nghĩa. Người ta bảo tôi có tội với tổ quốc với nhân dân. Đúng lắm! Vì lý tưởng và ước mơ độc lập, tự do của phong kiến Trung hoa và thực dân Pháp, tôi đã chiến đấu quên mình. Tôi không ngờ khi nắm được chính quyền, chế độ này đã áp đặt ách thống trị còn khắc nghiệt gấp nhiều lần bọn phong kiến, thực dân. Tôi đã chiến đấu để xây dựng và bảo vệ chính quyền ấy. Không! Tôi chỉ là nạn nhân của sự lừa bịp cũng như hàng triệu người Việt nam yêu nước khác. Phải chăng cái tội của tôi đối với dân tộc là tội bị lừa bịp, bị phỉnh phờ để xây dựng và bảo vệ ngai vàng của tên bạo chúa và bè lũ của y?

II – Lao động: Tôi xuất thân từ một gia đình làm ruộng, lao động tôi coi như một bản năng, nhưng ở đây họ cho ăn cầm hơi, hàng trăm người đã về địa ngục vì đói, vì các cực hình. Có thời gian tôi phải chống gậy mới đi được, lấy sức đâu để lao động như một bản năng của mình.

III – Học tập: Thành ngữ có câu gần mực thì đen, gần đèn thì rạng. Mười một năm, tôi chỉ gần cái xấu, cuộc sống man rợ đang diễn ra hàng ngày: đánh cãi chửi nhau vì ăn uống, những cuộc hành hung, đánh đập người tàn nhẫn, cảnh người chết vì đói, vì ốm đau không có thuốc, bị bắn vì trốn tù... Chẳng những thế, thường xuyên phải nghe những lời vô đạo lý, đổi trắng thay đen. Từ đó, không hiểu tôi đã học tập được những gì? Con người tôi cái chắc cũng là sản phẩm của hoàn cảnh ấy.

IV – Nội quy: Tôi là một phó thường dân trước khi bị bắt, vào đây bị sa đoạ là điều tất yếu, nếu một nguyên thủ quốc gia cùng sống với chúng tôi vài ba tháng, có thể ngài cũng biết bắt cóc nhái nướng ăn. Câu nói... đói ra ma, có mấy ai giữ được là người.

Lần viết kiểm điểm này Thân Quân không bị đi cùm ngay, người đồng chí cũ là ông phó giám thị Lê xuân Tam gọi anh lên văn phòng, hỏi:

- Thân Quân! Hiện nay anh còn tin vào đảng không?
- Trời! – Thân Quân trả lời – Đến lúc này anh còn hỏi tôi câu kỳ quặc ấy. Ngày xưa vì ước mơ độc lập, tự do của dân tộc và niềm tin tuyệt đối vào đảng, tôi đã nguyện hiến dâng đời mình cho lý tưởng cao đẹp ấy. Không ngờ, sau khi giành được nửa giang sơn, đảng lại đi theo vết đường mòn của lịch sử, có cái tiến thêm về sự tàn bạo, lừa bịp và phi đạo lý, người dân trở thành nạn nhân của đảng. Tôi bị mắc lừa, nhưng tôi đã tỉnh ngộ. Không phải là kẻ vì giá áo

túi com, tôi đã đứng về phía hàng triệu người không có tự do, đang đói com, rách áo chống lại sự thống trị hà khắc của chế độ mới. Tôi hỏi, đảng là gì? Và tự trả lời, đảng là một bè phái. tay sai trung thành của cái gọi là phong trào Cộng sản quốc tế. Hiện nay đảng đối với tôi chỉ như loài yêu quái, uống máu, ăn thịt người, nó luôn hiện hình như một ông thánh cứu nhân, độ thế để lừa gạt người nhẹ dạ, cả tin. Tôi và anh xưa kia là tình đồng chí, vì không chấp nhận sự bất công, tàn bạo và lừa bịp... tôi đã đi theo con đường khác. Ôi, cái từ đồng chí sao mà ghê tởm vậy? Không biết có nhà ngôn ngữ học nổi tiếng nào như F. de saussure diễn tả được hết sự ghê tởm của từ đó không?

Từ khi từ đồng chí được dùng để gọi nhau rộng rãi thì thảm họa của dân tộc bắt đầu. Đấu tố, bắn giết, cướp giết. Nếp sống đạo đức bị băng hoại, luân thường đạo lý bị suy đồi, thuần phong mỹ tục bị đập phá tan tành, đất nước triền miên trong cảnh cốt nhục tương tàn, cũng đều do những người gọi nhau là đồng chí.. Tôi đi con đường khác là li khai những người gọi nhau là đồng chí, li khai anh. Thật đau lòng, vì địa vị, vì miếng com manh áo, mắt anh đã mờ đi, không dám nhìn vào sự thật – một sự thật kinh hoàng, ghê tởm. Đến nay anh là kẻ thống trị cầm trong tay tính mạng tôi – một thằng tù. Tôi biết lắm, anh có quyền kết liễu cuộc đời tôi còn dễ hơn người dân thường giết một con gà, một con vịt. Nếu có diễn ra sự kiện đó, tôi không trách anh đâu anh Lê xuân Tam ạ, mà còn cảm ơn anh nữa đấy. Thứ nhất cảm ơn anh đã chấm dứt những tháng năm tù đầy khốn khổ của tôi. Thứ hai cảm ơn anh vì tình xưa nghĩa cũ, anh sẽ cho tôi chiếc áo sáu tám bằng gỗ tốt và được yên giấc ngàn thu ở nơi có phong cảnh thiên nhiên thơ mộng.

Khi Lê xuân Tam gọi, anh mang theo một túi khâu bằng vải áo tù. Nói đến đây, Thân Quân mở túi ra và đổ xuống đất gồm có cỏ rác, lá cây, sỏi đá, vài cục phân trâu nhỏ bằng hạt ngô thành một đồng.

- Anh xem đây – Thân Quân nói tiếp – với cái gọi là nhân đạo, các anh đã cho thằng tù ăn thêm những thứ này. Anh thấy cái trại cải tạo của các anh tử tế chưa, ưu việt chưa? Những của quý này h lẫn nằm trong cái số lượng được cân, đóng bó thí cho tiêu chuẩn ăn của những thằng tù. Anh về trại này đã gần một tháng, tôi biết thế nào anh cũng gọi nên tôi chỉ nhặt những của quý này riêng trong bữa ăn hàng ngày của tôi từ buổi anh về.
- Đây là sai sót của toán làm bếp, chứ không phải do cán bộ chúng tôi – Ông phó giám thị nói.

- Tôi hỏi anh, ai chỉ đạo chúng? Ai lựa chọn những thằng tù cải tạo tốt để đưa về toán ấy? Ai sử dụng bọn nhà bếp như một công cụ để trấn áp, hành hạ chúng tôi? Ai bắt cắt rau muống sát đất, ai bắt thằng tù cân xu hào, bấp cái cá lá già úa, ngô thối vì ngâm trong nước lụt vào trại giam cho thằng tù ăn, có khi phải ăn ròng rã mấy tháng liền? Trại nào cũng thế, ai chọn những thằng tù hung hãn, côn đồ nhất làm trật tự được quyền đánh đập, hành hung tù nhân một cách dã man, ai bày ra cách bình bầu mức ăn hàng tháng để mấy thằng tù hơi tàn lực kiệt cắn xé nhau vì miếng ăn to hay nhỏ? Xin lỗi, tôi muốn nói với anh nhiều nhưng tôi mệt lắm rồi.
- Để đập tan ý chí phản cách mạng, đảng phải có biện pháp cứng rắn, phải trấn áp và trừng trị.
- Nếu thế, anh hãy đề nghị với bộ công an bỏ cái tên trại cải tạo để lừa bịp đi và thay vào một cái tên trại trấn áp và trừng trị kẻ thù cho đúng chức năng của nó.
- Nếu anh còn nghĩ đến độc lập, tự do, anh quan niệm cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ hiện nay như thế nào? – Ông giám thị hỏi.
- Độc lập và tự do là một chân lý, một ước mơ của mọi dân tộc. Nhưng như tôi nói với anh bữa nọ, Cộng sản làm gì có tổ quốc và dân tộc. Người ta sử dụng ngôn từ ấy là một chiêu bài để phát động chiến tranh với mục đích Cộng sản hoá miền Nam. Tôi hỏi anh, chính quyền Sài gòn lệ thuộc vào Mỹ, chính quyền Hà nội có lệ thuộc vào Mạc tư Khoa và Bắc kinh không? Thực chất của cuộc chiến tranh này là sự đối đầu giữa hai thế lực: Cộng sản và Tư bản mà Việt nam biến thành bãi chiến trường.

Là người Việt nam yêu nước ai chẳng khắc sâu trong trí nhớ hàng trăm năm của thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh, đất nước chia đôi trong cảnh cốt nhục tương tàn; ai chẳng ước mong Bắc Nam thống nhất, nhưng phải sum họp trong khúc nhạc, lời ca, chứ không phải cảnh máu và nước mắt chảy thành sông, cảnh phải cam chịu một cuộc sống tối tăm, cơ cực trong một nhà tù khổng lồ là xã hội.

Nghe Thân Quân nói, ông phó giám thị buộc phải quên tình đồng chí cũ và ký quyết định đưa anh vào xà lim cùng hai tháng. Người dẫn anh về xà lim là thiếu úy Hồ sĩ Tường, hấn hỏi:

- Thân Quân muốn theo gương Dương hữu Lạc à?

Dương hữu Lạc còn được tiếng là bất khuất, tôi hỏi ông, hàng trăm người bỏ mạng ở trại này có ai theo gương anh Dương hữu Lạc đâu? Phải chăng vì sự khắc nghiệt của nhà tù Cộng sản?

* *

*

Vào sinh ra tử, xông pha nơi bom rơi, đạn nổ thường được coi là nơi nguy hiểm nhất nhưng vẫn có nhiều người tình nguyện, có thể vì sự nghiệp “trai thời loạn”, cũng có thể do tâm hồn lãng mạn. Người ta coi chiến tranh là những cuộc đi săn lẫn nhau tuy nguy hiểm nhưng hứng thú hơn những cuộc đi săn bắn thú trong rừng. Còn nhà tù, không mấy ai tự nguyện xin vào để tìm nguồn cảm hứng hay chứng kiến những cảnh đáng cay, thê thảm nhất thế gian. Tuy nhiên, những nhà văn, nghệ sỹ chân chính thì nhà tù họ cũng cần biết chứ! Nơi đây, có nhiều người đã trải qua nhà tù của các thể chế khác nhau: Côn đảo, Sơn la của thực dân Pháp, trại giam của phát xít Nhật, nhà tù của chính quyền Sài gòn.

Tự chung, chỉ có nhà tù của Cộng sản mới thể hiện toàn diện tính chất tàn bạo và dã man, nơi hành hạ và đầy đoạ con người bậc nhất thế gian ở thời hiện đại. Đáng tiếc nơi đây, ngoài những tên cai ngục mất hết tính người và đối tượng của chúng là đám tù nhân khốn khổ, không ai được phép bước vào đây. Trại tập trung cải tạo là một bí mật quốc gia, những người được tha về, nếu kể lại cảnh đoạ đầy ở đó mà cơ quan an ninh bắt được coi là hành động tuyên truyền nói xấu chế độ. Có người được tha rồi lại vào tù vì mắc tội này. Do vậy, nhiều người hèn nhát, sau khi thoát khỏi cái địa ngục trần gian ấy đành gói ghém nỗi khổ nhục trong lòng, không dám hở môi với những người thân là bố mẹ, vợ con, anh chị em... Trong cuộc chiến thâm lặng để vượt qua cái đói kinh niên vò xé là vô cùng khủng khiếp. Ai cũng vậy, tối mong sáng, sáng mong trưa, trưa mong chiều, mong để có bữa ăn. Nhưng ăn xong bữa thì giấc đói lại vùng lên hoành hành ác liệt hơn. Trước bữa ăn còn hy vọng, chờ đợi, sau bữa ăn là nỗi thất vọng, căm hờn. Nhiều người phải thốt lên:

- Nếu phải trả giá, được ăn no một bữa rồi có chết cũng đáng đời.

Anh Phạm gia Ngoan trong bữa cơm vào buổi tối, anh nhăm nháp và đếm từng hạt ngô, từng hạt cơm. Có người hỏi, tại sao anh ăn như vậy? Anh Ngoan trả lời, tôi chỉ sợ hết.

Từ ngàn xưa đến nay, chỉ có Cộng sản đã thành công trong việc bỏ tù tâm hồn, tư tưởng con người. Ông Hồ có mấy vần thơ:

Thân thể ở trong lao

Tinh thần ở ngoài lao...

Có lẽ từ những vần thơ đó, khi nắm được chính quyền, ông ta đã tạo ra một chế độ nhà tù giam được cả phần hồn và phần xác của con người. Nếu thế giới công nhận đây là một tài năng siêu việt, ông ta xứng đáng với giải thưởng siêu Nobel.

Sau một thời gian ngắn đến trại, Dậu được coi là kẻ bông bột, a dua, bố là liệt sỹ nên anh được bọn cai ngục cho đi làm tự giác chăn dê. Dậu xa lánh tôi và Khoa từ hồi ấy. Xa lánh vì hai lẽ: một là, sợ liên quan, hết án không được về; hai là, có điều kiện kiếm được thứ ăn thêm, anh dành riêng cho mình, không muốn chia sẻ cho bạn bè trong cơn hoạn nạn.

Ngoài chiến trường có bạn chiến đấu nhưng ở đây khó mà có tình bạn chia sẻ ngọt bùi, cùng ngậm đắng nuốt cay.

Đúng như lời bác Lê ngọc Văn nói, cái đói kinh niên vò xé, cuộc sống của con người trở nên man dại, không thể cộng khổ. Nếu có chăng là quan hệ môn đăng hộ đối về kinh tế gia đình, những tình bạn tiểu nhân “đồng nhưng không hoà”. Họ quan hệ với nhau trên cơ sở trao đổi sòng phẳng về vật chất. Tuy nhiên trên mảnh đất khô cằn, nghiệt ngã ấy vẫn mọc lên những bông hoa tươi thắm của tình thương và lòng nhân ái. Bác Phạm tiến Tập quê ở Vĩnh tường, Vĩnh phú bị tập trung về tội quốc dân đảng, hàng ngày bác thường sẻ phần cơm khốn khổ của mình cho người khác. Có lần tôi hỏi lý do, bác trả lời: tôi có nghị lực chịu đựng hơn các anh em khác. Chẳng những thế, bác luôn quan tâm đến những đồng cảnh không có gia đình giúp đỡ hoặc những người đau ốm, tai biến bất ngờ. Quả thực, bác đã thương người hơn cả thương thân. Bác có nghề thợ mộc giỏi, bọn cai ngục cho bác làm toán trưởng để xây dựng nhà cửa. Trong thời gian ấy, buổi tối, toán không phải họp hành, bình công chấm điểm. Ai vi phạm gì, bác tìm cách bao che. Khi mất cương vị toán trưởng, Hồ sĩ Tường hỏi:

- Chúng tôi cho anh làm toán trưởng để anh bao che sai phạm cho anh khác, chống lại lệnh của ban giám th à?
- Thừa ông, ở đây tù nhân không cùng một chí hướng, một mục đích – Bác Tập trả lời – nên chẳng ai dại gì vận động chống lại các ông để mang theo tai vạ. Tuy nhiên, chúng tôi là những người cùng cảnh ngộ nên phải thương nhau.

Qua tám năm tù, tâm hồn bác vẫn trong sáng, thủy chung và ý chí vững vàng. Cuộc sống trong nhà giam chia tù nhân thành hai thái cực: một là tha hoá, ích kỷ và hèn hạ, hai là trong sáng và diệu kỳ.

Ngày 8 – 10, Dậu hết án được về, anh chào tôi. Tôi đáp lại anh bằng cái bắt tay lạnh lùng, tẻ nhạt. Qua ba năm tù, ý chí và tâm hồn anh đã lụi tàn và cằn cỗi.

* *

*

Ngày 28 tết, trung úy Nguyễn văn Hồng gọi tôi lên văn phòng, hấn hỏi:

- Gần đây, anh đã vi phạm nội quy?
- Thưa ông, tôi vi phạm gì? – Tôi bình tĩnh hỏi lại.
- Tại sao gặp ông Tường anh không chào?
- Thưa ông, đúng thế. Nhưng các ông biết một mà chẳng xét hai. Nếu từ trước đến nay, gặp ông Tường tôi không chào là sai, nhưng gần đây mới thế là do ông Tường.
- Anh nói láo dám đổ tội cho cán bộ à?
- Tôi xin ông hãy bình tâm lại để tôi được trình bày cho rõ. Tôi biết mình là một thằng tù, khi gặp các ông buộc tôi phải chào trước, nhưng chào phải được đáp lại.

Gần đây, tôi chào ông Tường, để đáp lại lời chào, ông ấy coi tôi như vật vô tri, vô giác nên im lặng đi qua. Vì lẽ đó, lần sau gặp ông Tường, tôi nhận thấy không phải chào ông ấy nữa. Thưa ông, như thế sai do ai?

Trung úy Hồng dịu giọng:

- Chào một câu chẳng mất gì, anh ngang bướng chỉ thiệt đến thân thôi.
- Thưa ông, tôi biết ông Tường có quyền đưa tôi vào xà lim cùm cho đến chết, còn điều hơn, lẽ thiệt là do suy nghĩ của từng người.

Trung úy Hồng xoay sang chuyện khác.

- Bề ngoài tưởng anh chấp hành tốt nội quy của trại nhưng bên trong, anh là phần tử nguy hiểm, hành động rất tinh vi để che đậy bản chất phản cách mạng.
- Nếu tôi sai phạm gì, xin ông cho biết, tôi phải chịu kỷ luật?
- Ý thức, tư tưởng là trù tượng, rất tiếc chúng tôi chưa có chứng cứ về cử chỉ hoặc lời nói của anh.

- Các ông là những người duy vật, muốn biết bản chất của người hay sự vật phải suy diễn từ hiện tượng. Nếu không có hiện tượng mà suy luận theo cảm tính, tôi e rằng các ông không phải là người duy vật nữa...
- Anh im đi – Hồng nói cướp lời – Hôm nay tôi chỉ báo động cho anh biết thế thôi. Anh nên nhớ, từ anh đến nhà kỷ luật chỉ cách nhau trong gang tấc.

Đến chiều, khi tù sắp đi làm, trung úy Hồng thông báo:

- Ba anh ở toán xây dựng là Nguyễn Tâm, Trần khắc Tụ, Vũ Thiệu ở lại trại để gặp ban giám thị.

Nghe xong, bác Tụ hoảng hốt hỏi tôi:

- Anh có đoán ra được tin này dữ hay lành không?
- Tất nhiên là tin dữ, có thể họ đưa mình vào nhà kỷ luật nếu không thì họ chuyển mình vào trại B.
- Theo tôi, chỉ có thể mình phải chuyển trại, còn kỷ luật họ chẳng có chứng cứ gì?
- Vâng, mình phải chuyển trại có nhiều khả năng hơn, nhưng muốn đưa mình vào nhà kỷ luật, họ cứ làm, họ cần gì chứng cứ. Cũng như hàng vạn người dân lương thiện họ đưa vào tù đã có chứng cứ gì đâu?

Sau khi tù đi làm hết, trung úy Hồng gọi chúng tôi ra công trại tuyên bố:

- Các anh là những thành phần cải tạo xấu nên quyết định của ban giám thị chuyển các anh vào trại B.

Dẫn giải đi đường, có trung úy Hồng và hai lính vũ trang. Cuộc chuyển trại đặc biệt này làm bác Tụ hoang mang lo sợ, còn tôi thấy thản nhiên, đồng thời cũng là một niềm vui, vì ở phân trại mới có Khoa, anh đã xa tôi gần mười tám tháng.

Trời tối đen như mực, chúng tôi mới được vào phòng giam cùng toán rau xanh. Khoa ở toán lâm sản cùng phòng. Khoa gặp lại tôi tay bắt mặt mừng, Khoa nói:

- Mà vào toán rau xanh đáng sợ lắm đấy.
- Đáng sợ gì? – Tôi hỏi.
- Quản giáo toán rau xanh là thượng sĩ Lã văn Hạp chuyên đâm đá tù. Ai ngang bướng đều đưa về toán ấy để hấn trị.
- Mà phải biết nếu tao không khéo để mắc một sai phạm nhỏ, ngay ở trại A, bọn cai ngục cũng có cơ để cùm tao. Người dạy hổ phải hiểu tính hung hãn của từng con vật thường diễn ra trong hoàn cảnh nào. Còn chúng ta muốn

tránh những đòn thừa phải nhanh chóng hiểu được bản chất của từng tên cai ngục đang quản lý mình. Ngoài định mệnh hoặc phải trả giá để bảo vệ danh dự, chúng ta nên xác định thời kỳ những anh hùng phong kiến, những hiệp sỹ đã qua. Ngày nay, con người muốn tồn tại bên kẻ thù – loại kẻ thù nham hiểm và tàn bạo nhất – phải khu xử với chúng bằng sự khôn khéo và thủ đoạn. Chúng ta không nên quên truyện năm gai nếm mật và Tôn Tẫn giả cuồng.

Khoa hỏi tôi:

- Tao muốn theo đạo, đi tu, mày nghĩ thế nào?
- Nếu mày có đức tin, đồng thời là lối thoát của tâm hồn mày thì cứ việc. Đến nay có lẽ mày hoàn toàn nhất trí với cái đẹp của Hegel.
- Đúng thế, trong thế giới mình đang tồn tại làm gì còn cái đẹp. Còn mày?
- Tao coi cuộc đời như canh bạc mà mình đã thua cháy túi. Xét cho cùng, như xưa kia tao đã nói, canh bạc này đối với chúng ta cũng chỉ có hoà thôi. Tao tôn trọng những ý thức của mình. Nếu phải bỏ xác ở nơi này, tao cũng trung thành gói ghém ý nguyện về cõi.
- Vào đây, chúng ta khó vượt qua chặng đường gian nan phía trước. Cuộc chiến đấu của mình cô đơn không chỗ dựa, không gửi gắm được một niềm tin. Xung quanh ta, đa số là những người hèn nhát, sa đoạ, mệt mỏi vì cuộc sống khắc nghiệt hàng ngày. Xa hơn, chính quyền Sài gòn không thể là đối thủ ngang sức với Cộng sản, họ sẽ thất bại. Rốt cuộc, đời chúng ta hy sinh vì những mục đích quá xa vời.
- Nhảm rồi Khoa ạ! Chiến đấu chống lại bất công, tàn bạo bao giờ cũng là một chân lý. Điều đáng buồn là sức mạnh của cái ác đang chiến thắng trên mảnh đất này, Nếu chúng ta hy sinh đời mình cho chân lý thì ý thức của mình vô cùng đẹp. Mặt khác, không phải chúng ta cô đơn, ngoài tổ quốc mình và thế giới Cộng sản, chúng ta có hàng tỷ người là đồng minh trong thế giới tự do.
- Nghĩ cuộc đời mình sao mà mù mịt thế? – Khoa nói – Nếu thành kẻ tử tù có thể còn là điều may mắn. Năm bảy năm nữa, họ tha mình để tiếp tục cho trọn đời nhục nhã vì sự hắt hủi của xã hội, sự bài xích, chế giễu của những thằng mê muội.

Dù sao tao vẫn mang quan niệm nhân dân là đàn cừu hay công cụ vô ý thức của lịch sử, họ a dua, phục tùng kẻ có quyền hành, kẻ cầm vũ khí, số đông ụy tử, cầu sinh. Mày thử ước tính xem, có tới chín năm phần trăm đảng viên Cộng sản là bọn theo

đóm ăn tàn, có biết gì học thuyết Marx – Lénine. Chính vì vậy, tao chỉ còn một lòng tin nơi đất Chúa.

- Đúng là điều đau lòng cho một dân tộc muốn có tự do, hạnh phúc lại sợ mất mát, hy sinh, phục tùng chế độ tàn bạo và bịp bợm. Bằng những lời ru ngủ ngọt ngào, êm ái của sự tuyên truyền xảo trá đầy hoa gấm, đại đa số người dân vẫn say sưa trong giấc ngủ triền miên. Đó là điều đáng thương của dân tộc chứ không đáng trách. Hàng nghìn năm Bắc thuộc, gần một thế kỷ Pháp thuộc rồi nối tiếp chế độ Cộng sản không có nhân quyền, thử hỏi có bao nhiêu người Việt nam ý thức được các quyền tự do, dân chủ? Cam chịu hoặc bằng lòng với kiếp sống nô lệ trở thành bản năng của đại đa số người dân.

Tôi hỏi thêm Khoa:

- Đứng bên bờ vực thẳm, tâm hồn mày còn cảm hứng bay bổng nữa không?
- Vẫn còn nhưng chẳng đáng là bao. Cuộc sống tại địa ngục này, các văn nghệ sỹ cũng phải cạn hoặc khô ráo nguồn cảm hứng.

Cách đây mấy tháng, tao dịch đoạn thơ của Đỗ Phủ:

Đạm đạm trường dạ vũ,
Khoan khoan điều lạc đề
Song tiền quan lạc điệp
Cô vạn sầu thê thê.

Dịch:

Mưa rơi thánh thót canh dài
Vẳng đưa khoan nhặt một vài tiếng chim,
Ngoài song lá rụng đầy thềm
Riêng ai tê tái nỗi niềm trong lao.

Gần đây, trong một đêm mất ngủ, nhìn vầng trăng qua song cửa (mấy lỗ vuông mèò chui) tao ngẫu hứng mấy vắn:

Trăng rùng bênh bồng
Trôi quá nhà lao
Sương đông lạnh buốt
Qua song lọt vào
Đêm nằm thỏn thức

Ôm sâu mênh mông

Về đâu trắng hời

Số kiếp lênh đênh.

- Cầu mong chúa sẽ ban phước lành cho mày, đau khổ là đường lên ánh sáng.

* *

*

Sáng hôm sau ngay đầu giờ làm việc, quản giáo Lã văn Hạp gọi tôi, hắn nói:

- Chắc anh biết việc chuyển trại của các anh là đặc biệt. Không phải do biên chế lao động mà do tư tưởng xấu của các anh ở trại ngoài.
- Thưa ông, tôi đã vi phạm gì về tư tưởng?
- Tất nhiên về phần tư tưởng là trừu tượng, không thể có chứng cứ gì nhưng cũng nói xa để anh hiểu. Chẳng hạn, ban giám thị và cán bộ chúng tôi giải thích chủ trương của đảng và nói về chiến thắng hai miền cho phạm hết ngày này, qua ngày khác, trong khi đó, các anh chỉ tuôn ra vài lời là vô hiệu hoá sự giáo dục của chúng tôi.
- Thưa ông, thật là một điều kỳ quặc khi các ông đang nắm trong tay sổ phận của mọi thằng tù, tại sao họ không tin các ông mà lại tin tôi? Thực ra, ngoài miếng ăn hàng ngày, đa số tù ở đây không thể quan tâm đến một việc gì.
- Nếu anh chưa biết, tôi cũng nói trước, các anh ở trại này thường xì xào bàn tán tôi hay đánh phạm. Đúng đấy! Tôi phải dùng vũ lực với những anh hay vi phạm. Tôi khuyên anh nên tránh.
- Thưa ông, lũ tù tội đã là cơ nhục, tôi hy vọng rằng, không phải chịu thêm một nỗi nhục khác. Tuy nhiên, tôi xin lỗi ông trước, các ông muốn đánh đập một thằng tù có khó khăn gì nhưng có lẽ cũng chẳng hay gì?
- Anh nói đúng một phần, nhưng muốn bắt phạm cải tạo thì biện pháp trừng phạt là quyết định.
- Thưa ông, biện pháp trừng phạt không phải để tù cải tạo, mà chỉ làm cho tù sợ mà thôi...

Đang nói chuyện với tôi, hắn bỏ dở để chạy ra ngoài bắt quả tang bác Vũ quang Nghĩa lấy sắn trên đồi. Sau khi bác Nghĩa bị Hạp đâm đá một hồi tàn nhẫn, bác Nghĩa đau quá vật vã van xin, Hạp ra lệnh:

- Mày phải luộc ăn hết, nếu còn bỏ lại, ông gang mồm mày ra mà tọng vào.

Bác Nghĩa lấy đến bốn cân sắn, nếu luộc ăn một bữa thì sao mà hết? Bác sợ quá run lấy bầy. Bác bị hành từ tám giờ sáng đến chiều, vừa đau, vừa nhức. Theo lời đề nghị của Hạp với ban giám thị, đáng nhẽ bác phải vào nhà kỷ luật hai tuần nhưng do cơ thể bác đang tàn tạ lại ăn cố sắn bị bội thực và say, ốm một phen thập tử nhất sinh. May mà đúng vào dịp gia đình lên tiếp tế, nếu không trận ốm ấy có lẽ bác phải về bên kia thế giới.

Ngẫm nghĩ, đây cũng là một mẩu chuyện cười ra nước mắt, Lã văn Hạp xuất thân là một nông dân, có thể mới qua lớp i tờ, được toàn quyền gọi thầy giáo là mày và xưng ông, toàn quyền đánh đập và giáo dục thầy. Ngôn ngữ giáo dục dưới chế độ Cộng sản cũng đầy kịch tính, thẳng vô học răn dạy thầy giáo, kẻ mất hết tính người được coi là tấm gương cho người có lòng bác ái.

Hàng ngày Hạp hành hung những người vi phạm: lấy bắp rau, sắn hoặc đun nấu trong giờ làm việc. Nhiều người bảo Hạp đánh đập tù như một thằng nghiện phiện cũng không ngoa. Ngày nào không được đánh người, hắn tỏ ra hần học, tức tối. Ngày nào hành hung được nhiều phạm, mặt hắn có vẻ dịu dàng dễ thương hơn. Người bị đòn nhiều nhất là bác Phúc mù người Hải phòng, thường xuyên bị Hạp đấm đá, có ngày hai ba lần. Một hôm từ sáng đến chiều Hạp chưa được hành hung ai, hắn gọi bác Phúc mù đến nhà lô, hấn quát:

- Ngày mai, ông đi họp, chắc chắn vắng mặt ông, mày sẽ vi phạm, ông phải đánh mày trước.

Nói xong, Hạp thoi ngay một quả đấm mạnh vào mặt bác, nạn nhân loạng choạng ngã sòng soài, liên tiếp hấn bồi thêm dăm ba cú đá vào mạng sườn, đau quá bác Phúc mù van xin rồi rít:

- Tôi xin ông tha, ngày mai tôi không dám vi phạm, tôi xin ông, tôi xin ông!...

Chung quy lại, Hạp thường xuyên đấm đá hơn một chục người. Người vi phạm và bị đòn nhiều lần cũng thành một thói quen chịu đựng. Có người nói, họ muốn giết dần mình bằng cách cho ăn đói, để giành lại cuộc sống, giành lại mồ hôi mình đổ xuống đồi sắn, ruộng rau, mình phải lấy bắp lại. Đó là cách tự vệ, nếu họ bắt được phải trả giá cũng là lẽ bình thường.

Tù mà phải chịu khổ nhục là lẽ đương nhiên. Nhưng cái đói đã làm cho nhiều người không cần lưu ý đến nỗi nhức, họ nghĩ và hành động miễn sao có ăn là được, bất chấp mọi sự có thể xảy ra.

Nhân ngày 10 – 8, ngày tôi hết án, Hạp gọi tôi vào nhà lô, hấn nói:

- Hiện nay chúng tôi chưa nhận được gì quyết định về anh. Tuy nhiên, anh phải xác định nếu chưa được về cũng là do anh cải tạo chưa tốt.
- Thưa ông, tôi biết số phận mình có lẽ còn rõ hơn ông, hiện nay tôi chưa được tha cũng là điều dễ hiểu. Còn phần cải tạo, các ông cứ đổ lỗi cho tôi chưa tốt, xin ông cho một ví dụ!
- Các anh vi phạm hằng ngày bị tôi đấm đá, thực ra chỉ thuộc phạm vi sinh hoạt không có gì nguy hiểm. Còn anh, mặc dù không sai phạm nhưng thường xuyên quan hệ với những phần tử xấu. Nếu anh làm tốt các tiêu chuẩn cải tạo, tại sao không bao giờ anh tố cáo sai phạm của người khác. Ngay trong phạm vi sinh hoạt hàng ngày anh phải thấy không anh này thì anh khác vi phạm nội quy, ăn cắp tài sản của trại, có đúng không?
- Thưa ông, ai xấu với chế độ nên mới phải vào đây, tôi biết ai là người xấu hơn ai. Mặt khác, hàng ngày tôi được nghe tù kêu khổ, trong đó có tôi. Điều đó là tất nhiên, tôi tố cáo cái gì? Còn vi phạm nội quy, tôi cũng như anh em khác, nếu có điều kiện thuận lợi, tôi cũng làm. Thưa ông, trong trại giam, còn một điều duy nhất, mong các ông chăm chú, đó là tình thương lẫn nhau của những người đồng cảnh.
- Tôi phải trình bày với ban giám thị, đã bắt lực về phương pháp giáo dục anh. Anh đừng tỏ thái độ gì tiêu cực sẽ không có lợi gì cho anh đâu. Mặt khác, tôi cũng khuyên anh đừng để tôi phải dùng vũ lực.

* *

*

Sáng 4 – 9, trước giờ đi làm, Hồ sĩ Tường thông báo ông Hồ chết, hấn nói:

- Chắc các anh đã biết, bác Hồ, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc và cả thế giới đã từ trần. Hai ngày nay, chúng tôi đêm mất ngủ, ngày quên ăn, ai cũng khóc vì nhớ thương bác. Trong khi đó, đại bộ phận các anh thái độ nhõn nhợ, có một số anh tỏ vẻ vui mừng. Từ giờ phút này, tôi thay mặt ban giám thị ra lệnh, nếu anh nào tỏ thái độ hân hoan, cười đùa là hành động khiêu khích, chống đối, ngay tức khắc chúng tôi đưa vào nhà kỷ luật.

Một màn kịch được biểu diễn có hai loại diễn viên: một loại là cai ngục khoảng hơn hai chục tên, có mấy tên cuồng tín khóc thật, còn lại những dòng nước mắt cá sấu thi nhau chảy; một loại là tù gần năm trăm người mặt cúi xuống, lặng lẽ, nhiều người

lấy tay che mặt để khỏi lộ vẻ vui mừng vì cái chết của tên bạo chúa. Thật kỳ quặc, những thân tàn héo vì đói khát, vì bị hành hạ phải đóng thành diễn viên thì làm sao cho thành đạt? Tất nhiên, để tránh tai vạ ai cũng phải cố gắng để khỏi bật ra tiếng cười.

Bên tù hình sự, có một thằng mắc bệnh tâm thần, tên là Hiệu. Nó bị tù đã bảy tám năm, nó phạm tội đi lang thang, nhặt nhạnh mọi thứ có thể ăn được cho vào mồm. Hiệu làm ảnh hưởng đến vẻ đẹp của xã hội chủ nghĩa bên ngoài nên người ta bắt Hiệu. Từ trại giáo dưỡng, Hải phòng, Hiệu được chuyển đến trại này giữa năm 1966. Quần áo, chăn màn, chiếu trại phát cho Hiệu, nó dùng đến khi nào rách không bao giờ giặt. Nó cũng chẳng bao giờ tắm, đi đại tiện không cần chùi hay rửa. Khi khát nước Hiệu bọ đâu uống đấy: nước cống, nước vũng đọng cũng được. Bắt được nhái, dế mèn hay các loài sâu bọ ăn được là Hiệu cho mồm nhai ngấu nghiến không cần qua lửa. Do vậy, từ cơ thể nó bốc ra một mùi thối đặc biệt, khó chịu hơn các loại phân. Hiệu đi đến đâu là mọi người phải tránh xa. Buổi trưa hôm ấy Hiệu sang phòng giam chúng tôi, nhiều người sợ, lớn tiếng hò hét đuổi nhưng chẳng ai dám lại gần. Hiệu nói tiếng Nghệ –tĩnh khó nghe mà lại buồn cười. Một số người quên khuấy ngày phải tỏ thái độ buồn rầu để chịu tang ông Hồ nên trêu chọc Hiệu làm trò cười. Không may Phi Lân lên tóm được bốn người đưa ra bắt gác. Hồ sĩ Tường giữa trưa vào tuyên bố đưa bốn người này vào xà lim cùm một tháng. Trong số đó có một người bỏ mạng vì yếu quá. Một người là Phạm Văn Được, sau khi được tha, anh nói nhỏ với tôi:

- Cha già dân tộc khi chết biến thành quỷ vương hay sao mà thiêng thế? Ông ấy tiếp tục giết người.
- Anh phải hiểu, hồn ma ông ấy còn ám ảnh dân tộc hết thế kỷ này và có thể lâu hơn nữa – Tôi trả lời.

Cùng trong thời gian đó, tôi được nghe mấy vần thơ không biết từ đâu bay tới:

Nghe nó chết toàn dân đều phấn khởi
Con cáo già tội lỗi đã thành ma,
Bao nhiêu năm miền Bắc sống rên la
Dưới nanh vuốt của tên bạo chúa...

Một buổi tối, bọn cai ngục cho tù xem bộ phim thời sự về tang lễ ông Hồ. Ai không muốn xem đều bị đấm đá, kéo cổ ra khỏi buồng giam. Tối hôm ấy, ngồi bên tôi, bác Phạm Hải Cầm, bác bị tù vì mấy câu nói bất mãn với chế độ trong lúc say rượu.

Nhìn lên màn ảnh, bác nhận ra con gái mình đi qua quan tài ông Hồ, đang khóc. Thế là bác Cầm cũng khóc. Tưởng bác khóc thương ông Hồ, tôi hỏi:

- Bác xót thương người đứng đầu chính quyền bỏ tù mình à?
- Anh nhầm, tôi khóc oán con tôi, không thương bố mà lại khóc thương người bỏ tù bố mình.
- Nếu thế không nên oán trách chị ấy bác ạ. Ngay đến thằng tù, họ còn muốn bắt phải khóc thương hưởng chi người ở ngoài, nếu không biết đóng kịch để thành tai hoạ.

Trong thời gian này, có bài bình luận đăng trên báo nhân dân phê phán bài viết của một nhà báo Mỹ với tiêu đề:

“Hồ Chí Minh Cộng sản hay là yêu nước?”

Với sự hiểu biết hạn hẹp của mình, tôi có nhận xét đôi điều về bậc siêu nhân của thời đại.

Nếu không có ông ta, không có đảng Cộng sản sẽ không có cách mạng tháng tám, chậm nhất đến thập kỷ sáu mươi đất nước cũng được trao trả độc lập như các nước Đông nam á khác theo xu thế chung của thời đại. Mặt khác, nếu ông ta đi theo chủ nghĩa yêu nước, đoàn kết mọi lực lượng của dân tộc thì tình hình đã thay đổi hẳn, trước hết được Hoa kỳ ủng hộ để chống lại thực dân Pháp. Ngược lại, ông ta theo chủ nghĩa Cộng sản, tôn Marx – Lénine làm sư phụ đưa đất nước vào cuộc chiến tranh triền miên, cốt nhục tương tàn, nôi da nấu thịt. Lợi dụng ước mong của một dân tộc sau hàng nghìn năm nô lệ, ông ta đã thành công trong sự tuyên truyền xảo trá đầy sức thuyết phục. Đang sống trong đêm đen, người dân không quản ngại hy sinh xương máu và tài sản theo ông ta tìm đường ra ánh sáng. Họ không ngờ rằng, sau khi sự thống trị của thực dân bị đập tan, ông ta đặt một ách thống trị nham hiểm, xảo quyệt và tàn bạo gấp nhiều lần thực dân, phong kiến.

Đỏ đầu làm tội chữa qua

Trắng răng làm tội bằng ba đỏ đầu

Những chiến tích, những sự kiện anh hùng như Điện biên phủ, người dân được gì ngoài những chiếc khăn tang, ngoài cuộc sống quẩn quại mất tự do như thân trâu ngựa? Phải chăng những chiến tích, những sự kiện anh hùng chỉ bồi đắp uy tín và xây dựng ngai vàng của ông ta thêm vững chắc?

Ai tự nhận mình là học trò trung thành, xuất sắc của Marx – Lênine? Ai thực hiện thứ học thuyết ngoại lai cực kỳ vô nhân đạo, dùng các biện pháp chém giết, hành hình, đầy đoạ con người là kim chỉ nam trong hành động, đi đôi với guồng máy tuyên truyền bịp bợm, phỉnh phờ?

Nội các năm 1945 là một màn kịch nhà nước toàn dân, các ông Nguyễn tường Tam, Vũ hồng Khang sớm cao chạy xa bay mới tránh được lên đoạn đầu đài. Ân nhân của ông Hồ là cụ Nguyễn hải Thần đã giúp ông ta thoát khỏi nhà tù của Tưởng giới Thạch, may mà cụ Nguyễn hải Thần cũng nhanh chân mới thoát khỏi cảnh ông ta cắt đầu để trả nghĩa. Cuộc chiến tranh chống Pháp về danh nghĩa là cuộc chiến ái quốc nhưng ông ta đã lợi dụng lòng yêu nước của dân tộc để phục vụ cho mục đích Cộng sản của mình. Trong cuộc chiến tranh này, ông ta không từ bỏ mọi biện pháp tàn bạo nào để giết người. Hàng vạn người dân lương thiện bỏ mạng vì sự nghi ngờ liên quan với địch: bắn, chém, buộc vào đá quăng xuống sông, chôn sống, róc thịt chân tay cho chết dần...

Ai là người chịu trách nhiệm về thảm hoạ cải cách ruộng đất? Ngoài hàng chục vạn người chết oan, hàng triệu gia đình tan nát, ai tạo dựng một thời kỳ loạn luân “ông con, bà con – thằng bố, thằng ông, bà vợ – thằng chồng”. Nếu cụ Nguyễn sinh Sắc còn sống, là một nhà nho, cụ nghĩ gì việc đưa con trai mình ra lệnh đào tận móng những nét tinh hoa của thành tựu đạo đức đã được đúc kết hàng nghìn năm lịch sử? Cũng từ đó, nếp sống đạo đức của dân tộc bị băng hoại dần và khủng hoảng ngày thêm trầm trọng, đến nỗi tình thương và lòng nhân ái bị huỷ hoại ngay trong mỗi gia đình: con cái bạc ác với cha mẹ, vợ chửi lại chồng, anh em trong cảnh huynh đệ tương tàn. Một xã hội, quan hệ giữa con người với nhau như dã thú.

Ai đã ra lệnh thành lập các trại tập trung để tù đầy hàng chục vạn người vô tội, trong đó có hàng chục nghìn người bỏ mạng vì những cực hình? Ai đưa nông dân vào hợp tác xã nông nghiệp để cuộc sống của họ cơ cực dưới nanh vuốt của những tên chủ nhiệm như lãnh chúa miền quê? Với chính sách đưa người đi vùng kinh tế mới – một chính sách mang con bỏ chợ và lời tuyên bố “làm Hà nội trong sáng như pha lê”, ai có mưu đồ giải toả đô thành, đưa hàng vạn người ra khỏi thành phố để họ sống khắc khoải trong các miền rừng núi?

Lời tuyên bố của ông ta “không có gì quý hơn độc lập, tự do” thực chất là một chiêu bài lừa bịp. Đã là Cộng sản thì làm gì còn lòng yêu nước. Hơn hai thập kỷ qua, chính quyền của ông ta đã và đang làm mọi cách để thủ tiêu phong tục, tập quán cũng như di sản văn hoá của dân tộc. Nền chuyên chính vô sản có khác chi nền quân chủ

chuyên chế khi xưa? Phải chăng nó có cái hơn hẳn về mặt tàn bạo và guồng máy kìm kẹp tinh vi, xảo quyệt nhằm tước đoạt quyền tự do của người dân? Là tay sai trung thành của cái gọi là phong trào Cộng sản quốc tế, với mưu đồ Cộng sản hoá miền Nam thì cuộc chiến để thực hiện mưu đồ ấy không thể là cuộc chiến vì độc lập, tự do. Ai chịu trách nhiệm cái chết của hàng triệu sinh mạng và sự tàn phá của cuộc chiến hiện nay?

Đất nước đang trong bóng tối của sự hoảng loạn. Thật đau lòng, một dân tộc đã trải qua hàng nghìn năm đen tối, bao nhiêu thập kỷ nữa mới xuất hiện ánh bình minh và trên bầu trời thần Apolon ngự trị?

* *
*
*

Cuối năm 1969, để xoá mờ những hành động khủng bố, tàn sát ở trại giam này, họ chuyển tù phản cách mạng đi các trại khác. Sáng ngày 27 – 12, bọn cai ngục chuyển hàng trăm tù ra trại chính (trại A). Đến chiều, một tu sĩ ở nhà thờ Phát diệm là Vũ ngọc Ánh cũng bị đưa ra trại chính. Ánh bị tù từ năm mười sáu tuổi, thân phụ Ánh bị hành quyết hồi cải cách. Ánh có khuôn mặt giống bức tranh vẽ mặt đức mẹ Maria của Léonard de Vinci. Lúc đó, Khoa còn ở trại cũ, tưởng mỗi người đi một phương nên làm bài thơ tặng Ánh:

Chiều nay nắng nhạt vương sườn núi,
Lặng lẽ em đi dưới nẻo rừng,
Gánh nặng đường xa em yêu quá,
Thương thương chẳng khóc lệ rung rung.

Ra đi không một lời ly biệt,
Ta lặng nhìn nhau phút chia phôi,
Anh chắc lòng anh em đã biết,
Sắt son một dạ dù đôi nơi.
Ngẩn ngơ đứng dưới chiều sương lạnh,
Ngắm bóng em dần khuất nẻo xa,
Quạnh quẽ đìu hiu buồn vượn cánh,
Gió ngàn vi vút ánh dương tà.

Anh muốn đưa em mấy độ đường,
Cùng nhau chia sẻ nổi ly hương,
Nhưng làm sao được hàng song sắt,
Xa cách còn hơn vạn dặm trường.
Cho anh gói lại bao ngày khổ
Của kiếp phong trần ở thế gian
Em giúp anh về dâng kính Mẹ
Lòng anh yêu mến Mẹ vô vàn.
Ánh hơi từ nay xa cách mãi
Để lòng da diết nhớ thương em.
Khổ đau từ thuở còn thơ dại,
Giữa chốn lao tù em lớn lên.
Sóng gió, biển trần em vẫn đẹp
Thơm như hương nhụy của nhành lan.
Cùng em hái những ngày xuân thắm,
Xin kính dâng người yêu chứa chan.

Trưa ngày 28 – 12, không kịp xếp hàng lấy nước ở toán, được sự đồng ý của trật tự trại, tôi xuống nhà bếp xin nước uống. Khi đi qua một phòng giam của tù hình sự, tôi thấy một thằng khoảng mười hai, mười ba tuổi, gầy như que củi, mặt lưỡi cày, đôi má nhăn nheo hóp lại, hai tai bị cắt chỉ còn lại nham nhở. Đầu năm tôi được tin ở trại này có một thằng bé trốn bị cắt tai, có lẽ là thằng này.

Hình dáng thằng bé kỳ quặc mà hình như tôi đã gặp nên chăm chú nhìn. Thằng bé đưa mắt nhìn lại tôi, đột ngột nó chạy lại đấm tôi túi bụi vào mặt và chửi tục:

- Đ... mẹ mày nhìn gì tao? Đ... mẹ thằng Bun ùm!

Vì yếu quá, tôi bị ngã, thằng bé cười lên lưng tôi vừa đấm, vừa chửi loạn xạ. May lúc đó có trật tự đến nên nó bỏ chạy vào phòng giam, chẳng hiểu sao mới hơn chục tuổi mà côn đồ, hung hãn thế?

Căm giận và tủi nhục, tôi thất thểu về toán, nước cũng chẳng xin được.

Đến chiều, một thằng cùng toán với thằng bé, đến chỗ tôi, nó hỏi:

- Chú còn nhớ cháu không?

Thằng này xin vỏ chuối ngày tôi mới đến trại nên trả lời:

- Nhớ chứ.
- Cháu cứ tưởng chú họ Lưu hoá ra Bun ùm à?
- Đúng.
- Trưa nay, thằng con mú đánh chú có đau không?
- Bình thường thôi, nhưng sao gọi là con mú?
- Chuyện về nó hay lắm, chú muốn nghe phải cho cháu bắn hai phát
- Nhưng tôi không có đạn.
- Nếu chú đồng ý chiều nay ép rệp thì... à mà này, chú nuốt chậm gù phải không?
- Phải.
- Một suất tẻ chậm gù được thêm phát đạn. Nếu chú nhất trí chiều nay ép rệp, cháu về gặp thằng Phúc sờ L huyệt đem sang đây bắn ngay rồi bắt đầu câu chuyện. Bắn vài khối thuốc nâng cao sĩ diện kể chuyện mới có hứng thú.
- Sao gọi là Phúc sờ L huyệt?
- Cũng là mẩu chuyện hấp dẫn ra trò, còn lẽ một phát đạn, chú cho cháu xin nốt, xin hầu chuyện chú ngay.
- Kể đi – Tôi nói.
- Bọn họ lưu có một lũ Phúc đều là vô phúc cả. Để phân biệt, đặt thêm cho mỗi đứa một tên đệm theo tính tình hoặc đặc điểm ngoại hình của nó: Phúc lấp, Phúc ngọng, Phúc câm, Phúc méo mồm, Phúc vồ, Phúc bẹp tai, Phúc xoắn, Phúc trố, Phúc chột, Phúc mù, Phúc mừng, Phúc điếc, Phúc Băng cốc, Phúc lừa và Phúc sờ L huyệt là một thằng...

Thằng này ở quê, nó đi câu cá, bơi lội rất tài, tính tình hay nghịch ngợm. Vào một buổi trưa hè, một đứa con gái xinh xắn, mười sáu tuổi ra sông tắm. Không ngờ thằng Phúc câu cá ở bụi cây gần đó nhìn thấy, nó nhẹ nhàng lặn xuống đến sờ ả. Tội nghiệp, mới sờ vào người và mộng ả, ả chạy ra chỗ khác hô hoán. Dân làng kéo ra, có cả bố ả, vô phúc cho thằng Phúc, bố ả là xã đội trưởng vốn có hiềm khích với gia đình nó. Cơ hội trả thù đã đến, ông xã đội trưởng buộc cho Phúc có hành động hiếp dâm. Phúc bị bắt và toà án xử Phúc năm năm tù. Từ đó, Phúc có tên là Phúc sờ L huyệt.

Vào tù một năm, Phúc thành yêu quái hơn cả các bậc đàn anh lão luyện về buôn gian bán lận và lừa. Ngày lễ, ngày tết, trại có mêu, nó mua mấy suất đem kho kỹ, lấy

nước ăn rồi cho nước và muối kho lại bán lấy vốn. Lấy bã chè sao lại, trộn lẫn vào chè để bán. Có thời gian các bậc đàn anh đều phải bó tay, riêng Phúc vẫn mang hàng lậu về trại. Một hôm nó mua một chiếc chăn len giá bốn lạng chè, nó nhờ bọn lâm sản đổi cho dân được một kí. Nó đòi chác cái gì đó cho bọn gánh rau tự giác lấy một bó rau muống để vào một cái túi to. Nó nói với một thằng trong toán, nếu mang rau qua bột gác không khám thì thằng ấy được ăn, nếu khám thì làm như thế, như thế. Thằng ấy đồng ý. Trưa hôm đó, về bột gác bị xếp hàng khám. Trật tự lục soát đến hàng cách nó một người, nó quát:

- Tao bảo mày nghe không, đưa túi hàng lậu ra?
- Việc gì đến mày? – Thằng cầm túi rau trả lời.

Tức khắc nó đâm thật mạnh vào mặt thằng kia lão đảo ngã. Nó cầm túi rau quăng thật xa về phía trước. Trật tự, vũ trang, cán bộ trực trại nhìn theo túi rau, nhanh như chớp, Phúc chuyển gói chè lên hàng trên đã khám rồi. Chuyển hàng lậu này Phúc thoát mà còn được cai ngục quân giáo khen là có thái độ đấu tranh với hành vi xấu của đồng bọn.

Một hôm làm bên cạnh lán lò rèn, Phúc thấy bác thợ nguội có cái lược sừng, cán dura đẹp quá, nó gạ đòi chác, bác thợ nguội không nghe, nó tuyên bố sẽ lấy cắp. Bác thợ nguội vừa đưa con dao cho một ông vũ trang, vừa bảo:

- Tao đồ mày đấy.

Nói xong bác cho cái lược vào hòm, ngồi lên trên nắp hòm làm việc. Một lúc sau, hai thằng tù đuổi nhau và chửi tục. Một thằng chạy vào lán lò rèn cướp chiếc dao găm trên tay bác thợ nguội, đuổi theo thằng kia quát:

- Tao đâm chết mày!

Bác thợ nguội hoảng hốt chạy theo một quãng xa mới lấy được con dao găm. Khi hoàn hồn, bác sực nhớ ra, mở hòm xem thì cái lược đã mất rồi. Nào ngờ đâu, đó chỉ là màn kịch của thằng Phúc để lấy cắp chiếc lược mà thôi.

Nó làm một cái cân tiêu ly để cân rệp, mề, khoằm hoặc sứa. Mãi sau người cùng chậu com với nó mới phát hiện được, suất ăn của nó bao giờ cũng nhiều hơn người khác. Bẻ cái cán cân bằng gỗ thấy bên trong cán rỗng như một ống nứa, có một thỏi chì dài ba phân di chuyển nhẹ nhàng. Bị một trận đòn đau, nó khai làm cái cán cân công phu lắm. Nó kiếm một cái gong ô nhờ thợ nguội đưa một đầu như mũi khoan, nhờ bọn thợ mộc cho một thanh gỗ mềm to bằng cái cán dao, dài khoảng ba mươi phân. Để giữ bí mật, buổi tối Phúc buông màn vừa nằm vừa khoan mấy hôm sau mới

thùng. Nó cho thỏi chì vào rồi nút hai đầu lại, lấy hai đầu lỗ khoan làm chuẩn, nó đẽo và gọt dần để thành cái cán cân bằng cái đũa. Phần điều chỉnh cân để được ít hay nhiều thì dễ thôi, ai cũng biết.

Sơ qua vài ba mảnh khoé của thằng Phúc sờ L hụt để nó có thêm tên là thằng Phúc lừa.

Bây giờ cháu kể chuyện thằng con mú đánh chú nhé. Họ và tên nó là Phạm sinh Giang.

- Phạm sinh Giang à? – Tôi sững sốt hỏi.

Nó là đứa con khốn nạn của chị Phạm Bích Hằng.

- Vâng, cháu là bạn nổi khổ với nó ở chợ Bắc qua, hai đứa cùng xin ăn ban ngày và ban đêm cùng ôm nhau ngủ trên hè phố. Hai đứa cùng bị lừa vào khu một tuần và cùng đi trại giáo dưỡng một chuyến xe.

Khi vào khu, một ông trung uý hỏi cung nó, giống nó như bố với con:

- Họ tên mày là gì?

- Thưa ông, cháu là Phạm sinh Giang.

- Họ, tên mẹ mày?

- Mẹ cháu là Nguyễn thị Hà.

- Nói láo, mẹ mày là Phạm Bích Hằng. Còn bố mày?

- Thưa ông, cháu không biết, mẹ cháu bảo bố cháu là một con quỷ.

- Mày nói láo – Ông trung uý quát, mặt ông hơi tái đi.

Quả thật cháu không biết nó có duyên nợ gì với ông mú này không? Những ngày còn ở khu, có lần ông ta cho thằng Giang một cái bánh mì, một lần một nắm xôi. Xuất xứ thằng Giang có tên là con Mú từ đó.

Thời gian đầu vào trại thằng Giang ngoan lắm. Ai nói gì với nó, cũng gọi dạ bảo vâng. Tính tình nó mỗi ngày một thay đổi, đến nay nó hung tợn như một con thú dữ. Chẳng riêng gì nó, con nhà tử tế vào đây một thời gian nếu không lưu hoá thì cũng trở thành một đứa con đồ hay lừa đảo, bê tha. Vừa qua thằng Giang gặp một tai hoạ, diễn biến như sau như sau: Cách tết mười hai ngày, một thằng cho nó vay một suất khoản ăn buổi sáng. Đến ba mươi tết thằng kia đòi nợ với cách tính cứ hai ngày không trả thì số nợ tăng gấp hai.

Thằng cho vay khoản tính theo cấp số cấp siếc gì đấy, nó bảo thằng Giang phải trả thành sáu mươi tư suất. Nó bắt phải trả ngay bằng cách lấy tất cả tiêu chuẩn ba

ngày tết trừ rau. Thằng Giang hung hãn nhưng làm gì được nó, nó lớn hơn, gần hai mươi tuổi lại thuộc hội họ lưu Hải phòng mạnh nhất Bắc kỳ. Thằng Giang ngậm tằm mà chịu đựng. Họ lưu không như bên Bun ùm các chú đầu, nếu nói lộ chuyện đến tai quản giáo, chúng dùng luật giang hồ cho thằng Giang về châu Diêm vương sớm. Ngay mừng ba tết đi làm, thằng Giang đói và mệt quá, chui vào bụi ngủ. Khi hết giờ làm việc, điếm danh về trại thấy thiếu người, ông vũ trang bắn ba phát súng báo động và tìm kiếm mãi. Ông trung uý quản giáo toán vớ được thằng Giang còn đang ngủ, lập tức ông lôi dậy và rút dao găm cắt luôn hai tai trước khi đưa nó vào nhà kỷ luật.

Thằng Giang bị cùm gần chết thì được đưa ra bệnh xá cấp cứu. Nó mới về toán đi làm được vài tháng nay.

Nghe đầu, ngày mai bọn Bun ùm các chú chuyển đi trại khác. May mà hôm nay là ngày chủ nhật, cháu mới được gặp chú và nói chuyện được dài. Để đền ơn chú đã cho cháu quả chuối khi xưa, cháu kể thêm một chuyện về thằng Phúc nữa. Thằng này quê ở Nghệ an. Hồi cải cách gia đình nó là địa chủ, nhà cửa bị trưng thu, bố mẹ nó bị bức tử và tự tử cả, chú bác, họ hàng chẳng ai dám cứu mang nó. Mới lên bảy tuổi, nó phải đi lang thang xin ăn. Nó nhảy tàu đến thành phố Nam định, ở đây các bậc đàn anh là họ lưu bao, ăn no nê. Một hôm nó phải thực hiện một phi vụ, ban đêm cùng các đàn anh trèo lên mái nhà cửa hàng bách hoá, lật ngói. Sau đó nó bám vào một sợi dây để các đàn anh thả xuống lấy trộm vải. Nếu lấy được hàng, nó buộc vào một đầu dây để các anh kéo lên. Tất nhiên nó cũng ra khỏi cửa hàng bằng cách đó. Nhưng khi thả nó xuống lại đúng quầy hàng bằng gỗ, động mạnh làm gã bảo vệ thức dậy bắt ngay. Mấy ngày hỏi cung chẳng có kết quả gì, mú dùng biện pháp tra tấn, trói hai tay nó treo lên xà nhà. Hai giờ sau, mú cởi trói để tiếp tục bắt nó khai tội, nó tuyên bố, các chú muốn giết cháu hay làm gì cũng được, từ bây giờ cháu không nói thêm một lời nào nữa. Tám năm sau, nó mười lăm tuổi, vẫn bé như đứa trẻ lên chín, lên mười nên nó có tên là Phúc còi. Thằng này mới cực kỳ hung hãn. Khi mâu thuẫn với ai, nó nói:

- Mày lớn hơn nên đánh được tao nhưng tao lại có gan chém được mày.

Đa số tù đều sợ nó. Có một thằng khi chia ăn cãi nhau, đâm đá nó. Vài ngày sau, toán đào hầm cho đơn vị vũ trang. Nó lấy được cái xẻng của bộ đội, đến sau lưng thằng kia chém hết sức vào cánh tay phải, cánh tay thằng kia gần đứt. Lần khác, một thằng cạy trong hội họ lưu Hải phòng bạt tai nó, đến sáng chủ nhật, thằng ấy chơi ở nhà ăn. Phúc còi lên xuống nhà bếp lấy trộm một con dao phay, bất ngờ lên đến chém thằng ấy. May mà thằng ấy đứng dựa cột nên nhát dao vương, chỉ làm nó mất một mảng da đầu bằng nửa bàn tay, máu phun ra xối xả. Cả hai lần gây thương tật cho

người khác, Phúc còi phải nằm xà lim sáu tháng và chuyển đi phân trại khác. Nếu không, nó cũng bị hội họ lưu trả thù giết chết.

Phúc còi nghiện thuốc lào nặng, nó thường ép rệp đổi lấy đạn để bắn. Một hôm, một người nhận tiếp tế có nhiều đạn, nó mang rệp đến đổi, người ấy không đồng ý. Nó xin một phát người kia cũng không cho. Đến đêm, nó lén đến chỗ nằm người ấy đánh bắt. Thằng Phúc còi mới là thằng vô phúc nhất, ông vũ trang tuần tra bên ngoài thấy động, nhìn vào lơ mơ vì phòng giam chỉ có một ngọn đèn dầu vẩn nhỏ. Ông vũ trang quát:

- Anh nào kia, định trốn à, ra trình diện? Nếu không ra tôi bắn.

Thằng Phúc còi đứng áp sát vào vách im phăng phắc. Ông vũ trang nổ súng, một viên đạn xuyên qua đầu nó. Đòi thằng Phúc còi kết thúc thì câu chuyện cháu kể đến ơn chú đến đây là hết.

Tôi nhìn thằng này cao hơn đạo trước được mười phân nhưng thể xác nó vẫn quắt queo như cũ, tôi nói:

- Anh cũng cao lên đấy.
- Trẻ con vào tù nếu không chết, cũng phải dài ra chứ chú.
- Tên anh là gì?
- Cháu tên là Thường nên vào đây chịu phạt. Thời buổi này cũng lắm chuyện ngược đời, trong nhà tù, thằng Phúc thì vô phúc, thằng Nhân thì bất nhân, thằng Nghĩa thì bất nghĩa, thằng Hùng thì hèn, thằng Dũng thì nhát. Ngoài xã hội cũng vậy, cơ quan nào có kèm theo hai chữ nhân dân đều phản lại nhân dân: Công an nhân dân, tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, ủy ban nhân dân... đều là những công cụ đàn áp nhân dân cả.
- Ít tuổi mà anh có ý nghĩ đao để nhí? – Tôi nói.
- Từ cải cách, cháu đã mười ba năm bị đẩy đoạ, trong đó có năm năm bị tù oan cũng phải làm cho cháu khôn lên đôi chút chứ.

Nếu ngày mai, chú chưa đi, buổi trưa cháu lên sang kể cho chú nghe một mẩu chuyện li kỳ nhất. Chú phải trả công cho cháu cả một suất rệp tẻ chậm gù. Hai anh em ruột cùng bị tù, một đứa tên là Đồng, một đứa tên là Chí, ở ngoài còn là đồng chí với nhau nhưng trong trại giam cắn xé nhau khốc liệt hơn cả chó với mèo. Tóm tắt câu chuyện như thế, thôi để dành trưa mai. Nói xong, thằng Thường về phòng giam nó lấy bát sang đựng suất cơm chiều của tôi hôm ấy.

III Trại cải tạo Vĩnh quang.

Đêm hôm ấy, phần lớn tù không ngủ được, bàn tán với nhau sẽ chuyển đến trại nào, đói là lẽ đương nhiên nhưng có thoát khỏi những cuộc tra tấn kéo dài vì ăn không? Hiện tại chúng tôi đang bị tra tấn. Nếu người nào giàu có ở bên ngoài, ăn chim quay, gà tần hoặc ăn yến một vài tuần liên tục thì những món ăn hảo hạng ấy không còn ngon miệng nữa. Trong trại giam, đến mùa sắn, tù phải ăn sắn sáng, cơm độn sắn, canh sắn vài ba tháng liền. Mỗi bữa chỉ được vài thìa cơm, còn lại tất cả đều là sắn. Đoạn trường ai có qua cầu mới hay, ai có qua mới biết những cuộc tra tấn kiểu này nham hiểm đến chừng nào! Đói thất bụng lại mà không ăn được, khi đi tù vớ được lá cây non, cỏ non, rau rừng... tranh nhau ăn sống. Có người mong được kiếp sống của một con trâu vài ngày ăn lá rau già cho đỡ xót ruột. Mùa hè vừa rồi, toán rau xanh của Lã văn Hạp trồng đến hai mẫu tây cà. Cả mùa ba tháng, món ăn thường xuyên của tù là cà: cà nấu muối và cà muối.

Tôi không biết dùng từ nào để diễn tả ngón đòn lạ lùng này? Sau mỗi cuộc tra tấn kéo dài, vốn dĩ thằng tù đã hom hem, tàn tạ lại càng thảm thiết hơn và góp phần làm nhiều người bỏ mạng. Có lẽ khi phát hoang, đất đồi trồng sắn, trong số những nạn nhân bất hạnh nhất của những cuộc tra tấn kiểu này, không ai nghĩ đó là cách đào huyệt để chôn mình?

Sáng hôm sau, cai ngục đưa tù ra nơi có ô tô để chuyển trại, tôi thấy Lê Thăng, hấn đeo quân hàm thượng úy. Hỏi người khác, tôi mới biết, hấn chuyển về trại này thay Lê Xuân Tam, làm phó giám thị trại A đã mấy tháng. Hấn già đi đôi chút nhưng khuôn mặt và hình dáng vẫn như xưa, hấn làm đội trưởng cải cách ở quê tôi. Cũng may mà tôi ở trại B nếu ở phân trại A, mà hấn biết, có lẽ tôi không có ngày về.

Người trực tiếp đến nhận tù là thượng úy Nguyễn huy Cự, giám thị trại tăng gia Phúc lập, tiền thân của trại Vĩnh quang sau này. Khi đọc danh sách tù chuyển trại, đến họ, tên và nguyên quán của tôi, Lê Thăng bảo với Hồ sĩ Tường:

- Tôi biết thằng này con địa chủ, cường hào hời cải cách. Lúc đó nó còn ít tuổi mà ranh lắm. Rất tiếc ở đây, tôi không biết nó sớm.

- Thăng này theo hồ sơ còn phải tù một gông. Trong trại nó cũng góm lăm, không mắc một sai phạm gì để có cơ đưa nó vào nhà kỷ luật – Tường nói.
- Các đồng chí còn thật thà quá. Biết bản chất của kẻ thù nguy hiểm, muốn diệt thì chúng có trong đầu mình chứ còn đâu ra nữa – Lê Thăng nói tiếp.

Người khác đứng gần, thính tai nghe trộm được nói lại với tôi, làm tôi rùng mình như vừa thoát chết.

Số tù ở trại tăng gia Phúc lập có khoảng năm trăm người chỉ có vài người dám phản ứng lại bọn cai ngục, còn lại đa số ngoan ngoãn như một đàn cừu, thực sự họ là bầy nô lệ đáng thương, rầm rập phục tùng, không dám hé răng. Vì đại bộ phận là nông dân, họ không hiểu gì chính trị, cũng chẳng biết gì hơn, ngoài việc trông chờ vào sự ban ơn của đảng.

Một dân tộc đến chín mươi năm phần trăm là người làm ruộng, thì bao giờ họ mới dám đứng lên đấu tranh đòi quyền tự do, dân chủ?

Nghe nói, tù ở trại này cải tạo tốt còn do một động cơ khác nữa là cách thức cho gặp gia đình và nhận tiếp tế của ông chánh giám thị. Ông ta quy định, người cải tạo xấu không được gặp gia đình, không được nhận tiếp tế. Người cải tạo trung bình được gặp người nhà mười lăm phút và được nhận ba cân... Đến người cải tạo tốt gặp vợ, ở nhà hạnh phúc hai mươi bốn giờ và nhận tiếp tế không giới hạn. Thành ra, nhờ có cái ân sủng này, nhiều người đi tù mà vợ ở nhà vẫn có diễm phúc sinh con nở cái. Xem ra, sáng kiến của ông Nguyễn huy Cự cũng hay hay, thứ nhất, ông vắt cạn kiệt sức tù bằng lòng tự nguyện, thứ hai ông gián tiếp ra lệnh cho tạo hóa để những hài nhi ra đời mang tính di truyền của cha chúng là bệnh khom lưng, quỳ gối. Có lẽ từ ngàn xưa đến nay, không có một tên lãnh chúa nào có bộ óc ngang tầm với ông chánh giám thị trại tăng gia Phúc lập.

Sau ba ngày đến trại, tù mới tập hợp để nghe biên chế về các toán. Thân Quân ngồi bên tôi, thấy Nguyễn huy Cự đến gần, anh nói to:

- Tao và có thể cả mày nữa không bị cái lệ làng ở đây trói buộc.

Nghe xong, ông giám thị liền hỏi:

- Anh nói cái lệ làng là cái gì thế?
- Cách thức cho gặp gia đình và nhận tiếp tế, thưa ông!
- Để bắt các anh cải tạo, anh tưởng chỉ có thể thôi à?
- Thưa ông, còn nhà kỷ luật nữa phải không ạ?

- Ở trại Anh thịnh, anh đã vào chưa?
- Cộng lại ở nhiều trại, tôi sơ sơ mới có gần ba chục lần.
- Anh đã ở tù bao nhiêu năm? – Ông giám thị trở mặt, hỏi.
- Mới trên một giáp.
- Thế thì anh cải tạo xấu quá! – Nói xong, ông giám thị bỏ đi.
- Thưa ông, tôi muốn ném mùi xà lim ở trại này, xin ông chiếu cố! – Thân Quân nói với.
- Với thái độ xấu của anh thì trước sau sẽ biết – Ông giám thị ngoái cổ lại trả lời.
- Nếu được ngay bây giờ, tôi xin cảm ơn ông nhiều lắm!

Hơn một trăm tù nhân từ trại Anh thịnh chuyển đến trại này, sau một tháng, kỷ cương khắc nghiệt của trại bị phá vỡ. Phản đối cán bộ trại giam, nghỉ lao động nhiều làm bọn cai ngục đau đầu, điên cuồng khủng bố, đưa vào xà lim cùm hàng loạt. Tất nhiên những hành động chống đối theo cách tự phát và liều lĩnh.

Tôi và Khoa ở trong toán rau xanh, quản giáo toán là Trần văn Phụng, nói ngọt. Hắn là nông dân mới thoát ly trở thành cai ngục. Và có lẽ hắn chỉ quen trông coi tù nhân thuần túy gốc nông dân. Đến nay, hắn phải cai quản hai chục tù người ở thành phố, làm hắn lúng lúng quát tháo cả ngày. Thường xuyên hắn phải nghe lời phản đối, có khi quyết liệt. Hắn thường tuyên bố, các anh mới đến đều là phần tử xấu. Tuy là cai ngục, hắn có lòng tự ái của kẻ thống trị nhưng không giấu nổi nỗi tự ti, bất lực. Hắn lần lượt gặp tù mới đến, thường hắn bị dồn vào ngõ cụt về lý luận.

Đến lần gặp tôi, hắn hỏi:

- Ở trại Anh thịnh, các anh buống lắm à?
- Thưa ông, ở trại ấy chúng tôi bị dồn đến bờ vực của nạn chết đói, những kẻ cùng đường lâu ngày trở thành một thói quen – một thói quen tự vệ như một bản năng. Nếu những thân tàn như tôi cứ ngoan ngoãn phục tùng các ông, lao động quá sức mình lúc này chắc chắn là hành động tự sát.

Bí quá, hắn phát khùng:

- Các anh nhiều lý sự lắm, tôi trả lại ban giám thị hết.

Sau đó nghĩ sao hắn lại dịu giọng nói:

- Anh không phải là nông dân, tôi không bắt làm việc nặng nhưng không được kích động người khác. Tôi được ban giám thị cho biết, anh là phần tử nguy hiểm ở trại Anh thịnh.
- Thưa ông, tôi nguy hiểm ở chỗ nào?
- Nguy hiểm ở cái mồm anh ấy, cơ thể yếu, nhưng cái mồm nói xấu chế độ thì không yếu.
- Thưa ông, cho tôi biết một bằng chứng?
- Rất tiếc hơn bốn năm tù, chưa một ông cán bộ nào bắt quả tang, vì anh hoạt động chống đối rất tinh vi, khôn khéo. Cũng vì lẽ đó, hết án anh chưa được đảng khoan hồng.

Tôi thoáng nghĩ, vận dụng lý luận nói với cái tên cai ngục vô học này cũng chẳng ích gì, nên tôi im lặng để buổi hán gặp tôi chấm dứt.

* *

*

Tết năm ấy, trại chuyển về gần nên thân phụ Khoa cùng em gái đến thăm anh. Và lần đầu, chị Hoa cũng đến thăm tôi.

Do nghèo, lại không biết cuộc sống của em trong tù nên chị chỉ mang cho tôi vài cái bánh chưng và một vài đồ dùng. Tuy nhiên làm tôi vui mừng khôn xiết, nơi địa ngục trần gian này, tôi vẫn có thân nhân quan tâm đến. Cùng với niềm vui đó, chị Hoa cho biết, khi nào bắt hoà, ông bố chồng và anh Hoàng nguyên rửa chị:

“Cho đi cải tạo với thằng Tâm”.

Câu nói của những người tối tăm, u mê ấy chẳng làm tôi lưu tâm đến. Đau lòng là lời nói của anh Quang. Anh nói, đại thì chết, cô bảo nó đừng bao giờ viết thư cho tôi, nếu không sẽ ảnh hưởng xấu đến các cháu, tôi không có đứa em muốn theo địch. Niềm vui được gặp người thân tan biến trong khoảnh khắc để nỗi buồn tràn ngập. Anh Quang sao mà hèn thế? Từ hèn hạ dẫn anh đến mê muội, lẫn lộn trắng đen. Sao anh vội quên, ai là kẻ giết cha anh? Ai gây cho anh cảnh tan cửa nát nhà? Ai gây cho anh cảnh sống cơ cực, nhục nhã hàng chục năm để anh phải bỏ quê hương, đi khai hoang miền núi? Kẻ đó, nếu không gọi là thù hay địch thì gọi là gì? Còn đứa em anh có ý định ra đi để chống lại chế độ bất công, tàn bạo, muốn rửa hận cho cha cũng như hàng vạn người chết oan uổng mà lại là trốn theo địch ư? Những người hèn hạ như anh tôi hiện nay nhiều lắm. Điển hình là nhạc sĩ Phạm Tuyên đã, đang cút cung tận tụy cho

guồng máy tuyên truyền của Cộng sản. Có lẽ khối óc, con tim và cả dòng máu trong cơ thể hắn đã nhiễm thứ nọc độc “ảo vọng thiên đường trên cõi tục” biến hắn thành kẻ hèn hạ, cuồng tín, u mê, hắn mới quên cái chết thê thảm của cha mình – Nhà học giả Phạm Quỳnh. Nỗi buồn riêng với anh mình cũng là nỗi buồn chung cho cả dân tộc, bao giờ họ mới tỉnh ngộ và dám nổi dậy chống ách thống trị khắc nghiệt của bầy quỷ đồ để giành lại nhân quyền và hạnh phúc?

Sau khi được gặp gia đình, không biết do sự huyền bí nào, Khoa cảm thấy cái chết sắp đến với mình? Anh nói với tôi:

- Có lẽ tao sắp vĩnh biệt mày, vĩnh biệt tất cả.
- Mày có giải thích được không hay là vật tự nó của Kant?
- Tao linh tính thần Hades sắp đến bắt mình, mày cứ cho là thuyết bất khả tri của Kant cũng được. À này, “cuộc đời tôi như đêm liên hoan đã tàn, chờ xe về nghỉ. Nay đã có rồi...”. Mày có biết câu nói ấy của ai không?
- Nhật ký của Pessorine trước giờ đầu súng.
- Không biết tử thần đưa tao trên hành trình về cõi bằng tàu, hay máy bay? Nếu phải đi bộ thì lâu lắm.

Đầu tháng tư năm 1970, tôi bị một trận ốm nặng, đường ruột cấp tính, may nhờ người bạn tù ở Hà nội có hàng trăm viên Chlorocid, tôi đã thoát chết. Thời gian này Khoa nghỉ lao động nhiều ngày để chăm sóc tôi. Lúc bệnh tôi nguy nan, Khoa nói:

- Tử thần muốn bắt mày đi cùng với tao chẳng?

Khoa viết một bức thư cho gia đình với nội dung sau:

Ngày 20 /4 /1970.

Bố mẹ kính mến! Chị Hằng và các em Mai, Hải, Phượng, Khiêm thân mến! Đây là bức thư cuối cùng con gửi cho gia đình, mặc dù hiện nay con không mắc bệnh gì nhưng con cảm thấy sắp phải vĩnh biệt thế giới này. Bố mẹ sinh ra và nuôi dạy con đến ngày khôn lớn, chưa đền đáp được một chút công ơn sinh thành thì đời con bước vào những năm tháng tối tăm. Số mệnh của con đến nay không cho phép kéo dài thêm nữa. Vĩnh biệt thế giới này, về phần mình, con không có gì phải ân hận, chỉ đau lòng một nỗi bố mẹ không hoà thuận. Từ khi con trưởng thành, sự xung khắc với con vì mẹ mang quan niệm con lạc hậu với xã hội. Cũng vì quan niệm đó của mẹ đối với bố con để người phải về quê sống cô đơn, tủi nhục, xa đàn con dại. Con không dám trách gì mẹ, mẹ cũng như hàng triệu người đàn bà Việt nam chỉ đáng thương, chứ không đáng

trách. Tuy nhiên, khi còn ở nhà, nhiều lần con xin mẹ, không nên vì các quan niệm khác nhau về xã hội mà gây nên cảnh bất hoà trong gia đình. Dù con và bố con có mang quan niệm tốt đẹp như mẹ thì gia đình ta cũng chẳng cải thiện được gì thêm, cũng vẫn khó khăn thiếu thốn. Trước khi đi xa, con cầu xin mẹ hãy bỏ mọi ý nghĩ mơ hồ về lịch sử dân tộc hiện nay, cùng bố con sống hoà thuận để có niềm vui trong mái ấm tình thương.

Bố mẹ hãy tha thứ cho con – một đứa con tội nghiệp và bất hiếu. Chị Hằng tha lỗi cho em, các em tha lỗi cho anh nhé! Chúc toàn gia mạnh khoẻ gặp mọi sự tốt lành.

Cuối cùng con gửi bố mẹ và cả nhà muôn vàn tình thương nhớ. Chào vĩnh biệt.

Bức thư này Khoa không được gửi vì tên quản giáo bảo anh cải tạo xấu.

Tôi ôm gấn một tháng, đi không vững nên được chuyển sang toán những người già đan lát. Tối mừng ba tháng năm, tôi chuyển sang phòng khác. Cũng buổi tối hôm ấy, Khoa đi chào vĩnh biệt những người thân trong phòng. Có người bảo Khoa đùa cợt, có người bảo Khoa có dấu hiệu bệnh tâm thần. Tuy nhiên Khoa vẫn khẳng định ngày mai mình chết.

Đến ba giờ sáng, căn bệnh đường ruột bắt đầu phát, đau quá, Khoa hét thét thanh kêu cứu. Cán bộ trực trại là trung sĩ Minh đến quát nạt:

- Anh định quấy rối phải không? Tôi cho anh vào xà lim mà hét nhé?

Nhiều người thương Khoa, nhao nhao xin tên trực trại cho anh đi cấp cứu nhưng hắn nói:

- Ban đêm tôi chỉ có quyền đưa phạm vào nhà kỷ luật, không có chỗ nào cấp cứu phạm lúc này.

Nói xong hắn bỏ đi mặc cho Khoa kêu đau thảm thiết và nhiều người hô to kêu gọi xin cấp cứu cho anh.

Đến sáu giờ sáng, nhà giam mở cửa, những người thân vội đưa Khoa đến trạm xá nhưng ở đây chẳng có thứ thuốc nào. Chúng tôi thay nhau ra cổng xin tên trực trại cứu chữa cho Khoa nhưng hắn đều quát đuổi về phòng giam và lờ đi.

Tám giờ sáng, tên cai ngục y tá mới đến. Lúc này có thuốc tiên cũng không chữa được vì máu từ hậu môn Khoa chảy ra nhiều lần như vòi nước. Chẳng những thế, Khoa mắc bệnh đường ruột mà tên cai ngục lại cho uống thuốc giải độc. Khoa đau quá, mất lý trí kêu la thảm thiết. Tên y tá quát trấn áp Khoa liên tục.

- Ông Oang ơi, tôi đau đường ruột, không phải bị ngộ độc.

- Anh im mồm, đây là nhà tù, chữa thế nào là quyền của chúng tôi.
- Tôi đau quá không chịu được. Ông cho tôi uống thuốc ngủ hoặc thuốc mê ngất đi cũng được.
- Tôi tổng cổ anh vào xà lim nghe chưa? Anh là thằng tù, không phải ở nhà anh hay bệnh viện mà la hét.
- Tôi sắp chết rồi, ông Oang ơi! Tôi muốn chết ngay. Ôi, đau quá!
- Anh có chết, chúng tôi chẳng thiệt gì. Ngược lại, xã hội bớt được một tên phản cách mạng.

Khoa kiệt sức, những lời kêu cứu thảm thiết nhỏ dần, cơ thể Khoa cũng chết dần, chết đến đâu Khoa biết và thông báo lại:

- Tâm ơi, chân tay tao chết rồi, không còn cảm giác nữa.

Chân tay anh lúc này nhợt nhạt, nhả nheo và lạnh buốt. Tôi bám mạnh vào bắp đùi nhưng anh không phản ứng gì.

- Tao chết đến bả vai và đến háng rồi.

Sau đó Khoa thều thào với tôi:

- Thế ra tao đi bằng tàu Apolo về cõi. Mà hãy nhớ, ghi lại cái chết thê thảm này và những năm tháng bất hạnh...

Khoa ú ớ không nói nữa. Thấy thế, tên cai ngục y tá bỏ ra ngoài. Hắn thông thả bước như người dạo chơi trong công viên. Vẻ mặt hắn rạng rỡ như vừa lập được một chiến công.

Thật trớ trêu, đến thời điểm đó, ông giám thị Nguyễn huy Cự mới có mặt. Ông ra lệnh mang hết tủ thuốc của cơ quan đến trạm xá để chữa cho cái xác không hồn. Ngay buổi trưa hôm ấy, ông cho người cáng xác Khoa (còn thoi thóp thở) đi bệnh viện.

Khoa đã yên nghỉ trên một quả đồi huyện Lập thạch tỉnh Vĩnh phú, Nghe người đưa anh đi kể lại, trên quả đồi ấy có nhiều cây hoa trắng. Hàng ngày hoa nở để viếng linh hồn trong trắng của anh. Rồi hoa tàn rơi và huỷ hoại cùng với tấm thân trẻ trung của anh trên miền đất đau thương ấy.

Trong đời tôi đã từng chịu những tội đỉnh của đau thương: mẹ tôi chết thảm thê, tôi còn nhỏ tuổi chưa đủ ý thức để chịu hết nỗi đau này; bố tôi chết do bàn tay hung bạo của lũ vô thần, tôi không được nhìn mặt. Còn Khoa, tôi ở bên anh lúc cơ thể anh còn nguyên lành, tỉnh táo. Tôi đã chứng kiến bệnh tật tàn phá thể xác anh chết dần cùng với những lời kêu cứu thảm thiết nhỏ dần và tắt ngấm. Vĩnh biệt Khoa, tôi vĩnh

biệt người bạn thủy chung, cùng chia ngọt sẻ bùi, cùng chịu đắng cay tủi nhục. Khúc nhạc êm đềm của tình bạn kéo dài gần một chục năm bỗng dừng tắt hẳn để cuộc đời tôi thêm cô quạnh, đau đớn trong cái xã hội tàn bạo và ghê tởm này. Tôi khóc nức lên như một đứa trẻ ngây thơ, khóc thương Khoa đến hết nước mắt và không còn biết khóc đến bao giờ?

Được tin Khoa chết, bố mẹ anh đến trại. Người ra nhà tiếp đón gặp gia đình về nói với tôi rằng, thân phụ Khoa khóc nức nở thương con, ông đưa cho người ấy xem giấy báo tử của Khoa với nội dung: "...với chính sách nhân đạo của đảng và chính phủ, trại chúng tôi đã hết sức chạy chữa và chăm sóc anh Khoa ngay từ khi bị bệnh, nhưng do bệnh quá hiểm nghèo, anh Khoa đã qua đời ngày 4 – 5 tức là ngày 29 – 3 âm lịch.

* *

*

Một buổi chiều đầu tháng sáu năm 1970, tôi được gặp ông đại diện viện kiểm sát tối cao, nguyên do có buổi gặp này đơn giản. Khi tôi về trại tống gia Phúc lập, mỗi tháng được một đồng, một bằng chứng cho thấy tôi đã bị chuyển sang diện tập trung cải tạo. Nhân thể gặp ông cán bộ giáo dục hỏi ông về quyết định ấy, ông bảo tôi:

- Nếu thắc mắc thì anh làm đơn khiếu nại gửi lên bộ công an hoặc viện kiểm sát tối cao.

Tôi biết, họ đều là một duộc bất nhân, có kiện cáo cũng chẳng ích gì, cũng như khi xử án xong, tôi đã nói với Khoa vở kịch còn nhiều màn nữa thì đây là giai đoạn chuyển sang màn kịch khác. Tuy nhiên, do tính tò mò, tôi muốn được nghe giới thiệu nội dung của màn kịch mới này.

Ông viện kiểm sát tối cao nói:

- Sau khi nhận được đơn của anh, chúng tôi đã nghiên cứu kỹ hồ sơ tội lỗi và quá trình cải tạo của anh. Nay tôi thay mặt viện đến đây thông báo để anh biết, quyết định tập trung anh là hoàn toàn có cơ sở pháp lý.
- Thưa ông, cho tôi biết cơ sở pháp lý nào?
- Ngay trong những bản kiểm điểm hàng năm, anh nhận thường xuyên ăn rau sống, uống nước lã có phải vi phạm nội quy không?
- Thưa ông, đúng là tôi viết thế. Nhưng buộc tôi phải vi phạm điều mất vệ sinh này chứ tôi không muốn. Nhà bếp trại giam thường xuyên nấu rau không chín

nghĩa là còn sống, đun nước uống không sôi coi như còn ở thể nước lã. Thưa ông, nếu không ăn rau, không uống nước của trại thì làm thế nào sống được? Mặt khác, tôi xin lỗi ông được hỏi điều khoản nào của pháp luật ghi tù nhân sống mất vệ sinh và đói khát phải kéo dài thời gian giam giữ?

- Anh hãy im, nghe tôi nói đã. Có lẽ anh chưa hiểu được chức năng của viện chúng tôi. Ngay trong lá đơn anh viết đã có câu vô lễ “nếu pháp luật còn có nơi công minh thì chắc chắn tôi sẽ được tha trong nay mai...”. Anh cho rằng, pháp luật không có sự công minh chăng? Hiện tại, anh đang trình bày với tôi – đại diện viện kiểm sát tối cao, anh tỏ thái độ bình thường như nói chuyện với bạn bè. Tôi xác định để anh rõ, cơ quan chúng tôi có thẩm quyền kiểm tra cả hội đồng chính phủ.
- Thưa ông, tôi hiểu. Tôi không dám có một biểu hiện phạm thượng hay thất lễ mà chỉ trình bày chân thật ý nghĩ của mình. Toà án nhân dân Hà nội xử tôi bốn năm tù. Trong thời gian đó, tôi không vi phạm nội quy của trại, tại sao tôi phải chuyển sang tập trung cải tạo? Tôi muốn hỏi ông về điều bí ẩn của pháp luật?

Đến lúc này, tôi thấy mặt ông viện kiểm sát đã đỏ lên, có lẽ ông không giữ được bình tĩnh nữa:

- Pháp luật của nhà nước xã hội chủ nghĩa phục vụ cách mạng, mang tính giai cấp và tính đảng. Mặc dù anh hết án nhưng hiện nay tha anh chưa có lợi, nhà nước cần phải giam giữ thêm. Án hay tập trung chỉ là cái móc đối với phạm, co hay giãn của thời gian giam giữ là tùy thuộc vào điều kiện chính trị bên ngoài. Riêng anh, tôi nói thẳng, cứ yên tâm mà cải tạo. Ý thức phản cách mạng của anh chưa sụp đổ và hoàn cảnh hiện nay, chính chúng tôi cũng chưa biết sẽ phải giam anh thêm bao nhiêu năm nữa.
- Thưa ông, tôi xin chân thành cảm ơn sự thẳng thắn của ông. Tôi cũng có ý nghĩ từ lâu như vậy.

* *

*

Từ trại Anh thịnh chuyển về trại này, bác Nguyễn huy Cường. Xưa kia bác là lính lái xe cho phòng thông tin Mỹ tại Hà nội. Biết thân phận mình, bác ngoan ngoãn phục tùng chế độ nếu không nói là cúc cung tận tụy để cầu mong một cuộc sống bình an. Năm 1963, bác lên đường vào trại. Ngoài việc lao động như trâu ngựa, bác chấp

hành nghiêm túc nội quy của trại giam. Nhiều lần bác được ban giám thị khen là cải tạo tốt. Năm 1969, gia đình bác được công an Hà nội tiết lộ, có thể bác được tha trong năm ấy nhưng bác lại gặp chuyện chẳng lành: Cuối năm 1968 ngài Richard nixon trúng cử tổng thống Mỹ. Năm 1971, sức đã tàn, bác ốm đau luôn phải nằm bệnh xá. Đồng thời bộ công an cử cán bộ đến trại hỏi bác thêm một tội. Năm 1953, phó tổng thống Nixon đến chợ Ghềnh, Ninh Bình, tại sao bắt tay bác?

Mặc dù nhiều lần bác trả lời:

- Tôi là lính lái xe, Nixon không cần biết tôi là ai cả, bộ công an không buông tha, họ hỏi cung bác liên tiếp. Bác Cường yếu quá không đi được, họ cho người cáng bác đi hỏi tội. Bệnh tật hành hạ lại thêm nỗi lo sợ tội trạng mới phát sinh, bác Cường vội vã lên đường về cõi. Ngài Richard nixon chắc chắn không bao giờ biết, cái bắt tay lịch sử của ngài đã giết một người Việt nam lương thiện.

* *

*

Từ Hoả lò đến trại một xe tù, trong đó có ba sinh viên học tổng hợp toán ở Balan. Khi đang học năm thứ ba, họ vào đại sứ quán Mỹ ở Vacsava, nói:

- Chúng tôi muốn trốn sang Hoa kỳ, đề nghị các ngài giúp đỡ.

Nhưng họ được trả lời:

- Các anh nên tìm hiểu rõ về Hoa kỳ trước khi đến. Các anh hãy đến Thụy điển – một nước trung lập, dân trí cao, họ sẽ nói rõ về Mỹ một cách khách quan. Từ đó các anh thực hiện điều mong ước của mình cũng chưa muộn.

Khi ra khỏi đại sứ quán ba sinh viên bị bắt ngay. Người lãnh đạo sinh viên của Việt nam tại Balan nói:

- Các anh mắc khuyết điểm, cấp trên đưa các anh về nước tiếp tục học.

Tàu liên vận đến ga Lạng sơn, cả ba bị khoá tay đưa về Hoả lò với tội danh phản quốc. Ngày xử án, toà hỏi:

- Các anh là con em của các gia đình cách mạng, được mọi sự ưu đãi của chế độ, tại sao có hành động trốn theo địch?

Hoàn trong nhóm sinh viên ấy, dáng người nhỏ nhắn, da trắng, hai mươi tuổi, trông anh dễ có cảm tình. Bố Hoàn là chuyên viên quân sự ở nước ngoài, mẹ làm ở sở giáo dục.

Hoàn đã trả lời toà:

- Thừa quý toà, tôi cực lực phản đối sự ưu đãi ấy, đó là điều bất công của xã hội. Biết bao người cùng tuổi tôi phải thất học vì nghèo khổ, nhiều người khác, mặc dù học giỏi vẫn không được vào đại học vì lý lịch gia đình. Đất nước có chiến tranh, chính những con người ấy phải cầm súng chiến đấu ngoài chiến trường. Trong khi đó, những con ông, cháu cha của chế độ như tôi vẫn ung dung học ở nước ngoài. mặc những đau thương, mất mát của dân tộc đã và đang gánh chịu. Khi về nước, những con ông, cháu cha của chế độ lại toạ hưởng trong những tháp ngà với những đặc quyền, đặc lợi. Chế độ phong kiến đã bị sụp đổ, nhưng bánh xe của đảng lại lăn theo vết đường mòn “con vua thì lại làm vua” và nhân dân vẫn là nạn nhân của lịch sử – lịch sử dân tộc hàng nghìn năm vẫn theo vết đường mòn đó.
- Những tên này tự giác li khai tầng lớp lao động, chống lại chế độ, phản lại tổ quốc – Ông công tố viên nói.
- Thừa quý toà, chúng tôi hiểu giai cấp lao động theo quan niệm của đảng là những đảng viên đang nắm giữ các quyền hành trong bộ máy thống trị của nhà nước. Chúng tôi từ bỏ tầng lớp thống trị để đứng về hàng triệu người bị áp bức, điều đó chứng tỏ, chúng tôi li khai chế độ. Mặt khác hàng vạn người Việt nam li hương có thể vì miếng cơm, manh áo cũng có thể để thực hiện một ước mơ góp phần mang lại tự do, hạnh phúc cho dân tộc. Như thế sao lại gọi là phản quốc?
- Cả nước đang sục sôi khí thế chống Mỹ, cứu nước, các anh định đi theo giặc Mỹ, có phải các anh phản lại dân tộc không?
- Thừa quý toà! Giặc Mỹ xâm lược, đó là ngôn ngữ để tuyên truyền. Chúng tôi cho rằng chủ nghĩa Cộng sản là một thảm họa cho nhân loại còn hơn cả thảm họa phát xít. Mỹ can thiệp để ngăn chặn mưu đồ Cộng sản hoá miền Nam cũng như chiến lược toàn cầu của Mỹ là ngăn chặn làn sóng đỏ. Thực chất của cuộc chiến này là sự đối đầu giữa hai phe Cộng sản và Tư bản.

Miền Nam có Mỹ giúp đỡ, miền Bắc lại có vũ khí, cố vấn quân sự của Liên xô, Trung quốc, như thế sao bảo Mỹ là xâm lược?

- Ở đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh. Nhân dân miền Nam đã vùng lên phá ách kìm kẹp của Mỹ ngụy. Anh nghĩ gì về chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ?

- Thừa quý toà, chúng tôi không phải là những nhà hoạt động chính trị nên không rõ lắm, nhưng thế giới hiện nay, ngoài vài ba siêu cường, còn lại các nước khác, không phụ thuộc vào chủ nghĩa Tư bản thì phụ thuộc vào Cộng sản, rất ít quốc gia có chủ quyền, độc lập. Do sự tuyên truyền lừa bịp, nhân dân miền Nam tưởng rằng, chủ nghĩa Cộng sản tốt đẹp như thiên đường, họ bị xúi giục để đấu tranh Câu nói ở đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh chỉ đúng với chủ nghĩa Tư bản có tự do, có nhân quyền. Còn chế độ Cộng sản, người dân bị tước đoạt mọi quyền tự do, sống như một bầy nô lệ bị khoá mồm thì làm gì còn có đấu tranh?

Toà án phạt Hoàn tám năm tù, hai sinh viên kia bị án sáu năm. Sau khi xử, Hoàn được gặp mẹ, mẹ anh khóc và oán trách:

- Sao con ngu dại thế?
- Con không ngu đâu mẹ ạ, chống lại bất công là điều đúng đắn.
- Gia đình ta là gia đình cách mạng, bố mẹ đều là đảng viên, con chống lại chế độ tức là chống lại bố mẹ?
- Thừa mẹ con không dám thế, không thể có “cuộc hội đàm dùng đại bác với thần công” nhưng con và bố mẹ khác nhau về chính kiến. Con xin mẹ, hãy tha thứ cho con vì chân lý buộc con không thể đi cùng đường bố mẹ. Đánh rằng, đường đi của con đầy những chông gai, bão tố, có thể gục ngã giữa chừng. Con dám tự hào rằng, trái tim con rung cảm trước chân lý không bị cám dỗ bởi bả vinh hoa được kết tinh bằng mồ hôi, nước mắt và máu của dân lành. Con đường đi của bố mẹ trước mắt có thênh thang, êm đẹp nhưng lịch sử mai sau, hàng nghìn năm sẽ lên án và nguyên rủa con đường ghê tởm ấy.

Tôi hỏi Hoàn:

- Cậu là người dũng cảm dám từ bỏ cuộc sống trong nhung lụa để bảo vệ chân lý. Dòng tư duy ấy, cậu hình thành đã lâu chưa?
- Xưa kia chúng em ngây thơ lắm, chẳng hiểu gì về chế độ, và lại học cũng bình thường thôi, vì lý lịch gia đình tốt đẹp với chế độ nên được đi nước ngoài. Gần ba năm ở Ba lan, người bản xứ cho biết nỗi thống khổ của họ là thuộc địa của Liên xô. Họ giải thích sơ qua về chủ nghĩa Tư bản và chủ nghĩa Cộng sản. Em hỏi họ, người Ba lan tại sao theo chế độ Cộng sản? Họ trả lời, trước thế chiến thứ hai, Ba lan là một nước Tư bản, sau khi Liên xô giải phóng khỏi ách thống trị của phát xít, lại đặt ách thống trị của đế quốc Cộng

sản ở nước này. Từ đó làm em suy nghĩ và phát hiện ra mặt trái của chế độ. Nhất là gần hai năm tù, em thấu hiểu nhiều hơn sự thối nát của xã hội.

- Có bao giờ cậu thấy hối hận hành động của mình không?
- Từ một cuộc sống đầy đủ, công danh và địa vị đang chờ đón mà hiện nay trở thành một thằng tù, tất nhiên làm em đôi khi hối tiếc. Song mỗi bước gian nan mà mình qua được là một niềm tự hào. Hơn nữa, để cho thiên hạ hiểu rằng, không phải ai cũng mờ mắt đi vì tiền tài, địa vị. Xin lỗi anh, cho phép em nhắc lại câu nói của Pavel, có thay đổi đi đôi chút: “Cái đáng quý nhất của con người là cuộc sống. Người ta chỉ sống có một lần, sống sao cho khỏi ân hận, xót xa vì những năm tháng trót sống vinh hoa trên sự đau khổ của người khác. Để khi nhắm mắt, xuôi tay có thể tự hào rằng, ta đã sớm tỉnh ngộ để hiến dâng cuộc đời cho sự nghiệp cao quý nhất của thế kỷ thứ hai mươi – Sự nghiệp giải phóng loài người khỏi ách thống trị của đế quốc Cộng sản.”

Ngừng vài giây, Hoàn hồi:

- Em nghe nói, anh giỏi toán và có trí nhớ kỳ diệu lắm phải không?
- Khi còn đi học, tôi có năng khiếu ấy nhưng chế độ đã vùi dập từ năm lên mười hai tuổi. Kể ra, nếu được sống ở một nước tự do và được học thành tài, tôi sẽ đóng góp được một phần nho nhỏ cho xã hội.

* *

*

Tháng năm 1972, do chiến tranh hai miền ác liệt, cục quản lý nhà giam lại bước vào mùa gặt hái. Trại Vĩnh quang tiếp nhận thêm nhiều tù mới, kể cả những sĩ quan nguy được tha năm 1969 cũng lần lượt vào trại lần thứ hai.

Chẳng những thế, tù ở trại khác chuyển đến cũng nhiều: Phú sơn, Tân lập, Hồng ca, Hà bắc...

Những người có án, họ chuyển lên trại Phong quang. Chuyển về toán tôi, toán năm xây dựng, bác Trần văn An, người mà chị Bích Hằng đã có lần nói đến. Bác An ngoài sáu mươi tuổi, vẻ người khắc khổ. Tôi hỏi:

- Quê bác ở Thái bình và làm việc tại một nông trường ở Hà bắc phải không?
- Đúng, sao anh biết?
- Cháu không biết bác nhưng có người nói đến bác đã mười năm.
- Người ấy là ai?

- Xưa kia nhà bác cạnh nhà thầy Lãm, nếu bác còn nhớ có lần bác đến Hà nội, bác đã nói chuyện với một người bán hàng xén, người đó là con gái của thầy Lãm đấy.
- Tôi còn nhớ chị ấy nói, gia đình thầy Lãm bị xoá sổ trong cải cách rồi.
- Thưa bác, gần như thế.

Tôi kể lại sự kiện đau thương của gia đình chị Bích Hằng cho bác An nghe, bác An khóc và kêu lên:

- Không phải xã hội loài người nữa, mà là hang ổ của loài dã thú.
- Tại sao bác cũng vào đây? – Tôi hỏi.
- Tôi nói cuộc sống làm thuê bên Thái, họ buộc cho tôi cái tội ca ngợi chế độ Tư bản, đưa ra toà xử bốn năm tù. Hết án, họ chuyển tôi sang tập trung cải tạo, tất cả ở tù đã tám năm rồi. Họ bảo tôi không chịu nhận tội và chưa cải tạo. Tôi trả lời, tôi chỉ có cái tội là nói thật, chính tôi cũng không biết mình phải cải tạo gì? Bởi vì tôi không thể lừa dối mình để thừa nhận trắng hoá đen, đen thành trắng. Một ngày làm thuê bên Thái mua được hàng chục bát phở là bị bóc lột, còn một ngày công chưa mua được ba bát là ưu việt, mang lại quyền lợi cho người lao động. Vì ngu bị lừa dối phải bỏ xác trong tù, tôi cũng không ân hận gì, chỉ đau lòng một nỗi thầy Lãm đã cứu gia đình tôi thoát nạn chết đói năm ất dậu, tôi chưa đền ơn được. Ngược lại, vì hành động nhân ái ấy mà thầy bị vu oan thành tội giết người. Thời đại này, con người độc ác hơn dã thú.

* *

*

Trại này vừa tiếp quản hai tù binh là thám báo bị bắt ở chiến trường Lào. Một người là Nguyễn văn Cầu, hai mươi sáu tuổi, nguyên quán Lạng sơn, gia đình vào Nam năm 1954, một người là Nguyễn minh Châu, hai mươi hai tuổi ở thành phố Đà Nẵng.

Cầu và Châu kể lại:

- Sau khi máy bay trực thăng thả ba lính Việt và ba lính Mỹ xuống một địa điểm tại vùng rừng núi Lào thì bị quân Cộng sản bao vây. Ba người Mỹ thoát nạn. Một lính Việt có tinh thần quyết chiến bị trúng đạn vào đầu, chết ngay. Còn lại hai đứa chúng tôi bàn nhau: mình chỉ là lính quèn, cứ xin hàng rồi ra

sống ở miền Bắc. Lúc đó, Châu chợt nhớ ra thân phụ mình đi tù Côn đảo, nói với Cầu:

- Bố tao mấy năm trước là Việt cộng bị bắt quả tang truyền đơn và súng trong nhà, sau khi bị tù năm năm ở Côn đảo về thấy béo khỏe bình thường. Bố tao bảo, đi tù cái khổ nhất là mất tự do, còn ăn uống có khổ nhưng theo thực đơn hàng ngày. Còn chúng ta bây giờ, nếu xin hàng, dù có bị giam giữ cũng chỉ mất một thời gian ngắn, sau đó mình là dân miền Bắc.

Thế là chúng tôi đồng thanh kêu, chúng em xin hàng các anh giải phóng. Họ ập tới trói gô cổ lại.

- Các anh không hiểu gì Cộng sản à? – Tôi hỏi.
- Nếu biết được như bây giờ thì đã muộn. Chúng tôi đã sống với nhiều lính chiêu hồi người miền Bắc. Nghe chúng nói chẳng ai tin. Nào là quy định mức ăn cho từng người, mỗi người dân một tháng chỉ được nhà nước bán cho một lạng thịt, nào là nhiều bữa mèο không có xương cá mà ăn. Bọn chiêu hồi bị đánh đập luôn, có đũa bị đánh chết vì chúng tôi cho là bịa đặt đời sống nhân dân miền Bắc.

Hai tù binh kể tiếp:

- Gần hai năm bị cái đói vò xé và hành hạ trong trại giam ở Lào, chúng tôi mới được đưa đến đây. Trước khi lên đường, một ông trung tá nói, ở miền núi khó khăn nên điều kiện sinh hoạt của các anh bị thiếu thốn. Nay cho các anh ra miền Bắc để thấy sự đổi mới của nông dân. Nông thôn đã cơ giới hoá trong nông nghiệp, không còn cảnh con trâu đi trước cái cày, cái bừa theo sau như miền Nam nữa, nuôi trâu bò béo để làm nguồn thức phẩm. Còn trong trại cải tạo, ngoài việc đảm bảo đủ dinh dưỡng như đường, sữa, thịt hàng tuần phát thuốc lá cho những người nghiện, cơm được ăn no, ốm đau được chăm sóc chu đáo...

Nghe nói, chúng tôi tin tưởng và vui mừng đến nỗi trên tàu hoả luôn bám sát hai người dẫn giải từng bước, chỉ sợ lạc.

- Ba bốn ngày còn là dài, nếu thấy có lợi, chỉ cần một vài phút, Cộng sản vẫn lừa dối – Tôi nói.
- Trước kia ở miền Nam – Châu nói – tôi hay nghe đài thấy hiện tượng biểu tình, bãi công phản đối chính phủ thường xảy ra ở các nước Tư bản. Trái lại, các nước xã hội chủ nghĩa hầu như không có, nhất là ở miền Bắc. Do vậy

người miền Nam ngộ nhận chính quyền Cộng sản đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân. Bây giờ mới hiểu Cộng sản vừa tuyên truyền bịp bợm vừa bóp nghẹt các quyền tự do, trong lĩnh vực thông tin, ngôn luận, Cộng sản lại độc quyền.

- Chế độ Tư bản – tôi nói – như một quả bóng, có lúc căng có lúc mềm, còn chế độ Cộng sản như một trái bom, bề ngoài tưởng như yên tĩnh nhưng bên trong chứa đầy thuốc nổ: bất công, tàn bạo, bịp bợm, phỉnh phờ... Tới một thời điểm nào đó quả bom sẽ nổ tung.
- Nhân dân miền Nam sẽ không khuất phục sự cai trị của Cộng sản – Châu nói.
- Các anh phải biết hùm thiêng khi đã sa cơ, người miền Nam sao bằng dân Cô đắc, người Hungary, Tiệp Khắc, Ba lan... cũng đành cự quật tuyệt vọng trước sự thống trị của đế quốc Liên xô.
- Nhân dân các nước ấy cứ phải chịu cuộc sống mất tự do mãi thế à?
- Chỉ khi nào đế quốc CS Liên xô suy yếu, tự nó sẽ tan rã và biến đổi thì các nước Đông âu và các nước khác trong phe xã hội chủ nghĩa mới có cơ hội dần thay đổi và dần thoát ách thống trị của CS mà thôi. Nếu bây giờ nhân dân miền Nam hiểu được thảm họa CS, không sợ hy sinh, tổn thất cùng một lòng chống Cộng thì chưa muộn.

* *

*

Bác Đoàn văn Thích cùng ở phòng bảy Hoả lò với tôi, sau đó lên trại Anh thịnh và cùng một chuyến xe với tôi đến trại này. Bác vẫn ở toán rau xanh Trần văn Phụng. Phụng vốn ghét bác từ ngày đến. Một buổi tối thứ bảy, nghe bài báo do ban văn hóa trại đọc, viết về chị Jane Fonda khi ở Việt nam, chị phản đối chiến tranh của Mỹ, về nước chị bị CIA và cảnh sát theo dõi. Chị làm đơn kiện lên toà án “Tôi là một công dân Hoa kỳ, CIA và cảnh sát theo dõi tôi là phạm vào hiến pháp...” Chị được bồi hoàn danh dự bằng Dollars.

Bác Thích hỏi bác Tụ:

- Bác có thấy ông công an hộ tịch to hơn Nixon chưa? Bác Tụ còn ngờ ngác thì bác Thích trả lời:
- Công an hộ tịch Việt Nam to hơn tổng thống Mỹ nhiều...
- Anh Thích nói láo cái gì? – Không ngờ Phụng ở ngoài nghe thấy, quát.

Tôi chủ nhật, bác Thích đang chơi cờ tướng với một người. Cờ tàn, bác Thích bị chiếu tướng liên tục.

- Chiếu tướng!
- Thụt thượng – Bác Thích nói, không biết Phượng ở ngoài đang kiểng chân nhìn vào kiểm tra.
- Chiếu tướng!
- Thượng thụt – Bác Thích nói lại đúng lúc Phượng tụt xuống. Tướng chậm chọc mình, Phượng quát:
- Anh Thích đừng láo xược! – Nói xong, hất bỏ về cơ quan. Sáng thứ hai, Phượng gọi bác Thích vào nhà lô hỏi tội:
- Anh nói ông công an hộ tịch Việt nam to hơn tổng thống Mỹ nhiều là nghĩa thế nào?
- Thưa ông, chị Jane Fonda phản đối chiến tranh của Mỹ ở Việt nam, Nixon bỏ tù chị ấy không được, cho người theo dõi chị không xong. Trong khi đó ở Việt nam, ông công an hộ tịch muốn bỏ tù ai là tùy thích. Như tôi chẳng hạn, ông công an hộ tịch đã vu khống để đưa tôi đi cải tạo.
- Nói láo, cứ như anh nói, chúng tôi muốn giết ai cũng được à?
- Thưa ông, đúng thế. Các ông muốn giết một thằng tù còn dễ hơn ông công an hộ tịch bỏ tù oan người khác.
- Anh thấy chúng tôi đã bắn ai chưa, ngoài những người trốn tránh cải tạo?
- Thưa ông, giết người không phải chỉ bằng súng đạn mà còn nhiều biện pháp khác đang sợ hơn. Chẳng hạn, ở trại Anh thịnh, hàng trăm thằng tù bỏ mạng vì đói, vì ốm đau không có thuốc và các cực hình khác.
- Tôi không biết trại Anh thịnh. Ở trại này, anh thấy chúng tôi đã giết oan ai?
- Thưa ông cũng nhiều chứ ạ. Tuy bị ốm mà chết nhưng nguyên nhân gây ra bệnh là do ăn đói, làm nhiều, cơ thể suy dinh dưỡng, điều kiện chăm sóc và chữa bệnh không có. Tôi thí dụ như anh Khoa chẳng hạn.
- Anh nói láo, anh Khoa chết ở bệnh viện, chết vì bệnh hiểm nghèo.
- Thưa ông, cả trại ai chẳng biết, đưa cái xác anh Khoa đến bệnh viện rồi cho vào quan tài chứ có kịp chữa chạy gì?

Bị dồn đến chỗ bí, Phượng xoay sang chuyện khác:

- Tôi chủ nhật, anh đã láo xược châm biếm tôi.
- Thưa ông, tôi đang say mê đánh cờ, không biết ông ở ngoài, tôi nói tướng thụt thượng, thượng thụt, xin ông tha cho tội vô tình này.
- Anh cố tình châm biếm cán bộ mà còn bào chữa. Tôi đề nghị đưa anh đi kỷ luật.

Bác Thích trong nhà kỷ luật một tuần, chân cùm tê không đi được, phải lóp ngóp bò về phòng giam.

* *

*

Cuối tháng mười hai, do không quân Mỹ, máy bay B52 đánh phố Hà nội, trại giam phải phân tán nhiều nơi trong rừng. Cũng may là dịp cuối năm nên tù được nghỉ hai ngày viết kiểm điểm cải tạo trong năm. Bản kiểm điểm của Thân Quân lần này là một bản án tử hình không tuyên bố.

I Tư tưởng: Mùa đông giá lạnh mà ban đêm vẫn sấm chớp rền vang vì mưa bom, bão đạn. Người chết, nhà cửa đổ nát, phần lớn người Hà nội căm thù kẻ trực tiếp gây ra thảm họa này. Họ không hiểu, chết chóc, đau thương, tan nát là quy luật của chiến tranh. Và ai là kẻ thủ phạm gây ra cuộc chiến tranh này?

Thương mình đã vậy. lại thương người miền Bắc, số đông dân chúng đang sống khổ sở, mất tự do trong cảnh chiến tranh tàn phá mà vẫn ngủ mê. Lại càng thương người dân miền Nam đang mong mỏi cái gọi là độc lập, tự do, họ có biết đâu, đó là một chiêu bài, là bóng tối.

Hiện nay, bố tôi đã hơn bảy mươi tuổi, nghe tin người còn sống làm tôi không vui lắm. Tôi mong bố tôi chết sớm hơn ngày miền Nam vào tay Cộng sản. Là đứa con bất hiếu, ra đi vì sự lừa bịp, không đền đáp được công ơn bố mẹ, tôi không muốn bố tôi phải chịu khổ nhục và thấy cảnh đau thương, vô đạo lý do chế độ Cộng sản gây ra. Chẳng những thế, nếu người còn sống phải thờ thêm một cha già nữa là ông Hồ – “cha già của dân tộc”. Nhiều người như tôi không thờ ông ta, phạm tội bất hiếu đã đành, còn những người đời trước như các vua Hùng, Hai bà Trưng, bà Triệu, Ngô Quyền, Lý thường Kiệt, Trần hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ... không biết để thờ vị “cha già dân tộc”, có phạm tội bất hiếu không?

Nhiều lần tôi đã viết, tôi ước Bắc Nam thống nhất, sum họp trong khúc nhạc, lời ca. Nếu phải đoàn tụ trong cảnh rên xiết thì đừng ai mong như thế.

Hãy tạm thời để chia cắt như nước Đức, Triều tiên chờ lịch sử nhân loại xoay vần.

II Lao động: mười lăm năm tù cũng là chẳng thời gian triền miên đói khát, bị hành hạ và cùm kẹp trong xà lim. Tôi không tin có thần thánh và ma quỷ nhưng khoa học lý giải thế nào về sự tồn tại của tôi, vẫn là một con người đủ xương, đủ da, thiếu thịt, vẫn ngủ và làm việc?

III Học tập: Nhà văn nói láo, nhà báo nói càn, bọn giá áo túi cơm này đã biến thành những cái loa tuyên truyền sự giả nhân, giả nghĩa của những tên trùm lưu manh và tàn bạo. Không ít thì nhiều trong máu tôi cũng nhiễm mùi ô uế của chế độ xã hội chủ nghĩa.

IV Nội quy: Chẳng những tôi đã biến thành người nguyên thủy man rợ mà còn pha trộn chất lưu manh để tồn tại trong cái địa ngục trần gian này.

Khoảng hơn bốn mươi lần đưa Thân Quân vào xà lim cùm kẹp không khuất phục được ý chí của anh. Lần này, bọn cai ngục dùng móng cùm chặt, phải có búa đóng suốt vào cổ chân làm chân anh bị liệt. Và gần một tháng, trái tim bất khuất của Thân Quân đã ngừng đập. Vĩnh biệt người anh hùng vô danh, mười lăm năm liên tục chiến đấu quyết liệt chống lại chế độ nhà tù hà khắc và vạch trần bản chất xấu xa của chế độ, nhiều tù nhân cảm phục và xót thương anh, chắc chắn hình ảnh Thân Quân còn sống mãi trong tâm trí nhiều người.

* *

*

Cuối tháng một năm 1973, hiệp định Paris được ký kết, những điều khoản của hiệp định làm nhiều người có ý thức chính trị thất vọng. Có thể do thất bại về quân sự dẫn đến thất bại về mặt ngoại giao và trên bàn đàm phán, chính phủ Việt nam cộng hoà và Hoa kỳ đã bỏ rơi hàng chục vạn nạn nhân vì chiến tranh mà nhà cầm quyền Hà nội bỏ tù, trong số đó có nhiều người ủng hộ họ. Ông giám thị Nguyễn văn Chuân tuyên bố:

- Hoà bình đã lập lại. Các anh phải biết việc nhà nước đưa các anh đi cải tạo là vấn đề nội bộ. Chúng tôi sẽ tha dần nhưng chỉ khoan hồng những anh cải tạo tốt.

tết năm ấy, tù được nói lỏng hơn thời gian trước bước ngoặt của lịch sử dân tộc, những tù nhân mang cảm nghĩ khác nhau, vui buồn xen lẫn. Có người vui vì hy vọng ngày về sắp đến, có người buồn vì tương lai ảm đạm, không còn một cứu cánh nào.

Tuy nhiên, buồn là đúng. Dù còn trong trại giam hay được tha, số phận vẫn trong tay Cộng sản thì làm gì có niềm vui và hạnh phúc? Kể cả người có kinh tế gia đình khá giả ngoài miếng ăn, cũng như người khác, phải sống âm thầm, lặng lẽ, tủi nhục vì sự phân biệt đối xử và hắt hủi của cả xã hội.

Đêm giao thừa năm ấy, hầu như không ai ngủ được tụ tập thành từng nhóm dăm ba người ngồi uống trà bàn tán. Bác Bùi phúc Khu mời hàng chục người cùng đến uống trà. Bác Khu quê ở Hải hậu, Nam định, đi tù lần này từ năm 1961. Bác nói:

- Thời gian tới, trong số chúng ta sẽ có người về, kẻ ở lại, nghĩa là những cuộc chia tay sẽ diễn ra. Tất nhiên ai mà chẳng cầu mong những cuộc chia tay ấy. Đêm nay, tôi đề nghị mỗi người kể một vài kỉ niệm sâu sắc nhất trong đời mình.

Người kể mở đầu là anh Kiều duy Biệt:

Tôi bị bắt năm 1959. Gần một năm sau, đang trong tâm trạng lo âu, buồn tủi, vợ tôi nhận được thư chồng với địa chỉ công trường 75A Hà nội. Cô ấy cảm động vui mừng quá, ôm ba con nhỏ vào lòng khóc nức nở. Bởi vì chồng mình không phải trong các nhà tù mà lao động tại một công trường. Ngay hôm sau, cô ấy bắt đầu những cuộc hành trình tìm kiếm cái địa chỉ trên để tìm chồng. Nhưng nửa năm, vợ tôi đi khắp các phố phường và các xã trong bốn huyện ngoại thành chẳng tìm đâu ra cái địa chỉ công trường 75A Hà nội. Đến lúc đó, cô ấy mới hiểu địa chỉ trên chỉ là một mật danh. Năm 1961, vợ tôi lại bắt đầu những cuộc hành trình dài ngày đến các miền rừng núi Tây bắc và Việt bắc. Đến đâu cô ấy cũng hỏi thăm, nhất là cơ quan an ninh, đều vô hiệu quả. Có người còn bảo, vợ tôi mắc bệnh tâm thần vì địa chỉ một nơi, tìm một nẻo. Thế là thêm nửa năm nữa uổng công tốn của. Sau này, cô ấy mới hay, tôi bị giam giữ tại cổng trời Hà giang mà có lần cô ấy đã đến nhưng họ nói dối để không cho gặp. Tuy nhiên, sau khi nhận được thư chồng, vợ tôi có phần yên tâm vì trong thư có đoạn “Anh vẫn bình thường, mạnh khoẻ. Em không phải lo gì, nhà nước chu cấp cho anh đầy đủ”. Cô ấy không biết đó là một công thức mà mọi tù nhân phải viết để thư được chuyển mà sáu tháng mới có một lần được gửi.

Ai đến công trường này đều được nghe lời tuyên bố của ông giám thị trung tá Vũ Nhân: “Các anh đến đây không phải để cải tạo mà là để chịu sự trừng trị của pháp luật, của nền chuyên chính vô sản”. Nơi đây không mấy ai, nghĩ đến ngày về, đành buông thả cuộc đời trôi nổi theo dòng số phận và định mệnh. Thường lệ, ngày thứ sáu nghỉ lao động, cả toán họp để kiểm điểm ưu khuyết điểm của từng người trong tuần. Cũng ngày đó thường diễn ra những cuộc ra đi vĩnh viễn của những số phận bất hạnh nhất.

Tôi đơn cử một ví dụ, vào một chiều mùa đông, trời rét lắm, nước mặt giếng đóng băng thành một lớp dày. Toán đang ngồi kiểm điểm thì ông trung tá Vũ Nhân đến cùng hai cảnh sát làm mọi người như nín thở. Mở cặp hồ sơ ra xem rồi ông hỏi:

- Ở đây có anh nào là Trịnh xuân Nguyên.
- Có tôi – Bác Nguyên giật nảy người, chân tay run lên lẩy bẩy trả lời.
- Anh là Việt kiều từ Tân đảo về nước năm 1960.
- Vâng, thưa ông!
- Anh đã nói không đội trời chung với Cộng sản phải không?
- Thưa ông, câu nói đó chưa đầy đủ. Tôi có nói rằng, nếu biết khổ thế này, tôi sẽ không về nước, không đội trời chung với Cộng sản.
- Bây giờ anh đi – Ông ra lệnh, giọng ông trung tá giữ vẻ bình thường như người nói chuyện. Vì đây cũng là việc bình thường, ông vẫn thường làm. Nói xong, ông bỏ đi để hai cảnh sát thi hành nhiệm vụ.

Bác Nguyên run rẩy đứng lên, dặn lại:

- Sổ lưu ký còn năm đồng xin biểu bác nào nghèo nhất, cái chăn bông xin cho bác Mão chưa có.

Theo lệnh, bác Nguyên phải cởi bỏ hết quần áo ấm, với bộ quần áo mỏng bọc thân, bác Nguyên ra đi chào mọi người:

- Chúc các bác ở lại may mắn, xin vĩnh biệt!

Sau một tuần, chúng tôi được tin của một tù tự giác, cơ thể bác Nguyên chỉ chịu được cực hình trong xà lim năm ngày, người ta đã đưa bác vào rừng sâu yên nghỉ.

- Anh có biết, trong xà lim ấy, những cực hình khủng khiếp thế nào không? – Một người hỏi.
- Đây là nhà khách vắng lai dành cho những người nghỉ chân trước khi về địa ngục, ngoài bọn đao phủ thì may ra Phật tổ Như lai và Chúa có biết chăng!

Anh Kiều duy Biệt nói tiếp:

- Năm 1969, tôi được tha, có đến thăm gia đình bác Nguyên, cảnh nhà tiêu điều xơ xác. Đứa con trai không có việc làm, đứa con gái lớn mới đi tập trung cải tạo về tội mại dâm. Vợ bác Nguyên gầy yếu, héo hon, hỏi tôi cuộc sống của chồng ở công trường và mắc bệnh gì đã dẫn đến tử vong? Một mặt tôi sợ phải trả giá đắt, mặt khác, không muốn người đàn bà này thêm đau khổ, tôi đành nói dối ở khu vực khác của công trường nên không biết. Bác ấy đưa tôi xem

giấy báo tử của chồng, nội dung sau “Ban chỉ huy công trường 75A Hà nội thông báo, anh Trịnh xuân Nguyên bị mắc bệnh hiểm nghèo. Xuất phát từ chính sách nhân đạo của đảng và chính phủ, chúng tôi đã tận tâm, tận lực cứu chữa và chăm sóc nhưng bệnh không qua khỏi. Anh Nguyên đã từ trần ngày 3 – 1 – 1963 tại công trường; chúng tôi đã chôn cất anh Nguyên chu đáo...”

Không phải chỉ có ngày thứ sáu mà cái chết có thể đến bất cứ lúc nào. Góc phòng ban đêm là hai lính người Mèo, nghe và nói tiếng Kinh chưa thạo, hai khẩu AK lúc nào cũng chĩa vào phòng. Ai muốn đi đâu phải hô to và rõ ràng câu: Báo cáo ông bộ đội tôi đi... Nếu không rõ hoặc thêm bớt trong câu ấy, người lính Mèo lập tức khoá tay vào song sắt đến sáng. Bác Hóa quê ở Ninh bình đi tù từ năm 1950 với tội tình nghi làm mật vụ cho Pháp. Bác mới ngoài năm mươi tuổi nhưng rất già và yếu, dáng người lom khom, đi phải chống gậy. Hôm ấy trời rét như cắt thịt, bữa cơm chiều được mấy miếng thịt trâu, đến đêm bác Hoá đi ỉa chảy. Đi lần thứ ba, vì mệt, vì bệnh hành hạ cấp bách, bác ra khỏi chỗ nằm, vội hô:

- Báo cáo ông bộ đội, tôi mót ỉa quá, xin phép ông cho tôi đi...

Không đúng khẩu lệnh, lính Mèo khoá tay bác vào song cửa, nhiều người thương bác xin phép khoác chắn lên người bác nhưng chú lính Mèo ra lệnh cấm. Sau hai lần ỉa ra quần, bác xiu dần, gần đến sáng thì tắt thở. Khi được tháo khoá tay, thân thể bác lạnh và cứng như khúc gỗ.

Đền Noel năm nào cũng có giáo dân ngoan đạo nhận bản án tử hình vì tội “đọc kinh”. Có thể họ không bắn, không chém, chỉ cho ăn cầm hơi, cùm và khoá tay trong hầm tối để chết dần.

Nếu ai được chuyển từ công trường 75A Hà nội đến các trại như chúng ta đang sống còn mừng hơn từ đây mình được tha về. Mỗi lần diễn ra cảnh ấy, những người được chuyển đi đều rơi những giọt lệ hân hoan vì đã thoát khỏi nghĩa địa khổng lồ tưởng như mình bị chôn vùi ở đó. Còn người ở lại ngậm ngùi với số phận, nhìn những người được đi mà để dòng nước mắt thi nhau chảy.

Tôi nghĩ rằng, công trường 75A Hà nội chỉ là một trong nhiều địa danh chìm trong bóng đêm của chế độ.

Người thứ hai là anh Khúc văn Tư.

Anh Tư không nhìn ai, mặt hơi cúi xuống, chân trái co lên, khuỷu tay chống vào đầu gối, bàn tay tì trên trán, còn tay phải vè cặng chiều rách. Anh bắt đầu kể, giọng thì thầm, cặp mắt rung rung lệ:

- Quê tôi ở Hải dương. Tôi lấy vợ năm hai mươi tuổi. Vợ tôi – cô Lê mười tám. Lê đẹp có tiếng cả vùng. Chẳng những thế, cô ấy dịu dàng, thông minh hoạt bát, được học hành cũng khá. Cả họ hàng, ai cũng mừng cho hạnh phúc của tôi. Riêng tôi, Lê còn là niềm kiêu hãnh vì biết bao chàng trai hơn mình theo đuổi cô ấy đến chồn chân, mỏi gối. Người ta bảo, tôi có số đào hoa, có cái mỏ hót hay nhưng đâu phải thế, như các bác, các anh đều biết, tôi chỉ là đứa quê mùa, vụng về và luộm thuộm. Thế mà...

Chúng tôi đều tham gia cách mạng, ngày cưới có cả cán bộ huyện về mừng, ông ta tuyên bố kết nạp cả hai vợ chồng tôi vào đảng. Quê tôi năm ấy – 1951, trong vùng tạm chiếm. Chúng tôi chung sống với nhau được một tuần thì Lê phải nhận một nhiệm vụ đặc biệt: xa chồng, xa hàng xóm, giả danh là người đi buôn bán đến đồn địch quyền rũ tên đồn trưởng để làm nội ứng. Ba tháng sau, tôi được tin bước đầu Lê đã thành công, là nhân tình của hắn. Tin đó làm tôi đau như dao cắt vì vợ mình đã biến thành trò chơi của kẻ khác, nhưng vì nhiệm vụ cách mạng, ngoài mặt tôi phải giữ thái độ bình thường. Đồng thời, tôi được giao nhiệm vụ, đóng vai trò là anh họ, đến gặp Lê để thu lượm tình hình. Mới qua một thời gian ngắn, Lê đã thay đổi rất nhiều. Có lẽ vì ăn trắng mặc trơn, lại được tô điểm qua son phấn, em lộng lẫy như một nàng tiên.

Khi tôi gặp Lê, có cả tên đồn trưởng. Cô ấy đóng vai người em họ thành đạt tuyệt vời. Vì lời xưng em và gọi anh của Lê với hắn đầy vẻ mặn nồng, âu yếm, còn với tôi có vẻ thờ ơ nhạt nhẽo. Cặp mắt Lê mỗi khi nhìn hắn như trào ra rào rạt sóng ái ân, còn với tôi, thường tình như người quen biết. Nụ cười của em mới cay độc làm sao! Nụ cười tươi mát đẹp như ánh trăng rằm em chỉ dành riêng cho hắn, còn với tôi thì gượng gạo như cánh hoa tàn héo dưới ánh nắng chiều. Lúc đó, tôi tự hỏi, em đóng kịch tuyệt vời hay đây là sự thật đáng cay?

Hắn yêu Lê nên trọng đãi tôi như khách quý. Rất tiếc buổi chiều hôm ấy, hắn luôn bám sát, không có một cơ hội nào để tôi gặp riêng Lê, tôi đành ở lại đêm tại nhà riêng của hắn cách đồn khoảng ba trăm mét, tất nhiên có cả Lê. Tôi nghỉ ở nhà ngoài, còn hắn và Lê ở buồng riêng. Đêm đó tôi không sao ngủ được, tưởng tượng những gì đang diễn ra giữa vợ tôi và kẻ thù.

Đã khuya, cái buồng kia vẫn sáng, tôi tò mò tìm đến khe hở của bức ngăn gian bằng gỗ nhìn vào. Rõ như thanh thiên bạch nhật, Lê trần truồng làm tình với thằng đồn trưởng.

Nếu vì nhiệm vụ cách mạng, cô ấy phải thụ động cam chịu, tôi cũng đành nhắm mắt bỏ qua nhưng pha làm tình ấy không diễn ra như thế. Hình như lúc đó, Lê đã quên

tất cả, quên mất đảng, quên mất chồng để con quý trong lòng cô ấy tự do hành động. Lê nằm sấp đè lên hắn, hai tay ghì chặt lấy cổ, lấy lưng, hai chân dặng ra thẳng đuồn. Cặp mắt em đê mê nhìn vào mặt hắn để tận hưởng những giây phút khoái lạc tốt cùng của tình dục.

Không thể chịu nổi nữa, tôi đập tung cánh cửa nhảy vào, ngay tức khắc kẻ sát súng ngắn bắn vào thái dương thẳng đồn trưởng. Lê loạng choạng lăn xuống giường nằm ngửa. Không một lời hỏi tội, tôi bóp cò liên tiếp tặng cho em bốn viên kẹo đồng vào ngực. Trong phút giây ấy, trước mặt tôi chỉ có một kẻ thù – kẻ thù ghê tởm là Lê. Còn tên đồn trưởng, buộc tôi phải bắn, xét ra trong hành động này, hắn chẳng có tội tình gì. Một con đàn bà đẹp tự dâng thể xác mình thì có mấy thằng đàn ông từ chối? Sự việc xảy ra, tôi tính sao đây? Về quê ư? Không ổn, sẽ bị kết tội phá hoại nhiệm vụ bí mật của đảng, giết vợ, giết đồng chí của mình. Nghĩ thế, sau khi tẩu thoát khỏi vòng nguy hiểm, tôi trốn lên Cao Bằng làm thuê sinh sống.

Năm 1959, tôi trở về quê hương, công an huyện bắt tôi tra hỏi. Một mực tôi khai rằng, vì lòng căm thù kẻ địch bóc cao, tôi bắn tên đồn trưởng, không may lạc đạn vào Lê. Vì sợ tội, tôi phải bỏ đi nơi khác. Cũng may, chẳng có ai biết rõ sự việc này nên họ chỉ giam tôi sáu tháng. Năm 1962, tôi lên đường vào trại vì tội tình nghi trong cái quá khứ đáng nguyên rủa ấy.

Những ngày đầu tha hương, sống trên đất khách quê người, tôi thấy rõ sự sai lầm và xám hối. Nếu cách mạng là tốt đẹp, tôi có thể hy sinh đời mình chứ không thể hiến dâng vợ để làm kẻ mỹ nhân. Chắc chắn không phải riêng tôi mà còn nhiều người nữa cũng hiến dâng cách ấy. Dù họ có đủ nhẫn nại để chịu đựng thì rốt cuộc cách mạng đã mang lại cho họ những gì vinh quang để bù đắp nỗi nhục ê chề ấy? Hay chỉ là vật hy sinh để xây dựng và bảo vệ ngai vàng của tên bạo chúa? Mất cuộc đời có khi còn giành lại được vinh quang, còn nỗi nhơ nhục... thì không bao giờ, không còn cách nào rửa sạch. Tôi tự hỏi, tại sao khi ấy tôi lại đồng ý...? Lẽ ra phải tìm cách ngăn chặn vợ mình. Nếu Lê vì nhiệm vụ của đảng mà không nghe, tôi li dị dù có bị đọa đầy, tù tội. Phải chăng vì sự cuồng tín đã làm tôi không còn lý trí, cái lòng tin tuyệt đối đã dẫn tôi đến tới xứ mù? Đến khi bừng tỉnh thì ôi thôi... đã kết thúc để mở màn cho tấn bi kịch của cuộc đời mình.

Người thứ ba, bác Hoàng kim Đa, quê ở Thái Nguyên. Bác Đa tham gia cách mạng bốn năm. Năm 1953 bác mắc bệnh đau dạ dày xin phục viên về quê làm ruộng. Sau này vì bất mãn với cuộc sống khó khăn trong hợp tác xã nông nghiệp, bác nói:

- Vì lý tưởng độc lập, tự do, người Việt nam không quản ngại hy sinh, gian khổ, không tiếc máu xương chống thực dân Pháp để có cuộc sống cơ cực ngày nay. Từ câu nói đó, bác phải đi cải tạo từ năm 1963. Tạo hoá dành cho bác cặp mắt bất nhân, hung hãn. Bác kể lại, giọng thâm trầm, vẻ buồn phảng phất trên nét mặt.

Tôi vào du kích năm mười tám tuổi. Cùng năm ấy, 1949, nơi ông Hoàng quốc Việt ở, có một lão say rượu nói câu: “đánh thế nào được Pháp”. Ông Việt biết chuyện, ra lệnh đưa lão đi bắn bỏ. Tôi và đồng đội nữa thi hành bản án vào buổi tối. Trói tội phạm vào cành cây ngả trên dòng sông Lô, mỗi đứa bắn ba phát đạn súng kíp, sau đó lấy đèn pin soi, thấy đầu lão gục xuống, mắt nhắm lại, mồm há hốc máu chảy ra xối xả. Yên tâm tội phạm đã lìa đời, chúng tôi cắt dây trói, thả xác trôi sông.

Lần đầu giết người, hai đứa xúc cảm mạnh, ngồi bên bờ sông nói chuyện:

- Lệnh của ông Việt ngặt quá. Theo ý tao, chỉ cần giam lão một tuần là hết vía. Nếu lệnh này được thi hành toàn quốc, phải có nhiều thằng nát rượu nói càn bỏ mạng.

Người đồng đội tôi phản đối:

- Sát nhất nhân vạn nhân cù, nếu không răn đe kẻ khác thì cách mạng thành công sao được? Để nhanh chóng thu được thắng lợi cuối cùng, có lẽ đảng chủ trương dùng biện pháp cường đạo.
- Lão ấy gần nhà tao, tao biết lão hiền lành, có nát rượu bao giờ đâu? Có lẽ do định mệnh đã đến ngày...

Tôi đang nói dở thì nghe thấy tiếng chửi tục bên kia sông vọng lại:

- Đ... mẹ chúng mày! Tao chưa chết đâu, chúng mày nhớ nhé!

Chúng tôi giật mình hoảng hốt bàn nhau:

- Chắc lão không dám về, cứ báo cáo lên cấp trên thi hành bản án xong rồi.

Quả là may mắn, lão bỏ đi đâu mất tích, chúng tôi mới được bình an, vô sự. Mãi đến năm 1957, lão mới về quê. Lúc đó xét thấy tội của lão không đáng chết nên đến năm 1961, lão phải đi tập trung cải tạo. Còn tôi vì chuyện đó mà tăng thêm tội.

Năm 1951, cũng tại chiến khu Việt bắc, lực lượng an ninh bắt được bốn học sinh từ thị xã Vĩnh yên đến bị tình nghi là gián điệp. Khảo tra mãi, chúng đều khai là rủ nhau đi du lịch. Quyết định của cấp trên, chúng phải chết bằng những cực hình: cắt gân gót chân, róc thịt chân từ đầu gối xuống. Đêm đó, tôi từ nơi khác đến nhận nhiệm

vụ thi hành bản án. Ba giờ sáng, chúng tôi bị mất, nhét dẻ vào mồm, trói tay đưa xuống vực, trói cả chân lại để hành hình. Đứa chết sớm nhất lúc tám giờ sáng, đứa sống dai dẳng nhất đến hai giờ chiều vẫn chưa tắt thở, thằng này tôi xử trí. Tôi tò mò giật mảnh vải bị mất ra xem mặt làm tôi giật mình hốt hoảng nhận ra, thằng Dũng, đứa con trai duy nhất của cô tôi.

Sau mấy giây, nó mở mắt, còn nhận ra tôi, sau khi tôi kéo dẻ ở mồm nó ra, nó thì thào:

- Em có tội gì mà anh lại...

Nó ú ớ rồi tắt thở. Cô tôi lấy chồng ở thị xã Vĩnh yên, chỉ được một thằng Dũng thì chú rể tôi ốm chết. Năm ấy, cô tôi mới hai mươi hai tuổi. bị ràng buộc nặng nề của lễ giáo phong kiến: phu tử tòng tử, mệnh đời xuân của cô tôi không dành cho ai nữa.

Tết năm ấy, cô tôi đưa con về thăm ông bà ngoại. Dũng kém tôi hai tuổi. Mấy ngày tết, hai anh em cứ quần quít bên nhau như một cặp tình nhân. Dũng còn nói:

- Năm nay thế nào em cũng đến thăm ông bà, các bác và gặp anh lần nữa.

Nào ngờ đâu, chúng tôi lại gặp nhau trong tình cảnh thê thảm, éo le này. Sự kiện bi thảm ấy, tôi đành giấu kín trong lòng hơn hai chục năm qua. Tôi lên án mình đã phạm tội giết người, tôi thương thằng Dũng quá, lại càng thương cô tôi sống héo mòn trong cảnh cô đơn sầu thảm vì sự mất tích của đứa con độc nhất.

Cái chết của đứa em họ tôi – một thanh niên trong trắng ở độ tuổi trưởng thành – là thành tích lớn nhất trong mấy năm tôi chiến đấu dưới “lá cờ vinh quang của đảng”.

Người thứ tư – Bác Hồ đức Mậu. Bác tham gia Việt minh năm hai mươi tuổi. Năm 1954 ra Bắc tập kết, năm 1955 là đội trưởng đội cải cách ruộng đất. Bác mang theo hai kí vàng bị lộ, phải nộp vào kho nhà nước. Xuất thân từ một gia đình giàu có ở thành phố Huế, quen sống phong lưu, tiền lương không đủ tiêu xài, bác bất mãn với chế độ nên phải đi tập trung cải tạo từ năm 1961. Bác có cặp mắt lơ lửng gian xảo – dấu ấn của quá vãng nhiều tội ác. Bác kể lại chuyện đời, lời kể của bác nhỏ dần, có đoạn nghẹn ngào, nức nở:

- Tôi là con trong một gia đình của một dòng họ có tiếng tăm ở thành phố Huế. Ngày xưa thân phụ tôi có một ông bạn rất thân, đi học và quan hệ mật thiết với nhau từ thuở nhỏ. Khi hai ông trưởng thành xây dựng gia đình đã hẹn ước: đứa con đầu lòng một bên là trai, một bên là gái sẽ gả bán cho nhau. Tôi chào đời trước Hương, con ông bạn thân phụ tôi một tuổi. Hai đứa chơi với

nhau từ thuở ấu thơ. Đến tuổi trưởng thành, hai đứa thương nhau lắm, vào nhà hát, rạp chiếu bóng cũng như đi du lịch chẳng mấy khi lẻ loi, đơn chiếc.

Năm 1948, theo tiếng gọi của cách mạng, tôi lên đường nhập ngũ, là biệt động. Hương tiễn chân tôi và nói:

- Em thương anh và mãi mãi đợi chờ!

Hai năm sau, tại căn cứ địa, đồng đội chúng tôi bắt được hai người tình nghi là gián điệp. Qua khe hở cửa buồng giam nhìn vào, thối chết rồi, đó là hai bố con Hương. Tôi đau lòng quá muốn gặp cấp trên để thanh minh cho những thân nhân, khốn nỗi, tôi chỉ là thằng lính quèn... có khi bị kết tội là đồng bọn.

Bị tra hỏi nhiều lần, kể cả bức cung, đánh đập, một mực hai người chỉ khai về thăm quê, không có liên quan gì với địch. Sau đó, tôi được lệnh cho bố Hương đi ò trước mặt con gái, tôi trốn tránh nhiệm vụ kinh khủng này với lý do bị đau đầu. Người đồng đội tôi kể lại, đào một hố đủ người ngồi đến cổ, đặt bố Hương xuống đó và đất lên xung quanh. Hương phải chứng kiến cuộc hành hình từ đầu đến khi bố mình tắt thở, em cũng ngất đi vì đau thương, hoảng sợ. Hôm sau, cấp trên lại giao nhiệm vụ cho tôi phải thi hành bản án với Hương. Tôi từ chối lần này không được, hình như họ khả nghi tôi có quan hệ với em. Người chỉ huy nói:

- Đồng chí phải hoàn thành nhiệm vụ đảng giao, nếu thương xót kẻ thù là có tội.

Sau hai năm xa cách, nay được gặp lại, tưởng tôi là cứu cánh, em ôm lấy tôi khóc nức nở. Dưới ánh trăng mờ, tôi nhìn em đẹp hơn xưa, ngực em nở căng phồng, cổ cao, khuôn mặt trái xoan, cặp mắt bồ câu hiền dịu. Trên đường tôi dẫn em về, em chỉ khóc thương bố chết thảm thê. Em không biết rằng, tôi sắp trở thành đao phủ kết liễu đời em.

Còn tôi, đầu óc quay cuồng như thằng loạn trí? Tha cho em ư? Không thể được, phải thế mạng đã đành, tôi còn mang tiếng là tên phản đảng, phản quốc. Nếu chỉ việc chết thay cho em, tôi đủ can trường. Bởi vì ngã xuống để bảo vệ người thương âu cũng là một tiếng thơm, nhưng lại mang tiếng phản đảng, phản quốc thì không thể và không bao giờ... Tôi đã vậy, cả họ Hồ tôi cũng nhục với bàn dân thiên hạ. Giết em ư? Thật khủng khiếp, tuy nhiên nếu đảng biết, tôi lại được ca ngợi là lập trường kiên định với kẻ thù. Thế là tôi quyết định.

Gần đến nhà, Hương khóc oà lên và nói:

- Anh thương ơi, em tạm biệt anh, em mãi mãi...!

Nhanh như cắt, tay trái tôi bịt mồm em và tay phải đặt một nhát dao găm vào trái tim ngây thơ đang rung cảm của em, dán lên lưng áo em bản án tử hình.

Trên đường về căn cứ địa, tôi gặp người quân báo đi ngược chiều, anh ta hót hải hồi:

- Xong rồi à?
- Phải, có việc gì?
- Chậm mất rồi, có lệnh trên tha bổng cho cô gái, vì hai bố con cô ấy chẳng có tội gì.

Nghe xong, tôi vọt xuống đường ngắt lịm. Người chỉ huy biết chuyện khuyên tôi:

- Chúng ta làm cách mạng vì tổ quốc, vì dân tộc, vì tự do và hạnh phúc của triệu người, tất nhiên không tránh khỏi sai sót, nhầm lẫn. Thà giết nhầm một trăm người còn hơn bỏ sót một tên địch. Đồng chí nên vì lý tưởng cách mạng mà sớm quên đi những mất mát riêng tư.

Mấy tháng sau, tôi nhận được thư của mẹ:

Huế ngày 23 – 12 – 1950.

Mậu con, má báo tin cho con biết, ba má và toàn gia vẫn bình thường, mạnh khoẻ, riêng cậu con đi đâu mất tích hơn một tháng nay. Má rất đau buồn vì cậu – đứa em trai duy nhất của má. Con hãy thương má, hết lòng, hết sức tìm kiếm tin tức cậu. Chúc con may mắn, thực hiện được ước mong của má.

Gần một năm, tôi đi khắp nơi để dò la, tìm kiếm nhưng cậu tôi vẫn biến biệt tăm hơi. Cậu là một trí thức, quan hệ rộng, có thể bị cách mạng nghi ngờ mà bắt. Sau đó, tôi có lệnh chuyển công tác đến một trại giam trong rừng. Tôi đi bộ đường rừng đến nơi thì trời đã tối. Hôm sau, trời chưa sáng rõ, trại giam nhận được lệnh: “địch đã bao vây, phải tiêu diệt khẩn những tên tội phạm”. Tiểu đội tôi phải đi phục kích đề phòng địch đến. Còn lại, đưa gần một trăm tội phạm trói lại thành một xâu dài. Đầu xâu tội phạm, ông chánh giám thị, cuối xâu ông phó dùng mã tấu thi hành nhiệm vụ. Khi hoàn thành lệnh của cấp trên, hai ông mệt quá nằm lăn ra bãi cỏ, thân thể và quần áo đỏ lôm như vừa bơi và lặn qua sông máu.

Lúc rút chạy, tôi đi lướt qua xác những nạn nhân, Trời đất tối, tôi giật mình suýt ngã khi chợt nhận ra cậu tôi trong số đó. Cậu chưa chết hẳn, một nhát mã tấu chém vào cổ cậu, máu còn đang chảy. Cậu đưa mắt nhìn tôi, mồm mấp máy như muốn nói điều gì? Tôi vội vã bước qua không dám nhìn cậu thêm lần nữa.

Hơn hai mươi năm qua, tôi đành giấu kín, không dám nói với má và những người thân cái chết thảm thương của cậu mình. Ra miền Bắc, tôi làm đội trưởng cải cách – một con thú khát máu trong số hàng vạn con thú khát máu khác mà các bác, các anh ở đây đều biết. Nếu tôi không mắc sai lầm vì lợi ích riêng tư, bất mãn với chế độ, tôi vẫn là đứa con ưu tú của thời đại – một kẻ mặt người dạ thú, biết lừa bịp, biết vu oan, giả hoá, biết ngấm máu phun người và là tên đồ tể lạnh lùng, bậc nhất. Ở đây, nhiều người bị tù oan ức, riêng tôi là rất đúng. Tôi có tội nợ máu với đồng bào, trong số đó có thân nhân của mình. Chính xác hơn, tôi là một nạn nhân của sự lừa bịp và mê hoặc đã biến thành một tên đao phủ mất hết tính người, một con thú dữ. Nếu có Thượng đế, đức Phật và thần thánh, mười hai năm qua, tôi đã xám hối và cầu xin các ngài tha thứ cho một nạn nhân đáng nguyên rủa này.

Người thứ năm – anh Nguyễn văn Thắng ở Tế tiêu – Hà đông. Thắng đi bộ đội từ năm mười tám tuổi, vào Nam chiến đấu năm 1965. Năm 1970, bị địch bao vây, Thắng xuống hầm bí mật nhưng bị phát hiện. Quân đội miền Nam gọi Thắng lên hàng nhưng anh cố thủ. Sau đó họ ném lựu đạn cay và bắt sống Thắng. Thắng bị giam sáu tháng rồi được trả lại vũ khí, quân phục, giấy tờ và đưa về nơi đóng quân cũ tha. Quân đội Cộng sản nghi ngờ Thắng và bắt anh đưa vào trại cải tạo.

Thắng nói:

- Để góp chuyện với các bác, các anh, trong thời gian còn là bộ đội chiến đấu, cháu đã làm và cũng chứng kiến vài sự kiện đáng ghi nhớ trong đời, xin kể lại:

Cháu đóng quân ở Tây ninh, một hôm bắt được một người đàn bà khoảng bốn mươi tuổi, nghi là gián điệp. Theo lời khai của mẹ, chồng tôi mất sớm để lại năm con dại, tôi phải buôn bán khắp nơi để nuôi các cháu. Nhiều lần quân giải phóng dọa dẫm, nếu không khai sự thật làm gián điệp sẽ bị trừng trị đích đáng, nhưng mẹ một mực khai như vậy. Cấp trên giao cho cháu và hai lính nữa thi hành bản án. Đào một hố sâu như hố quan tài, một đồng đội của cháu quát:

- Không khai thật thì xuống kia.

Có lẽ tưởng là dọa, mẹ nói:

- Các anh muốn giết tôi và cả năm đứa trẻ thì cứ việc.

Nói xong, mẹ nhảy xuống hố. Một đồng đội vật mẹ ngã xuống rồi cùng lấp đất.

Một cuộc tấn công vào đồn địch. Lực lượng địch yếu hơn phải rút chạy. Quân giải phóng truy kích và bắt được gần hai chục người đàn bà, bao gồm là vợ, nhân tình

của binh lính Sài gòn. Trên đường dẫn giải bọn này, có một đứa con gái nét mặt điệu dàng, dễ thương, vừa đi, vừa khóc van xin:

- Các anh ơi, lần đầu em trót dại, xin các anh tha.
- Mà ở đây làm gì? – Cháu hỏi.
- Vì nhớ người thương nên ngày hôm qua em mới đến đây.
- Người thương mày cấp bậc gì?
- Anh ấy mới bị động viên mấy tháng thôi.

Nghe nói cháu cũng thương con bé nhưng bắt thì được chứ tha thì phải có lệnh của cấp trên. Đến trưa hôm ấy, cả bọn đói, xin ăn, đồng thời ông đại đội phó nhận được lệnh của sư đoàn, ông ta nói:

- Chúng mày phải xuống hầm mới được ăn, không được ngồi chung với quân giải phóng.

Cả bọn ngoan ngoãn phục tùng, ông đại đội phó cho một món ăn đặc biệt: hai quả lựu US rồi ông ra lệnh lấp cửa hầm.

Một hôm nhận được lệnh, một tiểu đoàn quân giải phóng cải trang quân ngụy Sài gòn vào một làng giáo dân chống Cộng thực hiện tam quang: đốt sạch, phá sạch, giết sạch. Cháu và một đồng đội vào một gia đình, bắn chết hai vợ chồng và đốt nhà. Còn đứa con gái khoảng lên năm, lên sáu, sợ quá nằm úp mặt xuống đất, không dám khóc hoặc van xin. Chúng cháu định bỏ đi thì ông trung đội phó đến, ông đá vào con bé, thấy nó kêu: cháu lạy ông, ông quát:

- Các đồng chí còn thương xót kẻ thù à? Tại sao không xử trí con bé này đi?

Người đồng đội cháu định bắn thì ông ra lệnh:

- Phí đạn, quăng nó vào đồng lửa.

Chúng cháu, đứa cầm tay, đứa cầm chân con bé ném vào nhà đang cháy. Con bé hét thất thanh mấy giây rồi mới giã giữa chết.

Người thứ sáu – bác Bùi phúc Khu.

Trước cách mạng tháng tám, thân phụ tôi là công chức tại thành phố Nam định, sau đó về quê ở huyện Hải hậu làm ruộng. Năm 1948, người lên thành phố chơi với bạn bè thuê trước nhưng không thấy người về nữa. Thân mẫu tôi cho rằng, họ đã cho bố tôi tắm mát ở sông Hồng. Thân mẫu tôi đưa tôi lên thành phố Nam định buôn bán làm ăn, họ và tên tôi cũng được thay đổi. Năm 1950, tôi bị động viên vào lính. Năm 1951, trên một chiếc xe con bảo vệ quận trưởng có năm người lính. Bất ngờ bị Việt

minh phục kích tấn công, chúng tôi xin hàng. Cả sáu người đều bị bắt, ngày nghỉ nhà dân, đêm đi, nơi đến là trại Kỳ sơn, Nghệ tĩnh. Đến được trại chỉ còn lại hai người, bốn người đã bị đâm chết trên đường vì chậm không theo kịp.

Trong phòng giam người nào cũng xanh xao gầy yếu, ghẻ lở, chấy rận bám đầy đầu và quần áo, chân bị cùm, nằm chật như nệm lại. Hai ngày đầu, tôi không thể nào ngủ được vì nóng, chấy rận tấn công, mặt khác lại lo buồn cuộc sống nghiệt ngã ở nơi đây, không còn hy vọng ngày về. Thật may mắn, tôi mang theo hai lạng cao hổ cốt, khi nhập trại cai ngục giữ lại. Ông giám thị có bố đang ốm nặng, hỏi tôi mua lại hai lạng cao này nhưng tôi đã biếu ông ta để hy vọng một đặc ân nào đó. Nhờ vậy, tôi được làm nhà bếp. Hàng ngày tôi thấy những cái chết rất lạ lùng, chết dễ như chơi. Chẳng hạn, một bữa có mấy miếng thịt trâu cũng làm vài người bỏ mạng. Có gì đâu, thịt trâu dai, răng yếu không nhai được, lại vừa đói, vừa thèm nên nuốt cổ bị tắc thở.

Khu biệt lập, hầu hết bị xiềng chân, tôi không được vào. Cứ vài ba ngày, số tù lại bớt dần đi. Tôi hỏi cán bộ phụ trách nhà bếp thì được trả lời, ban đêm chuyển đi nơi khác. Buổi tối hàng ngày, tôi phải đi lấy thịt lợn cho cai ngục cách xa trại khoảng ba cây số. Một hôm, trên đường về đột nhiên tôi nhìn thấy trên quả đồi xa xa loé sáng và tiếng đạn nổ hàng tràng. Tôi tự trả lời, họ chuyển tù đi nơi khác bằng cách này đây. Từ đó, tôi lưu ý thấy nhiều lần nữa. Sau một thời gian, hiện tượng trên chấm dứt nhưng tù trong trại theo con số của nhà bếp vẫn bớt dần. Một buổi tối khác, bầu trời mây đen bao phủ dưới ánh trăng mờ. Tôi đến nơi lấy thịt thì nhà chủ làm chưa xong. Ông chủ nhà bảo tôi ra cây sung gần đó hái quả.

Tôi đến gốc cây, định trèo lên thì một bàn tay lạnh buốt nắm chân tôi lại. Thần kinh tôi tốt nhưng cũng phải rùng mình. Tôi cúi xuống nhìn thấy một người già, má hóp lại, râu ria lồm xồm, quần áo rách tả tơi, hai chân bị xiềng. Nạn nhân thì thảo:

- Bác ơi, cứu tôi với!
- Tại sao bác ở đây? – Tôi hỏi.
- Họ chôn sống tôi, tôi hất đất ra được và bò đến đây.
- Từ bao giờ?
- Từ đêm hôm qua. Tôi đói lắm, xin bác bát cháo.
- Bác yên tâm nằm đây nhé – Nói xong, tôi quay về nhà chủ nói giả vờ:
- Sung ngon quá. Tôi đang nóng ruột, muốn ăn bát cháo, nhà có không?
- Chỉ còn cơm nguội thôi – Ông chủ trả lời.

Tôi lấy com nguội dùng chày giã cua nghiền ra và lấy nước đang luộc lòng lợn đổ vào khoảng lên thành cháo mang ra gốc cây sung cho nạn nhân ăn. Xúc cho nạn nhân ăn hai thìa, mồ hôi nạn nhân toát ra, mồm thì thảo:

- Ngon quá, tôi cảm ơn bác.
- Quê bác ở đâu?
- Quê ở Hải hậu.
- Họ và tên bác là gì? – Tôi sừng sốt hỏi.
- Bùi phúc Đà... ạt...

Trời ơi đây là bố tôi, người định nói gì nữa thì tắt thở. Tôi thoáng nghĩ, biết làm sao bây giờ? Nếu tôi nhận bố mình, chắc chắn họ thủ tiêu tôi. Tôi liền quỳ xuống lạy người ba lạy và nói:

- Bố tha tội bất hiếu cho con.

Tôi định tháo xiềng cho người, nhưng họ tán chặt quá, muốn tháo phải có đe búa lò rèn. Tôi nấn đầu người lại cho ngay ngắn, vuốt mắt cho người nhắm lại rồi ra về. Tôi hôm sau, tôi đến thì nhà chủ hỏi:

- Tối hôm qua, bác ra gốc sung có thấy gì không?
- Không có gì đâu? – Tôi ra về ngạc nhiên trả lời.
- Đêm qua, một thằng tù nguy hiểm, chân bị xiềng, trốn đến đó bị chết, tôi báo ngay chính quyền địa phương. Sáng nay, họ cho lập biên bản báo trại giam rồi cho chôn nó ngay ở đây, không có quan tài.

Sau ngày ấy, mỗi buổi tôi đi lấy thịt lợn cho cơ quan, tôi lại ra ngồi gốc sung khấn bố tôi nhưng chẳng lần nào có hương hoa. Đến nay đã hai mươi hai năm người vẫn yên nghỉ tại miền rừng núi đầm máu ấy.

Năm 1954, sau ngày hoà bình lập lại, tôi được tha đợt đầu gồm sáu mươi tư người. Lúc công bố lệnh, có bốn người gầy yếu, chỉ còn một nắm xương, mừng quá chết ngay.

Còn lại sáu mươi người ra đến bến ô tô dài khoảng năm cây số, chết thêm mười hai người nữa, thành ra đi từ tám giờ sáng đến tối mới tới nơi. Trên đường đi, người còn khỏe bảo nhau mượn mai, cuốc chôn cất những người xấu số, tất nhiên cũng chẳng có quan tài...

Đến lúc đó, tiếng gà rừng và gà nhà gần xa thi nhau gáy đón chào ánh lê minh. Bác Khu nói tiếp:

- Mọi người chúng ta, ai cũng chịu nổi gian truân hoặc chịu hoặc thấy cảnh đau thương của người khác. Thật là muôn hình, muôn vẻ, nếu ai cũng tường thuật lại những kỷ niệm sâu sắc đáng ghi nhớ trong đời mình phải bao nhiêu ngày tháng mới hết? Nhiều năm qua, tôi tự hỏi, thời đại này giống như thời đại nào trong lịch sử? Và tự trả lời, Tần thủy Hoàng, Neron thời cổ cũng như Staline, Hitler, Mao Trạch Đông là những tên đệ nhất về tàn bạo. Còn thời đại chúng ta đang sống chẳng những thế mà còn đều cáng đệ nhất, bịp bợm phỉnh phờ đệ nhất, đổi trắng thay đen đệ nhất. Quả thực là thời đại có một không hai – thời đại Hồ chí Minh.

Trời đã sáng, tôi xin lỗi các bác, các anh, tạm dừng kể những câu chuyện đau lòng. Chén trà đầu năm ta chúc nhau trong năm mới có nhiều hy vọng. Rồi đây sẽ diễn ra những buổi chia tay, mỗi người về một phương hoặc còn ở lại, có lẽ khó mà tái ngộ để hàn huyên.

* *

*

Lý thuyết đấu tranh giai cấp là xương sống của chế độ Cộng sản, nó không bao giờ từ bỏ. Còn thực thi thứ lý thuyết kích thích thú tính ấy thì làm gì có hoà giải hoà hợp dân tộc thực sự. Thế mà sau hiệp định Paris hàng ngày báo chí và đài phát thanh tuôn ra không ngớt những luận điệu giả nhân, giả nghĩa:

Nhiều điều phủ lấy giá gương,

Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Tình cốt nhục nghĩa đồng bào là trọng, môi hở răng lạnh, máu chảy ruột mềm vv... và vv...

Tôi cười ra nước mắt thương xót đồng bào miền Nam, nhất là hàng ngũ sĩ quan, binh lính Việt nam cộng hoà, họ vẫn nghe, vẫn tin tiếng nói của loài quỷ đỏ. Khi nào họ biết thì đã muộn cũng như hàng triệu người miền Bắc xưa kia khi thấy chúng hiện hình là loài yêu quái đã nằm gọn trong nanh vuốt của chúng. Đường Tăng mắc lừa yêu quái, có Tôn ngộ Không giải thoát, còn người miền Nam mắc lừa Cộng sản thì biết trông cậy vào ai nếu Hoa kỳ bỏ cuộc.

Tất nhiên lịch sử sẽ thay đổi nhưng vài ba thập kỷ đối với lịch sử là ngắn ngủi, còn đối với một đời người thì dài lắm. Đến lúc đó, nếu chúng tôi đã gục ngã gần hết, người còn lại cùng con cháu mình phải mang sổ ra thanh toán cho công bằng, cho sòng phẳng theo đúng luật đời: kẻ chơi guom phải chết vì guom. Tuy nhiên, tôi cũng

ý thức được rằng, lấy máu để rửa máu sẽ không bao giờ sạch, sẽ không bao giờ hết mùi tanh hôi, sẽ hoá thành phân bón cho mầm oán hờn nảy sinh và phát triển.

Cuối mùa hè năm ấy, ông đại tá Lê hữu Qua, cục trưởng quản lý nhà giam đến trại. Nhờ sự có mặt của ông, mỗi thằng tù được mấy miếng thịt trâu. Trước ngày ông đến, bọn cai ngục tấp nập chuẩn bị để đón tiếp vị thủ trưởng của mình: Dọn vệ sinh đường xá phong quang, sạch đẹp, nhà cửa gọn gàng. Một con dê béo nhất đàn được mổ để làm món tái thui, mấy con lợn nặng hàng tạ được làm thịt để giã giò. Chim, gà và các loại gia cầm khác được làm lông không biết bao nhiêu? Ông đến trại có một ngày, từ chiều hôm trước đến trưa hôm sau. Ông đến vì mục đích bí mật gì không ai biết, nhưng bọn cai ngục chuyển lên xe ông đầy ắp thực phẩm, nông sản và lâm sản: bê thui một đùi, giò lụa vài ba chục ký, gà sống thối vài ba chục con, trứng gà vài sọt hàng nghìn quả, đậu xanh hàng tạ, chè hảo hạng vài yến... Người ta bảo mấy chục ông cục trưởng cục công an thì ông cục trưởng cục quản lý nhà giam có nhiều đặc quyền, đặc lợi nhất cũng không ngoa, ông nắm trong tay tính mạng của hàng chục vạn tù. Ông đến trại để thu chiến lợi phẩm từ một cuộc chiến kéo dài hết năm này qua năm khác nhằm vắt kiệt sức những thằng tù, đồng thời đập tan ý thức phản cách mạng của chúng. Một xe hàng chiến lợi phẩm của ông là kết tinh của hàng trăm xe chứa mồ hôi, nước mắt, thậm chí cả máu, thịt, xương của những thằng tù.

Giữa mùa thu, ông giám thị thiếu tá Nguyễn văn Chuân tập hợp tù, nói chuyện vào ngày chủ nhật.

- Có anh hỏi chúng tôi, tại sao đài và báo chí đảng kêu gọi hoà giải, hoà hợp dân tộc mà tù không được tha hết. Tôi xin trả lời, đó là sách lược tuyên truyền của đảng đối với kẻ thù đang cầm vũ khí. Lập trường của cách mạng, không bao giờ người Cộng sản ngồi chung bàn tiệc, bàn trà với kẻ thù. Nếu bọn ngụy miền Nam có hạ vũ khí, cảnh cửa trại tập trung mở rộng để đón chúng. Còn các anh, nếu cải tạo tốt sẽ được tha với điều kiện có lợi cho cách mạng. Tôi nói thẳng, chúng tôi không hoà giải, hoà hợp với các anh.

Gần đây, tôi được nghe báo cáo, một phạm nào đó đã nói, nếu Việt nam có sự kiện như Chi lê sẽ gấp một trăm lần Chi lê. Anh ấy nói đúng, có thể gấp một nghìn lần cũng nên. Chúng tôi biết, đảng càng biết rõ hơn, nhưng cách mạng luôn cảnh giác, sự kiện đó không bao giờ có thể xảy ra. Các anh nên biết, nếu có biến loạn cũng như trước đây nếu địch Bắc tiến cách trại một trăm cây số, chúng tôi có quyền tiêu diệt các anh rồi.

Một vấn đề nữa cũng cần nhắc đến để các anh rõ. Vừa qua ông cục trưởng về thăm trại, một số anh báo cáo việc chúng tôi đối xử với các anh thiếu nhân đạo. Ở đây có một số anh học cao, chắc cũng hiểu định nghĩa: nhà nước là một công cụ của một giai cấp để thống trị các giai cấp khác. Đương nhiên nhà nước của giai cấp vô sản, của đảng Cộng sản phải thống trị, chuyên chính với kẻ thù của mình. Kẻ thù đó, trước mặt chúng tôi là các anh. Người Cộng sản chỉ sợ mất lập trường giai cấp khoan nhượng, thương xót kẻ thù. Ở trại giam để một tên phản cách mạng trốn thoát, chúng tôi có tội với đảng. Ngược lại, thẳng tay trừng trị các anh, chúng tôi chẳng hề gì. Như ở trại Anh thịnh, một thời tôi là đại úy chánh giám thị, có hàng trăm tù bỏ mạng chúng tôi vẫn được đảng tin cậy. Người Cộng sản bảo vệ và bênh vực quyền lợi cho nhau là điều hoàn toàn đúng, không có gì sai với chủ trương của đảng. Quả thật là nhiều anh ở đây còn ngây thơ lắm.

Ông giám thị nói đúng. Những ai đó đã quá ngờ nghệch nên mới báo cáo cuộc sống đói khổ của trại giam với ông cục trưởng. Đã là loài hổ báo thì con nào chẳng biết ăn thịt người, càng to càng hung dữ.

* *

*

Năm 1974, báo chí đăng nhiều lần tin về sự tuyên bố tuyệt thực của bà Ngô bá Thành trong trại giam của chính quyền Sài gòn làm tôi nhớ lại năm 1972 ở trại giam này, có một trung sĩ biệt kích là Phạm ngọc Âm trong chiến đoàn Lôi hổ. Âm phạm kỷ luật, trước toàn trại, cai ngục ra lệnh cùm Âm hai tuần. Âm tuyên bố: “tôi sẽ tuyệt thực để phản đối”. Anh không biết rằng, một người dân thường tuyên bố như anh cũng phải ngồi tù một gông, còn trong nhà giam của Cộng sản, nếu tuyệt thực phải tuyệt luôn cả nước uống. Có gan làm được điều đó để chết cũng là mong muốn của họ. Nếu là người miền Bắc có gia đình, chỉ cần một giấy báo tử đồ vạ cho bệnh tật là xong xuôi, ai biết đến? Thời gian đó, anh đức Ân cũng trong xà lim nói với Âm:

- Cậu còn khờ dại lắm, chưa hiểu gì tàn bạo của Cộng sản. Đang mùa hè, nếu cậu không đủ nghị lực chịu khát sẽ trở thành một trò cười, một nỗi nhục.

Hai ngày sau, Âm đầu hàng vô điều kiện. Tên thiếu úy Vọng, cán bộ giáo dục đến xà lim hỏi Âm:

- Mày có gan tiếp tục tuyệt thực nữa đi? Có phải mày bắt chước kiểu đấu tranh của cái gọi là thế giới tự do không? Nên nhớ là người Cộng sản không khoan

nhượng bất cứ một hình thức đấu tranh nào. Đấu tranh hoặc phản đối chế độ là hành động tự sát.

Nếu bà Ngô bá Thành cũng ở trong trại giam Cộng sản mà tuyên bố tuyệt thực, không biết bà có gan chịu được mấy ngày?

* *

*

Sau khi tha một số, đến tháng tám năm ấy, phần lớn tù phản cách mạng chuyển lên trại Phong Quang. Tháng tư năm 1975, trại Vĩnh Quang chỉ còn lại mười một người, trong số đó có Lê Cần là đặc biệt. Cuộc đời Cần vừa bi vừa hài lẫn lộn, chẳng những thế, vừa đáng thương, vừa hèn hạ, bất nhân. Đầu năm 1955, sau khi đã đi Nam, Cần trở về Hà nội tìm người yêu không thấy, Cần trọ ở khách sạn Đồng lợi ăn chực nằm chờ máy bay vào Nam. Hắn có biết đâu kế hoạch của Cộng sản. Khi hết thời hạn đi lại giữa hai miền, Cần bị bắt vào Hoả lò với tội danh phản quốc. Có thể Cần chỉ là một hạ sĩ quan nhưng hắn lại khai là thiếu tá. Cần bị toà án xử phạt năm năm tù. Năm 1960, Cần bị chuyển sang tập trung cải tạo đến nay đã hai mươi năm tù. Cả thời gian dài đằng đặc ấy, với bản chất hèn hạ và bất nhân, Cần trung thành với bọn cai ngục, hành hạ, ức hiếp tù nhân. Đầu những năm của thập kỷ sáu mươi, tù sợ toán trưởng hơn sợ bọn cai ngục. Toán trưởng như ông vua của một toán tù. “Ông vua” bất nhân như Cần, muốn bịa đặt để hại ai cũng được, chỉ một câu vu oan “nói xấu chế độ” có thể bị cùm đến chết trong xà lim. Người có gia đình tiếp tế, của ngon, vật lạ phải biểu toán trưởng, hắn nhận cho là điều may, từ chối hãy coi chừng, cùm kẹp hoặc các nhục hình khác đến dễ như chơi. Đến nỗi, một giám thị còn chút lương tâm có lần phải thốt lên:

- Chúng tôi không ngờ rằng, trong cái nhà tù này lại có thêm một bộ máy kim kẹp nữa là các anh toán trưởng.

Ở trại Anh thịnh, có lúc tù đang chết đói, Cần làm toán trưởng nhà bếp, ngoài việc đối xử với đồng cảnh tàn nhẫn hơn cai ngục, hàng ngày hắn còn bớt gạo tiêu chuẩn của tù với cái gọi là tiết kiệm, rút ra hàng tấn gạo trả lại bọn cai ngục. Mười hai năm làm toán trưởng, Cần tiếp tay cho bọn cai ngục hành hạ, giết hại nhiều người. Cần đã khai thác mồ hôi, nước mắt và cả máu xương của đồng cảnh để đổi lấy lời khen của bọn cai ngục. Khi nào Cần bị quan với cuộc đời tù tội, thêm khát tự do thì tức khắc hắn được ăn bánh vẽ. Có lần cai ngục tuyên bố tha Cần, sau đó gọi hắn lên văn phòng, cán bộ giáo dục giải thích như sau:

- Hiện nay, anh là người tự do, nhưng có khó khăn là anh không có gia đình ở miền Bắc, vậy tha anh về đâu? Anh hãy lưu lại trại một thời gian, vẫn làm toán trưởng nhưng phải tốt hơn. Chúng tôi sẽ liên hệ với bộ, đưa anh đến một nơi thuận lợi để anh sinh cơ lập nghiệp làm lại cuộc đời.

Cần hân hoan chờ đợi một năm, hai năm... đến gần một chục năm, hân như quả chanh – quả chanh đắng vắt hết nước cho đồng cảnh uống – bị vắt ra bã rác, hân mới tỉnh ngộ, quyết định tha hân chỉ là một màn kịch.

Năm 1973, Cần bị mù. Là chó săn trung thành với chủ không còn tác dụng, hân giả vờ xám hối tội lỗi trước Chúa. Do vậy, hân được các tu sĩ, giáo dân dang cánh tay bao dung, giúp đỡ, chăm sóc. Năm ấy, đang trong giai đoạn đầu thi hành hiệp định Paris, đấu tranh chính trị, hân được đưa về Hà nội chữa mắt. Nhân đây, tôi dám khẳng định với ngài linh mục Nguyễn văn K... rằng, bản chất của Cần không thay đổi, hân chỉ lợi dụng lòng tin và lòng bác ái của ngài.

* *

*

Tổng thống Mỹ Richard Nixon dính líu vào vụ Watergate phải từ chức, tạo ra một cơ hội để Cộng sản cưỡng chiếm miền Nam. Tháng 3 – 1975, chúng xé bỏ hiệp định Paris, mở đầu cuộc tấn công vào Buôn ma Thuột.

Cả tháng tư, tôi trải qua một cơn khủng hoảng về tinh thần như kẻ mất hồn. Nỗi băn khoăn, tia hy vọng nhỏ nhoi cho một nửa đất nước đến nay đã hoàn toàn bị dập tắt. Miền Nam đã rơi vào tay Cộng sản. Từ nay Sài gòn sống trong im lặng, không còn những cuộc biểu tình sôi động như xưa, nhưng không phải im lặng trong thanh bình, mà là im lìm, ngột ngạt dưới ách thống trị tàn bạo của Cộng sản. Những con chim họa mi Khánh Ly, Lệ Thu, Giao Linh... cũng từ nay ngừng hót trong các đài phát thanh và nhà hát ở các đô thị miền Nam. Thay vào đó là những bài ca cách mạng hùng hực chí căm thù và chiến thắng.

Trong lúc này, ông Nguyễn văn Thiệu ở hải ngoại, ông nghĩ gì về sự thất bại nhục nhã của quân đội chính phủ do ông làm tổng thống? Ai cũng biết, trước khi rời nhiệm sở, ông đã không tiếc lời nguyên rủa Mỹ đã bán đứng miền Nam cho Cộng sản. Nhưng sự sụp đổ của chính phủ Việt nam cộng hoà do nhiều nguyên nhân khác nữa, Mỹ bỏ cuộc chiến chỉ là điều kiện làm cho quân đội ông thất bại nhanh chóng mà thôi.

Ở miền Bắc, một đứa trẻ lên ba đã bi bô “bác Hồ kính yêu”, lên sáu tuổi đã biết căm thù “giặc Mỹ xâm lược”. Từ lũ trẻ ở trường mẫu giáo đến các trường trung học,

đại học, từ báo chí đài phát thanh đến văn học nghệ thuật, từ các tổ dân phố, xí nghiệp, nhà máy, công nông trường, bệnh viện, từ hải đảo xa xôi đến các vùng rừng núi hẻo lánh, ngày đêm họ không ngừng tuyên truyền bịp bợm và xuyên tạc. Người dân miền Bắc vốn đã không biết thế nào là nhân quyền, họ cam phận nghèo đói, mất tự do như một bản năng thì sự tuyên truyền của Cộng sản đã thấm vào máu thịt của nhiều người. Họ tin tưởng và sợ đảng hơn con chiên ngoan đạo kính chúa. Mấy ai trông thấy ma quỷ nhưng người nào cũng sợ, đó là truyền thuyết lâu đời. Người miền Bắc chưa một ngày sống dưới chế độ Tư bản nhưng qua sự tuyên truyền xảo quyệt, tinh vi, đổi trắng thay đen mấy chục năm, họ sợ chế độ Tư bản hơn sợ quỷ. Có người coi lính Mỹ ăn cả thịt người. Một bầu không khí chính trị bị đầu độc cực kỳ nghiêm trọng chưa từng thấy trong lịch sử.

Trong khi đó ở miền Nam, qua sự quảng cáo tuyệt vời, người dân coi chủ nghĩa Cộng sản là ước mơ của họ, là cái bánh thơm ngon, mới mẻ, đầy hấp dẫn hợp với khẩu vị tưởng tượng của họ hơn mọi loại bánh có từ trước đến nay.

Ngoài ra, nhiều người quan niệm rằng, cuộc chiến này giữa Mỹ và Cộng sản, không can dự và ảnh hưởng gì đến họ.

Nó làm cho guồng máy tâm lý chiến của ông vốn ngây thơ, ngờ nghệch trở nên vô hiệu. Nó dẫn chính phủ ông và chính phủ Hoa kỳ thất bại về mặt ngoại giao. Không kể đến thường dân và binh lính, ngay các tướng lĩnh và sĩ quan nhiều người không hoặc chưa hiểu được bản chất nham hiểm của Cộng sản. Một thầy thuốc không biết bệnh gì thì chữa làm sao cho khỏi bệnh? Một đoàn quân không biết bản chất và mưu đồ của kẻ thù thì làm sao có sự đồng tâm, hiệp lực để chiến đấu và chiến thắng? Cộng sản như bóng ma lúc hiện, lúc ẩn làm cho sức mạnh quân sự của Hoa kỳ giống như võ sĩ siêu nặng đắm vào bị bông hoặc đắm xuống nước, buộc người đồng minh Hoa kỳ phải bỏ cuộc chiến. Nếu chiến binh Việt nam cộng hoà chỉ hiểu một điều đơn giản là hạ vũ khí đầu hàng vô điều kiện, Cộng sản sẽ không tha tội, phải lần lượt vào các trại tập trung tẩy não, một điều đơn giản đó thôi, chắc chắn tình hình đã thay đổi. Không thể diễn ra một sự kiện hiếm thấy trong lịch sử chiến tranh: hàng triệu quân được trang bị hiện đại không dám chống lại kẻ thù mà tháo chạy như vịt và đầu hàng. Nếu mọi trận chiến đấu đều như tử Xuân lộc do chuẩn tướng Lê minh Đảo chỉ huy thì Cộng sản không dễ dàng gì chiếm được miền Nam.

Một sự kiện nữa cũng cần nhắc tới, cái gọi là phong trào các đô thị miền nam nghĩa là những cuộc biểu tình chống chính phủ của nhân dân, sinh viên và tín đồ các giáo phái... Chắc ông hiểu rằng những hành động đó đều do Cộng sản tổ chức và xúi

giục, khác với các cuộc biểu tình, bãi công phản đối vì mục đích kinh tế ở các nước Phương tây. Mặc dù người dân bị mê hoặc, tại sao ông để họ ủng hộ Cộng sản dễ dàng như điếu hành, dạo chơi mà không bị trừng phạt? Tại sao ông không ra lệnh ngăn chặn những hành động đó bằng đại bác và súng máy? Đất nước đang có chiến tranh như võ sĩ lên võ đài, quyết định thắng bại phải do những nắm đấm, không thể áp dụng nền dân chủ kiểu phương tây trong giai đoạn đó.

Chưa kể đến thời kỳ 1955 – 1965, không biết đoàn kết lại để chống kẻ thù nguy hiểm, các phe phái chống nhau, nay đảo chính, mai lật đổ, tự mình làm suy yếu mình vì tranh giành địa vị. Trong giai đoạn này phải nói đến một sai lầm hết sức nghiêm trọng của ông Ngô đình Diệm về cái gọi là độc lập quốc gia. Nếu ông ta biết Hà nội chỉ là tay sai của phong trào Cộng sản quốc tế phát động chiến tranh nhằm Cộng sản hoá miền Nam thì tại sao ông lại không muốn sự hiện diện của quân đội đồng minh. Chính quyền của ông ta làm cách nào để chống lại cả phe Cộng sản?

Đồng minh lớn của chính quyền ông ta là Hoa kỳ, về chiến lược và chiến thuật, họ cũng mắc những sai lầm nghiêm trọng trong cuộc chiến ở cả hai miền.

Để xâm lược nam Triều tiên, không còn đường nào khác, quân đội của Kim nhật Thành phải tấn công qua vĩ tuyến 38. Còn cuộc chiến tranh xâm lược của Cộng sản Bắc Việt nam vào miền Nam lại khác. Sau hiệp định Geneva, Cộng sản để lại những cán bộ nằm vùng, đưa quân đội theo đường mòn Hồ chí Minh, dùng Campuchia và Lào làm căn cứ địa để xâm nhập vào miền Nam, tạo cho chúng một công cụ tuyên truyền “ở đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh”. Tại sao quân đội Mỹ và đồng minh không vượt biên giới các nước đó để tiêu diệt kẻ thù ngay trong sào huyệt của chúng? Cuộc chiến tranh bằng không quân ra miền Bắc, ngoài chiến lược sai lầm “leo thang từng bước” của tổng thống Johnson, nói chung biện pháp chiến tranh của Mỹ vẫn dè dặt, cầm chừng. Phải trả một giá rất đắt mà Mỹ không thực hiện được bao nhiêu trong mục đích làm rối loạn hậu phương của kẻ thù.

Tháng 4 – 1975, thời gian Cộng sản tổng tấn công miền Nam là cơ hội Mỹ giành thắng lợi mau chóng nhất nếu họ tiếp tục tham chiến. Tại sao? Cộng sản vừa đánh vừa nghe ngóng sự phản ứng của Mỹ nên thời gian cưỡng chiếm miền Nam mới kéo dài gần hai tháng. Chúng lo sợ một sự kiện diễn ra giống như ở Triều tiên.

Từ năm 1965 đến năm 1972, Mỹ và đồng minh phải đi tìm và diệt quân chủ lực của kẻ thù trong rừng rậm không thu được mấy hiệu quả thì tháng 4 – 1975, chiến xa, thiết giáp và quân chủ lực của chúng đã xuất hiện phần lớn trong các đô thị miền Nam, Mỹ chỉ cần dùng hỏa lực cực mạnh để bẻ gãy xương sống của kẻ thù.

Đồng thời ở miền Bắc sự phòng thủ của Cộng sản rất yếu ớt vì đại bộ phận quân chính quy đã đưa vào Nam, còn lại chủ yếu là dân quân tự vệ. Xã hội miền Bắc từ năm 1974 không còn ổn định nữa. Nông dân bất mãn vì đời sống đói khổ trong các hợp tác xã nông nghiệp, nhất là giáo dân bị đàn áp thô bạo, đại đa số tu sĩ và con chiên ngoan đạo phải vào trại tập trung. Nhiều thanh niên khi bị bắt lính đã trốn tránh để ngồi tù. Ngay ở Hà nội, vấn đề an ninh không còn được giữ vững, nhà văn Nguyễn Khải viết một bài về thủ đô đăng trên báo nhân dân, đã phải thốt lên: "... Tôi đã trót nhận viết cho tờ báo đảng...". Mặt khác, quan hệ Việt – Trung từ năm 1972 đã có nhiều mâu thuẫn, nhiều người Việt gốc Hoa phải đi tù, nhiều bài xã luận đăng trên báo nhân dân, quân đội nhân dân, Hà nội đã ám chỉ công kích Bắc kinh. Hơn nữa quan hệ Mỹ – Trung trong thời điểm đó đã được cải thiện. Trước thời cơ thuận lợi đó, tại sao Mỹ không chiếm một vùng đồng bằng sông Hồng, tạo điều kiện bắt Cộng sản phải triệt thoái hoàn toàn ở miền Nam. Nếu làm được như vậy, trong một thời gian ngắn với chi phí đồ thêm vào cuộc chiến không lớn, Mỹ trở thành kẻ chiến thắng.

Cũng phải nói thêm rằng, Mỹ bỏ miền Nam gây ra tâm trạng hoảng loạn trong quân đội của ông, dẫn đến thất bại vô cùng mau chóng và nhục nhã. Tôi không ngờ rằng, trong lúc miền Bắc rệu rã thì miền Nam lại nát bét hơn.

Phải bỏ miền Nam là nỗi nhục lớn nhất của Hoa kỳ trong hai trăm năm dựng nước. Nỗi nhục này còn kéo dài. Là một siêu cường về kinh tế và quân sự, bao nhiêu năm nữa Mỹ mới xóa được hội chứng Việt nam (Vietnam syndrom)

Khi Sài gòn sắp thất thủ, báo chí phương Tây đưa tin sẽ xảy ra cuộc tắm máu ở miền Nam. Qua đó tôi cho rằng, phương Tây chưa hiểu cách giết người tàn khốc của Cộng sản sau cải cách ruộng đất. Cộng sản chỉ tàn sát đầm máu những người chống lại hoặc cản đường chúng còn đoàn quân bạc nhược, mất hết tinh thần, Cộng sản sẽ không gây ra cuộc tắm máu, chúng biến đoàn quân ấy thành bầy nô lệ làm ra của cải để không mang tiếng với thế giới là tàn bạo. Để máu của từng người lính, sĩ quan cộng hoà rỉ dần trong các vùng rừng núi, nếu có biến động gì, cho bầy nô lệ ấy lặng lẽ yên nghỉ trong rừng sâu rồi đổ lỗi cho bệnh tật là êm đẹp. Phương tây cần biết rằng, đối với thế giới, quỷ đồ Việt nam luôn đóng vai những vị thánh sống giả nhân, giả nghĩa.

* *

*

Đầu tháng bảy năm ấy, chị Hoa và đứa con thứ hai của chị – cháu Biển đến thăm tôi. Đối với một người đa sầu đa cảm, mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ, cuộc đời triền miên

bị đầy đoạ, mỗi lần được gặp người thân quả là một phần thưởng tinh thần vô giá. Tinh thần tôi đang suy sụp như đứng chơi voi trong vũ trụ bao la không điểm tựa, việc đến thăm của chị và cháu mang lại cho tôi một nguồn sinh lực, một nguồn tình cảm. Tôi ghi nhận, đó là một công ơn. Tuy nhiên, tôi biết chị thương em không phải xuất phát từ lương tâm, ý thức bền vững “máu chảy ruột rà” mà theo cảm hứng xuất hiện một thời điểm nào đó rồi chợt tắt.

Cũng trong thời gian ấy, còn lại năm tù cách mạng, cai ngục chuyển sang toán chăn nuôi. Từ khi đó, chúng tôi đi làm không có vũ trang quản chế. Về toán này, tôi gặp lại Tạ Cung làm cùng toán xây dựng với tôi trên trại Anh thịnh. Cuộc đời Cung là một chuỗi ngày đắng cay nối tiếp nhau. Năm 1951, Cung lên mười tuổi, cả nhà gồm bố mẹ, anh chị em bị một quả bom rơi trúng hầm trú ẩn. Riêng Cung đến chơi nhà bà ngoại nên thoát chết. Năm sau, bà ngoại mắc bệnh qua đời, Cung phải sống nhờ gia đình cậu, anh bị mợ đối xử tàn nhẫn. Do vậy năm 1953, Cung lên Hà nội bán báo kiếm ăn, ngày làm việc, đêm ngủ nhờ hè phố. Năm 1955, Cung bị bắt vào Hoả lò và sau đó đưa đến trại giáo dưỡng. Lúc đầu, Cung xác định tuy mất tự do, đói khổ nhưng là chỗ dung thân trong giai đoạn anh chưa đến tuổi trưởng thành. Những năm tháng gian nan cầm cố cứ kéo dài ra mãi, ngoài hai mươi tuổi, Cung nhận thấy tương lai cuộc đời mờ mịt, anh chán chường, ù lì, cả ngày chẳng nói một lời. Quản giáo toán tên nào cũng ghét anh, bởi vì Cung chẳng muốn làm gì nữa. Vì lẽ đó, Cung đã nếm nhiều hình phạt khắc nghiệt của trại giam.

Một hôm cả buổi sáng Cung chỉ chơi, đến trưa tù về trại ăn cơm, riêng Cung, quản giáo giữ lại, bắt làm. Hấn nói:

- Anh muốn về trại ăn cơm phải bào cả buổi trưa nay.

Cung chẳng nói năng gì, quét cầu bào rồi nằm nghỉ. Tên quản giáo lòng lộn quát:

- Anh không chịu cải tạo, muốn vào xà lim à?

- Tội tôi không cải tạo được. Đời thuở nào lại có tội vô gia cư? Tội ấy phải tù đến bao giờ? Còn xà lim, ông đừng dọa, tôi cũng quen rồi. Nếu bây giờ ông ra lệnh phải vào xà lim, tôi xin chấp hành ngay. Trưa nay ông không cho tôi về trại ăn cơm cũng chẳng can gì, để tối hoặc ngày mai ăn cũng được. Đôi khi muốn có một bữa no, tôi phải nhịn ăn hai ngày liền.

Tên quản giáo này mới bước vào nghề làm cai ngục. Những buổi trưa, hấn phải ra rừng, đứng trước cây chuối, tay chỉ trỏ, miệng la hét. Hấn coi cây chuối là đối tượng

của mình để tập sự. Trưa hôm ấy, trước thái độ cứng rắn của Cung dồn hẳn đến chỗ phải nhượng bộ:

- Hôm nay tôi tạm tha anh, cho về trại.
- Tôi xin ông, đã hơn một chục năm, chẳng khi nào về mùa hè tôi được nằm mát buổi trưa thế này, ông cho tôi nghỉ ở đây đến chiều làm luôn.

Tên quản giáo và Cung lời qua, tiếng lại mãi, anh mới về trại.

Sau mười lăm năm tù, Cung được tha ra nông trường làm việc. Cuộc sống mới đối với Cung cũng chỉ là đám mây đen. Người cùng làm việc luôn mặt sát, chế giễu anh là thằng lưu manh. Cung làm đơn gửi ban giám đốc nông trường xin giải quyết nhưng không ai chú ý đến lời kêu cứu của một đứa dân đen. Cuối cùng, để bảo vệ thể diện, Cung đã đánh nhau. Ở nông trường được sáu tháng, Cung lại vào tù với tội danh chưa chịu cải tạo thói xấu, gây rối trị an.

Cung nói với Cần:

- Anh đã hai mươi năm tù, tôi có kém gì anh! Tôi phạm tội vô gia cư, anh đáng tội hơn tôi là xỏ nhảm giầy. Đã đi rồi còn quay lại để đâm đầu vào hang sói, như thế anh còn mắc tội ngu. Trong nhà tù, anh hoá thành thằng hèn, từ hèn dẫn đến tâm hồn lưu manh hoá, bất nhân.
- Cậu cứ bảo tớ là một thằng tướng cướp cũng được – Cần nói.
- Thế thì đề cao anh quá. Anh làm gì được cái vinh hạnh mang danh một tên tướng cướp. Bởi vì tướng cướp chỉ tàn bạo và gây tội ác chứ nó không hèn.

Tôi hỏi Cung:

- Anh có biết chuyện thằng Đồng và thằng Chí thế nào không?
- Tôi biết rõ – Cung trả lời.
- Nghe thằng Thuởng ở giáo dưỡng bên Anh thịnh, nó bảo chuyện đó li kỳ lắm phải không?
- Với xã hội hiện nay thì chuyện đó cũng thường thôi. Tôi kể qua cho anh nghe nhé. Một ông giám đốc có tên là Tình, vợ chết sớm, lấy một người vợ kế vừa trẻ vừa đẹp. Hai đứa con riêng của ông ấy là Đồng và Chí hơn kém nhau một tuổi, hai đứa đều là đảng viên và cán bộ, cưới vợ cùng một năm. Thành ra, ba bố con có vợ sà sà nhau. Hai cô con dâu tham tiền, chài và làm tình với bố chồng. Còn dì ghẻ lại thèm của lạ với thanh niên nên làm tình với hai con riêng của chồng. Khi sự việc vỡ lở, ông Tình có quyền chức cao hơn, đưa hai

con trai đi tù với tội cưỡng dâm dì ghê. Hai đứa trong tù lúc đầu thân nhau lắm, sau một thời gian hai đứa cùng nhận được thư của vợ đòi li dị và tố cáo lẫn nhau: anh là nhân tình của vợ em và ngược lại. Từ đó hai đứa cắn xé nhau khốc liệt. Em chém anh gãy một đẽ xương sườn. Khi anh điều trị lành lại chém vào tay em. Đồng và Chí còn nói, khi được về sẽ hỏi tội bố theo luật giang hồ. Tóm lại, đó là một gia đình loạn luân theo cách quần hôn thời nguyên thủy và trở nên cảnh phụ tử, huynh đệ tương tàn. Xã hội này vẫn còn chán vạn chuyện ghê tởm hơn nhiều, tuy nhiên chuyện này thể hiện đầy đủ tính cách của tình đồng chí, hợp với văn thơ của ông Tố Hữu: “Rồi mai đây tất cả sẽ là chung”

Ngừng vài giây, Cung tỏ vẻ buồn rầu nói tiếp:

- Tôi biết bên các anh có ác cảm hoặc thành kiến với những tù nhân mang số chẵn, cho rằng họ không còn nhân phẩm nữa. Đánh rằng ý nghĩ đó không sai, bởi vì những tội phạm giết người, cướp của, hiếp dâm, lừa đảo, trộm cắp... đều mang số chẵn. Nhưng các anh có hiểu rằng những số phận bất hạnh nhất của xã hội này cũng là những người mang số chẵn hay không? Như tôi chẳng hạn, chiến tranh đã cướp đi tính mạng của những thân nhân trong gia đình, tôi trở thành đứa con cô cút không nơi nương tựa, không được học hành, ngày kiếm sống ở đầu đường, xó chợ, đêm trú ngụ tại hè phố, gầm cầu. Từ cảnh đau thương cơ nhục ấy là cái tội dẫn tôi đến cuộc sống tù đầy đã hai chục năm và không biết còn tiếp diễn đến bao giờ? Ấy thế mà tôi còn một điều may mắn anh Tâm ạ. Điều may đó là tôi vẫn còn tỉnh táo để cảm nhận nỗi đau của mình và những người đồng cảnh. Bi thương hơn cả là những người đã, đang chịu nỗi đau, cơ nhục mà không còn cảm nhận gì ngoài những bản năng của một sinh vật để tồn tại. Anh còn nhớ thằng Hiệu ở trại Anh thịnh không?
- Còn nhớ chứ – Tôi trả lời.
- Tôi chắc nhiều người biết và nhớ thằng mắc bệnh tâm thần ấy nhưng nguyên nhân nào đã xô đẩy nó đến cuộc sống man dại, mất vệ sinh có thể hơn cả người nguyên thủy thì ít ai tường. Tôi cũng kể qua về nó cho anh nghe nhé.

Bố mẹ thằng Hiệu khi lấy nhau rất nghèo, ngoài gian nhà tranh vách đất, không có một tấc đất cắm dùi. Được cả vợ lẫn chồng đều tham công, tiếc việc, thức khuya, dậy sớm, ăn sên để dành. Cả đời bố mẹ nó không dám bỏ tiền ra ăn một bát phở, thậm chí khi đi chợ mua sắm một thứ gì, có khát nước cũng không dám uống một bát chè

tươi. Thị trấn Đức thọ cách nhà nó không xa mà bố mẹ nó chưa bao giờ đến vì sợ mất thì giờ làm việc. Nhờ vậy mà bố mẹ Hiệu xây được một ngôi nhà ngói và mua được một mẫu ruộng. Ngược lại, có một cặp vợ chồng được thừa hưởng một tài sản của ông cha rất khá: nhà cao, cửa rộng, vườn trên, ao dưới, tư điền vài ba mẫu. Nhưng cặp vợ chồng này chỉ muốn ăn ngon, lười biếng, bán dần tài sản để tiêu xài. Đến năm 1953 chỉ còn lại một túp lều tranh, vách nát. Thật trớ trêu vì thiên hạ đòi hỏi, hỏi cải cách gia đình này thuộc thành phần cơ bản cổ nông và cả hai vợ chồng đều là cốt cán. Còn gia đình thằng Hiệu bị quy lên địa chủ, tài sản bị trưng thu, đội chỉ cho lại gia đình nó một gian nhà tranh, tường đất trước kia vừa là bếp, vừa là chuồng lợn. Ngôi nhà ngói chia cho hai gia đình cổ nông, trong đó có cặp vợ chồng ăn hoang, lười biếng ấy. Thằng Chí là đứa con của chúng, nhiều tuổi và lớn hơn thằng Hiệu. Khi dọn nhà đến ở một ngày, Chí quát bảo Hiệu:

- Hiệu! Từ nay, mỗi lần thấy tao, mày phải nói, chào ông nông dân ạ.

Không chịu nổi, Hiệu phản ứng lại:

- Mày còn trẻ con như tao, việc gì tao phải chào mày?

Thế là Chí chạy lại đánh Hiệu học máu mồm, máu mũi ra. Hiệu chạy vào nhà, bố mẹ nó khóc và khuyên:

- Con hãy gắng chịu, lúc này nó đánh con chết cũng được nữa là...

Hiệu chạy sang nhà nhà Chí, nói với bố mẹ thằng này, cả hai đều mắng, đuổi Hiệu về. Một sự ngẫu trùng quái ác: bố Chí tên là Hồ. Bực quá, Hiệu chạy ra sân chửi lại. Nếu chửi riêng rẽ từng người một thì không nguy hiểm mấy. Khốn nỗi, tên vị cha già dân tộc từ trẻ thơ đến người lớn cũng thuộc lòng như một phản xạ vô điều kiện, thằng Hiệu vô ý buột mồm ra:

- Cả lũ Hồ chí Minh mất dạy!

Lão Hồ chạy ra tóm cổ Hiệu đập đầu xuống sân gạch, Hiệu bị ngất lịm. Bố mẹ nó từ trong nhà nhìn ra vừa khóc vừa van xin. Ngay khi đó, có một cán bộ đội đến, Lão Hồ kể lại sự việc, tên cán bộ nói:

- Đây là hành động chống phá cải cách, lăng mạ lãnh tụ của địch, đồng chí bắt ngay tên Hiệu giam lại.

Theo lệnh, lão Hồ xách Hiệu ra trụ sở đội trói gò cánh khuỷu lại trong lúc Hiệu vẫn hôn mê. Từ chiều đến tối, Hiệu tỉnh lại thì tên đội trưởng quát:

- Mày phải nhận tên Trù (bố Hiệu) đã xúi giục mày chửi bác, chống phá chính sách cải cách của đảng.

Hiệu một mực van xin:

- Thưa ông đội, không ai xúi con cả, con vô ý nói thế thôi, con lạy đội tha cho.

Tên đội trưởng ra lệnh trói Hiệu treo lưng lẳng trên xó nhà suốt đêm. Sáng hôm sau, bố Hiệu bị bắt, bị bức cung bằng nhiều biện pháp tra tấn dã man liên tục, không cho ăn uống gì, sau ba ngày ông tắt thở thì đội tha Hiệu. Nó mắc bệnh tâm thần từ đó. Trước cảnh đau thương ấy, mẹ Hiệu thất cổ tự tử. Và cũng từ dạo đó Hiệu đi lang thang. Lúc đầu nó đi sang các làng bên, may có nhiều giáo dân thương người, cho nó ăn uống tử tế. Bệnh tâm thần mỗi ngày một nặng thêm, dần dà Hiệu đi không biết đường về nữa, nó cứ đi, đi mãi. Khi đói, Hiệu nhặt mọi thứ ăn được cho vào mồm: rau sống, quả xanh, ngô khoai sống, ếch nhái v... Khi khát, vớ được nước gì Hiệu cũng uống: sông, hồ, ao, rãnh, vũng trâu tắm... Khi mệt Hiệu ngủ và vạ vật bất cứ chỗ nào: vệ đường, dưới gốc cây, bụi rậm...

Một xã hội thối nát nhưng luôn được tô son, trát phấn bề ngoài, ai cho phép Hiệu sống lang thang man dại làm ảnh hưởng đến cảnh quan mỹ miều của xã hội này? Tất nhiên những người như Hiệu phải tập trung lại một nơi với cái tên đượm lòng từ thiện: “trại giáo dưỡng”. Trời đất hỡi, chỉ có chúng tôi và may ra thượng đế mới thấu hiểu nơi gọi là giáo dưỡng con người ấy cũng tàn bạo và man rợ đến nhường nào, cũng giống như mọi nhà tù hà khắc khác không hơn, không kém.

Anh thử nghĩ xem, những cuộc hành quyết người tập thể của Staline hay lò thiêu người của Hiller tuy khủng khiếp nhưng không bi thảm như cuộc đời thằng Hiệu. Nếu cứ ngồi mà kể lại những truyện đau thương, ghê tởm của thời đại, và trường thọ đến hai ba trăm cũng không sao kể xiết.

Cung hỏi thêm:

- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, có toà án Luxemburg xét xử những tên tội phạm, liệu sau này có toà án xử lũ vô thần đã gây thảm họa cho dân tộc mấy chục năm qua không?

Tôi trả lời:

- Chiến tranh thứ hai kéo dài sáu năm làm khoảng sáu mươi triệu người thiệt mạng. Còn chủ nghĩa Cộng sản sinh ra và tồn tại hơn nửa thế kỷ qua làm khoảng một phần ba nhân loại lầm than, cơ cực, hàng trăm triệu người thiệt mạng hoặc bị tù đầy nghiệt ngã. Chẳng những thế, nếp sống đạo đức, văn hoá

của nhiều dân tộc bị suy đồi và đảo lộn. Phát xít và Cộng sản là hai anh em ruột của loài quỷ sứ. Phát xít gây tội ác bằng những cuộc chiến tranh đẫm máu với nước khác, bộ mặt tàn bạo của chúng sớm bị lộ nguyên hình, nên nhân loại hiệp sức lại tiêu diệt chúng. Còn Cộng sản với cái gọi là đấu tranh giai cấp chúng chỉ gây tội ác với người cùng dân tộc, cùng quốc gia. Tội ác của chúng lại được ngụy trang bằng guồng máy tuyên truyền bịp bợm không lồ, trong đó chúng vẽ ra một viễn cảnh huy hoàng, cái thiên đường trên cõi thế, làm cho quảng đại quần chúng của những nước lạc hậu vừa cuồng tín, vừa hoảng sợ, không phân biệt được giữa chân lý và sai lầm, giữa cái ác và cái thiện, tạo cho chúng một cơ hội trường tồn gấp nhiều lần phát xít. Tôi cho rằng, mai sau để chứng minh công lý thắng bạo tàn, nhân loại phải thành lập một toà án xét xử những kẻ đã gây ra tội ác khủng khiếp nhất trong lịch sử. Chúng ta cứ tạm đặt tên là toà án quốc tế Kremly.

- Sau này sự kiện ấy diễn ra, nếu mình còn sống, anh có ước vọng gì? – Cung hỏi.
- Tổ quốc mình máu đã nhuộm đỏ đất, tôi không muốn cảnh máu chảy, đầu rơi thêm nữa. Tôi hằng mong ước con người hãy khu xử với nhau bằng lòng khoan dung, độ lượng, gạt bỏ mọi oán thù. Bởi vì dùng một biện pháp tàn bạo để thanh toán một thể lực bạo tàn khi nó đã suy tàn không phải là cái đẹp của nhân bản trong một xã hội văn minh.

Trong toán chăn nuôi có mười hai người đi làm tự giác, hai người phạm tội tham ô, ở tù đã lâu, được giảm án sắp về.

Một người phạm tội giết người – Anh Trương văn Hội tuổi khoảng bốn mươi. Sáu tháng trước, anh còn là một đại úy bộ đội hậu cần. Một hôm anh đi công tác về khuya, đến nhà lúc một giờ đêm. Đèn vẫn sáng, vợ anh chưa đi ngủ, tóc rối tung, quần áo tả tơi, đang ngồi khóc tẩm tức. Anh hỏi vợ đến lần thứ ba, vợ anh mới trả lời, chị vừa khóc, vừa kể lại: Trên đường đi làm về, em đến chợ xanh thì mưa nặng hạt, đường vắng ngắt, không ai qua lại. Ngược chiều, một lũ trẻ tuổi khoảng mười bảy, mười tám, chúng chặn em lại cướp giật xe và kéo em vào quán nước vắng chủ, tối tăm. Chúng trói em lại và nhét giẻ vào mồm rồi thay phiên nhau hiếp. Đứa thứ sáu, có lẽ vừa đến, em nhận ra tiếng nó:

- Trâu chậm uống nước đục, chúng mày cho tao cái xái năm vậy. Đúng là thằng Sơn, nhục quá anh ơi, đúng là con mình rồi. Em cố hết sức, cựa tuột

dây trói và cào vào mặt nó. Hành động xong, chúng bỏ đi, một mình em thất thểu đi bộ về nhà.

Nghe vợ kể lại, ông đại uý run lên như lên cơn sốt. Ông định đi tìm con thì thằng Sơn dẫn xác về nhà, vết cào của mẹ trên mặt máu còn dính. Anh trói con vào song cửa, đóng vai quan toà:

- Mày biết mẹ mày tối nay thế nào không?
- Thừa bố, con không biết.

Anh bắt con cung khai hết tội của đồng bọn, anh ghi lại ra trình đồn và tuyên bố:

- Các đồng chí đi bắt ngay đồng bọn, còn thằng Sơn, tôi tự xử.

Về nhà mặc những lời van xin của vợ, đứng trước mặt con, anh tuyên phạt con án tử hình và bắn hai viên đạn súng ngắn vào thái dương con. Anh bị toà án phạt mười năm tù.

Người thứ hai, phạm tội làm nhục cô giáo đang giờ lên lớp – Nguyễn văn Lợi, mười bảy tuổi. Được nuông chiều, Lợi ăn chơi lêu lổng. Cây bố có quyền hành, Lợi chẳng coi ai ra gì. Có lần hấn hiếp một bé gái mười ba tuổi, nhiều người biết, bố mẹ em phần uất, muốn làm đơn tố cáo nhưng sợ đùa với lửa chẳng ai dám làm nhân chứng.

Lợi đang học lớp mười. Một cô giáo toán mới chuyển về trường, ngoài hai mươi tuổi, rất xinh. Lợi cùng bọn mất dạy bàn chuyện gẫu:

- Cô giáo đẹp, chắc cái ấy của cô cũng hấp dẫn lắm đấy?
- Nếu được nhìn thấy, nhịn ăn một tuần để tưởng tượng cũng không thấy đói.
- Chúng mày có thách tao không? – Lợi nói – Tao sẽ cho cả lớp xem, chỉ một châu bia thôi.
- Chúng tao đồ mày đấy.
- Xin cam đoan – Lợi bắt tay đồng bọn nhận lời thách thức.

Đến tiết toán, có một bài phương trình lượng giác, Lợi xung phong lên bảng giải. Cô giáo mỉm cười nói:

- Hôm nay, Lợi tiến bộ nhỉ, thật lạ lùng!

Nhưng công thức lượng giác không nhớ, Lợi lúng túng, mặt cứ nghệt ra làm cả lớp cười ầm lên. Cô giáo quay bảo học sinh trật tự thì bất ngờ Lợi móc tay vào cạp quần cô giáo kéo mạnh làm cả quần ngoài và quần lót của cô tụt xuống quá đầu gối, cô

vội ngồi xuống nền nhà và hô hoán. Trước công luận của một trường trung học, Lợi bị bắt và xử mười tám tháng tù.

Đây mới là con ông thiếu tá công an, các quan cách mạng, quyền chức càng cao, chẳng những bản thân mà con cái cũng tha hồ sống vô kỷ cương, tung hoành ngoài vòng pháp luật. Tôi được biết, đại đa số con cái các ông to đều sống ngoài kỷ cương như vậy mà cảnh sát, công cụ của nền chuyên chính cũng đành phải bó tay.

Còn lại tám người mắc tội hiếp dâm, tôi kể qua vài ba tội phạm.

Hà mạnh Tước ngoài năm mươi tuổi. Cuối năm 1974, Tước còn là trưởng phòng cấp bộ: vợ Tước ở quê cùng ba con gái lớn: hai mươi hai, hai mươi và mười tám tuổi, chưa ai có chồng nhưng đều có người yêu. Bà vợ nghe nhiều lời đồn đại về hiện tượng dâm ô của đức ông chồng, bảo con gái cả lên hầu hạ bố, đồng thời giám sát hành vi bất lương của Tước. Hấn nói với con:

- Mày lên đây sống với tao là thoát khỏi cảnh chân lấm tay bùn, được ở giữa thủ đô văn minh, tràn đầy ánh sáng. Chẳng những thế, mày không phải con một thường dân, mày sẽ có một tương lai huy hoàng với một thằng chồng là cán bộ. Nếu đã trót yêu thằng nào ở quê hãy cắt đứt ngay, mày vương vấn gì với cái xứ quê nhọc nhằn, khổ sở. Sau khi làm công tác tư tưởng, con gái hấn khắp khời mừng thầm thì Tước cưỡng bức con làm tình với hấn như một cặp vợ chồng. Đến khi con gái có mang, Tước vội gả con cho một nhân viên cùng phòng. Tuy nhiên, ai được là rể ông trưởng phòng cấp bộ là một điều vinh hạnh.

Đứa con gái thứ hai cũng diễn ra tương tự nhưng đến đứa thứ ba trung thành với người yêu, chống lại quyết liệt trò loạn luân của bố. Cô ta tường thuật lại đầu đuôi với mẹ, hai chị biết chuyện em cũng than phiền tình cảnh của mình. Vợ Tước nổi cơn tam bành, làm đơn tố cáo chồng với cơ quan của Tước. Cơ quan chỉ kiểm điểm Tước. Nhiều ý kiến cho rằng: “Đồng chí Tước tận trung với đảng, một tấm gương sáng của cơ quan về đạo đức cách mạng, không thể vì những sai sót trong gia đình mà phủ nhận công lao của đồng chí”. Nhưng bà vợ có người anh họ chức quyền cao hơn Tước, đã tố cáo tội loạn luân của hấn trước cơ quan pháp luật. Tước phải đứng trước vành móng ngựa nhận tội. Tuy nhiên, vì có công cách mạng nên Tước chỉ bị phạt một năm tù.

Trương hữu Chung, ngoài hai mươi tuổi, người ở thành phố Hải phòng. Chung có một chị và ba em gái tuổi san sát nhau. Là đứa con trai độc nhất, Chung được bố

mẹ nông chiều quá đáng. Chị và các em Chung đều sợ gã như sợ cọp. Chung lần lượt cưỡng hiếp các em nhiều lần. Chị đã có chồng, Chung cũng không tha, gã nói:

- Rất tiếc trước khi chị đi lấy chồng, tôi còn khờ dại, nếu lớn như hiện nay, tôi phải dùng trước.

Đầu năm 1974, Chung lên đường nhập ngũ. Khi vắng Chung, chị và các em gã mới dám tỉ tê than thở cùng bố mẹ. Sáu tháng sau, Chung được nghỉ phép về nhà chuẩn bị vào Nam chiến đấu. Vì sợ ảnh hưởng đến lý lịch của con, bố gã chỉ vỗ vai bảo nhỏ

- Vừa qua ở nhà, mày mắt dạy lắm, chị và các em làm tuốt.

Chung ngang nhiên phản đối:

- Ông cổ hủ, quê mùa lắm, để ra không dùng trước thì tôi phải dùng thay ông chứ còn gì nữa?

Nghe con nói trắng trợn, ông bố nổi giận lôi đình liền lấy gậy đánh Chung. Bằng mấy miếng đặc công vừa học được, gã phản công lại bố. Bố gã bị ngã phải đi bệnh viện. Ba em gái phẫn uất với người anh vừa loạn luân, vừa hỗn láo, làm đơn tố cáo.

Khi ra toà, Chung được giấy của đơn vị bộ đội gửi đến, viết: "... Anh Chung có ý thức học tập và rèn luyện tốt. Chúng tôi cho rằng, sai sót của anh Chung trong phạm vi sinh hoạt gia đình. Vậy đề nghị toà chiếu cố, không vì một lỗi lầm nhỏ mà sự nghiệp cách mạng mất một chiến sĩ dũng cảm...". Toà phạt Chung mười tám tháng tù.

Vũ đình Quán, hai mươi tuổi, dáng người thanh nhã, trắng trẻo, đẹp trai. Năm ngoái, gã còn là sinh viên năm thứ ba. Quán có một người dì ở Hà nội nên thường vào ngày chủ nhật, gã đến nhà dì chơi. Vì gia đình nghèo nên gã còn nhờ dì giúp đỡ để vượt qua những thiếu thốn ở trường đại học.

Dì Quán gần ba mươi tuổi, trước đi xung phong chống Mỹ, sau ba năm được về Hà nội làm kế toán một tổng công ty. Từ một cô gái nông thôn nghèo khổ, nay được sống ở thủ đô, dì ước mơ thoát khỏi cái lốt quê mùa, đua đòi, ăn diện để phô với làng xóm, quê hương. Nhưng tiền lương có hạn, dì phải tính sao đây? Dì không đẹp nhưng có duyên thầm, cặp mắt lẳng lơ. Để thực hiện ước mơ, dì tấn công ông phó tổng giám đốc bằng những làn sóng tình cực mạnh. Ông phó tổng giám đốc cũng xuất thân từ một nông dân, tham gia cách mạng từ thời kỳ chống Pháp. Nhiều năm được học tập và rèn luyện, ông vẫn trong vòng luân quần đàn độn, kém phần nhạy cảm.

Tuy vậy, ông cũng nhanh chóng nhận được tín hiệu phát ra từ trái tim em. Nghĩ đến người chung chăn gối vừa già, vừa quá quê mùa, lòng ông xót xa ngao ngán. Ông

quyết tâm làm cuộc cách mạng của cuộc đời mình và đáp lại tiếng gọi của tình yêu. Vì thế, ông tìm cách li dị vợ và lấy dì Quân.

Sau khi những ham muốn về tiền tài, ăn diện, nhà cao cửa rộng được mãn nguyện, dì lại nảy sinh bệnh đố kỵ về tình dục do đức ông chồng ngoài ngũ tuần không còn đủ sức đáp ứng cho thoả mãn. Nguy hiểm hơn nữa, dì thêm khát trò chơi lạ – cái sinh lực mãnh liệt của tuổi thanh xuân. Dì muốn đi ăn vụng ngoài nhà sợ lộ, dì dùng bí quyết “đóng cửa trong nhà bảo nhau”. Thế là Quân trở thành con mồi hấp dẫn của dì.

Khi ông chồng đi công tác vắng nhà, dì nói mở đầu với Quân:

- Anh tưởng tôi sung sướng lắm phải không? Được sống trên nhung lụa mới là một mặt, còn mặt khác là tình yêu tôi thua kém nhiều người.

Tưởng câu nói bình thường, Quân phân bua:

- Dì ạ, đời người có mấy ai được toàn vẹn, được mặt này, mất mặt khác.
- Nếu anh có thiện chí sẽ bù đắp cho tôi được một phần, xin anh hãy vì tôi mà giảm bớt sự thua kém ấy.

Quân còn ngơ ngác thì dì đóng cửa lại, cởi hết quần áo mình đến ôm lấy Quân, nắn nỉ:

- Có gì đâu, anh vì tôi thế này thôi, anh cũng chẳng mất gì mà cả hai ta đều...

Không đủ lí trí để cưỡng lại thú tính, Quân ngoan ngoãn làm tình với dì. Từ hôm đó, không còn nhớ đến luân lý, đôi trai gái ấy trở thành cặp tình nhân vụng trộm, không được toà án lương tâm công nhận, lẽ dĩ nhiên cái trò ăn vụng bao giờ cũng hấp dẫn hơn sự bình thường. Theo yêu cầu của “em”, những ngày đức ông chồng đi vắng, sau giờ học “anh” phải có mặt để cùng truy hoan những trận mây mưa cuồng loạn với chu kỳ ngắn nhất, có vàng dương lẫn chị Hằng chứng giám. Rồi đến một buổi chiều thu âm đạm, lất phất mưa rơi, cuộc hoan hỉ bướm hoa tưởng chừng đã kết thúc nhưng “em” vẫn ghì chặt lấy “anh” mơ màng hưởng lạc. Đột ngột đức ông chồng đẩy cửa vào nhà, phản ứng vô cùng mau lẹ, dì hất Quân ra và kêu to:

- Ôi trời đất ơi, nó cưỡng hiếp tôi, nó cưỡng hiếp tôi! Anh ơi may quá, anh đã về kịp thời để bắt thằng loạn luân này.

Đức ông chồng tưởng vợ thật lòng, gọi công an bắt Quân. Ông quá yêu vợ, lại đần độn không phân biệt nổi trắng đen đứng về phía gian dân buộc tội Quân. Rốt cuộc, Quân phải lĩnh án năm năm tù, đời gã cũng bắt đầu âm đạm như chiều thu ấy.

Những phạm nhân như trên được ưu tiên, được tin dùng trong trại. Ngoài việc chăn nuôi tự giác, họ còn được làm trật tự, văn hoá trại, cấp dưỡng hoặc các toán trưởng tù hình sự. Những tấm gương cải tạo tốt cũng được lựa chọn trong số họ.

Tôi nhớ lời anh Phạm ngọc Đồng người Huế năm 1967 tại trại Anh thịnh:

“Cô đầu, nhà thổ là một thực trạng xấu nhưng lại là nhu cầu của một xã hội chưa có nền văn minh cao. Trong chế độ phong kiến, con người nhất là phụ nữ bị ràng buộc khắt khe bởi lễ giáo Khổng mạnh, vậy mà các lầu xanh vẫn tồn tại. Còn xã hội hiện nay, về đạo đức, ngoài lòng tin tuyệt đối vào đảng và lòng căm thù... Không còn một tiêu chuẩn nào ràng buộc con người. Mặt khác, họ ca ngợi chủ nghĩa khoái lạc của Epicure, cộng thêm với sự khủng hoảng nghiêm trọng từ thời kỳ cải cách ruộng đất, con người được tự do hành động phi đạo lý mà không có toà án lương tâm xét xử. Trong khi đó, nhà nước lại ngăn cấm cô đầu, nhà thổ, một trong những nguyên nhân tạo ra những tội ác kì quái, hiếm có trong xã hội loài người...”

Một xã hội âm u xám xịt với vô số sự kiện vô luân lý, thể mà đài phát thanh, báo chí thường ca ngợi: “Thời đại ra ngõ gặp anh hùng”. Mai sau những nhà sử học, những nhà văn chân chính phải sửa lại là: thời đại ra ngõ gặp kẻ phạm tội. Cũng cần phải nói thêm rằng, một dân tộc có nhiều anh hùng thì dân tộc đó thường đê hèn, với đau thương và tàn phá của chiến tranh; anh hùng thường xuất hiện từ máu và nước mắt cũng như “nhất tướng công thành vạn cốt khô”.

HỒI BỐN – Ngày về.

Cuối tháng hai năm 1976, còn năm người tù phản cách mạng, chúng tôi được tha cả. Một niềm vui loé lên như người được cải tử hoàn sinh trong cõi lòng tôi sau khoảnh khắc lại tắt ngấm để nhường chỗ cho nỗi buồn mênh mông đang xâm lấn. Đành rằng từ nay sẽ chấm dứt bệnh đói kinh niên nhưng tôi lại nổi tiếp những tháng năm cô đơn, vô vọng và tủi nhục. Gần mười một năm tù, chưa bao giờ tôi chịu khuất phục trước uy lực của kẻ thù, sẵn sàng chờ đón cái chết trong danh dự. Nay tuy thoát khỏi cái địa ngục trần gian ấy nhưng phía trước cuộc đời tôi những điều nan giải đang chờ đón lạnh lùng. Với thân tàn, hai bàn tay trắng, không nhà cửa, tôi biết đi đâu, về đâu, sống như sao trong bóng tối đang bao trùm lên tất cả. Tên tù khổ sai Janvaljan có thời thành ông thị trưởng Madeline, còn tôi có lẽ trọn vẹn cuộc đời tăm tối trong sự hắt hủi, vui đập của xã hội, không lúc nào ra khỏi ống kính của kẻ thù.

Sáng hai mươi sáu tháng hai, tôi được cấp giấy tha của ban giám thị, họ cho tôi về với gia đình chị Hoa, nơi mười sáu năm trước, tôi không chịu nổi hai ngày. Còn hiện tại nơi đó dù có nhục đến mấy cũng buộc tôi cam chịu nếu không có gan kết thúc cuộc đời.

Họ cho chúng tôi đi nhờ ô tô tải ra thị xã Vĩnh yên. Gần trưa xe chuyển bánh, tôi nhìn lại trại giam lần cuối – một hình tượng của sự tàn bạo. Và nhìn lại khu nhà tiếp đón các trại viên, các loài hoa vẫn đua nhau khoe sắc thắm – một hình tượng của sự bịp bợm. Tàn bạo và bịp bợm, nhờ hai yếu tố quyết định này, từ hai bàn tay không, Cộng sản đã có cả một giang sơn hùng vĩ – Tổ quốc Việt nam.

Chúng tôi đi xe hoả từ thị xã Vĩnh yên về đến ga hàng Cỏ lúc mười hai giờ đêm. Trời rét và mưa tầm tã, với bộ bà ba gụ, người nào cũng run lên cầm cập.

- Chúng ta vào cửa hàng ăn chứ? – Anh Dương Chất đề nghị.
- Phải rồi, hôm nay mình đã ăn gì đâu? – Lê Cần nói.
- Ăn một thứ gì đó ít tiền thôi, tôi không có nhiều đâu – Rét quá bác Nông vẫn Lý lú lủi lại, lắp bắp mãi mới thành lời.
- Anh Tâm cùng ăn với chúng tôi cho vui hay về ngay nhà chị – Anh Phan du Lịch hỏi.
- Tôi sẽ ở lại với đồng bọn đến sáng ngày mai – Tôi nói.
- Cùng ăn với chúng tôi một bữa nữa rồi anh về cho cả nhà mừng.
- Đúng rồi, đúng rồi – Cả bọn tán thành ý kiến của anh Lịch.
- Bác Lý và các anh ạ, chưa chắc có ai mừng cho tôi đâu, riêng tôi cũng chẳng vui gì cho lắm. Nói thật là bệnh máu xám đang lây lan đến mọi tế bào của xã hội, ngay bố mẹ, vợ con có thể như người đứng nước lã nữa là... Trong số chúng ta, may ra được gia đình anh Lịch.
- Đúng rồi – Bác Lý nói – tôi đi tù hơn một chục năm, không nhận được một lời thăm hỏi của vợ con. Nay được về chắc gì chúng nó đã mừng. “Một giọt máu đào hơn ao nước lã”, nhưng giọt máu đào đã hoá thành máu xám tanh hôi không quý bằng giọt nước. Trong số mình chỉ có anh Lịch là yên tâm, khi đi tù không sợ vợ bỏ, con hư, nay về được gia đình thương yêu chăm sóc.
- Tôi nhờ bề trên ban phước lành – Anh Lịch nói – không như nhiều người khác, vợ trẻ thì mất, vợ già thì lòng thông, dĩ bợm, anh em xa lánh vì sợ liên

quan, ảnh hưởng xấu. Một người đi tù là một gia đình tan tác, con cái thất học, hư hỏng đi vào con đường trộm cắp, lưu manh, gái làm tiền, lừa đảo.

- Tôi không có gia đình, ngoài cái dở cũng có cái hay, không phải lo buồn về chuyện vợ bỏ, con hư – Tôi nói.
- Mình được ra tù như con cá từ chậu nước ra sông, tại sao cậu bảo không vui gì cho lắm? – Cần hỏi – Tôi không có gia đình, không có họ hàng thân thích ở xứ Bắc hà này, tớ còn rạo rức niềm vui hưởng chi người khác.
- Anh Cần ạ, anh lạc quan quá đấy. Mình như con cá nằm trên thớt nay được thả vào chậu nước chứ đâu được ra sông. Anh nghĩ những phương kế gì để giải bài toán khó phía trước cuộc đời? Anh có vốn sống trong tù hai mươi một năm, nhưng cái xã hội vừa đặt chân tới, anh vô cùng xa lạ. Trong tù, anh không phải lo cơm ăn, áo mặc, còn ở cái xã hội này, nếu không có phương kế gì làm ra đồng tiền, bát gạo, anh cứ nằm chờ ngày tử thần hiếu khách đón về nơi đoàn tụ. Người quan tâm, thăm viếng anh là người hỏi tội.
- Cậu có hiểu nguyên nhân nào dẫn đến bệnh máu xám không? – Cần không phản đối, hỏi tôi sang chuyện khác.
- Phóng xạ nguyên tử gây ra bệnh máu trắng để huỷ diệt con người. Đấu tranh giai cấp gây ra bệnh máu xám để huỷ diệt tình người. Trong tù, họ sử dụng cái gọi là thực hiện bốn tiêu chuẩn cải tạo và biện pháp bình bầu mức ăn để tù nhân cắn xé lẫn nhau. ở ngoài, họ xúi giục người này theo dõi, tố cáo người kia, hỏi cải cách: con tố bố, vợ tố chồng. Tất cả những hiện tượng đó là để thực hiện đấu tranh giai cấp của đảng. Vì thứ lý thuyết kích thích thú tính ấy mà lòng nhân ái bị tiêu diệt ngay trong mỗi gia đình. Những ai rơi vào cảnh phụ tử, phu phụ, huynh đệ tương tàn xin đừng oán trách lẫn nhau. Và xin họ hiểu rằng, đấu tranh giai cấp là thủ phạm.
- Theo cậu thì yếu tố nào đã đưa chế độ Cộng sản đến với sự tàn bạo nhất trong lịch sử?
- Mình vào ăn đã, nói chuyện sau – Đến trước cửa hàng ăn, bác Lý nói.

Mỗi người ăn một đồng cơm và một đồng thức ăn – một bát canh sườn nấu bắp cải. Ai cũng khen cơm ngon nhưng đắt quá, chỉ được hai lưng bát. Cô bán hàng đơn dạ trả lời:

- Gạo quê đấy, không phải gạo dịch đâu. Gạo quốc doanh đang ở ngoài chợ đen thì rẻ hơn nhưng vừa hâm vừa nhiều thóc, sạn, không có khách ăn.

Cô gái chăm chú nhìn chúng tôi rồi hỏi:

- Xin lỗi, hình như các bác ở trại về?
- Sao em biết? – Cần hỏi.
- Từ quần áo đến thân thể những người như các bác, chẳng ai còn lạ gì. Người nào cũng xanh xao, gầy guộc như một nắm xương tàn.
- Người dân ghét chúng tôi lắm phải không?
- Nói gì đến người ngoài, người trong gia đình các bác còn sợ liên quan, không dám gần nữa là...
- Chúng tôi không phải loại người cướp của, sát nhân hay lưu manh, lừa đảo.
- Nếu là tù phản cách mạng thì người dân còn sợ và đáng ghét hơn. Nhiều lần cháu đi họp ở khối phố, chính quyền, công an nói: “Tội phạm hình sự là sản phẩm do tàn dư của bọn đế quốc, thực dân. Nếu tên nào cải tà quy chính sẽ được đảng mở cho con đường thoát. Còn tội phản cách mạng – tay sai của đế quốc, nếu có được tha cũng không cho phép chúng hoà nhập vào cộng đồng xã hội”
- Anh Cần thấy chưa? – Tôi hỏi.
- Thế đấy! Khi còn ở trong tù, tớ cứ tưởng họ trả lại tự do là có quyền công dân.
- Tự do à? Cả dân tộc cũng không có nữa là những tên tù phản cách mạng. Chúng mình từ lồng hẹp được ra lồng rộng chứ chế độ Cộng sản có tự do đâu mà trả. Còn quyền công dân về mặt hình thức thì có đấy, nghĩa là được đi bỏ phiếu nhưng không được lựa chọn. Nếu không theo ý đảng thì quyền này biến thành tai vạ như chơi.

Bụng đói như cào, trong một vài phút người nào cũng ăn ngấu nghiến hết bát cơm, có người còn nguyên thức ăn. Ăn thêm mỗi người một đồng cơm nữa mới tạm ấm dạ dày. Bàn bên cạnh, một cặp vợ chồng trẻ vừa ăn vừa nhìn chúng tôi, cùng khúc khích cười. Có lẽ họ cười vì thấy bọn chết đói được ăn cơm gạo ngon.

- Kể ra có tiền thì già này phải ăn thêm một đồng nữa mới no.
- Nếu còn đói, bác cứ ăn đi, cháu sẽ chi tiền – Anh Lịch nói.
- Cảm ơn anh. Vừa từ nhà tù ra, anh cũng như tôi, tôi không dám... Mẹ kiếp làm điều ác thì trả sức, còn làm điều thiện chi li quá! Ngoài tiền tàu xe, người nào cũng đủ tiền ăn cầm hơi để về nhà.

Lúc đó đã gần hai giờ sáng, trời vẫn mưa nặng hạt, gió thổi mạnh. Trên hè phố, chỗ nào nước mưa cũng len lỏi hắt vào. Anh Lịch có mảnh vải đi mưa, năm người ngồi tùm lại lấy vải đi mưa che đầu. Từng cơn gió thổi ào ào, cành cây gãy, lá rụng bay lả tả, gió mang theo nước mưa lạnh tạt vào người, chúng tôi ôm lấy nhau mà vẫn rét run lên.

- Cậu trả lời tớ câu hỏi lúc nãy đi – Cần nói.
- Về nhà mà ngủ anh Tâm ạ, ở đây làm gì cho khổ – Bác Lý nói.
- Hàng nghìn đêm trong ngục còn chịu đựng được, một đêm thành kẻ đầu đường xó chợ đã sao? Trong tù, đôi khi chúng ta va chạm với nhau vì hóp nước, vì ngọn rau, miếng khoai, mẩu sắn đó là do cảnh ngộ gây nên. Sắp đến giây phút chia tay, mình càng thấy quyến luyến mến thương nhau. Chấm dứt cảnh mắt trước mắt sau, vụng trộm chia nhau từng ngọn rau rừng luộc bằng ống bơ, ống nứa cũng là thời điểm chúng mình phải xa nhau – xa những người cảm thương sâu sắc cùng tồn tại một thời gian dài trong cái địa ngục cõi trần.
- Tâm nói đi – Cần lại giục.
- Mọi chế độ độc tài đều dẫn đến bất công và tàn bạo. Riêng chế độ Cộng sản, chẳng những thế mà còn thực thi lý thuyết đấu tranh giai cấp đã đưa thể chế này đến tột đỉnh của tội ác. Muốn chứng minh thì dài lắm, để chờ dịp khác. Bây giờ chúng ta hãy nghỉ đi.

Đêm trước thức trắng, đêm ấy mặc dù trời mưa rét, ướt át, cả bọn ôm lấy nhau ngủ. Còn tôi, vẫn thức sau khoảnh khắc thiếp đi lại tỉnh vì chợt nhớ đến những nỗi gian nan đang chờ đón.

Mười sáu năm trước, tôi không sống nổi trong gia đình chị Hoa hai ngày, bây giờ sẽ ra sao? Xưa kia trong thành phố, ít nhiều tôi được quyền lựa chọn, hiện nay quyền đó không còn nữa. Gia đình chị có làm nhục đến mấy tôi cũng đành cắn răng mà chịu nếu còn muốn sống. Phải chăng số phận đã buộc chặt tôi vào nơi ô nhục ấy? Tôi chạy trốn đi đâu cho yên trong cái lồng sắt khổng lồ với cái tội danh phản cách mạng – một tội ghê tởm hơn cả bệnh giang mai, ghê lở trong nhãn quan của mọi người? Thoát khỏi cái địa ngục cõi trần tôi sắp đến một nơi tù ngục mới. Trong cái địa ngục trần gian kia, bệnh đói kinh niên vò xé thì nơi tù ngục mới, nổi nhục sẽ hành hạ tôi đến kiệt sức, mỗi mòn thêm. Nơi ở cũ, tôi có thể trả giá để bảo vệ lấy danh dự của một con người, còn nơi ở mới, phương kế tối ưu là tôi đành ngậm đắng nuốt cay. Trả giá với chị với anh rẻ

và các cháu u? Không thể được, nếu làm thế nổi nhục càng tăng theo cấp số: tôi mang tiếng với bàn dân thiên hạ cũng nhúng tay vào cảnh cốt nhục tương tàn. Từ nạn nhân của sự tàn bạo, tôi trở thành nạn nhân của bệnh máu xám đang lây lan vào mọi gia đình. Là nạn nhân, lương tâm, ý thức không cho phép tôi trở thành tội phạm. Dù cùng cực đến mấy, tôi vẫn phải giữ đạo làm người, không để dính những vết nhơ của nền văn hoá Cộng sản – thứ văn hoá huỷ diệt tình người, kích thích oán hờn và dối trá...

Tôi đang miên man suy tưởng thì tiếng động cơ và chuông tàu điện vang lên làm cả bọn tỉnh dậy. Lúc này, mưa đã ngớt chúng tôi bỏ mảnh vải mưa che đầu xuống. Cánh cửa nhà chúng tôi nghỉ ngoài hè phố từ từ mở. Một lão già bước ra, mắt dán vào cả bọn rồi quát:

- Ai cho các người ngồi ở đây? Các người phải đi ngay nếu không, tôi báo công an.
- Chỉ ngồi nhờ ngoài hè phố chứ làm hại ai đâu mà ông phải nặng lời – Dương Chắt nói.
- Như thế còn nặng lời à? Các người nếu không phải là bọn lưu manh, trộm cắp thì là lũ phản động, bán nước chứ gì? Cút đi mau, không hơi đâu phân giải với chúng mày.

Không ai nói thêm gì nữa, lặng lẽ đứng dậy đi nơi khác.

- Ta cùng ăn cái gì đó rồi chia tay thôi, các anh ạ, kéo nhờ tàu xe – Bác Lý nói.
- Ta cùng đi ăn phở, đã hai mươi một năm không biết đến, tôi quên mùi vị của nó rồi – Cần đề nghị.
- Gần bảy chục mùa xuân mà chưa biết phở thế nào, tôi cũng muốn thưởng thức món này trước khi quy Phật – Bác Lý nở một nụ cười móm mém nói.

Chúng tôi vào một cửa hàng phở, mỗi người một bát một đồng. Bà bán hàng tỏ lòng thương cảm nói:

- Các bác đi trại về, tiền ít, sao không xếp hàng mua phở quốc doanh cho rẻ. Chúng tôi chịu thuế nặng, mang tiếng bán đắt mà chẳng lời lãi bao nhiêu.
- Cảm ơn bác, chúng tôi phải về quê xa, sợ nhờ tàu xe – Anh Lịch nói.
- Tưởng các bác ở đây, chứ ở xa làm gì có thời gian. CNXH đồng nghĩa với cả ngày xếp hàng mà.

Ra khỏi cửa hàng, chúng tôi bịn rịn chia tay nhau. Anh Phạm du Lịch về Tiền hải, Thái bình, anh Dương Chất người Việt gốc Hoa về Cẩm phả, Quảng ninh. Bác Nông văn Lý, người dân tộc Mèo về Hà giang, bác xiết chặt tay tôi, nói:

- Tôi cứ tưởng bỏ xác trong tù, nay nhờ ông trời xui khiến cho tôi được về nhà nhìn thấy vợ con rồi mới chết, xin vĩnh biệt anh. Tôi chúc bác thượng lộ bình an.
- Chào cậu tớ về Nam hà đây – Cần nói.
- Anh làm gì mà vội thế? Hơn hai mươi năm xa cách Hà thành, nay nên ở lại một vài ngày để thăm đường xưa, phố cũ.
- Sau này ổn định sẽ hay, còn bây giờ tớ phải về quê hương mới.

Một giáo dân ở huyện Xuân thủy, Nam hà là Đỗ sinh Viên khi được tha năm 1973 có hứa với Cần, khi nào Cần được về sẽ đến nhà anh, anh sẽ giúp đỡ.

Ngừng trong giây lát rồi Cần reo lên:

- Thôi được rồi, tớ sẽ nghe lời cậu, biết đâu...

Mặt Cần rạng rỡ hẳn lên.

- Anh chợt nhớ ra điều gì mà vui thế?
- Nếu người ấy giữ lời hứa, tớ sẽ ở lại Hà nội cùng với cậu.
- Như thế nào anh có thể nói sơ qua cho tôi biết không?
- Chà, chà hay quá, suýt nữa thì quên mất! Tớ sẽ báo tin cho cậu sau.

Ngay chiều hôm ấy, Cần đi tìm gặp cố nhân, nhà ở khu tập thể bờ sông. Đến nhà, Cần hỏi:

- Chào chú Hoán. Chú còn nhớ tôi không?

Chủ nhà sững sờ một hồi lâu rồi nói:

- Không, không tôi không biết bác là ai cả?
- Trí nhớ chú tồi quá. Tôi là Cần đây.
- Cần là ai, tôi không nhớ... Mà hình như...
- Chú còn nhớ thời kỳ chú phạm pháp lái xe không? Chúng ta quen nhau ở Hòa lò, chú hứa, khi nào tôi được về chú sẽ giúp. Nay tôi mới được tha và cầu mong tình thương rộng mở của chú.

Hoán ôm lấy Cần và nói:

- Em nhớ ra rồi. Em tưởng anh đã chết trong tù. Nói thật là hình ảnh của anh đã lùi về dĩ vãng trong ký ức em. Dù sao, em vẫn phải giữ lời ước hẹn.

Ngừng vài giây, Hoán nói tiếp:

- Em sẽ làm hết mình để giúp đỡ anh, song nếu có trở ngại gì mong anh thông cảm.
- Tôi biết chú Hoán ạ. Chính quyền sẽ ngăn cản việc giúp một tên tù phản cách mạng chứ gì?
- Vâng, đúng thế. Em sẽ nói với công an, anh là người anh họ của nhà em.

Về phía cơ quan an ninh chắc cũng biết rõ Cần chỉ là tên vô danh tiểu tốt trong hàng ngũ đối phương, bản chất Cần hèn hạ, tài năng không có. Hơn nữa, cơ thể Cần đã tàn tạ, mắt kém, đi lại loạng choạng, khó khăn. Cần không thể làm một việc gì có nguy hại cho cách mạng.

Do vậy, họ để Cần được sống trong gia đình Hoán. Hoán có một tấm lòng nhân hậu và dũng cảm vô cùng hiếm trong xã hội Việt nam thời Cộng sản. Anh như một bông hoa rực rỡ trong hoang mạc mênh mông.

Đời cũng thật trớ trêu, một kẻ vừa hèn hạ, vừa bất nhân, bất nghĩa như Cần lại nhận được sự giúp đỡ tận tình của những tấm lòng nhân ái. Sau này, ông Nguyễn văn K... và Hoán chắc phải hối tiếc vì bản chất của Cần không hề thay đổi.

* *

*

Chia tay những người đồng cảnh, tôi thất thểu về nhà chị. Nỗi buồn cô đơn, trống trải vò xé lòng tôi. Xe đạp, xe máy, xích lô len lách nhau xuôi ngược rợp đường. Trên hè phố, người qua lại tấp nập. Đi giữa nơi đô hội ồn ào mà sao tôi vẫn cảm thấy hoang vắng, bơ vơ. Dòng người qua lại trên đường phố ném vào tôi những ánh mắt lơ lảo. Ngược lại tôi chỉ trả họ với cái nhìn của nỗi buồn thương. Hơn ba thập kỷ, một thế lực tàn bạo, bịp bợm và xảo quyệt đệ nhất trong lịch sử, đã và đang dồn nén dân tộc vào một khuôn mẫu – ý thức hệ Marx – Lênine. Nó có thể tiếp tục chém giết người, xiềng xích, đọa đầy thể xác con người nhưng nó không thể và không bao giờ tiêu diệt được những ý chí kiên cường, bất khuất vì tự do, dân chủ và nhân quyền của dân tộc. Đáng buồn là những ý chí ấy quá ít ỏi trong thời cường thịnh của Cộng sản, còn lại phần đông vì hèn yếu đã đưa họ đến cuồng tín, u mê.

Bỗng những âm thanh khủng khiếp vang lên từ một loa truyền thanh trước cửa ga:

Miền nam có bác Hồ trong ngày vui đại thắng

Lời bác nay thành chiến thắng huy hoàng...

Những âm thanh làm tôi rùng mình hoảng sợ. Tôi rảo bước như muốn trốn chạy những âm thanh đó nhưng chạy đâu cho thoát? Chúng cứ đuổi theo bám sát tôi, làm đầu óc tôi choáng váng:

Việt nam Hồ chí minh!

Việt nam Hồ chí minh!

Những âm thanh như mũi dao nhọn khoét sâu vào vết thương tôi đã bị cách đây mười tháng. Vết thương lòng đau và còn đau mãi. Vết thương không phải của riêng tôi mà của dân tộc, trong đó có hàng triệu người phải vào trại tập trung cải tạo và hàng triệu người phải bỏ nước ra đi. Khi nào lịch sử còn mỉm cười với loài quỷ đỏ thì vết thương đó chưa lành. Thực ra, nó là dấu ấn khắc sâu vào trang sử bi thương của dân tộc sẽ không bao giờ lành cả. Nó là ngày quốc hận.

Những âm thanh làm tôi nhớ lại hồi tháng tư năm 1975. Cả tháng tôi trải qua một cơn khủng hoảng, như kẻ mất hồn vì những chiến thắng liên tiếp của Cộng sản ở miền Nam. Để tuyên truyền thắng lợi, bọn cai ngục cho đặt thêm một loa truyền thanh từ cổng trại dội vào. Lúc đó, tai tôi đã bị nghễnh ngãng hơn thời gian trước. Nguyên do làm tôi điếc thật đơn giản. Tháng tư năm 1970, tôi lâm bệnh đường ruột cấp tính, trại giam không có thuốc, không chạy chữa. Nhờ một người bạn tù là Nguyễn thanh San có hàng trăm viên Chlorocid, tôi uống thuốc không được sự hướng dẫn của thầy thuốc, may mà khỏi bệnh thì thính giác bị suy yếu dần.

Trong phòng giam còn lại mười một người tù phản cách mạng, chỉ có anh Cần là thường xuyên theo dõi thời sự. Tôi không nghe rõ tin tức từ loa truyền thanh dội đến nên hỏi anh Cần. Vài ngày sau đó, có một con chó săn bằm báo nên thượng úy phó giám thị thường xuyên vào trại doạ dẫm. Đứng trước tù toàn trại, hắn tuyên bố:

- Bầu trời miền Nam đang thay đổi. Bầu trời Vĩnh quang đã thay đổi hoàn toàn. Tôi thay mặt ban giám thị báo cho một vài anh trong nhóm phản cách mạng biết, từ nay chúng tôi không nhượng bộ các anh đâu.

Khi nói, hắn nhìn thẳng vào tôi và Cần. Ánh mắt của tên cai ngục vừa hung bạo, vừa dương dương tự đắc. Cần hoảng sợ, mặt tái nhợt hình như không còn giọt máu

nào. Tôi biết, lúc này chỉ để một sơ suất nhỏ, chúng cũng có cơ để giết mình. Bị uy hiếp, Cần không dám nói chuyện với tôi nữa.

Một hôm, ở nơi lao động, Cần trông trước nhìn sau không thấy ai, anh ghé vào tai tôi nói:

- Sự thế này, chúng mình nên im lặng, giả câm giả điếc là hơn...
- Xem ra anh còn yêu cuộc đời khốn khổ của mình lắm. Còn tôi coi như mình đã chết rồi.
- Việc quốc gia, đầu phải của riêng mình, nghĩ và buồn làm gì cho thêm kiệt sức nữa?
- Tôi hỏi anh, ai bỏ tù mình? Ai làm cuộc đời mình tàn héo? Kẻ nào đưa dân tộc đến đau thương, quẫn quại? Nay kẻ thù đang đại thắng thì không đau lòng sao được?
- Cậu nói có lý nhưng lúc này không khéo léo thì nguy hiểm lắm, họ giết mình dễ như chơi. À này, tớ chỉ thông báo tin tức, thời sự với cậu bằng cách ra hiệu thôi. Nếu cậu nhất trí, từ tối hôm nay, khi nghe thấy tin buồn, tớ xoa đầu gối, nếu tin vui, tớ sờ tay lên má.
- Tôi nhất trí và cảm ơn anh trước.
- Nhân thể gặp cơ hội tốt, tớ thông báo tin khá quát, mất đến Nha trang, Khánh hoà rồi. Tớ cầu mong một sự kiện như ở Triều tiên lại diễn ra.
- Khó lắm, cuộc chiến kéo dài mà Mỹ không giành được một thắng lợi nào cơ bản, đành phải rút quân. Ông Nixon đã phải từ nhiệm. Tổng thống Foni có quyền hành gì phủ quyết quốc hội để tiếp tục can thiệp vào miền Nam?
- Thời điểm này là cơ hội tuyệt vời để Mỹ giành thắng lợi quyết định. Cậu có nghĩ, Mỹ bỏ cuộc chiến là một sai lầm nghiêm trọng hay không?
- Anh nói đúng. Ngoài ra người Mỹ cũng mắc những sai lầm nghiêm trọng khác.
- Cậu cho một dẫn chứng?
- Mặt trận giải phóng chỉ là cái đuôi con rắn, tại sao đánh rắn, Mỹ không đánh mạnh vào đầu?...
- Các anh không làm việc, đứng nói chuyện xuyên tạc đây phải không? Đi làm ngay – Tên quân giáo đi đâu về nhìn thấy chúng tôi nói chuyện, hấn quát.

Từ hôm ấy, mỗi khi nghe bản tin thấy Cần xoa tay vào đầu gối là một lần như mũi kim nhọn đâm vào trái tim tôi. Thế là cả tháng tư tôi khóc, ngày sau khóc nhiều hơn ngày trước. Một tháng tư đen giông tố khủng khiếp nhất trong cuộc đời. Không phải tôi khóc vì thương tiếc cuộc đời mình, dù miền Nam còn hay mất vào tay Cộng sản, tôi vẫn nằm gọn trong tay chúng. Tôi khóc vì thế sự phũ phàng, cái ác đã chiến thắng, hoàn toàn chiến thắng, ngự trị cả tổ quốc Việt nam.

Vâng, tôi chỉ khóc thầm trong nỗi cô đơn, tủi nhục. Nước mắt tôi chảy khi mọi người xung quanh đang yên giấc, vì tia hy vọng nhỏ nhoi của tôi đến nay đã hoàn toàn bị dập tắt. Trong cái thế giới u mê, ghê tởm và tàn bạo này, tôi tìm đâu ra một người bạn tri tâm để than thở nỗi đau. Hơn nữa, nước mắt tôi không may lọt vào ánh mắt của một tên cai ngục sẽ biến thành một bản án tử hình không tuyên bố.

Tôi oán trách người Mỹ bỏ miền Nam. Vì những sai lầm nghiêm trọng trong cuộc chiến, phải trả một giá rất đắt mà họ đã thất bại. Một cơ hội tốt nhất giành thắng lợi quyết định mà họ đã bỏ qua để hợp chủng quốc Hoa kỳ phải chịu một nỗi nhục nhất trong hai trăm năm dựng nước.

Đến bến xe Kim liên, tôi sực nhớ ra là mình đã đi quá đường. Tôi quay lại, rẽ sang phố Khâm thiên để về nhà chị. Chặng đường đến ô chợ dừa, tôi cứ quần quanh trong ý nghĩ, sống ở nhà chị sẽ ra sao, điều gì sẽ đến? Nhục mình cam chịu nuốt nhục nhưng không thể hạ mình để cầu xin một sự bình an. Phương kế tốt nhất là mình im lặng, tai giả điếc, mồm giả câm “Khôn cùng không nhục... không phải là người...”. Gần đến ô chợ dừa, tôi đi chậm lại, hình như có ai đó cản bước và nhủ tôi rằng: “Từ một nhà tù đọa đầy về thể xác, mày đang đến một nhà tù hành hạ về tinh thần”. Vâng, tôi biết lắm, nhưng tôi không thể cưỡng lại số phận đã an bài, cũng như dân tộc không thể chống lại cơn hôn mê của lịch sử đang nâng niu, o bế những con quỷ sứ.

Qua chợ dừa mười bước, tôi dừng lại. Đứng trên đường nhìn xuống nhà chị, vẫn gian nhà lá lụp xụp ngày xưa. Bước mười bước nữa là đặt chân vào nhà chị, sao tôi cảm thấy muôn trùng xa cách, cảm thấy ghê sợ, ngại ngần? Nhưng số trời đã quyết, có mấy ai “nhân định thắng thiên...”. Tôi đang bối rối thì chị Hoa từ trong nhà rào bước đi ra và gọi:

- Tâm, em đã được về? Em quên nhà chị hay sao mà đứng mãi trên đường?

Chị đỡ gói hành lý trên tay tôi và dẫn tôi vào nhà. Anh Hoàng đi làm, ba cháu đi học, chỉ còn cháu nhỏ ở nhà. Chị nói với con:

- Sang, đây là cậu Tâm của con.

- Cậu ở đâu về đây mẹ – Thăng Sang nũng nịu hỏi.
- Cậu ở xa về, con ạ!
- Con ra đầu ô chơi đây, mẹ ạ! – Nói xong, thằng bé chạy ra ngoài.
- Hôm nay, trời rét lắm, em không còn áo hay sao mà mặc thế này?
- Còn chiếc áo bông cũ, nhưng – Tôi lấy chiếc áo bông trong túi vải ra cho chị xem và nói tiếp.
- Khi đi, em mang theo chiếc áo bông này, vỏ áo rách, ruột bông cũng rách từ lâu, em vá vúi hàng chục mảnh vải sọc xanh, sọc đỏ thế này, đi đường mặc không tiện.
- Khốn khổ, trong tù em phải mặc thứ này ư?
- Nó là bạn thân của em hơn chục mùa đông qua, nếu không có nó thì lấy gì mặc chống rét!

Chị lấy cái áo đại cán của anh Hoàng khoác vào người tôi và nói:

- Em mặc tạm cho đỡ rét.
- Phiền lắm, em chưa cần đến nó đâu! Em cũng quen với đói rét rồi.
- Không sao, chiếc áo cũ ấy mà – chị nói tiếp – đưa chị cái túi xem có những thứ gì?
- Toàn là giẻ rách thôi, và vài thứ lặt vặt – tôi trả lời và mở túi cho chị xem. Chị bới trong túi ra chiếc bàn chải đánh răng như còn mới, chị hỏi:
- Em mới mua thứ này à?
- Chị cho em năm 70 đấy, trong tù lấy tiền đâu ra mua.
- Sao còn mới thế?
- Mỗi lần dùng xong, em lấy hai thanh nửa kẹp và buộc lại.
- Thật tội nghiệp, nếu không ở tù cũng khó mà tin.
- Vâng từ cuộc sống của con người bị đẩy vào kiếp sống của loài vật, diễn ra muôn vàn hiện tượng man rợ, chị tin sao được! Chẳng hạn, một que tăm em dùng được hơn ba tháng.
- Vô lý quá! – Chị lắc đầu, nói.
- Có vẻ vô lý nhưng là sự thật. Trong Hoả lò không được phát tăm. Bữa đầu em thấy tù nhân lấy tăm từ cạp quần, vạt áo ra dùng rồi lại cất vào chỗ cũ. Em hỏi một bác già thì được trả lời:

- Phải tự tạo lấy mà dùng. Nếu cậu muốn, cứ lấy cấp một cái đũa, đến đêm dùng răng chẻ ra thành tăm. Cần thận, nếu bị lộ, họ kỷ luật đấy. Em làm theo ý kiến này. Vì sợ, em chỉ lấy và giấu đi ba que tăm dài dùng được mười tháng ở Hoả lò đến khi đi trại. Nếu kể cuộc sống man rợ trong tù, chị sẽ khó tin hơn... À này, Đản có hay xuống thăm chị không?

Mặt chị xịu lại đượm một vẻ buồn khó tả, mắt chị rom rớm lệ, chị trả lời như nói một mình:

- Đản chết rồi!
- Chị ơi, Đản chết thật rồi sao? – Tôi kêu lên và không giữ nổi dòng nước mắt.
- Đản chết trong trận bom bi Mỹ năm 1967. Chị đã quyết định giấu em vì không muốn em chịu thêm đau khổ trong tù. Nhân thể, chị cũng báo cho em thêm một tin buồn nữa, chị Dền cũng đã chết năm 1969. Thương tâm nhất là cháu Diệu con chị Dền, năm tuổi mồ côi mẹ, phải chịu cảnh dì ghẻ con chồng. Tám tuổi mồ côi cha phải đi ở với chú bữa cháo, bữa rau. Chị và cả cậu nữa phải có trách nhiệm giúp đỡ cháu.

Tôi vật ra giường khóc nức lên thương em tôi hiền lành, yếu đuối, sống khổ nhục, chết thảm thê. Thương chị cả tôi cả đời nghèo khổ, chết non. Trong số anh chị, chỉ có chị Dền là người nhân hậu, thương em.

Chị Hoa khóc không thành tiếng. Phải chăng chị cũng đang đau xót về cảnh tan nát, li biệt của gia đình?

- Đừng khóc nữa, em – Chị nghẹn ngào khuyên nhủ – Dù sao đau thương đã qua rồi, em cố gắng bình tâm lại, chị thấy em gầy yếu, tiêu tụy quá chừng. À, họ quyết định chỗ ở của em thế nào, có ở Phó đức chính nữa không?
- Chị ạ, dựa vào lý lịch, trong giấy tha, họ quyết định em ở với chị. Em không muốn gây phiền phức cho ai nhưng không còn đường nào khác.
- Em cứ yên tâm ở đây. Chị nghĩ rằng, anh Hoàng và các cháu cũng bằng lòng.
- Em cũng ước mong như vậy. Tuy nhiên, cả nhà nên thông cảm cho em, phải ở nhờ bao giờ cũng là một nỗi đắng cay, em không muốn kéo dài tình trạng đó.

Đến mười hai giờ, ba cháu đi học về. Xưa kia chúng còn nhỏ, nay gặp và nhận cậu chúng cũng có vẻ vui mừng.

Trưa hôm ấy, tôi được ăn một bữa cơm ấm áp tình cảm gia đình, tâm hồn tôi có phần yên tâm, thanh thản. Và tự oán trách mình, vội nghĩ những điều không hay về gia đình chị. Tôi hy vọng rồi đây phải tự oán trách mình nhiều hơn nữa.

Đến ba giờ chiều, tôi mặc chiếc quần kaki cũ và chiếc áo đại cán của anh Hoàng đi tàu điện lên bờ hồ Hoàn Kiếm. Rồi từ đó, tôi đi bộ đến thăm nơi ở cũ. Nhìn lại hồ Gươm phong cảnh vẫn quyến rũ, nên thơ: mưa rơi lất phất, tháp Rùa xa xa mờ ảo, mặt hồ gợn sóng lăn tăn, Thê húc yếu điệu uốn mình, chợt tôi nhớ lại một buổi chiều hè, Khoa rủ tôi đến thăm hồ lần cuối. Anh mơ màng nhìn hàng liễu rủ, cảm hứng buông mấy vần:

Buồn trông liễu rủ ven bờ,

...

Xa em luống những bao ngày nhớ thương.

Tôi thâm nhủ, Khoa ơi, không phải mày xa em (xa Thê húc) mà mày đã vĩnh biệt tất cả, từ bỏ cái thế giới tội ác và nhơ bẩn này. Nay còn đâu những buổi chiều êm đềm ấy và còn đâu những đêm tắm dưới ánh trăng vàng, chúng mình ngồi bên nhau tâm sự như một cặp tình nhân nồng thắm. Vĩnh biệt mày, tao vĩnh biệt một bạn tri tâm duy nhất để cuộc đời tao thêm cô quạnh, náo nùng.

Trên đường đi tôi rẽ vào vườn hoa hàng Đậu, đứng nhìn ngôi nhà bác Vũ thị Hiền đạo trước, ngôi nhà có vẻ hoang tàn lạnh lẽo. Tôi có ý định hỏi thăm Nga đã được về chưa? Sau mấy phút ngại ngần, lưỡng lự, tôi đi nhanh đến dốc hàng Than. Sắp bước chân xuống bậc vào chùa, tôi đứng lại nghe tiếng hát ru từ xa vọng lại:

À ơi, Đồng đăng có phố Kỳ lừa,

Có nàng Tô thị, có chùa Tam thanh.

Ai lên xứ lạng cùng anh,

Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em...

Tiếng hát thân quen ấm áp làm sao!

Vào sân chùa, tôi đến góc nhà chùa ngoài, nơi gia đình anh Cương ở, người đi đâu vắng. Một bà tiểu đồng từ chùa trong ra, hỏi:

- Anh hỏi ai?
- Thưa bà, cháu đến thăm bác Cương.
- Bác ấy đang bận dưới bếp, anh đợi một lát.

Bà tiểu đồng này là bà Đậu rất nhân từ, phúc hậu. Sau mười một năm, tôi thấy bà không thay đổi bao nhiêu. Có lẽ do cơ thể tôi quá tàn tạ, già trước tuổi nhiều nên bà không nhận ra tôi nữa. Nói xong, bà tiểu đồng đi nơi khác. Tôi lên qua cửa góc chùa để ra một khu vườn nhỏ. Nhìn lại, phong cảnh cũ, cây ngọc lan vẫn như xưa, hoa vẫn toả hương thơm ngào ngạt, đàn chim xanh nhỏ xíu vẫn ríu rít trên cành. Ngoài song cửa chùa trong, vài cành liễu, lá mượt mà, tha thướt rủ. Bên trong đã vắng người xưa. Thay vào chỗ em ngồi là một bình sứ cổ lớn cắm một cành đào hoa nở rộ. Tiếng hát ru thân quen, ngọt ngào âu yếm vẫn văng vẳng bên tai:

Gió mùa thu mẹ ru con ngủ

Năm ở, canh chày...

Lòng tôi bồi hồi, xao xuyến và thăm kêu lên: “Chim ơi, đừng hát nữa, hãy bay đi; Hoa ơi, hãy ngừng toả hương thơm; gió ơi, hãy đứng im để những làn sóng âm thanh kia xô đập vào trái tim ta nhiều hơn nữa để ta hưởng những hương vị thoang thoảng còn vương lại trong dĩ vãng của ái tình thêm giây phút”. Thật khôi hài, trái tim kẻ khốn nạn vẫn rung lên khúc nhạc tình ca!

- Chú Tâm đây à, về bao giờ?

- Chào anh. Em mới về sáng nay.

Anh Cương gầy và già hơn trước nhiều. Thấy tôi, anh nửa mừng, nửa sợ. Anh gọi nhỏ, âm thanh xào xạc như gió thổi qua một hàng cây. Tôi đang thả tâm hồn bay đến khoảng trời yêu thương, nhớ tiếc, tiếng nói của anh làm tôi giật mình bừng tỉnh.

- Họ cho chú về đâu?

- Về ô chợ dừa ở với chị em.

- Anh mừng cho chú. Cố gắng mà ổn định cuộc sống, tuy khó khăn hơn trước nhiều nhưng thời phải theo thời chứ biết sao?

- Mười một năm xa cách, bao giờ em cũng nhớ và biết ơn anh. Khi em đi, có lẽ để lại cho anh nhiều rắc rối?

- Nay ra đồn, mai lên khu, lên sở suốt mấy năm liền, gần đây họ mới để cho yên. Đúng là quít làm cam chịu tội lây.

- Khôi phố họ có nói gì em không?

- Căng thẳng lắm, lần nào họp, công an chẳng nhắc đến chú là tên phản động nguy hiểm.

- Dù sao tai vạ đến với anh cũng đã qua rồi.

- Qua à? Chú nói dễ dàng thế? Thời đại này người dân có công họ mới mau quên. Đây là chưa kể hồi cải cách, hàng vạn người có công hoá thành tử tội. Còn có tội hoặc liên quan với người có tội thì chẳng bao giờ...
- Vâng anh nói đúng nhưng khi em đã được tha, họ không hành anh như xưa nữa.
- Số tôi còn may đấy. Nếu chú trốn thoát thì tôi phải đi tù thay chú, cũng giống như nhiều bộ đội vào Nam chiến đấu lại chạy sang hàng ngũ đối phương để cả gia đình ở miền Bắc chịu tội thay. Tôi cũng mong được sống bình thường, bình thường chứ không phải bình yên đâu nhé.
- À, Nguyệt lấy chồng rồi phải không anh?
- Đã chín năm rồi, nó lấy con ông cán bộ cấp cao ở đầu phố Yên phụ kia kìa – Tôi thoáng nghĩ chồng Nguyệt có lẽ là anh ruột của Vân. Nhưng trong giây lát, anh Cương nhìn thẳng vào mặt tôi, nở một nụ cười hóm hỉnh, anh tiếp:
- Quái lạ, sao chú lại quan tâm, thăm hỏi đến con bé này?
- Vâng, anh thấy lạ lòng à?
- Có thể xưa kia chú đã – Anh Cương ngập ngừng – Chú nên quên mọi tình vớ vẩn ấy đi. Tôi tưởng tù tội nhiều năm phải rèn chú thành con người thực tế.
- Không, anh ạ! Trong em bao giờ cũng có hai con người, một con người thực tế chịu đựng mọi nỗi đắng cay, khổ nhục, một con người trừu tượng sống lại những ngày thơ mộng trong quá vãng.
- Thì ra, chú vẫn như xưa. Hàng chục năm tù chỉ đầy đoạ chú về thể xác.
- Vâng, bạo lực chỉ làm thể xác em tàn tạ, còn tâm hồn vẫn thế. Nếu có thay đổi chẳng đó là tâm hồn em càng rộng mở?

Chào tạm biệt anh Cương, tôi về đến nhà thì trời đã tối. Gặp tôi, anh Hoàng không hỏi han gì. Anh mỉm cười nhưng nét mặt anh có vẻ dăm chiêu.

Tháng 9 –1976.

KẾT THÚC.

Những đoạn về Bích Hằng, Nam đọc đi, đọc lại. Đầu óc anh quay cuồng và tự hỏi, đây là một giấc mơ, một cơn ác mộng hay là sự thật?

Màn đêm buông xuống đã lâu, chuông đồng hồ điểm mười tiếng, anh cho tập hồi ký vào túi xách, treo trên ghi đông xe đạp. Anh dắt xe ra đường và đạp lên dốc hàng Than.

Từ trong chùa đi ra và lên dốc một người dáng gầy yếu. Qua ánh đèn điện, Nam thấy người đó có nét mặt u buồn, anh hỏi:

- Tôi muốn gặp anh Tâm trong chùa, nếu anh biết làm ơn chỉ giúp?
- Tôi là Tâm, anh gặp có việc gì?
- Thật may mắn, tôi rất hân hạnh được gặp anh – Nam xiết chặt tay Tâm và nói tiếp:
- Xin lỗi, tôi vừa đọc hồi ký của anh và bây giờ xin trả lại – Nam lấy trong túi xách đưa cho Tâm.
- Cảm ơn anh, tôi lo sợ mất tập giấy này có thể gây cho tôi một tai hoạ khủng khiếp mới, nếu – Vừa mừng, vừa cảm động, hai cánh tay Tâm run lên đón nhận lại tài sản đã mất.
- Tôi mới là người phải chịu ơn anh. Anh đã làm sáng tỏ nỗi đau của cuộc đời tôi, và cho tôi thấy một bức tranh đen tối của xã hội.
- Tên anh là Nam?
- Vâng, tôi là người yêu của Bích Hằng, người cùng làm với anh trong tổ hợp tác xưa kia.
- Đây không phải tiếng nói của một nhà văn mà là tiếng kêu tuyệt vọng của một kẻ bị xiềng xích, bị áp bức và bị đoạ đầy. Tập hồi ký lộn xộn, đơn sơ này chỉ vẽ được vài nét thô thiển trong bức tranh rối rắm, phức tạp của toàn xã hội. Vì cả dân tộc là nạn nhân của thời đại. Và mỗi nạn nhân, nhà văn có thể viết thành một thiên tiểu thuyết.
- Tôi nhặt tập hồi ký trên vỉa hè đường Nam bộ, tại sao anh bị thất lạc ở đó?
- Khi tôi viết xong tập hồi ký đến ngày về thì công an đồn, sở đến thăm dò nhà chị tôi liên tục. Sợ có nguy cơ bị khám xét nên ba giờ sáng nay, tôi mang tập giấy viết này ra ga hàng Cỏ, có ý định lên tàu tới Bắc giang thăm và gửi một thân nhân ở đó...
- Chắc là anh định thăm và gửi hồi ký thân phụ anh Khoa – Nam ngắt lời Tâm.
- Vâng, không ngờ đến đầu phố Khâm thiên bị kẻ gian cướp giật. Nó tưởng trong túi có tiền hay của quý, nhưng tập giấy viết này không có giá trị gì với

tên cướp. Có lẽ vì thế nó vất đi, cũng may mà anh nhặt được không thì... Tôi buồn và lo sợ, đến chùa cho khuây khoả, tình cờ lại được gặp anh.

- Trong hồi ký anh viết về với gia đình chị Hoa ở ô chợ dừa nhưng không có số nhà nên tôi mới đến đây – Nam hỏi thêm:
- Số phận của Bích Hằng sau này chắc anh không biết?
- Vâng, tôi chỉ biết năm 1964 chị ấy chắc chắn phải đi cải tạo.
- Nếu anh cho phép – Nam nói – tôi và anh kết nghĩa huynh đệ?
- Rất hân hạnh – Tâm xiết chặt tay Nam thêm lần nữa – Tôi ít tuổi hơn anh nên anh là huynh, tôi là đệ. Tình huynh đệ trong cảnh đắng cay, tủi nhục, cùng bị xã hội cướp mất tình yêu và hạnh phúc.

Nam và Tâm cùng đi đến phố cửa Nam, họ chia tay nhau, Nam rẽ sang đường Nam bộ để về nhà.

Đến trước ga, người chờ tàu đông quá, anh phải xuống xe đi bộ. Nhìn lên trời mây đen dày đặc, anh vội vã dắt xe đi nhanh.

Bất ngờ một bàn tay nắm ghi đông xe của anh và gọi:

- Anh Nam!

Nam giật mình, nhưng người đàn bà gọi anh ngà nhào xuống đường, hôn mê. Ngay lúc đó, một người đàn bà khác vận quần thâm, áo bà ba gụ ôm lấy nạn nhân và gọi:

- Chị Bích Hằng ơi, chị Bích Hằng ơi!

Nam luống cuống hỏi trống không:

- Người này là Bích Hằng à?
- Chị ấy là Phạm Bích Hằng, quê ở Thái bình, đi cải tạo mười hai năm, nay mới được tha.

Sau mấy giây im lặng, chị ta chăm chú nhìn Nam và hỏi:

- Anh tên là Nam?
- Phải rồi.
- Anh cùng quê với chị Bích Hằng?
- Đúng!
- Em được nghe kể lại, xưa kia hai người yêu nhau thắm thiết, rồi xã hội đã giày xéo thô bạo lên tình yêu thơ mộng của anh chị.

- Sao cô biết?
- Em cùng đi cải tạo với chị Bích Hằng và thân với chị ấy mà – Người phụ nữ kia nói tiếp:
- Chị Bích Hằng bị lao đã lâu, yếu lắm, gặp sự việc gì xúc động là bị ngất. Chị ấy nói với em: “Tôi không sống được bao lâu nữa, chỉ có một ước mơ duy nhất, được gặp lại anh ấy một lần rồi chết”...

Mưa bắt đầu đổ xuống như dội nước, kèm theo gió to, sấm chớp, khách chờ tàu chạy dạt vào hè phố, người phụ nữ kia cũng bế chị Bích Hằng chạy tránh mưa.

Nam mê mẩn như cái xác không hồn, vẫn đứng trơ trọi giữa đường phố trong cơn giông tố.

Chuông đồng hồ ga điểm mười hai tiếng.

CHÚ DẪN:

Nhà thờ CM: nhà thờ Cao mại.

Triệu Cao: thừa tướng thời vua nhị thế – nhà Tần

Thương quân: Vệ ường – thời nhà Tần.

Dizma: nhân vật chính trong phim một tấn tuồng của Balan

Đông quách tiên sinh: nhà Tề.

“Trong rừng hết thú quý thì chó săn và cung tên cũng bỏ đi”: Việt vương câu tiễn.

“Quít Giang nam đem trồng Giang bắc hoá chua...”: án Anh, sứ nước Tề đi sứ nước Sở.

Natacia, michkin, Rô bô đin: những nhân vật trong truyện thăng Ngốc của Dostoievki.

“Cuộc hội đàm dùng đại bác với thần công”. Thơ đoạn tuyệt của tác giả vô danh.

Tiếng lóng lưo manh:

Số giam chẵn: phạm pháp hình sự – họ lưo

Số giam lẻ: phản cách mạng – Bun ùm

Thâm: ba

Thậm: mười

Chậm gù: mười lăm (cân)

Rệp tẻ: cơm tẻ.

Mều: thịt

Khoắm: khoai

Sứa: sắn.

Đánh bột: lấy trộm

ép rệp: nhịn cơm.

